

Số: 7299/BGDĐT-GDTrH

V/v: Phân phối chương trình THCS,  
THPT năm học 2008 - 2009

Hà Nội, ngày 12 tháng 8 năm 2008

**Kính gửi: Các Sở Giáo dục và Đào tạo**

Để thực hiện nhiệm vụ giáo dục trung học năm học 2008 - 2009, Bộ GDĐT hướng dẫn việc thực hiện Khung phân phối chương trình các môn học và hoạt động giáo dục của cấp trung học cơ sở (THCS) và cấp trung học phổ thông (THPT) như sau:

**A. VỀ KHUNG PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH CỦA BỘ GDĐT****I. Về đổi mới cách phân phối chương trình****1. Mục đích, yêu cầu**

## a) Mục đích:

Tăng cường phân cấp quản lý thực hiện Chương trình giáo dục THCS và THPT, tăng tính chủ động cho các địa phương trong việc tổ chức dạy học cho phù hợp với các loại hình trường học (công lập, ngoài công lập), trình độ học sinh và đặc điểm địa lý, kinh tế - xã hội của các vùng miền.

## b) Yêu cầu:

Bảo đảm sự thống nhất cần thiết trong việc tổ chức thực hiện mục tiêu giáo dục của các cấp học, kế hoạch thời gian năm học, thực hiện chuẩn kiến thức, kỹ năng của Chương trình cấp học và đổi mới phương pháp dạy học, đổi mới kiểm tra đánh giá kết quả rèn luyện, học tập của học sinh.

**2. Nội dung của Khung phân phối chương trình**

Khung phân phối chương trình (KPPCT) mỗi cấp học do Bộ GDĐT ban hành gồm 2 phần: (A) Hướng dẫn sử dụng PPCT; (B) Khung PPCT.

Từ năm học 2007-2008 vừa qua, Bộ GDĐT chỉ ban hành KPPCT (có kèm theo PPCT để tham khảo), quy định thời lượng cho từng phần Chương trình (chương, bài học, môđun, chủ đề, ...), trong đó quy định thời lượng luyện tập, bài tập, ôn tập, thí nghiệm, thực hành và kiểm tra định kỳ tương ứng.

Thời lượng quy định tại KPPCT áp dụng cho những trường chỉ học 1 buổi/ngày, thời lượng dành cho kiểm tra là không thay đổi, thời lượng dành cho các hoạt động khác là quy định tối thiểu. Tiến độ thực hiện Chương trình đến thời điểm kết thúc học kỳ I và kết thúc năm học là quy định thống nhất cho tất cả các trường THCS, THPT trong cả nước.

**II. Những điểm cần chú ý về KPPCT cấp THCS****1. Thời lượng dạy học tự chọn**

Thời lượng dạy học tự chọn ở tất cả các lớp của cấp THCS là 2 tiết/tuần, tổ chức dạy học chung cho cả lớp (các trường tự chủ về kinh phí có thể chia lớp thành nhóm nhỏ hơn nhưng vẫn phải bảo đảm thời lượng dạy học).

**2. Sử dụng thời lượng dạy học tự chọn**

Sử dụng thời lượng dạy học tự chọn THCS theo 1 trong 2 cách sau đây:

a) Chọn 1 trong 3 môn học, hoạt động giáo dục: Tin học, Ngoại ngữ 2, Nghề phổ thông với thời lượng 2 tiết/tuần (trong đó Ngoại ngữ 2 có thể bố trí vào 2 tiết dạy học tự chọn này hoặc bố trí ngoài thời lượng dạy học 6 buổi/tuần).

b) Dạy học các chủ đề nâng cao (CĐNC), chủ đề bám sát (CĐBS):

- CĐNC: Các Sở GDĐT tổ chức biên soạn, thẩm định tài liệu CĐNC, dùng cho cấp THCS (tài liệu CĐNC sử dụng cho cả giáo viên và học sinh) và quy định cụ thể PPCT dạy học các CĐNC cho phù hợp với mạch kiến thức của môn học đó. Các Phòng GDĐT đôn đốc, kiểm tra việc dạy học các CĐNC.

- CĐBS: *Dạy học tự chọn bám sát là để ôn tập, hệ thống hóa, khắc sâu kiến thức, kỹ năng, không bổ sung kiến thức nâng cao mới cho học sinh.* Hiệu trưởng các trường THCS chủ động lập Kế hoạch dạy học các CĐBS theo hướng dẫn của các Phòng GDĐT (chọn môn học; ấn định số tiết/tuần cho từng môn, tên bài dạy) cho từng lớp, kế hoạch này ổn định trong từng học kỳ, trên cơ sở đề nghị của các tổ trưởng chuyên môn và giáo viên chủ nhiệm lớp. Giáo viên chuẩn bị kế hoạch bài dạy CĐBS với sự hỗ trợ của tổ chuyên môn. Các trường THCS cần ưu tiên dành thời lượng dạy học tự chọn 2 tiết/tuần của các lớp ở cấp THCS để ôn tập, hệ thống hóa, khắc sâu kiến thức, kỹ năng của một số môn học.

### **III. Những điểm cần chú ý về KPPCT cấp THPT**

#### **1. Các môn học tự chọn của cấp THPT**

a) Môn học tự chọn nâng cao của ban Cơ bản:

Có 2 cách tổ chức dạy học môn học tự chọn nâng cao của ban Cơ bản: Dạy học theo sách giáo khoa nâng cao hoặc dạy học theo sách giáo khoa chuẩn kết hợp với dạy học CĐNC của môn học đó.

b) Môn học tự chọn Ngoại ngữ 2.

#### **2. Các chủ đề tự chọn của cấp THPT**

a) Dạy học CĐNC:

CĐNC chỉ có ở 8 môn phân hóa và chỉ dùng cho ban Cơ bản. Thời lượng dạy học CĐNC của 8 môn học phân hoá là thời lượng chênh lệch giữa thời lượng dành cho chương trình chuẩn và chương trình nâng cao môn học đó trong Kế hoạch giáo dục THPT. Các Sở GDĐT quy định PPCT dạy học các CĐNC cho phù hợp với mạch kiến thức của SGK môn học đó. Bộ GDĐT ban hành tài liệu các CĐNC lớp 10, 11 và lớp 12 sử dụng cho giáo viên và học sinh.

b) Dạy học CĐBS:

- *Dạy học tự chọn bám sát là để ôn tập, hệ thống hóa, khắc sâu kiến thức, kỹ năng, không bổ sung kiến thức nâng cao mới cho học sinh.* Hiệu trưởng các trường THPT lập Kế hoạch dạy học CĐBS (chọn môn học; ấn định số tiết/tuần cho từng môn, tên bài dạy) cho từng lớp, ổn định trong từng học kỳ trên cơ sở đề nghị của các tổ trưởng chuyên môn và giáo viên chủ nhiệm lớp.

- Bộ GDĐT ban hành tài liệu CĐBS lớp 10, dùng cho giáo viên để tham khảo, không ban hành tài liệu CĐBS lớp 11, 12. Giáo viên chuẩn bị kế hoạch bài dạy CĐBS với sự hỗ trợ của tổ chuyên môn.

### **B. VỀ BIÊN SOẠN VÀ THỰC HIỆN PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH**

#### **I. Trách nhiệm của các Sở GDĐT và các Phòng GDĐT**

1. Ban hành PPCT cụ thể cho các môn học và hoạt động giáo dục:

Căn cứ KPPCT, các Sở GDĐT cụ thể hoá thành PPCT chi tiết, bao gồm cả CĐNC (nếu có) cho phù hợp, áp dụng chung cho các trường THCS, THPT thuộc thẩm quyền quản lý. Nếu xét thấy cần thiết, các trường THCS có thể đề nghị để Phòng GDĐT xem xét trình Sở GDĐT, các trường THPT có thể trình Sở GDĐT phê chuẩn việc điều chỉnh PPCT cho phù hợp với đặc điểm cụ thể của trường (*lãnh đạo Sở GDĐT phê duyệt, ký tên, đóng dấu*).

**Lưu ý:** Các trường THCS, THPT có điều kiện bố trí giáo viên, bố trí kinh phí chi trả giờ dạy vượt định mức cho giáo viên và có thể dạy học nhiều hơn 6 buổi/tuần (*nhất là các trường ngoài công lập, trường THPT chuyên, trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú,...*), có thể đề nghị tăng thời lượng dạy học nhưng không vượt quá thời lượng học 2 buổi/ngày, trên cơ sở bảo đảm tiến độ thực hiện chương trình mỗi học kỳ và cả năm học.

## 2. Hướng dẫn thực hiện và kiểm tra, thanh tra tình hình thực hiện ở các trường học:

Các Sở GDĐT hướng dẫn thực hiện và kiểm tra, thanh tra tình hình thực hiện PPCT ở các Phòng GDĐT, các trường THCS, THPT. Các Phòng GDĐT hướng dẫn và kiểm tra, thanh tra tình hình thực hiện PPCT ở các trường THCS.

## II. Trách nhiệm của các trường THCS, THPT

### 1. Trách nhiệm của các trường THCS:

Nếu xét thấy cần thiết, Hiệu trưởng các trường THCS có thể đề xuất việc cụ thể hoá PPCT cho phù hợp trình Phòng GDĐT xem xét đề nghị Sở GDĐT phê chuẩn và tổ chức thực hiện.

### 2. Trách nhiệm của các trường THPT:

Hiệu trưởng các trường THPT căn cứ điều kiện thực tế, nếu xét thấy cần thiết, có thể đề xuất về cụ thể hoá PPCT cho phù hợp để đề nghị Sở GDĐT phê chuẩn và tổ chức thực hiện PPCT đã được phê chuẩn.

*Kèm theo công văn này có KPPCT các môn học và hoạt động giáo dục (trừ HĐGDHN giao cho các Sở GDĐT hướng dẫn). Các Sở GDĐT xây dựng PPCT chi tiết áp dụng cho cấp THCS, THPT; KPPCT cũng đã được gửi qua e-mail của các Sở GDĐT, đồng thời đưa lên Website của Bộ GDĐT (<http://www.moet.gov.vn>). Các Sở GDĐT cần in kèm PPCT chi tiết vào KPPCT để cung cấp cho các cơ quan quản lý giáo dục, các trường THCS, THPT và giáo viên sử dụng.*

Nhận được công văn này, yêu cầu các Sở GDĐT triển khai thực hiện. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, cần báo cáo kịp thời với Bộ GDĐT (*qua Vụ GDTrH*) để giải quyết.

### **Nơi nhận :**

- Như trên;
- TT Nguyễn Vinh Hiền (để b/cáo);
- Viện KHGD Việt Nam;
- Thanh tra Bộ;
- Website Bộ GDĐT;
- Lưu: VT, Vụ GDTrH.

**TL. BỘ TRƯỞNG  
VỤ TRƯỞNG VỤ GIÁO DỤC TRUNG HỌC**

*(Đã ký)*

**Lê Quán Tàn**

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Tài liệu

**PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH THCS**

MÔN **ÂM NHẠC**

*(Dùng cho các cơ quan quản lý giáo dục và giáo viên,  
áp dụng từ năm học 2008-2009)*

# A. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG KHUNG PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH THCS

## I. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

Khung Phân phối chương trình (KPPCT) này áp dụng cho cấp THCS từ năm học 2008-2009, gồm 2 phần: (A) Hướng dẫn sử dụng PPCT; (B) Khung PPCT.

### 1. Về Khung phân phối chương trình

KPPCT quy định thời lượng dạy học cho từng phần của chương trình (chương, phần, bài học, môđun, chủ đề,...), trong đó có thời lượng dành cho luyện tập, bài tập, ôn tập, thí nghiệm, thực hành và thời lượng tiến hành kiểm tra định kì tương ứng với các phần đó.

Thời lượng quy định tại KPPCT áp dụng trong trường hợp học 1 buổi/ngày, thời lượng dành cho kiểm tra là không thay đổi, thời lượng dành cho các hoạt động khác là quy định tối thiểu. Tiến độ thực hiện chương trình khi kết thúc học kì I và kết thúc năm học được quy định thống nhất cho tất cả các trường THCS trong cả nước.

Căn cứ KPPCT này, các Sở GDĐT cụ thể hoá thành PPCT chi tiết cho từng bài của môn học và hoạt động giáo dục, bao gồm cả dạy học tự chọn cho phù hợp với địa phương, áp dụng chung cho các trường THCS thuộc quyền quản lí. Các trường THCS có điều kiện bố trí giáo viên và kinh phí chi trả giờ dạy vượt định mức quy định (trong đó có các trường học nhiều hơn 6 buổi/tuần), có thể chủ động đề nghị Phòng GDĐT xem xét trình Sở GDĐT phê chuẩn điều chỉnh PPCT tăng thời lượng dạy học cho phù hợp (*lãnh đạo Sở GDĐT phê duyệt, kí tên, đóng dấu*).

### 2. Về Phân phối chương trình dạy học tự chọn

#### a) Thời lượng và cách tổ chức dạy học tự chọn

Thời lượng dạy học tự chọn của các lớp trong Kế hoạch giáo dục là 2 tiết/tuần, dạy học chung cho cả lớp, các trường tự chủ về kinh phí có thể chia lớp thành nhóm nhỏ nhưng vẫn phải bố trí đủ thời lượng học tập.

*Sử dụng thời lượng dạy học tự chọn THCS theo 1 trong 2 cách sau:*

*Cách 1:* Chọn 1 trong 3 môn học, hoạt động giáo dục: Tin học, Ngoại ngữ 2, Nghệ phổ thông (trong đó Ngoại ngữ 2 có thể bố trí vào 2 tiết dạy học tự chọn này hoặc bố trí ngoài thời lượng dạy học 6 buổi/tuần).

*Cách 2:* Dạy học các chủ đề tự chọn nâng cao, bám sát (CĐNC, CĐBS).

– Dạy học CĐNC là để khai thác sâu hơn chuẩn kiến thức, kĩ năng của chương trình, bổ sung kiến thức, bồi dưỡng năng lực tư duy nhưng phải phù hợp với trình độ tiếp thu của học sinh.

Các Sở GDĐT tổ chức biên soạn, thẩm định tài liệu CĐNC dùng cho cấp THCS theo hướng dẫn của Bộ GDĐT (tài liệu CĐNC sử dụng cho cả giáo viên và học sinh) và quy định cụ thể PPCT dạy học các CĐNC cho phù hợp với mạch kiến thức của môn học đó. Các Phòng GDĐT đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện PPCT dạy học các CĐNC.

– Dạy học các CĐBS là để *ôn tập, hệ thống hóa, khắc sâu kiến thức, kĩ năng*, không bổ sung kiến thức nâng cao mới. Trong điều kiện chưa ban hành được tài liệu CĐNC, cần dành thời lượng dạy học tự chọn để ôn tập, hệ thống hóa, khắc sâu kiến thức, kĩ năng cho học sinh.

Hiệu trưởng các trường THCS chủ động lập Kế hoạch dạy học các CĐBS (chọn môn học, ấn định số tiết/tuần cho từng môn, tên bài dạy) cho từng lớp, ổn định trong từng học

kì trên cơ sở đề nghị của các tổ trưởng chuyên môn và giáo viên chủ nhiệm lớp. Giáo viên chuẩn bị kế hoạch bài dạy (giáo án) CĐBS với sự hỗ trợ của tổ chuyên môn.

#### **b) Kiểm tra, đánh giá kết quả dạy học tự chọn**

Việc kiểm tra, đánh giá kết quả học tập CĐTC của môn học thực hiện theo quy định tại *Quy chế đánh giá, xếp loại học sinh Trung học cơ sở và học sinh Trung học phổ thông*.

**Lưu ý:** Các bài dạy CĐTCNC, CĐBS bố trí trong các chương như các bài khác, có thể có điểm kiểm tra dưới 1 tiết riêng nhưng không có điểm kiểm tra 1 tiết riêng, điểm CĐTC môn học nào tính cho môn học đó.

### **3. Thực hiện các hoạt động giáo dục**

#### a) Phân công giáo viên thực hiện các Hoạt động giáo dục:

Trong KHGD quy định tại CTGDPT do Bộ GDĐT ban hành, các *hoạt động giáo dục* đã được quy định thời lượng với số tiết học cụ thể như các môn học. Đối với giáo viên được phân công thực hiện Hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp (HĐGDNGLL), Hoạt động giáo dục hướng nghiệp (HĐGDHN) được tính giờ dạy như các môn học; việc tham gia điều hành *HĐGD tập thể* (chào cờ đầu tuần và sinh hoạt lớp cuối tuần) là thuộc nhiệm vụ quản lý của Ban Giám hiệu và giáo viên chủ nhiệm lớp, không tính như giờ lên lớp.

#### b) Tích hợp giữa HĐGDNGLL, HĐGDHN, môn Công nghệ:

- HĐGDNGLL: Thực hiện đủ các chủ đề quy định cho mỗi tháng, với thời lượng 2 tiết/tháng và tích hợp nội dung HĐGDNGLL sang môn GDCD các lớp 6, 7, 8, 9 ở các chủ đề về đạo đức và pháp luật. Đưa nội dung về Công ước Quyền trẻ em của Liên Hợp quốc vào HĐGDNGLL ở lớp 9 và tổ chức các hoạt động hưởng ứng phong trào "*Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực*" do Bộ GDĐT phát động.

#### - HĐGDHN (lớp 9):

Điều chỉnh thời lượng HĐGDHN thành 9 tiết/năm học sau khi đưa một số nội dung GDHN tích hợp sang HĐGDNGLL ở 2 chủ điểm sau đây:

- + "*Truyền thống nhà trường*", chủ điểm tháng 9;
- + "*Tiến bước lên Đoàn*", chủ điểm tháng 3.

Nội dung tích hợp do Sở GDĐT (hoặc uỷ quyền cho các Phòng GDĐT) hướng dẫn trường THCS thực hiện cho sát thực tiễn địa phương. Về phương pháp tổ chức thực hiện HĐGDHN, có thể riêng theo lớp hoặc theo khối lớp; có thể giao cho giáo viên hoặc mời các chuyên gia, nhà quản lý kinh tế, quản lý doanh nghiệp giảng dạy.

### **4. Đổi mới phương pháp dạy học và đổi mới kiểm tra, đánh giá**

#### a) Chỉ đạo đổi mới phương pháp dạy học (PPDH):

- Những yêu cầu quan trọng trong đổi mới PPDH là:

+ Phát huy tính tích cực, hứng thú trong học tập của học sinh và vai trò chủ đạo của giáo viên;

+ Thiết kế bài giảng khoa học, sắp xếp hợp lý hoạt động của giáo viên và học sinh, thiết kế hệ thống câu hỏi hợp lý, tập trung vào trọng tâm, tránh nặng nề quá tải (nhất là đối với bài dài, bài khó, nhiều kiến thức mới); bồi dưỡng năng lực độc lập suy nghĩ, vận dụng sáng tạo kiến thức đã học, tránh thiên về ghi nhớ máy móc không nắm vững bản chất;

+ Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học, khuyến khích sử dụng công nghệ thông tin, sử dụng các phương tiện nghe nhìn, thực hiện đầy đủ thí nghiệm, thực hành, liên hệ thực tế trong giảng dạy phù hợp với nội dung từng bài học;

+ Giáo viên sử dụng ngôn ngữ chuẩn xác, trong sáng, sinh động, dễ hiểu, tác phong thân thiện, khuyến khích, động viên học sinh học tập, tổ chức hợp lý cho học sinh làm việc cá nhân và theo nhóm;

+ Dạy học sát đối tượng, coi trọng bồi dưỡng học sinh khá giỏi và giúp đỡ học sinh học lực yếu kém.

- Đối với các môn học đòi hỏi năng khiếu như: Mỹ thuật, Âm nhạc, Thể dục cần coi trọng truyền thụ kiến thức, hình thành kỹ năng, bồi dưỡng hứng thú học tập, không quá thiên về đánh giá thành tích theo yêu cầu đào tạo chuyên ngành họa sỹ, nhạc sỹ, vận động viên.

- Tăng cường chỉ đạo đổi mới PPDH thông qua công tác bồi dưỡng giáo viên và dự giờ thăm lớp của giáo viên, tổ chức rút kinh nghiệm giảng dạy ở các tổ chuyên môn, hội thảo cấp trường, cụm trường, địa phương, hội thi giáo viên giỏi các cấp.

b) Đổi mới kiểm tra, đánh giá (KTĐG):

- Những yêu cầu quan trọng trong đổi mới KTĐG là:

+ Giáo viên đánh giá sát đúng trình độ học sinh với thái độ khách quan, công minh và hướng dẫn học sinh biết tự đánh giá năng lực của mình;

+ Trong quá trình dạy học, cần kết hợp một cách hợp lý hình thức tự luận với hình thức trắc nghiệm khách quan trong KTĐG kết quả học tập của học sinh, chuẩn bị tốt cho việc đổi mới các kỳ thi theo chủ trương của Bộ GDĐT; *riêng kiểm tra học kỳ (học kỳ I và học kỳ II) tạm thời chưa áp dụng hình thức trắc nghiệm khách quan, vẫn áp dụng hình thức tự luận.*

+ Thực hiện đúng quy định của Quy chế Đánh giá, xếp loại học sinh THCS, học sinh THPT do Bộ GDĐT ban hành, tiến hành đủ số lần kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ, kiểm tra học kỳ cả lý thuyết và thực hành.

- Đổi mới đánh giá các môn Mỹ thuật, Âm nhạc (THCS), Thể dục (THCS, THPT): Thực hiện đánh giá bằng điểm hoặc đánh giá bằng nhận xét kết quả học tập theo quy định tại Quy chế Đánh giá, xếp loại học sinh THCS, học sinh THPT sửa đổi.

c) Đối với một số môn khoa học xã hội và nhân văn như: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí, Giáo dục công dân, cần coi trọng đổi mới PPDH, đổi mới KTĐG theo hướng hạn chế chỉ ghi nhớ máy móc, không nắm vững kiến thức, kỹ năng môn học. Trong quá trình dạy học, cần đổi mới KTĐG bằng cách nêu vấn đề mở, đòi hỏi học sinh phải vận dụng tổng hợp kiến thức, kỹ năng và biểu đạt chính kiến của bản thân.

d) Từ năm học 2008-2009, tập trung chỉ đạo đánh giá sâu hiệu quả dạy học của môn Giáo dục công dân để tiếp tục đổi mới PPDH, KTĐG nhằm nâng cao chất lượng môn học này (*có hướng dẫn riêng*).

**5. Thực hiện các nội dung giáo dục địa phương (đã hướng dẫn tại công văn số 5977/BGDĐT-GDTrH ngày 07/7/2008)**

## **II. NHỮNG VẤN ĐỀ CỤ THỂ CỦA MÔN ÂM NHẠC**

### **1. Thực hiện Kế hoạch dạy học**

- Theo Quyết định số 38/2008/QĐ-BGDĐT ngày 16/7/2008 của Bộ trưởng Bộ GDĐT về việc ban hành Kế hoạch thời gian năm học 2008-2009, cấp Trung học cơ sở mỗi năm học có 37 tuần thực học (trước đây là 35 tuần).

- Môn Âm nhạc cả năm học vẫn là 35 tiết (riêng ở lớp 9 học trong 1 học kỳ là 18 tiết). Thời gian 2 tuần còn lại (đối với lớp 6, 7, 8) và 1 tuần (đối với lớp 9) không bố trí tiết dạy.

- Căn cứ điều kiện thực tế về đội ngũ giáo viên, thiết bị dạy học, khả năng tiếp thu của học sinh, nhà trường cần tổ chức dạy học cho phù hợp, trên cơ sở bám sát chuẩn kiến thức, kỹ năng và yêu cầu về thái độ đối với học sinh.

- Ở lớp 9, theo chương trình quy định, môn Âm nhạc chỉ học 1 học kì. Việc dạy và kết thúc môn học trong học kì I hoặc học kì II là do các Sở GDĐT quyết định (phải phù hợp với điều kiện thực tế của từng trường). Do ở lớp 9 chỉ học 1 học kì nên kết quả đánh giá, xếp loại học kì của môn học cũng chính là kết quả, đánh giá xếp loại của cả năm học.

## **2. Đổi mới phương pháp dạy học và đổi mới kiểm tra, đánh giá**

### *a) Đổi mới phương pháp dạy học:*

- Chương trình Giáo dục phổ thông quy định: “*Âm nhạc là một môn văn hóa bắt buộc. Tất cả học sinh đều được học để có một trình độ văn hóa âm nhạc phổ thông trong nền học vấn chung ở Tiểu học và Trung học cơ sở*”.

Dạy âm nhạc ở phổ thông là dạy cho tất cả học sinh, chưa đặt ra mục tiêu đào tạo chuyên nghiệp cho những người làm nghề âm nhạc, ca sĩ, nhạc sĩ... Cùng với một số môn học khác, môn Âm nhạc góp phần hình thành những cơ sở ban đầu cho sự phát triển đúng đắn, lâu dài về mặt thẩm mỹ, truyền đạt một số kiến thức cơ bản, cần thiết, mang tính phổ thông nhằm thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện, đồng thời phát hiện những học sinh có năng khiếu, tạo điều kiện cho các em tiếp tục phát triển năng khiếu âm nhạc.

- Giáo viên cần kết hợp một cách sáng tạo, nhuần nhuyễn các phương pháp dạy học khác nhau cùng với việc sử dụng thiết bị dạy học, đảm bảo vừa đạt mục tiêu dạy học vừa phù hợp với đối tượng và điều kiện của từng trường.

Tăng cường thực hành âm nhạc theo hình thức tổ, nhóm, cá nhân, chú trọng về yêu cầu bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng, hình thành năng lực cảm thụ âm nhạc, *giáo dục tình cảm hứng thú, thái độ tích cực, tinh thần chủ động, sáng tạo, ý thức cố gắng vươn lên trong học tập* cho học sinh.

- Ngoài học tập trên lớp, giáo viên cần tổ chức cho học sinh học tập, thực hành ở ngoài trường, tham quan, tìm hiểu các công trình văn hóa, sưu tầm vốn âm nhạc dân gian ở địa phương, tổ chức cho học sinh đi xem hoặc mời các nghệ sĩ đến trường nói chuyện, biểu diễn... Khuyến khích học sinh tự tin, tự giác tham gia các hoạt động văn hóa, văn nghệ ở trong và ngoài nhà trường.

### *b) Đổi mới kiểm tra, đánh giá:*

- Trong một học kì kiểm tra 4 lần bao gồm: kiểm tra miệng, kiểm tra 15 phút, kiểm tra 1 tiết và kiểm tra học kì.

Kiểm tra kết quả học tập của học sinh chủ yếu dựa trên cơ sở thực hành âm nhạc (hát, đọc nhạc, nghe nhạc...), hạn chế chỉ viết bài trả lời câu hỏi. Không kiểm tra lý thuyết chỉ với yêu cầu học thuộc, có thể kiểm tra bằng hình thức tự luận kết hợp với trắc nghiệm, kiểm tra theo đề chung cả lớp hoặc riêng cho từng tổ, nhóm hoặc cá nhân. Trong việc đánh giá kết quả học tập, phải đánh giá hiệu quả của việc *giáo dục tình cảm hứng thú, thái độ tích cực, tinh thần chủ động, sáng tạo, ý thức cố gắng vươn lên trong học tập* của học sinh.

Cần lưu ý rằng, điểm cao không chỉ dành cho những học sinh có giọng hát hay và hát đúng mà cả đối với những em chưa có giọng hát hay nhưng hát hoặc đọc nhạc chuẩn xác. Đối với những em chưa có khả năng (có giọng hát kém, đọc nhạc kém...) nhưng tiếp thu lý thuyết tốt, chép nhạc sạch sẽ và nắm vững kiến thức, kỹ năng, hứng thú, tự giác, tích cực học tập thì vẫn đánh giá nhận xét hoặc cho điểm trung bình hoặc trên trung bình.

Giáo viên cần căn cứ vào *Tài liệu Hướng dẫn chuẩn kiến thức kỹ năng môn Âm nhạc ở THCS*, căn cứ vào mục tiêu, định hướng đổi mới dạy học của bộ môn để đưa ra những tiêu chí, nội dung kiểm tra và đánh giá cho phù hợp.



- Căn cứ Quy chế đánh giá, xếp loại học sinh trung học cơ sở và trung học phổ thông, Giám đốc Sở GDĐT lựa chọn áp dụng 1 trong 2 hình thức đánh giá: *đánh giá bằng cho điểm* hoặc *đánh giá bằng nhận xét kết quả học tập* của học sinh, mỗi Phòng GDĐT áp dụng thống nhất 1 trong 2 hình thức đánh giá. Việc lựa chọn hình thức đánh giá phải phù hợp với điều kiện tổ chức dạy học của từng địa phương.

c) *Tiêu chí xếp loại của một bài kiểm tra theo hình thức nhận xét kết quả học tập của học sinh:*

- Bài kiểm tra của học sinh được đánh giá bằng nhận xét và xếp thành 5 loại:

+ Loại giỏi (G): Thực hiện tốt yêu cầu của bài kiểm tra, đạt chuẩn kiến thức, kỹ năng, tích cực hứng thú tham gia học tập.

+ Loại khá (K): Thực hiện khá tốt yêu cầu của bài kiểm tra, đạt chuẩn kiến thức, kỹ năng, tích cực hứng thú tham gia học tập.

+ Loại trung bình (Tb): Đạt yêu cầu của bài kiểm tra nhưng còn có sai sót về kiến thức hoặc kỹ năng, cố gắng nhưng chưa tích cực.

+ Loại yếu (Y): Chưa đạt yêu cầu của bài kiểm tra, còn có sai sót về kiến thức và kỹ năng, chưa tích cực học tập.

+ Loại kém (kém): Không đạt yêu cầu của bài kiểm tra, không đạt chuẩn kiến thức, kỹ năng, không tự giác, thiếu cố gắng trong học tập.

- Nếu đánh giá bằng nhận xét thì không cho điểm các bài kiểm tra, không tính điểm trung bình môn học và không tham gia tính điểm trung bình các môn học nhưng vẫn tham gia xếp loại học lực mỗi học kỳ và cả năm học.

- Học lực của HS (ở cả 2 hình thức: cho điểm và nhận xét kết quả học tập) được xếp thành 5 loại: loại giỏi (G), loại khá (K), Loại trung bình (Tb), loại yếu (Y) và loại kém (kém).

d) *Tiêu chí xếp loại học lực:*

- Việc xếp loại học lực của HS ở hình thức cho điểm căn cứ theo Quy chế Đánh giá, xếp loại học sinh THCS, THPT.

- Việc xếp loại học lực của HS ở hình thức đánh giá bằng nhận xét kết quả học tập do giáo viên bộ môn căn cứ vào kết quả các bài kiểm tra, trong đó có mức độ thể hiện của *tinh cảm hứng thú, thái độ tích cực, tinh thần chủ động, sáng tạo, ý thức cố gắng vươn lên trong học tập* của học sinh để xếp loại học lực mỗi học kỳ và cả năm học.

## **B. KHUNG PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH**

(Phân các tiết học để tham khảo)

### **LỚP 6**

**Học kỳ I: 19 tuần = 18 tiết**

**Học kỳ II: 18 tuần = 17 tiết**

**Cả năm: 37 tuần = 35 tiết**

### **HỌC KÌ I**

#### **Tiết 1:**

- Giới thiệu môn học Âm nhạc ở trường Trung học cơ sở
- Tập hát *Quốc ca*

#### **Tiết 2:**

- Học hát: Bài *Tiếng chuông và ngọn cờ*
- Bài đọc thêm: Âm nhạc ở quanh ta

**Tiết 3:**

- Ôn tập bài hát: *Tiếng chuông và ngọn cờ*
- Nhạc lí: + Những thuộc tính của âm thanh  
+ Các kí hiệu âm nhạc

**Tiết 4:**

- Nhạc lí: Các kí hiệu ghi trường độ của âm thanh
- Tập đọc nhạc: TĐN số 1

**Tiết 5:** Học hát: Bài *Vui bước trên đường xa***Tiết 6:**

- Ôn tập bài hát: *Vui bước trên đường xa*
- Nhạc lí: Nhịp và phách - Nhịp 2/4
- Tập đọc nhạc: TĐN số 2

**Tiết 7:**

- Tập đọc nhạc: TĐN số 3
- Cách đánh nhịp 2/4
- Âm nhạc thường thức: Nhạc sĩ Văn Cao và bài hát *Làng tôi*

**Tiết 8:** Ôn tập**Tiết 9:** Kiểm tra 1 tiết**Tiết 10:** Học hát: Bài *Hành khúc tới trường***Tiết 11:**

- Tập đọc nhạc: TĐN số 4
- Âm nhạc thường thức: Nhạc sĩ Lưu Hữu Phước và bài hát *Lên đàng*

**Tiết 12:**

- Ôn tập bài hát: *Hành khúc tới trường*
- Ôn tập Tập đọc nhạc: TĐN số 4
- Âm nhạc thường thức: Sơ lược về dân ca Việt Nam

**Tiết 13:** Học hát: Bài *Đi cấy***Tiết 14:**

- Ôn tập bài hát: *Đi cấy*
- Tập đọc nhạc: TĐN số 5

**Tiết 15:**

- Ôn tập bài hát: *Đi cấy*
- Ôn tập Tập đọc nhạc: TĐN số 5
- Âm nhạc thường thức: Sơ lược về một số nhạc cụ dân tộc phổ biến

**Tiết 16-17:** Ôn tập**Tiết 18:** Kiểm tra Học kì I

## HỌC KÌ II

**Tiết 19:** Học hát: Bài *Niềm vui của em***Tiết 20:**

- Ôn tập bài hát: *Niềm vui của em*
- Tập đọc nhạc: TĐN số 6

**Tiết 21:**

- Nhạc lí: Nhịp 3/4 - Cách đánh nhịp 3/4
- Âm nhạc thường thức: Nhạc sĩ Phong Nhã và bài hát *Ai yêu Bác Hồ Chí Minh hơn thiếu niên nhi đồng*

**Tiết 22:** Học hát: Bài *Ngày đầu tiên đi học***Tiết 23:**

- Ôn tập bài hát: *Ngày đầu tiên đi học*
- Tập đọc nhạc: TĐN số 7

**Tiết 24:**

- Ôn tập bài hát: *Ngày đầu tiên đi học*
- Ôn tập Tập đọc nhạc: TĐN số 7
- Âm nhạc thường thức: Giới thiệu nhạc sĩ Mô-da

**Tiết 25:** Ôn tập

**Tiết 26:** Kiểm tra 1 tiết

**Tiết 27:**

- Học hát: Bài *Tia nắng, hạt mưa*
- Âm nhạc thường thức: Sơ lược về nhạc hát và nhạc đàn

**Tiết 28:**

- Ôn tập bài hát: *Tia nắng, hạt mưa*
- Tập đọc nhạc: TĐN số 8
- Nhạc lí: Những kí hiệu thường gặp trong bản nhạc

**Tiết 29:**

- Tập đọc nhạc: TĐN số 9
- Âm nhạc thường thức: Nhạc sĩ Văn Chung và bài hát *Lượn tròn, lượn khéo*

**Tiết 30:**

- Học hát: Bài *Hô-la-hê, Hô-la-hô*
- Bài đọc thêm: Trông đồng thời đại Hùng Vương

**Tiết 31:**

- Ôn tập bài hát: *Hô-la-hê, Hô-la-hô*
- Tập đọc nhạc: TĐN số 10

**Tiết 32:**

- Ôn tập bài hát: *Hô-la-hê, Hô-la-hô*
- Ôn tập Tập đọc nhạc: TĐN số 10
- Âm nhạc thường thức: Nhạc sĩ Nguyễn Xuân Khoát và bài hát *Lúa thu*

**Tiết 33-34:** Ôn tập

**Tiết 35:** Kiểm tra học kì II

## LỚP 7

**Học kì I: 19 tuần = 18 tiết**

**Học kì II: 18 tuần = 17 tiết**

**Cả năm: 37 tuần = 35 tiết**

## HỌC KÌ I

**Tiết 1:**

- Học hát: Bài *Mái trường mến yêu*
- Bài đọc thêm: Nhạc sĩ Bùi Đình Thảo và bài hát *Đi học*

**Tiết 2:**

- Ôn tập bài hát: *Mái trường mến yêu*
- Tập đọc nhạc: TĐN số 1
- Bài đọc thêm: Cây đàn bầu

**Tiết 3:**

- Ôn tập bài hát: *Mái trường mến yêu*
- Ôn tập Tập đọc nhạc: TĐN số 1
- Âm nhạc thường thức: Nhạc sĩ Hoàng Việt và bài hát *Nhạc rừng*

**Tiết 4:**

- Học hát: Bài *Lí cây đa*
- Bài đọc thêm: Hội Lim

**Tiết 5:**

- Ôn tập bài hát: *Lí cây đa*

- Nhạc lí: Nhịp 4/4
- Tập đọc nhạc: TĐN số 2
- Tiết 6:**
  - Nhạc lí: Nhịp lấy đà
  - Tập đọc nhạc: TĐN số 3
  - Âm nhạc thường thức: Sơ lược về một vài nhạc cụ phương Tây
- Tiết 7:** Ôn tập
- Tiết 8:** Kiểm tra 1 tiết
- Tiết 9:** Học hát: Bài *Chúng em cần hòa bình*
- Tiết 10:**
  - Ôn tập bài hát: *Chúng em cần hòa bình*
  - Tập đọc nhạc: TĐN số 4
  - Bài đọc thêm: Hội xuân “Sắc bùa”
- Tiết 11:**
  - Ôn tập bài hát: *Chúng em cần hòa bình*
  - Ôn tập Tập đọc nhạc: TĐN số 4
  - Âm nhạc thường thức: Nhạc sĩ Đỗ Nhuận và bài hát *Hành quân xa*
- Tiết 12:** Học hát: Bài *Khúc hát chim sơn ca*
- Tiết 13:**
  - Ôn tập bài hát: *Khúc hát chim sơn ca*
  - Nhạc lí: Cung và nửa cung - Dấu hóa
- Tiết 14:**
  - Ôn tập bài hát: *Khúc hát chim sơn ca*
  - Tập đọc nhạc: TĐN số 5
  - Âm nhạc thường thức: Giới thiệu nhạc sĩ Bết-tô-ven
- Tiết 15-16:** Ôn tập
- Tiết 17-18:** Kiểm tra học kì I

## HỌC KÌ II

- Tiết 19:**
  - Học hát: Bài *Đi cấy lúa*
  - Nhạc lí: Sơ lược về quãng
- Tiết 20:**
  - Ôn tập bài hát: *Đi cấy lúa*
  - Tập đọc nhạc: TĐN số 6
- Tiết 21:**
  - Ôn tập Tập đọc nhạc: TĐN số 6
  - Âm nhạc thường thức: Một số thể loại bài hát
- Tiết 22:**
  - Học hát: Bài *Khúc ca bốn mùa*
  - Bài đọc thêm: Tiếng sáo Việt Nam
- Tiết 23:**
  - Ôn tập bài hát: *Khúc ca bốn mùa*
  - Tập đọc nhạc: TĐN số 7
- Tiết 24:**
  - Ôn tập bài hát: *Khúc ca bốn mùa*
  - Ôn tập Tập đọc nhạc: TĐN số 7
  - Âm nhạc thường thức: Vài nét về âm nhạc thiếu nhi Việt Nam
- Tiết 25:** Ôn tập
- Tiết 26:** Kiểm tra 1 tiết
- Tiết 27:**

- Học hát: Bài *Ca-chiu-sa*
- Bài đọc thêm: Bản hành khúc cách mạng
- Tiết 28:**
  - Ôn tập bài hát: *Ca-chiu-sa*
  - Tập đọc nhạc: TĐN số 8
- Tiết 29:**
  - Ôn tập Tập đọc nhạc: TĐN số 8
  - Nhạc lí: Gam trưởng - Giọng trưởng
  - Âm nhạc thường thức: Nhạc sĩ Huy Du và bài hát *Đường chúng ta đi*
- Tiết 30:**
  - Học hát: Bài *Tiếng ve gọi hè*
  - Bài đọc thêm: Xuất xứ một bài ca
- Tiết 31:**
  - Ôn tập bài hát: *Tiếng ve gọi hè*
  - Tập đọc nhạc: TĐN số 9
- Tiết 32:**
  - Ôn tập bài hát: *Tiếng ve gọi hè*
  - Ôn tập Tập đọc nhạc: TĐN số 9
  - Âm nhạc thường thức: Vài nét về dân ca một số dân tộc ít người
- Tiết 33-34:** Ôn tập
- Tiết 35:** Kiểm tra học kì II

### LỚP 8

Học kì I: 19 tuần = 18 tiết

Học kì II: 18 tuần = 17 tiết

Cả năm: 37 tuần = 35 tiết

### HỌC KÌ I

- Tiết 1:** Học hát: Bài *Mùa thu ngày khai trường*
- Tiết 2:**
  - Ôn tập bài hát: *Mùa thu ngày khai trường*
  - Tập đọc nhạc: TĐN số 1
- Tiết 3:**
  - Ôn tập bài hát: *Mùa thu ngày khai trường*
  - Ôn tập Tập đọc nhạc: TĐN số 1
  - Âm nhạc thường thức: Nhạc sĩ Trần Hoàn và bài hát *Một mùa xuân nho nhỏ*
- Tiết 4:** Học hát: Bài *Lí đĩa bánh bò*
- Tiết 5:**
  - Ôn tập bài hát: *Lí đĩa bánh bò*
  - Nhạc lí: Gam thứ, giọng thứ
  - Tập đọc nhạc: TĐN số 2
- Tiết 6:**
  - Ôn tập bài hát: *Lí đĩa bánh bò*
  - Ôn tập Tập đọc nhạc: TĐN số 2
  - Âm nhạc thường thức: Nhạc sĩ Hoàng Vân và bài hát *Hồ kéo pháo*
- Tiết 7:** Ôn tập
- Tiết 8:** Kiểm tra 1 tiết
- Tiết 9:** Học hát: Bài *Tuổi hồng*
- Tiết 10:**
  - Ôn tập bài hát: *Tuổi hồng*

- Nhạc lí: Giọng song song, giọng La thứ hòa thanh
- Tập đọc nhạc: TĐN số 3

**Tiết 11:**

- Ôn tập bài hát: *Tuổi hồng*
- Ôn tập Tập đọc nhạc: TĐN số 3
- Âm nhạc thường thức: Nhạc sĩ Phan Huỳnh Điểu và bài hát *Bóng cây ko-nia*

**Tiết 12:** Học hát: Bài *Hò ba lí*

**Tiết 13:**

- Ôn tập bài hát: *Hò ba lí*
- Nhạc lí: Thứ tự các dấu thăng, giáng ở hóa biểu- Giọng cùng tên
- Tập đọc nhạc: TĐN số 4

**Tiết 14:**

- Ôn tập bài hát: *Hò ba lí*
- Ôn tập Tập đọc nhạc: TĐN số 4
- Âm nhạc thường thức: Một số nhạc cụ dân tộc

**Tiết 15-16:** Ôn tập

**Tiết 17, 18:** Kiểm tra Học kì I

## HỌC KÌ II

**Tiết 19:** Học hát: Bài *Khát vọng mùa xuân*

**Tiết 20:**

- Ôn tập bài hát: *Khát vọng mùa xuân*
- Nhạc lí: Nhịp 6/8
- Tập đọc nhạc: TĐN số 5

**Tiết 21:**

- Ôn tập bài hát: *Khát vọng mùa xuân*
- Ôn tập Tập đọc nhạc: TĐN số 5
- Âm nhạc thường thức: Nhạc sĩ Nguyễn Đức Toàn và bài hát *Biết ơn Võ Thị Sáu*

**Tiết 22:** Học hát: Bài *Nói trống lên các bạn ơi!*

**Tiết 23:**

- Ôn tập bài hát: *Nói trống lên các bạn ơi!*
- Tập đọc nhạc: TĐN số 6

**Tiết 24:**

- Ôn tập bài hát: *Nói trống lên các bạn ơi!*
- Ôn tập Tập đọc nhạc: TĐN số 6
- Âm nhạc thường thức: Hát bè

**Tiết 25:** Ôn tập

**Tiết 26:** Kiểm tra 1 tiết

**Tiết 27:** Học hát: Bài *Ngôi nhà của chúng ta*

**Tiết 28:**

- Ôn tập bài hát: *Ngôi nhà của chúng ta*
- Tập đọc nhạc: TĐN số 7

**Tiết 29:**

- Ôn tập bài hát: *Ngôi nhà của chúng ta*
- Ôn tập Tập đọc nhạc: TĐN số 7
- Âm nhạc thường thức: Nhạc sĩ Sô-panh và bản *Nhạc buồn*

**Tiết 30:** Học hát: Bài *Tuổi đời mệnh mông*

**Tiết 31:**

- Ôn tập bài hát: *Tuổi đời mệnh mông*
- Tập đọc nhạc: TĐN số 8

**Tiết 32:**

- Ôn tập bài hát: *Tuổi đời mênh mông*
- Ôn tập Tập đọc nhạc: TĐN số 8
- Âm nhạc thường thức: Sơ lược về một vài thể loại nhạc đàn

**Tiết 33-34:** Ôn tập

**Tiết 35:** Kiểm tra học kì II

## LỚP 9

**Học kì I: 19 tuần = 18 tiết** (một học kì)

**Tiết 1:** Học hát: Bài *Bóng dáng một ngôi trường*

**Tiết 2:**

- Nhạc lí: Giới thiệu về quãng
- Tập đọc nhạc: Giọng Son trưởng - TĐN số 1

**Tiết 3:**

- Ôn tập bài hát: *Bóng dáng một ngôi trường*
- Ôn tập Tập đọc nhạc: TĐN số 1
- Âm nhạc thường thức: Ca khúc thiếu nhi phổ thơ

**Tiết 4:** Học hát: Bài *Nụ cười*

**Tiết 5:**

- Ôn tập bài hát: *Nụ cười*
- Tập đọc nhạc: Giọng Mi thứ - TĐN số 2

**Tiết 6:**

- Ôn tập Tập đọc nhạc: TĐN số 2
- Nhạc lí: Sơ lược về hợp âm
- Âm nhạc thường thức: Nhạc sĩ Trai-cốp-xki

**Tiết 7:** Ôn tập

**Tiết 8:** Kiểm tra 1 tiết

**Tiết 9:** Học hát: Bài *Nói vòng tay lớn*

**Tiết 10:**

- Nhạc lí: Giới thiệu về dịch giọng
- Tập đọc nhạc: Giọng Pha trưởng - TĐN số 3

**Tiết 11:**

- Ôn tập bài hát: *Nói vòng tay lớn*
- Ôn tập Tập đọc nhạc: TĐN số 3
- Âm nhạc thường thức: Nhạc sĩ Nguyễn Văn Tý và bài hát *Mẹ yêu con*

**Tiết 12:** Học hát: Bài *Lí kéo chài*

**Tiết 13:**

- Ôn tập bài hát: *Lí kéo chài*
- Tập đọc nhạc: Giọng Rê thứ - TĐN số 4

**Tiết 14:**

- Ôn tập Tập đọc nhạc: TĐN số 4
- Âm nhạc thường thức: Một số ca khúc mang âm hưởng dân ca

**Tiết 15:** Dạy bài hát do địa phương tự chọn

**Tiết 16-17:** Ôn tập

**Tiết 18:** Kiểm tra cuối học kì

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

**Tài liệu**

**PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH THCS**

**MÔN CÔNG NGHỆ**

*(Dùng cho các cơ quan quản lý giáo dục và giáo viên,  
áp dụng từ năm học 2008-2009)*



# A. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG KHUNG PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH THCS

## I. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

Khung phân phối chương trình (KPPCT) này áp dụng cho cấp THCS từ năm học 2008-2009, gồm 2 phần: (A) Hướng dẫn sử dụng KPPCT; (B) Khung PPCT.

### 1. Về Khung phân phối chương trình

KPPCT quy định thời lượng dạy học cho từng phần của chương trình (chương, phần, bài học, môđun, chủ đề,...), trong đó có thời lượng dành cho luyện tập, bài tập, ôn tập, thí nghiệm, thực hành và thời lượng tiến hành kiểm tra định kì tương ứng với các phần đó.

Thời lượng quy định tại KPPCT áp dụng trong trường hợp học 1 buổi/ngày, thời lượng dành cho kiểm tra là không thay đổi, thời lượng dành cho các hoạt động khác là quy định tối thiểu. Tiến độ thực hiện chương trình khi kết thúc học kì I và kết thúc năm học được quy định thống nhất cho tất cả các trường THCS trong cả nước.

Căn cứ KPPCT, các Sở GDĐT cụ thể hoá thành PPCT chi tiết, bao gồm cả dạy học tự chọn cho phù hợp với địa phương, áp dụng chung cho các trường THCS thuộc quyền quản lí. Các trường THCS có điều kiện bố trí giáo viên và kinh phí chi trả giờ dạy vượt định mức quy định (trong đó có các trường học nhiều hơn 6 buổi/tuần), có thể chủ động đề nghị Phòng GDĐT xem xét trình Sở GDĐT phê chuẩn việc điều chỉnh PPCT tăng thời lượng dạy học cho phù hợp (*lãnh đạo Sở GDĐT phê duyệt, kí tên, đóng dấu*).

### 2. Về phân phối chương trình dạy học tự chọn

a) Thời lượng và cách tổ chức dạy học tự chọn:

Thời lượng dạy học tự chọn của các lớp cấp THCS trong Kế hoạch giáo dục là 2 tiết/tuần, dạy học chung cho cả lớp (các trường tự chủ về kinh phí có thể chia lớp thành nhóm nhỏ hơn nhưng vẫn phải theo kế hoạch chung của cả lớp).

Việc sử dụng thời lượng dạy học tự chọn THCS theo 1 trong 2 cách sau đây:

*Cách 1:* Chọn 1 trong 3 môn học, hoạt động giáo dục : Tin học, Ngoại ngữ 2, Nghề phổ thông (trong đó Ngoại ngữ 2 có thể bố trí vào 2 tiết dạy học tự chọn này hoặc bố trí ngoài thời lượng dạy học 6 buổi/tuần).

*Cách 2:* Dạy học các chủ đề tự chọn nâng cao, bám sát (CĐNC, CĐBS).

– Dạy học CĐNC là để khai thác sâu hơn kiến thức, kĩ năng của chương trình, bổ sung kiến thức, bồi dưỡng năng lực tư duy nhưng phải phù hợp với trình độ tiếp thu của học sinh.

Các Sở GDĐT tổ chức biên soạn, thẩm định tài liệu CĐNC (*trong đó có các tài liệu Lịch sử, Địa lí, Văn học địa phương*), dùng cho cấp THCS theo hướng dẫn của Bộ GDĐT (tài liệu CĐNC sử dụng cho cả giáo viên và học sinh như SGK) và quy định cụ thể PPCT dạy học các CĐNC cho phù hợp với mạch kiến thức của môn học đó. Các Phòng GDĐT đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện PPCT dạy học các CĐNC.

– Dạy học các CĐBS là để *ôn tập, hệ thống hóa, khắc sâu kiến thức, kĩ năng* (không bổ sung kiến thức nâng cao mới). Trong điều kiện chưa ban hành được tài liệu CĐNC, cần dành thời lượng dạy học tự chọn để thực hiện CĐBS nhằm ôn tập, hệ thống hóa, khắc sâu kiến thức, kĩ năng cho học sinh.

Hiệu trưởng các trường THCS chủ động lập Kế hoạch dạy học các CĐBS (chọn môn học, ấn định số tiết/tuần cho từng môn, tên bài dạy) cho từng lớp, ấn định trong từng học kì trên cơ

sở đề nghị của các tổ trưởng chuyên môn và giáo viên chủ nhiệm lớp. Giáo viên chuẩn bị kế hoạch bài dạy (giáo án) CĐBS với sự hỗ trợ của tổ chuyên môn.

b) Kiểm tra, đánh giá kết quả dạy học tự chọn:

Việc kiểm tra, đánh giá kết quả học tập CĐTC của môn học thực hiện theo quy định tại *Quy chế đánh giá, xếp loại học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông*.

**Lưu ý:** Các bài dạy CĐTCNC, CĐBS bố trí trong các chương như các bài khác, có thể có điểm kiểm tra dưới 1 tiết riêng nhưng không có điểm kiểm tra 1 tiết riêng, điểm CĐTC môn học nào tính cho môn học đó.

### **3. Thực hiện các hoạt động giáo dục**

a) Phân công giáo viên thực hiện các Hoạt động giáo dục:

Trong KHGD quy định tại CTGDPT do Bộ GDĐT ban hành, các *hoạt động giáo dục* đã được quy định thời lượng với số tiết học cụ thể như các môn học. Đối với giáo viên được phân công thực hiện Hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp (HĐGDNGLL), Hoạt động giáo dục hướng nghiệp (HĐGDHN) được tính giờ dạy như các môn học; việc tham gia điều hành *HĐGD tập thể* (chào cờ đầu tuần và sinh hoạt lớp cuối tuần) là thuộc nhiệm vụ quản lý của Ban Giám hiệu và giáo viên chủ nhiệm lớp, không tính vào giờ dạy tiêu chuẩn.

b) Tích hợp HĐGDNGLL, HĐGDHN, môn Công nghệ:

- HĐGDNGLL: Thực hiện đủ các chủ đề quy định cho mỗi tháng, với thời lượng 2 tiết/tháng và tích hợp nội dung HĐGDNGLL sang môn GDCD các lớp 6, 7, 8, 9 ở các chủ đề về đạo đức và pháp luật. Đưa nội dung về Công ước Quyền trẻ em của Liên Hợp quốc vào HĐGDNGLL ở lớp 9 và tổ chức hưởng ứng phong trào "*Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực*" do Bộ GDĐT phát động.

- HĐGDHN (lớp 9):

Điều chỉnh thời lượng HĐGDHN thành 9 tiết/năm học sau khi đưa một số nội dung GDHN tích hợp sang HĐGDNGLL ở 2 *chủ điểm* sau đây:

+ "*Truyền thống nhà trường*", chủ điểm tháng 9;

+ "*Tiến bước lên Đoàn*", chủ điểm tháng 3.

Nội dung tích hợp do Sở GDĐT (hoặc uỷ quyền cho các Phòng GDĐT) hướng dẫn trường THCS thực hiện cho sát thực tiễn địa phương. Về phương pháp tổ chức thực hiện HĐGDHN, có thể riêng theo lớp hoặc theo khối lớp; có thể giao cho giáo viên hoặc mời các chuyên gia, nhà quản lý kinh tế, quản lý doanh nghiệp giảng dạy.

### **4. Đổi mới phương pháp dạy học; đổi mới kiểm tra, đánh giá**

a) Chỉ đạo đổi mới phương pháp dạy học (PPDH):

- Những yêu cầu quan trọng trong đổi mới PPDH là:

+ Phát huy tính tích cực, hứng thú trong học tập của học sinh và vai trò chủ đạo của giáo viên;

+ Thiết kế bài giảng khoa học, sắp xếp hợp lý hoạt động của giáo viên và học sinh, thiết kế hệ thống câu hỏi hợp lý, tập trung vào trọng tâm, tránh nặng nề quá tải (nhất là đối với bài dài, bài khó, nhiều kiến thức mới); bồi dưỡng năng lực đọc lập suy nghĩ, vận dụng sáng tạo kiến thức đã học, tránh thiên về ghi nhớ máy móc không nắm vững bản chất;

+ Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học, khuyến khích sử dụng công nghệ thông tin, sử dụng các phương tiện nghe nhìn, thực hiện đầy đủ thí nghiệm, thực hành, liên hệ thực tế trong giảng dạy phù hợp với nội dung bài học;

+ Giáo viên sử dụng ngôn ngữ chuẩn xác, trong sáng, sinh động, dễ hiểu, tác phong thân thiện, khuyến khích, động viên học sinh học tập, tổ chức hợp lý cho học sinh làm việc cá nhân và theo nhóm;

+ Dạy học sát đối tượng, coi trọng bồi dưỡng học sinh khá giỏi và giúp đỡ học sinh học lực yếu kém.

- Đối với các môn học đòi hỏi năng khiếu như: Mỹ thuật, Âm nhạc, Thể dục cần coi trọng truyền thụ kiến thức, hình thành kỹ năng, bồi dưỡng hứng thú học tập, không quá thiên về đánh giá thành tích theo yêu cầu đào tạo chuyên ngành họa sỹ, nhạc sỹ, vận động viên.

- Tăng cường chỉ đạo đổi mới PPDH thông qua công tác bồi dưỡng giáo viên và dự giờ thăm lớp của giáo viên, tổ chức rút kinh nghiệm giảng dạy ở các tổ chuyên môn, hội thảo cấp trường, cụm trường, địa phương, hội thi giáo viên giỏi các cấp.

b) Đổi mới kiểm tra, đánh giá (KTĐG):

- Những yêu cầu quan trọng trong đổi mới KTĐG là:

+ Giáo viên đánh giá sát đúng trình độ học sinh với thái độ khách quan, công minh và hướng dẫn học sinh biết tự đánh giá năng lực của mình;

+ Trong quá trình dạy học, cần kết hợp một cách hợp lý hình thức tự luận với hình thức trắc nghiệm khách quan trong KTĐG kết quả học tập của học sinh, chuẩn bị tốt cho việc đổi mới các kỳ thi theo chủ trương của Bộ GDĐT.

+ Thực hiện đúng quy định của Quy chế Đánh giá, xếp loại học sinh THCS, học sinh THPT do Bộ GDĐT ban hành, tiến hành đủ số lần kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ, kiểm tra học kỳ cả lý thuyết và thực hành.

- Đổi mới đánh giá các môn Mỹ thuật, Âm nhạc (THCS), Thể dục (THCS, THPT): Đánh giá bằng điểm hoặc đánh giá bằng nhận xét kết quả học tập theo quy định tại Quy chế Đánh giá, xếp loại học sinh THCS, học sinh THPT sửa đổi.

c) Đối với một số môn khoa học xã hội và nhân văn như: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí, Giáo dục công dân, cần coi trọng đổi mới PPDH, đổi mới KTĐG theo hướng hạn chế chỉ ghi nhớ máy móc, không nắm vững kiến thức, kỹ năng môn học. Trong quá trình dạy học, cần đổi mới KTĐG bằng cách nêu vấn đề mở, đòi hỏi học sinh phải vận dụng tổng hợp kiến thức, kỹ năng và biểu đạt chính kiến của bản thân.

d) Từ năm học 2008-2009, tập trung chỉ đạo đánh giá sâu hiệu quả dạy học của môn Giáo dục công dân để tiếp tục đổi mới PPDH, KTĐG nhằm nâng cao chất lượng môn học này (*có hướng dẫn riêng*).

**5. Thực hiện các nội dung giáo dục địa phương** (*hướng dẫn tại công văn số 5977/BGDĐT-GDTrH ngày 07/7/2008*)

## II. NHỮNG VẤN ĐỀ CỤ THỂ CỦA MÔN CÔNG NGHỆ

### 1. Thực hiện Kế hoạch giáo dục

#### 1.1. Những vấn đề chung

Từ năm học 2008-2009, Bộ GDĐT ban hành KPPCT, trong đó quy định thời lượng theo các phần, chương, các tiết thực hành, ôn tập và kiểm tra; các Sở GDĐT căn cứ KPPCT của Bộ GDĐT để xây dựng PPCT chi tiết cho từng bài, có thể tăng hoặc giảm thời lượng cho các bài trong sách giáo khoa (SGK) cho phù hợp với điều kiện của địa phương. Các quy định chi tiết cần phù hợp với đặc điểm của loại hình trường (công lập, ngoài công lập), thời gian học 1 buổi/ngày hoặc 2 buổi/ngày. Đối với các bài dạy 2 tiết hoặc những tiết dạy 2 bài giao cho giáo viên chủ động **lựa chọn nội dung** và phân chia thời lượng phù hợp.

Trong mỗi năm học, Cấp THCS và THPT có 37 tuần thực học. Môn Công nghệ với nội dung kiến thức và tổng số tiết như năm trước nhưng được dạy trong 37 tuần, đồng thời giảm bớt một số bài hoặc nội dung của một số bài, các Sở GDĐT chủ động điều chỉnh thời lượng của các bài cho phù hợp với nội dung.

## 1.2. Một số vấn đề cần chú ý khi thực hiện chương trình.

### a) Đối với tích hợp nội dung các môn học:

Từ năm học 2008-2009, Bộ GDĐT chỉ đạo thực hiện dạy tích hợp giáo dục bảo vệ môi trường và Hoạt động Giáo dục hướng nghiệp vào môn Công nghệ, cụ thể:

- Đối với tích hợp giáo dục bảo vệ môi trường: Căn cứ vào văn bản hướng dẫn của Bộ GDĐT và tài liệu được cấp phát “Giáo dục bảo vệ môi trường trong môn Công nghệ trung học cơ sở” do Nhà xuất bản Giáo dục phát hành để dạy tích hợp giáo dục bảo vệ môi trường vào các nội dung cụ thể của các bài học.

- Đối với tích hợp Hoạt động giáo dục hướng nghiệp với môn Công nghệ (ở lớp 9) do giáo viên Công nghệ giảng dạy. Khi thực hiện, giáo viên chủ động nghiên cứu sách giáo viên Hoạt động giáo dục hướng nghiệp lớp 9, lựa chọn chủ đề phù hợp để tích hợp vào nội dung các bài giảng của môn Công nghệ.

### b) Giáo dục địa phương.

Bộ GDĐT hướng dẫn thực hiện các nội dung giáo dục địa phương đối với một số môn học, trong đó có môn Công nghệ tại văn bản số 5977/BGDĐT-GDTrH ngày 07/7/2008.

### **Đối với lớp 6**

Thực hiện như quy định của chương trình, tuy nhiên GV có thể chủ động lựa chọn nội dung phù hợp với thực tế địa phương, cụ thể:

#### 1. Chương I: May mặc trong gia đình, từ bài 5 đến bài 7.

Tùy theo điều kiện cụ thể giáo viên (GV) có thể lựa chọn các sản phẩm khác phù hợp với địa phương để dạy thực hành, không bắt buộc dạy theo các bài thực hành trong sách giáo khoa (SGK).

#### 2. Chương II: Trang trí nhà ở, từ bài 8 đến bài 14:

- Phần lý thuyết GV dạy kỹ về nguyên tắc chung;

- Phần thực hành, GV chọn các nội dung có trong SGK phù hợp với vùng miền, không nhất thiết phải dạy hết các nội dung. Cụ thể:

##### a) Bài 8, 9: Sắp xếp đồ đạc hợp lý trong nhà ở và thực hành

+ Với các thành phố, thị xã, GV dạy học sinh (HS) sắp xếp theo các nội dung của nhà ở thành phố.

+ Đối với nông thôn, GV dạy học sinh sắp xếp theo nội dung nhà ở nông thôn.

+ Đối với miền núi, GV dạy sắp xếp theo nội dung nhà miền núi (nhà sàn).

##### b) Bài 12, 13 và bài 14:

+ GV dạy các nguyên tắc chung;

+ Các nội dung thực hành GV chọn các loại hoa, cây cảnh phù hợp với những loại có ở địa phương.

#### 3. Chương III: Nấu ăn trong gia đình, từ bài 15-18

- Dạy như nội dung SGK.

- Từ bài 18-20, GV lựa chọn các loại nguyên liệu phù hợp với thời vụ, sẵn có ở địa phương, không nhất thiết phải dạy theo các nội dung có trong SGK.

- Nội dung các bài khác dạy theo SGK.

- Với thời lượng 2 tiết/tuần, giáo viên thực hiện dạy đúng PPCT, đủ số tiết quy định. Tùy theo từng bài cụ thể giáo viên tổ chức dạy học cho phù hợp với đối tượng học sinh, khuyến khích học sinh tự học tập, nghiên cứu, sưu tầm tranh ảnh, mẫu vật để giảng dạy.

- Chủ động khai thác các trang thiết bị đã có và thiết bị dạy học được cung ứng, giáo viên xây dựng kế hoạch thực hành và trình hiệu trưởng phê duyệt để đảm bảo dạy đủ các bài thực hành. Chú ý rèn luyện kĩ năng của học sinh theo yêu cầu của chuẩn kiến thức, kĩ năng. Thông qua dạy thực hành, giáo dục học sinh ý thức học tập, vận dụng kiến thức vào thực tế sản xuất và trong đời sống.

#### **Đối với Lớp 7. Phân môn nông nghiệp.**

Nội dung SGK Công nghệ 7 gồm 4 phần, 56 bài. Khi thực hiện giáo viên cần lưu ý bám sát Chương trình giáo dục phổ thông và kế hoạch giáo dục môn Công nghệ (52,5 tiết/năm, làm tròn là 52 hoặc 53 tiết) để xác định kiến thức cơ bản, trọng tâm cho phù hợp. Thực hiện đổi mới phương pháp dạy học, phát huy khả năng tự học của học sinh, chủ động tìm tòi kiến thức thông qua SGK, tài liệu tham khảo và thực tế cuộc sống dưới sự hướng dẫn của giáo viên. Những nội dung cho học sinh tự tìm hiểu phải có sự thống nhất trong tổ chuyên môn và được hiệu trưởng đồng ý.

Từ năm học 2008-2009, Bộ GDĐT hướng dẫn các Sở GDĐT được lựa chọn và thay thế một số nội dung cho phù hợp với điều kiện thực tế địa phương, cụ thể như sau:

1. Đối với vùng nông thôn, Phần Trồng trọt và Chăn nuôi dạy bắt buộc, GV thực hiện theo phân phối chương trình quy định; phần Lâm nghiệp và Thủy sản, tùy theo điều kiện cụ thể của địa phương chọn 1 trong 2 phần nói trên, thời lượng còn lại để ôn tập, củng cố kiến thức môn Công nghệ, không sử dụng cho các môn học khác.

2. Đối với vùng đô thị, có thể chuẩn bị tài liệu để dạy nuôi trồng, chăm sóc cây cảnh, vật cảnh, thủy canh rau sạch, các giải pháp sinh học bảo vệ môi trường... để thay thế cho một số bài của phần Trồng trọt và Chăn nuôi; một số hay toàn bộ phần Lâm nghiệp và Thủy sản; thời lượng còn lại dùng để ôn tập củng cố kiến thức môn Công nghệ, không sử dụng cho môn học khác.

Bài kiểm tra học kỳ I được thực hiện sau khi học xong phần trồng trọt và 4 tiết của phần Lâm nghiệp (hoặc Thủy sản).

#### **Đối với Lớp 8. Phân môn Công nghiệp.**

Nội dung SGK Công nghệ 8 gồm 3 phần, 59 bài. Khi thực hiện giáo viên cần lưu ý trong PPCT một số bài chuyển sang cho HS tự đọc do GV hướng dẫn hoặc không dạy để phù hợp với vùng miền. Với những nội dung bài tương tự hoặc có nguyên tắc hoạt động, nguyên lí làm việc giống nhau giáo viên chỉ cần dạy kĩ một bài và hướng dẫn học sinh tự đọc. Phải thực hiện đúng phân phối chương trình, đủ số tiết quy định cho từng bài, đủ nội dung trong sách giáo khoa. Giáo viên chủ động phân chia nội dung giảng dạy cho phù hợp với trình độ nhận thức của học sinh. Tăng cường hướng dẫn học sinh tự học, đọc tài liệu tham khảo, phần “có thể em chưa biết” để mở rộng hiểu biết. Không nhất thiết phải dạy hết tất cả nội dung của SGK, có thể giao cho học sinh tự đọc, giáo viên kiểm tra.

- Tùy theo điều kiện cơ sở vật chất, thiết bị dạy học của trường giáo viên cần khai thác triệt để để dạy đủ các tiết thực hành. Trong quá trình giảng dạy phải đảm bảo hình thành cho học sinh thói quen vận dụng kiến thức được học vào sản xuất và trong cuộc sống.

- Kiểm tra đánh giá: Thực hiện kiểm tra đúng số tiết quy định trong phân phối chương trình. Giáo viên chủ động trong việc bố trí kiểm tra thường xuyên đúng quy định của Bộ GDĐT. Kiểm tra định kỳ (1 tiết) kết hợp hình thức tự luận với trắc nghiệm.

- Thiết bị dạy học: Chương trình Công nghệ 8 cần nhiều thiết bị, giáo viên cần triệt để sử dụng các thiết bị được Bộ GDĐT cung cấp, chủ động khai thác các thiết bị đã có của nhà trường để giảng dạy có hiệu quả.

Từ năm học 2008-2009, Bộ GDĐT cho phép các Sở được lựa chọn và thay thế một số nội dung cho phù hợp với điều kiện thực tế địa phương, cụ thể như sau:

1. Phần Vẽ kỹ thuật dạy theo quy định của chương trình.

2. Phần Cơ khí:

- Bài 19: Hướng dẫn HS tự đọc

- Bài 21, 22: dạy 2 nội dung Cưa và khoan kim loại; 2 nội dung Dũa và đục hướng dẫn HS tự đọc.

- Bài 25: Hướng dẫn HS tự đọc.

3. Phần Kỹ thuật điện

- Bài 42: Hướng dẫn HS tự đọc

- Bài 43: Không dạy nội dung thực hành bếp điện, nồi cơm điện.

- Bài 44: Không dạy nội dung máy bơm nước.

### **Đối với lớp 9.**

Chương trình gồm 18 môđun, mỗi môđun dạy với thời lượng 35 tiết (1 tiết/tuần), gồm các môđun sau:

- |  |  |
|--|--|
| 1. Cắt may                               | 10. Sửa chữa xe đạp                    |
| 2. Nấu ăn                                | 11. Gia công gỗ                        |
| 3. Đan len                               | 12. Soạn thảo văn bản bằng máy vi tính |
| 4. Làm hoa - Cắm hoa                     | 13. Trồng lúa                          |
| 5. Thêu                                  | 14. Trồng hoa                          |
| 6. Quấn máy biến áp một pha              | 15. Trồng cây rừng                     |
| 7. Lắp đặt mạng điện trong nhà           | 16. Trồng cây ăn quả                   |
| 8. Lắp đặt mạch điện trang trí, báo hiệu | 17. Trồng cây ăn quả                   |
| 9. Gò kim loại                           | 18. Nuôi thủy sản                      |

Nội dung các môđun là những ứng dụng của kỹ thuật cơ bản vào thực tiễn sản xuất và đời sống, được xây dựng trên cơ sở những kiến thức cơ bản HS đã học ở lớp 6, 7 và lớp 8. Hiện nay Bộ GDĐT đã biên soạn 5 môđun : Cắt may, Nấu ăn, Trồng cây ăn quả, Sửa chữa xe đạp và Lắp đặt mạng điện trong nhà. Bộ GDĐT hướng dẫn thực hiện như sau:

- Các trường lựa chọn 1 trong 5 môđun Bộ đã biên soạn hoặc tổ chức biên soạn các môn đụn khác phù hợp với địa phương để giảng dạy.

- Ngoài 18 môđun trên, các địa phương có thể tổ chức biên soạn tài liệu thuộc các lĩnh vực khác để giảng dạy cho phù hợp với vùng miền, điều kiện thực tế của địa phương. Ví dụ như : Trồng, chăm sóc cây hoa, cây cảnh, cây cảnh trang trí, cải tạo môi trường sống, nuôi cá ba sa; kỹ thuật nuôi ong lấy mật; Kỹ thuật nuôi cá hồi ở vùng lạnh...

Việc tổ chức biên soạn các tài liệu để thay thế cho các môđun hoặc nội dung trong SGK phải thực hiện theo đúng quy định về biên soạn tài liệu của Bộ GDĐT. Cụ thể:

- Phải được Sở GDĐT phê duyệt, tổ chức thẩm định và báo cáo về Bộ GDĐT để biết.

- *Thực hiện chương trình*

+ Môđun Cắt may:

• Chỉ dạy môđun này khi trường có phòng máy may hoặc liên hệ tìm sự hỗ trợ của các cơ sở sản xuất may.

- Khi dạy phần này phải kết hợp dạy lí thuyết và dạy thao tác sử dụng dụng cụ, tập vẽ các bản vẽ cắt may, tập cắt, may một số kiểu quần áo; kết quả phải có sản phẩm để đánh giá cho điểm.

- Bài kiểm tra học kì hoặc cuối năm (2 tiết), giáo viên có thể tổ chức kiểm tra vấn đáp lí thuyết kết hợp với thực hành các thao tác cơ bản.

#### + Môđun Nấu ăn

- Để dạy môđun này cần xây dựng kế hoạch thực hành từ đầu năm học, lựa chọn địa điểm thực hành, chuẩn bị chu đáo dụng cụ (bếp, xoong, nồi, rổ, rá, dao...); cần có kế hoạch chuẩn bị nguyên liệu, phụ liệu nấu ăn.

- Để đảm bảo số giờ thực hành quy định, trong phân phối chương trình cần kết hợp dạy lí thuyết và thực hành ở các bài lí thuyết.

- Các bài thực hành trong sách giáo khoa bắt buộc phải thực hiện.

- Khi giảng dạy cần chú ý bảo đảm các điều kiện an toàn lao động.

- Bài kiểm tra học kì hoặc cuối năm (2 tiết), giáo viên có thể tổ chức kiểm tra lí thuyết kết hợp với thực hành, có các tiêu chí đánh giá thực hành.

#### + Môđun Trồng cây ăn quả

- Trong điều kiện hiện tại của đa số các trường thì môđun này dễ thực hiện. Giáo viên cần chuẩn bị trước địa điểm (vườn trường), các nguyên, vật liệu thực hành cần thiết như: cây chủ, mầm để chiết ghép, cây giống (nhãn, vải, xoài); các dụng cụ thực hành (dao, kéo, băng nilon, dây buộc...).

- Cần kết hợp giữa giảng dạy lí thuyết và thực hành.

- Chú ý đến thực hiện nội quy, an toàn trong thực hành; không cho học sinh tiếp xúc với thuốc sâu, hoá chất độc hại.

#### + Môđun Lắp đặt mạng điện trong nhà

- Giáo viên cần khai thác các loại thiết bị đã có trong phòng thí nghiệm, chuẩn bị chu đáo các dụng cụ cần thiết, có kế hoạch chuẩn bị nguyên, vật liệu thực hành.

- Các giờ lí thuyết bổ trợ cho học sinh nghiên cứu kĩ sơ đồ lí thuyết; giờ thực hành giáo viên cần giới thiệu kĩ sơ đồ lắp đặt, nối dây, công dụng các loại dụng cụ, những chú ý khi ghép nối thiết bị với nhau.

- Trước khi vận hành mạng điện giáo viên phải kiểm tra cẩn thận, tuyệt đối không cho học sinh tự đóng mạch điện.

#### + Môđun Sửa chữa xe đạp

- Kết hợp vừa dạy lí thuyết và dạy thực hành.

- Chuẩn bị phương tiện để thực hành (2 – 4 chiếc xe đạp khác nhau, có loại thay đổi được tỉ số truyền), dụng cụ sửa chữa xe đạp tương ứng với số xe đạp, các loại nguyên liệu khác như: dầu bôi trơn, dầu điêzen, mỡ bôi trơn, giẻ lau, khay đựng, bàn chải nhỏ, cứ ...

- Giáo viên phải chú ý cho học sinh nắm được quy trình sửa chữa.

#### - Kiểm tra đánh giá

- + Đảm bảo đủ bài kiểm tra theo quy định của Bộ. Kiểm tra thường xuyên giáo viên tự bố trí.

- + Các bài thực hành phải có nhận xét, cho điểm, đánh giá.

- + Trong mỗi môđun có 2 bài kiểm tra định kì, thực hiện kiểm tra theo các hình thức: Kết hợp với kiểm tra lí thuyết với thực hành, kiểm tra lí thuyết sử dụng câu hỏi tự luận hoặc trắc nghiệm.

- + Bài kiểm tra học kì I và Bài kiểm tra cuối năm học

- Kiểm tra thực hành kết hợp với kiểm tra lí thuyết.

#### - *Thiết bị dạy học*

Tùy theo tình hình thực tế có xưởng trường, thiết bị dạy học loại nào thì nên hướng học sinh vào học môđun đó. Phải triệt để tận dụng các loại thiết bị đã có kết hợp với mua mới để tổ chức dạy, học đảm bảo đủ số tiết thực hành. Trong giảng dạy giáo viên nên chia theo nhóm để khắc phục tình trạng số lượng thiết bị không đủ. Tăng cường sử dụng các loại tranh ảnh, mô hình, bản vẽ phóng to để dạy lí thuyết bổ trợ, chú ý cho học sinh quan sát thao tác, nắm được quy trình thực hành, công dụng và cách sử dụng các loại dụng cụ.

## **2. Sử dụng thiết bị giáo dục, dạy thực hành**

Do đặc thù của môn Công nghệ, có nhiều bài thực hành, giáo viên cần triệt để sử dụng các thiết bị được Bộ, Sở GDĐT cung ứng, chủ động khai thác các thiết bị đã có của trường, tự sưu tầm, làm thêm các thiết bị dạy học khác để giảng dạy. Trước khi giảng dạy cần chuẩn bị chu đáo, làm thử nhiều lần để nắm chắc các thao tác kỹ thuật, chủ động hướng dẫn học sinh thực hiện. Căn cứ điều kiện cơ sở vật chất, thiết bị dạy học của trường giáo viên cần khai thác triệt để các thiết bị đã có để dạy đủ các bài thực hành. Bộ GDĐT khuyến khích giáo viên sử dụng các trang thiết bị như máy tính, máy chiếu, các phần mềm ứng dụng để giảng dạy.

Trong quá trình sử dụng trang thiết bị dạy học nói chung và thiết bị của phần điện tử và phân điện kỹ thuật lớp 8, 9 nói riêng cần chú ý đến những điều kiện đảm bảo an toàn cho giáo viên và học sinh. Phải thực hiện nghiêm những quy định trong nội quy thực hành.

Đối với giáo viên cần thực hiện như sau:

- Kế hoạch bài dạy thực hành phải đề cập đến biện pháp an toàn khi dạy học.
- Trong khi dạy phải đảm bảo kỉ luật trật tự, tuyệt đối cấm học sinh đùa nghịch khi thực hành.
- Thực hành trên các loại máy móc, thiết bị, nối mạch điện... giáo viên phải kiểm tra an toàn trước khi cho học sinh vận hành.
- Sử dụng các loại dụng cụ đúng mục đích.

Khi dạy thực hành phải đảm bảo mục tiêu của bài học, hình thành cho học sinh những kỹ năng cần thiết: hiểu, biết được quy trình công nghệ để vận dụng vào thực tế sản xuất và đời sống. Tùy theo nội dung cụ thể từng bài với điều kiện trang thiết bị dạy học của trường, vật liệu thực hành có ở địa phương để vận dụng cho phù hợp. Các bài thực hành cần xây dựng kế hoạch từ đầu năm học để chuẩn bị đầy đủ trang thiết bị, dụng cụ và nguyên vật liệu khi thực hành.

Ở những trường không đủ điều kiện để tổ chức học thực hành, giáo viên cần chủ động tổ chức cho học sinh tham quan theo yêu cầu của chương trình. Nếu không có đủ điều kiện dạy thực hành, tổ chức tham quan các trường cần báo cáo với Sở GDĐT để tìm phương án thay thế. Để dạy thực hành hiệu quả, giáo viên cần báo cáo với hiệu trưởng nhất thiết phải bố trí, sắp xếp tiết thực hành cho hợp lý, tùy theo thời lượng bài thực hành bố trí dạy ***cách tuần với thời lượng từ 2 đến 3 tiết liên.***

## **3. Kiểm tra, đánh giá**

Việc kiểm tra, đánh giá đối với học sinh thực hiện theo Quy chế đánh giá, xếp loại học sinh THCS và học sinh THPT và các văn bản hướng dẫn của Bộ GDĐT. Giáo viên chủ động bố trí kiểm tra thường xuyên theo quy định. Các bài kiểm tra định kì (1 tiết) thực hiện theo quy định trong PPCT, cần kết hợp kiểm tra cả lý thuyết và thực hành. Nội dung đề bài kiểm tra cần kết hợp câu hỏi trắc nghiệm khách quan với tự luận để học sinh làm quen với hình thức này, có cơ sở học lên các lớp trên.

Giáo viên phải căn cứ vào chuẩn kiến thức, kỹ năng và yêu cầu về thái độ của Chương trình giáo dục phổ thông; căn cứ vào thực tế trình độ học sinh của trường và hướng dẫn của Bộ GDĐT về đổi mới kiểm tra đánh giá để ra đề kiểm tra nhằm đánh giá đúng thực chất trình độ của học sinh, đảm bảo tính khách quan, công bằng. Tùy theo yêu cầu mức độ cần đạt của mục tiêu trong mỗi chương, bài khi giáo viên ra đề cần đảm bảo tính vừa sức nhưng phải phân loại được học sinh.



#### 4. Đổi mới phương pháp dạy học

Để đảm bảo chất lượng giảng dạy, dạy phù hợp với cách biên soạn SGK mới, GV cần chủ động, tích cực thực hiện đổi mới phương pháp dạy học.

Trong quá trình vận dụng các hình thức dạy học cần phải thông qua việc tổ chức các hoạt động học tập của HS, để HS tham gia vào quá trình hoạt động nhận thức, tìm tòi, phát hiện những tri thức mới một cách tự giác, tự lực dưới sự hướng dẫn của GV.

GV cần chú trọng đến việc rèn luyện phương pháp tự học đối với HS, giảm bớt cách truyền thụ tri thức theo phương pháp thuyết trình; phải coi việc tiếp cận tri thức là điều kiện, phương tiện cho việc rèn luyện phương pháp tự học.

Trong quá trình dạy học cần tăng cường tính tự lực của cá nhân HS đồng thời chú trọng sự hợp tác, tương tác giữa các cá nhân trong nhóm, lớp nhằm đạt được mục tiêu của bài học. Một định hướng quan trọng trong đổi mới phương pháp dạy học là vừa phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của học sinh vừa tăng cường sự tương tác giữa các yếu tố của hệ thống dạy - học (thầy, trò, nội dung học tập).

Cần kết hợp linh hoạt giữa đánh giá của GV với tự đánh giá của HS, làm cho HS luôn tự ý thức được, khẳng định được kết quả, mục tiêu học tập của mình.

Để thực hiện đổi mới phương pháp dạy học, GV nên chuyển việc thiết kế bài dạy theo nội dung sang thiết kế bài dạy theo hoạt động của GV và HS.

## B. KHUNG PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH

**Giải thích các chữ viết tắt:** - TS: Tổng số tiết; LT: Số tiết lý thuyết;  
- TH: Số tiết thực hành; - ÔT: Số tiết ôn tập; KT: Số tiết kiểm tra.

### LỚP 6

**Cả năm: 37 tuần (70 tiết)**

**Học kì I: 19 tuần (36 tiết)**

**Học kì II: 18 tuần (34 tiết)**

### HỌC KÌ I

<b>Nội dung</b>	<b>TS</b>	<b>LT</b>	<b>TH</b>	<b>ÔT</b>	<b>KT</b>
Bài mở đầu	1	1	0	0	0
<b>Chương I. May mặc trong gia đình</b>	17	6	8	2	1
Các loại vải thường dùng trong may mặc					
Lựa chọn trang phục					
Thực hành: Lựa chọn trang phục					
Sử dụng và bảo quản trang phục					
Cắt khâu một số sản phẩm					
Thực hành: Ôn một số mũi khâu cơ bản					
Thực hành: Cắt khâu bao tay trẻ sơ sinh					
Thực hành: Cắt khâu vỏ gối hình chữ nhật					

<b>Nội dung</b>	<b>TS</b>	<b>LT</b>	<b>TH</b>	<b>ÔT</b>	<b>KT</b>
Ôn tập chương I					
Kiểm tra thực hành 1 tiết					
<b>Chương II. Trang trí nhà ở</b>	<b>18</b>	<b>9</b>	<b>6</b>	<b>1</b>	<b>2</b>
Sắp xếp đồ đạc hợp lí trong gia đình					
Thực hành: Sắp xếp đồ đạc hợp lí trong gia đình					
Gìn giữ nhà ở sạch sẽ, ngăn nắp					
Trang trí nhà ở bằng một số đồ vật					
Trang trí nhà ở bằng cây cảnh và hoa					
Cắm hoa trang trí					
Thực hành tự chọn : Một số mẫu cắm hoa					
Thực hành: Cắm hoa					
Ôn tập chương II					
Kiểm tra học kì I					

## HỌC KÌ II

<b>Nội dung</b>	<b>TS</b>	<b>LT</b>	<b>TH</b>	<b>ÔT</b>	<b>KT</b>
<b>Chương III. Nấu ăn trong gia đình</b>	<b>25</b>	<b>17</b>	<b>6</b>	<b>1</b>	<b>1</b>
Cơ sở của ăn uống hợp lí					
Vệ sinh an toàn thực phẩm					
Bảo quản chất dinh dưỡng trong chế biến món ăn					
Chế biến một số món ăn không sử dụng nhiệt					
Các phương pháp chế biến thực phẩm					
Thực hành: Chế biến món ăn - Trộn dầu giấm - Rau xà lách					
Thực hành: Chế biến món ăn - Trộn hỗn hợp - Nộm rau muống					
Kiểm tra 1 tiết (thực hành)					
<b>Thực hành tự chọn :</b>					
Tổ chức bữa ăn hợp lí trong gia đình					
Quy trình tổ chức bữa ăn					
Thực hành: Xây dựng thực đơn					
Tỉa hoa trang trí món ăn từ một số loại rau, củ, quả					
Ôn tập chương III					

<i>Nội dung</i>	TS	LT	TH	ÔT	KT
<b>Chương IV. Thu chi trong gia đình</b>	<b>9</b>	<b>4</b>	<b>2</b>	<b>1</b>	<b>2</b>
Thu nhập của gia đình					
Chi tiêu trong gia đình					
Thực hành: Bài tập tình huống về thu chi trong gia đình					
Ôn tập chương IV					
Kiểm tra cuối năm học					
<b>Tổng cộng:</b>	<b>70</b>	<b>37</b>	<b>22</b>	<b>5</b>	<b>6</b>

## LỚP 7

Cả năm: 37 tuần (52 tiết)  
 Học kì I: 19 tuần (27 tiết)  
 Học kì II: 18 tuần (25 tiết)

<i>Nội dung</i>	TS	LT	TH	ÔT	KT
<b>Phần một. TRỒNG TRỌT</b>					
<b>Chương I. Đại cương về kĩ thuật trồng trọt</b>	<b>12</b>	<b>9</b>	<b>3</b>		
Vai trò, nhiệm vụ của trồng trọt.					
Khái niệm về Đất trồng và thành phần của đất trồng					
Một số tính chất chính của đất trồng.					
Biện pháp sử dụng, cải tạo và bảo vệ đất.					
Tác dụng của phân bón trong trồng trọt.					
Cách sử dụng và bảo quản các loại phân bón thông thường.					
Vai trò của giống và phương pháp chọn tạo giống cây trồng.					
Sản xuất và bảo quản giống cây trồng.					
Sâu, bệnh hại cây trồng.					
Phòng trừ sâu, bệnh hại.					
<i>Thực hành</i>					
<b>Chương II. Quy trình sản xuất và bảo vệ môi trường trong trồng trọt</b>	<b>6</b>	<b>5</b>	<b>1</b>		
Làm đất và bón phân lót.					
Gieo trồng cây nông nghiệp					
Các biện pháp chăm sóc cây trồng.					
Thu hoạch, bảo quản và chế biến nông sản.					

<i>Nội dung</i>	TS	LT	TH	ÔT	KT
Luân canh, xen canh, tăng vụ.					
<i>Thực hành</i>					
<b>Phần hai. LÂM NGHIỆP</b>					
<b><i>Chương I. Kỹ thuật gieo trồng và chăm sóc cây trồng</i></b>	<b>6</b>	<b>5</b>	<b>1</b>		
Vai trò của rừng và nhiệm vụ của trồng rừng					
Làm đất gieo ươm cây rừng					
Gieo hạt và chăm sóc vườn gieo ươm cây rừng					
Trồng cây rừng					
Chăm sóc rừng sau khi trồng					
<i>Thực hành</i>					
<b><i>Chương II. Khai thác và bảo vệ rừng</i></b>	<b>2</b>	<b>2</b>	<b>0</b>		
Khai thác rừng					
Bảo vệ và khoanh nuôi rừng					
<b>Phần ba. CHĂN NUÔI</b>					
<b><i>Chương I. Đại cương về kỹ thuật chăn nuôi</i></b>	<b>13</b>	<b>9</b>	<b>4</b>		
Vai trò và nhiệm vụ phát triển chăn nuôi					
Giống vật nuôi					
Sự sinh trưởng và phát dục của vật nuôi					
Một số phương pháp chọn lọc và quản lý giống vật nuôi					
Nhân giống vật nuôi					
Thức ăn vật nuôi					
Vai trò của thức ăn đối với vật nuôi					
Chế biến và dự trữ thức ăn cho vật nuôi					
Sản xuất thức ăn vật nuôi					
<i>Thực hành</i>					
<b><i>Chương II. Quy trình sản xuất và bảo vệ môi trường trong chăn nuôi</i></b>	<b>5</b>	<b>4</b>	<b>1</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
Chuồng nuôi và vệ sinh trong chăn nuôi					
Nuôi dưỡng và chăm sóc các loại vật nuôi					
Phòng, trị bệnh thông thường cho vật nuôi					
Vắc xin phòng bệnh cho vật nuôi					
<i>Thực hành</i>					
<b>Phần bốn: Thủy sản</b>					
<b><i>Chương I. Đại cương về kỹ thuật nuôi thủy sản</i></b>	<b>5</b>	<b>3</b>	<b>2</b>		

<i>Nội dung</i>	TS	LT	TH	ÔT	KT
Vai trò, nhiệm vụ của nuôi thủy sản					
Môi trường nuôi thủy sản					
Thức ăn của động vật thủy sản					
Thực hành					
<b>Chương II. Quy trình sản xuất và bảo vệ môi trường trong nuôi thủy sản</b>	<b>3</b>	<b>3</b>	<b>0</b>		
Chăm sóc, quản lí và phòng trị bệnh cho động vật thủy sản (tôm, cá)					
Thu hoạch, bảo quản và chế biến sản phẩm thủy sản					
Bảo vệ môi trường và nguồn lợi thủy sản					
<i>Ôn tập</i>	<b>4</b>				
<i>Kiểm tra: kì I có 1 bài KT 1 tiết và 1 bài KT cuối kì, kì II có 1 bài KT 1 tiết và 1 bài kiểm tra cuối năm.</i>	<b>4</b>				
<i>Tổng cộng:</i>	<b>52</b>				

## LỚP 8

Cả năm: 37 tuần (52 tiết)

Học kì I: 19 tuần (27 tiết)

Học kì II: 18 tuần (25 tiết)

## HỌC KÌ I

<i>Nội dung</i>	TS	LT	TH	ÔT	KT
<b>Phần một. VẼ KỸ THUẬT</b>					
<b>Chương I. Bản vẽ các khối hình học</b>	<b>6</b>	<b>4</b>	<b>2</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
Vai trò của bản vẽ kĩ thuật trong sản xuất và đời sống					
Hình chiếu					
Bản vẽ các khối đa diện					
Thực hành: Hình chiếu của vật thể					
Thực hành: Đọc bản vẽ các khối đa diện					
Bản vẽ các khối tròn					
Thực hành: Đọc bản vẽ các khối tròn xoay					
<b>Chương II. Bản vẽ kĩ thuật</b>	<b>9</b>	<b>4</b>	<b>3</b>	<b>1</b>	<b>1</b>
Khái niệm về bản vẽ kĩ thuật - Hình cắt					
Bản vẽ chi tiết					
Biểu diễn ren					

<i>Nội dung</i>	TS	LT	TH	ÔT	KT
Thực hành: Đọc bản vẽ chi tiết đơn giản có hình cắt					
Thực hành: Đọc bản vẽ chi tiết đơn giản có ren					
Bản vẽ lắp					
Thực hành: Đọc bản vẽ lắp đơn giản					
Bản vẽ nhà					
Thực hành: Đọc bản vẽ nhà đơn giản					
Ôn tập phần Vẽ kĩ thuật					
Kiểm tra chương I, II					
<b>Phần hai. CƠ KHÍ</b>					
<b>Chương III. Gia công cơ khí</b>	<b>5</b>	<b>4</b>	<b>1</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
Vật liệu cơ khí					
Thực hành: Vật liệu cơ khí					
Dụng cụ cơ khí					
Ca, đục và dũa kim loại					
Thực hành: Đo kích thước bằng thước lá, thước cặp					
<b>Chương IV. Chi tiết máy và lắp ghép</b>	<b>7</b>	<b>4</b>	<b>1</b>	<b>1</b>	<b>1</b>
Khái niệm về chi tiết máy và lắp ghép					
Mối ghép cố định - Mối ghép không tháo được					
Mối ghép tháo được					
Mối ghép động					
Thực hành: Ghép nối chi tiết					
Ôn tập phần Vẽ kĩ thuật và Cơ khí					
Kiểm tra học kì I (phần Vẽ kĩ thuật và Cơ khí)					
<b>HỌC KÌ II</b>					
<i>Nội dung</i>	TS	LT	TH	ÔT	KT
<b>Chương V. Truyền và biến đổi chuyển động</b>	<b>3</b>	<b>2</b>	<b>1</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
Truyền chuyển động					
Biến đổi chuyển động					
Thực hành: Truyền chuyển động					
<b>Phần ba. Kĩ thuật điện</b>					

<i>Nội dung</i>	TS	LT	TH	ÔT	KT
Vai trò của điện năng trong sản xuất và đời sống	1	1	0	0	0
<b>Chương VI. An toàn điện</b>	<b>4</b>	<b>1</b>	<b>1</b>	<b>1</b>	<b>1</b>
An toàn điện					
Thực hành: Dụng cụ bảo vệ an toàn điện - Cứu người bị tai nạn điện					
<b>Chương VII. Đồ dùng điện trong gia đình</b>	<b>10</b>	<b>6</b>	<b>2</b>	<b>1</b>	<b>1</b>
Vật liệu kĩ thuật điện					
Phân loại và số liệu kĩ thuật của đồ dùng điện					
Đồ dùng điện - quang. Đèn sợi đốt					
Đèn huỳnh quang					
Thực hành: Đèn ống huỳnh quang					
Đồ dùng điện – nhiệt. Bàn là điện					
Đồ dùng điện loại điện – cơ. Quạt điện					
Máy biến áp một pha					
Sử dụng hợp lí điện năng					
Thực hành: Quạt điện - Tính toán điện năng tiêu thụ trong gia đình					
Ôn tập chương VI, VII					
Kiểm tra thực hành					
<b>Chương VIII. Mạng điện trong nhà</b>	<b>7</b>	<b>3</b>	<b>2</b>	<b>1</b>	<b>1</b>
Đặc điểm và cấu tạo của mạng điện trong nhà					
Thiết bị đóng - cắt và lấy điện của mạng điện trong nhà					
Thực hành: Thiết bị đóng - cắt và lấy điện					
Thiết bị bảo vệ của mạng điện trong nhà					
Sơ đồ điện					
Thực hành: Vẽ sơ đồ nguyên lí mạch điện - Vẽ sơ đồ lắp đặt mạch điện					
Ôn tập học kì II					
Kiểm tra cuối năm học					
<b>Tổng cộng:</b>	<b>52</b>	<b>29</b>	<b>13</b>	<b>5</b>	<b>5</b>

## LỚP 9

Cả năm : 37 tuần (35 tiết)

Học kì I : 19 tuần (18 tiết)

Học kì II : 18 tuần (17 tiết)

Nội dung	TS	LT	TH	ÔT	KT
<b>I. CẮT MAY</b>					
<b>HỌC KÌ I</b>					
Vật liệu và dụng cụ cắt may					
Máy may					
Thực hành: Sử dụng và bảo quản máy may					
Các đường may cơ bản					
Kiểm tra thực hành					
Bản vẽ cắt may					
Cắt may quần đùi, quần dài					
Thực hành: Cắt may quần đùi, quần dài					
Ôn tập					
Kiểm tra học kì I (lí thuyết và thực hành)					
<b>HỌC KÌ II</b>					
Thực hành: Cắt may áo liền tay					
Thực hành: Cắt may một số kiểu cổ áo không bâu					
Kiểm tra thực hành					
Thực hành: Cắt may một số kiểu bâu lá sen					
Thực hành: Cắt may áo tay liền					
Ôn tập					
Kiểm tra cuối năm học					
<b>Tổng cộng:</b>	<b>35</b>	<b>9</b>	<b>19</b>	<b>3</b>	<b>4</b>

(Môđun cắt may, mỗi bài thực hành đều có 1 tiết lí thuyết)

Nội dung	TS	LT	TH	ÔT	KT
<b>II. NẤU ĂN</b>					
<b>HỌC KÌ I</b>					
Giới thiệu nghề nấu ăn					



<i>Nội dung</i>	TS	LT	TH	ÔT	KT
Sử dụng và bảo quản dụng cụ, thiết bị nhà bếp					
Sắp xếp và trang trí nhà bếp					
An toàn lao động trong nấu ăn					
Thực hành: Xây dựng thực đơn					
Trình bày và trang trí bàn ăn					
Thực hành: Chế biến các món ăn không sử dụng nhiệt Món trộn - cuốn hỗn hợp: + Nộm xu hào + Nộm ngó sen + Nem cuốn					
Kiểm tra thực hành					
Thực hành: Các món ăn có sử dụng nhiệt - Món nấu. Chọn 1 trong các món: Súp ngô cua, Gà nấu đậu, Thịt bò kho, Bún riêu cua, Chè hoa cau					
Kiểm tra học kì I					
<b>HỌC KÌ II</b>	<b>17</b>	<b>0</b>	<b>13</b>	<b>2</b>	<b>2</b>
Thực hành: Món hấp Chọn 1 trong các món: Gà hấp cải bẹ, Chả đùm, ốc nhồi, Xôi vò					
Thực hành: Món rán Chọn 1 trong các món: Đậu phụ nhồi thịt rán sốt cà chua, Nem rán (Chả giò)					
Thực hành: Món xào Chọn 1 trong các món: Xào thập cẩm, Sườn xào chua ngọt, Mì xào giòn					
Kiểm tra thực hành					
Món nướng Chọn 1 trong các món: Bò nướng chanh, Chả nướng (Nem nướng), Bánh sắn nướng, Bánh đậu xanh nướng, Bánh bông lan (Bánh ga tô)					
Ôn tập					
Kiểm tra cuối năm học					
<b>Tổng cộng:</b>	<b>35</b>	<b>8</b>	<b>20</b>	<b>3</b>	<b>4</b>
<b>III. TRỒNG CÂY ĂN QUẢ</b>					
<b>HỌC KÌ I</b>	<b>18</b>	<b>8</b>	<b>7</b>	<b>1</b>	<b>2</b>
Giới thiệu nghề trồng cây ăn quả					
Một số vấn đề chung về cây ăn quả					
Các phương pháp nhân giống cây ăn quả					

<i>Nội dung</i>	TS	LT	TH	ÔT	KT
Thực hành: Giâm cây					
Thực hành: Chiết cành					
Thực hành: Ghép					
Kiểm tra thực hành					
Kĩ thuật trồng cây ăn quả có múi					
Kĩ thuật trồng cây nhãn					
Kĩ thuật trồng cây vải					
Ôn tập					
Kiểm tra học kì I (lí thuyết và thực hành)					
<b>HỌC KÌ II</b>	<b>17</b>	<b>2</b>	<b>11</b>	<b>2</b>	<b>2</b>
Kĩ thuật trồng cây xoài					
Kĩ thuật trồng cây chôm chôm					
Thực hành: Nhận biết một số sâu, bệnh hại cây ăn quả					
Thực hành: Trồng cây ăn quả					
Thực hành: Bón phân thúc cho cây ăn quả					
Thực hành: Làm sirô quả					
Kiểm tra thực hành					
Ôn tập (lí thuyết và thực hành)					
Kiểm tra cuối năm học (lí thuyết và thực hành)					
<i>Tổng cộng:</i>	<b>35</b>	<b>10</b>	<b>18</b>	<b>3</b>	<b>4</b>
<b>IV. LẮP ĐẶT MẠNG ĐIỆN TRONG NHÀ</b>					
<b>HỌC KÌ I</b>	<b>18</b>	<b>3</b>	<b>12</b>	<b>1</b>	<b>2</b>
Giới thiệu nghề điện dân dụng					
Vật liệu dùng trong lắp đặt mạng điện trong nhà					
Dụng cụ dùng trong lắp đặt mạng điện					
Thực hành: Sử dụng đồng hồ điện					
Thực hành: Nối dây dẫn điện					
Thực hành: Lắp mạch điện bảng điện					
Thực hành: Lắp mạch điện đèn ống huỳnh quang					
Ôn tập					
Kiểm tra học kì I (thực hành)					
<b>HỌC KÌ II</b>	<b>17</b>	<b>3</b>	<b>9</b>	<b>2</b>	<b>3</b>

<i>Nội dung</i>	<b>TS</b>	<b>LT</b>	<b>TH</b>	<b>ÔT</b>	<b>KT</b>
Thực hành: Lắp mạch điện hai công tắc hai cực điều khiển hai đèn					
Thực hành: Lắp mạch điện hai công tắc ba cực điều khiển một đèn					
Thực hành: Lắp mạch điện một công tắc ba cực điều khiển hai đèn					
Lắp đặt dây dẫn của mạng điện trong nhà					
Kiểm tra an toàn mạng điện trong nhà					
Kiểm tra thực hành					
Ôn tập (lí thuyết và thực hành)					
Kiểm tra cuối năm học (lí thuyết + thực hành)					
<b>Tổng cộng:</b>	<b>35</b>	<b>6</b>	<b>21</b>	<b>3</b>	<b>5</b>
<b>V. SỬA CHỮA XE ĐẠP</b>					
<b>HỌC KÌ I</b>	<b>18</b>	<b>5</b>	<b>10</b>	<b>1</b>	<b>2</b>
Giới thiệu nghề sửa chữa xe đạp					
Cấu tạo của xe đạp					
Nguyên lí chuyển động của xe đạp					
Thực hành: Lau dầu, tra mỡ các ổ trục					
Thực hành: Chính phanh, cổ phuộc					
Kiểm tra thực hành					
Ôn tập					
Kiểm tra học kì I					
<b>HỌC KÌ II</b>	<b>17</b>	<b>3</b>	<b>10</b>	<b>2</b>	<b>2</b>
Thực hành: Thay ruột dây phanh, má phanh (1 tiết lí thuyết + 3 tiết thực hành)					
Thực hành: Vá săm, thay lốp (1 tiết lí thuyết + 3 tiết thực hành)					
Thực hành: Thay xích, líp (1 tiết lí thuyết + 5 tiết thực hành)					
Kiểm tra thực hành					
Ôn tập (lí thuyết và thực hành)					
Kiểm tra cuối năm học					
<b>Tổng cộng:</b>	<b>35</b>	<b>8</b>	<b>20</b>	<b>3</b>	<b>4</b>

-----

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

**Tài liệu**

**PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH THPT**

**MÔN CÔNG NGHỆ**

*(Dùng cho các cơ quan quản lý giáo dục và giáo viên,  
áp dụng từ năm học 2008-2009)*

# A. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG KHUNG PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH THPT

## I. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

Khung Phân phối chương trình (KPPCT) này áp dụng cho các lớp cấp THPT từ năm học 2008-2009, gồm 2 phần: (A) Hướng dẫn sử dụng KPPCT; (B) Khung PPCT.

### 1. Về khung Phân phối chương trình

KPPCT quy định thời lượng dạy học cho từng phần của chương trình (chương, phần, bài học, môđun, chủ đề,...), trong đó có thời lượng dành cho luyện tập, bài tập, ôn tập, thí nghiệm, thực hành và thời lượng tiến hành kiểm tra định kì tương ứng với các phần đó.

Thời lượng nói trên quy định tại KPPCT áp dụng trong trường hợp học 1 buổi/ngày (*thời lượng dành cho kiểm tra là không thay đổi, thời lượng dành cho các hoạt động khác là quy định tối thiểu*). Tiến độ thực hiện chương trình khi kết thúc học kì I và kết thúc năm học được quy định thống nhất cho tất cả các trường THPT trong cả nước.

Căn cứ KPPCT, các Sở GDĐT cụ thể hoá thành PPCT chi tiết, bao gồm cả chủ đề tự chọn nâng cao (nếu có) cho phù hợp với địa phương, áp dụng chung cho các trường THPT thuộc quyền quản lí. Các trường THPT có điều kiện bố trí giáo viên và kinh phí chi trả giờ dạy vượt định mức (trong đó có các trường học nhiều hơn 6 buổi/tuần), có thể đề nghị để Sở GDĐT phê chuẩn điều chỉnh PPCT tăng thời lượng dạy học cho phù hợp (*lãnh đạo Sở GDĐT phê duyệt, kí tên, đóng dấu*).

### 2. Về Phân phối chương trình dạy học tự chọn

a) Môn học tự chọn nâng cao (NC) của ban Cơ bản có thể thực hiện bằng 1 trong 2 cách: Sử dụng SGK nâng cao hoặc sử dụng SGK biên soạn theo chương trình chuẩn kết hợp với chủ đề tự chọn nâng cao (CĐNC) của môn học đó. CĐNC của 8 môn phân hóa chỉ dùng cho ban Cơ bản. Thời lượng dạy học CĐNC của môn học là khoảng chênh lệch giữa thời lượng dành cho chương trình chuẩn và chương trình nâng cao môn học đó trong Kế hoạch giáo dục THPT. Các Sở GDĐT quy định cụ thể PPCT dạy học các CĐNC cho phù hợp với mạch kiến thức của SGK môn học đó. Tài liệu CĐNC sử dụng cho cả giáo viên và học sinh.

b) Dạy học chủ đề tự chọn bám sát (CĐBS) là đề *ôn tập, hệ thống hóa, khắc sâu kiến thức, kĩ năng*, không bổ sung kiến thức nâng cao mới. Hiệu trưởng các trường THPT lập Kế hoạch dạy học CĐBS (chọn môn học, ấn định số tiết/tuần cho từng môn, tên bài dạy) cho từng lớp, ổn định trong từng học kì trên cơ sở đề nghị của các tổ trưởng chuyên môn và giáo viên chủ nhiệm lớp.

Bộ GDĐT ban hành tài liệu CĐBS lớp 10, dùng cho giáo viên để tham khảo, không ban hành tài liệu CĐBS lớp 11, 12. Giáo viên chuẩn bị kế hoạch bài giảng CĐBS với sự hỗ trợ của tổ chuyên môn.

c) Việc kiểm tra, đánh giá kết quả học tập CĐNC, CĐBS các môn học thực hiện theo quy định tại *Quy chế đánh giá, xếp loại học sinh THCS và học sinh THPT* của Bộ GDĐT.

**Lưu ý:** Các bài dạy CĐNC, CĐBS bố trí trong các chương như các bài khác, có thể có điểm kiểm tra dưới 1 tiết riêng nhưng không có điểm kiểm tra 1 tiết riêng, điểm CĐNC, CĐBS môn học nào tính cho môn học đó.

### 3. Thực hiện các hoạt động giáo dục

a) Phân công giáo viên thực hiện các Hoạt động giáo dục:

Trong KHGD quy định tại CTGDPT do Bộ GDĐT ban hành, các *hoạt động giáo dục* đã được quy định thời lượng với số tiết học cụ thể như các môn học. Đối với giáo viên được phân công thực hiện Hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp (HĐGDNGLL) và Hoạt động giáo dục hướng nghiệp (HĐGDHN) được tính giờ dạy học như các môn học; việc tham gia điều hành *HĐGD tập thể* (chào cờ đầu tuần và sinh hoạt lớp cuối tuần) là thuộc nhiệm vụ quản lý của Ban Giám hiệu và giáo viên chủ nhiệm lớp, không tính là giờ dạy học.

b) Thực hiện tích hợp giữa HĐGDNGLL, HĐGDHN, môn Công nghệ:

- HĐGDNGLL: Thực hiện đủ các chủ đề quy định cho mỗi tháng, với thời lượng 2 tiết/tháng và tích hợp nội dung HĐGDNGLL sang môn GDCD như sau:

+ Lớp 10, ở chủ đề về đạo đức;

+ Lớp 11, các chủ đề về kinh tế và chính trị - xã hội;

+ Lớp 12, ở các chủ đề về pháp luật.

Đưa nội dung giáo dục về Công ước Quyền trẻ em của Liên Hợp quốc vào HĐGDNGLL ở lớp 10 và tổ chức các hoạt động hưởng ứng phong trào "*Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực*" do Bộ GDĐT phát động.

- HĐGDHN:

Các lớp 10, 11, 12: Điều chỉnh thời lượng HĐGDHN thành 9 tiết/năm học sau khi tích hợp đưa sang giảng dạy ở môn Công nghệ (*phần "Tạo lập doanh nghiệp" lớp 10*) và tích hợp đưa sang HĐGDNGLL (do giáo viên môn Công nghệ, giáo viên HĐGDNGLL thực hiện) ở 3 *chủ đề* sau đây:

+ "*Thanh niên với vấn đề lập nghiệp*", chủ đề tháng 3;

+ "*Thanh niên với học tập, rèn luyện vì sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước*", chủ đề tháng 9;

+ "*Thanh niên với xây dựng và bảo vệ Tổ quốc*", chủ đề tháng 12.

Nội dung tích hợp do Sở GDĐT hướng dẫn hoặc uỷ quyền cho các trường THPT hướng dẫn GV thực hiện cho sát thực tiễn địa phương. Cần hướng dẫn học sinh lựa chọn con đường học lên sau THPT (ĐH, CĐ, TCN, học nghề) hoặc đi vào cuộc sống lao động. Về phương pháp tổ chức thực hiện HĐGDHN, có thể riêng theo lớp hoặc theo khối lớp; có thể giao cho giáo viên hoặc mời các chuyên gia, nhà quản lý kinh tế, quản lý doanh nghiệp giảng dạy.

c) HĐGD nghề phổ thông:

Nơi có đủ giáo viên đào tạo đúng chuyên môn, đủ CSVC phải thực hiện HĐGDNPT ở lớp 11, tổ chức thi và cấp chứng chỉ GDNPT sau khi hoàn thành chương trình 105 tiết đạt yêu cầu trở lên; nơi chưa đủ giáo viên đào tạo đúng chuyên môn, chưa đủ CSVC có thể chưa thực hiện chương trình HĐGDNPT nhưng phải khẩn trương khắc phục, không để kéo dài. Các vấn đề cụ thể về HĐGDNPT, thực hiện theo hướng dẫn tại công văn số 8608/BGDĐT-GDTrH ngày 16/8/2007 của Bộ GDĐT.

#### **4. Đổi mới phương pháp dạy học và đổi mới kiểm tra, đánh giá**

a) Chỉ đạo đổi mới phương pháp dạy học (PPDH):

- Những yêu cầu quan trọng trong đổi mới PPDH là:

+ Phát huy tính tích cực, hứng thú trong học tập của học sinh và vai trò chủ đạo của giáo viên;

+ Thiết kế bài giảng khoa học, sắp xếp hợp lý hoạt động của giáo viên và học sinh, thiết kế hệ thống câu hỏi hợp lý, tập trung vào trọng tâm, tránh nặng nề quá tải (nhất là đối với bài dài, bài khó, nhiều kiến thức mới); bồi dưỡng năng lực độc lập suy nghĩ, vận dụng sáng tạo kiến thức đã học, tránh thiên về ghi nhớ máy móc không nắm vững bản chất;

+ Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học, khuyến khích sử dụng hợp lý công nghệ thông tin, sử dụng các phương tiện nghe nhìn, thực hiện đầy đủ thí nghiệm, thực hành, liên hệ thực tế trong giảng dạy phù hợp với nội dung từng bài học;

+ Giáo viên sử dụng ngôn ngữ chuẩn xác, trong sáng, sinh động, dễ hiểu, tác phong thân thiện, khuyến khích, động viên học sinh học tập, tổ chức hợp lý cho học sinh làm việc cá nhân và theo nhóm;

+ Dạy học sát đối tượng, coi trọng bồi dưỡng học sinh khá giỏi và giúp đỡ học sinh học lực yếu kém.

- Đối với các môn học như: Mỹ thuật, Âm nhạc (THCS), Thể dục (THCS, THPT) cần coi trọng truyền thụ kiến thức, hình thành kỹ năng, bồi dưỡng hứng thú học tập, không quá thiên về đánh giá thành tích theo yêu cầu đào tạo chuyên ngành họa sỹ, nhạc sỹ, vận động viên.

- Tăng cường chỉ đạo đổi mới PPDH thông qua công tác bồi dưỡng giáo viên và dự giờ thăm lớp của giáo viên, tổ chức rút kinh nghiệm giảng dạy ở các tổ chuyên môn, hội thảo cấp trường, cụm trường, địa phương, hội thi giáo viên giỏi các cấp.

b) Đổi mới kiểm tra, đánh giá (KTĐG):

- Những yêu cầu quan trọng trong đổi mới KTĐG là:

+ Giáo viên đánh giá sát đúng trình độ học sinh với thái độ khách quan, công minh và hướng dẫn học sinh biết tự đánh giá năng lực của mình;

+ Trong quá trình dạy học, cần kết hợp một cách hợp lý hình thức tự luận với hình thức trắc nghiệm khách quan trong KTĐG kết quả học tập của học sinh, chuẩn bị tốt cho việc đổi mới các kỳ thi theo chủ trương của Bộ GDĐT.

+ Thực hiện đúng quy định của Quy chế Đánh giá, xếp loại học sinh THCS, học sinh THPT do Bộ GDĐT ban hành, tiến hành đủ số lần kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ, kiểm tra học kỳ cả lý thuyết và thực hành.

- Đổi mới đánh giá các môn Mỹ thuật, Âm nhạc (THCS), Thể dục (THCS, THPT): Đánh giá bằng điểm hoặc bằng nhận xét kết quả học tập theo quy định tại Quy chế Đánh giá, xếp loại học sinh THCS, học sinh THPT.

c) Đối với một số môn khoa học xã hội và nhân văn như: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí, Giáo dục công dân, cần coi trọng đổi mới PPDH, đổi mới KTĐG theo hướng hạn chế chỉ ghi nhớ máy móc, không nắm vững kiến thức, kỹ năng môn học. Trong quá trình dạy học, cần từng bước đổi mới KTĐG bằng cách nêu vấn đề mở, đòi hỏi học sinh phải vận dụng tổng hợp kiến thức, kỹ năng và biểu đạt chính kiến của bản thân.

d) Từ năm học 2008-2009, tập trung chỉ đạo đánh giá sâu hiệu quả dạy học của môn Giáo dục công dân để tiếp tục đổi mới PPDH, KTĐG nhằm nâng cao chất lượng môn học này *(có hướng dẫn riêng)*.

**5. Thực hiện các nội dung giáo dục địa phương** *(hướng dẫn tại công văn số 5977/BGDĐT-GDTrH ngày 07/7/2008)*

## II. NHỮNG VẤN ĐỀ CỤ THỂ CỦA MÔN CÔNG NGHỆ

### 1. Thực hiện kế hoạch giáo dục

#### 1.1. Những vấn đề chung

Từ năm học 2008-2009, Bộ GDĐT ban hành Khung phân phối chương trình (KPPCT), trong đó quy định thời lượng theo các phần, chương, các tiết thực hành, ôn tập và kiểm tra; các Sở GDĐT căn cứ KPPCT của Bộ GDĐT để xây dựng PPCT chi tiết, có thể tăng hoặc giảm thời lượng cho các bài trong sách giáo khoa (SGK) cho phù hợp với điều kiện của địa phương. Sở GDĐT có thể ủy quyền cho Hiệu trưởng các trường THPT phân phối thời lượng chi tiết cho các bài của các môn học để áp dụng phù hợp với thực tế trình độ học sinh của nhà trường và được Sở GDĐT phê duyệt. Các quy định chi tiết cần phù hợp với đặc điểm của loại hình trường (công lập, ngoài công lập), thời gian học 1 buổi/ngày hoặc 2 buổi/ngày. Giáo viên không được tự thay đổi thời lượng dành cho các bài trong các chương, phần hoặc cụm bài đã được quy định tại KPPCT của Bộ GDĐT, PPCT của Sở GDĐT. Đối với các bài dạy 2 tiết hoặc những tiết dạy 2 bài giao cho giáo viên chủ động **lựa chọn nội dung** và phân chia thời lượng phù hợp.

Trong mỗi năm học, Cấp THCS và THPT có 37 tuần thực học. Môn Công nghệ với nội dung kiến thức và tổng số tiết như năm trước nhưng được dạy trong 37 tuần, đồng thời giảm bớt một số bài hoặc nội dung của một số bài, các Sở GDĐT chủ động điều chỉnh thời lượng của các bài cho phù hợp với nội dung.

#### 1.2. Thực hiện tích hợp nội dung các môn học

Từ năm học 2008-2009, Bộ GDĐT chỉ đạo thực hiện dạy tích hợp giáo dục bảo vệ môi trường và Hoạt động Giáo dục hướng nghiệp vào môn Công nghệ, cụ thể:

- Đối với tích hợp giáo dục bảo vệ môi trường: Căn cứ vào văn bản hướng dẫn của Bộ GDĐT và tài liệu Giáo dục bảo vệ môi trường trong môn Công nghệ trung học phổ thông do Nhà xuất bản Giáo dục phát hành được cấp phát để tích hợp giáo dục bảo vệ môi trường vào các nội dung cụ thể của bài học.

- Đối với tích hợp Hoạt động giáo dục hướng nghiệp với môn Công nghệ do giáo viên Công nghệ giảng dạy. Khi thực hiện giáo viên chủ động nghiên cứu sách giáo viên Hoạt động giáo dục hướng nghiệp lớp 10, 11 và 12, lựa chọn chủ đề phù hợp để tích hợp vào nội dung các bài của môn Công nghệ.

#### 1.3. Thực hiện nội dung giáo dục địa phương

Năm học này Bộ GDĐT có văn bản số 5977/BGDĐT-GDTrH ngày 07/7/2008 hướng dẫn thực hiện các nội dung giáo dục địa phương đối với một số môn học, trong đó có môn Công nghệ. Các Sở cần chỉ đạo các trường thực hiện nghiêm túc hướng dẫn này.

##### ***Đối với lớp 10:***

Phần 1: Nông, Lâm, Ngư nghiệp.

Tùy theo điều kiện thực tế của từng địa phương để chọn dạy 1 trong 2 chương: chương 1 hoặc chương 2. Bài kiểm tra học kì I được thực hiện sau khi học xong bài 14: Thực hành: Trồng cây trong dung dịch (đối với những nơi chọn dạy chương 1) hoặc bài 35: Điều kiện phát sinh, phát triển bệnh ở vật nuôi (đối với những nơi chọn dạy chương 2). Ở chương 3, bài 40 dạy bắt buộc, còn các bài từ 41 đến 48 có thể chọn lĩnh vực phù hợp với chương 1 hoặc chương 2 đã chọn trước đó, hoặc thay thế bằng tài liệu tự biên soạn phù hợp với điều kiện giống cây trồng, vật nuôi của địa phương (theo chỉ đạo của Sở GDĐT).

Phần 2: Tạo lập doanh nghiệp.

Các Sở GDĐT chỉ đạo việc lựa chọn nội dung của sách giáo viên Hoạt động giáo dục hướng nghiệp để hướng dẫn việc tích hợp giới thiệu nhu cầu thị trường lao động của địa phương vào phần này.

##### ***Đối với lớp 11***

Ngoài việc liên hệ nội dung bài học với thực tế, các nội dung bài học cần thực hiện như sau:

1. Phần Vẽ kỹ thuật : Dạy theo phân phối chương trình.



2. Phần Cơ khí: Dạy theo phân phối chương trình.

3. Phần Động cơ đốt trong: Chọn dạy một số bài phù hợp với đặc điểm địa phương, cụ thể:

- Trong chương VII. Ứng dụng động cơ đốt, trong đó có 6 bài lý thuyết và 01 bài thực hành:

Bài 32. Khái quát về ứng dụng của động cơ đốt trong

Bài 33. Động cơ đốt trong dùng cho ô tô

Bài 34. Động cơ đốt trong dùng cho xe máy

Bài 35. Động cơ đốt trong dùng cho tàu thủy

Bài 36. Động cơ đốt trong dùng cho máy nông nghiệp

Bài 37. Động cơ đốt trong dùng cho máy phát điện

Bài 38. Thực hành: Vận hành và bảo dưỡng động cơ đốt trong.

• Bài 32 và bài 38 dạy bắt buộc, các bài còn lại có thể lựa chọn 3 trong 5 bài để giảng dạy, không nhất thiết phải dạy đủ cả 7 bài.

• Đối với vùng đô thị, có thể chọn các bài 33, 34, 37;

• Đối với vùng nông thôn, có thể chọn các bài 34, 36, 37;

• Đối với vùng ven sông, ven biển có thể chọn bài 33, 35, 37.

c) Đối với lớp 12: Dạy theo phân phối chương trình.

GV cần chủ động xem xét điều kiện cơ sở vật chất (phòng thực hành, xưởng trường, giáo viên) để lập kế hoạch dạy học phù hợp với thực tế của nhà trường.

## 2. Sử dụng thiết bị giáo dục, dạy thực hành

Do đặc thù của môn Công nghệ, có nhiều bài thực hành, giáo viên cần triệt để sử dụng các thiết bị được Bộ, Sở GDĐT cung cấp chủ động khai thác các thiết bị đã có của trường, tự sưu tầm, làm thêm các thiết bị dạy học khác để giảng dạy. Trước khi giảng dạy cần chuẩn bị chu đáo, làm thử nhiều lần để nắm chắc các thao tác kỹ thuật, chủ động hướng dẫn học sinh thực hiện.

Trong quá trình sử dụng trang thiết bị dạy học nói chung và thiết bị của phần điện tử và điện kỹ thuật lớp 12 nói riêng cần chú ý đến những điều kiện đảm bảo an toàn cho giáo viên và học sinh. Phải thực hiện nghiêm những quy định trong nội quy thực hành.

Chương trình Công nghệ lớp 10 có 1456 bài, lớp 11 có 689 và lớp 12 có 1180 bài thực hành, theo danh mục thiết bị tối thiểu của Bộ GDĐT đã ban hành, căn cứ điều kiện cơ sở vật chất, thiết bị dạy học của trường giáo viên cần khai thác triệt để các thiết bị đã có để dạy đủ các bài thực hành. Bộ GDĐT khuyến khích giáo viên sử dụng các trang thiết bị như máy tính, máy chiếu, các phần mềm để giảng dạy.

Trong quá trình giảng dạy phải đảm bảo hình thành cho học sinh những kỹ năng cần thiết: hiểu, biết được quy trình công nghệ để vận dụng vào thực tế sản xuất và đời sống. Tùy theo nội dung cụ thể từng bài với điều kiện trang thiết bị dạy học của trường, vật liệu thực hành có ở địa phương để vận dụng cho phù hợp. Các bài thực hành cần xây dựng kế hoạch từ đầu năm học để chuẩn bị đầy đủ trang thiết bị, dụng cụ và nguyên vật liệu khi thực hành.

Ở những trường không đủ điều kiện để tổ chức học thực hành, giáo viên cần chủ động tổ chức cho học sinh tham quan theo yêu cầu của chương trình. Nếu không có đủ điều kiện dạy thực hành, tổ chức tham quan các trường cần báo cáo với Sở GDĐT để tìm phương án thay thế. Để dạy thực hành hiệu quả, giáo viên cần báo cáo với hiệu trưởng nhất thiết phải bố trí, sắp xếp tiết thực hành cho hợp lý, tùy theo thời lượng bài thực hành bố trí dạy cách tuần với thời lượng từ 2 đến 3 tiết liền.

## 3. Kiểm tra đánh giá

Việc kiểm tra, đánh giá đối với học sinh thực hiện theo Quy chế đánh giá, xếp loại học sinh THCS và học sinh THPT và các văn bản hướng dẫn của Bộ GDĐT. Các bài kiểm tra định kỳ thực hiện theo quy định trong PPCT, cần kết hợp kiểm tra cả lý thuyết và thực hành. Nội dung đề bài kiểm tra cần kết hợp kiểm tra trải nghiệm khách quan với tự luận để học sinh làm quen với hình thức này.

Giáo viên phải căn cứ vào chuẩn kiến thức, kỹ năng và yêu cầu về thái độ của Chương trình giáo dục phổ thông; căn cứ vào thực tế trình độ học sinh của trường và hướng dẫn của Bộ GDĐT về đổi mới kiểm tra

đánh giá để ra đề nhằm đánh giá đúng thực chất trình độ của học sinh, đảm bảo tính khách quan, công bằng. Tùy theo yêu cầu mức độ cần đạt của mục tiêu trong mỗi chương, bài khi giáo viên ra đề cần đảm bảo tính vừa sức nhưng phải phân loại được học sinh.

#### 4. Đổi mới phương pháp dạy học

Để đảm bảo chất lượng giảng dạy, dạy phù hợp với cách biên soạn SGK mới, GV cần chủ động, tích cực thực hiện đổi mới phương pháp dạy học.

Trong quá trình vận dụng các hình thức dạy học cần phải thông qua việc tổ chức các hoạt động học tập của HS, để HS tham gia vào quá trình hoạt động nhận thức, tìm tòi, phát hiện những tri thức mới một cách tự giác, tự lực dưới sự hướng dẫn của GV.

GV cần chú trọng đến việc rèn luyện phương pháp tự học đối với HS, giảm bớt cách truyền thụ tri thức theo phương pháp thuyết trình; phải coi việc tiếp cận tri thức là điều kiện, phương tiện cho việc rèn luyện phương pháp tự học.

Trong quá trình dạy học cần tăng cường tính tự lực của cá nhân HS đồng thời chú trọng sự hợp tác, tương tác giữa các cá nhân trong nhóm, lớp nhằm đạt được mục tiêu của bài học. Một định hướng quan trọng trong đổi mới phương pháp dạy học là vừa phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của học sinh vừa tăng cường sự tương tác giữa các yếu tố của hệ thống dạy - học (thầy, trò, nội dung học tập).

Cần kết hợp linh hoạt giữa đánh giá của GV với tự đánh giá của HS, làm cho HS luôn tự ý thức được, khẳng định được kết quả, mục tiêu học tập của mình.

Hiện nay, để thực hiện đổi mới phương pháp dạy học, GV nên chuyển việc thiết kế bài dạy theo nội dung sang thiết kế bài dạy theo hoạt động của GV và HS.

## B. KHUNG PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH

**Giải thích các chữ viết tắt:** TS: Tổng số tiết; LT: Số tiết lý thuyết; TH: Số tiết thực hành; ÔT: Số tiết ôn tập; KT: Số tiết kiểm tra.

### LỚP 10

Cả năm: 37 tuần (52 tiết)

Học kì I: 19 tuần (18 tiết)

Học kì II: 18 tuần (34 tiết)

Nội dung	TS	LT	TH	ÔT	KT
<b>Phần một. NÔNG - LÂM - NGƯ NGHIỆP</b>					
Bài mở đầu	1				
<b>Chương I. Trồng trọt, lâm nghiệp đại cương</b>	<b>18</b>	<b>12</b>	<b>6</b>		
Khảo nghiệm giống cây trồng					
Sản xuất giống cây trồng					
Thực hành: Xác định sức sống của hạt					
Ứng dụng công nghệ nuôi cấy mô tế bào trong nhân giống cây trồng nông, lâm nghiệp Một số tính chất của đất trồng					
Thực hành: Xác định độ chua của đất.					
Biện pháp cải tạo và sử dụng đất xám bạc màu, đất xói mòn mạnh trơ sỏi đá,					

Nội dung	TS	LT	TH	ÔT	KT
đất mặn, đất phèn					
Thực hành: Quan sát phẫu diện đất.					
Đặc điểm, tính chất, kỹ thuật sử dụng một số loại phân bón thông thường					
Ứng dụng công nghệ vi sinh trong sản xuất phân bón					
Thực hành: Trồng cây trong dung dịch					
Điều kiện phát sinh, phát triển của sâu, bệnh hại cây trồng					
Thực hành: Nhận biết một số loại sâu, bệnh hại lúa					
Phòng trừ tổng hợp dịch hại cây trồng					
Thực hành: Pha chế dung dịch Boóc đô phòng trừ nấm hại					
Ảnh hưởng của thuốc hoá học bảo vệ thực vật đến quần thể sinh vật và môi trường					
ứng dụng công nghệ vi sinh sản xuất chế phẩm bảo vệ thực vật					
<b>Chương II. Chăn nuôi, thủy sản đại cương</b>	<b>18</b>	<b>14</b>	<b>4</b>		
Quy luật sinh trưởng, phát dục của vật nuôi					
Chọn lọc giống vật nuôi					
Thực hành : Quan sát, nhận dạng ngoại hình giống vật nuôi					
Các phương pháp nhân giống vật nuôi và thủy sản					
Sản xuất giống trong chăn nuôi và thủy sản					
Ứng dụng công nghệ tế bào trong công tác giống					
Nhu cầu dinh dưỡng của vật nuôi					
Sản xuất thức ăn cho vật nuôi					
Thực hành: Phối hợp khẩu phần ăn cho vật nuôi					
Sản xuất thức ăn nuôi thủy sản					
Thực hành: Sản xuất thức ăn hỗn hợp nuôi cá					
Ứng dụng công nghệ vi sinh để sản xuất thức ăn chăn nuôi					
Tạo môi trường sống cho vật nuôi và thủy sản					
Điều kiện phát sinh, phát triển bệnh ở vật nuôi					
Thực hành: Quan sát triệu chứng, bệnh tích của gà bị mắc bệnh Niu cát sơn và cá Trắm cỏ bị bệnh xuất huyết do vi rút					
Một số loại vắc xin và thuốc thường dùng để phòng và chữa bệnh cho vật nuôi					
Ứng dụng công nghệ sinh học trong sản xuất vắc xin và thuốc kháng sinh					
<b>Chương III. Bảo quản và chế biến nông, lâm, thủy sản</b>	<b>6</b>	<b>5</b>	<b>1</b>		

Nội dung	TS	LT	TH	ÔT	KT
Mục đích, ý nghĩa của công tác bảo quản, chế biến nông, lâm, thủy sản					
Bảo quản hạt, củ làm giống					
Bảo quản và chế biến lương thực, thực phẩm					
Bảo quản và chế biến sản phẩm chăn nuôi, thủy sản					
Chế biến sản phẩm cây công nghiệp và lâm sản					
<b>Phần hai. TẠO LẬP DOANH NGHIỆP (11 T) + HƯỚNG NGHIỆP (6T)</b>					
<b>Chương IV. Doanh nghiệp và lựa chọn lĩnh vực kinh doanh</b>	<b>5</b>	<b>4</b>	<b>1</b>		
Bài mở đầu					
Doanh nghiệp và hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp					
Lựa chọn lĩnh vực kinh doanh					
Thực hành: Lựa chọn cơ hội kinh doanh					
<b>Chương V. Tổ chức và quản lý doanh nghiệp</b>	<b>6</b>	<b>5</b>	<b>1</b>		
Xác định kế hoạch kinh doanh					
Thành lập doanh nghiệp					
Quản lý doanh nghiệp					
Thực hành					
<b>Hướng nghiệp</b>	<b>6</b>				
Ôn tập	5				
<i>Kiểm tra: kì I có 1 bài KT 1 tiết và 1 bài KT cuối kì, kì II có 2 bài KT 1 tiết (trong đó có nội dung phần hướng nghiệp) và 1 bài kiểm tra cuối năm.</i>	5				
<b>Tổng cộng:</b>	<b>52</b>				

## LỚP 11

Cả năm: 37 tuần (52 tiết)

Học kì I: 19 tuần (18 tiết)

Học kì II: 18 tuần (34 tiết)

## HỌC KÌ I

Nội dung	TS	LT	TH	ÔT	KT
<b>Phần một. VẼ KỸ THUẬT</b>					
<b>Chương I. Vẽ kỹ thuật cơ sở</b>	<b>9</b>	<b>5</b>	<b>3</b>	<b>0</b>	<b>1</b>
Tiêu chuẩn trình bày bản vẽ kỹ thuật					
Hình chiếu vuông góc					

Nội dung	TS	LT	TH	ÔT	KT
Thực hành: Vẽ các hình chiếu của vật thể đơn giản					
Mặt cắt và hình cắt					
Hình chiếu trục đo					
Thực hành: Biểu diễn vật thể					
Hình chiếu phối cảnh					
Kiểm tra					
<b>Chương II. Vẽ kĩ thuật ứng dụng</b>	<b>9</b>	<b>4</b>	<b>3</b>	<b>1</b>	<b>1</b>
Thiết kế và bản vẽ kĩ thuật					
Bản vẽ cơ khí					
Thực hành: Lập bản vẽ thiết kế của sản phẩm cơ khí đơn giản					
Bản vẽ xây dựng					
Thực hành: Đọc bản vẽ xây dựng					
Lập bản vẽ kĩ thuật bằng máy tính điện tử					
Ôn tập phần Vẽ kĩ thuật					
Kiểm tra học kì I					
<b>Cộng học kì I</b>	<b>18</b>	<b>9</b>	<b>6</b>	<b>1</b>	<b>2</b>

## HỌC KÌ II

<b>Phần hai. CHẾ TẠO CƠ KHÍ</b>					
<b>Chương III. Vật liệu cơ khí và công nghệ chế tạo phôi</b>	<b>3</b>	<b>3</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
Vật liệu cơ khí					
Công nghệ chế tạo phôi					
<b>Chương IV. Công nghệ cắt gọt kim loại và tự động hoá trong chế tạo cơ khí</b>	<b>4</b>	<b>3</b>	<b>1</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
Công nghệ cắt gọt kim loại					
Thực hành: Lập quy trình công nghệ chế tạo một chi tiết cơ khí đơn giản trên máy tiện					
Tự động hoá trong chế tạo cơ khí					
Kiểm tra					
<b>Phần ba. ĐỘNG CƠ ĐỐT TRONG</b>					
<b>Chương V. Đại cương về động cơ đốt trong</b>	<b>3</b>	<b>3</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
Khái quát về động cơ đốt trong					

Nội dung	TS	LT	TH	ÔT	KT
Nguyên lí làm việc của động cơ đốt trong					
<b>Chương VI. Cấu tạo của động cơ đốt trong</b>	<b>12</b>	<b>9</b>	<b>2</b>	<b>0</b>	<b>1</b>
Thân máy và nắp máy					
Cơ cấu trục khuỷu thanh truyền					
Cơ cấu phối khí					
Hệ thống bôi trơn					
Hệ thống làm mát					
Hệ thống cung cấp nhiên liệu và không khí trong động cơ xăng					
Hệ thống cung cấp nhiên liệu và không khí trong động cơ diesel					
Hệ thống đánh lửa					
Hệ thống khởi động					
Thực hành: Tìm hiểu cấu tạo của động cơ đốt trong					
Kiểm tra					
<b>Chương VII. Ứng dụng động cơ đốt trong</b>	<b>12</b>	<b>7</b>	<b>3</b>	<b>1</b>	<b>1</b>
<p>- Chọn 35 nội dung, từ nội dung Động cơ đốt trong dùng cho ô tô" đến nội dung Động cơ đốt trong dùng cho máy phát điện" để dạy.</p> <p>- GV lồng ghép chủ đề lựa chọn nghề nghiệp của Hoạt động giáo dục hướng nghiệp để giới thiệu về nghề cơ khí, nghề sửa chữa động cơ đốt trong, xe máy, ô tô...</p>					
Khái quát về ứng dụng của động cơ đốt trong					
Động cơ đốt trong dùng cho ô tô					
Động cơ đốt trong dùng cho xe máy					
Động cơ đốt trong dùng cho tàu thủy					
Động cơ đốt trong dùng cho máy nông nghiệp					
Động cơ đốt trong dùng cho máy phát điện					
Thực hành: Vận hành và bảo dưỡng động cơ đốt trong hoặc tham quan					
Ôn tập phần Chế tạo cơ khí và Động cơ đốt trong					
Kiểm tra học kì II					
Cộng học kì II	<b>34</b>	<b>25</b>	<b>6</b>	<b>1</b>	<b>2</b>

# LỚP 12

Cả năm: 37 tuần (35 tiết)

Học kì I: 19 tuần (18 tiết)

Học kì II: 18 tuần (17 tiết)

Tên chương	TS	LT	TH	ÔT	KT
<b>HỌC KỲ I</b>					
<b>PHẦN MỘT. KỸ THUẬT ĐIỆN TỬ</b>					
<i>Mở đầu:</i> Vai trò và triển vọng phát triển của ngành kĩ thuật điện tử trong sản xuất và đời sống (GV hướng dẫn HS tự đọc)					
<b>Chương 1. Linh kiện điện tử</b>	<b>5</b>	<b>2</b>	<b>3</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
Điện trở - Tụ điện - Cuộn cảm					
<b>Thực hành:</b> Điện trở - Tụ điện - Cuộn cảm					
Linh kiện bán dẫn IC					
<b>Thực hành:</b> Điốt - Tirixto - Triac					
<b>Thực hành:</b> Tranzito					
<b>Chương 2. Một số mạch điện tử cơ bản</b>	<b>7</b>	<b>3</b>	<b>3</b>	<b>0</b>	<b>1</b>
Khái niệm về mạch điện tử - Chính lưu - Nguồn một chiều					
Mạch khuếch đại – Mạch tạo xung					
Thiết kế mạch điện tử đơn giản					
<b>Thực hành:</b> Mạch nguồn điện một chiều					
<b>Thực hành:</b> Lắp mạch nguồn chỉnh lưu cầu có biến áp nguồn và tụ lọc					
<b>Thực hành:</b> Điều chỉnh các thông số của mạch tạo xung					
<b>Kiểm tra</b>					
<b>Chương 3. Một số mạch điện tử điều khiển</b>	<b>6</b>	<b>3</b>	<b>2</b>	<b>0</b>	<b>1</b>
Khái niệm về mạch điện tử điều khiển					
Mạch điều khiển tín hiệu					
Mạch điều khiển tốc độ động cơ xoay chiều một pha					
<b>Thực hành:</b> Mạch điều khiển tốc độ động cơ xoay chiều một pha (2 tiết)					
<b>Kiểm tra học kì I</b>					
<b>Cộng học kì I</b>	<b>18</b>	<b>8</b>	<b>8</b>	<b>0</b>	<b>2</b>
<b>HỌC KỲ II</b>					
<b>Chương 4. Điện tử dân dụng</b>	<b>5</b>	<b>4</b>	<b>1</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
Khái niệm về hệ thống thông tin viễn thông					
Máy tăng âm					
Máy thu thanh					

Máy thu hình					
<b>Thực hành:</b> Mạch khuếch đại âm tần					
<b>Phần hai. KỸ THUẬT ĐIỆN</b>					
<b>Chương 5. Mạch điện xoay chiều ba pha</b>	<b>4</b>	<b>3</b>	<b>1</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
Hệ thống điện quốc gia					
Mạch điện xoay chiều ba pha					
<b>Thực hành:</b> Nối tải ba pha hình sao và hình tam giác					
<b>Chương 6. Máy điện ba pha</b>	<b>4</b>	<b>2</b>	<b>1</b>	<b>0</b>	<b>1</b>
Máy điện xoay chiều ba pha – Máy biến áp ba pha					
Động cơ không đồng bộ ba pha					
<b>Thực hành:</b> Quan sát và mô tả cấu tạo của động cơ không đồng bộ ba pha					
Kiểm tra					
<b>Chương 7. Mạng điện sản xuất</b>	<b>4</b>	<b>1</b>	<b>1</b>	<b>1</b>	<b>1</b>
Mạng điện sản xuất quy mô nhỏ					
<b>Thực hành:</b> Tìm hiểu một mạng điện sản xuất quy mô nhỏ					
Ôn tập					
Kiểm tra cuối năm học					
<b>Cộng học kì II</b>	<b>17</b>	<b>10</b>	<b>4</b>	<b>1</b>	<b>2</b>



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Tài liệu

**PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH THCS**

MÔN **ĐỊA LÍ**

*(Dùng cho các cơ quan quản lý giáo dục và giáo viên,  
áp dụng từ năm học 2008-2009)*

# A. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG KHUNG PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH THCS

## I. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

Khung phân phối chương trình (KPPCT) này áp dụng cho cấp THCS từ năm học 2008-2009, gồm 2 phần: (A) Hướng dẫn sử dụng KPPCT; (B) Khung PPCT.

### 1. Về Khung phân phối chương trình

KPPCT quy định thời lượng dạy học cho từng phần của chương trình (chương, phần, bài học, môđun, chủ đề,...), trong đó có thời lượng dành cho luyện tập, bài tập, ôn tập, thí nghiệm, thực hành và thời lượng tiến hành kiểm tra định kỳ tương ứng với các phần đó. Thời lượng quy định tại KPPCT áp dụng trong trường hợp học 1 buổi/ngày, thời lượng dành cho kiểm tra là không thay đổi, thời lượng dành cho các hoạt động khác là quy định tối thiểu. Tiến độ thực hiện chương trình khi kết thúc học kì I và kết thúc năm học được quy định thống nhất cho tất cả các trường THCS trong cả nước. Căn cứ KPPCT, các Sở GDĐT cụ thể hoá thành PPCT chi tiết, bao gồm cả dạy học tự chọn cho phù hợp với địa phương, áp dụng chung cho các trường THCS thuộc quyền quản lí. Các trường THCS có điều kiện bố trí giáo viên và kinh phí chi trả giờ dạy vượt định mức quy định (trong đó có các trường học nhiều hơn 6 buổi/tuần), có thể chủ động đề nghị Phòng GDĐT xem xét trình Sở GDĐT phê chuẩn việc điều chỉnh PPCT tăng thời lượng dạy học cho phù hợp (*lãnh đạo Sở GDĐT phê duyệt, kí tên, đóng dấu*).

### 2. Về phân phối chương trình dạy học tự chọn

a) Thời lượng và cách tổ chức dạy học tự chọn:

Thời lượng dạy học tự chọn của các lớp cấp THCS trong Kế hoạch giáo dục là 2 tiết/tuần, dạy học chung cho cả lớp (các trường tự chủ về kinh phí có thể chia lớp thành nhóm nhỏ hơn nhưng vẫn phải theo kế hoạch chung của cả lớp).

Việc sử dụng thời lượng dạy học tự chọn THCS theo 1 trong 2 cách sau đây:

*Cách 1:* Chọn 1 trong 3 môn học, hoạt động giáo dục: Tin học, Ngoại ngữ 2, Nghề phổ thông (trong đó Ngoại ngữ 2 có thể bố trí vào 2 tiết dạy học tự chọn này hoặc bố trí ngoài thời lượng dạy học 6 buổi/tuần).

*Cách 2:* Dạy học các chủ đề tự chọn nâng cao, bám sát (CĐNC, CĐBS).

– Dạy học CĐNC là để khai thác sâu hơn kiến thức, kĩ năng của chương trình, bổ sung kiến thức, bồi dưỡng năng lực tư duy nhưng phải phù hợp với trình độ tiếp thu của học sinh.

Các Sở GDĐT tổ chức biên soạn, thẩm định tài liệu CĐNC (*trong đó có các tài liệu Lịch sử, Địa lí, Văn học địa phương*), dùng cho cấp THCS theo hướng dẫn của Bộ GDĐT (tài liệu CĐNC sử dụng cho cả giáo viên và học sinh như SGK) và quy định cụ thể PPCT dạy học các CĐNC cho phù hợp với mạch kiến thức của môn học đó. Các Phòng GDĐT đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện PPCT dạy học các CĐNC.

– Dạy học các CĐBS là để *ôn tập, hệ thống hóa, khắc sâu kiến thức, kĩ năng* (không bổ sung kiến thức nâng cao mới). Trong điều kiện chưa ban hành được tài liệu CĐNC, cần dành thời lượng dạy học tự chọn để thực hiện CĐBS nhằm ôn tập, hệ thống hóa, khắc sâu kiến thức, kĩ năng cho học sinh.

Hiệu trưởng các trường THCS chủ động lập Kế hoạch dạy học các CĐBS (chọn môn học, ấn định số tiết/tuần cho từng môn, tên bài dạy) cho từng lớp, ổn định trong từng học kì trên cơ sở đề nghị của các tổ trưởng chuyên môn và giáo viên chủ nhiệm lớp. Giáo viên chuẩn bị kế hoạch bài dạy CĐBS với sự hỗ trợ của tổ chuyên môn.

b) Kiểm tra, đánh giá kết quả dạy học tự chọn:

Việc kiểm tra, đánh giá kết quả học tập CĐTC của môn học thực hiện theo quy định tại *Quy chế đánh giá, xếp loại học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông*.

**Lưu ý:** Các bài dạy CĐTCNC, CĐBS bố trí trong các chương như các bài khác, có thể có điểm kiểm tra dưới 1 tiết riêng nhưng không có điểm kiểm tra 1 tiết riêng, điểm CĐTC môn học nào tính cho môn học đó.

### 3. Thực hiện các hoạt động giáo dục

a) Phân công giáo viên thực hiện các Hoạt động giáo dục:

Trong KHGD quy định tại CTGDPT do Bộ GDĐT ban hành, các *hoạt động giáo dục* đã được quy định thời lượng với số tiết học cụ thể như các môn học. Đối với giáo viên được phân công thực hiện Hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp (HĐGDNGLL), Hoạt động giáo dục hướng nghiệp (HĐGDHN) được tính giờ dạy như các môn học; việc tham gia điều hành *HĐGD tập thể* (chào cờ đầu tuần và sinh hoạt lớp cuối tuần) là thuộc nhiệm vụ quản lý của Ban Giám hiệu và giáo viên chủ nhiệm lớp, không tính vào giờ dạy tiêu chuẩn.

b) Tích hợp HĐGDNGLL, HĐGDHN, môn Công nghệ:

- HĐGDNGLL: Thực hiện đủ các chủ đề quy định cho mỗi tháng, với thời lượng 2 tiết/tháng và tích hợp nội dung HĐGDNGLL sang môn GDCD các lớp 6, 7, 8, 9 ở các chủ đề về đạo đức và pháp luật. Đưa nội dung về Công ước Quyền trẻ em của Liên Hợp quốc vào HĐGDNGLL ở lớp 9 và tổ chức các hoạt động hưởng ứng phong trào "*Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực*" do Bộ GDĐT phát động.

- HĐGDHN (lớp 9):

Điều chỉnh thời lượng HĐGDHN thành 9 tiết/năm học sau khi đưa một số nội dung GDHN tích hợp sang HĐGDNGLL ở 2 chủ điểm sau đây:

+ "*Truyền thống nhà trường*", chủ điểm tháng 9;

+ "*Tiến bước lên Đoàn*", chủ điểm tháng 3.

Nội dung tích hợp do Sở GDĐT (hoặc uỷ quyền cho các Phòng GDĐT) hướng dẫn trường THCS thực hiện cho sát thực tiễn địa phương. Về phương pháp tổ chức thực hiện HĐGDHN, có thể riêng theo lớp hoặc theo khối lớp; có thể giao cho giáo viên hoặc mời các chuyên gia, nhà quản lý kinh tế, quản lý doanh nghiệp giảng dạy.

### 4. Đổi mới phương pháp dạy học; đổi mới kiểm tra, đánh giá

a) Chỉ đạo đổi mới phương pháp dạy học (PPDH):

- Những yêu cầu quan trọng trong đổi mới PPDH là:

+ Phát huy tính tích cực, hứng thú trong học tập của học sinh và vai trò chủ đạo của giáo viên;

+ Thiết kế bài giảng khoa học, sắp xếp hợp lý hoạt động của giáo viên và học sinh, thiết kế hệ thống câu hỏi hợp lý, tập trung vào trọng tâm, tránh nặng nề quá tải (nhất là đối với bài dài, bài khó, nhiều kiến thức mới); bồi dưỡng năng lực độc lập suy nghĩ, vận dụng sáng tạo kiến thức đã học, tránh thiên về ghi nhớ máy móc không nắm vững bản chất;

+ Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học, khuyến khích sử dụng công nghệ thông tin, sử dụng các phương tiện nghe nhìn, thực hiện đầy đủ thí nghiệm, thực hành, liên hệ thực tế trong giảng dạy phù hợp với nội dung bài học;

+ Giáo viên sử dụng ngôn ngữ chuẩn xác, trong sáng, sinh động, dễ hiểu, tác phong thân thiện, khuyến khích, động viên học sinh học tập, tổ chức hợp lý cho học sinh làm việc cá nhân và theo nhóm;

+ Dạy học sát đối tượng, coi trọng bồi dưỡng học sinh khá giỏi và giúp đỡ học sinh học lực yếu kém.

- Đối với các môn học đòi hỏi năng khiếu như: Mỹ thuật, Âm nhạc, Thể dục cần coi trọng truyền thụ kiến thức, hình thành kỹ năng, bồi dưỡng hứng thú học tập, không quá thiên về đánh giá thành tích theo yêu cầu đào tạo chuyên ngành họa sỹ, nhạc sỹ, vận động viên.

- Tăng cường chỉ đạo đổi mới PPDH thông qua công tác bồi dưỡng giáo viên và dự giờ thăm lớp của giáo viên, tổ chức rút kinh nghiệm giảng dạy ở các tổ chuyên môn, hội thảo cấp trường, cụm trường, địa phương, hội thi giáo viên giỏi các cấp.

b) Đổi mới kiểm tra, đánh giá (KTĐG):

- Những yêu cầu quan trọng trong đổi mới KTĐG là:

+ Giáo viên đánh giá sát đúng trình độ học sinh với thái độ khách quan, công minh và hướng dẫn học sinh biết tự đánh giá năng lực của mình;

+ Trong quá trình dạy học, cần kết hợp một cách hợp lý hình thức tự luận với hình thức trắc nghiệm khách quan trong KTĐG kết quả học tập của học sinh, chuẩn bị tốt cho việc đổi mới các kỳ thi theo chủ trương của Bộ GDĐT.

+ Thực hiện đúng quy định của Quy chế Đánh giá, xếp loại học sinh THCS, học sinh THPT do Bộ GDĐT ban hành, tiến hành đủ số lần kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ, kiểm tra học kỳ cả lý thuyết và thực hành.

- Đổi mới đánh giá các môn Mỹ thuật, Âm nhạc (THCS), Thể dục (THCS, THPT): Thực hiện đánh giá bằng điểm hoặc đánh giá bằng nhận xét kết quả học tập theo quy định tại Quy chế Đánh giá, xếp loại học sinh THCS, học sinh THPT sửa đổi.

c) Đối với một số môn khoa học xã hội và nhân văn như: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí, Giáo dục công dân, cần coi trọng đổi mới PPDH, đổi mới KTĐG theo hướng hạn chế chỉ ghi nhớ máy móc, không nắm vững kiến thức, kỹ năng môn học. Trong quá trình dạy học, cần đổi mới KTĐG bằng cách nêu vấn đề mở, đòi hỏi học sinh phải vận dụng tổng hợp kiến thức, kỹ năng và biểu đạt chính kiến của bản thân.

d) Từ năm học 2008-2009, tập trung chỉ đạo đánh giá sâu hiệu quả dạy học của môn Giáo dục công dân để tiếp tục đổi mới PPDH, KTĐG nhằm nâng cao chất lượng môn học này (*có hướng dẫn riêng*).

**5. Thực hiện các nội dung giáo dục địa phương** (*hướng dẫn tại công văn số 5977/BGDĐT-GDTrH ngày 07/7/2008*)

## II. NHỮNG VẤN ĐỀ CỤ THỂ CỦA MÔN ĐỊA LÍ

### 1. Tổ chức dạy học

- Về thời lượng dạy học:

+ Địa lí lớp 6: 35 tiết;

+ Địa lí lớp 7: 70 tiết;

+ Địa lí lớp 8: 52 tiết;

+ Địa lí lớp 9: 52 tiết.

- Về kế hoạch dạy học: Trong quá trình dạy học, giáo viên cần dạy đủ số tiết lý thuyết và thực hành đã quy định trong KPPCT. Chương trình và sách giáo khoa chưa quy định nội dung cụ thể cho các tiết ôn tập. Giáo viên cần căn cứ tình hình thực tế để định ra nội dung cho các tiết *Ôn tập* nhằm củng cố hệ thống các kiến thức, kỹ năng theo yêu cầu của chương trình.

- Về đổi mới phương pháp dạy học:

Việc đổi mới phương pháp dạy học ở trường THCS cần theo 4 hướng chủ yếu:

+ Phát huy tính tích cực, tự giác, chủ động của học sinh.

+ Bồi dưỡng phương pháp tự học.

+ Rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn.

+ Tác động đến tình cảm, đem lại niềm vui, hứng thú học tập cho học sinh.

Trong đó, hướng phát huy tính tích cực, tự giác, chủ động của học sinh là cơ bản, chủ yếu, chi phối đến ba hướng sau. Điểm cốt lõi của đổi mới phương pháp dạy học là hướng tới học tập chủ động, chống lại thói quen học tập thụ động.

Để đảm bảo cho việc đổi mới phương pháp dạy học địa lí trong trường Trung học cơ sở nhanh chóng đạt hiệu quả, giáo viên cần quan tâm và thực hiện tốt các công việc sau đây:

+ Đầu tư nhiều hơn vào công tác thiết kế bài dạy học và tổ chức dạy học trên lớp theo tinh thần tổ chức các hoạt động học tập cho học sinh;

+ Vận dụng linh hoạt các phương pháp dạy học địa lí thông dụng theo hướng phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của học sinh, đồng thời mạnh dạn áp dụng các phương pháp dạy học mới như: thảo luận, khảo sát điều tra, động não;

+ Đa dạng hóa, phối hợp linh hoạt các hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân, nhóm, lớp, tham quan, khảo sát địa phương, hoạt động ngoại khóa;

+ Tích cực sử dụng phương tiện dạy học theo hướng đề cao vai trò chủ thể nhận thức của học sinh;

+ Trong quá trình dạy học, giáo viên cần chú ý hướng dẫn học sinh phân tích, giải thích các mối quan hệ địa lí, nhất là các mối quan hệ nhân quả; dành thời gian cho học sinh thu thập, xử lí thông tin dựa vào bản đồ, lược đồ, các bảng biểu, tranh ảnh... để tìm kiến thức, rèn luyện các kĩ năng và phương pháp học tập địa lí;

+ Những nơi có điều kiện, giáo viên có thể tổ chức học ngoài thực địa để giảm tính trừu tượng của kiến thức và tăng tính thực tiễn của nội dung học tập.

- Về dạy học địa lí địa phương:

+ Để tiến hành một cách có hiệu quả tiết thực hành "tìm hiểu địa phương" ở lớp 8, giáo viên nên chọn một địa điểm có nhiều ý nghĩa đối với địa phương và có nhiều thuận lợi trong việc tìm tư liệu, yêu cầu các nhóm học sinh thu thập tư liệu về địa điểm đó theo các nội dung đã gợi ý trong sách giáo khoa. Giờ thực hành, giáo viên tổ chức cho học sinh các nhóm trình bày kết quả và xây dựng thành một bản báo cáo tương đối đầy đủ về địa điểm tìm hiểu.

+ Đối với các bài dạy về địa lí tỉnh (thành phố) ở lớp 9, giáo viên cần dựa vào tài liệu địa lí địa phương, sưu tầm thêm các tư liệu về địa lí tỉnh (thành phố) như Địa chí tỉnh (thành phố), bộ sách "Địa lí các tỉnh và thành phố Việt Nam" của Nhà xuất bản Giáo dục, các cuốn niên giám thống kê của tỉnh (thành phố) hoặc Tổng cục thống kê, các sách báo khác,... để biên soạn nội dung dạy học về địa lí tỉnh (thành phố). Giáo viên cũng nên huy động học sinh mua hoặc sưu tầm các tài liệu về địa lí địa phương để làm phong phú thêm nội dung dạy học địa lí tỉnh (thành phố), hình thành ở học sinh phương pháp tìm hiểu địa lí địa phương.

- Về tích hợp một số nội dung trong dạy học địa lí: Các nội dung tích hợp trong dạy học địa lí ở trường THCS gồm có giáo dục bảo vệ môi trường, giáo dục dân số. Để có thể thực hiện tốt việc tích hợp các nội dung này, giáo viên cần chú ý một số điểm sau:

+ Tìm hiểu kĩ các nội dung có thể tích hợp trong từng bài học để xác định rõ nội dung, mức độ tích hợp và phương thức tích hợp.

+ Việc tích hợp các nội dung cần được chuẩn bị một cách cẩn thận và được thể hiện cụ thể trong kế hoạch bài dạy học cũng như khi lên lớp.

+ Việc tích hợp các nội dung cần phải hợp lí, tránh gò ép, gây quá tải nội dung học tập.

## **2. Kiểm tra, đánh giá**

- Phải thực hiện đổi mới kiểm tra, đánh giá theo hướng dẫn của Bộ GDĐT, khi ra đề kiểm tra phải bám sát chuẩn kiến thức, kĩ năng của Chương trình.

- Trong năm học phải dành 4 tiết để kiểm tra. Trong đó có 02 tiết dành cho kiểm tra giữa học kì (học kì I: 1 tiết; học kì II: 1 tiết); 02 tiết kiểm tra học kì (học kì I: 1 tiết; học kì II: 1 tiết).

- Phải đảm bảo thực hiện đúng, đủ các tiết kiểm tra, kiểm tra học kì như trong KPPCT.

- Phải đánh giá được cả kiến thức, kĩ năng, theo mức độ yêu cầu được quy định trong chương trình môn học.

- Sở GDĐT hướng dẫn về kiểm tra miệng, kiểm tra viết dưới 45 phút để đảm bảo đủ số lượng điểm kiểm tra theo quy định.

- Sau mỗi bài thực hành cần có đánh giá và cho điểm. Phải dùng điểm này làm ít nhất 1 điểm (hệ số 1) trong các điểm để xếp loại học lực của học sinh.

- Nội dung kiểm tra, đánh giá cần giảm các câu hỏi kiểm tra ghi nhớ kiến thức, tăng cường kiểm tra kiến thức ở các mức độ hiểu và vận dụng kiến thức (ví dụ: vấn đề bảo vệ môi trường, vấn đề dân số...). Cần từng bước đổi mới kiểm tra đánh giá bằng cách nêu vấn đề "mở", đòi hỏi học sinh phải vận dụng tổng hợp kiến thức, kĩ năng và biểu đạt chính kiến của bản thân.

- Cần kết hợp giữa hình thức trắc nghiệm khách quan và tự luận trong kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh.

## **B. KHUNG PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH**

### **LỚP 6**

**Cả năm: 37 tuần (35 tiết)**

**Học kì I: 19 tuần (18 tiết)**

**Học kì II: 18 tuần (17 tiết)**

Nội dung	Thời lượng
Mở đầu	1 tiết
Chương I. Trái đất	11 tiết (9 LT + 2TH)
Chương II. Các thành phần tự nhiên của Trái Đất	16 tiết (13LT + 3TH)
Ôn tập	3 tiết
Kiểm tra	4 tiết
Cộng	35 tiết (23LT+5TH+3ÔT+4KT)

Học kì I, kết thúc ở bài 14: Địa hình bề mặt Trái đất (tiếp theo).

### LỚP 7

**Cả năm: 37 tuần (70 tiết)**

**Học kì I: 19 tuần (36 tiết)**

**Học kì II: 18 tuần (34 tiết)**

Nội dung	Thời lượng
Phần I. THÀNH PHẦN NHÂN VĂN CỦA MÔI TRƯỜNG	4 tiết (3LT+1TH)
Phần II. CÁC MÔI TRƯỜNG ĐỊA LÍ <i>Chương I.</i> Môi trường đới nóng. Hoạt động kinh tế của con người ở đới nóng	8 tiết (7LT + 1TH)
<i>Chương II.</i> Môi trường đới ôn hoà. Hoạt động kinh tế của con người ở đới ôn hoà	6 tiết (5LT +1TH)
<i>Chương III.</i> Môi trường hoang mạc. Hoạt động kinh tế của con người ở hoang mạc	2 tiết (LT)
<i>Chương IV.</i> Môi trường đới lạnh. Hoạt động kinh tế của con người ở đới lạnh	2 tiết (LT)
<i>Chương V.</i> Môi trường vùng núi. Hoạt động kinh tế của con người ở vùng núi	2 tiết (LT)
Phần III. THIÊN NHIÊN VÀ CON NGƯỜI Ở CÁC CHÂU LỤC Thế giới rộng lớn và đa dạng <i>Chương VI.</i> Châu Phi	1 tiết (LT) 9 tiết (7LT +2TH)
<i>Chương VII.</i> Châu Mỹ	12 tiết (10LT + 2TH)
<i>Chương VIII.</i> Châu Nam Cực	1 tiết (LT)
<i>Chương IX.</i> Châu Đại Dương	3 tiết (2LT + 1TH)
<i>Chương X.</i> Châu Âu	11 tiết (9LT +2TH)
Ôn tập	5 tiết

Kiểm tra	4 tiết
Cộng	70 tiết (51LT+10TH+5ÔT+4KT)

Học kì I: kết thúc ở bài 31: Kinh tế châu Phi (tiếp theo).

### LỚP 8

**Cả năm: 37 tuần (52 tiết)**

**Học kì I: 19 tuần (18 tiết)**

**Học kì II: 18 tuần (34 tiết)**

Nội dung	Thời lượng
Phần I. THIÊN NHIÊN, CON NGƯỜI Ở CÁC CHÂU LỤC (tiếp theo) <i>Chương XI. Châu Á</i>	18 tiết (15LT +3TH)
<i>Chương XII. Tổng kết địa lí tự nhiên và địa lí các châu lục</i>	3 tiết (LT)
Phần II. ĐỊA LÍ VIỆT NAM	23 tiết (19LT +4TH)
Ôn tập	4 tiết
Kiểm tra	4 tiết
Cộng	52 tiết (37LT+7TH+4ÔT+4KT)

Học kì I: kết thúc ở bài 14 (Đông Nam Á- Đất liền và đảo).

### LỚP 9

**Cả năm: 37 tuần (52 tiết)**

**Học kì I: 19 tuần (35 tiết)**

**Học kì II: 18 tuần (17 tiết)**

Nội dung	Thời lượng
Địa lí Việt Nam (tiếp theo)	5 tiết (4LT +1TH)
<b>II</b> - Địa lí dân cư	
<b>III</b> - Địa lí kinh tế	11 tiết (9LT+2TH)
<b>IV</b> - Sự phân hoá lãnh thổ	24 tiết (17LT +7TH)
<b>V</b> - Địa lí địa phương	4 tiết (3LT +1TH)
Ôn tập	4 tiết
Kiểm tra	4 tiết
Cộng	52 tiết (33LT+11TH+4ÔT+4KT)

Học kì I, kết thúc ở bài 30: Thực hành: So sánh tình hình sản xuất cây công nghiệp lâu năm ở Trung du và miền núi Bắc Bộ với Tây Nguyên.

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Tài liệu

**PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH THPT**

MÔN **ĐỊA LÍ**

*(Dùng cho các cơ quan quản lý giáo dục và giáo viên,  
áp dụng từ năm học 2008-2009)*



# A. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG KHUNG PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH THPT

## I. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

Khung Phân phối chương trình (KPPCT) này áp dụng cho các lớp cấp THPT từ năm học 2008-2009, gồm 2 phần: (A) Hướng dẫn sử dụng KPPCT; (B) Khung PPCT.

### 1. Về khung Phân phối chương trình

KPPCT quy định thời lượng dạy học cho từng phần của chương trình (chương, phần, bài học, môđun, chủ đề,...), trong đó có thời lượng dành cho luyện tập, bài tập, ôn tập, thí nghiệm, thực hành và thời lượng tiến hành kiểm tra định kì tương ứng với các phần đó.

Thời lượng nói trên quy định tại KPPCT áp dụng trong trường hợp học 1 buổi/ngày (*thời lượng dành cho kiểm tra là không thay đổi, thời lượng dành cho các hoạt động khác là quy định tối thiểu*). Tiến độ thực hiện chương trình khi kết thúc học kì I và kết thúc năm học được quy định thống nhất cho tất cả các trường THPT trong cả nước. Căn cứ KPPCT, các Sở GDĐT cụ thể hoá thành PPCT chi tiết, bao gồm cả chủ đề tự chọn nâng cao (nếu có) cho phù hợp với địa phương, áp dụng chung cho các trường THPT thuộc quyền quản lí. Các trường THPT có điều kiện bố trí giáo viên và kinh phí chi trả giờ dạy vượt định mức (trong đó có các trường học nhiều hơn 6 buổi/tuần), có thể đề nghị đề Sở GDĐT phê chuẩn điều chỉnh PPCT tăng thời lượng dạy học cho phù hợp (*lãnh đạo Sở GDĐT phê duyệt, kí tên, đóng dấu*).

### 2. Về Phân phối chương trình dạy học tự chọn

a) Môn học tự chọn nâng cao (NC) của ban Cơ bản có thể thực hiện bằng 1 trong 2 cách: Sử dụng SGK nâng cao hoặc sử dụng SGK biên soạn theo chương trình chuẩn kết hợp với chủ đề tự chọn nâng cao (CĐNC) của môn học đó. CĐNC của 8 môn phân hóa chỉ dùng cho ban Cơ bản. Thời lượng dạy học CĐNC của môn học là khoảng chênh lệch giữa thời lượng dành cho chương trình chuẩn và chương trình nâng cao môn học đó trong Kế hoạch giáo dục THPT. Các Sở GDĐT quy định cụ thể PPCT dạy học các CĐNC cho phù hợp với mạch kiến thức của SGK biên soạn theo Chương trình chuẩn của môn học đó. Tài liệu CĐNC sử dụng cho cả giáo viên và học sinh.

b) Dạy học chủ đề tự chọn bám sát (CĐBS) là để *ôn tập, hệ thống hóa, khắc sâu kiến thức, kĩ năng*, không bổ sung kiến thức nâng cao mới. Hiệu trưởng các trường THPT lập Kế hoạch dạy học CĐBS (chọn môn học, ấn định số tiết/tuần cho từng môn, tên bài dạy) cho từng lớp, ổn định trong từng học kì trên cơ sở đề nghị của các tổ trưởng chuyên môn và giáo viên chủ nhiệm lớp.

Bộ GDĐT ban hành tài liệu CĐBS lớp 10, dùng cho giáo viên để tham khảo, không ban hành tài liệu CĐBS lớp 11, 12. Giáo viên chuẩn bị giáo án CĐBS với sự hỗ trợ của tổ chuyên môn.

c) Việc kiểm tra, đánh giá kết quả học tập CĐNC, CĐBS các môn học thực hiện theo quy định tại *Quy chế đánh giá, xếp loại học sinh THCS và học sinh THPT* của Bộ GDĐT.

**Lưu ý:** Các bài dạy CĐNC, CĐBS bố trí trong các chương như các bài khác, có thể có điểm kiểm tra dưới 1 tiết riêng nhưng không có điểm kiểm tra 1 tiết riêng, điểm CĐNC, CĐBS môn học nào tính cho môn học đó.

### 3. Thực hiện các hoạt động giáo dục

a) Phân công giáo viên thực hiện các Hoạt động giáo dục:

Trong KHGD quy định tại CTGDPT do Bộ GDĐT ban hành, các *hoạt động giáo dục* đã được quy định thời lượng với số tiết học cụ thể như các môn học. Đối với giáo viên được phân công thực hiện Hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp (HĐGDNGLL) và Hoạt động giáo dục hướng nghiệp (HĐGDHN) được tính giờ dạy học như các môn học; việc tham gia điều hành *HĐGD tập thể* (chào cờ đầu tuần và sinh hoạt lớp cuối tuần) là thuộc nhiệm vụ quản lý của Ban Giám hiệu và giáo viên chủ nhiệm lớp, không tính là giờ dạy học.

b) Thực hiện tích hợp giữa HĐGDNGLL, HĐGDHN, môn Công nghệ:

- HGDNGLL: Thực hiện đủ các chủ đề quy định cho mỗi tháng, với thời lượng 2 tiết/tháng và tích hợp nội dung HGDNGLL sang môn GD&CD như sau:

- + Lớp 10, ở chủ đề về đạo đức;
- + Lớp 11, các chủ đề về kinh tế và chính trị - xã hội;
- + Lớp 12, ở các chủ đề về pháp luật.

Đưa nội dung giáo dục về Công ước Quyền trẻ em của Liên Hợp quốc vào HGDNGLL ở lớp 10 và tổ chức các hoạt động hưởng ứng phong trào "*Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực*" do Bộ GD&ĐT phát động.

- HGDHVN:

Các lớp 10, 11, 12: Điều chỉnh thời lượng HGDHVN thành 9 tiết/năm học sau khi tích hợp đưa sang giảng dạy ở môn Công nghệ (*phần "Tạo lập doanh nghiệp" lớp 10*) và tích hợp đưa sang HGDNGLL (do giáo viên môn Công nghệ, giáo viên HGDNGLL thực hiện) ở 3 chủ đề sau đây:

- + "*Thanh niên với vấn đề lập nghiệp*", chủ đề tháng 3;
- + "*Thanh niên với học tập, rèn luyện vì sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước*", chủ đề tháng 9;
- + "*Thanh niên với xây dựng và bảo vệ Tổ quốc*", chủ đề tháng 12.

Nội dung tích hợp do Sở GD&ĐT hướng dẫn hoặc uỷ quyền cho các trường THPT hướng dẫn GV thực hiện cho sát thực tiễn địa phương. Cần hướng dẫn học sinh lựa chọn con đường học lên sau THPT (ĐH, CĐ, TCCN, học nghề) hoặc đi vào cuộc sống lao động. Về phương pháp tổ chức thực hiện HGDHVN, có thể riêng theo lớp hoặc theo khối lớp; có thể giao cho giáo viên hoặc mời các chuyên gia, nhà quản lý kinh tế, quản lý doanh nghiệp giảng dạy.

c) HGD ngành phổ thông:

Nơi có đủ giáo viên đào tạo đúng chuyên môn, đủ CSVN phải thực hiện HGDNPT ở lớp 11, tổ chức thi và cấp chứng chỉ GDNPT sau khi hoàn thành chương trình 105 tiết đạt yêu cầu trở lên; nơi chưa đủ giáo viên đào tạo đúng chuyên môn, chưa đủ CSVN có thể chưa thực hiện chương trình HGDNPT nhưng phải khẩn trương khắc phục, không để kéo dài. Các vấn đề cụ thể khác về HGDNPT, thực hiện theo hướng dẫn tại công văn số 8608/BGD&ĐT-GDTrH ngày 16/8/2007 của Bộ GD&ĐT.

#### **4. Đổi mới phương pháp dạy học và đổi mới kiểm tra, đánh giá**

a) Chỉ đạo đổi mới phương pháp dạy học (PPDH):

- Những yêu cầu quan trọng trong đổi mới PPDH là:

- + Phát huy tính tích cực, hứng thú trong học tập của học sinh và vai trò chủ đạo của giáo viên;
- + Thiết kế bài giảng khoa học, sắp xếp hợp lý hoạt động của giáo viên và học sinh, thiết kế hệ thống câu hỏi hợp lý, tập trung vào trọng tâm, tránh nặng nề quá tải (nhất là đối với bài dài, bài khó, nhiều kiến thức mới); bồi dưỡng năng lực độc lập suy nghĩ, vận dụng sáng tạo kiến thức đã học, tránh thiên về ghi nhớ máy móc không nắm vững bản chất;
- + Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học, khuyến khích sử dụng hợp lý công nghệ thông tin, sử dụng các phương tiện nghe nhìn, thực hiện đầy đủ thí nghiệm, thực hành, liên hệ thực tế trong giảng dạy phù hợp với nội dung từng bài học;
- + Giáo viên sử dụng ngôn ngữ chuẩn xác, trong sáng, sinh động, dễ hiểu, tác phong thân thiện, khuyến khích, động viên học sinh học tập, tổ chức cho học sinh làm việc cá nhân và theo nhóm;
- + Dạy học sát đối tượng, coi trọng bồi dưỡng học sinh khá giỏi và giúp đỡ học sinh học lực yếu kém.

- Đối với các môn học như: Mĩ thuật, Âm nhạc (THCS), Thể dục (THCS, THPT) cần coi trọng truyền thụ kiến thức, hình thành kỹ năng, bồi dưỡng hứng thú học tập, không quá thiên về đánh giá thành tích theo yêu cầu đào tạo chuyên ngành hoạ sỹ, nhạc sỹ, vận động viên.

- Tăng cường chỉ đạo đổi mới PPDH thông qua công tác bồi dưỡng giáo viên và dự giờ thăm lớp của giáo viên, tổ chức rút kinh nghiệm giảng dạy ở các tổ chuyên môn, hội thảo cấp trường, cụm trường, địa phương, hội thi giáo viên giỏi các cấp.

b) Đổi mới kiểm tra, đánh giá (KTĐG):

- Những yêu cầu quan trọng trong đổi mới KTĐG là:

+ Giáo viên đánh giá sát đúng trình độ học sinh với thái độ khách quan, công minh và hướng dẫn học sinh biết tự đánh giá năng lực của mình;

+ Trong quá trình dạy học, cần kết hợp một cách hợp lý hình thức tự luận với hình thức trắc nghiệm khách quan trong KTĐG kết quả học tập của học sinh, chuẩn bị tốt cho việc đổi mới các kỳ thi theo chủ trương của Bộ GDĐT.

+ Thực hiện đúng quy định của Quy chế Đánh giá, xếp loại học sinh THCS, học sinh THPT do Bộ GDĐT ban hành, tiến hành đủ số lần kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ, kiểm tra học kỳ cả lý thuyết và thực hành.

- Đổi mới đánh giá các môn Mĩ thuật, Âm nhạc (THCS), Thể dục (THCS, THPT): Đánh giá bằng điểm hoặc bằng nhận xét kết quả học tập theo quy định tại Quy chế Đánh giá, xếp loại học sinh THCS, học sinh THPT.

c) Đối với một số môn khoa học xã hội và nhân văn như: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí, Giáo dục công dân, cần coi trọng đổi mới PPDH, đổi mới KTĐG theo hướng hạn chế chỉ ghi nhớ máy móc, không nắm vững kiến thức, kỹ năng môn học. Trong quá trình dạy học, cần từng bước đổi mới KTĐG bằng cách nêu vấn đề mở, đòi hỏi học sinh phải vận dụng tổng hợp kiến thức, kỹ năng và biểu đạt chính kiến của bản thân.

d) Từ năm học 2008-2009, tập trung đánh giá sâu hiệu quả dạy học của môn Giáo dục công dân để tiếp tục đổi mới PPDH, KTĐG để nâng cao chất lượng môn học này (*có hướng dẫn riêng*).

**5. Thực hiện các nội dung giáo dục địa phương** (*hướng dẫn tại công văn số 5977/BGDĐT-GDTrH ngày 07/7/2008*)

## **II. NHỮNG VẤN ĐỀ CỤ THỂ CỦA MÔN ĐỊA LÍ**

### **1. Tổ chức dạy học**

- Thời lượng của môn Địa lí lớp 10:

+ Chương trình Chuẩn là 52 tiết;

+ Chương trình Nâng cao là 70 tiết.

- Thời lượng của môn Địa lí lớp 11:

+ Chương trình Chuẩn là 35 tiết;

+ Chương trình Nâng cao là 52 tiết.

- Thời lượng của môn Địa lí lớp 12:

+ Chương trình Chuẩn là 52 tiết;

+ Chương trình Nâng cao là 70 tiết.

- Về kế hoạch dạy học: Trong quá trình dạy học, giáo viên cần dạy đủ số tiết lý thuyết và thực hành đã quy định trong phân phối chương trình. Chương trình và sách giáo khoa chưa quy định nội dung cụ thể cho các tiết ôn tập. Giáo viên cần căn cứ tình hình thực tế để định ra nội dung cho các tiết *Ôn tập* nhằm củng cố hệ thống các kiến thức, kĩ năng theo yêu cầu của chương trình.

- Về Đổi mới phương pháp dạy học:

Việc đổi mới phương pháp dạy học ở trường THPT cần theo 4 hướng chủ yếu:

+ Phát huy tính tích cực, tự giác, chủ động của học sinh;

+ Bồi dưỡng phương pháp tự học;

- + Rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn;
- + Tác động đến tình cảm, đem lại niềm vui, hứng thú học tập cho học sinh.

Trong đó, hướng phát huy tính tích cực, tự giác, chống lại thói quen học tập thụ động. Đề đổi mới phương pháp dạy học địa lí trong trường THPT nhanh chóng đạt hiệu quả, giáo viên cần quan tâm và thực hiện tốt các công việc sau đây:

- + Đầu tư nhiều hơn vào công tác thiết kế bài dạy học và tổ chức dạy học trên lớp theo tinh thần tổ chức các hoạt động học tập cho học sinh.

- + Vận dụng linh hoạt các phương pháp dạy học địa lí thông dụng theo hướng phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của học sinh, đồng thời mạnh dạn áp dụng các phương pháp dạy học mới như: thảo luận, khảo sát điều tra, động não, dự án,....

- + Đa dạng hóa, phối hợp linh hoạt các hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân, nhóm, lớp, tham quan, khảo sát địa phương, hoạt động ngoại khóa,...

- + Tích cực sử dụng phương tiện dạy học, đề cao vai trò chủ thể nhận thức của học sinh.

- + Trong quá trình dạy học, giáo viên cần chú ý hướng dẫn học sinh phân tích, giải thích các mối quan hệ địa lí, nhất là các mối quan hệ nhân quả; dành thời gian cho học sinh thu thập, xử lý thông tin dựa vào bản đồ, lược đồ, các bảng biểu, tranh ảnh... để tìm kiến thức, rèn luyện các kỹ năng và phương pháp học tập địa lí.

- + Những nơi có điều kiện, giáo viên có thể tổ chức học ngoài thực địa để giảm tính trừu tượng của kiến thức và tăng tính thực tiễn của nội dung học tập.

- Về dạy học địa lí địa phương:

Để thực hiện được tốt nội dung địa lí địa phương ở lớp 12, GV cần giao nhiệm vụ cho HS tìm hiểu các nội dung theo chủ đề trước giờ học địa lí địa phương khoảng 2 tháng. Mỗi nhóm HS tìm hiểu một chủ đề theo gợi ý trong SGK. Có thể áp dụng phương pháp học theo dự án để hướng dẫn HS hoàn thành chủ đề nghiên cứu. Trong thời gian dạy học địa lí địa phương, GV dành một tiết đầu để HS hoàn thiện nội dung báo cáo, sau đó tổ chức cho HS trình bày báo cáo (tiết 2, chương trình chuẩn; tiết 2,3 chương trình nâng cao). Khi tổ chức cho HS báo cáo kết quả nghiên cứu, GV nên hướng dẫn các em trình bày, thảo luận theo kiểu một hội thảo khoa học, thông qua đó giúp HS hiểu và nắm vững các đặc trưng về địa lí tỉnh (thành phố), đồng thời biết cách tìm hiểu địa lí địa phương, cách tổ chức một hội thảo khoa học.

- Về tích hợp giáo dục môi trường trong dạy học địa lí (theo tài liệu chuyên đề, áp dụng thí điểm ở một số trường trong năm học 2008-2009).

## **2. Kiểm tra, đánh giá**

- Phải thực hiện đổi mới kiểm tra, đánh giá theo hướng dẫn của Bộ GD&ĐT, khi ra đề kiểm tra phải bám sát chuẩn kiến thức, kỹ năng của Chương trình.

- Trong cả năm học phải dành 4 tiết để kiểm tra. Trong đó có 02 tiết dành cho kiểm tra giữa học kì (học kì I: 1 tiết; học kì II: 1 tiết); 02 tiết kiểm tra học kì (học kì I: 1 tiết; học kì II: 1 tiết).

- Phải đảm bảo thực hiện đúng, đủ các tiết kiểm tra, kiểm tra học kì như trong phân phối chương trình. Cần kết hợp giữa các câu hỏi trắc nghiệm khách quan và câu hỏi tự luận trong kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh.

- Cần đánh giá và cho điểm sau mỗi bài thực hành. Phải dùng điểm này làm ít nhất 1 điểm (hệ số 1) trong các điểm để xếp loại học lực của học sinh.

- Nội dung kiểm tra, đánh giá cần giảm các câu hỏi chỉ yêu cầu thuộc bài, tăng cường kiểm tra kiến thức ở các mức độ hiểu và vận dụng kiến thức. Cần từng bước đổi mới kiểm tra đánh giá bằng cách nêu vấn đề mở, đòi hỏi học sinh phải vận dụng tổng hợp kiến thức, kỹ năng và biểu đạt chính kiến của bản thân.

## B. KHUNG PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH

### LỚP 10

Cả năm: 37 tuần (52 tiết)

Học kì I: 19 tuần (35 tiết)

Học kì II: 18 tuần (17 tiết)

Nội dung	Thời lượng
<b>Phần một - Địa lí tự nhiên</b>	
<b>Chương I</b> - Bản đồ	4 tiết (3 LT+1TH)
<b>Chương II</b> - Vũ trụ. Hệ quả các chuyển động của Trái Đất	2 tiết (LT)
<b>Chương III</b> - Cấu trúc của Trái Đất. Các quyển của lớp vỏ địa lí	14 tiết (12LT+2TH)
<b>Chương IV</b> - Một số quy luật của lớp vỏ địa lí	2 tiết (LT)
<b>Phần hai: Địa lí kinh tế - xã hội</b>	
<b>Chương V</b> - Địa lí dân cư	4 tiết (3 LT+1TH)
<b>Chương VI</b> - Cơ cấu nền kinh tế	1 tiết (LT)
<b>Chương VII</b> - Địa lí nông nghiệp	4 tiết (3 LT+1TH)
<b>Chương VIII</b> - Địa lí công nghiệp	5 tiết (4 LT+1TH)
<b>Chương IX</b> - Địa lí dịch vụ	6 tiết (5 LT+1TH)
<b>Chương X</b> - Môi trường và sự phát triển bền vững	2 tiết (LT)
Ôn tập	4 tiết
Kiểm tra	4 tiết
Cộng	52 tiết (37LT + 7TH + 4 ÔT+4 KT)

Học kì I, kết thúc ở bài 30: Vẽ và phân tích biểu đồ về sản lượng lương thực, dân số của thế giới và một số quốc gia.

### LỚP 10

#### (NÂNG CAO)

Cả năm: 37 tuần (70 tiết)

Học kì I: 19 tuần (36 tiết)

Học kì II: 18 tuần (34 tiết)

Nội dung	Thời lượng
<b>Phần một: Địa lí tự nhiên</b>	
<b>Chương I</b> - Bản đồ	5 tiết (4LT +1TH)
<b>Chương II</b> - Vũ trụ. Các vận động chính	3 tiết (2LT+1TH)

của Trái Đất trong Vũ Trụ và các hệ quả của chúng	
<b>Chương III</b> - Cấu trúc của Trái Đất. Thạch quyển	5 tiết (4LT +1TH)
<b>Chương IV</b> - Khí quyển	6 tiết (5LT +1TH)
<b>Chương V</b> - Thủy quyển	5 tiết (4LT +1TH)
<b>Chương VI</b> - Thổ nhưỡng và sinh quyển	4 tiết (3LT +1TH)
<b>Chương VII</b> - Một số quy luật của lớp vỏ địa lí	2 tiết (LT)
<b>Phần hai: Địa lí kinh tế - xã hội</b>	
<b>Chương VIII</b> - Địa lí dân cư	6 tiết (4LT +2TH)
<b>Chương IX</b> - Cơ cấu nền kinh tế. Một số tiêu chí đánh giá sự phát triển kinh tế	3 tiết (2LT +1TH)
<b>Chương X</b> - Địa lí nông nghiệp	5 tiết (4LT +1TH)
<b>Chương XI</b> - Địa lí công nghiệp	6 tiết (5LT +1TH)
<b>Chương XII</b> - Địa lí dịch vụ	9 tiết (7LT +2TH)
<b>Chương XIII</b> - Môi trường và sự phát triển bền vững	3 tiết (2LT +1TH)
Ôn tập	4 tiết
Kiểm tra	4 tiết
Cộng	70 tiết (48LT + 14TH + 4ÔT + 4KT)

Học kì I, kết thúc ở bài 31: Cơ cấu dân số.

## LỚP 11

**Cả năm: 37 tuần (35 tiết)**

**Học kì I: 19 tuần (18 tiết)**

**Học kì II: 18 tuần (17 tiết)**

<b>Nội dung</b>	<b>Thời lượng</b>
A - Khái quát về nền kinh tế - xã hội thế giới	7 tiết (6LT + 1TH)
B - Địa lí khu vực và quốc gia	22 tiết (15LT + 7TH)
Ôn tập	2 tiết
Kiểm tra	4 tiết
Cộng	35 tiết (21LT + 8TH + 2ÔT + 4KT)

Học kì I, kết thúc ở bài 8: Liên bang Nga.

**LỚP 11**  
**(NÂNG CAO)**

**Cả năm: 37 tuần (52 tiết)**  
**Học kì I: 19 tuần (18 tiết)**  
**Học kì II: 18 tuần (34 tiết)**

<b>Nội dung</b>	<b>Thời lượng</b>
<b>A - Khái quát về nền kinh tế - xã hội thế giới</b>	9 tiết (7LT+2TH)
<b>B - Địa lí khu vực và quốc gia</b>	35 tiết (25LT + 10TH)
Ôn tập	4 tiết
Kiểm tra	4 tiết
<b>Cộng</b>	<b>52 tiết (32LT + 12TH + 4ÔT + 4KT)</b>

Học kì I, kết thúc ở bài 8: Cộng hoà liên bang Bra-xin.

**LỚP 12**

**Cả năm: 37 tuần (52 tiết)**  
**Học kì I: 19 tuần (18 tiết)**  
**Học kì II: 18 tuần (34 tiết)**

<b>Nội dung</b>	<b>Thời lượng</b>
Việt Nam trên đường đổi mới và hội nhập	1 tiết
Địa lí tự nhiên	14 tiết (12LT + 2TH)
Địa lí dân cư	4 tiết (3LT + 1TH)
Địa lí kinh tế	24 Tiết (19LT + 5TH)
Địa lí địa phương	2 tiết (TH)
Ôn tập	3 tiết
Kiểm tra	4 tiết
<b>Cộng</b>	<b>52 tiết (36LT + 9TH + 3ÔT + 4KT)</b>

Học kì I, kết thúc ở bài 15: Bảo vệ môi trường và phòng chống thiên tai.

**LỚP 12**  
**(NÂNG CAO)**

**Cả năm: 37 tuần (70 tiết)**

**Học kì I: 19 tuần (37 tiết)**

**Học kì II: 18 tuần (33 tiết)**

<b>Nội dung</b>	<b>Thời lượng</b>
Việt Nam trên đường đổi mới và hội nhập	1 tiết
Địa lí tự nhiên	19 tiết (15LT + 4TH)
Địa lí dân cư	5 tiết (4LT + 1TH)
Địa lí kinh tế	34 Tiết (26LT + 8TH)
Địa lí địa phương	3 tiết (TH)
Ôn tập	4 tiết
Kiểm tra	4 tiết
Cộng	70 tiết (46LT + 16TH + 4ÔT + 4KT)

Học kì I, kết thúc ở bài 33: Tổ chức lãnh thổ nông nghiệp.

---



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Tài liệu

**PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH THCS**

MÔN **GIÁO DỤC CÔNG DÂN**

*(Dùng cho các cơ quan quản lý giáo dục và giáo viên,  
áp dụng từ năm học 2008-2009)*

# A. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG KHUNG PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH THCS

## I. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

Khung phân phối chương trình (KPPCT) này áp dụng cho cấp THCS từ năm học 2008-2009, gồm 2 phần: (A) Hướng dẫn sử dụng KPPCT; (B) Khung PPCT.

### 1. Về Khung phân phối chương trình

KPPCT quy định thời lượng dạy học cho từng phần của chương trình (chương, phần, bài học, môđun, chủ đề,...), trong đó có thời lượng dành cho luyện tập, bài tập, ôn tập, thí nghiệm, thực hành và thời lượng tiến hành kiểm tra định kì tương ứng với các phần đó.

Thời lượng quy định tại KPPCT áp dụng trong trường hợp học 1 buổi/ngày, thời lượng dành cho kiểm tra là không thay đổi, thời lượng dành cho các hoạt động khác là quy định tối thiểu. Tiến độ thực hiện chương trình khi kết thúc học kì I và kết thúc năm học được quy định thống nhất cho tất cả các trường THCS trong cả nước.

Căn cứ KPPCT, các Sở GDĐT cụ thể hoá thành PPCT chi tiết, bao gồm cả dạy học tự chọn cho phù hợp với địa phương, áp dụng chung cho các trường THCS thuộc quyền quản lí. Các trường THCS có điều kiện bố trí giáo viên và kinh phí chi trả giờ dạy vượt định mức quy định (trong đó có các trường học nhiều hơn 6 buổi/tuần), có thể chủ động đề nghị Phòng GDĐT xem xét trình Sở GDĐT phê chuẩn việc điều chỉnh PPCT tăng thời lượng dạy học cho phù hợp (*lãnh đạo Sở GDĐT phê duyệt, kí tên, đóng dấu*).

### 2. Về phân phối chương trình dạy học tự chọn

a) Thời lượng và cách tổ chức dạy học tự chọn:

Thời lượng dạy học tự chọn của các lớp cấp THCS trong Kế hoạch giáo dục là 2 tiết/tuần, dạy học chung cho cả lớp (các trường tự chủ về kinh phí có thể chia lớp thành nhóm nhỏ hơn nhưng vẫn phải theo kế hoạch chung của cả lớp).

Việc sử dụng thời lượng dạy học tự chọn THCS theo 1 trong 2 cách sau đây:

*Cách 1:* Chọn 1 trong 3 môn học, hoạt động giáo dục : Tin học, Ngoại ngữ 2, Nghề phổ thông (trong đó Ngoại ngữ 2 có thể bố trí vào 2 tiết dạy học tự chọn này hoặc bố trí ngoài thời lượng dạy học 6 buổi/tuần).

*Cách 2:* Dạy học các chủ đề tự chọn nâng cao, bám sát (CĐNC, CĐBS).

– Dạy học CĐNC là để khai thác sâu hơn kiến thức, kĩ năng của chương trình, bổ sung kiến thức, bồi dưỡng năng lực tư duy nhưng phải phù hợp với trình độ tiếp thu của học sinh.

Các Sở GDĐT tổ chức biên soạn, thẩm định tài liệu CĐNC (*trong đó có các tài liệu Lịch sử, Địa lí, Văn học địa phương*), dùng cho cấp THCS theo hướng dẫn của Bộ GDĐT (tài liệu CĐNC sử dụng cho cả giáo viên và học sinh như SGK) và quy định cụ thể PPCT dạy học các CĐNC cho phù hợp với mạch kiến thức của môn học đó. Các Phòng GDĐT đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện PPCT dạy học các CĐNC.

– Dạy học các CĐBS là để *ôn tập, hệ thống hóa, khắc sâu kiến thức, kĩ năng* (không bổ sung kiến thức nâng cao mới). Trong điều kiện chưa ban hành được tài liệu CĐNC, cần dành thời lượng dạy học tự chọn để thực hiện CĐBS nhằm ôn tập, hệ thống hóa, khắc sâu kiến thức, kĩ năng cho học sinh.

Hiệu trưởng các trường THCS chủ động lập Kế hoạch dạy học các CĐBS (chọn môn học, ấn định số tiết/tuần cho từng môn, tên bài dạy) cho từng lớp, ổn định trong từng học kì trên cơ sở đề nghị của các tổ trưởng chuyên môn và giáo viên chủ nhiệm lớp. Giáo viên chuẩn bị kế hoạch bài dạy (giáo án) CĐBS với sự hỗ trợ của tổ chuyên môn.

b) Kiểm tra, đánh giá kết quả dạy học tự chọn:

Việc kiểm tra, đánh giá kết quả học tập CĐTC của môn học thực hiện theo quy định tại *Quy chế đánh giá, xếp loại học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông*.

**Lưu ý:** Các bài dạy CĐTCNC, CĐBS bố trí trong các chương như các bài khác, có thể có điểm kiểm tra dưới 1 tiết riêng nhưng không có điểm kiểm tra 1 tiết riêng, điểm CĐTC môn học nào tính cho môn học đó.

### **3. Thực hiện các hoạt động giáo dục**

a) Phân công giáo viên thực hiện các Hoạt động giáo dục:

Trong KHGD quy định tại CTGDPT do Bộ GDĐT ban hành, các *hoạt động giáo dục* đã được quy định thời lượng với số tiết học cụ thể như các môn học. Đối với giáo viên được phân công thực hiện Hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp (HĐGDNGLL), Hoạt động giáo dục hướng nghiệp (HĐGDHN) được tính giờ dạy như các môn học; việc tham gia điều hành *HĐGD tập thể* (chào cờ đầu tuần và sinh hoạt lớp cuối tuần) là thuộc nhiệm vụ quản lý của Ban Giám hiệu và giáo viên chủ nhiệm lớp, không tính là giờ dạy.

b) Tích hợp HĐGDNGLL, HĐGDHN, môn Công nghệ:

- HĐGDNGLL: Thực hiện đủ các chủ đề quy định cho mỗi tháng, với thời lượng 2 tiết/tháng và tích hợp nội dung HĐGDNGLL sang môn GDĐD các lớp 6, 7, 8, 9 ở các chủ đề về đạo đức và pháp luật. Đưa nội dung về Công ước Quyền trẻ em của Liên Hợp quốc vào HĐGDNGLL ở lớp 9 và tổ chức các hoạt động hưởng ứng phong trào "*Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực*" do Bộ GDĐT phát động.

- HĐGDHN (lớp 9):

Điều chỉnh thời lượng HĐGDHN thành 9 tiết/năm học sau khi đưa một số nội dung GDHN tích hợp sang HĐGDNGLL ở 2 *chủ điểm* sau đây:

+ "*Truyền thống nhà trường*", chủ điểm tháng 9;

+ "*Tiến bước lên Đoàn*", chủ điểm tháng 3.

Nội dung tích hợp do Sở GDĐT (hoặc uỷ quyền cho các Phòng GDĐT) hướng dẫn trường THCS thực hiện cho sát thực tiễn địa phương. Về phương pháp tổ chức thực hiện HĐGDHN, có thể riêng theo lớp hoặc theo khối lớp; có thể giao cho giáo viên hoặc mời các chuyên gia, nhà quản lý kinh tế, quản lý doanh nghiệp giảng dạy.

### **4. Đổi mới phương pháp dạy học; đổi mới kiểm tra, đánh giá**

a) Chỉ đạo đổi mới phương pháp dạy học (PPDH):

- Những yêu cầu quan trọng trong đổi mới PPDH là:

+ Phát huy tính tích cực, hứng thú trong học tập của học sinh và vai trò chủ đạo của giáo viên;

+ Thiết kế bài giảng khoa học, sắp xếp hợp lý hoạt động của giáo viên và học sinh, thiết kế hệ thống câu hỏi hợp lý, tập trung vào trọng tâm, tránh nặng nề quá tải (nhất là đối với bài dài,

bài khó, nhiều kiến thức mới); bồi dưỡng năng lực độc lập suy nghĩ, vận dụng sáng tạo kiến thức đã học, tránh thiên về ghi nhớ máy móc không nắm vững bản chất;

+ Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học, khuyến khích sử dụng công nghệ thông tin, sử dụng các phương tiện nghe nhìn, thực hiện đầy đủ thí nghiệm, thực hành, liên hệ thực tế trong giảng dạy phù hợp với nội dung từng bài học;

+ Giáo viên sử dụng ngôn ngữ chuẩn xác, trong sáng, sinh động, dễ hiểu, tác phong thân thiện, khuyến khích, động viên học sinh học tập, tổ chức hợp lý cho học sinh làm việc cá nhân và theo nhóm;

+ Dạy học sát đối tượng, coi trọng bồi dưỡng học sinh khá giỏi và giúp đỡ học sinh học lực yếu kém.

- Đối với các môn học đòi hỏi năng khiếu như: Mỹ thuật, Âm nhạc, Thể dục cần coi trọng truyền thụ kiến thức, hình thành kỹ năng, bồi dưỡng hứng thú học tập, không quá thiên về đánh giá thành tích theo yêu cầu đào tạo chuyên ngành họa sỹ, nhạc sỹ, vận động viên.

- Tăng cường chỉ đạo đổi mới PPDH thông qua công tác bồi dưỡng giáo viên và dự giờ thăm lớp của giáo viên, tổ chức rút kinh nghiệm giảng dạy ở các tổ chuyên môn, hội thảo cấp trường, cụm trường, địa phương, hội thi giáo viên giỏi các cấp.

b) Đổi mới kiểm tra, đánh giá (KTĐG):

- Những yêu cầu quan trọng trong đổi mới KTĐG là:

+ Giáo viên đánh giá sát đúng trình độ học sinh với thái độ khách quan, công minh và hướng dẫn học sinh biết tự đánh giá năng lực của mình;

+ Trong quá trình dạy học, cần kết hợp một cách hợp lý hình thức tự luận với hình thức trắc nghiệm khách quan trong KTĐG kết quả học tập của học sinh, chuẩn bị tốt cho việc đổi mới các kỳ thi theo chủ trương của Bộ GDĐT.

+ Thực hiện đúng quy định của Quy chế Đánh giá, xếp loại học sinh THCS, học sinh THPT do Bộ GDĐT ban hành, tiến hành đủ số lần kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ, kiểm tra học kỳ cả lý thuyết và thực hành.

- Đổi mới đánh giá các môn Mỹ thuật, Âm nhạc (THCS), Thể dục (THCS, THPT): Thực hiện đánh giá bằng điểm hoặc đánh giá bằng nhận xét kết quả học tập theo quy định tại Quy chế Đánh giá, xếp loại học sinh THCS, học sinh THPT sửa đổi.

c) Đối với một số môn khoa học xã hội và nhân văn như: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí, Giáo dục công dân, cần coi trọng đổi mới PPDH, đổi mới KTĐG theo hướng hạn chế chỉ ghi nhớ máy móc, không nắm vững kiến thức, kỹ năng môn học. Trong quá trình dạy học, cần đổi mới KTĐG bằng cách nêu vấn đề mở, đòi hỏi học sinh phải vận dụng tổng hợp kiến thức, kỹ năng và biểu đạt chính kiến của bản thân.

d) Từ năm học 2008-2009, tập trung chỉ đạo đánh giá sâu hiệu quả dạy học của môn Giáo dục công dân để tiếp tục đổi mới PPDH, KTĐG nhằm nâng cao chất lượng môn học này (*có hướng dẫn riêng*).

**5. Thực hiện các nội dung giáo dục địa phương** (*hướng dẫn tại công văn số 5977/BGDĐT-GDTrH ngày 07/7/2008*)

## II. NHỮNG VẤN ĐỀ CỤ THỂ CỦA MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN

### 1. Tổ chức dạy học

a) Chương trình môn giáo dục công dân (GDCD) có 35 tiết được thực hiện trong 37 tuần của năm học. Sở GDĐT hướng dẫn việc bố trí dạy cụ thể cho phù hợp với địa phương.

b) Những bài bố trí từ 2 tiết trở lên, không quy định cụ thể nội dung cho từng tiết, giáo viên căn cứ vào đặc điểm, trình độ tiếp thu của học sinh mà phân phối nội dung cho hợp lý. Có thể phân phối nội dung một cách cân đối cho các tiết. Có thể dạy phần lớn nội dung trong những tiết đầu, tiết cuối dạy phần còn lại và luyện tập, thực hành vận dụng các kiến thức đã học vào cuộc sống thực tiễn.

c) Các tiết thực hành, ngoại khoá thực hiện như sau:

- Sở GDĐT có thể uỷ nhiệm cho Phòng GDĐT hoặc trường THCS lựa chọn nội dung cho các tiết thực hành ngoại khoá dựa trên các vấn đề sau:

- + Vận dụng các kiến thức đã học vào cuộc sống thực tiễn;
- + Những vấn đề đạo đức và pháp luật của địa phương tương ứng với các bài đã học;
- + Những vấn đề bức xúc cần giáo dục cho học sinh ở địa phương như: trật tự an toàn giao thông; giáo dục môi trường; phòng chống HIV/AIDS, ma túy, tệ nạn xã hội;
- + Những gương người tốt, việc tốt, những học sinh chăm ngoan, vượt khó, học giỏi;
- + Các hoạt động chính trị xã hội của địa phương.

- Nội dung tiết thực hành, ngoại khoá có thể thay đổi từng năm.

- Hình thức thể hiện: tổ chức trao đổi, thảo luận, liên hệ với thực tế nhà trường; có thể đi tham quan, tổ chức thi tìm hiểu; có thể mời cán bộ, chuyên gia đến nói chuyện, trao đổi ...

d) Đối với các tiết Ôn tập học kỳ, giáo viên cần căn cứ đặc điểm tình hình thực tế để định ra nội dung ôn tập phù hợp với trình độ của học sinh, đảm bảo ôn tập đủ các kiến thức, rèn luyện kỹ năng theo yêu cầu. Cần hướng dẫn cho học sinh chuẩn bị trước nội dung ôn tập ở nhà để tiết ôn tập trên lớp có thể phát huy tốt sự làm việc tích cực, chủ động của học sinh.

### 2. Phương pháp và hình thức dạy học

a) Cần kết hợp sáng tạo các phương pháp truyền thống (thuyết giảng, vấn đáp, trực quan ...) với các phương pháp hiện đại (động não, thảo luận nhóm, đóng vai, tình huống, giải quyết vấn đề, dự án ...) để phát huy tính tích cực, tự giác, chủ động, sáng tạo của học sinh; tạo hứng thú học tập cho học sinh. Sử dụng hợp lý hình thức học cá nhân, theo nhóm, theo lớp; hình thức dạy trong lớp, ngoài lớp, ngoài trường.

b) Cần tích hợp một cách hợp lý vào bài học các nội dung cần giáo dục cho học sinh như: trật tự an toàn giao thông; môi trường; phòng chống HIV/AIDS, ma túy, tệ nạn xã hội...

c) Cần kết hợp nhuần nhuyễn giữa truyền thụ kiến thức, rèn luyện kỹ năng với giáo dục *tinh thần* tự giác, trung thực tham gia các hoạt động học tập, *thái độ* đối với mọi người, tổ chức, sự kiện, với nghĩa vụ của bản thân, tiến bộ đạt được trong *ý thức* công dân, trong *hành vi* tuân thủ kỷ luật, pháp luật để thực hiện mục tiêu môn học.

### 3. Kiểm tra, đánh giá

- Trong năm học 2008-2009, Bộ GDĐT sẽ chỉ đạo các trường học, cơ quan quản lý giáo dục tập trung đánh giá chất lượng, hiệu quả của việc thực hiện mục tiêu môn Giáo dục công dân.

- Đổi mới kiểm tra, đánh giá theo hướng dẫn của Bộ GDĐT. Khi ra đề kiểm tra (dưới 1 tiết, 1 tiết, học kỳ) phải bám sát chuẩn kiến thức, kỹ năng, yêu cầu về thái độ của học sinh.

- Cần yêu cầu học sinh không dừng lại ở học thuộc bài mà phải nắm vững kiến thức, rèn luyện kỹ năng, thể hiện thái độ đúng; biết vận dụng kiến thức vào việc giải quyết các vấn đề, tình huống thực tế; biết liên hệ kiến thức với thực tiễn cuộc sống, thể hiện được kỹ năng diễn đạt, biểu đạt thái độ, trình bày ý kiến của bản thân.

- Kiểm tra, đánh giá không chỉ qua bài viết, bài đọc của học sinh với yêu cầu về kiến thức, kỹ năng mà còn thông qua tinh thần tự giác, trung thực tham gia các hoạt động học tập, thái độ đối với mọi người, tổ chức, sự kiện, đối với nghĩa vụ của bản thân, tiến bộ đạt được trong ý thức công dân, trong hành vi tuân thủ kỷ luật, pháp luật.

- Có thể kết hợp một cách hợp lý hình thức tự luận và trắc nghiệm khách quan trong kiểm tra đánh giá học sinh.

#### **4. Thiết bị, phương tiện dạy học**

Tận dụng các trang thiết bị được cung cấp như đèn chiếu, băng hình, tranh ảnh, giấy khổ lớn ...; tích cực làm đồ dùng dạy học đơn giản như các biểu bảng, sơ đồ, tranh ảnh, phiếu học tập .... Các thiết bị, phương tiện là điều kiện để thực hiện đổi mới phương pháp dạy học, làm tăng tính hấp dẫn, gây hứng thú học tập cho học sinh.

## **B. KHUNG PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH**

**Cả năm: 37 tuần (35 tiết)**

### **Lớp 6**

- Phần Đạo đức (từ bài 1 đến bài 11)	14 tiết
- Phần Pháp luật (từ bài 12 đến bài 18)	12 tiết
- Thực hành, ngoại khoá	3 tiết
- Kiểm tra viết 45' trong học kỳ I	1 tiết
- Ôn tập học kỳ I	1 tiết
Học kỳ I dạy đến hết bài 11	
- Kiểm tra học kỳ I	1 tiết
- Kiểm tra viết 45' trong học kỳ II	1 tiết
- Ôn tập học kỳ II	1 tiết
- Kiểm tra học kỳ II	1 tiết
Cộng:	35 tiết

### **Lớp 7**

- Phần Đạo đức (từ bài 1 đến bài 12)	15 tiết
- Phần Pháp luật (từ bài 13 đến bài 18)	11 tiết
- Thực hành, ngoại khoá	3 tiết
- Kiểm tra viết 45' trong học kỳ I	1 tiết

- Ôn tập học kỳ I	1 tiết
Học kỳ I dạy đến hết bài 11	
- Kiểm tra học kỳ I	1 tiết
- Kiểm tra viết 45' trong học kỳ II	1 tiết
- Ôn tập học kỳ II	1 tiết
- Kiểm tra học kỳ II	1 tiết
Cộng:	35 tiết

### **Lớp 8**

- Phần Đạo đức (từ bài 1 đến bài 11 )	12 tiết
- Phần Pháp luật (từ bài 12 đến bài 21)	14 tiết
- Thực hành, ngoại khoá	3 tiết
- Kiểm tra viết 45' trong học kỳ I	1 tiết
- Ôn tập học kỳ I	1 tiết
Học kỳ I dạy đến hết bài 12	
- Kiểm tra học kỳ I	1 tiết
- Kiểm tra viết 45' trong học kỳ II	1 tiết
- Ôn tập học kỳ II	1 tiết
- Kiểm tra học kỳ II	1 tiết
Cộng:	35 tiết

### **Lớp 9**

- Phần Đạo đức (từ bài 1 đến bài 11)	15 tiết
- Phần Pháp luật ( từ bài 12 đến bài 18)	11 tiết
- Thực hành, ngoại khoá	3 tiết
- Kiểm tra viết 45' trong học kỳ I	1 tiết
- Ôn tập học kỳ I	1 tiết
Học kỳ I dạy đến hết bài 10	
- Kiểm tra học kỳ I	1 tiết
- Kiểm tra viết 45' trong học kỳ II	1 tiết
- Ôn tập học kỳ II	1 tiết
- Kiểm tra học kỳ II	1 tiết
Cộng:	35 tiết

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Tài liệu

**PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH THPT**

MÔN **GIÁO DỤC CÔNG DÂN**

*(Dùng cho các cơ quan quản lý giáo dục và giáo viên,  
áp dụng từ năm học 2008-2009)*



# A. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG KHUNG PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH THPT

## I. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

Khung Phân phối chương trình (KPPCT) này áp dụng cho các lớp cấp THPT từ năm học 2008-2009, gồm 2 phần: (A) Hướng dẫn sử dụng KPPCT; (B) Khung PPCT.

### 1. Về khung Phân phối chương trình

KPPCT quy định thời lượng dạy học cho từng phần của chương trình (chương, phần, bài học, môđun, chủ đề,...), trong đó có thời lượng dành cho luyện tập, bài tập, ôn tập, thí nghiệm, thực hành và thời lượng tiến hành kiểm tra định kỳ tương ứng với các phần đó. Thời lượng nói trên quy định tại KPPCT áp dụng trong trường hợp học 1 buổi/ngày (*thời lượng dành cho kiểm tra là không thay đổi, thời lượng dành cho các hoạt động khác là quy định tối thiểu*). Tiến độ thực hiện chương trình khi kết thúc học kì I và kết thúc năm học được quy định thống nhất cho tất cả các trường THPT trong cả nước. Căn cứ KPPCT, các Sở GDĐT cụ thể hoá thành PPCT chi tiết, bao gồm cả chủ đề tự chọn nâng cao (nếu có) cho phù hợp với địa phương, áp dụng chung cho các trường THPT thuộc quyền quản lí. Các trường THPT có điều kiện bố trí giáo viên và kinh phí chi trả giờ dạy vượt định mức (trong đó có các trường học nhiều hơn 6 buổi/tuần), có thể đề nghị để Sở GDĐT phê chuẩn điều chỉnh PPCT tăng thời lượng dạy học cho phù hợp (*lãnh đạo Sở GDĐT phê duyệt, kí tên, đóng dấu*).

### 2. Về Phân phối chương trình dạy học tự chọn

a) Môn học tự chọn nâng cao (NC) của ban Cơ bản có thể thực hiện bằng 1 trong 2 cách: Sử dụng SGK nâng cao hoặc sử dụng SGK biên soạn theo chương trình chuẩn kết hợp với chủ đề tự chọn nâng cao (CĐNC) của môn học đó. CĐNC của 8 môn phân hóa chỉ dùng cho ban Cơ bản. Thời lượng dạy học CĐNC của môn học là khoảng chênh lệch giữa thời lượng dành cho chương trình chuẩn và chương trình nâng cao môn học đó trong Kế hoạch giáo dục THPT. Các Sở GDĐT quy định cụ thể PPCT dạy học các CĐNC cho phù hợp với mạch kiến thức của SGK môn học đó. Tài liệu CĐNC sử dụng cho cả giáo viên và học sinh.

b) Dạy học chủ đề tự chọn bám sát (CĐBS) là để *ôn tập, hệ thống hóa, khắc sâu kiến thức, kĩ năng*, không bổ sung kiến thức nâng cao mới. Hiệu trưởng các trường THPT lập Kế hoạch dạy học CĐBS (chọn môn học, ấn định số tiết/tuần cho từng môn, tên bài dạy) cho từng lớp, ổn định trong từng học kì trên cơ sở đề nghị của các tổ trưởng chuyên môn và giáo viên chủ nhiệm lớp. Bộ GDĐT ban hành tài liệu CĐBS lớp 10, dùng cho giáo viên để tham khảo, không ban hành tài liệu CĐBS lớp 11, 12. Giáo viên chuẩn bị kế hoạch bài giảng CĐBS với sự hỗ trợ của tổ chuyên môn.

c) Việc kiểm tra, đánh giá kết quả học tập CĐNC, CĐBS các môn học thực hiện theo quy định tại *Quy chế đánh giá, xếp loại học sinh THCS và học sinh THPT* của Bộ GDĐT.

**Lưu ý:** Các bài dạy CĐNC, CĐBS bố trí trong các chương như các bài khác, có thể có điểm kiểm tra dưới 1 tiết riêng nhưng không có điểm kiểm tra 1 tiết riêng, điểm CĐNC, CĐBS môn học nào tính cho môn học đó.

### 3. Thực hiện các hoạt động giáo dục

a) Phân công giáo viên thực hiện các Hoạt động giáo dục:

Trong KHGD quy định tại CTGDPT do Bộ GDĐT ban hành, các *hoạt động giáo dục* đã được quy định thời lượng với số tiết học cụ thể như các môn học. Đối với giáo viên được phân công thực hiện Hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp (HĐGDNGLL) và Hoạt động giáo dục hướng nghiệp (HĐGDHN) được tính giờ dạy học như các môn học; việc tham gia điều hành *HĐGD tập thể* (chào cờ đầu tuần và sinh hoạt lớp cuối tuần) là thuộc nhiệm vụ quản lý của Ban Giám hiệu và giáo viên chủ nhiệm lớp, không tính là giờ dạy học.

b) Thực hiện tích hợp giữa HĐGDNGLL, HĐGDHN, môn Công nghệ:

- HĐGDNGLL: Thực hiện đủ các chủ đề quy định cho mỗi tháng, với thời lượng 2 tiết/tháng và tích hợp nội dung HĐGDNGLL sang môn GDCD như sau:

+ Lớp 10, ở chủ đề về đạo đức;

+ Lớp 11, các chủ đề về kinh tế và chính trị - xã hội;

+ Lớp 12, ở các chủ đề về pháp luật.

Đưa nội dung giáo dục về Công ước Quyền trẻ em của Liên Hợp quốc vào HĐGDNGLL ở lớp 10 và tổ chức hưởng ứng phong trào "*Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực*" do Bộ GDĐT phát động.

- HĐGDHN:

Các lớp 10, 11, 12: Điều chỉnh thời lượng HĐGDHN thành 9 tiết/năm học sau khi tích hợp đưa sang giảng dạy ở môn Công nghệ (*phần "Tạo lập doanh nghiệp" lớp 10*) và tích hợp đưa sang HĐGDNGLL (do giáo viên môn Công nghệ, giáo viên HĐGDNGLL thực hiện) ở 3 chủ đề sau đây:

+ "*Thanh niên với vấn đề lập nghiệp*", chủ đề tháng 3;

+ "*Thanh niên với học tập, rèn luyện vì sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước*", chủ đề tháng 9;

+ "*Thanh niên với xây dựng và bảo vệ Tổ quốc*", chủ đề tháng 12.

Nội dung tích hợp do Sở GDĐT hướng dẫn hoặc uỷ quyền cho các trường THPT hướng dẫn GV thực hiện cho sát thực tiễn địa phương. Cần hướng dẫn học sinh lựa chọn con đường học lên sau THPT (ĐH, CĐ, TCN, học nghề) hoặc đi vào cuộc sống lao động. Về phương pháp tổ chức thực hiện HĐGDHN, có thể riêng theo lớp hoặc theo khối lớp; có thể giao cho giáo viên hoặc mời các chuyên gia, nhà quản lý kinh tế, quản lý doanh nghiệp giảng dạy.

c) HĐGD nghề phổ thông:

Nơi có đủ giáo viên đào tạo đúng chuyên môn, đủ CSVC phải thực hiện HĐGDNPT ở lớp 11, tổ chức thi và cấp chứng chỉ GDNPT sau khi hoàn thành chương trình 105 tiết đạt yêu cầu trở lên; nơi chưa đủ giáo viên đào tạo đúng chuyên môn, chưa đủ CSVC có thể chưa thực hiện chương trình HĐGDNPT nhưng phải khẩn trương khắc phục, không để kéo dài. Các vấn đề cụ thể khác về HĐGDNPT, thực hiện theo hướng dẫn tại công văn số 8608/BGDĐT-GDTrH ngày 16/8/2007 của Bộ GDĐT.

#### **4. Đổi mới phương pháp dạy học và đổi mới kiểm tra, đánh giá**

a) Chỉ đạo đổi mới phương pháp dạy học (PPDH):

- Những yêu cầu quan trọng trong đổi mới PPDH là:

+ Phát huy tính tích cực, hứng thú trong học tập của học sinh và vai trò chủ đạo của giáo viên;

+ Thiết kế bài giảng khoa học, sắp xếp hợp lý hoạt động của giáo viên và học sinh, thiết kế hệ thống câu hỏi hợp lý, tập trung vào trọng tâm, tránh nặng nề quá tải (nhất là đối với bài dài, bài khó, nhiều kiến thức mới); bồi dưỡng năng lực độc lập suy nghĩ, vận dụng sáng tạo kiến thức đã học, tránh thiên về ghi nhớ máy móc không nắm vững bản chất;

+ Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học, khuyến khích sử dụng hợp lý công nghệ thông tin, sử dụng các phương tiện nghe nhìn, thực hiện đầy đủ thí nghiệm, thực hành, liên hệ thực tế trong giảng dạy phù hợp với nội dung từng bài học;

+ Giáo viên sử dụng ngôn ngữ chuẩn xác, trong sáng, sinh động, dễ hiểu, tác phong thân thiện, khuyến khích, động viên học sinh học tập, tổ chức hợp lý cho học sinh làm việc cá nhân và theo nhóm;

+ Dạy học sát đối tượng, coi trọng bồi dưỡng học sinh khá giỏi và giúp đỡ học sinh học lực yếu kém.

- Đối với các môn học như: Mĩ thuật, Âm nhạc (THCS), Thể dục (THCS, THPT) cần coi trọng truyền thụ kiến thức, hình thành kỹ năng, bồi dưỡng hứng thú học tập, không quá thiên về đánh giá thành tích theo yêu cầu đào tạo chuyên ngành hoạ sỹ, nhạc sỹ, vận động viên.

- Tăng cường chỉ đạo đổi mới PPDH thông qua công tác bồi dưỡng giáo viên và dự giờ thăm lớp của giáo viên, tổ chức rút kinh nghiệm giảng dạy ở các tổ chuyên môn, hội thảo cấp trường, cụm trường, địa phương, hội thi giáo viên giỏi các cấp.

b) Đổi mới kiểm tra, đánh giá (KTĐG):

- Những yêu cầu quan trọng trong đổi mới KTĐG là:

+ Giáo viên đánh giá sát đúng trình độ học sinh với thái độ khách quan, công minh và hướng dẫn học sinh biết tự đánh giá năng lực của mình;

+ Trong quá trình dạy học, cần kết hợp một cách hợp lý hình thức tự luận với hình thức trắc nghiệm khách quan trong KTĐG kết quả học tập của học sinh, chuẩn bị tốt cho việc đổi mới các kỳ thi theo chủ trương của Bộ GDĐT.

+ Thực hiện đúng quy định của Quy chế Đánh giá, xếp loại học sinh THCS, học sinh THPT do Bộ GDĐT ban hành, tiến hành đủ số lần kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ, kiểm tra học kỳ cả lý thuyết và thực hành.

- Đổi mới đánh giá các môn Mĩ thuật, Âm nhạc (THCS), Thể dục (THCS, THPT): Đánh giá bằng điểm hoặc bằng nhận xét kết quả học tập theo quy định tại Quy chế Đánh giá, xếp loại học sinh THCS, học sinh THPT.

c) Đối với một số môn khoa học xã hội và nhân văn như: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí, Giáo dục công dân, cần coi trọng đổi mới PPDH, đổi mới KTĐG theo hướng hạn chế ghi nhớ máy móc, không nắm vững kiến thức, kỹ năng môn học. Trong quá trình dạy học, cần từng bước đổi mới KTĐG bằng cách nêu vấn đề mở, đòi hỏi học sinh phải vận dụng tổng hợp kiến thức, kỹ năng và biểu đạt chính kiến của bản thân.

d) Từ năm học 2008-2009, tập trung chỉ đạo đánh giá sâu hiệu quả dạy học của môn Giáo dục công dân để tiếp tục đổi mới PPDH, KTĐG nhằm nâng cao chất lượng môn học này (*có hướng dẫn riêng*).

**5. Thực hiện các nội dung giáo dục địa phương** (*hướng dẫn tại công văn số 5977/BGDĐT-GDTrH ngày 07/7/2008*)

## II. NHỮNG VẤN ĐỀ CỤ THỂ CỦA MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN

### 1. Tổ chức dạy học

a) Chương trình môn giáo dục công dân (GDGD) có 35 tiết được thực hiện trong 37 tuần của năm học. Sở GDĐT hướng dẫn việc bố trí dạy cụ thể cho phù hợp với địa phương.

b) Những bài bố trí từ 2 tiết trở lên, không quy định cụ thể nội dung cho từng tiết, giáo viên căn cứ vào đặc điểm, trình độ tiếp thu của học sinh mà phân phối nội dung cho hợp lý. Có thể phân phối nội dung một cách cân đối cho các tiết. Có thể dạy phần lớn nội dung trong những tiết đầu, tiết cuối dạy phần còn lại và luyện tập, thực hành vận dụng các kiến thức đó học vào cuộc sống thực tiễn.

c) Các tiết thực hành, ngoại khoá thực hiện như sau :

- Sở GDĐT có thể uỷ nhiệm cho các trường THPT lựa chọn nội dung cho các tiết thực hành ngoại khoá dựa trên các vấn đề sau:

- + Vận dụng các kiến thức đó học vào cuộc sống thực tiễn;
  - + Những vấn đề cần thiết của địa phương tương ứng với các bài đó;
  - + Những vấn đề cần giáo dục cho học sinh ở địa phương như: trật tự an toàn giao thông; giáo dục môi trường; phòng chống HIV/AIDS, ma tuý, tệ nạn xã hội;
  - + Những gương người tốt, việc tốt, những học sinh chăm ngoan, vượt khó, học giỏi;
  - + Các hoạt động chính trị xã hội của địa phương.
- Nội dung tiết thực hành, ngoại khoá có thể thay đổi từng năm.

- Hình thức thể hiện: tổ chức trao đổi, thảo luận, liên hệ với thực tế nhà trường; có thể đi tham quan, tổ chức thi tìm hiểu; có thể mời cán bộ, chuyên gia đến nói chuyện, trao đổi...

d) Đối với các tiết Ôn tập học kỳ, giáo viên căn cứ đặc điểm tình hình thực tế để định ra nội dung ôn tập phù hợp với trình độ của học sinh, đảm bảo ôn tập đủ các kiến thức, rèn luyện kỹ năng theo yêu cầu. Cần hướng dẫn cho học sinh chuẩn bị trước nội dung ôn tập ở nhà để tiết ôn tập trên lớp có thể phát huy tốt sự làm việc tích cực, chủ động của học sinh.

### 2. Phương pháp và hình thức dạy học

a) Cần kết hợp sáng tạo các phương pháp truyền thống (thuyết giảng, vấn đáp, trực quan...) với các phương pháp hiện đại (động não, thảo luận nhóm, đóng vai, tình huống, giải quyết vấn đề, dự án...) để phát huy tính tích cực, tự giác, chủ động, sáng tạo của học sinh; tạo hứng thú học tập cho học sinh. Sử dụng hợp lý hình thức học cá nhân, theo nhóm, theo lớp; hình thức dạy trong lớp, ngoài lớp, ngoài trường.

b) Tích hợp một cách hợp lý vào bài học các nội dung cần giáo dục cho học sinh như: trật tự an toàn giao thông; giáo dục môi trường; phòng chống HIV/AIDS, ma tuý, tệ nạn xã hội...

c) Cần kết hợp nhuần nhuyễn giữa truyền thụ kiến thức, rèn luyện kỹ năng với giáo dục *tinh thần* tự giác, trung thực tham gia các hoạt động học tập, *thái độ* đối với mọi người, tổ chức, sự kiện, với nghĩa vụ của bản thân, tiến bộ đạt được trong *ý thức* công dân, trong *hành vi* tuân thủ kỷ luật, pháp luật để thực hiện mục tiêu môn học.

### 3. Kiểm tra, đánh giá

- Trong năm học 2008-2009, Bộ GDĐT sẽ chỉ đạo các trường học, cơ quan quản lý giáo dục tập trung đánh giá chất lượng, hiệu quả thực hiện mục tiêu môn Giáo dục công dân.

- Phải thực hiện đổi mới kiểm tra, đánh giá theo hướng dẫn của Bộ GDĐT. Khi ra đề kiểm tra (dưới 1 tiết, 1 tiết, học kỳ) phải bám sát chuẩn kiến thức, kỹ năng và yêu cầu về thái độ của học sinh.

- Cần yêu cầu học sinh không dừng lại ở học thuộc bài mà phải nắm vững kiến thức, rèn luyện kỹ năng, thể hiện thái độ đúng; biết vận dụng kiến thức vào việc giải quyết các vấn đề, tình huống thực tế; biết liên hệ kiến thức với thực tiễn cuộc sống, thể hiện được kỹ năng diễn đạt, biểu đạt thái độ, trình bày ý kiến của bản thân.

- Kiểm tra, đánh giá không chỉ qua bài viết, bài đọc của học sinh với yêu cầu về kiến thức, kỹ năng mà còn thông qua tinh thần tự giác, trung thực tham gia các hoạt động học tập, thái độ đối với mọi người, tổ chức, sự kiện, đối với nghĩa vụ của bản thân, tiến bộ đạt được trong ý thức công dân, trong hành vi tuân thủ kỷ luật, pháp luật.

- Có thể kết hợp một cách hợp lý hình thức tự luận và trắc nghiệm khách quan trong kiểm tra đánh giá học sinh.

#### **4. Thiết bị, phương tiện dạy học**

Tận dụng các trang thiết bị được cung cấp như đèn chiếu, băng hình, tranh ảnh, giấy khổ lớn...; tích cực làm đồ dùng dạy học đơn giản như các biểu bảng, sơ đồ, tranh ảnh, phiếu học tập.... Các thiết bị, phương tiện là điều kiện để thực hiện đổi mới phương pháp dạy học, làm tăng tính hấp dẫn, gây hứng thú học tập cho học sinh.

## **B. KHUNG PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH**

**Cả năm: 37 tuần (35 tiết)**

### **Lớp 10**

- Phần Công dân với việc hình thành thế giới quan, phương pháp luận khoa học	16 tiết
- Phần Công dân với đạo đức	11 tiết
- Thực hành, ngoại khoá	2 tiết
- Kiểm tra viết 45' trong học kỳ I	1 tiết
- Ôn tập học kỳ I	1 tiết
Học kỳ I dạy đến hết bài 8	
- Kiểm tra học kỳ I	1 tiết
- Kiểm tra viết 45' trong học kỳ II	1 tiết
- Ôn tập học kỳ II	1 tiết
- Kiểm tra học kỳ II	1 tiết
Cộng:	35 tiết

### **Lớp 11**

- Phần Công dân với kinh tế	13 tiết
- Phần Công dân với các vấn đề chính trị – xã hội	14 tiết

- Thực hành, ngoại khoá	2 tiết
- Kiểm tra viết 45' trong học kỳ I	1 tiết
- Ôn tập học kỳ I	1 tiết
Học kỳ I dạy đến hết bài 8	
- Kiểm tra học kỳ I	1 tiết
- Kiểm tra viết 45' trong học kỳ II	1 tiết
- Ôn tập học kỳ II	1 tiết
- Kiểm tra học kỳ II	1 tiết
Cộng:	35 tiết

## Lớp 12

- Công dân với pháp luật	27 tiết
- Thực hành, ngoại khoá	2 tiết
- Kiểm tra viết 45' trong học kỳ I	1 tiết
- Ôn tập học kỳ I. Học kỳ I dạy đến hết mục <i>b) Quyền được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khoẻ, danh dự và nhân phẩm của công dân</i> của bài 6.	1 tiết
- Kiểm tra học kỳ I	1 tiết
- Kiểm tra viết 45' trong học kỳ II	1 tiết
- Ôn tập học kỳ II	1 tiết
- Kiểm tra học kỳ II	1 tiết
Cộng:	35 tiết

---

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Tài liệu

**PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH THCS**

MÔN **GIÁO DỤC CÔNG DÂN**

*(Dùng cho các cơ quan quản lý giáo dục và giáo viên,  
áp dụng từ năm học 2008-2009)*

# A. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG KHUNG PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH THCS

## I. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

Khung phân phối chương trình (KPPCT) này áp dụng cho cấp THCS từ năm học 2008-2009, gồm 2 phần: (A) Hướng dẫn sử dụng KPPCT; (B) Khung PPCT.

### 1. Về Khung phân phối chương trình

KPPCT quy định thời lượng dạy học cho từng phần của chương trình (chương, phần, bài học, môđun, chủ đề,...), trong đó có thời lượng dành cho luyện tập, bài tập, ôn tập, thí nghiệm, thực hành và thời lượng tiến hành kiểm tra định kì tương ứng với các phần đó.

Thời lượng quy định tại KPPCT áp dụng trong trường hợp học 1 buổi/ngày, thời lượng dành cho kiểm tra là không thay đổi, thời lượng dành cho các hoạt động khác là quy định tối thiểu. Tiến độ thực hiện chương trình khi kết thúc học kì I và kết thúc năm học được quy định thống nhất cho tất cả các trường THCS trong cả nước.

Căn cứ KPPCT, các Sở GDĐT cụ thể hoá thành PPCT chi tiết, bao gồm cả dạy học tự chọn cho phù hợp với địa phương, áp dụng chung cho các trường THCS thuộc quyền quản lí. Các trường THCS có điều kiện bố trí giáo viên và kinh phí chi trả giờ dạy vượt định mức quy định (trong đó có các trường học nhiều hơn 6 buổi/tuần), có thể chủ động đề nghị Phòng GDĐT xem xét trình Sở GDĐT phê chuẩn việc điều chỉnh PPCT tăng thời lượng dạy học cho phù hợp (*lãnh đạo Sở GDĐT phê duyệt, kí tên, đóng dấu*).

### 2. Về phân phối chương trình dạy học tự chọn

a) Thời lượng và cách tổ chức dạy học tự chọn:

Thời lượng dạy học tự chọn của các lớp cấp THCS trong Kế hoạch giáo dục là 2 tiết/tuần, dạy học chung cho cả lớp (các trường tự chủ về kinh phí có thể chia lớp thành nhóm nhỏ hơn nhưng vẫn phải theo kế hoạch chung của cả lớp).

Việc sử dụng thời lượng dạy học tự chọn THCS theo 1 trong 2 cách sau đây:

*Cách 1:* Chọn 1 trong 3 môn học, hoạt động giáo dục : Tin học, Ngoại ngữ 2, Nghề phổ thông (trong đó Ngoại ngữ 2 có thể bố trí vào 2 tiết dạy học tự chọn này hoặc bố trí ngoài thời lượng dạy học 6 buổi/tuần).

*Cách 2:* Dạy học các chủ đề tự chọn nâng cao, bám sát (CĐNC, CĐBS).

– Dạy học CĐNC là để khai thác sâu hơn kiến thức, kĩ năng của chương trình, bổ sung kiến thức, bồi dưỡng năng lực tư duy nhưng phải phù hợp với trình độ tiếp thu của học sinh.

Các Sở GDĐT tổ chức biên soạn, thẩm định tài liệu CĐNC (*trong đó có các tài liệu Lịch sử, Địa lí, Văn học địa phương*), dùng cho cấp THCS theo hướng dẫn của Bộ GDĐT (tài liệu CĐNC sử dụng cho cả giáo viên và học sinh như SGK) và quy định cụ thể PPCT dạy học các CĐNC cho phù hợp với mạch kiến thức của môn học đó. Các Phòng GDĐT đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện PPCT dạy học các CĐNC.

– Dạy học các CĐBS là để *ôn tập, hệ thống hóa, khắc sâu kiến thức, kĩ năng* (không bổ sung kiến thức nâng cao mới). Trong điều kiện chưa ban hành được tài liệu CĐNC, cần dành thời lượng dạy học tự chọn để thực hiện CĐBS nhằm ôn tập, hệ thống hóa, khắc sâu kiến thức, kĩ năng cho học sinh.



Hiệu trưởng các trường THCS chủ động lập Kế hoạch dạy học các CĐBS (chọn môn học, ấn định số tiết/tuần cho từng môn, tên bài dạy) cho từng lớp, ổn định trong từng học kì trên cơ sở đề nghị của các tổ trưởng chuyên môn và giáo viên chủ nhiệm lớp. Giáo viên chuẩn bị kế hoạch bài dạy (giáo án) CĐBS với sự hỗ trợ của tổ chuyên môn.

b) Kiểm tra, đánh giá kết quả dạy học tự chọn:

Việc kiểm tra, đánh giá kết quả học tập CĐTC của môn học thực hiện theo quy định tại *Quy chế đánh giá, xếp loại học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông*.

**Lưu ý:** Các bài dạy CĐTCNC, CĐBS bố trí trong các chương như các bài khác, có thể có điểm kiểm tra dưới 1 tiết riêng nhưng không có điểm kiểm tra 1 tiết riêng, điểm CĐTC môn học nào tính cho môn học đó.

### 3. Thực hiện các hoạt động giáo dục

a) Phân công giáo viên thực hiện các Hoạt động giáo dục:

Trong KHGD quy định tại CTGDPT do Bộ GDĐT ban hành, các *hoạt động giáo dục* đã được quy định thời lượng với số tiết học cụ thể như các môn học. Đối với giáo viên được phân công thực hiện Hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp (HĐGDNGLL), Hoạt động giáo dục hướng nghiệp (HĐGDHN) được tính giờ dạy như các môn học; việc tham gia điều hành *HĐGD tập thể* (chào cờ đầu tuần và sinh hoạt lớp cuối tuần) là thuộc nhiệm vụ quản lý của Ban Giám hiệu và giáo viên chủ nhiệm lớp, không tính là giờ dạy.

b) Tích hợp HĐGDNGLL, HĐGDHN, môn Công nghệ:

- HĐGDNGLL: Thực hiện đủ các chủ đề quy định cho mỗi tháng, với thời lượng 2 tiết/tháng và tích hợp nội dung HĐGDNGLL sang môn GDĐC các lớp 6, 7, 8, 9 ở các chủ đề về đạo đức và pháp luật. Đưa nội dung về Công ước Quyền trẻ em của Liên Hợp quốc vào HĐGDNGLL ở lớp 9 và tổ chức các hoạt động hưởng ứng phong trào "*Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực*" do Bộ GDĐT phát động.

- HĐGDHN (lớp 9):

Điều chỉnh thời lượng HĐGDHN thành 9 tiết/năm học sau khi đưa một số nội dung GDHN tích hợp sang HĐGDNGLL ở 2 *chủ điểm* sau đây:

+ "*Truyền thống nhà trường*", chủ điểm tháng 9;

+ "*Tiến bước lên Đoàn*", chủ điểm tháng 3.

Nội dung tích hợp do Sở GDĐT (hoặc uỷ quyền cho các Phòng GDĐT) hướng dẫn trường THCS thực hiện cho sát thực tiễn địa phương. Về phương pháp tổ chức thực hiện HĐGDHN, có thể riêng theo lớp hoặc theo khối lớp; có thể giao cho giáo viên hoặc mời các chuyên gia, nhà quản lý kinh tế, quản lý doanh nghiệp giảng dạy.

### 4. Đổi mới phương pháp dạy học; đổi mới kiểm tra, đánh giá

a) Chỉ đạo đổi mới phương pháp dạy học (PPDH):

- Những yêu cầu quan trọng trong đổi mới PPDH là:

+ Phát huy tính tích cực, hứng thú trong học tập của học sinh và vai trò chủ đạo của giáo viên;

+ Thiết kế bài giảng khoa học, sắp xếp hợp lý hoạt động của giáo viên và học sinh, thiết kế hệ thống câu hỏi hợp lý, tập trung vào trọng tâm, tránh nặng nề quá tải (nhất là đối với bài dài,

bài khó, nhiều kiến thức mới); bồi dưỡng năng lực độc lập suy nghĩ, vận dụng sáng tạo kiến thức đã học, tránh thiên về ghi nhớ máy móc không nắm vững bản chất;

+ Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học, khuyến khích sử dụng công nghệ thông tin, sử dụng các phương tiện nghe nhìn, thực hiện đầy đủ thí nghiệm, thực hành, liên hệ thực tế trong giảng dạy phù hợp với nội dung từng bài học;

+ Giáo viên sử dụng ngôn ngữ chuẩn xác, trong sáng, sinh động, dễ hiểu, tác phong thân thiện, khuyến khích, động viên học sinh học tập, tổ chức hợp lý cho học sinh làm việc cá nhân và theo nhóm;

+ Dạy học sát đối tượng, coi trọng bồi dưỡng học sinh khá giỏi và giúp đỡ học sinh học lực yếu kém.

- Đối với các môn học đòi hỏi năng khiếu như: Mỹ thuật, Âm nhạc, Thể dục cần coi trọng truyền thụ kiến thức, hình thành kỹ năng, bồi dưỡng hứng thú học tập, không quá thiên về đánh giá thành tích theo yêu cầu đào tạo chuyên ngành họa sỹ, nhạc sỹ, vận động viên.

- Tăng cường chỉ đạo đổi mới PPDH thông qua công tác bồi dưỡng giáo viên và dự giờ thăm lớp của giáo viên, tổ chức rút kinh nghiệm giảng dạy ở các tổ chuyên môn, hội thảo cấp trường, cụm trường, địa phương, hội thi giáo viên giỏi các cấp.

b) Đổi mới kiểm tra, đánh giá (KTĐG):

- Những yêu cầu quan trọng trong đổi mới KTĐG là:

+ Giáo viên đánh giá sát đúng trình độ học sinh với thái độ khách quan, công minh và hướng dẫn học sinh biết tự đánh giá năng lực của mình;

+ Trong quá trình dạy học, cần kết hợp một cách hợp lý hình thức tự luận với hình thức trắc nghiệm khách quan trong KTĐG kết quả học tập của học sinh, chuẩn bị tốt cho việc đổi mới các kỳ thi theo chủ trương của Bộ GDĐT.

+ Thực hiện đúng quy định của Quy chế Đánh giá, xếp loại học sinh THCS, học sinh THPT do Bộ GDĐT ban hành, tiến hành đủ số lần kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ, kiểm tra học kỳ cả lý thuyết và thực hành.

- Đổi mới đánh giá các môn Mỹ thuật, Âm nhạc (THCS), Thể dục (THCS, THPT): Thực hiện đánh giá bằng điểm hoặc đánh giá bằng nhận xét kết quả học tập theo quy định tại Quy chế Đánh giá, xếp loại học sinh THCS, học sinh THPT sửa đổi.

c) Đối với một số môn khoa học xã hội và nhân văn như: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí, Giáo dục công dân, cần coi trọng đổi mới PPDH, đổi mới KTĐG theo hướng hạn chế chỉ ghi nhớ máy móc, không nắm vững kiến thức, kỹ năng môn học. Trong quá trình dạy học, cần đổi mới KTĐG bằng cách nêu vấn đề mở, đòi hỏi học sinh phải vận dụng tổng hợp kiến thức, kỹ năng và biểu đạt chính kiến của bản thân.

d) Từ năm học 2008-2009, tập trung chỉ đạo đánh giá sâu hiệu quả dạy học của môn Giáo dục công dân để tiếp tục đổi mới PPDH, KTĐG nhằm nâng cao chất lượng môn học này (*có hướng dẫn riêng*).

**5. Thực hiện các nội dung giáo dục địa phương** (*hướng dẫn tại công văn số 5977/BGDĐT-GDTrH ngày 07/7/2008*)

## II. NHỮNG VẤN ĐỀ CỤ THỂ CỦA MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN

### 1. Tổ chức dạy học

a) Chương trình môn giáo dục công dân (GDCD) có 35 tiết được thực hiện trong 37 tuần của năm học. Sở GDĐT hướng dẫn việc bố trí dạy cụ thể cho phù hợp với địa phương.

b) Những bài bố trí từ 2 tiết trở lên, không quy định cụ thể nội dung cho từng tiết, giáo viên căn cứ vào đặc điểm, trình độ tiếp thu của học sinh mà phân phối nội dung cho hợp lý. Có thể phân phối nội dung một cách cân đối cho các tiết. Có thể dạy phần lớn nội dung trong những tiết đầu, tiết cuối dạy phần còn lại và luyện tập, thực hành vận dụng các kiến thức đã học vào cuộc sống thực tiễn.

c) Các tiết thực hành, ngoại khoá thực hiện như sau:

- Sở GDĐT có thể uỷ nhiệm cho Phòng GDĐT hoặc trường THCS lựa chọn nội dung cho các tiết thực hành ngoại khoá dựa trên các vấn đề sau:

- + Vận dụng các kiến thức đã học vào cuộc sống thực tiễn;
- + Những vấn đề đạo đức và pháp luật của địa phương tương ứng với các bài đã học;
- + Những vấn đề bức xúc cần giáo dục cho học sinh ở địa phương như: trật tự an toàn giao thông; giáo dục môi trường; phòng chống HIV/AIDS, ma tuý, tệ nạn xã hội;
- + Những gương người tốt, việc tốt, những học sinh chăm ngoan, vượt khó, học giỏi;
- + Các hoạt động chính trị xã hội của địa phương.

- Nội dung tiết thực hành, ngoại khoá có thể thay đổi từng năm.

- Hình thức thể hiện: tổ chức trao đổi, thảo luận, liên hệ với thực tế nhà trường; có thể đi tham quan, tổ chức thi tìm hiểu; có thể mời cán bộ, chuyên gia đến nói chuyện, trao đổi ...

d) Đối với các tiết Ôn tập học kỳ, giáo viên cần căn cứ đặc điểm tình hình thực tế để định ra nội dung ôn tập phù hợp với trình độ của học sinh, đảm bảo ôn tập đủ các kiến thức, rèn luyện kỹ năng theo yêu cầu. Cần hướng dẫn cho học sinh chuẩn bị trước nội dung ôn tập ở nhà để tiết ôn tập trên lớp có thể phát huy tốt sự làm việc tích cực, chủ động của học sinh.

### 2. Phương pháp và hình thức dạy học

a) Cần kết hợp sáng tạo các phương pháp truyền thống (thuyết giảng, vấn đáp, trực quan ...) với các phương pháp hiện đại (động não, thảo luận nhóm, đóng vai, tình huống, giải quyết vấn đề, dự án ...) để phát huy tính tích cực, tự giác, chủ động, sáng tạo của học sinh; tạo hứng thú học tập cho học sinh. Sử dụng hợp lý hình thức học cá nhân, theo nhóm, theo lớp; hình thức dạy trong lớp, ngoài lớp, ngoài trường.

b) Cần tích hợp một cách hợp lý vào bài học các nội dung cần giáo dục cho học sinh như: trật tự an toàn giao thông; môi trường; phòng chống HIV/AIDS, ma tuý, tệ nạn xã hội...

c) Cần kết hợp nhuần nhuyễn giữa truyền thụ kiến thức, rèn luyện kỹ năng với giáo dục *tinh thần* tự giác, trung thực tham gia các hoạt động học tập, *thái độ* đối với mọi người, tổ chức, sự kiện, với nghĩa vụ của bản thân, tiến bộ đạt được trong *ý thức* công dân, trong *hành vi* tuân thủ kỷ luật, pháp luật để thực hiện mục tiêu môn học.

### 3. Kiểm tra, đánh giá

- Trong năm học 2008-2009, Bộ GDĐT sẽ chỉ đạo các trường học, cơ quan quản lý giáo dục tập trung đánh giá chất lượng, hiệu quả của việc thực hiện mục tiêu môn Giáo dục công dân.

- Đổi mới kiểm tra, đánh giá theo hướng dẫn của Bộ GDĐT. Khi ra đề kiểm tra (dưới 1 tiết, 1 tiết, học kỳ) phải bám sát chuẩn kiến thức, kỹ năng, yêu cầu về thái độ của học sinh.

- Cần yêu cầu học sinh không dừng lại ở học thuộc bài mà phải nắm vững kiến thức, rèn luyện kỹ năng, thể hiện thái độ đúng; biết vận dụng kiến thức vào việc giải quyết các vấn đề, tình huống thực tế; biết liên hệ kiến thức với thực tiễn cuộc sống, thể hiện được kỹ năng diễn đạt, biểu đạt thái độ, trình bày ý kiến của bản thân.

- Kiểm tra, đánh giá không chỉ qua bài viết, bài đọc của học sinh với yêu cầu về kiến thức, kỹ năng mà còn thông qua tinh thần tự giác, trung thực tham gia các hoạt động học tập, thái độ đối với mọi người, tổ chức, sự kiện, đối với nghĩa vụ của bản thân, tiến bộ đạt được trong ý thức công dân, trong hành vi tuân thủ kỷ luật, pháp luật.

- Có thể kết hợp một cách hợp lý hình thức tự luận và trắc nghiệm khách quan trong kiểm tra đánh giá học sinh.

#### **4. Thiết bị, phương tiện dạy học**

Tận dụng các trang thiết bị được cung cấp như đèn chiếu, băng hình, tranh ảnh, giấy khổ lớn ...; tích cực làm đồ dùng dạy học đơn giản như các biểu bảng, sơ đồ, tranh ảnh, phiếu học tập .... Các thiết bị, phương tiện là điều kiện để thực hiện đổi mới phương pháp dạy học, làm tăng tính hấp dẫn, gây hứng thú học tập cho học sinh.

## **B. KHUNG PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH**

**Cả năm: 37 tuần (35 tiết)**

### **Lớp 6**

- Phần Đạo đức (từ bài 1 đến bài 11)	14 tiết
- Phần Pháp luật (từ bài 12 đến bài 18)	12 tiết
- Thực hành, ngoại khoá	3 tiết
- Kiểm tra viết 45' trong học kỳ I	1 tiết
- Ôn tập học kỳ I	1 tiết
Học kỳ I dạy đến hết bài 11	
- Kiểm tra học kỳ I	1 tiết
- Kiểm tra viết 45' trong học kỳ II	1 tiết
- Ôn tập học kỳ II	1 tiết
- Kiểm tra học kỳ II	1 tiết
Cộng:	35 tiết

### **Lớp 7**

- Phần Đạo đức (từ bài 1 đến bài 12)	15 tiết
- Phần Pháp luật (từ bài 13 đến bài 18)	11 tiết
- Thực hành, ngoại khoá	3 tiết
- Kiểm tra viết 45' trong học kỳ I	1 tiết

- Ôn tập học kỳ I	1 tiết
Học kỳ I dạy đến hết bài 11	
- Kiểm tra học kỳ I	1 tiết
- Kiểm tra viết 45' trong học kỳ II	1 tiết
- Ôn tập học kỳ II	1 tiết
- Kiểm tra học kỳ II	1 tiết
Cộng:	35 tiết

### Lớp 8

- Phần Đạo đức (từ bài 1 đến bài 11 )	12 tiết
- Phần Pháp luật (từ bài 12 đến bài 21)	14 tiết
- Thực hành, ngoại khoá	3 tiết
- Kiểm tra viết 45' trong học kỳ I	1 tiết
- Ôn tập học kỳ I	1 tiết
Học kỳ I dạy đến hết bài 12	
- Kiểm tra học kỳ I	1 tiết
- Kiểm tra viết 45' trong học kỳ II	1 tiết
- Ôn tập học kỳ II	1 tiết
- Kiểm tra học kỳ II	1 tiết
Cộng:	35 tiết

### Lớp 9

- Phần Đạo đức (từ bài 1 đến bài 11)	15 tiết
- Phần Pháp luật ( từ bài 12 đến bài 18)	11 tiết
- Thực hành, ngoại khoá	3 tiết
- Kiểm tra viết 45' trong học kỳ I	1 tiết
- Ôn tập học kỳ I	1 tiết
Học kỳ I dạy đến hết bài 10	
- Kiểm tra học kỳ I	1 tiết
- Kiểm tra viết 45' trong học kỳ II	1 tiết
- Ôn tập học kỳ II	1 tiết
- Kiểm tra học kỳ II	1 tiết
Cộng:	35 tiết

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Tài liệu

**PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH THPT**

MÔN **GIÁO DỤC CÔNG DÂN**

*(Dùng cho các cơ quan quản lý giáo dục và giáo viên,  
áp dụng từ năm học 2008-2009)*

# A. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG KHUNG PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH THPT

## I. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

Khung Phân phối chương trình (KPPCT) này áp dụng cho các lớp cấp THPT từ năm học 2008-2009, gồm 2 phần: (A) Hướng dẫn sử dụng KPPCT; (B) Khung PPCT.

### 1. Về khung Phân phối chương trình

KPPCT quy định thời lượng dạy học cho từng phần của chương trình (chương, phần, bài học, môđun, chủ đề,...), trong đó có thời lượng dành cho luyện tập, bài tập, ôn tập, thí nghiệm, thực hành và thời lượng tiến hành kiểm tra định kì tương ứng với các phần đó. Thời lượng nói trên quy định tại KPPCT áp dụng trong trường hợp học 1 buổi/ngày (*thời lượng dành cho kiểm tra là không thay đổi, thời lượng dành cho các hoạt động khác là quy định tối thiểu*). Tiến độ thực hiện chương trình khi kết thúc học kì I và kết thúc năm học được quy định thống nhất cho tất cả các trường THPT trong cả nước. Căn cứ KPPCT, các Sở GDĐT cụ thể hoá thành PPCT chi tiết, bao gồm cả chủ đề tự chọn nâng cao (nếu có) cho phù hợp với địa phương, áp dụng chung cho các trường THPT thuộc quyền quản lí. Các trường THPT có điều kiện bố trí giáo viên và kinh phí chi trả giờ dạy vượt định mức (trong đó có các trường học nhiều hơn 6 buổi/tuần), có thể đề nghị để Sở GDĐT phê chuẩn điều chỉnh PPCT tăng thời lượng dạy học cho phù hợp (*lãnh đạo Sở GDĐT phê duyệt, kí tên, đóng dấu*).

### 2. Về Phân phối chương trình dạy học tự chọn

a) Môn học tự chọn nâng cao (NC) của ban Cơ bản có thể thực hiện bằng 1 trong 2 cách: Sử dụng SGK nâng cao hoặc sử dụng SGK biên soạn theo chương trình chuẩn kết hợp với chủ đề tự chọn nâng cao (CĐNC) của môn học đó. CĐNC của 8 môn phân hóa chỉ dùng cho ban Cơ bản. Thời lượng dạy học CĐNC của môn học là khoảng chênh lệch giữa thời lượng dành cho chương trình chuẩn và chương trình nâng cao môn học đó trong Kế hoạch giáo dục THPT. Các Sở GDĐT quy định cụ thể PPCT dạy học các CĐNC cho phù hợp với mạch kiến thức của SGK môn học đó. Tài liệu CĐNC sử dụng cho cả giáo viên và học sinh.

b) Dạy học chủ đề tự chọn bám sát (CĐBS) là để *ôn tập, hệ thống hóa, khắc sâu kiến thức, kĩ năng*, không bổ sung kiến thức nâng cao mới. Hiệu trưởng các trường THPT lập Kế hoạch dạy học CĐBS (chọn môn học, ấn định số tiết/tuần cho từng môn, tên bài dạy) cho từng lớp, ổn định trong từng học kì trên cơ sở đề nghị của các tổ trưởng chuyên môn và giáo viên chủ nhiệm lớp. Bộ GDĐT ban hành tài liệu CĐBS lớp 10, dùng cho giáo viên để tham khảo, không ban hành tài liệu CĐBS lớp 11, 12. Giáo viên chuẩn bị kế hoạch bài giảng CĐBS với sự hỗ trợ của tổ chuyên môn.

c) Việc kiểm tra, đánh giá kết quả học tập CĐNC, CĐBS các môn học thực hiện theo quy định tại *Quy chế đánh giá, xếp loại học sinh THCS và học sinh THPT* của Bộ GDĐT.

**Lưu ý:** Các bài dạy CĐNC, CĐBS bố trí trong các chương như các bài khác, có thể có điểm kiểm tra dưới 1 tiết riêng nhưng không có điểm kiểm tra 1 tiết riêng, điểm CĐNC, CĐBS môn học nào tính cho môn học đó.

### 3. Thực hiện các hoạt động giáo dục

a) Phân công giáo viên thực hiện các Hoạt động giáo dục:

Trong KHGD quy định tại CTGDPT do Bộ GDĐT ban hành, các *hoạt động giáo dục* đã được quy định thời lượng với số tiết học cụ thể như các môn học. Đối với giáo viên được phân công thực hiện Hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp (HĐGDNGLL) và Hoạt động giáo dục hướng nghiệp (HĐGDHN) được tính giờ dạy học như các môn học; việc tham gia điều hành *HĐGD tập thể* (chào cờ đầu tuần và sinh hoạt lớp cuối tuần) là thuộc nhiệm vụ quản lý của Ban Giám hiệu và giáo viên chủ nhiệm lớp, không tính là giờ dạy học.

b) Thực hiện tích hợp giữa HĐGDNGLL, HĐGDHN, môn Công nghệ:

- HĐGDNGLL: Thực hiện đủ các chủ đề quy định cho mỗi tháng, với thời lượng 2 tiết/tháng và tích hợp nội dung HĐGDNGLL sang môn GDCD như sau:

+ Lớp 10, ở chủ đề về đạo đức;

+ Lớp 11, các chủ đề về kinh tế và chính trị - xã hội;

+ Lớp 12, ở các chủ đề về pháp luật.

Đưa nội dung giáo dục về Công ước Quyền trẻ em của Liên Hợp quốc vào HĐGDNGLL ở lớp 10 và tổ chức hưởng ứng phong trào "*Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực*" do Bộ GDĐT phát động.

- HĐGDHN:

Các lớp 10, 11, 12: Điều chỉnh thời lượng HĐGDHN thành 9 tiết/năm học sau khi tích hợp đưa sang giảng dạy ở môn Công nghệ (*phần "Tạo lập doanh nghiệp" lớp 10*) và tích hợp đưa sang HĐGDNGLL (do giáo viên môn Công nghệ, giáo viên HĐGDNGLL thực hiện) ở 3 chủ đề sau đây:

+ "*Thanh niên với vấn đề lập nghiệp*", chủ đề tháng 3;

+ "*Thanh niên với học tập, rèn luyện vì sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước*", chủ đề tháng 9;

+ "*Thanh niên với xây dựng và bảo vệ Tổ quốc*", chủ đề tháng 12.

Nội dung tích hợp do Sở GDĐT hướng dẫn hoặc uỷ quyền cho các trường THPT hướng dẫn GV thực hiện cho sát thực tiễn địa phương. Cần hướng dẫn học sinh lựa chọn con đường học lên sau THPT (ĐH, CĐ, TCN, học nghề) hoặc đi vào cuộc sống lao động. Về phương pháp tổ chức thực hiện HĐGDHN, có thể riêng theo lớp hoặc theo khối lớp; có thể giao cho giáo viên hoặc mời các chuyên gia, nhà quản lý kinh tế, quản lý doanh nghiệp giảng dạy.

c) HĐGD nghề phổ thông:

Nơi có đủ giáo viên đào tạo đúng chuyên môn, đủ CSVC phải thực hiện HĐGDNPT ở lớp 11, tổ chức thi và cấp chứng chỉ GDNPT sau khi hoàn thành chương trình 105 tiết đạt yêu cầu trở lên; nơi chưa đủ giáo viên đào tạo đúng chuyên môn, chưa đủ CSVC có thể chưa thực hiện chương trình HĐGDNPT nhưng phải khẩn trương khắc phục, không để kéo dài. Các vấn đề cụ thể khác về HĐGDNPT, thực hiện theo hướng dẫn tại công văn số 8608/BGDĐT-GDTrH ngày 16/8/2007 của Bộ GDĐT.

#### **4. Đổi mới phương pháp dạy học và đổi mới kiểm tra, đánh giá**

a) Chỉ đạo đổi mới phương pháp dạy học (PPDH):

- Những yêu cầu quan trọng trong đổi mới PPDH là:

+ Phát huy tính tích cực, hứng thú trong học tập của học sinh và vai trò chủ đạo của giáo viên;



+ Thiết kế bài giảng khoa học, sắp xếp hợp lý hoạt động của giáo viên và học sinh, thiết kế hệ thống câu hỏi hợp lý, tập trung vào trọng tâm, tránh nặng nề quá tải (nhất là đối với bài dài, bài khó, nhiều kiến thức mới); bồi dưỡng năng lực độc lập suy nghĩ, vận dụng sáng tạo kiến thức đã học, tránh thiên về ghi nhớ máy móc không nắm vững bản chất;

+ Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học, khuyến khích sử dụng hợp lý công nghệ thông tin, sử dụng các phương tiện nghe nhìn, thực hiện đầy đủ thí nghiệm, thực hành, liên hệ thực tế trong giảng dạy phù hợp với nội dung từng bài học;

+ Giáo viên sử dụng ngôn ngữ chuẩn xác, trong sáng, sinh động, dễ hiểu, tác phong thân thiện, khuyến khích, động viên học sinh học tập, tổ chức hợp lý cho học sinh làm việc cá nhân và theo nhóm;

+ Dạy học sát đối tượng, coi trọng bồi dưỡng học sinh khá giỏi và giúp đỡ học sinh học lực yếu kém.

- Đối với các môn học như: Mỹ thuật, Âm nhạc (THCS), Thể dục (THCS, THPT) cần coi trọng truyền thụ kiến thức, hình thành kỹ năng, bồi dưỡng hứng thú học tập, không quá thiên về đánh giá thành tích theo yêu cầu đào tạo chuyên ngành hoạ sỹ, nhạc sỹ, vận động viên.

- Tăng cường chỉ đạo đổi mới PPDH thông qua công tác bồi dưỡng giáo viên và dự giờ thăm lớp của giáo viên, tổ chức rút kinh nghiệm giảng dạy ở các tổ chuyên môn, hội thảo cấp trường, cụm trường, địa phương, hội thi giáo viên giỏi các cấp.

b) Đổi mới kiểm tra, đánh giá (KTĐG):

- Những yêu cầu quan trọng trong đổi mới KTĐG là:

+ Giáo viên đánh giá sát đúng trình độ học sinh với thái độ khách quan, công minh và hướng dẫn học sinh biết tự đánh giá năng lực của mình;

+ Trong quá trình dạy học, cần kết hợp một cách hợp lý hình thức tự luận với hình thức trắc nghiệm khách quan trong KTĐG kết quả học tập của học sinh, chuẩn bị tốt cho việc đổi mới các kỳ thi theo chủ trương của Bộ GDĐT.

+ Thực hiện đúng quy định của Quy chế Đánh giá, xếp loại học sinh THCS, học sinh THPT do Bộ GDĐT ban hành, tiến hành đủ số lần kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ, kiểm tra học kỳ cả lý thuyết và thực hành.

- Đổi mới đánh giá các môn Mỹ thuật, Âm nhạc (THCS), Thể dục (THCS, THPT): Đánh giá bằng điểm hoặc bằng nhận xét kết quả học tập theo quy định tại Quy chế Đánh giá, xếp loại học sinh THCS, học sinh THPT.

c) Đối với một số môn khoa học xã hội và nhân văn như: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí, Giáo dục công dân, cần coi trọng đổi mới PPDH, đổi mới KTĐG theo hướng hạn chế ghi nhớ máy móc, không nắm vững kiến thức, kỹ năng môn học. Trong quá trình dạy học, cần từng bước đổi mới KTĐG bằng cách nêu vấn đề mở, đòi hỏi học sinh phải vận dụng tổng hợp kiến thức, kỹ năng và biểu đạt chính kiến của bản thân.

d) Từ năm học 2008-2009, tập trung chỉ đạo đánh giá sâu hiệu quả dạy học của môn Giáo dục công dân để tiếp tục đổi mới PPDH, KTĐG nhằm nâng cao chất lượng môn học này (*có hướng dẫn riêng*).

**5. Thực hiện các nội dung giáo dục địa phương** (*hướng dẫn tại công văn số 5977/BGDĐT-GDTrH ngày 07/7/2008*)

## II. NHỮNG VẤN ĐỀ CỤ THỂ CỦA MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN

### 1. Tổ chức dạy học

a) Chương trình môn giáo dục công dân (GDGD) có 35 tiết được thực hiện trong 37 tuần của năm học. Sở GDĐT hướng dẫn việc bố trí dạy cụ thể cho phù hợp với địa phương.

b) Những bài bố trí từ 2 tiết trở lên, không quy định cụ thể nội dung cho từng tiết, giáo viên căn cứ vào đặc điểm, trình độ tiếp thu của học sinh mà phân phối nội dung cho hợp lý. Có thể phân phối nội dung một cách cân đối cho các tiết. Có thể dạy phần lớn nội dung trong những tiết đầu, tiết cuối dạy phần còn lại và luyện tập, thực hành vận dụng các kiến thức đó học vào cuộc sống thực tiễn.

c) Các tiết thực hành, ngoại khoá thực hiện như sau :

- Sở GDĐT có thể uỷ nhiệm cho các trường THPT lựa chọn nội dung cho các tiết thực hành ngoại khoá dựa trên các vấn đề sau:

- + Vận dụng các kiến thức đó học vào cuộc sống thực tiễn;
  - + Những vấn đề cần thiết của địa phương tương ứng với các bài đó;
  - + Những vấn đề cần giáo dục cho học sinh ở địa phương như: trật tự an toàn giao thông; giáo dục môi trường; phòng chống HIV/AIDS, ma tuý, tệ nạn xã hội;
  - + Những gương người tốt, việc tốt, những học sinh chăm ngoan, vượt khó, học giỏi;
  - + Các hoạt động chính trị xã hội của địa phương.
- Nội dung tiết thực hành, ngoại khoá có thể thay đổi từng năm.

- Hình thức thể hiện: tổ chức trao đổi, thảo luận, liên hệ với thực tế nhà trường; có thể đi tham quan, tổ chức thi tìm hiểu; có thể mời cán bộ, chuyên gia đến nói chuyện, trao đổi...

d) Đối với các tiết Ôn tập học kỳ, giáo viên căn cứ đặc điểm tình hình thực tế để định ra nội dung ôn tập phù hợp với trình độ của học sinh, đảm bảo ôn tập đủ các kiến thức, rèn luyện kỹ năng theo yêu cầu. Cần hướng dẫn cho học sinh chuẩn bị trước nội dung ôn tập ở nhà để tiết ôn tập trên lớp có thể phát huy tốt sự làm việc tích cực, chủ động của học sinh.

### 2. Phương pháp và hình thức dạy học

a) Cần kết hợp sáng tạo các phương pháp truyền thống (thuyết giảng, vấn đáp, trực quan...) với các phương pháp hiện đại (động não, thảo luận nhóm, đóng vai, tình huống, giải quyết vấn đề, dự án...) để phát huy tính tích cực, tự giác, chủ động, sáng tạo của học sinh; tạo hứng thú học tập cho học sinh. Sử dụng hợp lý hình thức học cá nhân, theo nhóm, theo lớp; hình thức dạy trong lớp, ngoài lớp, ngoài trường.

b) Tích hợp một cách hợp lý vào bài học các nội dung cần giáo dục cho học sinh như: trật tự an toàn giao thông; giáo dục môi trường; phòng chống HIV/AIDS, ma tuý, tệ nạn xã hội...

c) Cần kết hợp nhuần nhuyễn giữa truyền thụ kiến thức, rèn luyện kỹ năng với giáo dục *tinh thần* tự giác, trung thực tham gia các hoạt động học tập, *thái độ* đối với mọi người, tổ chức, sự kiện, với nghĩa vụ của bản thân, tiến bộ đạt được trong *ý thức* công dân, trong *hành vi* tuân thủ kỷ luật, pháp luật để thực hiện mục tiêu môn học.

### 3. Kiểm tra, đánh giá

- Trong năm học 2008-2009, Bộ GDĐT sẽ chỉ đạo các trường học, cơ quan quản lý giáo dục tập trung đánh giá chất lượng, hiệu quả thực hiện mục tiêu môn Giáo dục công dân.

- Phải thực hiện đổi mới kiểm tra, đánh giá theo hướng dẫn của Bộ GDĐT. Khi ra đề kiểm tra (dưới 1 tiết, 1 tiết, học kỳ) phải bám sát chuẩn kiến thức, kỹ năng và yêu cầu về thái độ của học sinh.

- Cần yêu cầu học sinh không dừng lại ở học thuộc bài mà phải nắm vững kiến thức, rèn luyện kỹ năng, thể hiện thái độ đúng; biết vận dụng kiến thức vào việc giải quyết các vấn đề, tình huống thực tế; biết liên hệ kiến thức với thực tiễn cuộc sống, thể hiện được kỹ năng diễn đạt, biểu đạt thái độ, trình bày ý kiến của bản thân.

- Kiểm tra, đánh giá không chỉ qua bài viết, bài đọc của học sinh với yêu cầu về kiến thức, kỹ năng mà còn thông qua tinh thần tự giác, trung thực tham gia các hoạt động học tập, thái độ đối với mọi người, tổ chức, sự kiện, đối với nghĩa vụ của bản thân, tiến bộ đạt được trong ý thức công dân, trong hành vi tuân thủ kỷ luật, pháp luật.

- Có thể kết hợp một cách hợp lý hình thức tự luận và trắc nghiệm khách quan trong kiểm tra đánh giá học sinh.

#### **4. Thiết bị, phương tiện dạy học**

Tận dụng các trang thiết bị được cung cấp như đèn chiếu, băng hình, tranh ảnh, giấy khổ lớn...; tích cực làm đồ dùng dạy học đơn giản như các biểu bảng, sơ đồ, tranh ảnh, phiếu học tập.... Các thiết bị, phương tiện là điều kiện để thực hiện đổi mới phương pháp dạy học, làm tăng tính hấp dẫn, gây hứng thú học tập cho học sinh.

## **B. KHUNG PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH**

**Cả năm: 37 tuần (35 tiết)**

### **Lớp 10**

- Phần Công dân với việc hình thành thế giới quan, phương pháp luận khoa học	16 tiết
- Phần Công dân với đạo đức	11 tiết
- Thực hành, ngoại khoá	2 tiết
- Kiểm tra viết 45' trong học kỳ I	1 tiết
- Ôn tập học kỳ I	1 tiết
Học kỳ I dạy đến hết bài 8	
- Kiểm tra học kỳ I	1 tiết
- Kiểm tra viết 45' trong học kỳ II	1 tiết
- Ôn tập học kỳ II	1 tiết
- Kiểm tra học kỳ II	1 tiết
Cộng:	35 tiết

### **Lớp 11**

- Phần Công dân với kinh tế	13 tiết
- Phần Công dân với các vấn đề chính trị – xã hội	14 tiết

- Thực hành, ngoại khoá	2 tiết
- Kiểm tra viết 45' trong học kỳ I	1 tiết
- Ôn tập học kỳ I	1 tiết
Học kỳ I dạy đến hết bài 8	
- Kiểm tra học kỳ I	1 tiết
- Kiểm tra viết 45' trong học kỳ II	1 tiết
- Ôn tập học kỳ II	1 tiết
- Kiểm tra học kỳ II	1 tiết
Cộng:	35 tiết

## Lớp 12

- Công dân với pháp luật	27 tiết
- Thực hành, ngoại khoá	2 tiết
- Kiểm tra viết 45' trong học kỳ I	1 tiết
- Ôn tập học kỳ I. Học kỳ I dạy đến hết mục <i>b) Quyền được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khoẻ, danh dự và nhân phẩm của công dân</i> của bài 6.	1 tiết
- Kiểm tra học kỳ I	1 tiết
- Kiểm tra viết 45' trong học kỳ II	1 tiết
- Ôn tập học kỳ II	1 tiết
- Kiểm tra học kỳ II	1 tiết
Cộng:	35 tiết

---

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Tài liệu

**PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH THCS  
HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC  
NGOÀI GIỜ LÊN LỚP**

*(Dùng cho các cơ quan quản lý giáo dục và giáo viên,  
áp dụng từ năm học 2008-2009)*

# A. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG KHUNG PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH THCS

## I. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

Khung phân phối chương trình (KPPCT) này áp dụng cho cấp THCS từ năm học 2008-2009, gồm 2 phần: (A) Hướng dẫn sử dụng KPPCT; (B) Khung PPCT.

### 1. Về Khung phân phối chương trình

KPPCT quy định thời lượng dạy học cho từng phần của chương trình (chương, phần, bài học, môđun, chủ đề,...), trong đó có thời lượng dành cho luyện tập, bài tập, ôn tập, thí nghiệm, thực hành và thời lượng tiến hành kiểm tra định kì tương ứng với các phần đó.

Thời lượng quy định tại KPPCT áp dụng trong trường hợp học 1 buổi/ngày, thời lượng dành cho kiểm tra là không thay đổi, thời lượng dành cho các hoạt động khác là quy định tối thiểu. Tiến độ thực hiện chương trình khi kết thúc học kì I và kết thúc năm học được quy định thống nhất cho tất cả các trường THCS trong cả nước.

Căn cứ KPPCT, các Sở GDĐT cụ thể hoá thành PPCT chi tiết, bao gồm cả dạy học tự chọn cho phù hợp với địa phương, áp dụng chung cho các trường THCS thuộc quyền quản lí. Các trường THCS có điều kiện bố trí giáo viên và kinh phí chi trả giờ dạy vượt định mức quy định (trong đó có các trường học nhiều hơn 6 buổi/tuần), có thể chủ động đề nghị Phòng GDĐT xem xét trình Sở GDĐT phê chuẩn việc điều chỉnh PPCT tăng thời lượng dạy học cho phù hợp (*lãnh đạo Sở GDĐT phê duyệt, kí tên, đóng dấu*).

### 2. Về phân phối chương trình dạy học tự chọn

a) Thời lượng và cách tổ chức dạy học tự chọn:

Thời lượng dạy học tự chọn của các lớp cấp THCS trong Kế hoạch giáo dục là 2 tiết/tuần, dạy học chung cho cả lớp (các trường tự chủ về kinh phí có thể chia lớp thành nhóm nhỏ hơn nhưng vẫn phải theo kế hoạch chung của cả lớp).

Việc sử dụng thời lượng dạy học tự chọn THCS theo 1 trong 2 cách sau đây:

*Cách 1:* Chọn 1 trong 3 môn học, hoạt động giáo dục : Tin học, Ngoại ngữ 2, Nghề phổ thông (trong đó Ngoại ngữ 2 có thể bố trí vào 2 tiết dạy học tự chọn này hoặc bố trí ngoài thời lượng dạy học 6 buổi/tuần).

*Cách 2:* Dạy học các chủ đề tự chọn nâng cao, bám sát (CĐNC, CĐBS).

– Dạy học CĐNC là để khai thác sâu hơn kiến thức, kĩ năng của chương trình, bổ sung kiến thức, bồi dưỡng năng lực tư duy nhưng phải phù hợp với trình độ tiếp thu của học sinh.

Các Sở GDĐT tổ chức biên soạn, thẩm định tài liệu CĐNC (*trong đó có các tài liệu Lịch sử, Địa lí, Văn học địa phương*), dùng cho cấp THCS theo hướng dẫn của Bộ GDĐT (tài liệu CĐNC sử dụng cho cả giáo viên và học sinh như SGK) và quy

định cụ thể PPCT dạy học các CĐNC cho phù hợp với mạch kiến thức của môn học đó. Các Phòng GDĐT đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện PPCT dạy học các CĐNC.

– Dạy học các CĐBS là *đề ôn tập, hệ thống hóa, khắc sâu kiến thức, kỹ năng* (không bổ sung kiến thức nâng cao mới). Trong điều kiện chưa ban hành được tài liệu CĐNC, cần dành thời lượng dạy học tự chọn để thực hiện CĐBS nhằm ôn tập, hệ thống hóa, khắc sâu kiến thức, kỹ năng cho học sinh.

Hiệu trưởng các trường THCS chủ động lập Kế hoạch dạy học các CĐBS (chọn môn học, ấn định số tiết/tuần cho từng môn, tên bài dạy) cho từng lớp, ổn định trong từng học kì trên cơ sở đề nghị của các tổ trưởng chuyên môn và giáo viên chủ nhiệm lớp. Giáo viên chuẩn bị kế hoạch bài dạy (giáo án) CĐBS với sự hỗ trợ của tổ chuyên môn.

b) Kiểm tra, đánh giá kết quả dạy học tự chọn:

Việc kiểm tra, đánh giá kết quả học tập CĐTC của môn học thực hiện theo quy định tại *Quy chế đánh giá, xếp loại học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông*.

**Lưu ý:** Các bài dạy CĐTCNC, CĐBS bố trí trong các chương như các bài khác, có thể có điểm kiểm tra dưới 1 tiết riêng nhưng không có điểm kiểm tra 1 tiết riêng, điểm CĐTC môn học nào tính cho môn học đó.

### **3. Thực hiện các hoạt động giáo dục**

a) Phân công giáo viên thực hiện các Hoạt động giáo dục:

Trong KHGD quy định tại CTGDPT do Bộ GDĐT ban hành, các *hoạt động giáo dục* đã được quy định thời lượng với số tiết học cụ thể như các môn học. Đối với giáo viên được phân công thực hiện Hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp (HĐGDNGLL), Hoạt động giáo dục hướng nghiệp (HĐGDHN) được tính giờ dạy như các môn học; việc tham gia điều hành *HĐGD tập thể* (chào cờ đầu tuần và sinh hoạt lớp cuối tuần) là thuộc nhiệm vụ quản lý của Ban Giám hiệu và giáo viên chủ nhiệm lớp, không tính vào giờ dạy tiêu chuẩn.

b) Tích hợp HĐGDNGLL, HĐGDHN, môn Công nghệ:

- HĐGDNGLL: Thực hiện đủ các chủ đề quy định cho mỗi tháng, với thời lượng 2 tiết/tháng và tích hợp nội dung HĐGDNGLL sang môn GDCD các lớp 6, 7, 8, 9 ở các chủ đề về đạo đức và pháp luật. Đưa nội dung về Công ước Quyền trẻ em của Liên Hợp quốc vào HĐGDNGLL ở lớp 9 và tổ chức các hoạt động hưởng ứng phong trào "*Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực*" do Bộ GDĐT phát động.

- HĐGDHN (lớp 9):

Điều chỉnh thời lượng HĐGDHN thành 9 tiết/năm học sau khi đưa một số nội dung GDHN tích hợp sang HĐGDNGLL ở 2 *chủ điểm* sau đây:

- + "*Truyền thống nhà trường*", chủ điểm tháng 9;
- + "*Tiến bước lên Đoàn*", chủ điểm tháng 3.

Nội dung tích hợp do Sở GDĐT (hoặc uỷ quyền cho các Phòng GDĐT) hướng dẫn trường THCS thực hiện cho sát thực tiễn địa phương. Về phương pháp tổ chức thực hiện HĐGDHN, có thể riêng theo lớp hoặc theo khối lớp; có thể giao cho giáo viên hoặc mời các chuyên gia, nhà quản lý kinh tế, quản lý doanh nghiệp giảng dạy.

#### **4. Đổi mới phương pháp dạy học; đổi mới kiểm tra, đánh giá**

a) Chỉ đạo đổi mới phương pháp dạy học (PPDH):

- Những yêu cầu quan trọng trong đổi mới PPDH là:

+ Phát huy tính tích cực, hứng thú trong học tập của học sinh và vai trò chủ đạo của giáo viên;

+ Thiết kế bài giảng khoa học, sắp xếp hợp lý hoạt động của giáo viên và học sinh, thiết kế hệ thống câu hỏi hợp lý, tập trung vào trọng tâm, tránh nặng nề quá tải (nhất là đối với bài dài, bài khó, nhiều kiến thức mới); bồi dưỡng năng lực độc lập suy nghĩ, vận dụng sáng tạo kiến thức đã học, tránh thiên về ghi nhớ máy móc không nắm vững bản chất;

+ Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học, khuyến khích sử dụng công nghệ thông tin, sử dụng các phương tiện nghe nhìn, thực hiện đầy đủ thí nghiệm, thực hành, liên hệ thực tế trong giảng dạy phù hợp với nội dung từng bài học;

+ Giáo viên sử dụng ngôn ngữ chuẩn xác, trong sáng, sinh động, dễ hiểu, tác phong thân thiện, khuyến khích, động viên học sinh học tập, tổ chức hợp lý cho học sinh làm việc cá nhân và theo nhóm;

+ Dạy học sát đối tượng, coi trọng bồi dưỡng học sinh khá giỏi và giúp đỡ học sinh học lực yếu kém.

- Đối với các môn học đòi hỏi năng khiếu như: Mĩ thuật, Âm nhạc, Thể dục cần coi trọng truyền thụ kiến thức, hình thành kỹ năng, bồi dưỡng hứng thú học tập, không quá thiên về đánh giá thành tích theo yêu cầu đào tạo chuyên ngành hoạ sỹ, nhạc sỹ, vận động viên.

- Tăng cường chỉ đạo đổi mới PPDH thông qua công tác bồi dưỡng giáo viên và dự giờ thăm lớp của giáo viên, tổ chức rút kinh nghiệm giảng dạy ở các tổ chuyên môn, hội thảo cấp trường, cụm trường, địa phương, hội thi giáo viên giỏi các cấp.

b) Đổi mới kiểm tra, đánh giá (KTĐG):

- Những yêu cầu quan trọng trong đổi mới KTĐG là:

+ Giáo viên đánh giá sát đúng trình độ học sinh với thái độ khách quan, công minh và hướng dẫn học sinh biết tự đánh giá năng lực của mình;



+ Trong quá trình dạy học, cần kết hợp một cách hợp lý hình thức tự luận với hình thức trắc nghiệm khách quan trong KTĐG kết quả học tập của học sinh, chuẩn bị tốt cho việc đổi mới các kỳ thi theo chủ trương của Bộ GDĐT.

+ Thực hiện đúng quy định của Quy chế Đánh giá, xếp loại học sinh THCS, học sinh THPT do Bộ GDĐT ban hành, tiến hành đủ số lần kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ, kiểm tra học kỳ cả lý thuyết và thực hành.

- Đổi mới đánh giá các môn Mỹ thuật, Âm nhạc (THCS), Thể dục (THCS, THPT): Thực hiện đánh giá bằng điểm hoặc đánh giá bằng nhận xét kết quả học tập theo quy định tại Quy chế Đánh giá, xếp loại học sinh THCS, học sinh THPT sửa đổi.

c) Đối với một số môn khoa học xã hội và nhân văn như: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí, Giáo dục công dân, cần coi trọng đổi mới PPDH, đổi mới KTĐG theo hướng hạn chế chỉ ghi nhớ máy móc, không nắm vững kiến thức, kỹ năng môn học. Trong quá trình dạy học, cần đổi mới KTĐG bằng cách nêu vấn đề mở, đòi hỏi học sinh phải vận dụng tổng hợp kiến thức, kỹ năng và biểu đạt chính kiến của bản thân.

d) Từ năm học 2008-2009, tập trung chỉ đạo đánh giá sâu hiệu quả dạy học của môn Giáo dục công dân để tiếp tục đổi mới PPDH, KTĐG nhằm nâng cao chất lượng môn học này (*có hướng dẫn riêng*).

**5. Thực hiện các nội dung giáo dục địa phương** (*hướng dẫn tại công văn số 5977/BGDĐT-GDTrH ngày 07/7/2008*)

## **II. NHỮNG VẤN ĐỀ CỤ THỂ CỦA HØGDNGLL**

### **1. Tổ chức thực hiện hoạt động**

a) Mỗi chủ điểm hoạt động được thực hiện trong 1 tháng, trừ chủ điểm "Mừng Đảng mừng xuân" thực hiện trong 2 tháng (1 và 2) và chủ điểm "Hè vui, khoẻ và bổ ích" thực hiện trong 3 tháng (6, 7 và 8).

b) Một số nội dung của HØGDNGLL về giáo dục đạo đức, pháp luật được chuyển sang tích hợp giảng dạy ở môn Giáo dục công dân, ngoài ra nội dung HØGDNGLL có thể tích hợp sang thực hiện ở Hoạt động giáo dục tập thể (chào cờ, sinh hoạt lớp). Từ năm học 2008-2009, điều chỉnh thời lượng HØGDNGLL thành 2 tiết/tháng, với sự tích hợp với các môn học, hoạt động giáo dục khác. Cách thực hiện như sau:

- Thực hiện đủ chủ điểm hoạt động trong các tháng của năm học và thời gian hè;

- Sở GDĐT hướng dẫn các trường *lựa chọn mỗi tháng thực hiện từ 1 đến 2 hoạt động* đảm bảo các chủ điểm hoạt động với 2 tiết/tháng.

c) Có thể lồng ghép một số nội dung giáo dục vào HØGDNGLL như:

- Giáo dục về Quyền trẻ em;

- Giáo dục phòng chống HIV/AIDS, ma túy và các tệ nạn xã hội;
- Giáo dục môi trường;
- Giáo dục trật tự an toàn giao thông;
- Những hoạt động hưởng ứng phong trào “Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực”;
- Những hoạt động giáo dục phục vụ nhiệm vụ chính trị xã hội của địa phương, đất nước.

d) HĐGDNGLL là hoạt động trong kế hoạch giáo dục của nhà trường. Lãnh đạo cần có người (Hiệu trưởng hoặc Phó hiệu trưởng) phụ trách HĐGDNGLL của trường. Toàn thể hội đồng giáo viên, các tổ chức, đoàn thể và học sinh có trách nhiệm tham gia HĐGDNGLL theo kế hoạch của trường. Giáo viên chủ nhiệm lớp trực tiếp phụ trách HĐGDNGLL của lớp.

Sở GDĐT và Phòng GDĐT cần có người phụ trách công tác HĐGDNGLL. Kết quả HĐGDNGLL là một trong những tiêu chí đánh giá thi đua của các tập thể và cá nhân trong mỗi năm học.

## **2. Phương pháp thực hiện HĐGDNGLL**

Trong quá trình thực hiện HĐGDNGLL, giáo viên là người hướng dẫn, cố vấn cho học sinh chủ động tổ chức và điều hành hoạt động của tập thể, tạo điều kiện để phát huy vai trò tự chủ của học sinh trong hoạt động.

## **3. Đánh giá kết quả thực hiện HĐGDNGLL**

- Đánh giá kết quả hoạt động của học sinh được thực hiện bằng cách xếp loại theo các loại: Tốt, Khá, Trung bình, Yếu.

- Trong quá trình đánh giá kết quả hoạt động của học sinh, cần kết hợp các hình thức đánh giá:

- + Học sinh tự đánh giá;
- + Tập thể học sinh (nhóm, tổ, lớp) đánh giá;
- + Giáo viên chủ nhiệm phối hợp với các giáo viên khác đánh giá.

- Kết quả đánh giá HĐGDNGLL là một trong những căn cứ để xếp loại hạnh kiểm của học sinh.

## **4. Thiết bị, phương tiện HĐGDNGLL**

Tận dụng các trang thiết bị được cung cấp như máy móc, nhạc cụ, băng hình, tranh ảnh, giấy khổ lớn ...; tích cực làm đồ dùng dạy học đơn giản như các biểu bảng, sơ đồ, tranh ảnh, phiếu học tập.... Các thiết bị, phương tiện là điều kiện để thực hiện đổi mới phương pháp tổ chức HĐGDNGLL, làm tăng tính hấp dẫn, gây hứng thú hoạt động cho học sinh.

## **B. KHUNG PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH THCS**

### **Các lớp 6, 7, 8, 9**

Trong năm học: 18 tiết, trong thời gian hè: 6 tiết

#### **Trong năm học**

Chủ điểm tháng 9	Truyền thống nhà trường	2 tiết
Chủ điểm tháng 10	Chăm ngoan học giỏi	2 tiết
Chủ điểm tháng 11	Tôn sư trọng đạo	2 tiết
Chủ điểm tháng 12	Uống nước nhớ nguồn	2 tiết
Chủ điểm tháng 1 và 2	Mừng Đảng, mừng xuân	4 tiết
Chủ điểm tháng 3	Tiến bước lên Đoàn	2 tiết
Chủ điểm tháng 4	Hoà bình hữu nghị	2 tiết
Chủ điểm tháng 5	Bác Hồ kính yêu	2 tiết

#### **Trong thời gian hè**

Chủ điểm hoạt động hè	Hè vui, khoẻ và bổ ích	6 tiết
-----------------------	------------------------	--------

-----

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Tài liệu

**PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH THPT  
HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC  
NGOÀI GIỜ LÊN LỚP**

*(Dùng cho các cơ quan quản lý giáo dục và giáo viên,  
áp dụng từ năm học 2008-2009)*

# A. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG KHUNG PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH THPT

## I. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

Khung Phân phối chương trình (KPPCT) này áp dụng cho các lớp cấp THPT từ năm học 2008-2009, gồm 2 phần: (A) Hướng dẫn sử dụng KPPCT; (B) Khung PPCT.

### 1. Về khung Phân phối chương trình

KPPCT quy định thời lượng dạy học cho từng phần của chương trình (chương, phần, bài học, môđun, chủ đề,...), trong đó có thời lượng dành cho luyện tập, bài tập, ôn tập, thí nghiệm, thực hành và thời lượng tiến hành kiểm tra định kì tương ứng với các phần đó.

Thời lượng nói trên quy định tại KPPCT áp dụng trong trường hợp học 1 buổi/ngày (*thời lượng dành cho kiểm tra là không thay đổi, thời lượng dành cho các hoạt động khác là quy định tối thiểu*). Tiến độ thực hiện chương trình khi kết thúc học kì I và kết thúc năm học được quy định thống nhất cho tất cả các trường THPT trong cả nước. Căn cứ KPPCT, các Sở GDĐT cụ thể hoá thành PPCT chi tiết, bao gồm cả chủ đề tự chọn nâng cao (nếu có) cho phù hợp với địa phương, áp dụng chung cho các trường THPT thuộc quyền quản lí. Các trường THPT có điều kiện bố trí giáo viên và kinh phí chi trả giờ dạy vượt định mức (trong đó có các trường học nhiều hơn 6 buổi/tuần), có thể đề nghị để Sở GDĐT phê chuẩn điều chỉnh PPCT tăng thời lượng dạy học cho phù hợp (*lãnh đạo Sở GDĐT phê duyệt, kí tên, đóng dấu*).

### 2. Về Phân phối chương trình dạy học tự chọn

a) Môn học tự chọn nâng cao (NC) của ban Cơ bản có thể thực hiện bằng 1 trong 2 cách: Sử dụng SGK nâng cao hoặc sử dụng SGK biên soạn theo chương trình chuẩn kết hợp với chủ đề tự chọn nâng cao (CĐNC) của môn học đó. CĐNC của 8 môn phân hóa chỉ dùng cho ban Cơ bản. Thời lượng dạy học CĐNC của môn học là khoảng chênh lệch giữa thời lượng dành cho chương trình chuẩn và chương trình nâng cao môn học đó trong Kế hoạch giáo dục THPT. Các Sở GDĐT quy định cụ thể PPCT dạy học các CĐNC cho phù hợp với mạch kiến thức của SGK môn học đó. Tài liệu CĐNC sử dụng cho cả giáo viên và học sinh.

b) Dạy học chủ đề tự chọn bám sát (CĐBS) là để *ôn tập, hệ thống hóa, khắc sâu kiến thức, kĩ năng*, không bổ sung kiến thức nâng cao mới. Hiệu trưởng các trường THPT lập Kế hoạch dạy học CĐBS (chọn môn học, ấn định số tiết/tuần cho từng môn, tên bài dạy) cho từng lớp, ổn định trong từng học kì trên cơ sở đề nghị của các tổ trưởng chuyên môn và giáo viên chủ nhiệm lớp.

Bộ GDĐT ban hành tài liệu CĐBS lớp 10, dùng cho giáo viên để tham khảo, không ban hành tài liệu CĐBS lớp 11, 12. Giáo viên chuẩn bị kế hoạch bài giảng CĐBS với sự hỗ trợ của tổ chuyên môn.

c) Việc kiểm tra, đánh giá kết quả học tập CĐNC, CĐBS các môn học thực hiện theo quy định tại *Quy chế đánh giá, xếp loại học sinh THCS và học sinh THPT* của Bộ GDĐT.

**Lưu ý:** Các bài dạy CĐNC, CĐBS bố trí trong các chương như các bài khác, có thể có điểm kiểm tra dưới 1 tiết riêng nhưng không có điểm kiểm tra 1 tiết riêng, điểm CĐNC, CĐBS môn học nào tính cho môn học đó.

### 3. Thực hiện các hoạt động giáo dục

a) Phân công giáo viên thực hiện các Hoạt động giáo dục:

Trong KHGD quy định tại CTGDPT do Bộ GDĐT ban hành, các *hoạt động giáo dục* đã được quy định thời lượng với số tiết học cụ thể như các môn học. Đối với giáo viên được phân công thực hiện Hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp (HĐGDNGLL) và Hoạt động giáo dục hướng nghiệp (HĐGDHN) được tính giờ dạy học như các môn học; việc tham gia điều hành *HĐGD tập thể* (chào cờ đầu tuần và sinh hoạt lớp cuối tuần) là thuộc nhiệm vụ quản lý của Ban Giám hiệu và giáo viên chủ nhiệm lớp, không tính là giờ dạy học.

b) Thực hiện tích hợp giữa HĐGDNGLL, HĐGDHN, môn Công nghệ:

- HĐGDNGLL: Thực hiện đủ các chủ đề quy định cho mỗi tháng, với thời lượng 2 tiết/tháng và tích hợp nội dung HĐGDNGLL sang môn GDCD như sau:

+ Lớp 10, ở chủ đề về đạo đức;

+ Lớp 11, các chủ đề về kinh tế và chính trị - xã hội;

+ Lớp 12, ở các chủ đề về pháp luật.

Đưa nội dung giáo dục về Công ước Quyền trẻ em của Liên Hợp quốc vào HĐGDNGLL ở lớp 10 và tổ chức hưởng ứng phong trào "*Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực*" do Bộ GDĐT phát động.

- HĐGDHN:

Các lớp 10, 11, 12: Điều chỉnh thời lượng HĐGDHN thành 9 tiết/năm học sau khi tích hợp đưa sang giảng dạy ở môn Công nghệ (*phần "Tạo lập doanh nghiệp" lớp 10*) và tích hợp đưa sang HĐGDNGLL (do giáo viên môn Công nghệ, giáo viên HĐGDNGLL thực hiện) ở 3 *chủ đề* sau đây:

+ "*Thanh niên với vấn đề lập nghiệp*", chủ đề tháng 3;

+ "*Thanh niên với học tập, rèn luyện vì sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước*", chủ đề tháng 9;

+ "*Thanh niên với xây dựng và bảo vệ Tổ quốc*", chủ đề tháng 12.

Nội dung tích hợp do Sở GDĐT hướng dẫn hoặc uỷ quyền cho các trường THPT hướng dẫn GV thực hiện cho sát thực tiễn địa phương. Cần hướng dẫn học sinh lựa chọn con đường học lên sau THPT (ĐH, CĐ, TCCN, học nghề) hoặc đi vào cuộc sống lao động. Về phương pháp tổ chức thực hiện HĐGDHN, có thể riêng theo lớp hoặc theo khối lớp; có thể giao cho giáo viên hoặc mời các chuyên gia, nhà quản lý kinh tế, quản lý doanh nghiệp giảng dạy.

c) HĐGD nghề phổ thông:

Nơi có đủ giáo viên đào tạo đúng chuyên môn, đủ CSVC phải thực hiện HĐGDNPT ở lớp 11, tổ chức thi và cấp chứng chỉ GDNPT sau khi hoàn thành chương trình 105 tiết đạt yêu cầu trở lên; nơi chưa đủ giáo viên đào tạo đúng chuyên môn, chưa đủ CSVC có thể chưa thực hiện chương trình HĐGDNPT nhưng phải khẩn trương khắc phục, không để kéo dài. Các vấn đề cụ thể về HĐGDNPT, thực hiện theo hướng dẫn tại công văn số 8608/BGDĐT-GDTrH ngày 16/8/2007 của Bộ GDĐT.

#### **4. Đổi mới phương pháp dạy học và đổi mới kiểm tra, đánh giá**

a) Chỉ đạo đổi mới phương pháp dạy học (PPDH):

- Những yêu cầu quan trọng trong đổi mới PPDH là:

+ Phát huy tính tích cực, hứng thú trong học tập của học sinh và vai trò chủ đạo của giáo viên;

+ Thiết kế bài giảng khoa học, sắp xếp hợp lý hoạt động của giáo viên và học sinh, thiết kế hệ thống câu hỏi hợp lý, tập trung vào trọng tâm, tránh nặng nề quá tải (nhất là đối với bài dài, bài khó, nhiều kiến thức mới); bồi dưỡng năng lực độc lập suy nghĩ, vận dụng sáng tạo kiến thức đã học, tránh thiên về ghi nhớ máy móc không nắm vững bản chất;

+ Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học, khuyến khích sử dụng hợp lý công nghệ thông tin, sử dụng các phương tiện nghe nhìn, thực hiện đầy đủ thí nghiệm, thực hành, liên hệ thực tế trong giảng dạy phù hợp với nội dung từng bài học;

+ Giáo viên sử dụng ngôn ngữ chuẩn xác, trong sáng, sinh động, dễ hiểu, tác phong thân thiện, khuyến khích, động viên học sinh học tập, tổ chức hợp lý cho học sinh làm việc cá nhân và theo nhóm;

+ Dạy học sát đối tượng, coi trọng bồi dưỡng học sinh khá giỏi và giúp đỡ học sinh học lực yếu kém.

- Đối với các môn học như: Mĩ thuật, Âm nhạc (THCS), Thể dục (THCS, THPT) cần coi trọng truyền thụ kiến thức, hình thành kỹ năng, bồi dưỡng hứng thú học tập, không quá thiên về đánh giá thành tích theo yêu cầu đào tạo chuyên ngành hoạ sỹ, nhạc sỹ, vận động viên.

- Tăng cường chỉ đạo đổi mới PPDH thông qua công tác bồi dưỡng giáo viên và dự giờ thăm lớp của giáo viên, tổ chức rút kinh nghiệm giảng dạy ở các tổ chuyên môn, hội thảo cấp trường, cụm trường, địa phương, hội thi giáo viên giỏi các cấp.

b) Đổi mới kiểm tra, đánh giá (KTĐG):

- Những yêu cầu quan trọng trong đổi mới KTĐG là:

+ Giáo viên đánh giá sát đúng trình độ học sinh với thái độ khách quan, công minh và hướng dẫn học sinh biết tự đánh giá năng lực của mình;

+ Trong quá trình dạy học, cần kết hợp một cách hợp lý hình thức tự luận với hình thức trắc nghiệm khách quan trong KTĐG kết quả học tập của học sinh, chuẩn bị tốt cho việc đổi mới các kỳ thi theo chủ trương của Bộ GDĐT.

+ Thực hiện đúng quy định của Quy chế Đánh giá, xếp loại học sinh THCS, học sinh THPT do Bộ GDĐT ban hành, tiến hành đủ số lần kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ, kiểm tra học kỳ cả lý thuyết và thực hành.

- Đổi mới đánh giá các môn Mĩ thuật, Âm nhạc (THCS), Thể dục (THCS, THPT): Đánh giá bằng điểm hoặc bằng nhận xét kết quả học tập theo quy định tại Quy chế Đánh giá, xếp loại học sinh THCS, học sinh THPT.

c) Đối với một số môn khoa học xã hội và nhân văn như: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí, Giáo dục công dân, cần coi trọng đổi mới PPDH, đổi mới KTĐG theo hướng hạn chế ghi nhớ máy móc, không nắm vững kiến thức, kỹ năng môn học. Trong quá trình dạy học, cần từng bước đổi mới KTĐG bằng cách nêu vấn đề mở, đòi hỏi học sinh phải vận dụng tổng hợp kiến thức, kỹ năng và biểu đạt chính kiến của bản thân.

d) Từ năm học 2008-2009, tập trung chỉ đạo đánh giá sâu hiệu quả dạy học của môn Giáo dục công dân để tiếp tục đổi mới PPDH, KTĐG nhằm nâng cao chất lượng môn học này (có hướng dẫn riêng).

**5. Thực hiện các nội dung giáo dục địa phương (hướng dẫn tại công văn số 5977/BGDĐT-GDTrH ngày 07/7/2008)**

## **II. NHỮNG VẤN ĐỀ CỤ THỂ CỦA HĐGDNGLL**

## **1. Tổ chức thực hiện HĐGDNGLL**

a) Mỗi chủ điểm hoạt động được thực hiện trong 1 tháng, trừ chủ điểm "Mừng Đảng mừng xuân" thực hiện trong 2 tháng (1 và 2) và chủ điểm "Hè vui, khoẻ và bổ ích" thực hiện trong 3 tháng (6, 7 và 8).

b) Một số nội dung của HĐGDNGLL về giáo dục đạo đức, pháp luật được chuyển sang tích hợp giảng dạy ở môn Giáo dục công dân, ngoài ra nội dung HĐGDNGLL có thể tích hợp sang thực hiện ở Hoạt động giáo dục tập thể (chào cờ, sinh hoạt lớp). Từ năm học 2008-2009, điều chỉnh thời lượng HĐGDNGLL thành 2 tiết/tháng, với sự tích hợp với các môn học, hoạt động giáo dục khác. Cách thực hiện như sau:

- Thực hiện đủ chủ điểm hoạt động trong các tháng của năm học và thời gian hè;
- Sở GDĐT hướng dẫn các trường *lựa chọn mỗi tháng thực hiện từ 1 đến 2 hoạt động* đảm bảo các chủ điểm hoạt động với 2 tiết/tháng.

c) Có thể lồng ghép một số nội dung giáo dục vào HĐGDNGLL như:

- Giáo dục về Quyền trẻ em;
- Giáo dục phòng chống HIV/AIDS, ma tuý và các tệ nạn xã hội;
- Giáo dục môi trường;
- Giáo dục trật tự an toàn giao thông;
- Hoạt động hưởng ứng phong trào “Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực”;
- Hoạt động giáo dục phục vụ nhiệm vụ chính trị xã hội của địa phương, đất nước.

d) HĐGDNGLL là hoạt động trong kế hoạch giáo dục của nhà trường, cần phân công Hiệu trưởng hoặc Phó hiệu trưởng phụ trách chung toàn trường. Toàn thể giáo viên, các tổ chức, đoàn thể và học sinh có trách nhiệm tham gia HĐGDNGLL theo kế hoạch của trường. Giáo viên chủ nhiệm lớp trực tiếp phụ trách HĐGDNGLL của lớp. Sở GDĐT cần phân công một cán bộ phụ trách HĐGDNGLL. Kết quả HĐGDNGLL là một trong những tiêu chí đánh giá thi đua của các tập thể và cá nhân trong mỗi năm học.

## **2. Phương pháp thực hiện HĐGDNGLL**

Trong quá trình thực hiện HĐGDNGLL, giáo viên là người hướng dẫn, cố vấn cho học sinh chủ động tổ chức và điều hành hoạt động của tập thể, tạo điều kiện để phát huy vai trò tự chủ của học sinh trong hoạt động.

## **3. Đánh giá kết quả thực hiện HĐGDNGLL**

- Đánh giá kết quả hoạt động của học sinh được thực hiện bằng cách xếp loại theo các loại: Tốt, Khá, Trung bình, Yếu.

- Trong quá trình đánh giá kết quả hoạt động của học sinh, cần kết hợp các hình thức đánh giá:

- + Học sinh tự đánh giá;
- + Tập thể học sinh (nhóm, tổ, lớp) đánh giá;
- + Giáo viên chủ nhiệm phối hợp với các giáo viên khác đánh giá.

- Kết quả đánh giá HĐGDNGLL là một trong những căn cứ để xếp loại hạnh kiểm của học sinh.



#### 4. Thiết bị, phương tiện HDGDNGLL

Tận dụng các trang thiết bị được cung cấp như máy móc, nhạc cụ, băng hình, tranh ảnh, giấy khổ lớn ...; tích cực làm đồ dùng dạy học đơn giản như các biểu bảng, sơ đồ, tranh ảnh, phiếu học tập... Các thiết bị, phương tiện là điều kiện để thực hiện đổi mới phương pháp tổ chức HDGDNGLL, làm tăng tính hấp dẫn, gây hứng thú hoạt động cho học sinh.

### B. KHUNG PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH THPT

#### Các lớp 10, 11, 12

Trong năm học: 18 tiết, thời gian hè: 6 tiết

#### Trong năm học

Chủ đề hoạt động tháng 9	Thanh niên học tập, rèn luyện vì sự nghiệp CNH, HĐH đất nước.	2 tiết
Chủ đề hoạt động tháng 10	Thanh niên với tình bạn, tình yêu và gia đình.	2 tiết
Chủ đề hoạt động tháng 11	Thanh niên với truyền thống hiếu học và tôn sư trọng đạo.	2 tiết
Chủ đề hoạt động tháng 12	Thanh niên với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc.	2 tiết
Chủ đề hoạt động tháng 1	Thanh niên với việc giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc	2 tiết
Chủ đề hoạt động tháng 2	Thanh niên với lý tưởng cách mạng	2 tiết
Chủ đề hoạt động tháng 3	Thanh niên với vấn đề lập nghiệp	2 tiết
Chủ đề hoạt động tháng 4	Thanh niên với hoà bình, hữu nghị và hợp tác	2 tiết
Chủ đề hoạt động tháng 5	Thanh niên với Bác Hồ	2 tiết

#### Thời gian hè

Chủ đề hoạt động hè	Mùa hè tình nguyện vì cuộc sống cộng đồng	6 tiết
---------------------	---	--------

-----

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Tài liệu  
**PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH THCS**  
MÔN **HOÁ HỌC**

*(Dùng cho các cơ quan quản lý giáo dục và giáo viên,  
áp dụng từ năm học 2008-2009)*

# A. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG KHUNG PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH THCS

## I. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

Khung phân phối chương trình (KPPCT) này áp dụng cho cấp THCS từ năm học 2008-2009, gồm 2 phần: (A) Hướng dẫn sử dụng KPPCT; (B) Khung PPCT.

### 1. Về Khung phân phối chương trình

KPPCT quy định thời lượng dạy học cho từng phần của chương trình (chương, phần, bài học, môđun, chủ đề,...), trong đó có thời lượng dành cho luyện tập, bài tập, ôn tập, thí nghiệm, thực hành và thời lượng tiến hành kiểm tra định kì tương ứng với các phần đó. Thời lượng quy định tại KPPCT áp dụng trong trường hợp học 1 buổi/ngày, thời lượng dành cho kiểm tra là không thay đổi, thời lượng dành cho các hoạt động khác là quy định tối thiểu. Tiến độ thực hiện chương trình khi kết thúc học kì I và kết thúc năm học được quy định thống nhất cho tất cả các trường THCS trong cả nước. Căn cứ KPPCT, các Sở GDĐT cụ thể hoá thành PPCT chi tiết, bao gồm cả dạy học tự chọn cho phù hợp với địa phương, áp dụng chung cho các trường THCS thuộc quyền quản lí. Các trường THCS có điều kiện bố trí giáo viên và kinh phí chi trả giờ dạy vượt định mức quy định (trong đó có các trường học nhiều hơn 6 buổi/tuần), có thể chủ động đề nghị Phòng GDĐT xem xét trình Sở GDĐT phê chuẩn việc điều chỉnh PPCT tăng thời lượng dạy học cho phù hợp (*lãnh đạo Sở GDĐT phê duyệt, kí tên, đóng dấu*).

### 2. Về phân phối chương trình dạy học tự chọn

a) Thời lượng và cách tổ chức dạy học tự chọn:

Thời lượng dạy học tự chọn của các lớp cấp THCS trong Kế hoạch giáo dục là 2 tiết/tuần, dạy học chung cho cả lớp (các trường tự chủ về kinh phí có thể chia lớp thành nhóm nhỏ hơn nhưng vẫn phải theo kế hoạch chung của cả lớp).

Việc sử dụng thời lượng dạy học tự chọn THCS theo 1 trong 2 cách sau đây:

*Cách 1:* Chọn 1 trong 3 môn học, hoạt động giáo dục : Tin học, Ngoại ngữ 2, Nghề phổ thông (trong đó Ngoại ngữ 2 có thể bố trí vào 2 tiết dạy học tự chọn này hoặc bố trí ngoài thời lượng dạy học 6 buổi/tuần).

*Cách 2:* Dạy học các chủ đề tự chọn nâng cao, bám sát (CĐNC, CĐBS).

– Dạy học CĐNC là để khai thác sâu hơn kiến thức, kĩ năng của chương trình, bổ sung kiến thức, bồi dưỡng năng lực tư duy nhưng phải phù hợp với trình độ tiếp thu của học sinh.

Các Sở GDĐT tổ chức biên soạn, thẩm định tài liệu CĐNC (*trong đó có các tài liệu Lịch sử, Địa lí, Văn học địa phương*), dùng cho cấp THCS theo hướng dẫn của Bộ GDĐT (tài liệu CĐNC sử dụng cho cả giáo viên và học sinh như SGK) và quy định cụ thể PPCT dạy học các CĐNC cho phù hợp với mạch kiến thức của môn học đó. Các Phòng GDĐT đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện PPCT dạy học các CĐNC.

– Dạy học các CĐBS là để *ôn tập, hệ thống hóa, khắc sâu kiến thức, kĩ năng* (không bổ sung kiến thức nâng cao mới). Trong điều kiện chưa ban hành được tài liệu CĐNC, cần dành thời lượng dạy học tự chọn để thực hiện CĐBS nhằm ôn tập, hệ thống hóa, khắc sâu kiến thức, kĩ năng cho học sinh.

Hiệu trưởng các trường THCS chủ động lập Kế hoạch dạy học các CĐBS (chọn môn học, ấn định số tiết/tuần cho từng môn, tên bài dạy) cho từng lớp, ổn định trong từng học kì trên cơ sở đề nghị của các tổ trưởng chuyên môn và giáo viên chủ nhiệm lớp. Giáo viên chuẩn bị kế hoạch bài dạy (giáo án) CĐBS với sự hỗ trợ của tổ chuyên môn.

b) Kiểm tra, đánh giá kết quả dạy học tự chọn:

Việc kiểm tra, đánh giá kết quả học tập CĐTC của môn học thực hiện theo quy định tại *Quy chế đánh giá, xếp loại học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông*.

**Lưu ý:** Các bài dạy CĐTCNC, CĐBS bố trí trong các chương như các bài khác, có thể có điểm kiểm tra dưới 1 tiết riêng nhưng không có điểm kiểm tra 1 tiết riêng, điểm CĐTC môn học nào tính cho môn học đó.

### 3. Thực hiện các hoạt động giáo dục

a) Phân công giáo viên thực hiện các Hoạt động giáo dục:

Trong KHGD quy định tại CTGDPT do Bộ GDĐT ban hành, các *hoạt động giáo dục* đã được quy định thời lượng với số tiết học cụ thể như các môn học. Đối với giáo viên được phân công thực hiện Hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp (HĐGDNGLL), Hoạt động giáo dục hướng nghiệp (HĐGDHN) được tính giờ dạy như các môn học; việc tham gia điều hành *HĐGD tập thể* (chào cờ đầu tuần và sinh hoạt lớp cuối tuần) là thuộc nhiệm vụ quản lý của Ban Giám hiệu và giáo viên chủ nhiệm lớp, không tính vào giờ dạy tiêu chuẩn.

b) Tích hợp HĐGDNGLL, HĐGDHN, môn Công nghệ:

- HĐGDNGLL: Thực hiện đủ các chủ đề quy định cho mỗi tháng, với thời lượng 2 tiết/tháng và tích hợp nội dung HĐGDNGLL sang môn GDCD các lớp 6, 7, 8, 9 ở các chủ đề về đạo đức và pháp luật. Đưa nội dung về Công ước Quyền trẻ em của Liên Hợp quốc vào HĐGDNGLL ở lớp 9 và tổ chức các hoạt động hưởng ứng phong trào "*Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực*" do Bộ GDĐT phát động.

- HĐGDHN (lớp 9):

Điều chỉnh thời lượng HĐGDHN thành 9 tiết/năm học sau khi đưa một số nội dung GDHN tích hợp sang HĐGDNGLL ở 2 *chủ điểm* sau đây:

+ "*Truyền thống nhà trường*", chủ điểm tháng 9;

+ "*Tiến bước lên Đoàn*", chủ điểm tháng 3.

Nội dung tích hợp do Sở GDĐT (hoặc uỷ quyền cho các Phòng GDĐT) hướng dẫn trường THCS thực hiện cho sát thực tiễn địa phương. Về phương pháp tổ chức thực hiện HĐGDHN, có thể riêng theo lớp hoặc theo khối lớp; có thể giao cho giáo viên hoặc mời các chuyên gia, nhà quản lý kinh tế, quản lý doanh nghiệp giảng dạy.

#### **4. Đổi mới phương pháp dạy học; đổi mới kiểm tra, đánh giá**

a) Chỉ đạo đổi mới phương pháp dạy học (PPDH):

- Những yêu cầu quan trọng trong đổi mới PPDH là:

+ Phát huy tính tích cực, hứng thú trong học tập của học sinh và vai trò chủ đạo của giáo viên;

+ Thiết kế bài giảng khoa học, sắp xếp hợp lý hoạt động của giáo viên và học sinh, thiết kế hệ thống câu hỏi hợp lý, tập trung vào trọng tâm, tránh nặng nề quá tải (nhất là đối với bài dài, bài khó, nhiều kiến thức mới); bồi dưỡng năng lực độc lập suy nghĩ, vận dụng sáng tạo kiến thức đã học, tránh thiên về ghi nhớ máy móc không nắm vững bản chất;

+ Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học, khuyến khích sử dụng công nghệ thông tin, sử dụng các phương tiện nghe nhìn, thực hiện đầy đủ thí nghiệm, thực hành, liên hệ thực tế trong giảng dạy phù hợp với nội dung từng bài học;

+ Giáo viên sử dụng ngôn ngữ chuẩn xác, trong sáng, sinh động, dễ hiểu, tác phong thân thiện, khuyến khích, động viên học sinh học tập, tổ chức hợp lý cho học sinh làm việc cá nhân và theo nhóm;

+ Dạy học sát đối tượng, coi trọng bồi dưỡng học sinh khá giỏi và giúp đỡ học sinh học lực yếu kém.

- Đối với các môn học đòi hỏi năng khiếu như: Mĩ thuật, Âm nhạc, Thể dục cần coi trọng truyền thụ kiến thức, hình thành kỹ năng, bồi dưỡng hứng thú học tập, không quá thiên về đánh giá thành tích theo yêu cầu đào tạo chuyên ngành hoạ sỹ, nhạc sỹ, vận động viên.

- Tăng cường chỉ đạo đổi mới PPDH thông qua công tác bồi dưỡng giáo viên và dự giờ thăm lớp của giáo viên, tổ chức rút kinh nghiệm giảng dạy ở các tổ chuyên môn, hội thảo cấp trường, cụm trường, địa phương, hội thi giáo viên giỏi các cấp.

b) Đổi mới kiểm tra, đánh giá (KTĐG):

- Những yêu cầu quan trọng trong đổi mới KTĐG là:

+ Giáo viên đánh giá sát đúng trình độ học sinh với thái độ khách quan, công minh và hướng dẫn học sinh biết tự đánh giá năng lực của mình;

+ Trong quá trình dạy học, cần kết hợp một cách hợp lý hình thức tự luận với hình thức trắc nghiệm khách quan trong KTĐG kết quả học tập của học sinh, chuẩn bị tốt cho việc đổi mới các kỳ thi theo chủ trương của Bộ GDĐT.

+ Thực hiện đúng quy định của Quy chế Đánh giá, xếp loại học sinh THCS, học sinh THPT do Bộ GDĐT ban hành, tiến hành đủ số lần kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ, kiểm tra học kỳ cả lý thuyết và thực hành.

- Đổi mới đánh giá các môn Mỹ thuật, Âm nhạc (THCS), Thể dục (THCS, THPT): Thực hiện đánh giá bằng điểm hoặc đánh giá bằng nhận xét kết quả học tập theo quy định tại Quy chế Đánh giá, xếp loại học sinh THCS, học sinh THPT sửa đổi.

c) Đối với một số môn khoa học xã hội và nhân văn như: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí, Giáo dục công dân, cần coi trọng đổi mới PPDH, đổi mới KTĐG theo hướng hạn chế chỉ ghi nhớ máy móc, không nắm vững kiến thức, kỹ năng môn học. Trong quá trình dạy học, cần đổi mới KTĐG bằng cách nêu vấn đề mở, đòi hỏi học sinh phải vận dụng tổng hợp kiến thức, kỹ năng và biểu đạt chính kiến của bản thân.

d) Từ năm học 2008-2009, tập trung chỉ đạo đánh giá sâu hiệu quả dạy học của môn Giáo dục công dân để tiếp tục đổi mới PPDH, KTĐG nhằm nâng cao chất lượng môn học này (có hướng dẫn riêng).

**5. Thực hiện các nội dung giáo dục địa phương** (hướng dẫn tại công văn số 5977/BGDĐT-GDTrH ngày 07/7/2008)

## II. NHỮNG VẤN ĐỀ CỤ THỂ CỦA MÔN HÓA HỌC

### 1. Về thực hiện nội dung dạy học

– Soạn giáo án đầy đủ, chi tiết, nhưng bài lên lớp không nhất thiết phải tiến hành toàn bộ các phần của SGK, một số phần có thể cho học sinh tự nghiên cứu và GV kiểm tra lại kết quả tự nghiên cứu đó. Giáo viên tập trung vào phần trọng tâm của bài và chú ý hướng dẫn học sinh tự học theo SGK, tránh chép nội dung của SGK lên bảng.

– Đơn vị khối lượng nguyên tử ngoài đvC như SGK đã ghi, có thể giới thiệu thêm đơn vị u (đvC còn được gọi là u)

– Khi tiến hành bài lên lớp, nhất thiết phải dựa vào các hoạt động, hệ thống câu hỏi (đặc biệt cần có các hoạt động dẫn dắt vào bài, chuyển phân sao cho tạo được hứng thú học tập của học sinh).

– Môn Hoá học là môn khoa học thực nghiệm, các bài lên lớp luôn gắn liền với các thí nghiệm (dùng các thí nghiệm hoá học để dẫn dắt vấn đề, tạo niềm tin khoa học cho học sinh) và luôn liên hệ với các sự vật, hiện tượng thực tế.

– Tận dụng tối đa các thiết bị thí nghiệm và các phương tiện hỗ trợ (máy vi tính, phần mềm, tranh, ảnh, sơ đồ trực quan...), đặc biệt là ứng dụng công nghệ thông tin trong bài lên lớp.

### 2. Về thực hành, thí nghiệm

– Cần tiến hành đầy đủ các thí nghiệm trong các bài học.

– Phải đảm bảo dạy đủ số tiết thực hành của từng chương và của cả năm học, tùy điều kiện cơ sở vật chất mà giáo viên tiến hành lựa chọn theo lịch sắp xếp của phòng thực hành thí nghiệm, đảm bảo đủ số tiết và nội dung.

### 3. Về kiểm tra, đánh giá

- Kết hợp 2 hình thức tự luận và trắc nghiệm trong kiểm tra, đánh giá.

- Thực hiện đúng quy định về thời lượng kiểm tra trong KPPCT. Đánh giá bài thực hành của học sinh bao gồm 2 phần:

+ Phần đánh giá kỹ năng thực hành, kết quả thực hành;

+ Phần đánh giá báo cáo thực hành (tường trình thí nghiệm).

Điểm của bài thực hành bằng trung bình cộng điểm của hai phần trên (hệ số 1).

## B. KHUNG PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH

### LỚP 8

**Cả năm: 37 tuần (70 tiết)**

**Học kì I: 19 tuần (36 tiết)**

**Học kì II: 18 tuần (34 tiết)**

Nội dung	Số tiết				
	Lí thuyết	Luyện tập	Thực hành	Ôn tập	Kiểm tra

Nội dung	Số tiết				
	Lí thuyết	Luyện tập	Thực hành	Ôn tập	Kiểm tra
Mở đầu	1				
Chương 1. Chất. Nguyên tử. Phân tử	10	2	2		
Chương 2. Phản ứng hoá học	6	1	1		
Chương 3. Mol và tính toán hoá học	8	1			
Chương 4. Oxi. Không khí	7	1	1		
Chương 5. Hidro. Nước	8	2	2		
Chương 6. Dung dịch	6	1	1		
Ôn tập học kì I và cuối năm				3	
Kiểm tra					6
<b>Tổng số: 70 tiết</b>	<b>46</b>	<b>8</b>	<b>7</b>	<b>3</b>	<b>6</b>

Tiết 1: Mở đầu

### Chương I: Chất. Nguyên tử. Phân tử

Từ tiết 2 đến tiết 16: Chất,

Nguyên tử, Nguyên tố hóa học,  
Đơn chất, Hợp chất,  
Phân tử, Công thức hóa học, Hóa trị;  
Các bài thực hành 1, 2;  
Các bài luyện tập 1, 2.  
Kiểm tra 1 tiết

### Chương II: Phản ứng hoá học

Từ tiết 17 đến tiết 25:

Sự biến đổi chất,  
Phản ứng hóa học,  
Định luật bảo toàn khối lượng,  
Phương trình hóa học;  
Bài thực hành 3;  
Bài luyện tập 3.  
Kiểm tra 1 tiết

### Chương III: Mol và tính toán hoá học

Từ tiết 26 đến tiết 34: Mol,

Sự chuyển đổi giữa khối lượng, thể tích và mol,  
Tỉ khối của chất khí,  
Tính theo công thức hóa học,  
Tính theo phương trình hóa học;  
Bài luyện tập 4.

Tiết 35: Ôn tập học kì I

Tiết 36: Kiểm tra học kì I (hết tuần 19)

### Chương IV: Oxi. Không khí

Từ tiết 37 đến tiết 46: Tính chất của oxi,  
 Sự oxi hóa, Phản ứng hóa hợp,  
 Ứng dụng của oxi,  
 Oxit, điều chế oxi,  
 Phản ứng phân hủy,  
 Không khí, sự cháy;  
 Bài thực hành 4;  
 Bài luyện tập 5.  
 Kiểm tra 1 tiết

#### Chương V: Hidro. Nước

Từ tiết 47 đến tiết 59: Tính chất, ứng dụng của hidro,  
 Phản ứng oxi hóa – khử,  
 Điều chế hidro, Phản ứng thế,  
 Nước,  
 Axit, bazơ, muối;  
 Các bài thực hành 5, 6;  
 Các bài luyện tập 6, 7.  
 Kiểm tra 1 tiết

#### Chương VI: Dung dịch

Từ tiết 60 đến tiết 70: Dung dịch,  
 Độ tan của một chất trong nước,  
 Nồng độ dung dịch,  
 Pha chế dung dịch;  
 Bài thực hành 7;  
 Bài luyện tập 8.  
 Ôn tập học kì II  
 Kiểm tra cuối năm

### LỚP 9

**Cả năm: 37 tuần (70 tiết)**

**Học kì I: 19 tuần (36 tiết)**

**Học kì II: 18 tuần (34 tiết)**

Nội dung	Số tiết				
	Lí thuyết	Luyện tập	Thực hành	Ôn tập	Kiểm tra
Chương 1. Các loại hợp chất vô cơ	13	2	2		
Chương 2. Kim loại	7	1	1		
Chương 3. Phi kim. Sơ lược bảng tuần hoàn các nguyên tố hoá học	9	1	1		
Chương 4. Hidrocacbon. Nhiên liệu	8	1	1		
Chương 5. Dẫn xuất của hidrocacbon.	10	1	2		
Ôn tập đầu năm, học kì I và cuối năm				4	
Kiểm tra					6
<b>Tổng số : 70 tiết</b>	<b>47</b>	<b>6</b>	<b>7</b>	<b>4</b>	<b>6</b>

Tiết 1: Ôn tập đầu năm

#### Chương I: Các loại hợp chất vô cơ

Từ tiết 2 đến tiết 20: Tính chất hoá học của oxit.  
 Khái quát về sự phân loại oxit.

Một số oxit quan trọng.  
Tính chất hoá học của axit. Một số axit quan trọng.  
Tính chất hoá học của bazơ. Một số bazơ quan trọng.  
Tính chất hoá học của muối. Một số muối quan trọng.  
Mối quan hệ giữa các hợp chất vô cơ.  
Phân bón hoá học.  
Luyện tập: Tính chất hoá học của oxit và axit.  
Luyện tập : Tính chất hoá học của bazơ và muối.  
Thực hành Tính chất hoá học của oxit và axit.  
Thực hành Tính chất hoá học của bazơ và muối  
Kiểm tra 1 tiết về oxit và axit.  
Kiểm tra 1 tiết về bazơ và muối.

### **Chương II: Kim loại**

Từ tiết 21 đến tiết 29: Tính chất vật lí chung của kim loại.

Tính chất hoá học của kim loại  
Dãy hoạt động hoá học của kim loại  
Nhôm  
Sắt  
Hợp kim sắt: Gang, thép  
Ăn mòn kim loại và bảo vệ kim loại không bị ăn mòn  
Luyện tập chương 2  
Thực hành: Tính chất hoá học của nhôm và sắt

### **Chương III: Phi kim.**

#### **Sơ lược bảng tuần hoàn các nguyên tố hoá học**

Từ tiết 30 đến tiết 42: Tính chất chung của phi kim.

Clo  
Cacbon  
Các oxit của cacbon  
Axit cacbonic và muối cacbonat  
Silic. Công nghiệp silicat  
Sơ lược về bảng tuần hoàn các nguyên tố hoá học  
Luyện tập chương 3  
Thực hành: Tính chất hoá học của phi kim và hợp chất của

chúng.

Tiết 35: Ôn tập học kì I (bài 24)

Tiết 36: Kiểm tra học kì I (hết tuần 19)

### **Chương IV: Hidrocacbon. Nhiên liệu**

Từ tiết 43 đến tiết 53: Khái niệm về hợp chất hữu cơ và hoá học

hữu cơ.

Cấu tạo phân tử hợp chất hữu cơ  
Metan  
Etilen  
Axetilen  
Benzen  
Dầu mỏ và khí thiên nhiên  
Nhiên liệu  
Luyện tập chương 4  
Thực hành: Tính chất hoá học của hidrocacbon  
Kiểm tra 1 tiết

### **Chương V: Dẫn xuất của hidrocacbon. Polime**

Từ tiết 54 đến tiết 70: Rượu etilic

Axit axetic  
Mối liên hệ giữa etilen, rượu etilic và axit axetic.  
Chất béo  
Glucosơ



Saccarozơ  
Tinh bột và xenlulozơ  
Protein  
Polime  
Luyện tập: Rượu etilic, axit axetic và chất béo  
Thực hành: Tính chất của rượu và axit  
Thực hành: Tính chất của gluxit  
Kiểm tra 1 tiết  
Ôn tập học kì II.  
Kiểm tra học kì II.

---

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Tài liệu

**PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH THPT**

MÔN **HOÁ HỌC**

*(Dùng cho các cơ quan quản lý giáo dục và giáo viên,  
áp dụng từ năm học 2008-2009)*

# A. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG KHUNG PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH THPT

## I. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

Khung phân phối chương trình (KPPCT) này áp dụng cho các lớp cấp THPT từ năm học 2008-2009, gồm 2 phần: (A) Hướng dẫn sử dụng KPPCT; (B) Khung PPCT.

### 1. Về khung Phân phối chương trình

KPPCT quy định thời lượng dạy học cho từng phần của chương trình (chương, phần, bài học, môđun, chủ đề,...), trong đó có thời lượng dành cho luyện tập, bài tập, ôn tập, thí nghiệm, thực hành và thời lượng tiến hành kiểm tra định kì tương ứng với các phần đó.

Thời lượng nói trên quy định tại KPPCT áp dụng trong trường hợp học 1 buổi/ngày (*thời lượng dành cho kiểm tra là không thay đổi, thời lượng dành cho các hoạt động khác là quy định tối thiểu*). Tiến độ thực hiện chương trình khi kết thúc học kì I và kết thúc năm học được quy định thống nhất cho tất cả các trường THPT trong cả nước.

Căn cứ KPPCT, các Sở GDĐT cụ thể hoá thành PPCT chi tiết, bao gồm cả chủ đề tự chọn nâng cao (nếu có) cho phù hợp với địa phương, áp dụng chung cho các trường THPT thuộc quyền quản lí. Các trường THPT có điều kiện bố trí giáo viên và kinh phí chi trả giờ dạy vượt định mức (trong đó có các trường học nhiều hơn 6 buổi/tuần), có thể đề nghị để Sở GDĐT phê chuẩn điều chỉnh PPCT tăng thời lượng dạy học cho phù hợp (*lãnh đạo Sở GDĐT phê duyệt, kí tên, đóng dấu*).

### 2. Về Phân phối chương trình dạy học tự chọn

a) Môn học tự chọn nâng cao (NC) của ban Cơ bản có thể thực hiện bằng 1 trong 2 cách: Sử dụng SGK nâng cao hoặc sử dụng SGK biên soạn theo chương trình chuẩn kết hợp với chủ đề tự chọn nâng cao (CĐNC) của môn học đó. CĐNC của 8 môn phân hóa chỉ dùng cho ban Cơ bản. Thời lượng dạy học CĐNC của môn học là khoảng chênh lệch giữa thời lượng dành cho chương trình chuẩn và chương trình nâng cao môn học đó trong Kế hoạch giáo dục THPT. Các Sở GDĐT quy định cụ thể PPCT dạy học các CĐNC cho phù hợp với mạch kiến thức của SGK môn học đó. Tài liệu CĐNC sử dụng cho cả giáo viên và học sinh.

b) Dạy học chủ đề tự chọn bám sát (CĐBS) là để *ôn tập, hệ thống hóa, khắc sâu kiến thức, kĩ năng*, không bổ sung kiến thức nâng cao mới. Hiệu trưởng các trường THPT lập Kế hoạch dạy học CĐBS (chọn môn học, ấn định số tiết/tuần cho từng môn, tên bài dạy) cho từng lớp, ổn định trong từng học kì trên cơ sở đề nghị của các tổ trưởng chuyên môn và giáo viên chủ nhiệm lớp.

Bộ GDĐT ban hành tài liệu CĐBS lớp 10, dùng cho giáo viên để tham khảo, không ban hành tài liệu CĐBS lớp 11, 12. Giáo viên chuẩn bị kế hoạch bài giảng CĐBS với sự hỗ trợ của tổ chuyên môn.

c) Việc kiểm tra, đánh giá kết quả học tập CĐNC, CĐBS các môn học thực hiện theo quy định tại *Quy chế đánh giá, xếp loại học sinh THCS và học sinh THPT* của Bộ GDĐT.

**Lưu ý:** Các bài dạy CĐNC, CĐBS bố trí trong các chương như các bài khác, có thể có điểm kiểm tra dưới 1 tiết riêng nhưng không có điểm kiểm tra 1 tiết riêng, điểm CĐNC, CĐBS môn học nào tính cho môn học đó.

### 3. Thực hiện các hoạt động giáo dục

a) Phân công giáo viên thực hiện các Hoạt động giáo dục:

Trong KHGD quy định tại CTGDPT do Bộ GDĐT ban hành, các *hoạt động giáo dục* đã được quy định thời lượng với số tiết học cụ thể như các môn học. Đối với giáo viên được phân công thực hiện Hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp (HĐGDNGLL) và Hoạt động giáo dục hướng nghiệp (HĐGDHN) được tính giờ dạy học như các môn học; việc tham gia điều hành *HĐGD tập thể* (chào cờ đầu tuần và sinh hoạt lớp cuối tuần) là thuộc nhiệm vụ quản lý của Ban Giám hiệu và giáo viên chủ nhiệm lớp, không tính là giờ dạy học.

b) Thực hiện tích hợp giữa HĐGDNGLL, HĐGDHN, môn Công nghệ:

- HĐGDNGLL: Thực hiện đủ các chủ đề quy định cho mỗi tháng, với thời lượng 2 tiết/tháng và tích hợp nội dung HĐGDNGLL sang môn GDCD như sau:

+ Lớp 10, ở chủ đề về đạo đức;

+ Lớp 11, các chủ đề về kinh tế và chính trị - xã hội;

+ Lớp 12, ở các chủ đề về pháp luật.

Đưa nội dung giáo dục về Công ước Quyền trẻ em của Liên Hợp quốc vào HGDNGLL ở lớp 10 và tổ chức các hoạt động hưởng ứng phong trào "*Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực*" do Bộ GDĐT phát động.

- HGDHN:

Các lớp 10, 11, 12: Điều chỉnh thời lượng HGDHN thành 9 tiết/năm học sau khi tích hợp đưa sang giảng dạy ở môn Công nghệ (*phần "Tạo lập doanh nghiệp" lớp 10*) và tích hợp đưa sang HGDNGLL (do giáo viên môn Công nghệ, giáo viên HGDNGLL thực hiện) ở 3 chủ đề sau đây:

+ "*Thanh niên với vấn đề lập nghiệp*", chủ đề tháng 3;

+ "*Thanh niên với học tập, rèn luyện vì sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước*", chủ đề tháng 9;

+ "*Thanh niên với xây dựng và bảo vệ Tổ quốc*", chủ đề tháng 12.

Nội dung tích hợp do Sở GDĐT hướng dẫn hoặc uỷ quyền cho các trường THPT hướng dẫn GV thực hiện cho sát thực tiễn địa phương. Cần hướng dẫn học sinh lựa chọn con đường học lên sau THPT (ĐH, CĐ, TCN, học nghề) hoặc đi vào cuộc sống lao động. Về phương pháp tổ chức thực hiện HGDHN, có thể riêng theo lớp hoặc theo khối lớp; có thể giao cho giáo viên hoặc mời các chuyên gia, nhà quản lý kinh tế, quản lý doanh nghiệp giảng dạy.

c) HGD nghề phổ thông:

Nơi có đủ giáo viên đào tạo đúng chuyên môn, đủ CSVC phải thực hiện HGDNPT ở lớp 11, tổ chức thi và cấp chứng chỉ GDNPT sau khi hoàn thành chương trình 105 tiết đạt yêu cầu trở lên; nơi chưa đủ giáo viên đào tạo đúng chuyên môn, chưa đủ CSVC có thể chưa thực hiện chương trình HGDNPT nhưng phải khẩn trương khắc phục, không để kéo dài. Các vấn đề cụ thể về HGDNPT, thực hiện theo hướng dẫn tại công văn số 8608/BGDĐT-GDTTH ngày 16/8/2007 của Bộ GDĐT.

#### **4. Đổi mới phương pháp dạy học và đổi mới kiểm tra, đánh giá**

a) Chỉ đạo đổi mới phương pháp dạy học (PPDH):

- Những yêu cầu quan trọng trong đổi mới PPDH là:

+ Phát huy tính tích cực, hứng thú trong học tập của học sinh và vai trò chủ đạo của giáo viên;

+ Thiết kế bài giảng khoa học, sắp xếp hợp lý hoạt động của giáo viên và học sinh, thiết kế hệ thống câu hỏi hợp lý, tập trung vào trọng tâm, tránh nặng nề quá tải (nhất là đối với bài dài, bài khó, nhiều kiến thức mới); bồi dưỡng năng lực độc lập suy nghĩ, vận dụng sáng tạo kiến thức đã học, tránh thiên về ghi nhớ máy móc không nắm vững bản chất;

+ Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học, khuyến khích sử dụng hợp lý công nghệ thông tin, sử dụng các phương tiện nghe nhìn, thực hiện đầy đủ thí nghiệm, thực hành, liên hệ thực tế trong giảng dạy phù hợp với nội dung từng bài học;

+ Giáo viên sử dụng ngôn ngữ chuẩn xác, trong sáng, sinh động, dễ hiểu, tác phong thân thiện, khuyến khích, động viên học sinh học tập, tổ chức hợp lý cho học sinh làm việc cá nhân và theo nhóm;

+ Dạy học sát đối tượng, coi trọng bồi dưỡng học sinh khá giỏi và giúp đỡ học sinh học lực yếu kém.

- Đối với các môn học như: Mĩ thuật, Âm nhạc (THCS), Thể dục (THCS, THPT) cần coi trọng truyền thụ kiến thức, hình thành kỹ năng, bồi dưỡng hứng thú học tập, không quá thiên về đánh giá thành tích theo yêu cầu đào tạo chuyên ngành hoạ sỹ, nhạc sỹ, vận động viên.

- Tăng cường chỉ đạo đổi mới PPDH thông qua công tác bồi dưỡng giáo viên và dự giờ thăm lớp của giáo viên, tổ chức rút kinh nghiệm giảng dạy ở các tổ chuyên môn, hội thảo cấp trường, cụm trường, địa phương, hội thi giáo viên giỏi các cấp.

b) Đổi mới kiểm tra, đánh giá (KTĐG):

- Những yêu cầu quan trọng trong đổi mới KTĐG là:

+ Giáo viên đánh giá sát đúng trình độ học sinh với thái độ khách quan, công minh và hướng dẫn học sinh biết tự đánh giá năng lực của mình;

+ Trong quá trình dạy học, cần kết hợp một cách hợp lý hình thức tự luận với hình thức trắc nghiệm khách quan trong KTĐG kết quả học tập của học sinh, chuẩn bị tốt cho việc đổi mới các kỳ thi theo chủ trương của Bộ GDĐT.

+ Thực hiện đúng quy định của Quy chế Đánh giá, xếp loại học sinh THCS, học sinh THPT do Bộ GDĐT ban hành, tiến hành đủ số lần kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ, kiểm tra học kỳ cả lý thuyết và thực hành.

- Đổi mới đánh giá các môn Mĩ thuật, Âm nhạc (THCS), Thể dục (THCS, THPT): Đánh giá bằng điểm hoặc bằng nhận xét kết quả học tập theo quy định tại Quy chế Đánh giá, xếp loại học sinh THCS, học sinh THPT.

c) Đối với một số môn khoa học xã hội và nhân văn như: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí, Giáo dục công dân, cần coi trọng đổi mới PPDH, đổi mới KTĐG theo hướng hạn chế chỉ ghi nhớ máy móc, không nắm vững kiến thức, kỹ năng môn học. Trong quá trình dạy học, cần từng bước đổi mới KTĐG bằng cách nêu vấn đề mở, đòi hỏi học sinh phải vận dụng tổng hợp kiến thức, kỹ năng và biểu đạt chính kiến của bản thân.

d) Từ năm học 2008-2009, tập trung chỉ đạo đánh giá sâu hiệu quả dạy học của môn Giáo dục công dân để tiếp tục đổi mới PPDH, KTĐG nhằm nâng cao chất lượng môn học này (có hướng dẫn riêng).

**5. Thực hiện các nội dung giáo dục địa phương** (hướng dẫn tại công văn số 5977/BGDĐT-GDTrH ngày 07/7/2008)

## II. NHỮNG VẤN ĐỀ CỤ THỂ CỦA MÔN HÓA HỌC

### 1. Về thực hiện nội dung dạy học

– Soạn giáo án đầy đủ, chi tiết, nhưng bài lên lớp không nhất thiết phải tiến hành toàn bộ các phần của SGK, một số phần có thể cho học sinh tự nghiên cứu và GV kiểm ra lại kết quả tự nghiên cứu đó. Giáo viên tập trung vào phần trọng tâm của bài và chú ý hướng dẫn học sinh tự học theo SGK.

– Nội dung bài soạn phải nêu rõ các bước tiến hành của giáo viên và các hoạt động của học sinh. Kiến thức trong bài soạn và khi lên lớp phải bám sát chuẩn kiến thức, kỹ năng của Chương trình. Có thể chuẩn bị một bài soạn cho cả Chương trình chuẩn và nâng cao (trong đó đóng khung đậm phần thực hiện ở ban nâng cao).

– Khi tiến hành bài lên lớp, nhất thiết phải dựa vào các hoạt động, hệ thống câu hỏi (đặc biệt cần có các hoạt động dẫn dắt vào bài, chuyển phần sao cho tạo được hứng thú học tập của học sinh), tránh chép nội dung SGK lên bảng.

– Môn Hoá học là môn khoa học thực nghiệm, các bài lên lớp luôn gắn liền với các thí nghiệm (dùng các thí nghiệm hoá học để dẫn dắt vấn đề, tạo niềm tin khoa học cho học sinh) và luôn liên hệ với các sự vật, hiện tượng thực tế.

– Tận dụng tối đa các thiết bị thí nghiệm và các phương tiện hỗ trợ (máy vi tính, phần mềm, tranh, ảnh, sơ đồ trực quan...), đặc biệt là ứng dụng công nghệ thông tin trong bài lên lớp.

### 2. Về thực hành, thí nghiệm

– Cần khắc phục khó khăn để tiến hành đầy đủ các thí nghiệm trong các bài học.

– Phải đảm bảo dạy đủ số tiết thực hành của từng chương và của cả năm học, tùy điều kiện cơ sở vật chất giáo viên tiến hành dựa theo lịch sắp xếp của phòng thực hành thí nghiệm, đảm bảo đủ số tiết và nội dung.

### 3. Về kiểm tra, đánh giá

- Kết hợp 2 hình thức tự luận và trắc nghiệm trong kiểm tra, đánh giá.

- Thực hiện đúng quy định về thời lượng kiểm tra trong KPPCT. Đánh giá bài thực hành của học sinh bao gồm 2 phần:

+ Phần đánh giá kỹ năng thực hành, kết quả thực hành;

+ Phần đánh giá báo cáo thực hành (tường trình thí nghiệm).

Điểm của bài thực hành bằng trung bình cộng điểm của hai phần trên (hệ số 1).

## B. KHUNG PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH

### LỚP 10

Cả năm: 37 tuần (70 tiết)

Học kì I: 19 tuần (36 tiết)

Học kì II: 18 tuần (34 tiết)

Nội dung	Số tiết				
	Lí thuyết	Luyện tập	Thực hành	Ôn tập	Kiểm tra
Ôn tập đầu năm				2	
Chương 1. Nguyên tử	6	3			
Chương 2. Bảng tuần hoàn và định luật tuần hoàn các nguyên tố hoá học	6	2			
Chương 3. Liên kết hoá học	5	2			
Chương 4. Phản ứng hoá học	3	2	1		
Kiểm tra 45 phút					2
Ôn tập học kì I				1	
Kiểm tra học kì I					1
<b>Tổng số học kì I: 36 tiết</b>	<b>20</b>	<b>9</b>	<b>1</b>	<b>3</b>	<b>3</b>
Chương 5. Nhóm Halogen	7	2	2		
Chương 6. Oxi – Lưu huỳnh	7	2	2		
Chương 7. Tốc độ phản ứng và cân bằng hoá học	4	2	1		
Kiểm tra 45 phút					2
Ôn tập học kì II				2	
Kiểm tra cuối năm					1
<b>Tổng số học kì II: 34 tiết</b>	<b>18</b>	<b>6</b>	<b>5</b>	<b>2</b>	<b>3</b>

Tiết 1, 2: Ôn tập đầu năm

### Chương 1: Nguyên tử (10 tiết)

Từ tiết 3 đến tiết 12: Thành phần nguyên tử

Hạt nhân nguyên tử - Nguyên tố hoá học.

Đồng vị

Cấu tạo vỏ nguyên tử.

Cấu hình electron của nguyên tử

Luyện tập: Thành phần nguyên tử

Luyện tập: Cấu tạo vỏ nguyên tử

Kiểm tra 1 tiết

### Chương 2: Bảng tuần hoàn các nguyên tố hoá học và định luật tuần hoàn (9 tiết)

Từ tiết 13 đến tiết 21: Bảng tuần hoàn các nguyên tố hoá học

Sự biến đổi tuần hoàn cấu hình electron

nguyên tử của các nguyên tố hoá học

Sự biến đổi tuần hoàn tính chất của các

nguyên tố hoá học. Định luật tuần hoàn

Ý nghĩa của bảng tuần hoàn các nguyên tố hoá học

Luyện tập chương 2

Kiểm tra 1 tiết

### Chương 3: Liên kết hoá học (7 tiết)

Từ tiết 22 đến tiết 28: Liên kết ion – Tinh thể ion

Liên kết cộng hoá trị

Tinh thể nguyên tử và Tinh thể phân tử

Hoá trị và Số oxi hoá

Luyện tập: Liên kết hóa học

### Chương 4: Phản ứng oxi hóa – khử (8 tiết)

Từ tiết 29 đến tiết 34: Phản ứng oxi hoá - khử

Phân loại phản ứng trong hoá học vô cơ

Luyện tập: Phản ứng oxi hoá - khử

Thực hành số 1: Phản ứng oxi hoá - khử

Tiết 35: Ôn tập học kì I

Tiết 36: Kiểm tra học kì I (hết tuần 19)

### Chương 5: Nhóm halogen (12 tiết)

Từ tiết 37 đến tiết 48: Khái quát về nhóm halogen

Cl<sub>2</sub>.  
 Hidro clorua - axit clohidric và muối clorua  
 Sơ lược về hợp chất có oxi của clo  
 Flo – Brom - Iot  
 Luyện tập: nhóm halogen  
 Bài thực hành số 2: Tính chất hóa học của khí  
 clo và hợp chất của clo  
 Bài thực hành số 3: Tính chất hóa học của  
 brom và iot  
 Kiểm tra 1 tiết

### Chương 6: Oxi – Lưu huỳnh (12 tiết)

Từ tiết 49 đến tiết 60: Oxi - Ozon  
 Lưu huỳnh  
 Hidro sunfua - Lưu huỳnh đioxit - Lưu huỳnh  
 trioxit.  
 Axit sunfuric. Muối sunfat.  
 Luyện tập: Oxi và Lưu huỳnh  
 Bài thực hành số 4: Tính chất của oxi, lưu huỳnh  
 Bài thực hành số 5: Tính chất các hợp chất  
 của lưu huỳnh  
 Kiểm tra 1 tiết

### Chương 7: Tốc độ phản ứng và cân bằng hoá học (10 tiết)

Từ tiết 61 đến tiết 70: Tốc độ phản ứng hoá học  
 Cân bằng hoá học  
 Luyện tập: Tốc độ phản ứng và cân bằng hoá học  
 Bài thực hành số 6: Tốc độ phản ứng hoá học

Ôn tập học kì II (2 tiết)  
 Kiểm tra học kì II.

## LỚP 10 (NÂNG CAO)

Cả năm: 37 tuần (88 tiết)

Học kì I: 19 tuần (54 tiết)

Học kì II: 18 tuần (34 tiết)

Nội dung	Số tiết				
	Lí thuyết	Luyện tập	Thực hành	Ôn tập	Kiểm tra
Ôn tập đi năm				2	
Chương 1. Nguyên tử	7	4			
Chương 2. Bảng tuần hoàn và định luật tuần hoàn các nguyên tố hoá học	7	2	1		
Chương 3. Liên kết hoá học	10	4			
Chương 4. Phản ứng hoá học	4	2	1		
Chương 5. Nhóm Halogen	8	2	2		
Chương 6. Nhóm Oxi	9	3	2		
Chương 7. Tốc độ phản ứng và cân bằng hoá học	5	2	1		
Kiểm tra 45 phút (2 tiết/ học kì)					4
Ôn tập học kì I và cuối năm				3	
Kiểm tra học kì I và cuối năm					2
<b>Tổng số tối thiểu: 87 tiết</b>	<b>50</b>	<b>19</b>	<b>7</b>	<b>5</b>	<b>6</b>

Tiết 1, 2: Ôn tập đầu năm

### **Chương 1: Nguyên tử (12 tiết)**

Từ tiết 3 đến tiết 14: Thành phần nguyên tử

Hạt nhân nguyên tử - Nguyên tố hoá học.  
Đồng vị - Nguyên tử khối và nguyên tử khối trung bình  
Sự chuyển động của electron trong nguyên tử.  
Orbitan nguyên tử  
Lớp và phân lớp electron  
Năng lượng của các electron trong nguyên tử.  
Cấu hình electron của nguyên tử  
Luyện tập: Thành phần cấu tạo nguyên tử – khối lượng nguyên tử - orbitan nguyên tử  
Luyện tập chương 1  
Kiểm tra 1 tiết

### **Chương 2: Bảng tuần hoàn các nguyên tố hoá học và định luật tuần hoàn (10 tiết)**

Từ tiết 15 đến tiết 24: Bảng tuần hoàn các nguyên tố hoá học

Sự biến đổi tuần hoàn cấu hình electron nguyên tử các nguyên tố hoá học  
Sự biến đổi một số đại lượng vật lí của các nguyên tố hoá học  
Sự biến đổi tính kim loại, tính phi kim của các nguyên tố hoá học. Định luật tuần hoàn  
Ý nghĩa của bảng tuần hoàn các nguyên tố hoá học  
Luyện tập chương 2  
Bài thực hành số 1: Một số thao tác thực hành thí nghiệm hoá học. Sự biến đổi tính chất của nguyên tố trong chu kì và nhóm

### **Chương 3: Liên kết hoá học (15 tiết)**

Từ tiết 25 đến tiết 39: Khái niệm về liên kết hoá học. Liên kết ion.

Liên kết cộng hoá trị  
Hiệu độ âm điện và liên kết hoá học  
Sự lai hoá các orbitan nguyên tử - Sự hình thành liên kết đơn, liên kết đôi và liên kết ba  
Tinh thể nguyên tử. Tinh thể phân tử  
Liên kết kim loại  
Hoá trị và Số oxi hoá  
Luyện tập: Liên kết ion, liên kết cộng hoá trị – Lai hoá các orbitan nguyên tử  
Luyện tập chương 3  
Kiểm tra 1 tiết

### **Chương 4: Phản ứng oxi hóa – khử (7 tiết)**

Từ tiết 40 đến tiết 46: Phản ứng oxi hoá - khử

Phân loại phản ứng trong hoá học vô cơ  
Luyện tập chương 4  
Bài thực hành số 2: Phản ứng oxi hoá - khử

### **Chương 5: Nhóm halogen (15 tiết)**

Từ tiết 47 đến tiết 61: Khái quát về nhóm halogen

Cl.  
Hiđro clorua. Axit clohidric.



Hợp chất có oxi của clo  
 Flo  
 Brom  
 Iot  
 Luyện tập về clo và hợp chất của clo  
 Luyện tập chương 5  
 Bài thực hành số 3: Tính chất của các halogen  
 Bài thực hành số 4: Tính chất các hợp chất của halogen

Tiết 53: Ôn tập học kì I

Tiết 54: Kiểm tra học kì I (hết tuần 19)

### Chương 6: Nhóm Oxi (16 tiết)

Từ tiết 62 đến tiết 77: Khái quát về nhóm oxi

Oxi - Ozon và hidro peoxit

Lưu huỳnh

Hiđro sunfua.

Lưu huỳnh đioxit. Lưu huỳnh trioxit.

Axit sunfuric. Muối sunfat.

Luyện tập: Oxi - Ozon

Luyện tập chương 6

Bài thực hành số 5: Tính chất của oxi, lưu huỳnh

Bài thực hành số 6: Tính chất các hợp chất của lưu huỳnh.

Kiểm tra 1 tiết: Hợp chất của halogen, Oxi, Ozon

Kiểm tra 1 tiết: Lưu huỳnh và hợp chất

### Chương 7: Tốc độ phản ứng và cân bằng hoá học (11 tiết)

Từ tiết 78 đến tiết 88: Tốc độ phản ứng hoá học

Cân bằng hoá học

Luyện tập: Tốc độ phản ứng và cân bằng hoá học

Bài thực hành số 7: Tốc độ phản ứng và cân bằng hoá học

Ôn tập học kì II (2 tiết)

Kiểm tra học kì II.

## LỚP 11

Cả năm: 37 tuần (70 tiết)

Học kì I: 19 tuần (36 tiết)

Học kì II: 18 tuần (34 tiết)

Nội dung	Số tiết				
	Lý thuyết	Luyện tập	Thực hành	Ôn tập	Kiểm tra
Ôn tập ở nhà				2	
Chương 1. Sulfu	5	1	1		
Chương 2. Nitơ – Photpho	8	2	1		
Chương 3. Cacbon – Silic	4	1			
Chương 4. Tổng hợp về Hoá học hữu cơ	5	1			
Kiểm tra 45 phút					2
Ôn tập học kì I				2	
Kiểm tra học kì I					1
<b>Tổng số học kì I: 36 tiết</b>	<b>22</b>	<b>5</b>	<b>2</b>	<b>4</b>	<b>3</b>

Chương 5.Hidrocarbon no	3	1	1		
Chương 6.Hidrocarbon không no	4	2	1		
Chương 7.Hidrocarbon thơm – Nguồn hidrocarbon thiên nhiên	4	1			
Chương 8.Dẫn xuất halogen – Ancol – Phenol	4	1	1		
Chương 9.Andehit – Xeton – Axit cacboxylic	4	2	1		
Kiểm tra 45 phút					2
Ôn tập học kì II				1	
Kiểm tra cuối năm					1
<b>Tổng số học kì II: 34 tiết</b>	<b>19</b>	<b>7</b>	<b>4</b>	<b>1</b>	<b>3</b>

Tiết 1, 2: Ôn tập đầu năm.

### Chương 1: Sự điện li (8 tiết)

Từ tiết 3 đến tiết 10: Sự điện li

Axit - bazơ - muối  
 Sự điện li của nước. pH. chất chỉ thị axit - bazơ  
 Phản ứng trao đổi trong dung dịch các chất điện li  
 Luyện tập: Axit, bazơ, phản ứng trao đổi trong dung dịch các chất điện li  
 Bài thực hành 1: Tính axit, bazơ. Phản ứng trao đổi trong dung dịch các chất điện li  
 Kiểm tra 1 tiết

### Chương 2: Nitơ - Photpho (12 tiết)

Từ tiết 11 đến tiết 22: Ni tơ

Amoniac và muối amoni  
 Axit nitric và muối nitrat  
 Luyện tập: Tính chất của Nitơ và hợp chất của chúng  
 Photpho  
 Axit Photphoric và muối photphat  
 Phân bón hoá học  
 Luyện tập Tính chất Photpho và hợp chất của chúng  
 Bài thực hành 2: Tính chất của một số hợp chất nitơ, photpho.  
 Kiểm tra 1 tiết

### Chương 3: Cacbon – Silic (5 tiết)

Từ tiết 23 đến tiết 27: Cacbon

Hợp chất của cacbon  
 Silic và hợp chất của silic  
 Công nghiệp Silicat  
 Luyện tập

### Chương 4: Đại cương về hóa học hữu cơ (9 tiết)

Từ tiết 28 đến tiết 33: Mở đầu - Công thức phân tử hợp chất hữu cơ

Cấu trúc phân tử hợp chất hữu cơ  
 Phản ứng hữu cơ  
 Luyện tập: Chất hữu cơ, công thức phân tử và công thức cấu tạo

Tiết 34, 35: Ôn tập học kỳ I

Tiết 36: Kiểm tra học kỳ I (hết tuần 19)

### Chương 5: Hidrocarbon no (5 tiết)

Từ tiết 37 đến tiết 41: Ankan

Xicloankan  
 Luyện tập: Ankan và xicloankan  
 Bài thực hành 3: Phân tích định tính nguyên tố. Điều chế và tính chất của metan

**Chương 6: Hidrocacbon không no (8 tiết)**

Từ tiết 42 đến tiết 49: Anken  
 Ankađien  
 Luyện tập: Anken và ankadien  
 Ankin  
 Luyện tập: Ankin  
 Bài thực hành 4: Điều chế và tính chất của etylen, axetylen  
 Kiểm tra 1 tiết

**Chương 7: Hidrocacbon thơm. nguồn hidrocacbon thiên nhiên hệ thống hóa về hidrocacbon (6 tiết)**

Từ tiết 50 đến tiết 55: Benzen và đồng đẳng. Một số hidrocacbon thơm khác.  
 Luyện tập: Hidrocacbon thơm  
 Các nguồn hidrocacbon trong thiên nhiên  
 Hệ thống hóa về hidrocacbon

**Chương 8: Dẫn xuất halogen – ancol – phenol (6 tiết)**

Từ tiết 56 đến tiết 61: Dẫn xuất halogen của hidrocacbon  
 Ancol  
 Phenol  
 Luyện tập: Dẫn xuất halogen, ancol, phenol  
 Bài thực hành 5: Tính chất của etanol, glixerol và phenol  
 Kiểm tra 1 tiết

**Chương 9: Andehit – Xeton – Axit cacboxylic (9 tiết)**

Từ tiết 62 đến tiết 70: Andehit - Xeton  
 Axit cacboxylic  
 Luyện tập: Andehit - Xeton - Axit cacboxylic  
 Bài thực hành 6: Tính chất của andehit và axit cacboxylic

Ôn tập học kì 2 (1 tiết)  
 Kiểm tra học kì 2.

**LỚP 11  
 (NÂNG CAO)**

**Cả năm: 37 tuần (87 tiết)**

**Học kì I: 19 tuần (36 tiết)**

**Học kì II: 18 tuần (51 tiết)**

Nội dung	Số tiết				
	Lí thuyết	Luyện tập	Thực hành	Ôn tập	Kiểm tra
Chương 1. Sự li	8	2	1		
Chương 2. Nhóm Nitơ	10	2	1		
Chương 3. Nhóm Cacbon	5	1			
Chương 4. Chương về Hóa học hữu cơ	7	2			
Chương 5. Hidrocacbon no	4	1	1		
Chương 6. Hidrocacbon không no	6	1	1		
Chương 7. Hidrocacbon thơm					

– Nguồn hidrocarbon thiê nhiê	5	1	1		
Chương 8. Dẫn xuấhalogen –Ancol – Phenol	6	2	1		
Chương 9. Andehit – xton – Axit cacboxylic	5	2	1		
Ôn tập đầ năm, học kì I và cuốnnh			4		
Kiểm tra 45 phút tiế/ học kì )					4
Kiểm tra học kì I và cuốnnh					2
<b>Tổng số tối thiêu: 87 tiế</b>	<b>56</b>	<b>14</b>	<b>7</b>	<b>4</b>	<b>6</b>

Tiết 1: Ôn tập đầu năm.

### Chương 1: Sự điện li (12 tiế)

Từ tiế 2 đến tiế 13: Sự điện li

Phân loại các chất điện li  
Axit - bazơ - muối  
Sự điện li của nước. pH. Chất chỉ thị axit - bazơ  
Luyện tập: Axit - bazơ - muối.  
Phản ứng trao đổi trong dung dịch các chất điện li  
Luyện tập: Phản ứng trao đổi trong dung dịch các chất điện li  
Thực hành: Tính axit - bazơ. Phản ứng trong dung dịch các chất điện li  
Kiểm tra 1 tiế

### Chương 2: Nhóm nitơ (14 tiế)

Từ tiế 14 đến tiế 27: Khái quát về nhóm nitơ

Nitơ  
Amoniac và muối amoni  
Axit nitric và muối nitrat  
Luyện tập: Tính chất của nitơ và hợp chất của nitơ  
Photpho  
Axit phophoric và muối photphat  
Phân bón hoá học  
Luyện tập: Tính chất của photpho và các hợp chất của photpho  
Thực hành: Tính chất của các hợp chất nitơ, photpho.  
Kiểm tra 1 tiế

### Chương 3: Nhóm cacbon (9 tiế)

Từ tiế 28 đến tiế 36: Khái quát về nhóm cacbon

Cacbon  
Hợp chất của cacbon  
Silic và hợp chất của silic  
Công nghiệp silicat  
Luyện tập: Tính chất của cacbon, silic và các hợp chất của chúng

Tiết 34, 35: Ôn tập học kì I

Tiết 36: Kiểm tra học kì I (hết tuần 19)

### Chương 4: Đại cương về hóa học hữu cơ (9 tiế)

Từ tiế 37 đến tiế 45: Hoá học hữu cơ và hợp chất hữu cơ

Phân loại và gọi tên hợp chất hữu cơ  
Phân tích nguyên tố  
Công thức phân tử hợp chất hữu cơ  
Phản ứng hữu cơ  
Luyện tập: Chất hữu cơ, công thức phân tử

Cấu trúc phân tử hợp chất hữu cơ  
Luyện tập: Cấu trúc phân tử hợp chất hữu cơ

### **Chương 5: Hidrocacbon no (7 tiết)**

Từ tiết 46 đến tiết 52: Đồng đẳng, đồng phân và danh pháp  
Ankan: Cấu trúc phân tử và tính chất vật lí  
Ankan: Tính chất hoá học, điều chế và ứng dụng  
Xicloankan  
Luyện tập: Ankan và Xicloankan  
Thực hành: Phân tích định tính. Điều chế và tính chất của metan  
Kiểm tra 1 tiết

### **Chương 6: Hidrocacbon không no (8 tiết)**

Từ tiết 53 đến tiết 60: Anken: Danh pháp, cấu trúc và đồng phân  
Anken: Tính chất, điều chế và ứng dụng  
Ankađien  
Khái niệm về Tecpen  
Ankin  
Luyện tập: Hidrocacbon không no  
Thực hành: Tính chất của hidrocacbon không no

### **Chương 7: Hidrocacbon thơm - nguồn hidrocacbon thiên nhiên (8 tiết)**

Từ tiết 61 đến tiết 68: Benzen và ankylbenzen  
Stiren và naphtalen  
Nguồn hidrocacbon thiên nhiên  
Luyện tập: So sánh đặc điểm cấu trúc và tính chất của hidrocacbon thơm với hidrocacbon no và không no.  
Thực hành: Tính chất của một số hidrocacbon thơm  
Kiểm tra 1 tiết

### **Chương 8: Dẫn xuất halogen – ancol – phenol (9 tiết)**

Từ tiết 69 đến tiết 77: Dẫn xuất halogen của hidrocacbon  
Ancol: Cấu tạo, danh pháp, tính chất vật lí  
Ancol: Tính chất hoá học, điều chế và ứng dụng  
Phenol  
Luyện tập: dẫn xuất halogen  
Luyện tập: Ancol, phenol  
Thực hành: Tính chất của một vài dẫn xuất halogen, ancol, phenol

### **Chương 9: Andehit - xeton - axit cacboxylic (10 tiết)**

Từ tiết 78 đến tiết 87: Andehit và xeton  
Axit cacboxylic: Cấu trúc, Danh pháp, Tính chất vật lí  
Axit cacboxylic: Tính chất hoá học, Điều chế và ứng dụng  
Luyện tập: Andehit và Xeton  
Luyện tập: Axit cacboxylic  
Thực hành: Tính chất của andehit và axit cacboxylic

Ôn tập học kì II (1 tiết)  
Kiểm tra học kì II.

## **LỚP 12**

**Cả năm: 37 tuần (70 tiết)**  
**Học kì I: 19 tuần (36 tiết)**  
**Học kì II: 18 tuần (34 tiết)**

Nội dung	Số tiết				
	Lí thuyết	Luyện tập	Thực hành	Ôn tập	Kiểm tra
Ôn tập đầu năm				1	
Chương 1. Este - Lipit	3	1			
Chương 2. Cacbohidrat	4	1	1		
Chương 3. Amin Amino axit - Protein	5	1			
Chương 4. Polime và Vật liệu polime	4	1	1		
Chương 5. Đại cương về kim loại	8	3	1		
Chương 6. Kim loại kiềm Kim loại kiềm thổ nhôm	7	2	1		
Chương 7. Sắt và một số kim loại quan trọng	6	2	1		
Chương 8. Phân bón vô cơ	2	1			
Chương 9. Hóa học với xã hội và môi trường	3				
Kiểm tra 45 phút (2 tiết/ học kì)					4
Ôn tập học kì I và cuối năm				4	
Kiểm tra học kì I và cuối năm					2
<b>Tổng số: 70 tiết</b>	<b>42</b>	<b>12</b>	<b>5</b>	<b>5</b>	<b>6</b>

Tiết 1: Ôn tập đầu năm.

### Chương 1. Este – Lipit (4 tiết)

Từ tiết 2 đến tiết 5: Este

Lipit  
 Chất giặt rửa  
 Luyện tập: Este và chất béo

### Chương 2. Cacbohidrat (7 tiết)

Từ tiết 6 đến tiết 12: Glucozơ

Saccarozơ, tinh bột và xenlulozơ  
 Luyện tập: Cấu tạo và tính chất của cacbohidrat  
 Thực hành: Điều chế, tính chất hoá học của este và gluxit  
 Kiểm tra 1 tiết

### Chương 3. Amin, Amino axit và Protein (6 tiết)

Từ tiết 13 đến tiết 18: Amin

Amino axit  
 Peptit và protein  
 Luyện tập: Cấu tạo và tính chất của amin, amino axit và protein

### Chương 4. Polime và Vật liệu polime (7 tiết)

Từ tiết 19 đến tiết 25: Đại cương về polime

Vật liệu polime  
 Luyện tập: Polime và vật liệu polime  
 Thực hành: Một số tính chất của polime và vật liệu polime  
 Kiểm tra 1 tiết

### Chương 5. Đại cương về kim loại (15 tiết)

Từ tiết 26 đến tiết 40: Vị trí và cấu tạo của kim loại

Tính chất của kim loại.  
 Dây điện hoá của kim loại

Hợp kim  
 Sự ăn mòn kim loại  
 Điều chế kim loại  
 Luyện tập. Tính chất của kim loại  
 Luyện tập: Điều chế kim loại  
 Luyện tập: Sự ăn mòn kim loại  
 Thực hành: Tính chất, điều chế và sự ăn mòn kim loại

Tiết 34, 35: Ôn tập học kì I

Tiết 36: Kiểm tra học kì I (hết tuần 19)

### **Chương 6. Kim loại kiềm, Kim loại kiềm thổ, Nhôm (11 tiết)**

Từ tiết 41 đến tiết 51: Kim loại kiềm và hợp chất quan trọng của kim loại kiềm

Kim loại kiềm thổ và hợp chất quan trọng của kim loại kiềm thổ

Nhôm và hợp chất của nhôm

Luyện tập: Tính chất của kim loại kiềm, kim loại kiềm thổ và một số hợp chất của chúng

Luyện tập: Tính chất của nhôm và hợp chất của nhôm

Thực hành: Tính chất của Na, Mg, Al và hợp chất của chúng

Kiểm tra 1 tiết

### **Chương 7. Sắt và một số kim loại quan trọng (10 tiết)**

Từ tiết 52 đến tiết 61: Sắt

Một số hợp chất của sắt

Hợp kim của sắt

Crom và hợp chất của crom

Đồng và hợp chất của đồng

Sơ lược về niken, kẽm, chì, thiếc

Luyện tập: Tính chất hoá học của sắt và hợp chất quan trọng của sắt

Luyện tập: Tính chất hoá học của crom, đồng và hợp chất của chúng

Thực hành: Tính chất hoá học của sắt, crom, đồng và những hợp chất của chúng

Kiểm tra 1 tiết

### **Chương 8. Phân biệt một số chất vô cơ (3 tiết)**

Từ tiết 62 đến tiết 64: Nhận biết một số ion trong dung dịch

Nhận biết một số chất khí

Luyện tập: Nhận biết một số ion trong dung dịch

### **Chương 9. Hóa học và vấn đề phát triển kinh tế - xã hội và môi trường (6 tiết)**

Từ tiết 65 đến tiết 70: Hoá học và vấn đề phát triển kinh tế

Hoá học và vấn đề xã hội

Hoá học và những vấn đề môi trường

Ôn tập học kì II (2 tiết)

Kiểm tra học kì II.

## **LỚP 12 (NÂNG CAO)**

**Cả năm: 37 tuần (88 tiết)**

**Học kì I: 19 tuần (54 tiết)**

**Học kì II: 18 tuần (34 tiết)**

Nội dung	Số tiết				
	Lí thuyết	Luyện tập	Thực hành	Ôn tập	Kiểm tra
Ôn tập 5 năm				1	
Chương 1. Este - Lipit	4	1			

Chương 2. Cacbohidrat	6	2	1		
Chương 3. Amin Amino axit-Protein	7	1	1		
Chương 4. Polime và Vật liệu polime	4	1			
Chương 5. Đại cương về kim loại	9	2	2		
Chương 6. Kim loại kiềm Kim loại kiềm thổ nhôm	8	2	2		
Chương 7. Crom Sắt	10	2	1		
Chương 8. Phân bón vô cơ và phân bón sinh học.	5	1	2		
Chương 9. Hóa học với và phát triển kinh tế xã hội và môi trường	3				
Kiểm tra 45 phút (2 tiết/ học kì)					4
Ôn tập học kì I và cuối năm				3	
Kiểm tra học kì I và cuối năm					2
<b>Tổng số tối thiểu: 87 tiết</b>	<b>56</b>	<b>12</b>	<b>9</b>	<b>4</b>	<b>6</b>

Tiết 1. Ôn tập đầu năm

### Chương 1. Este – Lipit (5 tiết)

Từ tiết 2 đến tiết 6: Este

Lipit - Chất giặt rửa

Luyện tập: Mối liên hệ giữa hidrocarbon và một số dẫn xuất của hidrocarbon

### Chương 2. Cacbohidrat (10 tiết)

Từ tiết 7 đến tiết 16: Glucozơ

Saccarozơ

Tinh bột

Xenlulozơ

Luyện tập: Cấu trúc và tính chất của một số cacbohidrat tiêu biểu

Bài thực hành 1: Một số tính chất của cacbohidrat

Kiểm tra 1 tiết

### Chương 3. Amin – Amino axit – Protein (9 tiết)

Từ tiết 17 đến tiết 25: Amin

Amino axit

Peptit -protein

Luyện tập (Cấu tạo và tính chất của amin, amino axit, protein)

Bài thực hành 2 (Một số tính chất của amin, amino axit và protein)

### Chương 4. Polime và Vật liệu polime (6 tiết)

Từ tiết 26 đến tiết 31: Đại cương về polime

Các vật liệu polime

Luyện tập (Cấu trúc và tính chất của polime)

Kiểm tra 1 tiết

### Chương 5. Đại cương về kim loại (13 tiết)

Từ tiết 32 đến tiết 44: Kim loại. Hợp kim

Dãy điện hoá chuẩn của kim loại.

Sự điện phân

Sự ăn mòn kim loại

Điều chế kim loại

Luyện tập: Tính chất của kim loại

Luyện tập: Sự điện phân. Điều chế kim loại

Bài thực hành 3: Dây điện hoá của kim loại. Điều chế kim loại

Bài thực hành 4: Ăn mòn kim loại. Chống ăn mòn kim loại



## **Chương 6. Kim loại kiềm. Kim loại kiềm thổ. Nhôm (15 tiết)**

Từ tiết 32 đến tiết 59: Kim loại kiềm và Một số hợp chất quan

trọng của kim loại kiềm

Kim loại kiềm thổ và Một số hợp chất quan trọng của kim loại kiềm thổ – Nước cứng

Nhôm và Một số hợp chất quan trọng của nhôm

Luyện tập: Tính chất của kim loại kiềm, kim loại kiềm thổ và hợp chất của chúng.

Luyện tập: Tính chất của nhôm và hợp chất của nhôm

Bài thực hành 5: Tính chất của kim loại kiềm, kim loại kiềm thổ và hợp chất của chúng

Bài thực hành 6: Tính chất của nhôm và hợp chất của nhôm

Tiết 52, 53. Ôn tập học kì I

Tiết 54. Kiểm tra học kì I (hết tuần 19)

## **Chương 7. Crom – Sắt – Đồng (15 tiết)**

Từ tiết 60 đến tiết 74: Crom và Một số hợp chất của crom

Sắt và Hợp chất của sắt

Hợp kim của sắt

Đồng và một số hợp chất của đồng

Sơ lược về một số kim loại khác

Luyện tập: Tính chất hoá học của crom, sắt và những hợp chất của chúng

Luyện tập: Tính chất của Đồng và hợp chất

của đồng. Sơ lược về các kim loại Au, Cu, Ni, Zn, Sn, Pb

Bài thực hành 7: Tính chất hoá học của crom, sắt, đồng và những hợp chất của chúng

Kiểm tra 1 tiết về Nhôm, Crom

Kiểm tra 1 tiết về Sắt, Đồng và một số kim loại khác

## **Chương 8. Phân biệt một số chất vô cơ.**

### **Chuẩn độ dung dịch (8 tiết)**

Từ tiết 75 đến tiết 82: Nhận biết một số cation trong dung dịch

Nhận biết một số anion trong dung dịch

Nhận biết một số chất khí

Chuẩn độ axit-bazơ

Chuẩn độ oxi hoá-khử bằng phương pháp pemanganat

Luyện tập: Nhận biết một số ion trong dung dịch.

Xác định muối amoni bằng phương pháp axit- bazơ

Bài thực hành 8: Nhận biết một số cation trong dung dịch

Bài thực hành 9: Chuẩn độ dung dịch

## **Chương 9. Hoá học và vấn đề kinh tế, xã hội, môi trường (6 tiết)**

Từ tiết 83 đến tiết 88: Hoá học và những vấn đề phát triển kinh tế

Hoá học và vấn đề xã hội

Hoá học và vấn đề môi trường

Ôn tập học kì 2 (2 tiết)

Kiểm tra học kì 2.

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Tài liệu  
**PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH THCS**  
MÔN **LỊCH SỬ**

*(Dùng cho các cơ quan quản lý giáo dục và giáo viên, áp dụng từ năm học 2008-2009)*

# A. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG KHUNG PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH THCS

## I. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

Khung phân phối chương trình (KPPCT) này áp dụng cho cấp THCS từ năm học 2008-2009, gồm 2 phần: (A) Hướng dẫn sử dụng KPPCT; (B) Khung PPCT.

### 1. Về Khung phân phối chương trình

KPPCT quy định thời lượng dạy học cho từng phần của chương trình (chương, phần, bài học, môđun, chủ đề,...), trong đó có thời lượng dành cho luyện tập, bài tập, ôn tập, thí nghiệm, thực hành và thời lượng tiến hành kiểm tra định kì tương ứng với các phần đó. Thời lượng quy định tại KPPCT áp dụng trong trường hợp học 1 buổi/ngày, thời lượng dành cho kiểm tra là không thay đổi, thời lượng dành cho các hoạt động khác là quy định tối thiểu. Tiên độ thực hiện chương trình khi kết thúc học kì I và kết thúc năm học được quy định thống nhất cho tất cả các trường THCS trong cả nước. Căn cứ KPPCT, các Sở GDĐT cụ thể hoá thành PPCT chi tiết, bao gồm cả dạy học tự chọn cho phù hợp với địa phương, áp dụng chung cho các trường THCS thuộc quyền quản lí. Các trường THCS có điều kiện bố trí giáo viên và kinh phí chi trả giờ dạy vượt định mức quy định (trong đó có các trường học nhiều hơn 6 buổi/tuần), có thể chủ động đề nghị Phòng GDĐT xem xét trình Sở GDĐT phê chuẩn việc điều chỉnh PPCT tăng thời lượng dạy học cho phù hợp (*lãnh đạo Sở GDĐT phê duyệt, kí tên, đóng dấu*).

### 2. Về phân phối chương trình dạy học tự chọn

a) Thời lượng và cách tổ chức dạy học tự chọn:

Thời lượng dạy học tự chọn của các lớp cấp THCS trong Kế hoạch giáo dục là 2 tiết/tuần, dạy học chung cho cả lớp (các trường tự chủ về kinh phí có thể chia lớp thành nhóm nhỏ hơn nhưng vẫn phải theo kế hoạch chung của cả lớp).

Việc sử dụng thời lượng dạy học tự chọn THCS theo 1 trong 2 cách sau đây:

*Cách 1:* Chọn 1 trong 3 môn học, hoạt động giáo dục : Tin học, Ngoại ngữ 2, Nghề phổ thông (trong đó Ngoại ngữ 2 có thể bố trí vào 2 tiết dạy học tự chọn này hoặc bố trí ngoài thời lượng dạy học 6 buổi/tuần).

*Cách 2:* Dạy học các chủ đề tự chọn nâng cao, bám sát (CĐNC, CĐBS).

– Dạy học CĐNC là để khai thác sâu hơn kiến thức, kĩ năng của chương trình, bổ sung kiến thức, bồi dưỡng năng lực tư duy nhưng phải phù hợp với trình độ tiếp thu của học sinh.

Các Sở GDĐT tổ chức biên soạn, thẩm định tài liệu CĐNC (*trong đó có các tài liệu Lịch sử, Địa lí, Văn học địa phương*), dùng cho cấp THCS theo hướng dẫn của Bộ GDĐT (tài liệu CĐNC sử dụng cho cả giáo viên và học sinh như SGK) và quy định cụ thể PPCT dạy học các CĐNC cho phù hợp với mạch kiến thức của môn học đó. Các Phòng GDĐT đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện PPCT dạy học các CĐNC.

– Dạy học các CĐBS là để *ôn tập, hệ thống hóa, khắc sâu kiến thức, kĩ năng* (không bổ sung kiến thức nâng cao mới). Trong điều kiện chưa ban hành được tài liệu CĐNC, cần dành thời lượng dạy học tự chọn để thực hiện CĐBS nhằm ôn tập, hệ thống hóa, khắc sâu kiến thức, kĩ năng cho học sinh.

Hiệu trưởng các trường THCS chủ động lập Kế hoạch dạy học các CĐBS (chọn môn học, ấn định số tiết/tuần cho từng môn, tên bài dạy) cho từng lớp, ổn định trong từng học kì trên cơ sở đề nghị của các tổ trưởng chuyên môn và giáo viên chủ nhiệm lớp. Giáo viên chuẩn bị kế hoạch bài dạy (giáo án) CĐBS với sự hỗ trợ của tổ chuyên môn.

b) Kiểm tra, đánh giá kết quả dạy học tự chọn:

Việc kiểm tra, đánh giá kết quả học tập CĐTC của môn học thực hiện theo quy định tại *Quy chế đánh giá, xếp loại học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông*.

**Lưu ý:** Các bài dạy CĐT/CNC, CĐBS bố trí trong các chương như các bài khác, có thể có điểm kiểm tra dưới 1 tiết riêng nhưng không có điểm kiểm tra 1 tiết riêng, điểm CĐT/CNC môn học nào tính cho môn học đó.

### 3. Thực hiện các hoạt động giáo dục

a) Phân công giáo viên thực hiện các Hoạt động giáo dục:

Trong KHGD quy định tại CTGDPT do Bộ GDĐT ban hành, các *hoạt động giáo dục* đã được quy định thời lượng với số tiết học cụ thể như các môn học. Đối với giáo viên được phân công thực hiện Hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp (HĐGDNGLL), Hoạt động giáo dục hướng nghiệp (HĐGDHN) được tính giờ dạy như các môn học; việc tham gia điều hành *HĐGD tập thể* (chào cờ đầu tuần và sinh hoạt lớp cuối tuần) là thuộc nhiệm vụ quản lý của Ban Giám hiệu và giáo viên chủ nhiệm lớp, không tính vào giờ dạy tiêu chuẩn.

b) Tích hợp HĐGDNGLL, HĐGDHN, môn Công nghệ:

- HĐGDNGLL: Thực hiện đủ các chủ đề quy định cho mỗi tháng, với thời lượng 2 tiết/tháng và tích hợp nội dung HĐGDNGLL sang môn GD&CD các lớp 6, 7, 8, 9 ở các chủ đề về đạo đức và pháp luật. Đưa nội dung về Công ước Quyền trẻ em của Liên Hợp quốc vào HĐGDNGLL ở lớp 9 và tổ chức các hoạt động hưởng ứng phong trào "*Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực*" do Bộ GDĐT phát động.

- HĐGDHN (lớp 9):

Điều chỉnh thời lượng HĐGDHN thành 9 tiết/năm học sau khi đưa một số nội dung GDHN tích hợp sang HĐGDNGLL ở 2 chủ đề sau đây:

+ "*Truyền thống nhà trường*", chủ đề tháng 9;

+ "*Tiến bước lên Đoàn*", chủ đề tháng 3.

Nội dung tích hợp do Sở GDĐT (hoặc uỷ quyền cho các Phòng GDĐT) hướng dẫn trường THCS thực hiện cho sát thực tiễn địa phương. Về phương pháp tổ chức thực hiện HĐGDHN, có thể riêng theo lớp hoặc theo khối lớp; có thể giao cho giáo viên hoặc mời các chuyên gia, nhà quản lý kinh tế, quản lý doanh nghiệp giảng dạy.

### 4. Đổi mới phương pháp dạy học; đổi mới kiểm tra, đánh giá

a) Chỉ đạo đổi mới phương pháp dạy học (PPDH):

- Những yêu cầu quan trọng trong đổi mới PPDH là:

+ Phát huy tính tích cực, hứng thú trong học tập của học sinh và vai trò chủ đạo của giáo viên;

+ Thiết kế bài giảng khoa học, sắp xếp hợp lý hoạt động của giáo viên và học sinh, thiết kế hệ thống câu hỏi hợp lý, tập trung vào trọng tâm, tránh nặng nề quá tải (nhất là đối với bài dài, bài khó, nhiều kiến thức mới); bồi dưỡng năng lực độc lập suy nghĩ, vận dụng sáng tạo kiến thức đã học, tránh thiên về ghi nhớ máy móc không nắm vững bản chất;

+ Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học, khuyến khích sử dụng công nghệ thông tin, sử dụng các phương tiện nghe nhìn, thực hiện đầy đủ thí nghiệm, thực hành, liên hệ thực tế trong giảng dạy phù hợp với nội dung từng bài học;

+ Giáo viên sử dụng ngôn ngữ chuẩn xác, trong sáng, sinh động, dễ hiểu, tác phong thân thiện, khuyến khích, động viên học sinh học tập, tổ chức hợp lý cho học sinh làm việc cá nhân và theo nhóm;

+ Dạy học sát đối tượng, coi trọng bồi dưỡng học sinh khá giỏi và giúp đỡ học sinh học lực yếu kém.

- Đối với các môn học đòi hỏi năng khiếu như: Mĩ thuật, Âm nhạc, Thể dục cần coi trọng truyền thụ kiến thức, hình thành kỹ năng, bồi dưỡng hứng thú học tập, không quá thiên về đánh giá thành tích theo yêu cầu đào tạo chuyên ngành hoạ sỹ, nhạc sỹ, vận động viên.

- Tăng cường chỉ đạo đổi mới PPDH thông qua công tác bồi dưỡng giáo viên và dự giờ thăm lớp của giáo viên, tổ chức rút kinh nghiệm giảng dạy ở các tổ chuyên môn, hội thảo cấp trường, cụm trường, địa phương, hội thi giáo viên giỏi các cấp.

b) Đổi mới kiểm tra, đánh giá (KTĐG):

- Những yêu cầu quan trọng trong đổi mới KTĐG là:

+ Giáo viên đánh giá sát đúng trình độ học sinh với thái độ khách quan, công minh và hướng dẫn học sinh biết tự đánh giá năng lực của mình;

+ Trong quá trình dạy học, cần kết hợp một cách hợp lý hình thức tự luận với hình thức trắc nghiệm khách quan trong KTĐG kết quả học tập của học sinh, chuẩn bị tốt cho việc đổi mới các kỳ thi theo chủ trương của Bộ GDĐT.

+ Thực hiện đúng quy định của Quy chế Đánh giá, xếp loại học sinh THCS, học sinh THPT do Bộ GDĐT ban hành, tiến hành đủ số lần kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ, kiểm tra học kỳ cả lý thuyết và thực hành.

- Đổi mới đánh giá các môn Mỹ thuật, Âm nhạc (THCS), Thể dục (THCS, THPT): Thực hiện đánh giá bằng điểm hoặc đánh giá bằng nhận xét kết quả học tập theo quy định tại Quy chế Đánh giá, xếp loại học sinh THCS, học sinh THPT sửa đổi.

c) Đối với một số môn khoa học xã hội và nhân văn như: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí, Giáo dục công dân, cần coi trọng đổi mới PPDH, đổi mới KTĐG theo hướng hạn chế chỉ ghi nhớ máy móc, không nắm vững kiến thức, kỹ năng môn học. Trong quá trình dạy học, cần đổi mới KTĐG bằng cách nêu vấn đề mở, đòi hỏi học sinh phải vận dụng tổng hợp kiến thức, kỹ năng và biểu đạt chính kiến của bản thân.

d) Từ năm học 2008-2009, tập trung chỉ đạo đánh giá sâu hiệu quả dạy học của môn Giáo dục công dân để tiếp tục đổi mới PPDH, KTĐG nhằm nâng cao chất lượng môn học này (*có hướng dẫn riêng*).

**5. Thực hiện các nội dung giáo dục địa phương** (*hướng dẫn tại công văn số 5977/BGDĐT-GDTrH ngày 07/7/2008*)

## II. NHỮNG VẤN ĐỀ CỤ THỂ CỦA MÔN LỊCH SỬ

### 1. Về tổ chức dạy học

- Phải thực hiện đúng số tiết trong học kì được quy định trong Khung phân phối chương trình.  
- Trong quá trình dạy học, cùng với việc giúp HS nắm vững chuẩn kiến thức, kĩ năng được quy định trong Chương trình môn học, GV cần chú ý hướng dẫn HS phân tích, giải thích mối quan hệ giữa các sự kiện, so sánh, đối chiếu rút ra bài học lịch sử. Chú ý đến việc rèn luyện các kĩ năng và phương pháp tự học.

### 2. Đối với những tiết làm bài tập Lịch sử

Giáo viên (GV) có thể thực hiện theo nội dung sau:

- Tổ chức, hướng dẫn học sinh (HS) khai thác tranh ảnh, lược đồ, bản đồ lịch sử giúp HS biết được phương pháp khai thác và nắm được nội dung của tranh ảnh, lược đồ bản đồ gắn liền với nội dung SGK.

- Hướng dẫn HS lập bảng thống kê các sự kiện lịch sử của một bài, chương, giai đoạn lịch sử.

- Hướng dẫn HS làm bài tập trắc nghiệm khách quan với các dạng khác nhau.

- Tổ chức, hướng dẫn HS sưu tầm những sự kiện lịch sử địa phương có liên quan đến nội dung bài học.

### 3. Về lịch sử địa phương

- Trước hết, cần nhận thức rõ về vai trò, ý nghĩa của lịch sử địa phương trong việc giáo dục, giáo dục đặc biệt là giáo dục truyền thống địa phương đối với học sinh.

- Về biên soạn, cần thiết phải tiến hành biên soạn tài liệu lịch địa phương phục vụ giảng dạy ở trường phổ thông. Tài liệu này sử dụng cho cả những tiết dạy lịch sử địa phương được quy định trong chương trình, trong giờ học lịch sử dân tộc và hoạt động ngoại khóa.

Tuy nhiên, trong biên soạn cần lưu ý một số yêu cầu đó là: tính cơ bản, tiêu biểu của sự kiện, đảm bảo được tính toàn diện, hệ thống của sự kiện và vừa sức với học sinh.

- Về giảng dạy lịch sử địa phương:

+ Nhất thiết phải dạy đầy đủ những tiết lịch sử địa phương được quy định trong chương trình, đồng thời thường xuyên sử dụng tài liệu lịch sử địa phương trong dạy học những bài học lịch sử dân tộc.

+ Về phương pháp dạy học lịch sử địa phương, cần tuân thủ theo nguyên tắc dạy học nói chung. Tuy nhiên cần chú ý tính cụ thể, hình ảnh và xúc cảm cho HS. Rèn luyện khả năng tự học của HS, đồng thời tăng cường tổ chức các hoạt động học tập như trao đổi, thảo luận trình bày ý kiến riêng của mình.

+ Về hình thức tổ chức dạy học: Cần phải đa dạng hoá các hình thức tổ chức dạy lịch sử địa phương như: dạy học trên lớp, tại thực địa, tại bảo tàng và tổ chức các hoạt động ngoại khoá.

#### **4. Về phương pháp và hình thức tổ chức dạy học**

Quan điểm chủ đạo của chương trình môn Lịch sử ở trường phổ thông nói chung, ở THCS nói riêng, là xuất phát từ đặc trưng bộ môn, từ đặc điểm của quá trình nhận thức quá khứ, tận dụng mọi phương pháp, phương tiện, hình thức tổ chức dạy học nhằm phát huy tính tích cực, độc lập, sáng tạo của học sinh. Định hướng của chương trình là nhằm thực hiện đồng bộ các giải pháp lớn sau đây:

**Thứ nhất, tăng cường tính trực quan, hình ảnh, khả năng gây xúc cảm về các sự kiện, hiện tượng lịch sử, nhân vật lịch sử**

Trước hết, cần phải kể đến sự trình bày sinh động, giàu hình ảnh của giáo viên. Đó là tường thuật, miêu tả, kể chuyện, nêu đặc điểm của nhân vật lịch sử...

Bên cạnh đó, cần coi trọng việc sử dụng các phương tiện trực quan: tranh ảnh, bản đồ, lược đồ, sa bàn, mô hình vật thật, phim đèn chiếu, phim video...

Cần tận dụng mọi cơ hội, mọi khả năng để học sinh có được phương thức lĩnh hội lịch sử một cách cụ thể, giàu cảm xúc, được trực tiếp quan sát các hiện vật lịch sử, được nghe báo cáo tiếp xúc, trao đổi với các nhân chứng lịch sử, nhân vật lịch sử. Điều này giúp cho học sinh như đang “trực quan sinh động” quá khứ có thực mà hiện không có.

**Thứ hai, tổ chức cho học sinh làm việc với các sử liệu**

Có trong sách giáo khoa, trong các tài liệu tham khảo. Thông qua các hoạt động học tập, chú trọng rèn luyện các phương pháp học tập, nghiên cứu lịch sử cho học sinh. Sử dụng tư liệu có yêu cầu đầu tiên trong học tập lịch sử, vì đây là dịp học sinh “tiếp cận” với quá khứ.

**Thứ ba, tổ chức các cuộc trao đổi thảo luận dưới nhiều hình thức khác nhau**

Tổ chức làm việc theo nhóm hoặc đàm thoại chung cả lớp, tạo điều kiện để học sinh tự mình nêu lên các vấn đề để học tập, được độc lập giải quyết các vấn đề đó hoặc những vấn đề khác do giáo viên đặt ra. Cần khuyến khích học sinh phát biểu ý kiến riêng, độc đáo của mình, không ngại khi nêu lên ý kiến riêng với ý kiến giáo viên, rèn luyện khả năng trình bày ý kiến cho học sinh. Từ đó, học sinh lĩnh hội được nội dung học tập theo tinh thần mới của dạy học hiện đại: Dạy học tự khám phá, tự phát hiện.

**Thứ tư, đa dạng hoá các hình thức tổ chức dạy học** Chương trình khuyến khích tiến hành dạy học lịch sử ở các hình thức tổ chức phong phú, đa dạng:

- Học ở lớp, ở phòng bộ môn, ở bảo tàng, tại di tích lịch sử, hiện trường lịch sử; học nghe báo cáo, đối thoại trực tiếp với các nhân chứng lịch sử, nhân vật lịch sử

**Thứ năm, dạy học phải bám sát chuẩn kiến thức và kĩ năng đã được qui định trong chương trình GDPT**

Thực tế dạy học hiện nay ở các trường trung học phổ thông rất nhiều giáo viên không quan tâm đến chương trình, thậm chí nhiều giáo viên không biết đến chương trình mà chỉ chú ý đến SGK. GV chưa nắm vững được nhận thức hết sức quan trọng đó là chương trình mới là “pháp lệnh”, còn SGK chỉ là cụ thể hoá của chương trình và là tài liệu cơ bản cho HS học tập. Trong khi đó, GV chỉ theo SGK và coi đó là “pháp lệnh”, cố dạy hết tất cả những nội dung có trong SGK dẫn đến tình trạng quá tải trong từng giờ học. Trong thực tế giảng dạy hiện nay, nhiều GV dạy hết giờ nhưng không thể nào hết được bài bởi vì không xác định được đâu là kiến thức cơ bản, đâu là kiến thức trọng tâm của bài học.

Một trong những yêu cầu quan trọng trong việc dạy học hiện nay là GV phải bám sát chuẩn kiến thức kĩ năng được thể hiện trong chương trình giáo dục phổ thông, thông qua nội dung của SGK để xác định và lựa chọn những nội dung cơ bản nhất, trọng tâm của từng bài học giúp các em học sinh nắm vững những nội dung lịch sử đó với tinh thần “ít nhưng mà tinh, còn hơn nhiều mà thô”.

#### **5. Về thiết kế giáo án**

- Việc thiết kế giáo án phải khoa học, sắp xếp hợp lý các hoạt động dạy và học của giáo viên và học sinh ở trên lớp, thiết kế hệ thống câu hỏi hợp lý, tập trung vào trọng tâm của bài học, tránh nặng nề

quá tải, dàn trải. Chú ý bồi dưỡng năng lực độc lập suy nghĩ của học sinh, vận dụng sáng tạo kiến thức đã học, tránh thiên về ghi nhớ máy móc, không nắm vững bản chất vấn đề.

- Thực hiện cấu trúc giáo án mềm dẻo, linh hoạt tránh yêu cầu giáo viên phải cấu trúc và thực hiện giáo án máy móc các công việc của giờ học (ổn định lớp, kiểm tra bài cũ, dạy và học bài mới, củng cố, dặn dò và ra bài tập về nhà)

## **6. Về khai thác và sử dụng thiết bị dạy học**

- Thiết bị dạy học môn lịch sử rất đa dạng phong phú: tranh ảnh, bản đồ (lược đồ), mẫu vật, băng hình... GV tập trung vào hướng dẫn HS thực hiện sử dụng tranh ảnh và lược đồ - hai loại thiết bị thường được sử dụng nhiều nhất trong dạy học lịch sử

- Tranh ảnh, lược đồ là phương tiện dạy học quan trọng của môn lịch sử, hệ thống tranh ảnh, lược đồ phục vụ cho việc dạy học lịch sử gồm:

- Tập tranh ảnh lịch sử (lịch sử thế giới và lịch sử Việt Nam)

- Lược đồ lịch sử (lịch sử thế giới và lịch sử Việt Nam)

Để việc sử dụng tranh ảnh, lược đồ thống nhất và có hiệu quả nhằm phát huy được tích cực, chủ động, sáng tạo của học sinh trong học tập bộ môn và theo quan điểm đổi mới dạy học, **thiết bị đồ dùng dạy học là một nguồn nhận thức lịch sử** chứ không chỉ là minh họa cho bài học. Trong khi khai thác, sử dụng cần chú ý các kĩ năng như: quan sát, nhận xét, mô tả, tường thuật, phân tích, nhận định, đánh giá và phương pháp khai thác như: Cho học sinh quan sát, GV đặt câu hỏi nêu vấn đề, tổ chức hướng dẫn học sinh tìm hiểu nội dung tranh ảnh và lược đồ.

## **7. Về kiểm tra, đánh giá**

### **- Cần xác định rõ mục đích của việc kiểm tra, đánh giá**

Kiểm tra được xem là phương tiện và hình thức của đánh giá. Việc kiểm tra cung cấp những dữ kiện, những thông tin làm cơ sở cho việc đánh giá.

Đánh giá kết quả học tập (KQHT) của học sinh (HS) nhằm mục đích làm sáng tỏ mức độ đạt được của HS về kiến thức, kĩ năng và thái độ so với mục tiêu dạy học đã đề ra, công khai hoá các nhận định về năng lực và kết quả học tập của mỗi HS, giúp HS nhận ra sự tiến bộ cũng như những tồn tại của cá nhân học sinh. Từ đó khuyến khích, thúc đẩy việc học tập của các em.

### **- Nắm vững nội dung kiểm tra, đánh giá**

Nội dung môn lịch sử bao gồm 2 mảng kiến thức: khoá trình lịch sử thế giới và khóa trình lịch sử Việt Nam từ khi con người và xã hội loài người xuất hiện đến nay. Nội dung kiểm tra, đánh giá của môn học cần bao gồm cả các mặt kiến thức, kĩ năng, thái độ. Song chủ yếu tập trung kiểm tra, đánh giá kiến thức và kĩ năng của HS.

#### ***Về mặt kiến thức***

Kết quả học tập của HS cần được đánh giá theo 6 mức độ:

(1) Nhân biết

(2) Thông hiểu

(3) Vận dụng

(4) Phân tích

(5) Tổng hợp

(6) Đánh giá

Trong thực tiễn các đề kiểm tra môn Lịch sử cho thấy khó có thể tách bạch một cách tuyệt đối các mức độ này trong một đề kiểm tra, chúng thường đan xen và nhiều khi đi liền với nhau, mức độ trước có thể là cơ sở của mức độ sau.

#### ***Về kĩ năng***

Căn cứ vào nội dung của chương trình và cách trình bày nội dung trong SGK, việc kiểm tra, đánh giá kĩ năng của HS còn cần tập trung vào các kĩ năng:

- Sử dụng bản đồ, lược đồ.

- Quan sát, nhận xét tranh ảnh, bản đồ.

- Kĩ năng tư duy (so sánh, phân tích, tổng hợp, đánh giá, vận dụng kiến thức).

- Kĩ năng thu thập, xử lí, viết báo cáo và trình bày các thông tin lịch sử.

Trước yêu cầu đổi mới phương pháp dạy học (PPDH) theo định hướng phát huy tính tích cực học tập của HS, việc đánh giá không chỉ dừng lại ở yêu cầu tái hiện kiến thức, lặp lại các kĩ năng đã học mà phải khuyến khích trí thông minh sáng tạo, khả năng tư duy của HS; cần hạn chế kiểm tra trí nhớ mà tăng cường kiểm tra, đánh giá mức độ hiểu, vận dụng, phân tích, tổng hợp, đánh giá và khả năng tư duy của HS.

### **Vận dụng thành thạo phương pháp và hình thức kiểm tra đánh giá**

- Bao gồm tự luận và trắc nghiệm khách quan.

+ *Tự luận với câu hỏi mở:*

Loại này đòi hỏi HS phải trả lời bằng vốn kiến thức và kinh nghiệm học tập đã có. HS phải tự trình bày ý kiến trong một bài viết dài để giải quyết vấn đề mà câu hỏi nêu ra.

Tự luận cho phép đánh giá được sự hiểu biết, năng lực trí tuệ, khả năng diễn đạt của HS. Vì vậy loại này thường được sử dụng trong trường hợp yêu cầu HS phân tích các mối quan hệ sự kiện chứng minh, giải thích các hiện tượng, sự vật lịch sử..

+ *Trắc nghiệm khách quan:* Nhóm các câu hỏi trắc nghiệm mà trong đó mỗi câu nêu ra một vấn đề cùng với những thông tin cần thiết đòi hỏi HS phải viết câu trả lời ngắn hoặc lựa chọn một câu trả lời gọi là trắc nghiệm khách quan.

Loại trắc nghiệm này bao gồm nhiều câu hỏi nên có thể kiểm tra được một phạm vi rộng của chương trình môn học, do đó độ tin cậy của bài trắc nghiệm cao hơn và khuyến khích HS nắm vững nhiều kiến thức. Kết quả kiểm tra, đánh giá khách quan hơn, không phụ thuộc vào ý kiến chủ quan của người chấm bài.

## **B. KHUNG PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH**

### **LỚP 6**

**Cả năm: 37 tuần (35 tiết)**

**Học kì I: 19 tuần (18 tiết)**

**Học kì II: 18 tuần (17 tiết)**

### **HỌC KÌ I**

#### **PHẦN MỞ ĐẦU (2 tiết)**

Bài 1. Sơ lược về môn Lịch sử

Bài 2. Cách tính thời gian trong lịch sử

#### **Phần một. KHÁI QUÁT LỊCH SỬ THẾ GIỚI CỔ ĐẠI (5 tiết)**

Bài 3. Xã hội nguyên thủy

Bài 4. Các quốc gia cổ đại phương Đông

Bài 5. Các quốc gia cổ đại phương Tây

Bài 6. Văn hoá cổ đại

Bài 7. Ôn tập

#### **Phần hai. LỊCH SỬ VIỆT NAM TỪ NGUỒN GỐC ĐẾN THẾ KỈ X**

##### **Chương 1. Buổi đầu lịch sử nước ta (2 tiết)**

Bài 8. Thời nguyên thủy trên đất nước ta

Bài 9. Đời sống của người nguyên thủy trên đất nước ta

Kiểm tra viết (1 tiết)

##### **Chương II. Thời đại dựng nước: Văn Lang – Âu Lạc (7 tiết)**

Bài 10. Những chuyển biến trong đời sống kinh tế

Bài 11. Những chuyển biến về xã hội

Bài 12. Nước Văn Lang

Bài 13. Đời sống vật chất và tinh thần của cư dân Văn Lang

Bài 14. Nước Âu Lạc

Bài 15. Nước Âu Lạc (tiếp theo)

Bài 16. Ôn tập chương I và chương II

Kiểm tra học kì I (1 tiết)

### **HỌC KÌ II**

##### **Chương III. Thời kì Bắc thuộc và đấu tranh giành độc lập (10 tiết: 9 tiết bài mới, 1 tiết bài tập)**

Bài 17. Cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng (năm 40)

Bài 18. Trưng Vương và cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Hán



- Bài 19. Từ sau Trung Vương đến trước Lý Nam Đế (giữa thế kỉ I – giữa thế kỉ VI)  
 Bài 20. Từ sau Trung Vương đến trước Lý Nam Đế (giữa thế kỉ I – giữa thế kỉ VI) (tiếp theo)  
 Làm bài tập lịch sử.  
 Bài 21. Khởi nghĩa Lý Bí. Nước Vạn Xuân (542 – 602)  
 Bài 22. Khởi nghĩa Lý Bí. Nước Vạn Xuân (542 – 602) (tiếp theo)  
 Bài 23. Những cuộc khởi nghĩa lớn trong các thế kỉ VII – IX  
 Bài 24. Nước Champa từ thế kỉ II đến thế kỉ X  
 Làm bài tập lịch sử  
 Bài 25. Ôn tập chương III  
 Làm bài kiểm tra viết (1 tiết)

**Chương IV. Bước ngoặt lịch sử ở đầu thế kỉ X** (4 tiết: 3 tiết bài mới, 1 tiết bài tập)

- Bài 26. Cuộc đấu tranh giành quyền tự chủ của họ Khúc, họ Dương  
 Bài 27. Ngô Quyền và chiến thắng Bạch Đằng năm 938  
 Lịch sử địa phương (1 tiết).  
 Bài 28. Ôn tập  
 Làm bài tập lịch sử  
 Kiểm tra học kì II (1 tiết)

**LỚP 7**

**Cả năm: 37 tuần (70 tiết)**  
**Học kì I: 19 tuần (36 tiết)**  
**Học kì II: 18 tuần (34 tiết)**

**HỌC KÌ I**

**Phần một. KHÁI QUÁT LỊCH SỬ THẾ GIỚI TRUNG ĐẠI**

(10 tiết: 9 tiết bài mới, 1 tiết bài tập)

- Bài 1. Sự hình thành và phát triển của xã hội phong kiến ở châu Âu  
 Bài 2. Sự suy vong của chế độ phong kiến và sự hình thành chủ nghĩa tư bản ở châu Âu  
 Bài 3. Cuộc đấu tranh của giai cấp tư sản chống phong kiến thời hậu kì trung đại ở châu Âu  
 Bài 4. Trung Quốc thời phong kiến  
 Bài 5. Ấn Độ thời phong kiến  
 Bài 6. Các quốc gia phong kiến Đông Nam Á  
 Bài 7. Những nét chung về xã hội phong kiến

**Phần hai. LỊCH SỬ VIỆT NAM TỪ THẾ KỈ X ĐẾN GIỮA THẾ KỈ XIX**

**Chương I. Buổi đầu độc lập thời Ngô – Đinh – Tiền Lê (thế kỉ X)**  
 (3 tiết)

- Bài 8. Nước ta buổi đầu độc lập  
 Bài 9. Nước Đại Cồ Việt thời Đinh – Tiền Lê

**Chương II. Nước Đại Việt thời Lý (thế kỉ XI – XII)** (7 tiết: 6 tiết bài mới và ôn tập, 1 tiết bài tập)

- Bài 10. Nhà Lý đẩy mạnh công cuộc xây dựng đất nước  
 Bài 11. Cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Tống (1075 – 1077)  
 Làm bài tập lịch sử  
 Ôn tập  
 Làm bài kiểm tra (1 tiết)  
 Bài 12. Đời sống kinh tế, văn hoá

**Chương III. Nước Đại Việt thời Trần (thế kỉ XIII – XIV)** (11 tiết)

- Bài 13. Nước Đại Việt ở thế kỉ XIII  
 Bài 14. Ba lần kháng chiến chống quân xâm lược Mông – Nguyên (thế kỉ XIII)  
 Bài 15. Sự phát triển kinh tế và văn hoá thời Trần

Bài 16. Sự suy sụp của nhà Trần cuối thế kỉ XIV

Lịch sử địa phương (1 tiết)

Bài 17. Ôn tập chương II và chương III

**Chương IV. Đại Việt từ thế kỉ XV đến đầu thế kỉ XIX thời Lê sơ**  
(12 tiết: 10 tiết bài mới và ôn tập, 2 tiết bài tập)

Bài 18. Cuộc kháng chiến của nhà Hồ và phong trào khởi nghĩa chống quân Minh ở đầu thế kỉ XV

Làm bài tập lịch sử

Ôn tập

Làm bài kiểm tra học kì I (1 tiết)

## HỌC KÌ II

Bài 19. Cuộc khởi nghĩa Lam Sơn (1418 – 1427)

Bài 20. Nước Đại Việt thời Lê sơ (1428 – 1527)

Bài 21. Ôn tập chương IV

Làm bài tập lịch sử (phần chương IV)

**Chương V. Đại Việt ở các thế kỉ XVI – XVIII** (12 tiết: 11 tiết bài mới và ôn tập, 1 tiết bài tập)

Bài 22. Sự suy yếu của nhà nước phong kiến tập quyền (thế kỉ XVI – XVIII)

Bài 23. Kinh tế, văn hoá thế kỉ XVI – XVIII

Bài 24. Khởi nghĩa nông dân Đàng Ngoài thế kỉ XVIII

Bài 25. Phong trào Tây Sơn

Bài 26. Quang Trung xây dựng đất nước

Lịch sử địa phương (1 tiết)

Làm bài tập lịch sử

Ôn tập

Làm bài kiểm tra (1 tiết)

**Chương VI. Việt Nam nửa đầu thế kỉ XIX** (8 tiết)

Bài 27. Chế độ phong kiến nhà Nguyễn

Bài 28. Sự phát triển của văn hoá dân tộc cuối thế kỉ XVIII – nửa đầu thế kỉ XIX

Lịch sử địa phương (1 tiết)

Bài 29. Ôn tập chương V và VI

Làm bài tập lịch sử (phần chương VI)

Bài 30. Tổng kết

Ôn tập

Làm bài kiểm tra học kì II (1 tiết)

## LỚP 8

**Cả năm: 37 tuần (52 tiết)**

**Học kì I: 19 tuần (35 tiết)**

**Học kì II: 18 tuần (17 tiết)**

## HỌC KÌ I

**Phần một. LỊCH SỬ THẾ GIỚI – LỊCH SỬ THẾ GIỚI CẬN ĐẠI**  
(từ giữa thế kỉ XVI đến năm 1917)

**Chương I. Thời kì xác lập của chủ nghĩa tư bản** (từ thế kỉ XVI đến nửa sau thế kỉ XIX) (8 tiết)

Bài 1. Những cuộc cách mạng tư sản đầu tiên

Bài 2. Cách mạng tư sản Pháp (1789 – 1794)

Bài 3. Chủ nghĩa tư bản được xác lập trên phạm vi thế giới

Bài 4. Phong trào công nhân và sự ra đời của chủ nghĩa Mác

**Chương II. Các nước Âu Mĩ cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX** (6 tiết)

Bài 5. Công xã Pari 1871

Bài 6. Các nước Anh, Pháp, Đức, Mĩ cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX

Bài 7. Phong trào công nhân quốc tế cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX

Bài 8. Sự phát triển của kĩ thuật, khoa học, văn học và nghệ thuật thế kỉ XVIII – XIX

**Chương III. Châu Á giữa thế kỉ XVIII – đầu thế kỉ XX (4 tiết)**

Bài 9. Ấn Độ thế kỉ XVIII – đầu thế kỉ XX

Bài 10. Trung Quốc cuối thế kỉ XIX – đầu thế kỉ XX

Bài 11. Các nước Đông Nam Á cuối thế kỉ XIX – đầu thế kỉ XX

Bài 12. Nhật Bản giữa thế kỉ XIX – đầu thế kỉ XX

Kiểm tra viết (1 tiết)

**Chương IV. Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914 – 1918) (3 tiết)**

Bài 13. Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914 – 1918)

Bài 14. Ôn tập lịch sử thế giới cận đại (từ giữa thế kỉ XVI đến năm 1917)

**Lịch sử thế giới hiện đại (từ năm 1917 đến năm 1945)**

**Chương I. Cách mạng tháng Mười Nga năm 1917 và công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô (1921 – 1941)**

(3 tiết)

Bài 15. Cách mạng tháng Mười Nga năm 1917 và cuộc đấu tranh bảo vệ cách mạng (1917 – 1921)

Bài 16. Liên Xô xây dựng chủ nghĩa xã hội (1921 – 1941)

**Chương II. Châu Âu và nước Mĩ giữa hai cuộc chiến tranh thế giới (1918 – 1939) (2 tiết)**

Bài 17. Châu Âu giữa hai cuộc chiến tranh thế giới (1918 – 1939)

Bài 18. Nước Mĩ giữa hai cuộc chiến tranh thế giới (1918 – 1939)

**Chương III. Châu Á giữa hai cuộc chiến tranh thế giới (1918 – 1939) (3 tiết)**

Bài 19. Nhật Bản giữa hai cuộc chiến tranh thế giới (1918 – 1939)

Bài 20. Phong trào độc lập dân tộc ở châu Á (1918 – 1939)

**Chương IV. Chiến tranh thế giới thứ hai (1939 – 1945) (2 tiết)**

Bài 21. Chiến tranh thế giới thứ hai (1939 – 1945)

**Chương V. Sự phát triển của văn hoá, khoa học – kĩ thuật thế giới nửa đầu thế kỉ XX (2 tiết)**

Bài 22. Sự phát triển văn hoá, khoa học – kĩ thuật thế giới nửa đầu thế kỉ XX

Bài 23. Ôn tập lịch sử thế giới hiện đại (từ năm 1917 đến năm 1945)

Kiểm tra học kì I (1 tiết)

## HỌC KÌ II

### Phần hai. LỊCH SỬ VIỆT NAM TỪ NĂM 1858 ĐẾN NĂM 1918

**Chương I. Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp từ năm 1858 đến cuối thế kỉ XIX (9 tiết: 8 tiết bài mới, 1 tiết bài tập)**

Bài 24. Cuộc kháng chiến từ năm 1858 đến năm 1873

Bài 25. Kháng chiến lan rộng ra toàn quốc (1873 – 1884)

Bài 26. Phong trào kháng Pháp trong những năm cuối thế kỉ XIX

Bài 27. Khởi nghĩa Yên Thế và phong trào chống Pháp của đồng bào miền núi cuối thế kỉ XIX

Lịch sử địa phương (1 tiết)

Làm bài tập lịch sử

Bài 28. Trào lưu cải cách Duy tân ở Việt Nam nửa cuối thế kỉ XIX

Làm bài kiểm tra viết (1 tiết)

**Chương II. Xã hội Việt Nam (từ năm 1897 đến năm 1918) (5 tiết)**

Bài 29. Chính sách khai thác thuộc địa của thực dân Pháp và những chuyển biến kinh tế xã hội ở Việt Nam

Bài 30. Phong trào yêu nước chống Pháp từ đầu thế kỉ XX đến năm 1918

Bài 31. Ôn tập lịch sử Việt Nam (từ năm 1858 đến năm 1918)

Kiểm tra học kì II (1 tiết)

## LỚP 9

Cả năm: 37 tuần (52 tiết)  
Học kì I: 19 tuần (18 tiết)  
Học kì II: 17 tuần (34 tiết)

## HỌC KÌ I

### Phần một. LỊCH SỬ THẾ GIỚI HIỆN ĐẠI TỪ NĂM 1945 ĐẾN NAY

#### **Chương I. Liên Xô và các nước Đông Âu sau Chiến tranh thế giới thứ hai (3 tiết)**

Bài 1. Liên Xô và các nước Đông Âu từ 1945 đến giữa những năm 70 của thế kỉ XX

Bài 2. Liên Xô và các nước Đông Âu từ giữa những năm 70 đến đầu những năm 90 của thế kỉ XX

#### **Chương II. Các nước Á, Phi, Mĩ La – tình từ năm 1945 đến nay (5 tiết)**

Bài 3. Quá trình phát triển của phong trào giải phóng dân tộc và sự tan rã của hệ thống thuộc địa

Bài 4. Các nước châu Á

Bài 5. Các nước Đông Nam Á

Bài 6. Các nước châu Phi

Bài 7. Các nước Mĩ La – tinh

Kiểm tra viết (1 tiết)

#### **Chương III. Mĩ, Nhật Bản, Tây Âu từ năm 1945 đến nay (3 tiết)**

Bài 8. Nước Mĩ

Bài 9. Nhật Bản

Bài 10. Các nước Tây Âu

#### **Chương IV. Quan hệ quốc tế từ năm 1945 đến nay (1 tiết)**

Bài 11. Trật tự thế giới mới sau chiến tranh

#### **Chương V. Cuộc cách mạng khoa học kĩ thuật từ năm 1945 đến nay (2 tiết)**

Bài 12. Những thành tựu chủ yếu và ý nghĩa lịch sử của cách mạng khoa học – kĩ thuật sau Chiến tranh thế giới thứ hai

Bài 13. Tổng kết lịch sử thế giới từ sau năm 1945 đến nay

### Phần hai. LỊCH SỬ VIỆT NAM TỪ NĂM 1919 ĐẾN NAY

#### **Chương I. Việt Nam trong những năm 1919 – 1930 (5 tiết)**

Bài 14. Việt Nam sau Chiến tranh thế giới thứ nhất

Bài 15. Phong trào cách mạng Việt Nam sau Chiến tranh thế giới thứ nhất (1919 – 1926)

Kiểm tra học kì I (1 tiết)

## HỌC KÌ II

Bài 16. Những hoạt động của Nguyễn Ái Quốc ở nước ngoài trong những năm 1919 – 1925

Bài 17. Cách mạng Việt Nam trước khi Đảng Cộng sản ra đời

#### **Chương II. Việt Nam trong những năm 1930 – 1939 (3 tiết)**

Bài 18. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời

Bài 19. Phong trào cách mạng trong những năm 1930 – 1935

Bài 20. Cuộc vận động dân chủ trong những năm 1936 – 1939

#### **Chương III. Cuộc vận động tiến tới cách mạng tháng Tám 1945 (4 tiết)**

Bài 21. Việt Nam trong những năm 1939 – 1945

Bài 22. Cao trào cách mạng tiến tới Tổng khởi nghĩa tháng Tám 1945

Bài 23. Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 và sự thành lập nước Việt Nam dân chủ cộng hoà

#### **Chương IV. Việt Nam từ sau cách mạng tháng Tám đến toàn quốc kháng chiến (2 tiết)**

Bài 24. Cuộc đấu tranh bảo vệ và xây dựng chính quyền dân chủ nhân dân (1945 – 1946)

#### **Chương V. Việt Nam từ cuối năm 1946 đến năm 1954 (6 tiết)**

Bài 25. Những năm đầu của cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp (1946 – 1950)

Bài 26. Bước phát triển mới của cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp (1950 – 1953)

Bài 27. Cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp xâm lược kết thúc (1953 – 1954)

Lịch sử địa phương (1 tiết)

Kiểm tra viết (1 tiết)

**Chương VI. Việt Nam từ năm 1954 đến năm 1975 (8 tiết)**

Bài 28. Xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, đấu tranh chống đế quốc Mĩ và chính quyền Sài Gòn ở miền Nam

(1954 – 1965)

Bài 29. Cả nước trực tiếp chống Mĩ cứu nước (1965 – 1973)

Bài 30. Hoàn thành giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (1973 – 1975)

Lịch sử địa phương (1 tiết)

**Chương VII. Việt Nam từ năm 1975 đến năm 2000 (4 tiết)**

Bài 31. Việt Nam trong năm đầu sau đại thắng mùa Xuân 1975

Bài 32. Xây dựng đất nước, đấu tranh bảo vệ Tổ quốc

(1976 – 1985)

Bài 33. Việt Nam trên đường đổi mới đi lên chủ nghĩa xã hội (từ năm 1986 đến năm 2000)

Bài 34. Tổng kết lịch sử Việt Nam từ sau Chiến tranh thế giới thứ nhất đến năm 2000

Kiểm tra học kì II (1 tiết)

---

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Tài liệu

**PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH THPT**

MÔN **LỊCH SỬ**

*(Dùng cho các cơ quan quản lý giáo dục và giáo viên,  
áp dụng từ năm học 2008-2009)*

# A. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG KHUNG PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH THPT

## I. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

Khung Phân phối chương trình (KPPCT) này áp dụng cho các lớp cấp THPT từ năm học 2008-2009, gồm 2 phần: (A) Hướng dẫn sử dụng KPPCT; (B) Khung PPCT.

### 1. Về khung Phân phối chương trình

KPPCT quy định thời lượng dạy học cho từng phần của chương trình (chương, phần, bài học, môđun, chủ đề,...), trong đó có thời lượng dành cho luyện tập, bài tập, ôn tập, thí nghiệm, thực hành và thời lượng tiến hành kiểm tra định kì tương ứng với các phần đó.

Thời lượng nói trên quy định tại KPPCT áp dụng trong trường hợp học 1 buổi/ngày (*thời lượng dành cho kiểm tra là không thay đổi, thời lượng dành cho các hoạt động khác là quy định tối thiểu*). Tiến độ thực hiện chương trình khi kết thúc học kì I và kết thúc năm học được quy định thống nhất cho tất cả các trường THPT trong cả nước. Căn cứ KPPCT, các Sở GDĐT cụ thể hoá thành PPCT chi tiết, bao gồm cả chủ đề tự chọn nâng cao (nếu có) cho phù hợp với địa phương, áp dụng chung cho các trường THPT thuộc quyền quản lí. Các trường THPT có điều kiện bố trí giáo viên và kinh phí chi trả giờ dạy vượt định mức (trong đó có các trường học nhiều hơn 6 buổi/tuần), có thể đề nghị để Sở GDĐT phê chuẩn điều chỉnh PPCT tăng thời lượng dạy học cho phù hợp (*lãnh đạo Sở GDĐT phê duyệt, kí tên, đóng dấu*).

### 2. Về Phân phối chương trình dạy học tự chọn

a) Môn học tự chọn nâng cao (NC) của ban Cơ bản có thể thực hiện bằng 1 trong 2 cách: Sử dụng SGK nâng cao hoặc sử dụng SGK biên soạn theo chương trình chuẩn kết hợp với chủ đề tự chọn nâng cao (CĐNC) của môn học đó. CĐNC của 8 môn phân hóa chỉ dùng cho ban Cơ bản. Thời lượng dạy học CĐNC của môn học là khoảng chênh lệch giữa thời lượng dành cho chương trình chuẩn và chương trình nâng cao môn học đó trong Kế hoạch giáo dục THPT. Các Sở GDĐT quy định cụ thể PPCT dạy học các CĐNC cho phù hợp với mạch kiến thức của SGK môn học đó. Tài liệu CĐNC sử dụng cho cả giáo viên và học sinh.

b) Dạy học chủ đề tự chọn bám sát (CĐBS) là để *ôn tập, hệ thống hóa, khắc sâu kiến thức, kĩ năng*, không bổ sung kiến thức nâng cao mới. Hiệu trưởng các trường THPT lập Kế hoạch dạy học CĐBS (chọn môn học, ấn định số tiết/tuần cho từng môn, tên bài dạy) cho từng lớp, ổn định trong từng học kì trên cơ sở đề nghị của các tổ trưởng chuyên môn và giáo viên chủ nhiệm lớp.

Bộ GDĐT ban hành tài liệu CĐBS lớp 10, dùng cho giáo viên để tham khảo, không ban hành tài liệu CĐBS lớp 11, 12. Giáo viên chuẩn bị kế hoạch bài giảng CĐBS với sự hỗ trợ của tổ chuyên môn.

c) Việc kiểm tra, đánh giá kết quả học tập CĐNC, CĐBS các môn học thực hiện theo quy định tại *Quy chế đánh giá, xếp loại học sinh THCS và học sinh THPT* của Bộ GDĐT.

**Lưu ý:** Các bài dạy CĐNC, CĐBS bố trí trong các chương như các bài khác, có thể có điểm kiểm tra dưới 1 tiết riêng nhưng không có điểm kiểm tra 1 tiết riêng, điểm CĐNC, CĐBS môn học nào tính cho môn học đó.

### 3. Thực hiện các hoạt động giáo dục

a) Phân công giáo viên thực hiện các Hoạt động giáo dục:

Trong KHGD quy định tại CTGDPT do Bộ GDĐT ban hành, các *hoạt động giáo dục* đã được quy định thời lượng với số tiết học cụ thể như các môn học. Đối với giáo viên được phân công thực hiện Hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp (HĐGDNGLL) và Hoạt động giáo dục hướng nghiệp (HĐGDHN) được tính giờ dạy học như các môn học; việc tham gia điều hành *HĐGD tập thể* (chào cờ đầu tuần và sinh hoạt lớp cuối tuần) là thuộc nhiệm vụ quản lí của Ban Giám hiệu và giáo viên chủ nhiệm lớp, không tính là giờ dạy học.

b) Thực hiện tích hợp giữa HĐGDNGLL, HĐGDHN, môn Công nghệ:

- HGDNGLL: Thực hiện đủ các chủ đề quy định cho mỗi tháng, với thời lượng 2 tiết/tháng và tích hợp nội dung HGDNGLL sang môn GD&ĐT như sau:

- + Lớp 10, ở chủ đề về đạo đức;
- + Lớp 11, các chủ đề về kinh tế và chính trị - xã hội;
- + Lớp 12, ở các chủ đề về pháp luật.

Đưa nội dung giáo dục về Công ước Quyền trẻ em của Liên Hợp quốc vào HGDNGLL ở lớp 10 và tổ chức các hoạt động hưởng ứng phong trào "*Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực*" do Bộ GD&ĐT phát động.

- HGDHN:

Các lớp 10, 11, 12: Điều chỉnh thời lượng HGDHN thành 9 tiết/năm học sau khi tích hợp đưa sang giảng dạy ở môn Công nghệ (*phần "Tạo lập doanh nghiệp" lớp 10*) và tích hợp đưa sang HGDNGLL (do giáo viên môn Công nghệ, giáo viên HGDNGLL thực hiện) ở 3 chủ đề sau đây:

- + "*Thanh niên với vấn đề lập nghiệp*", chủ đề tháng 3;
- + "*Thanh niên với học tập, rèn luyện vì sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước*", chủ đề tháng 9;
- + "*Thanh niên với xây dựng và bảo vệ Tổ quốc*", chủ đề tháng 12.

Nội dung tích hợp do Sở GD&ĐT hướng dẫn hoặc uỷ quyền cho các trường THPT hướng dẫn GV thực hiện cho sát thực tiễn địa phương. Cần hướng dẫn học sinh lựa chọn con đường học lên sau THPT (ĐH, CĐ, TCCN, học nghề) hoặc đi vào cuộc sống lao động. Về phương pháp tổ chức thực hiện HGDHN, có thể riêng theo lớp hoặc theo khối lớp; có thể giao cho giáo viên hoặc mời các chuyên gia, nhà quản lý kinh tế, quản lý doanh nghiệp giảng dạy.

c) HGD nghề phổ thông:

Nơi có đủ giáo viên đào tạo đúng chuyên môn, đủ CSVC phải thực hiện HGDNPT ở lớp 11, tổ chức thi và cấp chứng chỉ GDNPT sau khi hoàn thành chương trình 105 tiết đạt yêu cầu trở lên; nơi chưa đủ giáo viên đào tạo đúng chuyên môn, chưa đủ CSVC có thể chưa thực hiện chương trình HGDNPT nhưng phải khẩn trương khắc phục, không để kéo dài. Các vấn đề cụ thể về HGDNPT, thực hiện theo hướng dẫn tại công văn số 8608/BGD&ĐT-GDTrH ngày 16/8/2007 của Bộ GD&ĐT.

#### **4. Đổi mới phương pháp dạy học và đổi mới kiểm tra, đánh giá**

a) Chỉ đạo đổi mới phương pháp dạy học (PPDH):

- Những yêu cầu quan trọng trong đổi mới PPDH là:
  - + Phát huy tính tích cực, hứng thú trong học tập của học sinh và vai trò chủ đạo của giáo viên;
  - + Thiết kế bài giảng khoa học, sắp xếp hợp lý hoạt động của giáo viên và học sinh, thiết kế hệ thống câu hỏi hợp lý, tập trung vào trọng tâm, tránh nặng nề quá tải (nhất là đối với bài dài, bài khó, nhiều kiến thức mới); bồi dưỡng năng lực độc lập suy nghĩ, vận dụng sáng tạo kiến thức đã học, tránh thiên về ghi nhớ máy móc không nắm vững bản chất;
  - + Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học, khuyến khích sử dụng hợp lý công nghệ thông tin, sử dụng các phương tiện nghe nhìn, thực hiện đầy đủ thí nghiệm, thực hành, liên hệ thực tế trong giảng dạy phù hợp với nội dung từng bài học;
  - + Giáo viên sử dụng ngôn ngữ chuẩn xác, trong sáng, sinh động, dễ hiểu, tác phong thân thiện, khuyến khích, động viên học sinh học tập, tổ chức hợp lý cho học sinh làm việc cá nhân và theo nhóm;
  - + Dạy học sát đối tượng, coi trọng bồi dưỡng học sinh khá giỏi và giúp đỡ học sinh học lực yếu kém.
- Đối với các môn học như: Mĩ thuật, Âm nhạc (THCS), Thể dục (THCS, THPT) cần coi trọng truyền thụ kiến thức, hình thành kỹ năng, bồi dưỡng hứng thú học tập, không quá thiên về đánh giá thành tích theo yêu cầu đào tạo chuyên ngành hoạ sỹ, nhạc sỹ, vận động viên.



- Tăng cường chỉ đạo đổi mới PPDH thông qua công tác bồi dưỡng giáo viên và dự giờ thăm lớp của giáo viên, tổ chức rút kinh nghiệm giảng dạy ở các tổ chuyên môn, hội thảo cấp trường, cụm trường, địa phương, hội thi giáo viên giỏi các cấp.

b) Đổi mới kiểm tra, đánh giá (KTĐG):

- Những yêu cầu quan trọng trong đổi mới KTĐG là:

+ Giáo viên đánh giá sát đúng trình độ học sinh với thái độ khách quan, công minh và hướng dẫn học sinh biết tự đánh giá năng lực của mình;

+ Trong quá trình dạy học, cần kết hợp một cách hợp lý hình thức tự luận với hình thức trắc nghiệm khách quan trong KTĐG kết quả học tập của học sinh, chuẩn bị tốt cho việc đổi mới các kỳ thi theo chủ trương của Bộ GDĐT.

+ Thực hiện đúng quy định của Quy chế Đánh giá, xếp loại học sinh THCS, học sinh THPT do Bộ GDĐT ban hành, tiến hành đủ số lần kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ, kiểm tra học kỳ cả lý thuyết và thực hành.

- Đổi mới đánh giá các môn Mĩ thuật, Âm nhạc (THCS), Thể dục (THCS, THPT): Đánh giá bằng điểm hoặc bằng nhận xét kết quả học tập theo quy định tại Quy chế Đánh giá, xếp loại học sinh THCS, học sinh THPT.

c) Đối với một số môn khoa học xã hội và nhân văn như: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí, Giáo dục công dân, cần coi trọng đổi mới PPDH, đổi mới KTĐG theo hướng hạn chế chỉ ghi nhớ máy móc, không nắm vững kiến thức, kỹ năng môn học. Trong quá trình dạy học, cần từng bước đổi mới KTĐG bằng cách nêu vấn đề mở, đòi hỏi học sinh phải vận dụng tổng hợp kiến thức, kỹ năng và biểu đạt chính kiến của bản thân.

d) Từ năm học 2008-2009, tập trung chỉ đạo đánh giá sâu hiệu quả dạy học của môn Giáo dục công dân để tiếp tục đổi mới PPDH, KTĐG nhằm nâng cao chất lượng môn học này (*có hướng dẫn riêng*).

**5. Thực hiện các nội dung giáo dục địa phương** (*hướng dẫn tại công văn số 5977/BGDĐT-GDTrH ngày 07/7/2008*)

## **II. NHỮNG VẤN ĐỀ CỤ THỂ CỦA MÔN LỊCH SỬ**

### **1. Về tổ chức dạy học**

– Phải thực hiện đúng số tiết trong học kì được quy định trong Khung phân phối chương trình.

– Trong quá trình dạy học, cùng với việc giúp HS nắm vững chuẩn kiến thức, kĩ năng được quy định trong Chương trình môn học, GV cần chú ý hướng dẫn HS phân tích, giải thích mối quan hệ giữa các sự kiện, so sánh, đối chiếu rút ra bài học lịch sử. Chú ý đến việc rèn luyện các kĩ năng và phương pháp tự học.

### **2. Đối với những tiết làm bài tập Lịch sử**

Giáo viên (GV) có thể thực hiện theo nội dung sau:

– Tổ chức, hướng dẫn học sinh (HS) khai thác tranh ảnh, lược đồ, bản đồ lịch sử giúp HS biết được phương pháp khai thác và nắm được nội dung của tranh ảnh, lược đồ, bản đồ gắn liền với nội dung SGK.

– Hướng dẫn HS lập bảng thống kê các sự kiện lịch sử của một bài, chương, giai đoạn lịch sử.

– Hướng dẫn HS làm bài tập trắc nghiệm khách quan với các dạng khác nhau.

– Tổ chức, hướng dẫn HS sưu tầm những sự kiện lịch sử địa phương có liên quan đến nội dung bài học.

### **3. Về lịch sử địa phương**

- Trước hết, cần nhận thức rõ về vai trò, ý nghĩa của lịch sử địa phương trong việc giáo dục, giáo dục đặc biệt là giáo dục truyền thống địa phương đối với học sinh.

- Về biên soạn, cần thiết phải tiến hành biên soạn tài liệu lịch địa phương phục vụ giảng dạy ở trường phổ thông. Tài liệu này sử dụng cho cả những tiết dạy lịch sử địa phương được quy định trong chương trình, trong giờ học lịch sử dân tộc và hoạt động ngoại khoá.

Tuy nhiên, trong biên soạn cần lưu ý một số yêu cầu đó là: tính cơ bản, tiêu biểu của sự kiện, đảm bảo được tính toàn diện, hệ thống của sự kiện và vừa sức với học sinh.

- Về giảng dạy lịch sử địa phương:

+ Nhất thiết phải dạy đầy đủ những tiết lịch sử địa phương được quy định trong chương trình, đồng thời thường xuyên sử dụng tài liệu lịch sử địa phương trong dạy học những bài học lịch sử dân tộc.

+ Về phương pháp dạy học lịch sử địa phương, cần tuân thủ theo nguyên tắc dạy học nói chung. Tuy nhiên cần chú ý tính cụ thể, hình ảnh và xúc cảm cho HS. Rèn luyện khả năng tự học của HS, đồng thời tăng cường tổ chức các HĐ học tập như trao đổi, thảo luận trình bày ý kiến riêng của mình.

+ Về hình thức tổ chức dạy học: Cần phải đa dạng hoá các hình thức tổ chức dạy lịch sử địa phương như: dạy học trên lớp, tại thực địa, tại bảo tàng và tổ chức các hoạt động ngoại khoá.

#### **4. Về phương pháp và hình thức tổ chức dạy học**

Quan điểm chủ đạo của chương trình môn Lịch sử ở trường phổ thông nói chung, ở THPT nói riêng, là xuất phát từ đặc trưng bộ môn, từ đặc điểm của quá trình nhận thức quá khứ, tận dụng mọi phương pháp, phương tiện, hình thức tổ chức dạy học nhằm phát huy tính tích cực, độc lập, sáng tạo của học sinh. Định hướng của chương trình là nhằm thực hiện đồng bộ các giải pháp lớn sau đây:

**Thứ nhất, tăng cường tính trực quan, hình ảnh, khả năng gây xúc cảm của các thông tin về các sự kiện, hiện tượng, nhân vật lịch sử.** Trước hết, cần phải kể đến sự trình bày sinh động, giàu hình ảnh của giáo viên. Đó là tường thuật, miêu tả, kể chuyện, nêu đặc điểm của nhân vật lịch sử...

Bên cạnh đó, cần coi trọng việc sử dụng các phương tiện trực quan: tranh ảnh, bản đồ, lược đồ, sa bàn, mô hình vật thật, phim đèn chiếu, phim video...

Cần tận dụng mọi cơ hội, mọi khả năng để học sinh có được phương thức lĩnh hội lịch sử một cách cụ thể, giàu cảm xúc, được trực tiếp quan sát các hiện vật lịch sử, được nghe báo cáo tiếp xúc, trao đổi với các nhân chứng lịch sử, nhân vật lịch sử. Điều này giúp cho học sinh như đang “trực quan sinh động” quá khứ có thực mà hiện không có.

**Thứ hai, tổ chức cho học sinh làm việc nhiều hơn với các sử liệu** có trong sách giáo khoa. Thông qua các hoạt động học tập, chú trọng rèn luyện các phương pháp học tập, nghiên cứu lịch sử cho học sinh. Sử dụng tư liệu có yêu cầu đầu tiên trong học tập lịch sử, vì đây là dịp học sinh “tiếp cận” với quá khứ.

Thứ ba, tổ chức các cuộc trao đổi thảo luận dưới nhiều hình thức khác nhau (làm việc theo nhóm hoặc đàm thoại chung cả lớp), tạo điều kiện để học sinh tự mình nêu lên các vấn đề để học tập, được độc lập giải quyết các vấn đề đó hoặc những vấn đề khác do giáo viên đặt ra. Cần khuyến khích học sinh phát biểu những ý kiến riêng, độc đáo của mình, đừng làm cho học sinh e ngại khi nêu lên ý kiến riêng với ý kiến giáo viên, rèn luyện khả năng trình bày ý kiến cho học sinh. Từ đó, học sinh lĩnh hội được nội dung học tập theo tinh thần mới của dạy học hiện đại: Dạy học tự khám phá, tự phát hiện.

#### **Thứ tư, đa dạng hoá các hình thức tổ chức dạy học lịch sử**

Chương trình khuyến khích tiến hành dạy học lịch sử ở các hình thức tổ chức phong phú, đa dạng:

- Học ở lớp, ở phòng bộ môn, ở bảo tàng, tại di tích lịch sử, hiện trường lịch sử; học nghe báo cáo, đối thoại trực tiếp với các nhân chứng lịch sử, nhân vật lịch sử

#### **Thứ năm, dạy học phải bám sát chuẩn kiến thức và kĩ năng đã được quy định trong chương trình GDPT**

Thực tế dạy học hiện nay ở các trường trung học phổ thông rất nhiều giáo viên không quan tâm đến chương trình, thậm chí nhiều giáo viên không biết đến chương trình mà chỉ chú ý đến SGK. GV chưa nắm vững được nhận thức hết sức quan trọng đó là chương trình mới là “pháp lệnh”, còn SGK chỉ là cụ thể hoá của chương trình và là tài liệu cơ bản cho HS học tập. Trong khi đó, GV chỉ theo SGK và coi đó là “pháp lệnh”, cố dạy hết tất cả những nội dung có trong SGK dẫn đến tình trạng quá tải trong từng giờ học. Trong thực tế giảng dạy hiện nay, nhiều GV dạy hết giờ nhưng không thể nào hết được bài bởi vì không xác định được đâu là kiến thức cơ bản, đâu là kiến thức trọng tâm của bài học.

Một trong những yêu cầu quan trọng trong việc dạy học hiện nay là GV phải bám sát chuẩn kiến thức kĩ năng được thể hiện trong chương trình giáo dục phổ thông, thông qua nội dung của SGK để xác định và lựa chọn những

nội dung cơ bản nhất, trọng tâm của từng bài học giúp các em học sinh nắm vững những nội dung lịch sử đó với tinh thần “ít nhưng mà tinh, còn hơn nhiều mà thô”.

## 5. Về thiết kế giáo án

- Việc thiết kế giáo án phải khoa học, sắp xếp hợp lý các hoạt động dạy học của giáo viên và học sinh ở trên lớp, với hệ thống câu hỏi hợp lý, tập trung vào trọng tâm của bài học, tránh nặng nề hoặc dàn trải. Chú ý bồi dưỡng năng lực độc lập suy nghĩ của học sinh, vận dụng sáng tạo kiến thức đã học, tránh thiên về ghi nhớ máy móc, không nắm vững bản chất vấn đề.

- Thực hiện cấu trúc giáo án mềm dẻo, linh hoạt tránh yêu cầu giáo viên phải cấu trúc và thực hiện giáo án máy móc các công việc của giờ học (ổn định lớp, kiểm tra bài cũ, dạy và học bài mới, củng cố, dặn dò và ra bài tập về nhà)

## 6. Về khai thác và sử dụng thiết bị dạy học

- Thiết bị dạy học môn lịch sử rất đa dạng phong phú: tranh ảnh, bản đồ (lược đồ), mẫu vật, băng hình... GV hướng dẫn HS khai thác có hiệu quả tranh ảnh và lược đồ - hai loại thiết bị thường được sử dụng nhiều nhất trong dạy học lịch sử

- Tranh ảnh, lược đồ là phương tiện dạy học quan trọng của môn lịch sử, tranh ảnh, lược đồ phục vụ cho việc dạy học lịch sử gồm:

- Tập tranh ảnh lịch sử (lịch sử thế giới và lịch sử Việt Nam)

- Lược đồ lịch sử (lịch sử thế giới và lịch sử Việt Nam)

Để việc sử dụng tranh ảnh, lược đồ thống nhất và có hiệu quả nhằm phát huy được tích cực, chủ động, sáng tạo của học sinh trong học tập bộ môn và theo quan điểm đổi mới dạy học, **thiết bị đồ dùng dạy học là một nguồn nhận thức lịch sử** chứ không chỉ là minh họa cho bài học. Trong khi khai thác, sử dụng cần chú ý các kĩ năng như: quan sát, nhận xét, mô tả, tường thuật, phân tích, nhận định, đánh giá và phương pháp khai thác như: Cho học sinh quan sát, GV đặt câu hỏi nêu vấn đề, tổ chức hướng dẫn học sinh tìm hiểu nội dung tranh ảnh, lược đồ.

## 7. Về kiểm tra, đánh giá

### - Xác định rõ mục đích của việc kiểm tra, đánh giá

Kiểm tra được xem là phương tiện và hình thức của đánh giá. Đánh giá kết quả học tập (KQHT) của học sinh (HS) nhằm mục đích làm sáng tỏ mức độ đạt được của HS về kiến thức, kĩ năng và thái độ so với mục tiêu dạy học đã đề ra, công khai hoá các nhận định về năng lực, kết quả học tập của mỗi HS, khuyến khích, thúc đẩy việc học tập của các em.

### - Nắm vững nội dung kiểm tra, đánh giá

Nội dung môn lịch sử bao gồm 2 mảng kiến thức: khoá trình lịch sử thế giới và khóa trình lịch sử Việt Nam từ khi con người và xã hội loài người xuất hiện đến nay. Nội dung kiểm tra, đánh giá của môn học cần bao gồm cả các mặt kiến thức, kĩ năng, thái độ. Song chủ yếu tập trung kiểm tra, đánh giá kiến thức và kĩ năng của HS.

### **Về mặt kiến thức**

Kết quả học tập của HS THPT cần được đánh giá theo 6 mức độ:

(1) Nhân biết

(2) Thông hiểu

(3) Vận dụng

(4) Phân tích

(5) Tổng hợp

(6) Đánh giá

Trong thực tiễn các đề kiểm tra môn Lịch sử cho thấy khó có thể tách bạch một cách tuyệt đối các mức độ này trong một đề kiểm tra, chúng thường đan xen và nhiều khi đi liền với nhau, mức độ trước có thể là cơ sở của mức độ sau.

### **Về kĩ năng**

Căn cứ vào nội dung của chương trình và cách trình bày nội dung trong SGK, việc kiểm tra, đánh giá kĩ năng

của HS còn cần tập trung vào các kĩ năng:

- Sử dụng bản đồ, lược đồ.
- Quan sát, nhận xét tranh ảnh, bản đồ.
- Kĩ năng tư duy (so sánh, phân tích, tổng hợp, đánh giá, vận dụng kiến thức).
- Kĩ năng thu thập, xử lí, viết báo cáo và trình bày các thông tin lịch sử.

Trước yêu cầu đổi mới phương pháp dạy học (PPDH) theo định hướng phát huy tính tích cực học tập của HS, việc đánh giá không chỉ dừng lại ở yêu cầu tái hiện kiến thức, lặp lại các kĩ năng đã học mà phải khuyến khích thông minh sáng tạo của HS; cần hạn chế kiểm tra trí nhớ mà tăng cường kiểm tra, đánh giá mức độ hiểu, vận dụng, phân tích, tổng hợp, đánh giá và khả năng tư duy của HS.

#### **- Vận dụng thành thạo phương pháp và hình thức kiểm tra đánh giá**

Bao gồm tự luận và trắc nghiệm khách quan.

+ *Tự luận với câu hỏi mở:*

Loại này đòi hỏi HS phải trả lời bằng vốn kiến thức và kinh nghiệm học tập đã có. HS phải tự trình bày ý kiến trong một bài viết dài để giải quyết vấn đề mà câu hỏi nêu ra. Tự luận cho phép đánh giá được sự hiểu biết, năng lực trí tuệ, khả năng diễn đạt của HS. Vì vậy, loại này thường được sử dụng trong trường hợp yêu cầu HS phân tích các mối quan hệ sự kiện chứng minh, giải thích các hiện tượng, sự vật lịch sử..

+ *Trắc nghiệm khách quan:* Nhóm các câu hỏi trắc nghiệm mà trong đó mỗi câu nêu ra một vấn đề cùng với những thông tin cần thiết đòi hỏi HS phải viết câu trả lời ngắn hoặc lựa chọn câu trả lời. Trắc nghiệm có thể kiểm tra được một phạm vi rộng của chương trình, do đó độ tin cậy của bài trắc nghiệm cao và khuyến khích HS tích lũy nhiều kiến thức. Kết quả kiểm tra, đánh giá khách quan hơn, không phụ thuộc vào ý kiến chủ quan của người chấm bài.

## **B. KHUNG PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH**

### **LỚP 10**

**Cả năm:** 37 tuần (52 tiết)

**Học kì I:** 19 tuần (18 tiết)

**Học kì II:** 18 tuần (34 tiết)

### **HỌC KÌ I**

#### **Phần một. LỊCH SỬ THẾ GIỚI THỜI NGUYÊN THUỶ, CỔ ĐẠI VÀ TRUNG ĐẠI**

##### **Chương I. Xã hội nguyên thủy (2 tiết)**

Bài 1. Sự xuất hiện loài người và bầy người nguyên thủy

Bài 2. Xã hội nguyên thủy

##### **Chương II. Xã hội cổ đại (4 tiết)**

Bài 3. Các quốc gia cổ đại phương Đông

Bài 4. Các quốc gia cổ đại phương Tây – Hi Lạp và Rô – ma

##### **Chương III. Trung Quốc thời phong kiến (2 tiết)**

Bài 5. Trung Quốc thời phong kiến

##### **Chương IV. Ấn Độ thời phong kiến (2 tiết)**

Bài 6. Các quốc gia Ấn và văn hoá truyền thống Ấn Độ

Bài 7. Sự phát triển lịch sử và nền văn hoá đa dạng của Ấn Độ

Kiểm tra viết (1 tiết)

##### **Chương V. Đông Nam Á thời phong kiến (2 tiết)**

Bài 8. Sự hình thành và phát triển các vương quốc chính ở Đông Nam Á

Bài 9. Vương quốc Campuchia và Vương quốc Lào

##### **Chương VI. Tây Âu thời trung đại (4 tiết)**

- Bài 10. Thời kì hình thành và phát triển của chế độ phong kiến ở Tây Âu (thế kỉ V đến thế kỉ XIV)  
 Bài 11. Tây Âu thời hậu kì trung đại  
 Bài 12. ÔN tập lịch sử thế giới nguyên thuỷ, cổ đại và trung đại  
 Kiểm tra học kì I (1 tiết)

## HỌC KÌ II

### Phần hai. LỊCH SỬ VIỆT NAM TỪ NGUỒN GỐC ĐẾN GIỮA THẾ KỈ XIX

#### **Chương I. Việt Nam từ thời nguyên thuỷ đến thế kỉ X (4 tiết)**

- Bài 13. Việt Nam thời nguyên thuỷ  
 Bài 14. Các quốc gia cổ đại trên đất nước Việt Nam  
 Bài 15. Thời Bắc thuộc và cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc (từ thế kỉ II TCN đến đầu thế kỉ X)  
 Bài 16. Thời Bắc thuộc và cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc (tiếp theo)

#### **Chương II. Việt Nam từ thế kỉ X đến thế kỉ XV (4 tiết)**

- Bài 17. Quá trình hình thành và phát triển của nhà nước phong kiến (từ thế kỉ X đến thế kỉ XV)  
 Bài 18. Công cuộc xây dựng và phát triển kinh tế trong các thế kỉ X – XV  
 Bài 19. Những cuộc chiến đấu chống ngoại xâm ở các thế kỉ X – XV  
 Bài 20. Xây dựng và phát triển văn hoá trong các thế kỉ X – XV

#### **Chương III. Việt Nam trong các thế kỉ XVI – XVIII (4 tiết)**

- Bài 21. Những biến đổi của nhà nước phong kiến trong các thế kỉ XVI – XVIII  
 Bài 22. Tình hình kinh tế ở các thế kỉ XVI – XVIII  
 Bài 23. Phong trào Tây Sơn và sự nghiệp thống nhất đất nước, bảo vệ Tổ quốc cuối thế kỉ XVIII  
 Bài 24. Tình hình văn hoá ở các thế kỉ XVI – XVIII

#### **Chương IV. Việt Nam ở nửa đầu thế kỉ XIX (2 tiết)**

- Bài 25. Tình hình chính trị, kinh tế, văn hoá dưới triều Nguyễn (nửa đầu thế kỉ XIX)  
 Bài 26. Tình hình xã hội ở nửa đầu thế kỉ XIX và phong trào đấu tranh của nhân dân  
 Lịch sử địa phương (1 tiết)

#### **Sơ kết lịch sử Việt Nam từ nguồn gốc đến giữa thế kỉ XIX (2 tiết)**

- Bài 27. Quá trình dựng nước và giữ nước  
 Bài 28. Truyền thống yêu nước của dân tộc Việt Nam thời phong kiến  
 Kiểm tra viết (1 tiết)

### Phần ba. LỊCH SỬ THẾ GIỚI CẬN ĐẠI

#### **Chương I. Các cuộc cách mạng tư sản (từ giữa thế kỉ XVI đến nửa cuối thế kỉ XVIII) (4 tiết)**

- Bài 29. Cách mạng Hà Lan và cách mạng tư sản Anh  
 Bài 30. Chiến tranh giành độc lập của các thuộc địa Anh ở Bắc Mỹ  
 Bài 31. Cách mạng tư sản Pháp cuối thế kỉ XVIII

#### **Chương II. Các nước Âu – Mĩ (từ đầu thế kỉ XIX đến đầu thế kỉ XX) (6 tiết)**

- Bài 32. Cách mạng công nghiệp ở châu Âu  
 Bài 33. Hoàn thành cách mạng tư sản ở châu Âu và Mĩ giữa thế kỉ XIX  
 Bài 34. Các nước tư bản chuyển sang giai đoạn đế quốc chủ nghĩa  
 Bài 35. Các nước Anh, Pháp, Đức, Mĩ và sự bành trướng thuộc địa

#### **Chương III. Phong trào công nhân (từ đầu thế kỉ XIX đến đầu thế kỉ XX) (5 tiết)**

- Bài 36. Sự hình thành và phát triển của phong trào công nhân  
 Bài 37. Mác và Ăng-ghen. Sự ra đời của chủ nghĩa xã hội khoa học  
 Bài 38. Quốc tế thứ nhất và Công xã Pa-ri 1871  
 Bài 39. Quốc tế thứ hai  
 Bài 40. Lê-nin và phong trào công nhân Nga đầu thế kỉ XX

Kiểm tra học kì II (1 tiết)

## LỚP 10 (NÂNG CAO)

Cả năm: 37 tuần (52 tiết)

Học kì 1: 19 tuần (18 tiết)

Học kì 2: 18 tuần (34 tiết)

### HỌC KÌ I

#### Phần một. LỊCH SỬ THẾ GIỚI THỜI NGUYÊN THUỶ, CỔ ĐẠI VÀ TRUNG ĐẠI

##### **Chương I. Xã hội nguyên thủy (2 tiết)**

Bài 1. Sự xuất hiện loài người và bầy người nguyên thủy

Bài 2. Xã hội nguyên thủy

##### **Chương II. Xã hội cổ đại (5 tiết)**

Bài 3. Các quốc gia cổ đại phương Đông

Bài 4. Các quốc gia cổ đại phương Tây – Hi Lạp và Rô-ma

##### **Chương III. Trung Quốc thời phong kiến (3 tiết)**

Bài 5. Trung Quốc thời Tần, Hán

Bài 6. Trung Quốc thời Đường, Tống

Bài 7. Trung Quốc thời Minh, Thanh

Kiểm tra viết (1 tiết)

##### **Chương IV. Ấn Độ thời phong kiến (2 tiết)**

Bài 8. Các quốc gia Ấn và văn hoá truyền thống Ấn Độ

Bài 9. Sự phát triển lịch sử và văn hoá Ấn Độ

##### **Chương V. Đông Nam Á thời phong kiến (4 tiết)**

Bài 10. Các nước Đông Nam Á đến giữa thế kỉ XIX

Bài 11. Văn hoá truyền thống Đông Nam Á

Bài 12. Vương quốc Campuchia và Vương quốc Lào

Kiểm tra học kì I (1 tiết)

### HỌC KÌ II

#### **Chương VI. Sự hình thành và phát triển chế độ phong kiến Tây Âu (3 tiết)**

Bài 13. Sự hình thành các quốc gia phong kiến Tây Âu

Bài 14. Xã hội phong kiến Tây Âu

Bài 15. Sự ra đời của thành thị và sự phát triển của thương mại Tây Âu

##### **Chương VII. Sự suy vong của chế độ phong kiến Tây Âu (5 tiết)**

Bài 16. Những phát kiến lớn về địa lí

Bài 17. Sự ra đời của chủ nghĩa tư bản ở Tây Âu

Bài 18. Phong trào Văn hoá Phục hưng

Bài 19. Cải cách tôn giáo và chiến tranh nông dân

Bài 20. Ôn tập lịch sử thế giới nguyên thủy, cổ đại và trung đại

#### Phần hai. LỊCH SỬ VIỆT NAM TỪ NGUỒN GỐC ĐẾN GIỮA THẾ KỈ XIX

##### **Chương I. Việt Nam thời nguyên thủy (2 tiết)**

Bài 21. Các giai đoạn phát triển của xã hội nguyên thủy

Bài 22. Việt Nam cuối thời nguyên thủy

##### **Chương II. Các quốc gia cổ đại trên đất Việt Nam (2 tiết)**

Bài 23. Nước Văn Lang – Âu Lạc

Bài 24. Quốc gia cổ Cham-pa và Phù Nam

##### **Chương III. Thời Bắc thuộc và cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc (từ thế kỉ II TCN đến thế kỉ X) (3 tiết)**

Bài 25. Chính sách đô hộ của các triều đại phương Bắc và những chuyển biến trong xã hội Việt Nam

Bài 26. Các cuộc đấu tranh giành độc lập (từ thế kỉ I đến thế kỉ V)

Bài 27. Các cuộc đấu tranh giành độc lập (từ thế kỉ VI đến thế kỉ X)

#### **Chương IV. Việt Nam từ thế kỉ X đến thế kỉ XV (5 tiết)**

Bài 28. Xây dựng và phát triển nhà nước độc lập thống nhất (từ thế kỉ X đến đầu thế kỉ XV)

Bài 29. Mở rộng và phát triển kinh tế (từ thế kỉ X đến đầu thế kỉ XV)

Bài 30. Kháng chiến chống ngoại xâm (từ thế kỉ X đến thế kỉ XV)

Bài 31. Xây dựng và phát triển văn hoá dân tộc (từ thế kỉ X đến thế kỉ XV)

Bài 32. Việt Nam ở thế kỉ XV – Thời Lê sơ

#### **Chương V. Việt Nam từ đầu thế kỉ XVI đến thế kỉ XVIII (6 tiết)**

Bài 33. Chiến tranh phong kiến và sự chia cắt đất nước

Bài 34. Tình hình kinh tế nông nghiệp

Bài 35. Sự phát triển của kinh tế hàng hoá

Bài 36. Tình hình văn hoá, tư tưởng thế kỉ XVI – đầu thế kỉ XVIII

Bài 37. Khởi nghĩa nông dân Đàng Ngoài và phong trào Tây Sơn

Lịch sử địa phương (1 tiết)

Kiểm tra viết (1 tiết)

#### **Chương VI. Việt Nam ở nửa đầu thế kỉ XIX (3 tiết)**

Bài 38. Sự thành lập và tổ chức vương triều Nguyễn

Bài 39. Tình hình kinh tế xã hội nửa đầu thế kỉ XIX

Bài 40. Đời sống văn hoá – tư tưởng nửa đầu thế kỉ XIX

#### **Sơ kết lịch sử Việt Nam từ nguồn gốc đến giữa TK XIX (2 tiết)**

Bài 41. Những thành tựu chính của dân tộc trong sự nghiệp dựng nước và giữ nước

Bài 42. Đóng góp của các dân tộc ít người vào sự nghiệp chung của đất nước

Kiểm tra học kì II (1 tiết)

### **LỚP 11**

**Cả năm: 37 tuần (35 tiết)**

**Học kì I: 19 tuần (18 tiết)**

**Học kì II: 18 tuần (17 tiết)**

### **HỌC KÌ I**

#### **Phần một. LỊCH SỬ THẾ GIỚI CẬN ĐẠI (tiếp theo)**

#### **Chương I. Các nước châu Á, châu Phi và khu vực Mĩ La-tinh (thế kỉ XIX đến đầu thế kỉ XX) (6 tiết)**

Bài 1. Nhật Bản

Bài 2. Ấn Độ

Bài 3. Trung Quốc

Bài 4. Các nước Đông Nam Á (cuối thế kỉ XIX đến đầu thế kỉ XX)

Bài 5. Châu Phi và khu vực Mĩ La-tinh (thế kỉ XIX – đầu thế kỉ XX)

#### **Chương II. Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914 – 1918) (2 tiết)**

Bài 6. Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914 – 1918)

#### **Chương III. Những thành tựu văn hoá thời cận đại (1 tiết)**

Bài 7. Những thành tựu văn hoá thời cận đại

Bài 8. Ôn tập lịch sử thế giới cận đại (1 tiết)

Kiểm tra viết (1 tiết)

#### **Phần hai. LỊCH SỬ THẾ GIỚI HIỆN ĐẠI**

**(Phần từ năm 1917 đến năm 1945)**

#### **Chương I. Cách mạng tháng Mười Nga năm 1917 và công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô (1921 – 1941) (2 tiết)**

Bài 9. Cách mạng tháng Mười Nga năm 1917 và cuộc đấu tranh bảo vệ cách mạng (1917 – 1921)

Bài 10. Liên Xô xây dựng chủ nghĩa xã hội (1921 – 1941)

**Chương II. Các nước tư bản chủ nghĩa giữa hai cuộc chiến tranh thế giới (1918 – 1939) (4 tiết)**

Bài 11. Tình hình các nước tư bản giữa hai cuộc chiến tranh thế giới (1918 – 1939)

Bài 12. Nước Đức giữa hai cuộc chiến tranh thế giới (1918 – 1939)

Bài 13. Nước Mĩ giữa hai cuộc chiến tranh thế giới (1918 – 1939)

Bài 14. Nhật Bản giữa hai cuộc chiến tranh thế giới (1918 – 1939)

**Kiểm tra học kì I (1 tiết)**

## HỌC KÌ II

**Chương III. Các nước châu Á giữa hai cuộc chiến tranh thế giới (1918– 1939) (2 tiết)**

Bài 15. Phong trào cách mạng ở Trung Quốc và Ấn Độ (1918 – 1939)

Bài 16. Các nước Đông Nam Á giữa hai cuộc chiến tranh thế giới (1918 – 1939)

**Chương IV. Chiến tranh thế giới thứ hai (1939 – 1945) (2 tiết)**

Bài 17. Chiến tranh thế giới thứ hai (1939 – 1945)

Bài 18. Ôn tập lịch sử thế giới hiện đại (Phần từ năm 1917 đến năm 1945) (1tiết)

### Phần ba. LỊCH SỬ VIỆT NAM (1858 – 1918)

**Chương I. Việt Nam từ năm 1858 đến cuối thế kỉ XIX (5 tiết)**

Bài 19. Nhân dân Việt Nam kháng chiến chống Pháp xâm lược (từ năm 1858 đến trước năm 1873)

Bài 20. Chiến sự lan rộng ra toàn quốc. Cuộc kháng chiến của nhân dân ta từ năm 1873 đến năm 1884. Nhà Nguyễn đầu hàng

Bài 21. Phong trào yêu nước chống Pháp của nhân dân Việt Nam trong những năm cuối thế kỉ XIX

**Lịch sử địa phương (1 tiết)**

**Kiểm tra viết (1 tiết)**

**Chương II. Việt Nam từ đầu thế kỉ XX đến hết Chiến tranh thế giới thứ nhất (1918) (4 tiết)**

Bài 22. Xã hội Việt Nam trong cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất của thực dân Pháp

Bài 23. Phong trào yêu nước và cách mạng ở Việt Nam từ đầu thế kỉ XX đến Chiến tranh thế giới thứ nhất

Bài 24. Việt Nam trong những năm Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914 – 1918)

Sơ kết lịch sử Việt Nam (1858 – 1918)

Kiểm tra học kì II (1 tiết)

## LỚP 11 (NÂNG CAO)

**Cả năm: 37 tuần (70 tiết)**

**Học kì I: 19 tuần (36 tiết)**

**Học kì II: 18 tuần (34 tiết)**

## HỌC KÌ I

### Phần một. LỊCH SỬ THẾ GIỚI CẬN ĐẠI

**Chương I. Các cuộc cách mạng tư sản (từ giữa thế kỉ XVI – cuối thế kỉ XVIII) (7 tiết)**

Bài 1. Cách mạng Hà Lan giữa thế kỉ XVI

Bài 2. Cuộc cách mạng tư sản Anh giữa thế kỉ XVII

Bài 3. Chiến tranh giành độc lập của các thuộc địa Anh ở Bắc Mĩ nửa sau thế kỉ XVIII

Bài 4. Cách mạng tư sản Pháp cuối thế kỉ XVIII

**Chương II. Các nước Âu – Mĩ (đầu thế kỉ XIX đến đầu thế kỉ XX) (7tiết)**

Bài 5. Châu Âu từ chiến tranh Na-pô-lê-ông đến Hội nghị Viên.



- Bài 6. Cách mạng công nghiệp (nửa sau thế kỉ XVIII – giữa thế kỉ XIX).
- Bài 7. Hoàn thành cách mạng tư sản ở châu Âu và Mĩ (giữa thế kỉ XIX)
- Bài 8. Các nước tư bản chuyển sang giai đoạn đế quốc chủ nghĩa
- Bài 9. Các nước tư bản chuyển sang giai đoạn đế quốc chủ nghĩa (tiếp theo)
- Làm bài tập Lịch sử (1 tiết)
- Làm bài kiểm tra viết (1tiết)

**Chương III. Phong trào công nhân (từ đầu thế kỉ XIX đến đầu thế kỉ XX) (5 tiết)**

- Bài 10. Phong trào đấu tranh của công nhân nửa đầu thế kỉ XIX
- Bài 11. Sự ra đời của chủ nghĩa xã hội khoa học – Quốc tế thứ nhất
- Bài 12. Công xã Pa-ri (1871)
- Bài 13. Phong trào công nhân quốc tế (cuối thế kỉ XIX – đầu thế kỉ XX)
- Bài 14. V.I. Lê-nin và phong trào công nhân Nga đầu thế kỉ XX – Cách mạng Nga (1905 – 1907)

**Chương IV. Các nước châu Á (từ giữa thế kỉ XIX đến đầu thế kỉ XX) (7 tiết)**

- Bài 15. Nhật Bản
- Bài 16. Ấn Độ
- Bài 17. Trung Quốc
- Bài 18. Các nước Đông Nam Á (cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX)

**Chương V. Các nước châu Phi, Mĩ La-tinh thời cận đại (2 tiết)**

- Bài 19. Châu Phi
- Bài 20. Khu vực Mĩ La-tinh

**Chương VI. Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914 – 1918) (3 tiết)**

- Bài 21. Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914 – 1918)
- Bài 22. Ôn tập lịch sử thế giới cận đại (1 tiết)
- Làm bài tập lịch sử (1 tiết)

**Kiểm tra học kì I (1tiết)**

## HỌC KÌ II

### Phần hai. LỊCH SỬ THẾ GIỚI HIỆN ĐẠI

(Phần từ năm 1917 đến năm 1945)

**Chương VII. Cách mạng tháng Mười Nga năm 1917 và công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô (1921 – 1941) (4 tiết)**

- Bài 23. Cách mạng tháng Mười Nga năm 1917 và cuộc đấu tranh bảo vệ cách mạng (1917 – 1921)
- Bài 24. Liên Xô xây dựng chủ nghĩa xã hội (1921 – 1941)

**Chương VIII. Các nước tư bản chủ nghĩa giữa hai cuộc chiến tranh thế giới (1918 – 1939) (4 tiết)**

- Bài 25. Khái quát về các nước tư bản chủ nghĩa giữa hai cuộc chiến tranh thế giới (1918 – 1939)
- Bài 26. Nước Đức giữa hai cuộc chiến tranh thế giới (1918 – 1939)
- Bài 27. Nước Mĩ giữa hai cuộc chiến tranh thế giới (1918 – 1939)
- Bài 28. Nhật Bản giữa hai cuộc chiến tranh thế giới (1918 – 1939)

**Chương IX. Các nước châu Á giữa hai cuộc chiến tranh thế giới (1918 – 1939) (3 tiết)**

- Bài 29. Phong trào cách mạng ở Trung Quốc và Ấn Độ (1918 – 1939)
- Bài 30. Các nước Đông Nam Á giữa hai cuộc chiến tranh thế giới (1918 – 1939)

**Chương X. Chiến tranh thế giới thứ hai (1939 – 1945) (3 tiết)**

Bài 31. Chiến tranh thế giới thứ hai (1939 – 1945)

Bài 32. Ôn tập lịch sử thế giới hiện đại (phần từ năm 1917 đến năm 1945) (1 tiết)

**Phần ba. LỊCH SỬ VIỆT NAM (1858 – 1918)**

**Chương I. Việt Nam từ năm 1858 đến cuối thế kỉ XIX (7 tiết)**

Bài 33. Việt Nam trước nguy cơ Pháp xâm lược

Bài 34. Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1858–1884)

Bài 35. Trào lưu cải cách Duy tân ở Việt Nam trong những năm cuối thế kỉ XIX

Bài 36. Phong trào yêu nước chống Pháp của nhân dân Việt Nam trong những năm cuối thế kỉ XIX

Lịch sử địa phương (1 tiết)

Làm bài tập Lịch sử (1 tiết)

Kiểm tra viết (1 tiết)

**Chương II. Việt Nam từ đầu thế kỉ XX đến hết Chiến tranh thế giới thứ nhất (6 tiết)**

Bài 37. Sự chuyển biến về kinh tế, xã hội và tư tưởng ở Việt Nam đầu thế kỉ XX

Bài 38. Phong trào yêu nước và cách mạng Việt Nam đầu thế kỉ XX đến Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914)

Bài 39. Việt Nam trong những năm Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914 – 1918)

Bài 40. Sự khởi đầu của khuynh hướng cứu nước mới trong phong trào giải phóng dân tộc Việt Nam

Bài 41. Sơ kết lịch sử Việt Nam (1858 – 1918) (1 tiết)

Ôn tập (1 tiết)

Kiểm tra học kì II (1 tiết)

**LỚP 12**

Cả năm: 37 tuần (52 tiết)

Học kì 1: 19 tuần (35 tiết)

Học kì 2: 18 tuần (17 tiết)

**HỌC KÌ I**

**PHẦN MỘT. LỊCH SỬ THẾ GIỚI HIỆN ĐẠI TỪ NĂM 1945 ĐẾN NĂM 2000**

**Chương I. Sự hình thành trật tự thế giới mới sau chiến tranh thế giới thứ hai (1945-1949) (1 tiết)**

Bài 1. Sự hình thành trật tự thế giới mới sau Chiến tranh thế giới thứ hai (1945-1949)

**Chương II. Liên Xô và các nước Đông Âu (1945-1991). Liên bang Nga (1991-2000) (2 tiết)**

Bài 2. Liên Xô và các nước Đông Âu (1945-1991). Liên bang Nga (1991-2000)

**Chương III. Các nước Á, Phi và Mĩ La-tinh (1945-2000) (4 tiết)**

Bài 3. Các nước Đông Bắc Á

Bài 4. Các nước Đông Nam Á và Ấn Độ

Bài 5. Các nước châu Phi và Mĩ La-tinh

**Chương IV. Mĩ, Tây Âu, Nhật Bản (1945-2000) (3 tiết)**

Bài 6. Nước Mĩ

Bài 7. Tây Âu

Bài 8. Nhật Bản

**Chương V. Quan hệ quốc tế (1945-2000) (2 tiết)**

Bài 9. Quan hệ quốc tế trong và sau thời kì Chiến tranh lạnh

**Chương VI. Cách mạng khoa học - công nghệ và xu thế toàn cầu hoá (1 tiết)**

Bài 10. Cách mạng khoa học - công nghệ và xu thế toàn cầu hoá nửa sau thế kỉ XX.

Bài 11. Tổng kết lịch sử thế giới hiện đại từ năm 1945 đến năm 2000 (1 tiết)

Làm bài kiểm tra viết (1 tiết)

**PHẦN HAI. LỊCH SỬ VIỆT NAM TỪ NĂM 1919 ĐẾN NĂM 2000**

**Chương I. Việt Nam từ năm 1919 đến năm 1930 (5 tiết)**

Bài 12. Phong trào dân tộc dân chủ ở Việt Nam từ năm 1919 đến năm 1925.

Bài 13. Phong trào dân tộc dân chủ ở Việt Nam từ năm 1925 đến năm 1930.

## **Chương II. Việt Nam từ năm 1930 đến năm 1945 (6 tiết)**

Bài 14. Phong trào cách mạng 1930 - 1935.

Bài 15. Phong trào dân chủ 1936 - 1939.

Bài 16. Phong trào giải phóng dân tộc và Tổng khởi nghĩa tháng Tám (1939 - 1945). Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà ra đời.

## **Chương III. Việt Nam từ năm 1945 đến năm 1954 (8 tiết)**

Bài 17. Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà từ sau ngày 2 - 9 - 1945 đến trước ngày 19 - 12 - 1946.

Bài 18. Những năm đầu của cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp (1946 - 1950).

Bài 19. Bước phát triển mới của cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp (1951-1953).

Bài 20. Cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp kết thúc (1953-1954).

**Làm bài kiểm tra học kì I (1 tiết)**

## **HỌC KÌ II**

### **Chương IV. Việt Nam từ năm 1954 đến năm 1975 (7 tiết)**

Bài 21. Xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, đấu tranh chống đế quốc Mĩ và chính quyền Sài Gòn ở miền Nam (1954 - 1965).

Bài 22. Nhân dân hai miền trực tiếp chiến đấu chống đế quốc Mĩ xâm lược. Nhân dân Miền Bắc vừa chiến đấu vừa sản xuất (1965 - 1973).

Bài 23. Khôi phục và phát triển kinh tế - xã hội miền ở Bắc, giải phóng hoàn toàn miền Nam (1973-1975)

**Lịch sử địa phương (2 tiết).**

**Làm bài kiểm tra viết (1 tiết)**

### **Chương V. Việt Nam từ năm 1975 đến năm 2000 (4 tiết)**

Bài 24. Việt Nam trong năm đầu sau thắng lợi của kháng chiến chống Mĩ cứu nước năm 1975.

Bài 25. Việt Nam xây dựng chủ nghĩa xã hội và đấu tranh bảo vệ Tổ quốc (1976-1986).

Bài 26. Đất nước trên đường đổi mới đi lên CNXH (1986-2000).

**Tổng kết lịch sử Việt Nam từ năm 1919 đến năm 2000 (1 tiết)**

**Ôn tập, làm bài tập lịch sử (1 tiết)**

**Làm bài kiểm tra học kì II (1 tiết)**

## **LỚP 12 (NÂNG CAO)**

**Cả năm: 37 tuần, 70 tiết**

**Học kì 1: 19 tuần, 36 tiết**

**Học kì 2: 18 tuần, 34 tiết**

## **HỌC KÌ 1**

### **PHẦN MỘT. LỊCH SỬ THẾ GIỚI HIỆN ĐẠI TỪ NĂM 1945 ĐẾN NĂM 2000**

#### **Chương I. Sự hình thành trật tự thế giới mới sau Chiến tranh thế giới thứ hai (1945-1949) (2 tiết)**

Bài 1. Sự hình thành trật tự thế giới mới sau Chiến tranh thế giới thứ hai (1945-1949)

#### **Chương II. Liên Xô và các nước Đông Âu (1945-1991)**

**Liên bang Nga (1991-2000) (3 tiết)**

Bài 2. Liên Xô và các nước Đông Âu (1945-1991)

Liên bang Nga (1991-2000)

#### **Chương III. Các nước Á, Phi và Mĩ La-tinh (1945-2000) (6 tiết)**

Bài 3. Trung Quốc và bán đảo Triều Tiên

Bài 4. Các nước Đông Nam Á

Bài 5. Ấn Độ và khu vực Trung Đông

Bài 6. Các nước châu Phi và Mĩ La-tinh

#### **Chương IV. Mĩ, Tây Âu, Nhật Bản (1945-2000) (6 tiết)**

Bài 7. Nước Mĩ

Bài 8. Tây Âu  
Bài 9. Nhật Bản

**Chương V. Quan hệ quốc tế (1945-2000) (2 tiết)**

Bài 10. Quan hệ quốc tế trong và sau thời kì Chiến tranh lạnh

**Chương VI. Cách mạng khoa học - công nghệ và xu thế toàn cầu hoá ( 1 tiết )**

Bài 11. Cách mạng khoa học- công nghệ và xu thế toàn cầu hoá nửa sau thế kỉ XX.

**Bài 12. Tổng kết lịch sử thế giới hiện đại từ năm 1945 đến năm 2000 (1 tiết )**

**Làm bài kiểm tra viết (1 tiết)**

**PHẦN HAI. LỊCH SỬ VIỆT NAM TỪ NĂM 1919 ĐẾN NĂM 2000**

**Chương I. Việt Nam từ năm 1919 đến năm 1930 (6 tiết)**

Bài 13. Những chuyển biến mới về kinh tế và xã hội ở Việt Nam sau chiến tranh thế giới thứ nhất.

Bài 14. Phong trào dân tộc dân chủ ở Việt Nam từ năm 1919 đến năm 1925.

Bài 15. Phong trào dân tộc dân chủ ở Việt Nam từ năm 1925 đến năm 1930.

**Chương II. Việt Nam từ năm 1930 đến năm 1945 (6 tiết)**

Bài 16. Phong trào cách mạng 1930 - 1935.

Bài 17. Phong trào dân chủ 1936 - 1939.

Bài 18. Phong trào giải phóng dân tộc 1939 - 1945.

Bài 19. Cao trào kháng Nhật cứu nước và Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945. Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà ra đời.

**Ôn tập và làm bài tập (1 tiết)**

**Kiểm tra học kì 1 (1 tiết)**

**HỌC KÌ II**

**Chương III. Việt Nam từ năm 1945 đến năm 1954 (9 tiết)**

Bài 20. Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà từ sau ngày 2-9-1945 đến trước ngày 19-12-1946.

Bài 21. Những năm đầu của cuộc kháng chiến toàn quốc chống Thực dân Pháp (1946-1950).

Bài 22. Bước phát triển mới của cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp (1951-1953).

Bài 23. Cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp kết thúc (1953-1954).

Lịch sử địa phương (1 tiết)

**Chương IV. Việt Nam từ năm 1954 đến năm 1975 (12 tiết)**

Bài 24. Miền Bắc thực hiện những nhiệm vụ kinh tế - xã hội, miền Nam đấu tranh chống chế độ Mĩ-Diệm, gìn giữ hoà bình (1954-1960).

Bài 25. Xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, chiến đấu chống chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" của đế quốc Mĩ ở miền Nam (1961-1965).

Bài 26. Chiến đấu chống chiến lược "Chiến tranh cục bộ" ở miền Nam và chiến tranh phá hoại miền Bắc lần thứ nhất của đế quốc Mĩ (1965-1968).

Bài 27. Chiến đấu chống chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh" ở miền Nam và chiến tranh phá hoại miền Bắc lần thứ hai của đế quốc Mĩ (1969-1973).

Bài 28. Khôi phục và phát triển kinh tế - xã hội miền Bắc, giải phóng hoàn toàn miền Nam (1973-1975).

**Lịch sử địa phương(1 tiết)**

**Làm bài tập lịch sử (1 tiết)**

**Làm bài kiểm tra viết (1 tiết)**

**Chương V. Việt Nam từ năm 1975 đến năm 2000 (6 tiết)**

Bài 29. Việt Nam trong năm đầu sau Đại thắng mùa Xuân 1975.

Bài 30. Việt Nam xây dựng chủ nghĩa xã hội và đấu tranh bảo vệ Tổ quốc (1976-1986).

Bài 31. Việt Nam trên đường đổi mới đi lên chủ nghĩa xã hội (1986-2000).

Bài 32. Tổng kết lịch sử Việt Nam từ năm 1919 đến năm 2000

(1 tiết).

**Ôn tập và làm bài tập lịch sử (1 tiết)**

**Làm bài kiểm tra học kì II (1 tiết).**

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Tài liệu

**PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH THCS**

MÔN **MĨ THUẬT**

*(Dùng cho các cơ quan quản lý giáo dục và giáo viên,  
áp dụng từ năm học 2008-2009)*

# A. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG KHUNG PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH THCS

## I. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

Khung Phân phối chương trình (KPPCT) này áp dụng cho cấp THCS từ năm học 2008-2009, gồm 2 phần: (A) Hướng dẫn sử dụng PPCT; (B) Khung PPCT.

### 1. Về Khung phân phối chương trình

KPPCT quy định thời lượng dạy học cho từng phần của chương trình (chương, phần, bài học, môđun, chủ đề,...), trong đó có thời lượng dành cho luyện tập, bài tập, ôn tập, thí nghiệm, thực hành và thời lượng tiến hành kiểm tra định kì tương ứng với các phần đó.

Thời lượng quy định tại KPPCT áp dụng trong trường hợp học 1 buổi/ngày, thời lượng dành cho kiểm tra là không thay đổi, thời lượng dành cho các hoạt động khác là quy định tối thiểu. Tiến độ thực hiện chương trình khi kết thúc học kì I và kết thúc năm học được quy định thống nhất cho tất cả các trường THCS trong cả nước.

Căn cứ KPPCT này, các Sở GDĐT cụ thể hoá thành PPCT chi tiết cho từng bài của môn học và hoạt động giáo dục, bao gồm cả dạy học tự chọn cho phù hợp với địa phương, áp dụng chung cho các trường THCS thuộc quyền quản lí. Các trường THCS có điều kiện bố trí GV và kinh phí chi trả giờ dạy vượt định mức quy định (trong đó có các trường học nhiều hơn 6 buổi/tuần), có thể chủ động đề nghị Phòng GDĐT xem xét trình Sở GDĐT phê chuẩn điều chỉnh PPCT tăng thời lượng dạy học cho phù hợp (*lãnh đạo Sở GDĐT phê duyệt, kí tên, đóng dấu*).

### 2. Về Phân phối chương trình dạy học tự chọn

#### a) Thời lượng và cách tổ chức dạy học tự chọn

Thời lượng dạy học tự chọn của các lớp trong Kế hoạch giáo dục là 2 tiết/tuần, dạy học chung cho cả lớp, các trường tự chủ về kinh phí có thể chia lớp thành nhóm nhỏ nhưng vẫn phải bố trí đủ thời lượng học tập.

*Việc sử dụng thời lượng dạy học tự chọn THCS theo 1 trong 2 cách sau đây:*

*Cách 1:* Chọn 1 trong 3 môn học, hoạt động giáo dục: Tin học, Ngoại ngữ 2, Nghề phổ thông (trong đó Ngoại ngữ 2 có thể bố trí vào 2 tiết dạy học tự chọn này hoặc bố trí ngoài thời lượng dạy học 6 buổi/tuần).

*Cách 2:* Dạy học các chủ đề tự chọn nâng cao, bám sát (CĐNC, CĐBS).

– Dạy học CĐNC là để khai thác sâu chuẩn kiến thức, kĩ năng của chương trình, bổ sung kiến thức, bồi dưỡng năng lực tự duy nhưng phải phù hợp với trình độ tiếp thu của học sinh.

Các Sở GDĐT tổ chức biên soạn, thẩm định tài liệu CĐNC dùng cho cấp THCS theo hướng dẫn của Bộ GDĐT (tài liệu CĐNC sử dụng cho cả GV và học sinh) và quy định cụ thể PPCT dạy học các CĐNC cho phù hợp với mạch kiến thức của môn học đó. Các Phòng GDĐT đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện PPCT dạy học các CĐNC.

– Dạy học các CĐBS là để *ôn tập, hệ thống hóa, khắc sâu kiến thức, kĩ năng*, không bổ sung kiến thức nâng cao mới. Cần dành thời lượng dạy học tự chọn để ôn tập, hệ thống hóa, khắc sâu kiến thức, kĩ năng cho học sinh.

Hiệu trưởng các trường THCS chủ động lập Kế hoạch dạy học các CĐBS (chọn môn học, ấn định số tiết/tuần cho từng môn, tên bài dạy) cho từng lớp, ổn định trong từng học kì trên cơ sở đề nghị của các tổ trưởng chuyên môn và GV chủ nhiệm lớp. GV chuẩn bị kế hoạch bài dạy (giáo án) CĐBS với sự hỗ trợ của tổ chuyên môn.

#### b) Kiểm tra, đánh giá kết quả dạy học tự chọn

Việc kiểm tra, đánh giá kết quả học tập CĐTC của môn học thực hiện theo quy định tại *Quy chế đánh giá, xếp loại học sinh Trung học cơ sở và học sinh Trung học phổ thông*.

**Lưu ý:** Các bài dạy CĐTCNC, CĐBS trong các chương như các bài khác, có thể có điểm kiểm tra dưới 1 tiết riêng nhưng không có điểm kiểm tra 1 tiết riêng, điểm CĐTC môn học nào tính cho môn học đó.

### 3. Thực hiện các hoạt động giáo dục

a) Phân công GV thực hiện các Hoạt động giáo dục:

Trong KHGD quy định tại CTGDPT do Bộ GDĐT ban hành, các *hoạt động giáo dục* đã được quy định thời lượng với số tiết học cụ thể như các môn học. Đối với GV được phân công thực hiện Hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp (HĐGDNGLL), Hoạt động giáo dục hướng nghiệp (HĐGDHN) được tính giờ dạy như các môn học; việc tham gia điều hành *HĐGD tập thể* (chào cờ đầu tuần và sinh hoạt lớp cuối tuần) là thuộc nhiệm vụ quản lý của Ban Giám hiệu và GV chủ nhiệm lớp, không tính như giờ lên lớp.

b) Tích hợp giữa HĐGDNGLL, HĐGDHN, môn Công nghệ:

- HĐGDNGLL: Thực hiện đủ các chủ đề quy định cho mỗi tháng, với thời lượng 2 tiết/tháng và tích hợp nội dung HĐGDNGLL sang môn GDCD các lớp 6, 7, 8, 9 ở các chủ đề về đạo đức và pháp luật. Đưa nội dung về Công ước Quyền trẻ em của Liên Hợp quốc vào HĐGDNGLL ở lớp 9 và tổ chức các hoạt động hưởng ứng phong trào "*Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực*" do Bộ GDĐT phát động.

- HĐGDHN (lớp 9):

Điều chỉnh thời lượng HĐGDHN thành 9 tiết/năm học sau khi đưa một số nội dung GDHN tích hợp sang HĐGDNGLL ở 2 *chủ điểm* sau:

+ "*Truyền thống nhà trường*", chủ điểm tháng 9;

+ "*Tiến bước lên Đoàn*", chủ điểm tháng 3.

Nội dung tích hợp do Sở GDĐT (hoặc uỷ quyền cho các Phòng GDĐT) hướng dẫn trường THCS thực hiện cho sát thực tiễn địa phương. Về phương pháp tổ chức thực hiện HĐGDHN, có thể riêng theo lớp hoặc theo khối lớp; có thể giao cho GV hoặc mời các chuyên gia, nhà quản lý kinh tế, quản lý doanh nghiệp giảng dạy.

### 4. Đổi mới phương pháp dạy học và đổi mới kiểm tra, đánh giá

a) Chỉ đạo đổi mới phương pháp dạy học (PPDH):

- Những yêu cầu quan trọng trong đổi mới PPDH là:

+ Phát huy tính tích cực, hứng thú học tập của học sinh và vai trò chủ đạo của GV;

+ Thiết kế bài giảng khoa học, sắp xếp hợp lý hoạt động của GV và học sinh, thiết kế hệ thống câu hỏi hợp lý, tập trung vào trọng tâm, tránh nặng nề quá tải (nhất là đối với bài dài, bài khó, nhiều kiến thức mới); bồi dưỡng năng lực độc lập suy nghĩ, vận dụng sáng tạo kiến thức đã học, tránh thiên về ghi nhớ máy móc không nắm vững bản chất;

+ Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học, khuyến khích sử dụng công nghệ thông tin, sử dụng các phương tiện nghe nhìn, thực hiện đầy đủ thí nghiệm, thực hành, liên hệ thực tế trong giảng dạy phù hợp với nội dung từng bài học;

+ GV sử dụng ngôn ngữ chuẩn xác, trong sáng, sinh động, dễ hiểu, tác phong thân thiện, khuyến khích, động viên học sinh học tập, tổ chức hợp lý cho học sinh làm việc cá nhân và theo nhóm;

+ Dạy học sát đối tượng, coi trọng bồi dưỡng học sinh khá giỏi và giúp đỡ học sinh học lực yếu kém.

- Đối với các môn học đòi hỏi năng khiếu như: Mĩ thuật, Âm nhạc, Thể dục cần coi trọng truyền thụ kiến thức, hình thành kỹ năng, bồi dưỡng hứng thú học tập, không quá thiên về đánh giá thành tích theo yêu cầu đào tạo chuyên ngành hoạ sỹ, nhạc sỹ, vận động viên.

- Tăng cường chỉ đạo đổi mới PPDH thông qua công tác bồi dưỡng GV và dự giờ thăm lớp của GV, tổ chức rút kinh nghiệm giảng dạy ở các tổ chuyên môn, hội thảo cấp trường, cụm trường, địa phương, hội thi GV giỏi các cấp.

b) Đổi mới kiểm tra, đánh giá (KTĐG):

- Những yêu cầu quan trọng trong đổi mới KTĐG là:

+ GV đánh giá sát đúng trình độ học sinh, khách quan, công minh và hướng dẫn học sinh biết tự đánh giá năng lực của mình;

+ Cần kết hợp một cách hợp lý hình thức tự luận với hình thức trắc nghiệm khách quan trong KTĐG kết quả học tập của học sinh, chuẩn bị tốt cho việc đổi mới các kỳ thi theo chủ trương của Bộ GDĐT; *riêng kiểm tra học kỳ (học kỳ I và học kỳ II) tạm thời chưa áp dụng hình thức trắc nghiệm khách quan, vẫn áp dụng hình thức tự luận.*

+ Thực hiện quy định của Quy chế Đánh giá, xếp loại học sinh THCS, học sinh THPT, tiến hành đủ số lần kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ, kiểm tra học kỳ cả lý thuyết và thực hành.

- Đổi mới đánh giá các môn Mỹ thuật, Âm nhạc (THCS), Thể dục (THCS, THPT): Thực hiện đánh giá bằng điểm hoặc đánh giá bằng nhận xét kết quả học tập theo quy định tại Quy chế Đánh giá, xếp loại học sinh THCS, học sinh THPT sửa đổi.

c) Đối với một số môn khoa học xã hội và nhân văn như: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí, Giáo dục công dân, cần coi trọng đổi mới PPDH, đổi mới KTĐG theo hướng hạn chế chỉ ghi nhớ máy móc, không nắm vững kiến thức, kỹ năng môn học. Trong quá trình dạy học, cần đổi mới KTĐG bằng cách nêu vấn đề mở, đòi hỏi học sinh phải vận dụng tổng hợp kiến thức, kỹ năng và biểu đạt chính kiến của bản thân.

d) Từ năm học 2008-2009, tập trung chỉ đạo đánh giá sâu hiệu quả dạy học của môn Giáo dục công dân để tiếp tục đổi mới PPDH, KTĐG nhằm nâng cao chất lượng môn học này (*có hướng dẫn riêng*).

**5. Thực hiện các nội dung giáo dục địa phương** (*đã hướng dẫn tại công văn số 5977/BGDĐT-GDTrH ngày 07/7/2008*)

## II. NHỮNG VẤN ĐỀ CỤ THỂ CỦA MÔN HỌC

### 1. Kế hoạch dạy học

- Trong mỗi năm học, cấp Trung học cơ sở học 37 tuần/năm thực học.

- Môn Mỹ thuật cả năm học có 35 tiết (riêng ở lớp 9 học trong 1 học kì là 18 tiết). Thời gian 2 tuần còn lại (đối với lớp 6, 7, 8) và 1 tuần (đối với lớp 9) không bố trí tiết dạy.

- Căn cứ vào điều kiện thực tế của từng địa phương, khả năng tiếp thu của học sinh trong từng vùng miền khác nhau, GV có thể tự điều chỉnh nội dung các bài học và các bài kiểm tra cho phù hợp (trên cơ sở bám sát chuẩn kiến thức, kỹ năng).

- Ở lớp 9, theo chương trình quy định, môn Mỹ thuật chỉ học 1 học kì. Việc dạy và kết thúc môn học trong học kì I hoặc học kì II là do các Sở GDĐT quyết định (phải phù hợp với điều kiện thực tế của từng trường). Do ở lớp 9 chỉ học 1 học kì nên kết quả đánh giá, xếp loại học kì của môn học cũng chính là kết quả, đánh giá xếp loại của cả năm học.

### 2. Đổi mới phương pháp dạy học và đổi mới kiểm tra, đánh giá

a) *Đổi mới phương pháp dạy học:*

Chương trình Giáo dục phổ thông quy định: *“Mỹ thuật là một môn văn hóa bắt buộc. Tất cả học sinh đều được học để có một trình độ văn hóa Mỹ thuật phổ thông trong nền học vấn chung ở Tiểu học và Trung học cơ sở”.*

Dạy học môn Mỹ thuật ở giáo dục phổ thông là dạy cho tất cả học sinh với mục tiêu giáo dục thẩm mỹ, chưa đặt ra mục tiêu đào tạo họa sĩ hoặc người làm mỹ thuật chuyên nghiệp. Cùng với các môn học khác, môn Mỹ thuật góp phần hình thành những cơ sở ban đầu cho sự phát triển



đúng đắn, lâu dài về mặt thẩm mỹ, trang bị một số kiến thức mỹ thuật cơ bản, cần thiết, mang tính phổ thông với mục tiêu giáo dục toàn diện, đồng thời phát hiện những học sinh có năng khiếu, tạo điều kiện cho các em phát triển.

GV cần kết hợp một cách linh hoạt, sáng tạo các phương pháp dạy học cùng với việc sử dụng trang thiết bị dạy học đảm bảo vừa đạt mục tiêu dạy học vừa phù hợp với đối tượng và điều kiện của từng trường.

Tăng cường rèn luyện thực hành mỹ thuật theo các hình thức khác nhau như: học nhóm, cá nhân, học trên lớp và trong thực tế... Đặc biệt chú trọng yêu cầu bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng, hình thành năng lực cảm thụ nghệ thuật, *giáo dục tình cảm hứng thú thẩm mỹ, thái độ tích cực, tinh thần chủ động, sáng tạo, ý thức cố gắng vươn lên* trong học tập cho học sinh.

Ngoài học tập trên lớp, GV cần tổ chức cho học sinh học tập, thực hành ở ngoài lớp học, tham quan, tìm hiểu các công trình văn hóa của địa phương, các nghệ nhân, các cơ sở sản xuất thủ công, mỹ nghệ truyền thống (tranh Đông Hồ, gốm sứ, mây tre, dệt, thêu đan...) Khuyến khích, động viên học sinh tự tin, tích cực, chủ động tham gia các hoạt động văn hóa ở trong và ngoài nhà trường.

*b) Đổi mới kiểm tra, đánh giá:*

- Trong một học kì kiểm tra 4 lần bao gồm: kiểm tra miệng, kiểm tra 15 phút, kiểm tra 1 tiết và kiểm tra học kì.

- Kiểm tra kết quả học tập của học sinh chủ yếu dựa trên cơ sở thực hành mỹ thuật (vẽ theo mẫu, vẽ trang trí, vẽ tranh, thường thức mỹ thuật). Hạn chế chỉ dùng hình thức kiểm tra viết, trả lời câu hỏi theo nội dung có sẵn trong sách giáo khoa.

- Không nên kiểm tra lí thuyết chỉ với yêu cầu học thuộc, có thể kiểm tra bằng hình thức trắc nghiệm, ra đề kiểm tra cho cả lớp, theo nhóm hoặc cá nhân... kết hợp kiểm tra kiến thức cũ trước khi thực hành áp dụng hoặc trong khi học bài mới.

- Hoạt động kiểm tra cần linh hoạt. GV phải căn cứ vào khả năng học tập của học sinh, điều kiện cụ thể ở từng trường, lớp và địa phương để có các hình thức kiểm tra phù hợp có hiệu quả. Cần kết hợp đánh giá kết quả học tập, trong đó có mức độ thể hiện *tình cảm thẩm mỹ, thái độ tích cực, tinh thần chủ động, sáng tạo, ý thức cố gắng vươn lên* trong học tập của học sinh.

- Cần lưu ý rằng, điểm cao không chỉ dành cho những học sinh có năng khiếu mà cả đối với những học sinh chưa thể hiện năng khiếu đặc biệt, nắm được kiến thức, kỹ năng và có ý tưởng sáng tạo nhưng kỹ thuật thể hiện còn hạn chế. Với những học sinh bài vẽ không giống mẫu, hình vẽ chưa chuẩn, màu sắc chưa đẹp nhưng nắm vững kiến thức, kỹ năng, hứng thú, tự giác, tích cực học tập thì vẫn đánh giá nhận xét hoặc cho điểm trung bình hoặc trên trung bình.

- GV cần căn cứ *Tài liệu Hướng dẫn chuẩn kiến thức kỹ năng môn Mỹ thuật THCS*, căn cứ mục tiêu, định hướng đổi mới dạy học của bộ môn để đưa ra những tiêu chí, nội dung kiểm tra và đánh giá cho phù hợp.

- Căn cứ Quy chế đánh giá, xếp loại học sinh trung học cơ sở và trung học phổ thông, Giám đốc Sở GDĐT quyết định áp dụng một trong hai hình thức đánh giá: *đánh giá bằng cho điểm* hoặc *đánh giá bằng nhận xét kết quả học tập* của học sinh, mỗi Phòng GDĐT áp dụng thống nhất 1 trong 2 hình thức đánh giá nói trên.

*c) Tiêu chí xếp loại của một bài kiểm tra theo hình thức nhận xét kết quả học tập của học sinh:*

- Bài kiểm tra của học sinh được đánh giá bằng nhận xét và xếp thành 5 loại:

+ Loại giỏi (G): Thực hiện tốt yêu cầu của bài kiểm tra, đạt chuẩn kiến thức, kỹ năng, tích cực hứng thú tham gia học tập.

+ Loại khá (K): Thực hiện khá tốt yêu cầu của bài kiểm tra, đạt chuẩn kiến thức, kỹ năng, tích cực hứng thú tham gia học tập.

+ Loại trung bình (Tb): Đạt yêu cầu của bài kiểm tra nhưng còn có sai sót về kiến thức hoặc kỹ năng, có cố gắng nhưng chưa tích cực.

+ Loại yếu (Y): Chưa đạt yêu cầu của bài kiểm tra, còn có sai sót về kiến thức và kỹ năng, chưa tích cực học tập.

+ Loại kém (kém): Không đạt yêu cầu của bài kiểm tra, không đạt chuẩn kiến thức, kỹ năng, chưa tự giác cố gắng trong học tập.

- Nếu đánh giá bằng nhận xét thì không cho điểm các bài kiểm tra, không tính điểm trung bình môn học và không tham gia tính điểm trung bình các môn học nhưng vẫn tham gia xếp loại học lực mỗi học kì và cả năm học.

- Học lực của HS (ở cả 2 hình thức: cho điểm và nhận xét kết quả học tập) được xếp thành 5 loại: loại giỏi (G), loại khá (K), Loại trung bình (Tb), loại yếu (Y) và loại kém (kém).

d) *Tiêu chí xếp loại học lực:*

- Việc xếp loại học lực của HS ở hình thức cho điểm căn cứ theo Quy chế Đánh giá, xếp loại học sinh THCS, THPT.

- Việc xếp loại học lực của HS ở hình thức đánh giá bằng nhận xét kết quả học tập do GV bộ môn căn cứ vào kết quả các bài kiểm tra, trong đó có *mức độ thể hiện tình cảm hứng thú, thái độ tích cực, tinh thần chủ động, sáng tạo, sự cố gắng vươn lên trong học tập* để xếp loại học lực từng học kỳ và cả năm học.

## **B. KHUNG PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH**

(Phân các tiết học để tham khảo)

### **LỚP 6**

**Cả năm: 37 tuần (35 tiết)**

**Học kỳ I: 19 tuần (18 tiết)**

**Học kỳ II: 18 tuần (17 tiết)**

### **HỌC KỲ I**

**Tiết 1:** Vẽ trang trí - Chép hoạ tiết trang trí dân tộc

**Tiết 2:** Thường thức Mĩ thuật - Sơ lược về mĩ thuật Việt Nam thời kỳ cổ đại

**Tiết 3:** Vẽ theo mẫu - Sơ lược về phối cảnh

**Tiết 4:** Vẽ theo mẫu - Cách vẽ theo mẫu

**Tiết 5:** Vẽ tranh - Cách vẽ tranh đề tài

**Tiết 6:** Vẽ trang trí - Cách sắp xếp (bố cục) trong trang trí

**Tiết 7:** Vẽ theo mẫu - Mẫu có dạng hình hộp và hình cầu (vẽ hình)

**Tiết 8:** Thường thức Mĩ thuật - Sơ lược về Mĩ thuật Thời Lý (1010 -1225)

**Tiết 9 :** Vẽ tranh - Đề tài *Học tập*

**Tiết 10:** Vẽ trang trí - Màu sắc

**Tiết 11:** Vẽ trang trí - Màu sắc trong trang trí

**Tiết 12:** Thường thức Mĩ thuật - Một số công trình tiêu biểu của Mĩ thuật Thời Lý

**Tiết 13:** Vẽ tranh - Đề tài *Bộ đội*

**Tiết 14:** Vẽ trang trí - Trang trí đường diềm( kiểm tra 1 tiết)

**Tiết 15:** Vẽ theo mẫu - Mẫu dạng hình trụ và hình cầu (Tiết 1-vẽ hình)

**Tiết 16:** Vẽ theo mẫu - Mẫu dạng hình trụ và hình cầu (Tiết 2-vẽ đậm nhạt)

**Tiết 17:** Kiểm tra học kì I: Vẽ tranh - Đề tài tự do

**Tiết 18:** Vẽ trang trí - Trang trí hình vuông

## HỌC KỲ II

- Tiết 19:** Thường thức mỹ thuật - Tranh dân gian Việt nam  
**Tiết 20:** Vẽ theo mẫu - Mẫu có hai đồ vật (tiết 1-vẽ hình)  
**Tiết 21:** Vẽ theo mẫu - Mẫu có hai đồ vật ( tiết 2-vẽ đậm nhạt)  
**Tiết 22:** Vẽ tranh - Đề tài *Ngày tết và mùa xuân*  
**Tiết 23:** Vẽ trang trí - Kẻ chữ in hoa nét đều  
**Tiết 24:** Thường thức mỹ thuật - Giới thiệu một số tranh dân gian Việt Nam  
**Tiết 25:** Vẽ tranh - Đề tài *Mẹ của em* ( kiểm tra 1 tiết )  
**Tiết 26:** Vẽ trang trí - Kẻ chữ in hoa nét thanh nét đậm  
**Tiết 27:** Vẽ theo mẫu - Mẫu có hai đồ vật (Tiết 1- Vẽ hình)  
**Tiết 28:** Vẽ theo mẫu - Mẫu có hai đồ vật (Tiết 2- Vẽ đậm nhạt)  
**Tiết 29:** Thường thức mỹ thuật - Sơ lược về mỹ thuật thế giới thời kỳ cổ đại  
**Tiết 30:** Vẽ tranh - Đề tài *Thể thao, văn nghệ*  
**Tiết 31:** Vẽ trang trí - Trang trí chiếc khăn để đặt lọ hoa  
**Tiết 32:** Thường thức mỹ thuật - Một số công trình tiêu biểu của mỹ thuật Ai Cập, Hi Lạp, La Mã thời kỳ cổ đại  
**Tiết 33-34:** Kiểm tra học kì II - Đề tài *Quê hương em*  
**Tiết 35:** Trưng bày kết quả học tập trong năm học.

## LỚP 7

**Cả năm : 37 tuần (35 tiết)**

**Học kỳ I : 19 tuần (18 tiết)**

**Học kỳ II : 18 tuần (17 tiết)**

## HỌC KỲ I

- Tiết 1:** Thường thức Mỹ thuật- Sơ lược về Mỹ thuật thời Trần (1226 - 1400)  
**Tiết 2:** Vẽ theo mẫu - Vẽ quả (trái) và cốc  
**Tiết 3:** Vẽ trang trí - Tạo hoạ tiết trang trí  
**Tiết 4:** Vẽ tranh - Đề tài *Tranh Phong cảnh*  
**Tiết 5:** Vẽ trang trí -Tạo dáng trang trí lọ hoa  
**Tiết 6:** Vẽ theo mẫu - Lọ hoa và quả ( vẽ hình )  
**Tiết 7:** Vẽ theo mẫu - Lọ hoa và quả ( vẽ màu )  
**Tiết 8:** Thường thức mỹ thuật - Một số công trình mỹ thuật thời Trần (1226- 1400)  
**Tiết 9:** Vẽ trang trí - Trang trí đồ vật có dạng hình chữ nhật (Kiểm tra 1tiết)  
**Tiết 10:** Vẽ tranh - Đề tài *Cuộc sống xung quanh em*  
**Tiết 11:** Vẽ theo mẫu - Lọ hoa và quả (vẽ bằng bút chì)  
**Tiết 12:** Vẽ theo mẫu - Lọ hoa và quả (vẽ màu )  
**Tiết 13:** Vẽ trang trí - Chữ trang trí  
**Tiết 14:** Thường thức mỹ thuật - Mỹ thuật Việt Nam từ cuối thế kỷ XIX đến năm 1954  
**Tiết 15-16:** Kiểm tra học kỳ I : Vẽ tranh - Đề tài tự chọn  
**Tiết 17:** Vẽ trang trí - Trang trí bìa lịch treo tường  
**Tiết 18:** Vẽ theo mẫu - Ký hoạ

## HỌC KỲ II

- Tiết 19:** Vẽ theo mẫu -Vẽ ký hoạ ngoài trời  
**Tiết 20:** Vẽ tranh - Đề tài *Giữ gìn vệ sinh môi trường*

- Tiết 21:** Thường thức mỹ thuật - Một số tác giả tác và tác phẩm tiêu biểu của mỹ thuật Việt Nam từ cuối thế kỉ XIX đến năm 1954
- Tiết 22:** Vẽ trang trí - Trang trí đĩa hình tròn
- Tiết 23:** Vẽ theo mẫu - Cái ấm và cái bát (vẽ hình)
- Tiết 24:** Vẽ theo mẫu - Cái ấm và cái bát (vẽ đậm nhạt)
- Tiết 25:** Vẽ tranh Đề tài - *Trò chơi dân gian* (Kiểm tra 1 tiết)
- Tiết 26:** Thường thức mỹ thuật- Một vài nét về mỹ thuật Ý thời kỳ Phục hưng
- Tiết 27:** Vẽ tranh - Đề tài *Cảnh đẹp đất nước*
- Tiết 28:** Vẽ trang trí -Trang trí đầu báo tường
- Tiết 29:** Vẽ tranh - Đề tài *An toàn giao thông*
- Tiết 30:** Thường thức mỹ thuật - Một số tác giả, tác phẩm tiêu biểu của mỹ thuật Ý thời kỳ Phục hưng
- Tiết 31:** Vẽ tranh - Đề tài *Hoạt động trong những ngày hè*
- Tiết 32:** *Kiểm tra học kì II - Vẽ trang trí - Trang trí tự do*
- Tiết 33-34:** Vẽ tranh - Đề tài *Tự do*
- Tiết 35:** Trưng bày kết quả học tập

## LỚP 8

**Cả năm : 37 tuần (35 tiết)**

**Học kỳ I : 19 tuần (18 tiết)**

**Học kỳ II : 18 tuần (17 tiết)**

## HỌC KỲ I

- Tiết 1:** Vẽ trang trí - Trang trí quạt giấy
- Tiết 2:** Thường thức mỹ thuật - Sơ lược về mỹ thuật thời Lê (từ thế kỉ XV đến đầu thế kỉ XVIII)
- Tiết 3:** Vẽ tranh - Đề tài *Phong cảnh mùa hè*
- Tiết 4:** Vẽ trang trí - Tạo dáng và trang trí chậu cảnh
- Tiết 5:** Thường thức mỹ thuật - Một số công trình tiêu biểu của mỹ thuật thời Lê
- Tiết 6:** Vẽ trang trí - Trình bày khẩu hiệu
- Tiết 7:** Vẽ theo mẫu – Vẽ Tĩnh vật lọ và quả (Vẽ hình)
- Tiết 8:** Vẽ theo mẫu – Vẽ Tĩnh vật (Vẽ màu )
- Tiết 9:** Vẽ tranh - Đề tài *Ngày nhà giáo Việt Nam* (Kiểm tra 1 tiết)
- Tiết 10:** Thường thức mỹ thuật - Sơ lược về mỹ thuật Việt Nam giai đoạn từ 1954-1975
- Tiết 11:** Vẽ trang trí - Trình bày bìa sách
- Tiết 12:** Vẽ tranh - Đề tài *Gia đình*
- Tiết 13:** Vẽ theo mẫu - Giới thiệu tỉ lệ khuôn mặt người  
*Bài tham khảo:* Tập vẽ các trạng thái tình cảm thể hiện trên nét mặt
- Tiết 14:** Thường thức mỹ thuật - Một số tác giả, tác phẩm tiêu biểu của mỹ thuật Việt Nam giai đoạn 1954 - 1975
- Tiết 15:** Vẽ trang trí - Tạo dáng và trang trí mặt nạ
- Tiết 16-17:** Vẽ tranh - Đề tài *Tự do* (Kiểm tra học kì 1, 2 tiết) )
- Tiết 18:** Vẽ theo mẫu - Vẽ chân dung

## HỌC KỲ II

- Tiết 19:** Vẽ theo mẫu - Vẽ chân dung bạn
- Tiết 20:** Thường thức mỹ thuật - Sơ lược về mỹ thuật hiện đại phương Tây cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX

- Tiết 21:** Vẽ tranh - Đề tài *Lao động*  
**Tiết 22-23:** Vẽ trang trí - Vẽ tranh cổ động (2tiết)  
**Tiết 24:** Vẽ tranh - Đề tài *Ước mơ của em*  
**Tiết 25:** Vẽ trang trí - Trang trí lều trại (Kiểm tra 1 tiết)  
**Tiết 26:** Vẽ theo mẫu - Giới thiệu tỉ lệ người  
**Tiết 27:** Vẽ theo mẫu - Tập vẽ dáng người  
**Tiết 28:** Vẽ tranh - Minh họa truyện cổ tích  
**Tiết 29:** Thường thức mỹ thuật- Một số tác giả, tác phẩm tiêu biểu của trường phái hội họa ấn tượng  
**Tiết 30:** Vẽ theo mẫu - Vẽ tĩnh vật lọ hoa và quả (Vẽ màu)  
**Tiết 31:** Vẽ theo mẫu - Xé dán giấy lọ hoa và quả  
**Tiết 32:** *Vẽ trang trí- Trang trí đồ vật dạng hình vuông, hình chữ nhật*  
**Tiết 33-34:** *Kiểm tra học kì II: Vẽ tranh - Đề tài tự chọn ( 2 tiết)*  
**Tiết 35:** Trưng bày kết quả học tập

## LỚP 9

**Cả năm: 37tuần (18 tiết)**

**Học kỳ I: 19 tuần (18 tiết)**

(chỉ học trong học kì I)

- Tiết 1:** Thường thức mỹ thuật - Sơ lược về mỹ thuật thời Nguyễn (1802-1945)  
**Tiết 2:** Vẽ theo mẫu: Tĩnh vật lo, hoa và quả (Vẽ hình)  
**Tiết 3:** Vẽ theo mẫu: Tĩnh vật lo, hoa và quả (Vẽ màu)  
**Tiết 4:** Vẽ trang trí -Tạo dáng và trang trí túi sách  
**Tiết 5:** Vẽ tranh - Đề tài *Phong cảnh quê hương*  
**Tiết 6:** Thường thức mỹ thuật – Chạm khắc gỗ đình làng Việt Nam  
**Tiết 7:** Vẽ theo mẫu -Vẽ tượng chân dung (Tượng thạch cao - Vẽ hình)  
**Tiết 8:** Vẽ theo mẫu - Vẽ tượng chân dung (Tượng thạch cao- Vẽ đậm nhạt)  
**Tiết 9:** Vẽ trang trí – Tập phóng tranh, ảnh  
**Tiết 10:** Vẽ tranh - Đề tài *Lễ hội* (kiểm tra 1tiết)  
**Tiết 11:** Vẽ trang trí – Trang trí hội trường  
**Tiết 12:** Thường thức mỹ thuật - Sơ lược về mỹ thuật các dân tộc ít người Việt Nam  
**Tiết 13:** Vẽ theo mẫu – Tập vẽ dáng người  
**Tiết 14:** Vẽ tranh - Đề tài *lực lượng vũ trang*  
**Tiết 15:** Vẽ trang trí - Tạo dáng và trang trí thời trang  
**Tiết 16:** Thường thức Mỹ thuật - Sơ lược về một số nền mỹ thuật châu Á  
**Tiết 17:** Vẽ trang trí - Vẽ biểu trưng  
**Tiết 18:** Kiểm tra học kì: Vẽ tranh - *Đề tài tự chọn*
-

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Tài liệu

**PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH THCS**

MÔN **NGŨ VĂN**

*(Dùng cho các cơ quan quản lý giáo dục và giáo viên,  
áp dụng từ năm học 2008-2009)*

# A. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG KHUNG PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH THCS

## I. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

Khung phân phối chương trình (KPPCT) này áp dụng cho cấp THCS từ năm học 2008-2009, gồm 2 phần: (A) Hướng dẫn sử dụng KPPCT; (B) Khung PPCT.

### 1. Về Khung phân phối chương trình

KPPCT quy định thời lượng dạy học cho từng phần của chương trình (chương, phần, bài học, môđun, chủ đề,...), trong đó có thời lượng dành cho luyện tập, bài tập, ôn tập, thí nghiệm, thực hành và thời lượng tiến hành kiểm tra định kì tương ứng với các phần đó.

Thời lượng quy định tại KPPCT áp dụng trong trường hợp học 1 buổi/ngày, thời lượng dành cho kiểm tra là không thay đổi, thời lượng dành cho các hoạt động khác là quy định tối thiểu. Tiến độ thực hiện chương trình khi kết thúc học kì I và kết thúc năm học được quy định thống nhất cho tất cả các trường THCS trong cả nước. Căn cứ KPPCT, các Sở GDĐT cụ thể hoá thành PPCT chi tiết, bao gồm cả dạy học tự chọn cho phù hợp với địa phương, áp dụng chung cho các trường THCS thuộc quyền quản lí. Các trường THCS có điều kiện bố trí giáo viên và kinh phí chi trả giờ dạy vượt định mức quy định (trong đó có các trường học nhiều hơn 6 buổi/tuần), có thể chủ động đề nghị Phòng GDĐT xem xét trình Sở GDĐT phê chuẩn việc điều chỉnh PPCT tăng thời lượng dạy học cho phù hợp (*lãnh đạo Sở GDĐT phê duyệt, kí tên, đóng dấu*).

### 2. Về phân phối chương trình dạy học tự chọn

a) Thời lượng và cách tổ chức dạy học tự chọn:

Thời lượng dạy học tự chọn của các lớp cấp THCS trong Kế hoạch giáo dục là 2 tiết/tuần, dạy học chung cho cả lớp (các trường tự chủ về kinh phí có thể chia lớp thành nhóm nhỏ hơn nhưng vẫn phải theo kế hoạch chung của cả lớp). Việc sử dụng thời lượng dạy học tự chọn THCS theo 1 trong 2 cách sau đây:

*Cách 1:* Chọn 1 trong 3 môn học, hoạt động giáo dục : Tin học, Ngoại ngữ 2, Nghề phổ thông (trong đó Ngoại ngữ 2 có thể bố trí vào 2 tiết dạy học tự chọn này hoặc bố trí ngoài thời lượng dạy học 6 buổi/tuần).

*Cách 2:* Dạy học các chủ đề tự chọn nâng cao, bám sát (CĐNC, CĐBS).

– Dạy học CĐNC là để khai thác sâu hơn kiến thức, kĩ năng của chương trình, bổ sung kiến thức, bồi dưỡng năng lực tư duy nhưng phải phù hợp với trình độ tiếp thu của học sinh.

Các Sở GDĐT tổ chức biên soạn, thẩm định tài liệu CĐNC (*trong đó có các tài liệu Lịch sử, Địa lí, Văn học địa phương*), dùng cho cấp THCS theo hướng dẫn của Bộ GDĐT (tài liệu CĐNC sử dụng cho cả giáo viên và học sinh như SGK) và quy định cụ thể PPCT dạy học các CĐNC cho phù hợp với mạch kiến thức của môn học đó. Các Phòng GDĐT đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện PPCT dạy học các CĐNC.

– Dạy học các CĐBS là để *ôn tập, hệ thống hóa, khắc sâu kiến thức, kĩ năng* (không bổ sung kiến thức nâng cao mới). Trong điều kiện chưa ban hành được tài liệu CĐNC, cần dành thời lượng dạy học tự chọn để thực hiện CĐBS nhằm ôn tập, hệ thống hóa, khắc sâu kiến thức, kĩ năng cho học sinh.

Hiệu trưởng các trường THCS chủ động lập Kế hoạch dạy học các CĐBS (chọn môn học, ấn định số tiết/tuần cho từng môn, tên bài dạy) cho từng lớp, ổn định trong từng học kì trên cơ sở đề nghị của các tổ trưởng chuyên môn và giáo viên chủ nhiệm lớp. Giáo viên chuẩn bị kế hoạch bài dạy (giáo án) CĐBS với sự hỗ trợ của tổ chuyên môn.

b) Kiểm tra, đánh giá kết quả dạy học tự chọn:

Việc kiểm tra, đánh giá kết quả học tập CĐTC của môn học thực hiện theo quy định tại *Quy chế đánh giá, xếp loại học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông*.

**Lưu ý:** Các bài dạy CĐTCNC, CĐBS bố trí trong các chương như các bài khác, có thể có điểm kiểm tra dưới 1 tiết riêng nhưng không có điểm kiểm tra 1 tiết riêng; điểm CĐTC môn học nào tính cho môn học đó.

### **3. Thực hiện các hoạt động giáo dục**

a) Phân công giáo viên thực hiện các Hoạt động giáo dục:

Trong KHGD quy định tại CTGDPT do Bộ GDĐT ban hành, các *hoạt động giáo dục* đã được quy định thời lượng với số tiết học cụ thể như các môn học. Đối với giáo viên được phân công thực hiện Hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp (HĐGDNGLL), Hoạt động giáo dục hướng nghiệp (HĐGDHN) được tính giờ dạy như các môn học; việc tham gia điều hành *HĐGD tập thể* (chào cờ đầu tuần và sinh hoạt lớp cuối tuần) là thuộc nhiệm vụ quản lý của Ban Giám hiệu và giáo viên chủ nhiệm lớp, không tính vào giờ dạy tiêu chuẩn.

b) Tích hợp HĐGDNGLL, HĐGDHN, môn Công nghệ:

- HĐGDNGLL: Thực hiện đủ các chủ đề quy định cho mỗi tháng, với thời lượng 2 tiết/tháng và tích hợp nội dung HĐGDNGLL sang môn GDĐD các lớp 6, 7, 8, 9 ở các chủ đề về đạo đức và pháp luật. Đưa nội dung về Công ước Quyền trẻ em của Liên Hợp quốc vào HĐGDNGLL ở lớp 9 và tổ chức các hoạt động hưởng ứng phong trào "*Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực*" do Bộ GDĐT phát động.

- HĐGDHN (lớp 9):

Điều chỉnh thời lượng HĐGDHN thành 9 tiết/năm học sau khi đưa một số nội dung GDHN tích hợp sang HĐGDNGLL ở 2 *chủ điểm* sau đây:

+ "*Truyền thống nhà trường*", chủ điểm tháng 9;

+ "*Tiến bước lên Đoàn*", chủ điểm tháng 3.

Nội dung tích hợp do Sở GDĐT (hoặc ủy quyền cho các Phòng GDĐT) hướng dẫn trường THCS thực hiện cho sát thực tiễn địa phương. Về phương pháp tổ chức thực hiện HĐGDHN, có thể riêng theo lớp hoặc theo khối lớp; có thể giao cho giáo viên hoặc mời các chuyên gia, nhà quản lý kinh tế, quản lý doanh nghiệp giảng dạy.

### **4. Đổi mới phương pháp dạy học; đổi mới kiểm tra, đánh giá**

a) Chỉ đạo đổi mới phương pháp dạy học (PPDH):

- Những yêu cầu quan trọng trong đổi mới PPDH là:

+ Phát huy tính tích cực, hứng thú học tập của học sinh và vai trò chủ đạo của giáo viên;

+ Thiết kế bài giảng khoa học, sắp xếp hợp lý hoạt động của giáo viên và học sinh, thiết kế hệ thống câu hỏi hợp lý, tập trung vào trọng tâm, tránh nặng nề quá tải (nhất là đối với bài dài, bài khó, nhiều kiến thức mới); bồi dưỡng năng lực độc lập suy nghĩ, vận dụng sáng tạo kiến thức đã học, tránh thiên về ghi nhớ máy móc không nắm vững bản chất;

+ Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học, khuyến khích sử dụng công nghệ thông tin, sử dụng các phương tiện nghe nhìn, thực hiện đầy đủ thí nghiệm, thực hành, liên hệ thực tế trong giảng dạy phù hợp với nội dung từng bài học;

+ Giáo viên sử dụng ngôn ngữ chuẩn xác, trong sáng, sinh động, dễ hiểu, tác phong thân thiện, khuyến khích, động viên học sinh học tập, tổ chức hợp lý cho học sinh làm việc cá nhân và theo nhóm;

+ Dạy học sát đối tượng, coi trọng bồi dưỡng học sinh khá giỏi và giúp đỡ học sinh học lực yếu kém.

- Đối với các môn học đòi hỏi năng khiếu như: Mĩ thuật, Âm nhạc, Thể dục cần coi trọng truyền thụ kiến thức, hình thành kỹ năng, bồi dưỡng hứng thú học tập, không quá thiên về đánh giá thành tích theo yêu cầu đào tạo chuyên ngành hoạ sỹ, nhạc sỹ, vận động viên.



- Tăng cường chỉ đạo đổi mới PPDH thông qua công tác bồi dưỡng giáo viên và dự giờ thăm lớp của giáo viên, tổ chức rút kinh nghiệm giảng dạy ở các tổ chuyên môn, hội thảo cấp trường, cụm trường, địa phương, hội thi giáo viên giỏi các cấp.

b) Đổi mới kiểm tra, đánh giá (KTĐG):

- Những yêu cầu quan trọng trong đổi mới KTĐG là:

+ Giáo viên đánh giá sát đúng trình độ học sinh với thái độ khách quan, công minh và hướng dẫn học sinh biết tự đánh giá năng lực của mình;

+ Trong quá trình dạy học, cần kết hợp một cách hợp lý hình thức tự luận với hình thức trắc nghiệm khách quan trong KTĐG kết quả học tập của học sinh, chuẩn bị tốt cho việc đổi mới các kỳ thi theo chủ trương của Bộ GDĐT.

+ Thực hiện đúng quy định của Quy chế Đánh giá, xếp loại học sinh THCS, học sinh THPT do Bộ GDĐT ban hành, tiến hành đủ số lần kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ, kiểm tra học kỳ cả lý thuyết và thực hành.

- Đổi mới đánh giá các môn Mỹ thuật, Âm nhạc (THCS), Thể dục (THCS, THPT): Thực hiện đánh giá bằng điểm hoặc đánh giá bằng nhận xét kết quả học tập theo quy định tại Quy chế Đánh giá, xếp loại học sinh THCS, học sinh THPT sửa đổi.

c) Đối với một số môn như: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí, Giáo dục công dân, cần coi trọng đổi mới PPDH, đổi mới KTĐG theo hướng hạn chế chỉ ghi nhớ máy móc, không nắm vững kiến thức, kỹ năng môn học. Cần đổi mới KTĐG bằng cách nêu vấn đề “mở”, đòi hỏi học sinh phải vận dụng tổng hợp kiến thức, kỹ năng và biểu đạt chính kiến của bản thân.

d) Từ năm học 2008-2009, tập trung chỉ đạo đánh giá sâu hiệu quả dạy học của môn Giáo dục công dân để tiếp tục đổi mới PPDH, KTĐG nhằm nâng cao chất lượng môn học này (*có hướng dẫn riêng*).

**5. Thực hiện các nội dung giáo dục địa phương** (*hướng dẫn tại công văn số 5977/BGDĐT-GDTrH ngày 07/7/2008*)

## II. NHỮNG VẤN ĐỀ CỤ THỂ CỦA MÔN NGỮ VĂN

1. Thực hiện theo thứ tự của các bài trong sách giáo khoa (SGK) và phân phối thời lượng của *Khung phân phối chương trình (KPPCT)*, do SGK Ngữ văn THCS được viết tích hợp chặt chẽ, nếu thay đổi sẽ phá vỡ tính chỉnh thể và gây khó khăn cho việc tích hợp.

2. KPPCT này không phân chia cụ thể thời lượng cho từng bài và từng phân môn. Về cơ bản, thời lượng chia cho cụm bài trong tuần, mỗi cụm bài có 3 phân môn: Văn, Tiếng Việt, Tập làm văn hoặc chỉ có 2 trong 3 phân môn trên.

3. Trên cơ sở KPPCT và thực tế dạy học ở từng địa phương, Sở GDĐT có thể điều chỉnh một cách hợp lý thời lượng và trình tự của một số bài được sắp xếp liên nhau theo thời lượng dành cho từng cụm bài, nhưng không làm thay đổi tổng số tiết dạy của mỗi học kỳ, cũng như của toàn năm học.

4. Đối với những bài có ghi *Hướng dẫn đọc thêm* (sách giáo khoa ghi là *Tự học có hướng dẫn*), giáo viên cần dành thời lượng nhất định hướng dẫn rất ngắn gọn cách thức đọc - hiểu bài đọc thêm, để học sinh đọc và nắm được giá trị bao trùm về nội dung, nghệ thuật của tác phẩm (cần được thể hiện trong giáo án).

5. Nếu có những sự khác nhau giữa sách giáo viên và KPPCT này, giáo viên thực hiện theo KPPCT.

6. Có một số bài phải học trong 2 tuần khác nhau (vì phải dành thời lượng để kiểm tra) cần chú ý đến sự nhất quán của bài học, nhắc lại nội dung bài đã thực hiện ở tuần trước.

7. Phần văn học địa phương, nếu chưa chuẩn bị được tài liệu dạy học theo yêu cầu tại công văn số 5977/BGDĐT-GDTrH ngày 07/7/2008 hướng dẫn thực hiện nội dung giáo dục

địa phương ở cấp THCS và cấp THPT từ năm học 2008-2009, có thể sử dụng cho ngoại khoá, hoặc toạ đàm với các văn nghệ sĩ ở địa phương hoặc ôn tập, củng cố kiến thức, kỹ năng.

8. Các đề kiểm tra và đề Tập làm văn, nếu Sở GDĐT hoặc Phòng GDĐT không yêu cầu đề thống nhất, giáo viên tự soạn theo SGK.

9. Các thiết kế bài giảng (giáo án) dạy học phải bám sát các yêu cầu chuẩn kiến thức, kỹ năng trong Chương trình.

10. Tích cực thực hiện đổi mới phương pháp dạy học theo hướng tích cực hoá vai trò chủ thể sáng tạo của học sinh trong giờ dạy học.

11. Đổi mới kiểm tra, đánh giá phù hợp với đặc trưng của môn Ngữ văn. Tăng cường ra đề kiểm tra theo hướng “mở” nhằm phát huy năng lực sáng tạo của học sinh.

12. Thực hiện yêu cầu giảm tải, không thêm những nội dung nâng cao ngoài SGK. Tập trung hướng dẫn học sinh đạt kết quả cơ bản ghi ở đầu mỗi bài học.

## **B. KHUNG PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH**

*(Phần ghi các tuần là để tham khảo)*

### **LỚP 6**

**Cả năm: 37 tuần (140 tiết)**

**Học kì I: 19 tuần (72 tiết)**

**Học kì II: 18 tuần (68 tiết)**

### **HỌC KÌ I**

#### *Tuần 1*

#### **Tiết 1 đến tiết 4**

Con Rồng cháu Tiên;

Hướng dẫn đọc thêm: Bánh chưng bánh giầy;

Từ và cấu tạo từ tiếng Việt;

Giao tiếp, văn bản và phương thức biểu đạt.

#### *Tuần 2*

#### **Tiết 5 đến tiết 8**

Thánh Gióng;

Từ mượn;

Tìm hiểu chung về văn tự sự.

#### *Tuần 3*

#### **Tiết 9 đến tiết 12**

Sơn Tinh, Thủy Tinh;

Nghĩa của từ;

Sự việc và nhân vật trong văn tự sự.

#### *Tuần 4*

#### **Tiết 13 đến tiết 16**

Hướng dẫn đọc thêm: Sự tích hồ Gươm;

Chủ đề và dàn bài của bài văn tự sự;

Tìm hiểu đề và cách làm bài văn tự sự.

#### *Tuần 5*

#### **Tiết 17 đến tiết 20**

Viết bài Tập làm văn số 1;

Từ nhiều nghĩa và hiện tượng chuyển nghĩa của từ;

Lời văn, đoạn văn tự sự.

#### *Tuần 6*

#### **Tiết 21 đến tiết 24**

Thạch Sanh;  
Chữa lỗi dùng từ;  
Trả bài Tập làm văn số 1.

*Tuần 7*

**Tiết 25 đến tiết 28**

Em bé thông minh;  
Chữa lỗi dùng từ (tiếp);  
Kiểm tra Văn.

*Tuần 8*

**Tiết 29 đến tiết 32**

Luyện nói kể chuyện;  
Cây bút thần;  
Danh từ.

*Tuần 9*

**Tiết 33 đến tiết 36**

Ngôi kể và lời kể trong văn tự sự;  
Hướng dẫn đọc thêm: Ông lão đánh cá và con cá vàng;  
Thứ tự kể trong văn tự sự.

*Tuần 10*

**Tiết 37 đến tiết 40**

Viết bài Tập làm văn số 2;  
Ếch ngồi đáy giếng;  
Thầy bói xem voi.

*Tuần 11*

**Tiết 41 đến tiết 44**

Danh từ (tiếp);  
Trả bài kiểm tra Văn;  
Luyện nói kể chuyện;  
Cụm danh từ.

*Tuần 12*

**Tiết 45 đến tiết 48**

Hướng dẫn đọc thêm: Chân, Tay, Tai, Mắt, Miệng;  
Kiểm tra Tiếng Việt;  
Trả bài Tập làm văn số 2;  
Luyện tập xây dựng bài tự sự- Kể chuyện đời thường.

*Tuần 13*

**Tiết 49 đến tiết 52**

Viết bài Tập làm văn số 3;  
Treo biển;  
Hướng dẫn đọc thêm: Lợn cưới, áo mới;  
Số từ và lượng từ.

*Tuần 14*

**Tiết 53 đến tiết 56**

Kể chuyện tưởng tượng;  
Ôn tập truyện dân gian;  
Trả bài kiểm tra Tiếng Việt.

*Tuần 15*

**Tiết 57 đến tiết 60**

Chỉ từ;  
Luyện tập kể chuyện tưởng tượng;  
Hướng dẫn đọc thêm: Con hổ có nghĩa;  
Động từ.

*Tuần 16*

**Tiết 61 đến tiết 63**

Cụm động từ;  
Mẹ hiền dạy con;  
Tính từ và cụm tính từ.

*Tuần 17*

**Tiết 64 đến tiết 66**

Trả bài Tập làm văn số 3;  
Thầy thuốc giỏi cốt nhất ở tấm lòng;  
Ôn tập Tiếng Việt.

*Tuần 18*

**Tiết 67 đến tiết 69**

Kiểm tra học kì I;  
Hoạt động Ngữ văn: Thi kể chuyện.

*Tuần 19*

**Tiết 70 đến tiết 72**

Chương trình Ngữ văn địa phương;  
Trả bài kiểm tra học kì I.

## HỌC KÌ II

*Tuần 20*

**Tiết 73 đến tiết 75**

Bài học đường đời đầu tiên;  
Phó từ.

*Tuần 21*

**Tiết 76 đến tiết 78**

Tìm hiểu chung về văn miêu tả;  
Sông nước Cà Mau;  
So sánh.

*Tuần 22*

**Tiết 79 đến tiết 81**

Quan sát, tưởng tượng, so sánh và nhận xét trong văn miêu tả;  
Bức tranh của em gái tôi.

*Tuần 23*

**Tiết 82 đến tiết 84**

Bức tranh của em gái tôi (tiếp theo);  
Luyện nói về quan sát, tưởng tượng, so sánh và nhận xét trong văn miêu tả.

*Tuần 24*

**Tiết 85 đến tiết 88**

Vượt thác;  
So sánh (tiếp);  
Chương trình địa phương Tiếng Việt;  
Phương pháp tả cảnh;  
Viết bài Tập làm văn tả cảnh (làm ở nhà).

*Tuần 25*

**Tiết 89 đến tiết 92**

Buổi học cuối cùng;  
Nhân hoá;  
Phương pháp tả người.

*Tuần 26*

**Tiết 93 đến tiết 96**

Đêm nay Bác không ngủ;  
Ẩn dụ;  
Luyện nói về văn miêu tả.

*Tuần 27*

**Tiết 97 đến tiết 100**

Kiểm tra Văn;

Trả bài Tập làm văn tả cảnh viết ở nhà;

Luyện;

Hướng dẫn đọc thêm: Mưa.

**Tuần 28**

**Tiết 101 đến tiết 104**

Hoán dụ;

Tập làm thơ bốn chữ;

Cô Tô.

**Tuần 29**

**Tiết 105 đến tiết 108**

Viết bài Tập làm văn tả người;

Các thành phần chính của câu;

Thi làm thơ 5 chữ.

**Tuần 30**

**Tiết 109 đến tiết 112**

Cây tre Việt Nam;

Câu trần thuật đơn;

Hướng dẫn đọc thêm: Lòng yêu nước;

Câu trần thuật đơn có từ *là*.

**Tuần 31**

**Tiết 113 đến tiết 116**

Lao xao;

Kiểm tra Tiếng Việt;

Trả bài kiểm tra Văn, bài Tập làm văn tả người.

**Tuần 32**

**Tiết 117 đến tiết 120**

Ôn tập truyện và kí;

Câu trần thuật đơn không có từ *là*;

Ôn tập văn miêu tả;

Chữa lỗi về chủ ngữ, vị ngữ.

**Tuần 33**

**Tiết 121 đến tiết 124**

Viết bài Tập làm văn miêu tả sáng tạo;

Câu Long Biên chứng nhân lịch sử;

Viết đơn.

**Tuần 34**

**Tiết 125 đến tiết 128**

Bức thư của thủ lĩnh da đỏ;

Chữa lỗi về chủ ngữ, vị ngữ (tiếp);

Luyện tập cách viết đơn và sửa lỗi.

**Tuần 35**

**Tiết 129 đến tiết 132**

Động Phong Nha;

Ôn tập về dấu câu (Dấu chấm, dấu chấm hỏi, dấu chấm than);

Ôn tập về dấu câu (Dấu phẩy);

Trả bài Tập làm văn miêu tả sáng tạo, trả bài kiểm tra Tiếng Việt.

**Tuần 36**

**Tiết 133 đến tiết 136**

Tổng kết phần Văn và Tập làm văn;

Tổng kết phần Tiếng Việt;

Ôn tập tổng hợp.

**Tuần 37**

**Tiết 137 đến tiết 140**

Kiểm tra học kì II;

Chương trình Ngữ văn địa phương.

## LỚP 7

**Cả năm: 37 tuần (140 tiết)**

**Học kì I: 19 tuần (72 tiết)**

**Học kì II: 18 tuần (68 tiết)**

## HỌC KÌ I

### *Tuần 1*

#### **Tiết 1 đến tiết 4**

Công trường mở ra;

Mẹ tôi;

Từ ghép;

Liên kết trong văn bản.

### *Tuần 2*

#### **Tiết 5 đến tiết 8**

Cuộc chia tay của những con búp bê;

Bố cục trong văn bản;

Mạch lạc trong văn bản.

### *Tuần 3*

#### **Tiết 9 đến tiết 12**

Những câu hát về tình cảm gia đình;

Những câu hát về tình yêu quê hương, đất nước, con người;

Từ láy;

Quá trình tạo lập văn bản;

Viết bài Tập làm văn số 1 học sinh làm ở nhà.

### *Tuần 4*

#### **Tiết 13 đến tiết 16**

Những câu hát than thân;

Những câu hát châm biếm;

Đại từ;

Luyện tập tạo lập văn bản.

### *Tuần 5*

#### **Tiết 17 đến tiết 20**

Sông núi nước Nam, Phò giá về kinh;

Từ Hán Việt;

Trả bài Tập làm văn số 1;

Tìm hiểu chung về văn biểu cảm.

### *Tuần 6*

#### **Tiết 21 đến tiết 24**

Côn Sơn ca;

Hướng dẫn đọc thêm: Buổi chiều đứng ở phủ Thiên Trường trông ra;

Từ Hán Việt (tiếp);

Đặc điểm văn bản biểu cảm;

Đề văn biểu cảm và cách làm bài văn biểu cảm.

### *Tuần 7*

#### **Tiết 25 đến tiết 28**

Bánh trôi nước;

Hướng dẫn đọc thêm: Sau phút chia li;

Quan hệ từ;

Luyện tập cách làm văn bản biểu cảm.

### *Tuần 8*

**Tiết 29 đến tiết 32**

Qua đèo Ngang;  
Bạn đến chơi nhà;  
Viết bài Tập làm văn số 2.

**Tuần 9****Tiết 33 đến tiết 36**

Chữa lỗi về quan hệ từ;  
**Hướng dẫn đọc thêm: Xa ngắm thác núi Lư;**  
Từ đồng nghĩa;  
Cách lập ý của bài văn biểu cảm.

**Tuần 10****Tiết 37 đến tiết 40**

Cảm nghĩ trong đêm thanh tĩnh (Tĩnh dạ tứ);  
Ngẫu nhiên viết nhân buổi mới về quê (Hồi hương ngẫu thư);  
Từ trái nghĩa;  
Luyện nói: Văn biểu cảm về sự vật, con người.

**Tuần 11****Tiết 41 đến tiết 44**

Bài ca nhà tranh bị gió thu phá;  
Kiểm tra Văn;  
Từ đồng âm;  
Các yếu tố tự sự, miêu tả trong văn biểu cảm.

**Tuần 12****Tiết 45 đến tiết 48**

Cảnh khuya, Rằm tháng giêng;  
Kiểm tra Tiếng Việt;  
Trả bài Tập làm văn số 2;  
Thành ngữ.

**Tuần 13****Tiết 49 đến tiết 52**

Trả bài kiểm tra Văn, bài kiểm tra Tiếng Việt;  
Cách làm bài văn biểu cảm về tác phẩm văn học;  
Viết bài Tập làm văn số 3.

**Tuần 14****Tiết 53 đến tiết 56**

Tiếng gà trưa;  
Điệp ngữ;  
Luyện nói: Phát biểu cảm nghĩ về tác phẩm văn học.

**Tuần 15****Tiết 57 đến tiết 60**

Một thứ quà của lúa non: Cốm;  
Trả bài Tập làm văn số 3;  
Chơi chữ;  
Làm thơ lục bát.

**Tuần 16****Tiết 61 đến tiết 63**

Chuẩn mực sử dụng từ;  
Ôn tập văn bản biểu cảm;  
Mùa xuân của tôi.

**Tuần 17****Tiết 64 đến tiết 66**

Hướng dẫn đọc thêm: Sài Gòn tôi yêu;  
Luyện tập sử dụng từ;  
Ôn tập tác phẩm trữ tình.

**Tuần 18**

**Tiết 67 đến tiết 69**

Ôn tập tác phẩm trữ tình (tiếp);  
Ôn tập Tiếng Việt  
Ôn tập Tiếng Việt (tiếp);  
Chương trình địa phương phần Tiếng Việt.

**Tuần 19**

**Tiết 70 đến tiết 72**

Kiểm tra học kì I;  
Trả bài kiểm tra kì I.

## HỌC KÌ II

**Tuần 20**

**Tiết 73 đến tiết 75**

Tục ngữ về thiên nhiên và lao động sản xuất;  
Chương trình địa phương phần Văn và Tập làm văn;  
Tìm hiểu chung về văn nghị luận.

**Tuần 21**

**Tiết 76 đến tiết 78**

Tìm hiểu chung về văn nghị luận (tiếp);  
Tục ngữ về con người và xã hội;  
Rút gọn câu.

**Tuần 22**

**Tiết 79 đến tiết 81**

Đặc điểm của văn bản nghị luận;  
Đề văn nghị luận và việc lập ý cho bài văn nghị luận;  
Tinh thần yêu nước của nhân dân ta.

**Tuần 23**

**Tiết 82 đến tiết 84**

Câu đặc biệt;  
Bố cục và phương pháp lập luận trong bài văn nghị luận;  
Luyện tập về phương pháp lập luận trong văn nghị luận.

**Tuần 24**

**Tiết 85 đến tiết 88**

Sự giàu đẹp của tiếng Việt;  
Thêm trạng ngữ cho câu;  
Tìm hiểu chung về phép lập luận chứng minh.

**Tuần 25**

**Tiết 89 đến tiết 92**

Thêm trạng ngữ cho câu (tiếp);  
Kiểm tra Tiếng Việt;  
Cách làm bài văn lập luận chứng minh;  
Luyện tập lập luận chứng minh.

**Tuần 26**

**Tiết 93 đến tiết 96**

Đức tính giản dị của Bác Hồ;  
Chuyên đổi câu chủ động thành câu bị động;  
Viết bài Tập làm văn số 5 tại lớp.

**Tuần 27**

**Tiết 97 đến tiết 100**

Ý nghĩa văn chương;  
Kiểm tra Văn;  
Chuyên đổi câu chủ động thành câu bị động (tiếp);



Luyện tập viết đoạn văn chứng minh.

*Tuần 28*

**Tiết 101 đến tiết 104**

Ôn tập văn nghị luận;

Dùng cụm chủ - vị để mở rộng câu;

Trả bài Tập làm văn số 5, trả bài kiểm tra Tiếng Việt, trả bài kiểm tra Văn;

Tìm hiểu chung về phép lập luận giải thích.

*Tuần 29*

**Tiết 105 đến tiết 108**

Sống chết mặc bay;

Cách làm bài văn lập luận giải thích;

Luyện tập lập luận giải thích;

Viết bài Tập làm văn số 6 học sinh làm ở nhà.

*Tuần 30*

**Tiết 109 đến tiết 112**

Những trò lố hay là Va-ren và Phan Bội Châu;

Dùng cụm chủ - vị để mở rộng câu. Luyện tập (tiếp);

Luyện nói: Bài văn giải thích một vấn đề.

*Tuần 31*

**Tiết 113 đến tiết 116**

Ca Huế trên sông Hương;

Liệt kê;

Tìm hiểu chung về văn bản hành chính;

Trả bài Tập làm văn số 6.

*Tuần 32*

**Tiết 117 đến tiết 120**

Quan Âm Thị Kính;

Dấu chấm lửng và dấu chấm phẩy;

Văn bản đề nghị.

*Tuần 33*

**Tiết 121 đến tiết 124**

Ôn tập Văn học;

Dấu gạch ngang;

Ôn tập Tiếng Việt;

Văn bản báo cáo.

*Tuần 34*

**Tiết 125 đến tiết 128**

Luyện tập làm văn bản đề nghị và báo cáo;

Ôn tập Tập làm văn.

*Tuần 35*

**Tiết 129 đến tiết 132**

Ôn tập Tiếng Việt (tiếp);

Hướng dẫn làm bài kiểm tra;

Kiểm tra học kì II.

*Tuần 36*

**Tiết 133 đến tiết 136**

Chương trình địa phương phần Văn và Tập làm văn (tiếp);

Hoạt động Ngữ văn.

*Tuần 37*

**Tiết 137 đến tiết 140**

Chương trình địa phương phần Tiếng Việt;

Trả bài kiểm tra học kì II.

## LỚP 8

**Cả năm: 37 tuần (140 tiết)**

**Học kì I: 19 tuần (72 tiết)**

**Học kì II: 18 tuần (68 tiết)**

### HỌC KÌ I

#### *Tuần 1*

#### **Tiết 1 đến tiết 4**

Tôi đi học;  
Cấp độ khái quát của nghĩa từ ngữ;  
Tính thống nhất về chủ đề của văn bản.

#### *Tuần 2*

#### **Tiết 5 đến tiết 8**

Trong lòng mẹ;  
Trường từ vựng;  
Bố cục của văn bản.

#### *Tuần 3*

#### **Tiết 9 đến tiết 12**

Tức nước vỡ bờ;  
Xây dựng đoạn văn trong văn bản;  
Viết bài Tập làm văn số 1.

#### *Tuần 4*

#### **Tiết 13 đến tiết 16**

Lão Hạc;  
Từ tượng hình, từ tượng thanh;  
Liên kết các đoạn văn trong văn bản.

#### *Tuần 5*

#### **Tiết 17 đến tiết 20**

Từ ngữ địa phương và biệt ngữ xã hội;  
Tóm tắt văn bản tự sự;  
Luyện tập tóm tắt văn bản tự sự;  
Trả bài Tập làm văn số 1.

#### *Tuần 6*

#### **Tiết 21 đến tiết 24**

Cô bé bán diêm;  
Trợ từ, thán từ;  
Miêu tả và biểu cảm trong văn bản tự sự.

#### *Tuần 7*

#### **Tiết 25 đến tiết 28**

Đánh nhau với cối xay gió;  
Tình thái từ;  
Luyện tập viết đoạn văn tự sự kết hợp với miêu tả và biểu cảm.

#### *Tuần 8*

#### **Tiết 29 đến tiết 32**

Chiếc lá cuối cùng;  
Chương trình địa phương (phần Tiếng Việt);  
Lập dàn ý cho bài văn tự sự kết hợp với miêu tả và biểu cảm.

#### *Tuần 9*

#### **Tiết 33 đến tiết 36**

Hai cây phong;  
Viết bài Tập làm văn số 2.

#### *Tuần 10*

**Tiết 37 đến tiết 40**

Nói quá;  
Ôn tập truyện kí Việt Nam;  
Thông tin về ngày trái đất năm 2000;  
Nói giảm, nói tránh.

**Tuần 11****Tiết 41 đến tiết 44**

Kiểm tra Văn;  
Luyện nói: Kể chuyện theo ngôi kể kết hợp với miêu tả và biểu cảm;  
Câu ghép;  
Tìm hiểu chung về văn bản thuyết minh.

**Tuần 12****Tiết 45 đến tiết 48**

Ôn dịch thuốc lá;  
Câu ghép (tiếp);  
Phương pháp thuyết minh;  
Trả bài kiểm tra Văn, bài Tập làm văn số 2.

**Tuần 13****Tiết 49 đến tiết 52**

Bài toán dân số;  
Dấu ngoặc đơn và dấu hai chấm;  
Đề văn thuyết minh và cách làm bài văn thuyết minh;  
Chương trình địa phương (phần Văn).

**Tuần 14****Tiết 53 đến tiết 56**

Dấu ngoặc kép;  
Luyện nói: Thuyết minh một thứ đồ dùng;  
Viết bài Tập làm văn số 3.

**Tuần 15****Tiết 57 đến tiết 60**

Vào nhà ngục Quảng Đông cảm tác;  
Đập đá ở Côn Lôn;  
Ôn luyện về dấu câu;  
Kiểm tra Tiếng Việt.

**Tuần 16****Tiết 61 đến tiết 63**

Thuyết minh một thể loại văn học;  
Hướng dẫn đọc thêm: Muốn làm thằng Cuội;  
Ôn tập Tiếng Việt.

**Tuần 17****Tiết 64 đến tiết 66**

Trả bài Tập làm văn số 3;  
Ông đồ;  
Hướng dẫn đọc thêm: Hai chữ nước nhà.

**Tuần 18****Tiết 67 đến tiết 69**

Trả bài kiểm tra Tiếng Việt;  
Kiểm tra học kì I.

**Tuần 19****Tiết 70 đến tiết 72**

Hoạt động ngữ văn: Làm thơ 7 chữ;  
Trả bài kiểm tra học kì I.

## HỌC KÌ II

### *Tuần 20*

#### **Tiết 73 đến tiết 75**

Nhớ rừng;  
Câu nghi vấn.

### *Tuần 21*

#### **Tiết 76 đến tiết 78**

Viết đoạn văn trong văn bản thuyết minh.  
Quê hương;  
Khi con tu hú.

### *Tuần 22*

#### **Tiết 79 đến tiết 81**

Câu nghi vấn (tiếp);  
Thuyết minh về một phương pháp (cách làm);  
Tức cảnh Pác Bó.

### *Tuần 23*

#### **Tiết 82 đến tiết 84**

Câu cầu khiến;  
Thuyết minh một danh lam thắng cảnh;  
Ôn tập về văn bản thuyết minh.

### *Tuần 24*

#### **Tiết 85 đến tiết 88**

Ngắm trăng, Đi đường;  
Câu cảm thán;  
Viết bài Tập làm văn số 5.

### *Tuần 25*

#### **Tiết 89 đến tiết 92**

Câu trần thuật;  
Chiều dờn đờ;  
Câu phủ định;  
Chương trình địa phương (phần Tập làm văn).

### *Tuần 26*

#### **Tiết 93 đến tiết 96**

Hịch tướng sĩ;  
Hành động nói;  
Trả bài Tập làm văn số 5.

### *Tuần 27*

#### **Tiết 97 đến tiết 100**

Nước Đại Việt ta;  
Hành động nói (tiếp);  
Ôn tập về luận điểm;  
Viết đoạn văn trình bày luận điểm.

### *Tuần 28*

#### **Tiết 101 đến tiết 104**

Bàn luận về phép học;  
Luyện tập xây dựng và trình bày luận điểm;  
Viết bài Tập làm văn số 6.

### *Tuần 29*

#### **Tiết 105 đến tiết 108**

Thuế máu;  
Hội thoại;  
Tìm hiểu yếu tố biểu cảm trong văn nghị luận.

### *Tuần 30*

#### **Tiết 109 đến tiết 112**

Đi bộ ngao du;  
Hội thoại (tiếp);  
Luyện tập đưa yếu tố biểu cảm vào bài văn nghị luận.

**Tuần 31**

**Tiết 113 đến tiết 116**

Kiểm tra Văn;  
Lựa chọn trật tự từ trong câu;  
Trả bài Tập làm văn số 6;  
Tìm hiểu về các yếu tố tự sự và miêu tả trong văn nghị luận.

**Tuần 32**

**Tiết 117 đến tiết 120**

Ông Giuốc-đanh mặc lễ phục;  
Lựa chọn trật tự từ trong câu (luyện tập);  
Luyện tập đưa các yếu tố tự sự và miêu tả vào bài văn nghị luận.

**Tuần 33**

**Tiết 121 đến tiết 124**

Chương trình địa phương (phần Văn);  
Chữa lỗi diễn đạt (lỗi lôgic);  
Viết bài Tập làm văn số 7.

**Tuần 34**

**Tiết 125 đến tiết 128**

Tổng kết phần Văn;  
Ôn tập phần Tiếng Việt học kì II;  
Văn bản tường trình;  
Luyện tập làm văn bản tường trình.

**Tuần 35**

**Tiết 129 đến tiết 132**

Trả bài kiểm tra Văn;  
Kiểm tra Tiếng Việt;  
Trả bài Tập làm văn số 7;  
Tổng kết phần Văn.

**Tuần 36**

**Tiết 133 đến tiết 136**

Tổng kết phần Văn (tiếp);  
Ôn tập phần Tập làm văn;  
Kiểm tra học kì II.

**Tuần 37**

**Tiết 137 đến tiết 140**

Văn bản thông báo;  
Chương trình địa phương phần Tiếng Việt;  
Luyện tập làm văn bản thông báo;  
Trả bài kiểm tra học kì II.

## LỚP 9

**Cả năm: 37 tuần (175 tiết)**

**Học kì I: 19 tuần (90 tiết)**

**Học kì II: 17 tuần (85 tiết)**

## HỌC KÌ I

**Tuần 1**

**Tiết 1 đến tiết 5**

Phong cách Hồ Chí Minh;  
Các phương châm hội thoại;  
Sử dụng một số biện pháp nghệ thuật trong văn bản thuyết minh;  
Luyện tập sử dụng một số biện pháp nghệ thuật trong văn bản thuyết minh.

**Tuần 2**

**Tiết 6 đến tiết 10**

Đấu tranh cho một thế giới hoà bình;  
Các phương châm hội thoại (tiếp);  
Sử dụng yếu tố miêu tả trong văn bản thuyết minh;  
Luyện tập sử dụng yếu tố miêu tả trong văn bản thuyết minh.

**Tuần 3**

**Tiết 11 đến tiết 15**

Tuyên bố thế giới về... trẻ em;  
Các phương châm hội thoại (tiếp);  
Viết bài Tập làm văn số 1.

**Tuần 4**

**Tiết 16 đến tiết 20**

Chuyện người con gái Nam Xương;  
Xung hô trong hội thoại;  
Cách dẫn trực tiếp và cách dẫn gián tiếp;  
Luyện tập tóm tắt tác phẩm tự sự.

**Tuần 5**

**Tiết 21 đến tiết 25**

Sự phát triển của từ vựng;  
Chuyện cũ trong phủ chúa Trịnh;  
Hoàng Lê nhất thống chí (hồi 14);  
Sự phát triển của từ vựng (tiếp).

**Tuần 6**

**Tiết 26 đến tiết 30**

Truyện Kiều của Nguyễn Du;  
Chị em Thuý Kiều;  
Cảnh ngày xuân;  
Thuật ngữ;  
Trả bài Tập làm văn số 1.

**Tuần 7**

**Tiết 31 đến tiết 35**

Kiều ở lầu Ngưng Bích;  
Miêu tả trong văn bản tự sự;  
Trau dồi vốn từ;  
Viết bài Tập làm văn số 2.

**Tuần 8**

**Tiết 36 đến tiết 40**

**Mã Giám Sinh mua Kiều;**  
Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga;  
Miêu tả nội tâm trong văn bản tự sự.

**Tuần 9**

**Tiết 41 đến tiết 45**

Lục Vân Tiên gặp nạn;  
Chương trình địa phương phần Văn;  
Tổng kết về từ vựng (Từ đơn, từ phức,... Từ nhiều nghĩa);  
Tổng kết về từ vựng (Từ đồng âm,... Trường từ vựng);  
Trả bài Tập làm văn số 2.

**Tuần 10**

**Tiết 46 đến tiết 50**

Đồng chí;  
Bài thơ về tiểu đội xe không kính;  
Kiểm tra truyện trung đại;  
Tổng kết về từ vựng (Sự phát triển của từ vựng,... Trau dồi vốn từ);  
Nghị luận trong văn bản tự sự.

**Tuần 11**

**Tiết 51 đến tiết 55**

Đoàn thuyền đánh cá;  
Tổng kết về từ vựng (Từ tượng thanh, tượng hình, một số phép tu từ từ từ vựng);  
Tập làm thơ tám chữ;  
Trả bài kiểm tra Văn.

**Tuần 12**

**Tiết 56 đến tiết 60)**

Bếp lửa;  
Hướng dẫn đọc thêm: Khúc hát ru những em bé lớn trên lưng mẹ;  
Ánh trăng;  
Tổng kết về từ vựng (Luyện tập tổng hợp);  
Luyện tập viết đoạn văn tự sự có sử dụng yếu tố nghị luận.

**Tuần 13**

**Tiết 61 đến tiết 65**

Làng;  
Chương trình địa phương phần Tiếng Việt;  
Đôi thoại, độc thoại và độc thoại nội tâm trong văn bản tự sự;  
Luyện nói: Tự sự kết hợp với nghị luận và miêu tả nội tâm.

**Tuần 14**

**Tiết 66 đến tiết 70**

Lặng lẽ Sa Pa;  
Viết bài Tập làm văn số 3;  
Người kể chuyện trong văn bản tự sự.

**Tuần 15**

**Tiết 71 đến tiết 74**

Chiếc lược ngà;  
Ôn tập Tiếng Việt (Các phương châm hội thoại,... Cách dẫn gián tiếp);  
Kiểm tra Tiếng Việt.

**Tuần 16**

**Tiết 75 đến tiết 78**

Kiểm tra thơ và truyện hiện đại;  
Cố hương.

**Tuần 17**

**Tiết 79 đến tiết 82**

Trả bài Tập làm văn số 3;  
Trả bài kiểm tra Tiếng Việt, trả bài kiểm tra Văn;  
Ôn tập Tập làm văn.

**Tuần 18**

**Tiết 83 đến tiết 86**

Ôn tập Tập làm văn (tiếp);  
Kiểm tra học kì I.

**Tuần 19**

**Tiết 87 đến tiết 90**

Tập làm thơ tám chữ (tiếp tiết 54);  
Hướng dẫn đọc thêm: Những đứa trẻ;  
Trả bài kiểm tra học kì I.

## HỌC KÌ II

### *Tuần 20*

#### **Tiết 91 đến tiết 94**

Bàn về đọc sách;  
Khởi ngữ;  
Phép phân tích và tổng hợp.

### *Tuần 21*

#### **Tiết 95 đến tiết 98**

Luyện tập phân tích và tổng hợp.  
Tiếng nói của văn nghệ;  
Các thành phần biệt lập.

### *Tuần 22*

#### **Tiết 99 đến tiết 102**

Nghị luận về một sự việc, hiện tượng đời sống;  
Cách làm bài văn nghị luận về một sự việc, hiện tượng đời sống;  
Hướng dẫn chuẩn bị cho chương trình địa phương phần Tập làm văn (sẽ làm ở nhà).

### *Tuần 23*

#### **Tiết 103 đến tiết 106**

Chuẩn bị hành trang vào thế kỉ mới;  
Các thành phần biệt lập (tiếp);  
Viết bài Tập làm văn số 5;  
Chó Sói và Cừu trong thơ ngụ ngôn của La Phong-ten.

### *Tuần 24*

#### **Tiết 107 đến tiết 110**

Chó Sói và Cừu trong thơ ngụ ngôn của La Phong-ten (tiếp);  
Nghị luận về một vấn đề tư tưởng, đạo lí;  
Liên kết câu và liên kết đoạn văn;  
Liên kết câu và liên kết đoạn văn (luyện tập).

### *Tuần 25*

#### **Tiết 111 đến tiết 115**

Hướng dẫn đọc thêm: Con cò;  
Cách làm bài văn nghị luận về một vấn đề tư tưởng, đạo lí;  
Trả bài Tập làm văn số 5.

### *Tuần 26*

#### **Tiết 116 đến tiết 120**

Mùa xuân nho nhỏ;  
Viếng lăng Bác;  
Nghị luận về tác phẩm truyện (hoặc đoạn trích);  
Cách làm bài nghị luận về tác phẩm truyện (hoặc đoạn trích);  
Luyện tập làm bài nghị luận về tác phẩm truyện (hoặc đoạn trích);  
Viết bài Tập làm văn số 6 học sinh làm ở nhà.

### *Tuần 27*

#### **Tiết 121 đến tiết 125**

Sang thu;  
Nói với con;  
Nghĩa tường minh và hàm ý;  
Nghị luận về một đoạn thơ, bài thơ;  
Cách làm bài nghị luận về một đoạn thơ, bài thơ.

### *Tuần 28*

#### **Tiết 126 đến tiết 130**

Mây và sóng;  
Ôn tập về thơ;  
Nghĩa tường minh và hàm ý (tiếp);



Kiểm tra Văn (phần thơ);

Trả bài Tập làm văn số 6.

*Tuần 29*

**Tiết 131 đến tiết 135**

Tổng kết phần văn bản nhật dụng;

Chương trình địa phương (phần Tiếng Việt);

Viết bài Tập làm văn số 7.

*Tuần 30*

**Tiết 136 đến tiết 140**

Hướng dẫn đọc thêm: Bến quê;

Ôn tập Tiếng Việt lớp 9;

Luyện nói: Nghị luận về một đoạn thơ, bài thơ.

*Tuần 31*

**Tiết 141 đến tiết 145**

Những ngôi sao xa xôi;

Chương trình địa phương (phần Tập làm văn);

Trả bài Tập làm văn số 7;

Biên bản.

*Tuần 32*

**Tiết 146 đến tiết 150**

Rô-bin-xơn ngoài đảo hoang;

Tổng kết về ngữ pháp;

Luyện tập viết biên bản;

Hợp đồng.

*Tuần 33*

**Tiết 151 đến tiết 155**

Bố của Xi mông;

Ôn tập về truyện;

Tổng kết về ngữ pháp (tiếp);

Kiểm tra Văn (phần truyện).

*Tuần 34*

**Tiết 156 đến tiết 160**

Con chó Bắc;

Kiểm tra Tiếng Việt;

Luyện tập viết hợp đồng;

Tổng kết Văn học nước ngoài.

*Tuần 35*

**Tiết 161 đến tiết 165**

Bắc Sơn;

Tổng kết Tập làm văn;

Tôi và chúng ta.

*Tuần 36*

**Tiết 166 đến tiết 170**

Tôi và chúng ta (tiếp);

Tổng kết Văn học;

Trả bài kiểm tra Văn, Tiếng Việt.

*Tuần 37*

**Tiết 171 đến tiết 175**

Kiểm tra học kì II;

Thư, điện;

Trả bài kiểm tra học kì II.

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Tài liệu

**PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH THPT**

MÔN **NGỮ VĂN**

*(Dùng cho các cơ quan quản lý giáo dục và giáo viên,  
áp dụng từ năm học 2008-2009)*

# A. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG KHUNG PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH THPT

## I. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

Khung Phân phối chương trình (KPPCT) này áp dụng cho các lớp cấp THPT từ năm học 2008-2009, gồm 2 phần: (A) Hướng dẫn sử dụng KPPCT; (B) Khung PPCT.

### 1. Về khung Phân phối chương trình

KPPCT quy định thời lượng dạy học cho từng phần của chương trình (chương, phần, bài học, môđun, chủ đề,...), trong đó có thời lượng dành cho luyện tập, bài tập, ôn tập, thí nghiệm, thực hành và thời lượng tiến hành kiểm tra định kỳ tương ứng với các phần đó. Thời lượng nói trên quy định tại KPPCT áp dụng trong trường hợp học 1 buổi/ngày (*thời lượng dành cho kiểm tra là không thay đổi, thời lượng dành cho các hoạt động khác là quy định tối thiểu*). Tiến độ thực hiện chương trình khi kết thúc học kì I và kết thúc năm học được quy định thống nhất cho tất cả các trường THPT trong cả nước.

Căn cứ KPPCT, các Sở GDĐT cụ thể hoá thành PPCT chi tiết, bao gồm cả chủ đề tự chọn nâng cao (nếu có) cho phù hợp với địa phương, áp dụng chung cho các trường THPT thuộc quyền quản lí. Các trường THPT có điều kiện bố trí giáo viên và kinh phí chi trả giờ dạy vượt định mức (trong đó có các trường học nhiều hơn 6 buổi/tuần), có thể đề nghị đề Sở GDĐT phê chuẩn điều chỉnh PPCT tăng thời lượng dạy học cho phù hợp (*lãnh đạo Sở GDĐT phê duyệt, kí tên, đóng dấu*).

### 2. Về Phân phối chương trình dạy học tự chọn

a) Môn học tự chọn nâng cao (NC) của ban Cơ bản có thể thực hiện bằng 1 trong 2 cách: Sử dụng SGK nâng cao hoặc sử dụng SGK biên soạn theo chương trình chuẩn kết hợp với chủ đề tự chọn nâng cao (CĐNC) của môn học đó. CĐNC của 8 môn phân hóa chỉ dùng cho ban Cơ bản. Thời lượng dạy học CĐNC của môn học là khoảng chênh lệch giữa thời lượng dành cho chương trình chuẩn và chương trình nâng cao môn học đó trong Kế hoạch giáo dục THPT. Các Sở GDĐT quy định cụ thể PPCT dạy học các CĐNC cho phù hợp với mạch kiến thức của SGK môn học đó. Tài liệu CĐNC sử dụng cho cả giáo viên và học sinh.

b) Dạy học chủ đề tự chọn bám sát (CĐBS) là để *ôn tập, hệ thống hóa, khắc sâu kiến thức, kĩ năng*, không bổ sung kiến thức nâng cao mới. Hiệu trưởng các trường THPT lập Kế hoạch dạy học CĐBS (chọn môn học, ấn định số tiết/tuần cho từng môn, tên bài dạy) cho từng lớp, ổn định trong từng học kì trên cơ sở đề nghị của các tổ trưởng chuyên môn và giáo viên chủ nhiệm lớp.

Bộ GDĐT ban hành tài liệu CĐBS lớp 10, dùng cho giáo viên để tham khảo, không ban hành tài liệu CĐBS lớp 11, 12. Giáo viên chuẩn bị kế hoạch bài giảng CĐBS với sự hỗ trợ của tổ chuyên môn.

c) Việc kiểm tra, đánh giá kết quả học tập CĐNC, CĐBS các môn học thực hiện theo quy định tại *Quy chế đánh giá, xếp loại học sinh THCS và học sinh THPT* của Bộ GDĐT.

**Lưu ý:** Các bài dạy CĐNC, CĐBS bố trí trong các chương như các bài khác, có thể có điểm kiểm tra dưới 1 tiết riêng nhưng không có điểm kiểm tra 1 tiết riêng; điểm CĐNC, CĐBS môn học nào tính cho môn học đó.

### 3. Thực hiện các hoạt động giáo dục

a) Phân công giáo viên thực hiện các Hoạt động giáo dục:

Trong KHGD quy định tại CTGDPT do Bộ GDĐT ban hành, các *hoạt động giáo dục* đã được quy định thời lượng với số tiết học cụ thể như các môn học. Đối với giáo viên được phân công thực hiện Hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp (HĐGDNGLL) và Hoạt động giáo dục hướng nghiệp (HĐGDHN) được tính giờ dạy học như các môn học; việc tham gia điều hành *HĐGD tập thể* (chào cờ đầu tuần và sinh hoạt lớp cuối tuần) là thuộc nhiệm vụ quản lý của Ban Giám hiệu và giáo viên chủ nhiệm lớp, không tính là giờ dạy học.

b) Thực hiện tích hợp giữa HĐGDNGLL, HĐGDHN, môn Công nghệ:

- HĐGDNGLL: Thực hiện đủ các chủ đề quy định cho mỗi tháng, với thời lượng 2 tiết/tháng và tích hợp nội dung HĐGDNGLL sang môn GDCD như sau:

- + Lớp 10, ở chủ đề về đạo đức;
- + Lớp 11, ở các chủ đề về kinh tế và chính trị - xã hội;
- + Lớp 12, ở các chủ đề về pháp luật.

Đưa nội dung giáo dục về Công ước Quyền trẻ em của Liên Hợp quốc vào HĐGDNGLL ở lớp 10 và tổ chức các hoạt động hưởng ứng phong trào "*Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực*" do Bộ GDĐT phát động.

- HĐGDHN:

Các lớp 10, 11, 12: Điều chỉnh thời lượng HĐGDHN thành 9 tiết/năm học sau khi tích hợp đưa sang giảng dạy ở môn Công nghệ (*phần "Tạo lập doanh nghiệp" lớp 10*) và tích hợp đưa sang HĐGDNGLL (do giáo viên môn Công nghệ, giáo viên HĐGDNGLL thực hiện) ở 3 chủ đề sau đây:

- + "*Thanh niên với vấn đề lập nghiệp*", chủ đề tháng 3;
- + "*Thanh niên với học tập, rèn luyện vì sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước*", chủ đề tháng 9;
- + "*Thanh niên với xây dựng và bảo vệ Tổ quốc*", chủ đề tháng 12.

Nội dung tích hợp do Sở GDĐT hướng dẫn hoặc uỷ quyền cho các trường THPT hướng dẫn GV thực hiện cho sát thực tiễn địa phương. Cần hướng dẫn học sinh lựa chọn con đường học lên sau THPT (ĐH, CĐ, TCCN, học nghề) hoặc đi vào cuộc sống lao động. Về phương pháp tổ chức thực hiện HĐGDHN, có thể riêng theo lớp hoặc theo khối lớp; có thể giao cho giáo viên hoặc mời các chuyên gia, nhà quản lý kinh tế, quản lý doanh nghiệp giảng dạy.

c) HĐGD nghề phổ thông:

Nơi có đủ giáo viên đào tạo đúng chuyên môn, đủ CSVC phải thực hiện HĐGDNPT ở lớp 11, tổ chức thi và cấp chứng chỉ GDNPT sau khi hoàn thành chương trình 105 tiết đạt yêu cầu trở lên; nơi chưa đủ giáo viên đào tạo đúng chuyên môn, chưa đủ CSVC có thể chưa thực hiện chương trình HĐGDNPT nhưng phải khẩn trương khắc phục, không để kéo dài. Các vấn đề cụ thể khác về HĐGDNPT, thực hiện theo hướng dẫn tại công văn số 8608/BGDĐT-GDTrH ngày 16/8/2007 của Bộ GDĐT.

#### **4. Đổi mới phương pháp dạy học và đổi mới kiểm tra, đánh giá**

a) Chỉ đạo đổi mới phương pháp dạy học (PPDH):

- Những yêu cầu quan trọng trong đổi mới PPDH là:

- + Phát huy tính tích cực, hứng thú học tập của học sinh và vai trò chủ đạo của giáo viên;
- + Thiết kế bài giảng khoa học, sắp xếp hợp lý hoạt động của giáo viên và học sinh, thiết kế hệ thống câu hỏi hợp lý, tập trung vào trọng tâm, tránh nặng nề quá tải (nhất là đối với bài dài, bài khó, nhiều kiến thức mới); bồi dưỡng năng lực độc lập suy nghĩ, vận dụng sáng tạo kiến thức đã học, tránh thiên về ghi nhớ máy móc không nắm vững bản chất;

+ Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học, khuyến khích sử dụng hợp lý công nghệ thông tin, sử dụng các phương tiện nghe nhìn, thực hiện đầy đủ thí nghiệm, thực hành, liên hệ thực tế trong giảng dạy phù hợp với nội dung từng bài học;

+ Giáo viên sử dụng ngôn ngữ chuẩn xác, trong sáng, sinh động, dễ hiểu, tác phong thân thiện, khuyến khích, động viên học sinh học tập, tổ chức hợp lý cho học sinh làm việc cá nhân và theo nhóm;

+ Dạy học sát đối tượng, coi trọng bồi dưỡng học sinh khá giỏi và giúp đỡ học sinh học lực yếu kém.

- Đối với các môn học như: Mỹ thuật, Âm nhạc (THCS), Thể dục (THCS, THPT) cần coi trọng truyền thụ kiến thức, hình thành kỹ năng, bồi dưỡng hứng thú học tập, không quá thiên về đánh giá thành tích theo yêu cầu đào tạo chuyên ngành hoạ sỹ, nhạc sỹ, vận động viên.

- Tăng cường chỉ đạo đổi mới PPDH thông qua công tác bồi dưỡng giáo viên và dự giờ thăm lớp của giáo viên, tổ chức rút kinh nghiệm giảng dạy ở các tổ chuyên môn, hội thảo cấp trường, cụm trường, địa phương, hội thi giáo viên giỏi các cấp.

b) Đổi mới kiểm tra, đánh giá (KTĐG):

- Những yêu cầu quan trọng trong đổi mới KTĐG là:

+ Giáo viên đánh giá sát đúng trình độ học sinh với thái độ khách quan, công minh và hướng dẫn học sinh biết tự đánh giá năng lực của mình;

+ Trong quá trình dạy học, cần kết hợp một cách hợp lý hình thức tự luận với hình thức trắc nghiệm khách quan trong KTĐG kết quả học tập của học sinh, chuẩn bị tốt cho việc đổi mới các kỳ thi theo chủ trương của Bộ GDĐT;

+ Thực hiện đúng quy định của Quy chế Đánh giá, xếp loại học sinh THCS, học sinh THPT do Bộ GDĐT ban hành, tiến hành đủ số lần kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ, kiểm tra học kỳ cả lý thuyết và thực hành;

- Đổi mới đánh giá các môn Mỹ thuật, Âm nhạc (THCS), Thể dục (THCS, THPT): Đánh giá bằng điểm hoặc bằng nhận xét kết quả học tập theo quy định tại Quy chế Đánh giá, xếp loại học sinh THCS, học sinh THPT.

c) Đối với một số môn khoa học xã hội và nhân văn như: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí, Giáo dục công dân, cần coi trọng đổi mới PPDH, đổi mới KTĐG theo hướng hạn chế chỉ ghi nhớ máy móc, không nắm vững kiến thức, kỹ năng môn học. Trong quá trình dạy học, cần từng bước đổi mới KTĐG bằng cách nêu vấn đề “mở”, đòi hỏi học sinh phải vận dụng tổng hợp kiến thức, kỹ năng và biểu đạt chính kiến của bản thân.

d) Từ năm học 2008-2009, tập trung chỉ đạo đánh giá sâu hiệu quả dạy học của môn Giáo dục công dân để tiếp tục đổi mới PPDH, KTĐG nhằm nâng cao chất lượng môn học này (*có hướng dẫn riêng*).

**5. Thực hiện các nội dung giáo dục địa phương** (*hướng dẫn tại công văn số 5977/BGDĐT-GDTrH ngày 07/7/2008*)

## II. NHỮNG VẤN ĐỀ CỤ THỂ CỦA MÔN NGỮ VĂN

1. KPPCT này không phân chia cụ thể thời lượng cho từng bài. Về cơ bản, thời lượng chia cho cụm bài trong tuần, mỗi cụm bài có thể có 3 phân môn: Văn, Tiếng Việt, Làm văn hoặc chỉ có 2 trong 3 phân môn trên.

2. Trên cơ sở KPPCT và thực tế giảng dạy ở từng địa phương, Sở GDĐT có thể điều chỉnh một cách hợp lý thời lượng và trình tự của một số bài được sắp xếp liền nhau theo

thời lượng dành cho từng cụm bài, miễn là không làm thay đổi tổng số tiết dạy của mỗi học kì, cũng như của cả năm học.

3. Đối với những tiết *Đọc văn* có thêm phần *Đọc thêm*, giáo viên cần dành thời lượng nhất định (3 đến 5 phút, sau khi đã dạy phần chính), hướng dẫn rất ngắn gọn cách thức đọc - hiểu bài *Đọc thêm*, giúp học sinh đọc và nắm được giá trị bao trùm về nội dung, nghệ thuật của tác phẩm (cần được thể hiện trong giáo án).

4. Nếu có những điểm khác nhau giữa sách giáo viên và KPPCT thì giáo viên thực hiện theo KPPCT.

5. Các thiết kế bài giảng (giáo án) phải bám sát các yêu cầu chuẩn kiến thức, kỹ năng trong Chương trình.

6. Tích cực thực hiện đổi mới phương pháp dạy học theo hướng tích cực hoá vai trò chủ thể sáng tạo của học sinh.

7. Đổi mới kiểm tra, đánh giá phù hợp với đặc trưng của môn Ngữ văn. Tăng cường ra đề kiểm tra theo hướng “mở” nhằm phát huy năng lực sáng tạo của học sinh.

8. Thực hiện yêu cầu giảm tải, không thêm những nội dung nâng cao ngoài SGK. Tập trung hướng dẫn học sinh đạt kết quả cần đạt ghi ở đầu mỗi bài học.

## **B. KHUNG PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH**

*(Phân ghi các tuần là để tham khảo)*

### **LỚP 10**

**Cả năm: 37 tuần (105 tiết)**

**Học kì I: 19 tuần (54 tiết)**

**Học kì II: 18 tuần (51 tiết)**

### **HỌC KÌ I**

#### ***Tuần 1***

##### **Tiết 1 đến tiết 3**

Tổng quan văn học Việt Nam;

Hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ.

#### ***Tuần 2***

##### **Tiết 4 đến tiết 6**

Khái quát văn học dân gian Việt Nam;

Hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ (tiếp theo);

Văn bản.

#### ***Tuần 3***

##### **Tiết 7 đến tiết 9**

Bài viết số 1;

*Chiến thắng Mtao Mxây* (trích sử thi *Đăm Săn*).

#### ***Tuần 4***

##### **Tiết 10 đến tiết 12**

Văn bản (tiếp theo);

*Truyện An Dương Vương và Mị Châu, Trạng Thuý*.

#### ***Tuần 5***

##### **Tiết 13 đến tiết 15**

Lập dàn ý bài văn tự sự;

*Uy-lit-xơ trở về* (trích *Ô-đi-xê*).

**Tuần 6**

**Tiết 16 đến tiết 18**

Trả bài viết số 1;

*Ra-ma buộc tội* (trích *Ra-ma-ya-na*).

**Tuần 7**

**Tiết 19 đến tiết 21**

Chọn sự việc, chi tiết tiêu biểu trong bài văn tự sự ;

Bài viết số 2.

**Tuần 8**

**Tiết 22 đến tiết 24**

*Tám Cám*;

Miêu tả và biểu cảm trong văn tự sự.

**Tuần 9**

**Tiết 25 đến tiết 27**

*Tam đại con gà, Nhưng nó phải bằng hai mày*;

Ca dao than thân, yêu thương, tình nghĩa.

**Tuần 10**

**Tiết 28 đến tiết 30**

Đặc điểm của ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết;

Ca dao hài hước;

Đọc thêm *Lời tiễn dặn* (trích *Tiễn dặn người yêu*).

**Tuần 11**

**Tiết 31 đến tiết 33**

Luyện tập viết đoạn văn tự sự;

Ôn tập văn học dân gian Việt Nam;

Trả bài viết số 2;

Ra đề bài viết số 3 (học sinh làm ở nhà).

**Tuần 12**

**Tiết 34 đến tiết 36**

Khái quát văn học Việt Nam từ thế kỉ thứ X đến hết thế kỉ XIX;

Phong cách ngôn ngữ sinh hoạt.

**Tuần 13**

**Tiết 37 đến tiết 39**

*Tỏ lòng* (Phạm Ngũ Lão);

*Cảnh ngày hè* (Nguyễn Trãi);

Tóm tắt văn bản tự sự.

**Tuần 14**

**Tiết 40 đến tiết 42**

*Nhàn* (Nguyễn Bỉnh Khiêm);

Đọc "*Tiểu Thanh kí*" (Nguyễn Du);

Phong cách ngôn ngữ sinh hoạt (tiếp theo).

**Tuần 15**

**Tiết 43 đến tiết 45**

Đọc thêm:

– *Vận nước* (Đỗ Pháp Thuận);

– *Cáo bệnh, bảo mọi người* (Mãn Giác);

– *Hứng trở về* (Nguyễn Trung Ngạn);

*Tại lầu Hoàng Hạc tiễn Mạnh Hạo Nhiên đi Quảng Lăng* (Lí Bạch);

Thực hành phép tu từ ẩn dụ và hoán dụ.

### **Tuần 16**

#### **Tiết 46 đến tiết 48**

Trả bài viết số 3;

*Cảm xúc mùa thu* (Đỗ Phủ);

Đọc thêm:

+ *Lầu Hoàng Hạc* (Thôi Hiệu);

+ *Nỗi oán của người phòng khuê* (Vương Xương Linh);

+ *Khe chim kêu* (Vương Duy).

### **Tuần 17**

#### **Tiết 49 đến tiết 50**

Bài viết số 4 (kiểm tra học kì I);

### **Tuần 18**

#### **Tiết 51 đến tiết 52**

Trình bày một vấn đề;

Lập kế hoạch cá nhân.

### **Tuần 19**

#### **Tiết 53 đến tiết 54**

Đọc thêm: Thơ Hai-kur của Ba-sô;

Trả bài viết số 4.

## **HỌC KÌ II**

### **Tuần 20**

#### **Tiết 55 đến tiết 56**

Các hình thức kết cấu của văn bản thuyết minh;

Lập dàn ý bài văn thuyết minh.

### **Tuần 21**

#### **Tiết 57 đến tiết 58**

*Phủ sông Bạch Đằng* (Trương Hán Siêu);

*Đại cáo bình Ngô* (Nguyễn Trãi);

Phần 1: Tác giả.

### **Tuần 22**

#### **Tiết 59 đến tiết 60**

*Đại cáo bình Ngô* (Nguyễn Trãi);

Phần 2: Tác phẩm;

Tính chuẩn xác, hấp dẫn của văn bản thuyết minh.

### **Tuần 23**

#### **Tiết 61 đến tiết 63**

Tựa "*Trích diễm thi tập*" (Hoàng Đức Lương);

Đọc thêm: *Hiền tài là nguyên khí của quốc gia* (Thân Nhân Trung);

Bài viết số 5.

### **Tuần 24**

#### **Tiết 64 đến tiết 66**

Khái quát lịch sử tiếng Việt;

*Hung Đạo Đại Vương Trần Quốc Tuấn* (Ngô Sĩ Liên);

Đọc thêm: *Thái sư Trần Thủ Độ* (Ngô Sĩ Liên).

### **Tuần 25**

#### **Tiết 67 đến tiết 69**

Phương pháp thuyết minh;

*Chuyện chức phán sự đền Tản Viên* (Nguyễn Dữ).

### **Tuần 26**



**Tiết 70 đến tiết 72**

Luyện tập viết đoạn văn thuyết minh;  
Trả bài viết số 5;  
Ra đề bài viết số 6 (học sinh làm ở nhà).

**Tuần 27**

**Tiết 73 đến tiết 75**

Những yêu cầu về sử dụng tiếng Việt;  
*Hội trống Cổ Thành* (trích *Tam Quốc diễn nghĩa* - La Quán Trung);  
Đọc thêm: *Tào Tháo uống rượu luận anh hùng* (trích *Tam Quốc diễn nghĩa* - La Quán Trung).

**Tuần 28**

**Tiết 76 đến tiết 78**

*Tình cảnh lẻ loi của người chinh phụ* (trích *Chinh phụ ngâm* - Đặng Trần Côn, bản dịch của Đoàn Thị Điểm);  
Tóm tắt văn bản thuyết minh.

**Tuần 29**

**Tiết 79 đến tiết 81**

Lập dàn ý bài văn nghị luận;  
Truyện Kiều (Phần 1: Tác giả).

**Tuần 30**

**Tiết 82 đến tiết 84**

*Trao duyên* (trích *Truyện Kiều* - Nguyễn Du);  
*Nỗi thương mình* (trích *Truyện Kiều* - Nguyễn Du);  
Phong cách ngôn ngữ nghệ thuật.

**Tuần 31**

**Tiết 85 đến tiết 87**

*Chí khí anh hùng* (trích *Truyện Kiều* - Nguyễn Du);  
Đọc thêm: *Thề nguyện* (trích *Truyện Kiều* - Nguyễn Du);  
Lập luận trong văn nghị luận;  
Trả bài viết số 6.

**Tuần 32**

**Tiết 88 đến tiết 90**

Văn bản văn học;  
Thực hành các phép tu từ: phép điệp và phép đối.

**Tuần 33**

**Tiết 91 đến tiết 93**

Nội dung và hình thức của văn bản văn học;  
Các thao tác nghị luận;  
Tổng kết phần Văn học.

**Tuần 34**

**Tiết 94 đến tiết 96**

Tổng kết phần Văn học;  
Ôn tập phần Tiếng Việt.

**Tuần 35**

**Tiết 97 đến tiết 99**

Ôn tập phần Làm văn;  
Luyện tập viết đoạn văn nghị luận.

**Tuần 36**

**Tiết 100 đến tiết 102**

Bài viết số 7 (kiểm tra học kì II);

Viết quảng cáo.

**Tuần 37**

**Tiết 102 đến tiết 104**

Trả bài viết số 7;

Hướng dẫn học tập trong hè.

**LỚP 10 (NÂNG CAO)**

**Cả năm: 37 tuần (140 tiết)**

**Học kì I: 19 tuần (72 tiết)**

**Học kì II: 18 tuần (68 tiết)**

**HỌC KÌ I**

**Tuần 1**

**Tiết 1 đến tiết 4**

Tổng quan văn học Việt Nam qua các thời kì lịch sử;

Văn bản;

Phân loại văn bản theo phương thức biểu đạt.

**Tuần 2**

**Tiết 5 đến tiết 8**

Khái quát về văn học dân gian Việt Nam;

Phân loại văn bản theo phong cách chức năng ngôn ngữ;

Luyện tập về các kiểu văn bản và phương thức biểu đạt.

**Tuần 3**

**Tiết 9 đến tiết 12**

*Chiến thắng Mtao Mxây* (trích sử thi *Đăm Săn*);

Đọc thêm: *Đẻ đất đẻ nước* (trích sử thi *Đẻ đất đẻ nước*);

Bài viết số 1;

Văn bản văn học.

**Tuần 4**

**Tiết 13 đến tiết 16**

*Uy-lít-xơ trở về* (trích *Ô-đi-xê*);

Văn bản văn học (tiếp theo);

Thực hành lập ý và viết đoạn văn theo những yêu cầu khác nhau.

**Tuần 5**

**Tiết 17 đến tiết 20**

*Ra-ma buộc tội* (trích sử thi *Ra-ma-ya-na*);

*Truyện An Dương Vương và Mị Châu, Trọng Thủy*.

**Tuần 6**

**Tiết 21 đến tiết 24**

*Tấm Cám*;

Đọc thêm: *Chử Đồng Tử*;

Tóm tắt văn bản tự sự.

**Tuần 7**

**Tiết 25 đến tiết 28**

*Nhưng nó phải bằng hai mày, Tam đại con gà*;

*Lời tiễn dặn* (trích truyện thơ *Tiên dặn người yêu*);

Trả bài viết số 1.

**Tuần 8**

**Tiết 29 đến tiết 32**

*Ca dao yêu thương, tình nghĩa;*

Bài viết số 2.

**Tuần 9**

**Tiết 33 đến tiết 36**

*Ca dao than thân;*

*Ca dao hài hước, châm biếm;*

Đọc thêm:

+ *Tháng giêng, tháng hai, tháng ba, tháng bốn...*

+ *Mười tay*

Luyện tập về nghĩa của từ;

Chọn sự việc, chi tiết tiêu biểu.

**Tuần 10**

**Tiết 37 đến tiết 40**

*Tục ngữ về đạo đức, lối sống;*

Hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ;

Quan sát, thể nghiệm đời sống.

**Tuần 11**

**Tiết 41 đến tiết 44**

*Xuý Vân giả dại* (Trích vở chèo *Kim Nham*);

Đọc - hiểu văn bản Văn học;

Đọc tích lũy kiến thức.

**Tuần 12**

**Tiết 45 đến tiết 48**

Khái quát văn học Việt Nam từ thế kỉ thứ X đến hết thế kỉ XIX;

*Tỏ lòng* (Phạm Ngũ Lão);

Trả bài viết số 2;

Ra đề bài viết số 3 (học sinh làm ở nhà).

**Tuần 13**

**Tiết 49 đến tiết 52**

*Nỗi lòng* (Đặng Dung);

*Cảnh ngày hè* (Nguyễn Trãi);

Đọc thêm:

+ *Vận nước* (Đỗ Pháp Thuận),

+ *Cáo bệnh, bảo mọi người* (Mãn Giác),

+ *Húng trở về* (Nguyễn Trung Ngạn);

Đặc điểm của văn bản nói và văn bản viết.

**Tuần 14**

**Tiết 53 đến tiết 56**

*Nhàn* (Nguyễn Bình Khiêm);

Đọc "*Tiểu Thanh kí*" (Nguyễn Du);

Luyện tập về biện pháp tu từ;

Liên tưởng, tưởng tượng.

**Tuần 15**

**Tiết 57 đến tiết 60**

*Tại lầu Hoàng Hạc tiễn Mạnh Hạo Nhiên đi Quảng Lăng* (Lí Bạch);

*Cảm xúc mùa thu* (Đỗ Phủ);

*Tì bà hành* (Bạch Cư Dị);

Đọc thêm:

+ *Nỗi oán của người phòng khuê* (Vương Xương Linh)

- + *Lâu Hoàng Hạc* (Thôi Hiệu)
- + *Khe chim kêu* (Vương Duy)

### **Tuần 16**

#### **Tiết 61 đến tiết 63**

Thơ Hai-kư;

Đọc thêm: *Viên Mai bàn về thơ* (trích *Tùy Viên thi thoại*);

Trả bài viết số 3;

### **Tuần 17**

#### **Tiết 64 đến tiết 66**

Ôn tập làm văn

Ôn tập văn học

### **Tuần 18**

#### **Tiết 67 đến tiết 69**

Phong cách ngôn ngữ sinh hoạt;

Bài viết số 4 (kiểm tra học kì I)

### **Tuần 19**

#### **Tiết 70 đến tiết 72**

Viết kế hoạch cá nhân.

Trả bài viết số 4.

## **HỌC KÌ II**

### **Tuần 20**

#### **Tiết 73 đến tiết 75**

*Phú sông Bạch Đằng* (Trương Hán Siêu);

Đọc thêm: *Nhà nho vui cảnh nghèo* (Trích *Hàn nho phong vị phú* của Nguyễn Công Trứ);

### **Tuần 21**

#### **Tiết 76 đến tiết 78**

*Thư dụ Vương Thông lần nữa* (Nguyễn Trãi);

Các hình thức kết cấu văn bản thuyết minh.

### **Tuần 22**

#### **Tiết 79 đến tiết 81**

Phong cách ngôn ngữ nghệ thuật.

Bài viết số 5;

### **Tuần 23**

#### **Tiết 82 đến tiết 84**

*Đại cáo bình Ngô* (Nguyễn Trãi);

Tác gia Nguyễn Trãi;

Đọc thêm:

+ *Hiền tài là nguyên khí của quốc gia* (Thân Nhân Trung);

+ *Phẩm bình nhân vật lịch sử* (Lê Văn Hưu).

### **Tuần 24**

#### **Tiết 85 đến tiết 88**

Phong cách ngôn ngữ nghệ thuật (tiếp theo);

*Tựa "Trích diễm thi tập"* (Hoàng Đức Lương);

*Thái phó Tô Hiến Thành* (Trích *Đại Việt sử lược*).

### **Tuần 25**

#### **Tiết 89 đến tiết 92**

Luyện tập vận dụng các hình thức kết cấu văn bản thuyết minh;

*Thái sư Trần Thủ Độ* (Ngô Sĩ Liên);

Đọc thêm: *Hung Đạo Đại Vương Trần Quốc Tuấn* (Ngô Sĩ Liên);  
Luyện tập đọc - hiểu văn bản văn học.

**Tuần 26**

**Tiết 93 đến tiết 96**

Trả bài viết số 5;  
*Chuyện chức phán sự đền Tản Viên* (Nguyễn Dữ);  
Luyện tập về liên kết trong văn bản;  
Ra đề bài viết số 6 (học sinh làm ở nhà).

**Tuần 27**

**Tiết 97 đến tiết 100**

Tóm tắt văn bản thuyết minh;  
*Hồi trống Cổ Thành* (trích *Tam Quốc diễn nghĩa* của La Quán Trung);  
Luyện tập về liên kết trong văn bản (tiếp theo).

**Tuần 28**

**Tiết 101 đến tiết 104**

Luận điểm trong bài văn nghị luận;  
Đọc thêm:  
+ *Tào Tháo uống rượu luận anh hùng* (trích *Tam Quốc diễn nghĩa* của La Quán Trung),  
+ *Dế chọi* (trích *Liêu Trai chí dị* của Bồ Tùng Linh);  
+ *Tình cảnh lẻ loi của người chinh phụ* (Đoàn Thị Điểm).

**Tuần 29**

**Tiết 105 đến tiết 108**

Đề văn nghị luận;  
*Nỗi sầu oán của người cung nữ* (Nguyễn Gia Thiều);  
Kiểm tra Văn học.

**Tuần 30**

**Tiết 109 đến tiết 112**

Trả bài viết số 6;  
*Truyện Kiều* của Nguyễn Du;  
Luyện tập về từ Hán – Việt;  
Bài viết số 7.

**Tuần 31**

**Tiết 113 đến tiết 116**

*Trao duyên* (Trích *Truyện Kiều* của Nguyễn Du);  
*Nỗi thương mình* (Trích *Truyện Kiều* của Nguyễn Du);  
Đọc thêm: *Thề nguyện* (Trích *Truyện Kiều* của Nguyễn Du);  
Thực hành thao tác chứng minh, giải thích, quy nạp, diễn dịch.

**Tuần 32**

**Tiết 117 đến tiết 120**

*Chí khí anh hùng* (Trích *Truyện Kiều* của Nguyễn Du);  
Tác gia Nguyễn Du;  
Đọc thêm: *Ngọc Hoa đối mặt với bạo chúa* (trích *Phạm Tải - Ngọc Hoa*);  
Thực hành viết đoạn văn lập luận chứng minh, giải thích, quy nạp, diễn dịch;  
Trình bày một vấn đề.

**Tuần 33**

**Tiết 121 đến tiết 124**

Đọc - hiểu văn bản văn học trung đại Việt Nam;  
Khái quát lịch sử tiếng Việt;  
Luyện tập trình bày một vấn đề.

**Tuần 34**

**Tiết 125 đến tiết 128**

Trả bài kiểm tra Văn học;  
Khái quát về lịch sử tiếng Việt (tiếp theo);  
Trả bài viết số 7;  
Ôn tập về Làm văn.

**Tuần 35****Tiết 129 đến tiết 132**

Ôn tập Tiếng Việt;  
Tổng kết lịch sử văn học Việt Nam thời trung đại;  
Văn bản quảng cáo.

**Tuần 36****Tiết 133 đến tiết 136**

Những yêu cầu về sử dụng tiếng Việt;  
Bài viết số 8 (kiểm tra học kì II);  
Viết quảng cáo.

**Tuần 37****Tiết 138 đến tiết 140**

Tổng kết về phương pháp đọc - hiểu văn bản văn học;  
Những yêu cầu về sử dụng tiếng Việt (tiếp theo);  
Trả bài viết số 8;  
Hướng dẫn học tập trong hè.

**LỚP 11**

Cả năm: 37 tuần (123 tiết)

Học kì I: 19 tuần (72 tiết)

Học kì II: 18 tuần (51 tiết)

**HỌC KÌ I****Tuần 1****Tiết 1 đến tiết 4**

Vào phủ chúa Trịnh (Lê Hữu Trác);  
Từ ngôn ngữ chung đến lời nói cá nhân;  
Bài viết số 1.

**Tuần 2****Tiết 5 đến tiết 8**

Tự tình II (Hồ Xuân Hương);  
Câu cá mùa thu (Nguyễn Khuyến);  
Phân tích đề, lập dàn ý bài văn nghị luận;  
Thao tác lập luận phân tích.

**Tuần 3****Tiết 9 đến tiết 12**

Thương vợ (Trần Tế Xương);  
Đọc thêm: Khóc Dương Khuê (Nguyễn Khuyến), Vịnh khoa thi hương (Trần Tế Xương);  
Từ ngôn ngữ chung đến lời nói cá nhân (tiếp).

**Tuần 4****Tiết 13 đến tiết 16**

Bài ca ngất ngưỡng (Nguyễn Công Trứ);  
Bài ca ngắn đi trên bãi cát (Cao Bá Quát);  
Luyện tập thao tác lập luận phân tích.

## **Tuần 5**

### **Tiết 17 đến tiết 20**

*Lẽ ghét thương* (trích Truyện Lục Vân Tiên của Nguyễn Đình Chiểu);

Đọc thêm: *Chạy giặc* (Nguyễn Đình Chiểu), *Bài ca phong cảnh Hương Sơn* (Chu Mạnh Trinh);

Trả bài viết số 1;

Bài viết số 2: Nghị luận văn học (học sinh làm ở nhà).

## **Tuần 6**

### **Tiết 21 đến tiết 24**

*Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc* (Nguyễn Đình Chiểu);

Thực hành về thành ngữ, điển cố.

## **Tuần 7**

### **Tiết 25 đến tiết 28**

*Chiếu cầu hiền* (Ngô Thì Nhậm);

Đọc thêm: *Xin lập khoa luật* (Trích *Tế cấp bát điều* của Nguyễn Trường Tộ);

Thực hành nghĩa của từ trong sử dụng.

## **Tuần 8**

### **Tiết 29 đến tiết 32**

Ôn tập văn học trung đại Việt Nam;

Trả bài viết số 2;

Thao tác lập luận so sánh.

## **Tuần 9**

### **Tiết 33 đến tiết 36**

Khái quát văn học Việt Nam từ đầu thế kỉ XX đến Cách mạng tháng 8 năm 1945;

Bài viết số 3 (Nghị luận văn học).

## **Tuần 10**

### **Tiết 37 đến tiết 40**

*Hai đứa trẻ* (Thạch Lam);

Ngữ cảnh.

## **Tuần 11**

### **Tiết 41 đến tiết 44**

*Chữ người tử tù* (Nguyễn Tuân);

Luyện tập thao tác lập luận so sánh;

Luyện tập vận dụng kết hợp các thao tác lập luận phân tích và so sánh.

## **Tuần 12**

### **Tiết 45 đến tiết 48**

*Hạnh phúc của một tang gia* (Trích *Số đỏ* của Vũ Trọng Phụng);

Phong cách ngôn ngữ báo chí;

Trả bài viết số 3.

## **Tuần 13**

### **Tiết 49 đến tiết 52**

Một số thể loại văn học: Thơ, truyện;

*Chí Phèo* (Nam Cao);

Phong cách ngôn ngữ báo chí (tiếp).

## **Tuần 14**

### **Tiết 53 đến tiết 56**

*Chí Phèo* (tiếp);

Thực hành lựa chọn các bộ phận trong câu;

Bản tin.

## **Tuần 15**

**Tiết 57 đến tiết 60**

Đọc thêm: *Cha con nghĩa nặng* (trích – Hồ Biểu Chánh); *Vi hành* (Nguyễn Ái Quốc); *Tinh thần thể dục* (Nguyễn Công Hoan);  
Luyện tập viết bản tin;  
Phỏng vấn và trả lời phỏng vấn.

**Tuần 16**

**Tiết 61 đến tiết 63**

*Vĩnh biệt Cửu trùng đài* (Trích *Vũ Như Tô* của Nguyễn Huy Tưởng);

**Tuần 17**

**Tiết 64 đến tiết 66**

*Tình yêu và thù hận* (Trích *Rô-mê-ô và Giu-li-ét* của Sếch-xpia);  
Thực hành một số kiểu câu trong văn bản.

**Tuần 18**

**Tiết 67 đến tiết 69**

Ôn tập Văn học;  
Bài viết số 4.

**Tuần 19**

**Tiết 70 đến tiết 72**

Luyện tập phỏng vấn và trả lời phỏng vấn;  
Trả bài viết số 4.

**HỌC KÌ II**

**Tuần 20**

**Tiết 73 đến tiết 74**

*Lưu biệt khi xuất dương* (Phan Bội Châu);  
Nghĩa của câu.

**Tuần 21**

**Tiết 75 đến tiết 76**

Bài viết số 5: Nghị luận xã hội.  
*Hầu trời* (Tản Đà);

**Tuần 22**

**Tiết 77 đến tiết 78**

*Vội vàng* (Xuân Diệu);  
Nghĩa của câu (tiếp).

**Tuần 23**

**Tiết 79 đến tiết 81**

*Tràng giang* (Huy Cận);  
Thao tác lập luận bác bỏ.  
Luyện tập thao tác lập luận bác bỏ;

**Tuần 24**

**Tiết 82 đến tiết 84**

*Đây thôn Vĩ Dạ* (Hàn Mặc Tử);  
Trả bài số 5.  
Bài viết số 6 ở nhà: Nghị luận văn học, học sinh làm ở nhà.

**Tuần 25**

**Tiết 85 đến tiết 87**

*Chiều tôi* (Hồ Chí Minh);  
*Từ ấy* (Tố Hữu);



Đọc thêm: *Lai Tân* (Hồ Chí Minh), *Nhớ đồng* (Tố Hữu), *Tương tư* (Nguyễn Bính), *Chiều xuân* (Anh Thơ).

**Tuần 26**

**Tiết 88 đến tiết 90**

Đặc điểm loại hình của tiếng Việt;  
Tiểu sử tóm tắt.

**Tuần 27**

**Tiết 91 đến tiết 93**

*Tôi yêu em* (Pu-skin);  
Đọc thêm: *Bài thơ số 28* (Ta-go);  
Trả bài viết số 6.

**Tuần 28**

**Tiết 94 đến tiết 96**

*Người trong bao* (Sê-khốp);  
Luyện tập viết tiểu sử tóm tắt.

**Tuần 29**

**Tiết 97 đến tiết 99**

*Người cầm quyền khôi phục uy quyền* (Trích *Những người khốn khổ* của V. Huy-gô);  
Thảo tác lập luận bình luận.

**Tuần 30**

**Tiết 100 đến tiết 102**

*Về luân lí xã hội ở nước ta* (Phan Châu Trinh);  
Đọc thêm: *Tiếng mẹ đẻ – nguồn giải phóng các dân tộc bị áp bức* (Nguyễn An Ninh).  
Luyện tập thảo tác lập luận bình luận.

**Tuần 31**

**Tiết 103 đến tiết 105**

*Ba cống hiến vĩ đại của Các Mác* (Ăng-ghen);  
Phong cách ngôn ngữ chính luận.

**Tuần 32**

**Tiết 106 đến tiết 108**

*Một thời đại trong thi ca* (trích *Thi nhân Việt Nam* của Hoài Thanh, Hoài Chân);  
Phong cách ngôn ngữ chính luận (tiếp).

**Tuần 33**

**Tiết 109 đến tiết 111**

Một số thể loại văn học: Kịch, văn nghị luận;  
Luyện tập vận dụng kết hợp các thao tác lập luận.

**Tuần 34**

**Tiết 112 đến tiết 114**

Ôn tập Văn học;  
Tóm tắt văn bản nghị luận.

**Tuần 35**

**Tiết 115 đến tiết 117**

Ôn tập Tiếng Việt;  
Luyện tập tóm tắt văn bản nghị luận;

**Tuần 36**

**Tiết 118 đến tiết 120**

Ôn tập phần Làm văn;  
Bài viết số 7.

**Tuần 37**

**Tiết 121 đến tiết 123**

Trả bài viết số 7.

Hướng dẫn học tập trong hè.

**LỚP 11 (NÂNG CAO)**

**Cả năm: 37 tuần (140 tiết)**

**Học kì I: 19 tuần (72 tiết)**

**Học kì II: 18 tuần (68 tiết)**

**HỌC KÌ I**

***Tuần 1***

**Tiết 1 đến tiết 4**

*Vào phủ chúa Trịnh* (trích);

Đọc thêm: *Cha tôi*;

Từ ngôn ngữ chung đến lời nói cá nhân;

Luyện tập phân tích đề, lập dàn ý cho bài văn nghị luận xã hội.

***Tuần 2***

**Tiết 5 đến tiết 8**

*Lẽ ghét thương* (trích);

Đọc thêm: *Chạy giặc*;

Luyện tập về ngôn ngữ chung và lời nói cá nhân;

Bài viết số 1.

***Tuần 3***

**Tiết 9 đến tiết 12**

*Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc*;

Tác gia Nguyễn Đình Chiểu;

Luyện tập về hiện tượng tách từ.

***Tuần 4***

**Tiết 13 đến tiết 16**

*Tự tình II*;

*Bài ca ngắn đi trên bãi cát*;

Trả bài viết số 1;

Bài viết số 2: Nghị luận xã hội (học sinh làm ở nhà).

***Tuần 5***

**Tiết 17 đến tiết 20**

*Câu cá mùa thu*;

*Tiến sĩ giấy*;

Đọc thêm: *Khóc Dương Khuê*;

Luyện tập về trường từ vựng và từ trái nghĩa.

***Tuần 6***

**Tiết 21 đến tiết 24**

Tác gia Nguyễn Khuyến;

*Thương vợ*;

Đọc thêm: *Vịnh khoa thi hương*;

Thao tác lập luận phân tích;

Luyện tập thao tác lập luận phân tích (về xã hội).

***Tuần 7***

**Tiết 25 đến tiết 28**

*Bài ca ngắn ngủi*;

Đọc thêm: *Bài ca phong cảnh Hương Sơn*;  
Luyện tập thao tác lập luận phân tích (về tác phẩm thơ);  
Trả bài viết số 2.

### **Tuần 8**

#### **Tiết 29 đến tiết 32**

*Chiếu cầu hiền*;  
Đọc thêm: *Xin lập khoa luật, Đông Mâu* (trích);  
Ôn tập văn học trung đại Việt Nam;  
Ngữ cảnh.

### **Tuần 9**

#### **Tiết 33 đến tiết 36**

Khái quát văn học Việt Nam từ đầu thế kỉ XX đến Cách mạng tháng 8 năm 1945;  
Bài viết số 3 (Nghị luận văn học).

### **Tuần 10**

#### **Tiết 37 đến tiết 40**

*Hai đứa trẻ*;  
Đọc thêm: *Cha con nghĩa nặng*;  
Ngữ cảnh (tiếp theo);  
Luyện tập thao tác lập luận phân tích (về tác phẩm văn xuôi).

### **Tuần 11**

#### **Tiết 41 đến tiết 44**

*Chữ người tử tù*;  
Đọc thêm: *Vi hành*;  
Thao tác lập luận so sánh;  
Luyện tập thao tác lập luận so sánh.

### **Tuần 12**

#### **Tiết 45 đến tiết 48**

*Hạnh phúc của một tang gia* (trích *Số đỏ* của Vũ Trọng Phụng);  
Đọc thêm: *Nghệ thuật băm thịt gà* (Trích *Việc làng* của Ngô Tất Tố);  
Phong cách ngôn ngữ báo chí;  
Luyện tập kết hợp các thao tác lập luận.

### **Tuần 13**

#### **Tiết 49 đến tiết 52**

*Chí Phèo*;  
Đọc thêm: *Tinh thần thể dục*;  
Đọc tiểu thuyết và truyện ngắn;  
Trả bài viết số 3.

### **Tuần 14**

#### **Tiết 53 đến tiết 56**

*Đời thừa* ;  
Tác gia văn học Nam Cao;  
Luyện tập về phong cách ngôn ngữ báo chí.

### **Tuần 15**

#### **Tiết 57 đến tiết 60**

*Vĩnh biệt Cửu trùng đài* (trích *Vũ Như Tô* của Nguyễn Huy Tưởng);  
Luyện tập về tách câu;  
Phỏng vấn và trả lời phỏng vấn.

### **Tuần 16**

#### **Tiết 61 đến tiết 63**

*Tình yêu và thù hận* (trích *Rô-mê-ô và Giu-li-ét* của Sếch-xpia);

Đọc kịch bản văn học;

**Tuần 17**

**Tiết 64 đến tiết 66**

Ôn tập Làm văn.

Ôn tập Văn học;

Luyện tập phỏng vấn và trả lời phỏng vấn.

**Tuần 18**

**Tiết 67 đến tiết 69**

Bài viết số 4 (kiểm tra học kì I);

Luyện tập từ Hán Việt.

**Tuần 19**

**Tiết 70 đến tiết 72**

Bản tin;

Luyện viết bản tin;

Trả bài viết số 4.

## HỌC KÌ II

**Tuần 20**

**Tiết 73 đến tiết 75**

*Lưu biệt khi xuất dương;*

*Hầu trời;*

**Tuần 21**

**Tiết 76 đến tiết 78**

Đọc thơ;

Thao tác lập luận bác bỏ.

Nghĩa của câu;

**Tuần 22**

**Tiết 79 đến tiết 81**

Bài viết số 5 (Nghị luận văn học).

*Vội vàng;*

**Tuần 23**

**Tiết 82 đến tiết 84**

Tác gia Xuân Diệu;

Đọc thêm: *Đây mùa thu tới, Thơ duyên;*

Luyện tập thao tác lập luận bác bỏ.

**Tuần 24**

**Tiết 85 đến tiết 88**

*Đây thôn Vĩ Dạ;*

*Tràng giang;*

Luyện tập nghĩa của câu.

**Tuần 25**

**Tiết 89 đến tiết 92**

*Tương tư;*

Đọc thêm: *Tống biệt hành; Chiều xuân;*

Kiểm tra Văn học 1 tiết;

Trả bài viết số 5;

Bài viết số 6: Nghị luận văn học (học sinh làm ở nhà).

**Tuần 26**

**Tiết 93 đến tiết 96**

Nhật kí trong tù;

*Chiều tối*

*Lai Tân;*

Đọc thêm: *Giải đi sớm;*

Luyện tập thay đổi trật tự các thành phần của cụm từ và các thành phần của câu;

Thao tác lập luận bình luận.

### **Tuần 27**

#### **Tiết 97 đến tiết 100**

*Từ ấy;*

Đọc thêm: *Nhớ đồng;*

Luyện tập câu nghi vấn tu từ;

Luyện tập thao tác lập luận bình luận.

### **Tuần 28**

#### **Tiết 101 đến tiết 104**

*Về luân lí xã hội ở nước ta* (trích);

*Một thời đại trong thi ca* (trích);

Trả bài viết số 6.

### **Tuần 29**

#### **Tiết 105 đến tiết 108**

Đọc văn nghị luận;

Đọc thêm: *Tiếng mẹ đẻ- nguồn giải phóng các dân tộc bị áp bức;*

Phong cách ngôn ngữ chính luận;

Tóm tắt văn bản nghị luận.

### **Tuần 30**

#### **Tiết 109 đến tiết 112**

*Ba cống hiến vĩ đại của Các Mác;*

Trả bài kiểm tra Văn học;

Bài viết số 7 (Nghị luận xã hội).

### **Tuần 31**

#### **Tiết 113 đến tiết 116**

*Người cầm quyền khôi phục uy quyền* (trích);

Luyện tập phong cách ngôn ngữ chính luận;

Luyện tập vận dụng kết hợp các thao tác lập luận.

### **Tuần 32**

#### **Tiết 117 đến tiết 120**

*Đám tang lão Gô-ri-ô;*

Luyện tập tóm tắt văn bản nghị luận;

Luyện tập phân tích đề, lập dàn ý cho bài nghị luận văn học.

### **Tuần 33**

#### **Tiết 121 đến tiết 124**

*Người trong bao;*

Luyện nói: thảo luận, tranh luận;

Trả bài viết số 7.

### **Tuần 34**

#### **Tiết 125 đến tiết 128**

*Tôi yêu em;*

Đọc thêm: *Bài thơ số 28;*

Ôn tập Làm văn (học kì II);

Tiểu sử tóm tắt.

### **Tuần 35**

**Tiết 129 đến tiết 132**

Ôn tập Văn học (học kì II);  
Đặc điểm loại hình của tiếng Việt;  
Bài viết số 8 (kiểm tra học kì II).

**Tuần 36**

**Tiết 133 đến tiết 136**

Tổng kết phương pháp đọc-hiểu văn bản văn học;  
Đặc điểm loại hình của tiếng Việt (tiếp);  
Luyện tập viết tiểu sử tóm tắt.

**Tuần 37**

**Tiết 137 đến tiết 140**

Tổng kết lịch sử văn học Việt Nam;  
Tổng kết Làm văn;  
Trả bài viết số 8.

**LỚP 12**

**Cả năm: 37 tuần (105 tiết)**

**Học kì I: 19 tuần (54 tiết)**

**Học kì II: 18 tuần (51 tiết)**

**HỌC KÌ I**

**Tuần 1**

**Tiết 1 đến tiết 3**

Khái quát văn học Việt Nam từ CM tháng Tám 1945 đến hết thế kỉ XX;  
Nghị luận về một tư tưởng đạo lí.

**Tuần 2**

**Tiết 4 đến tiết 6**

*Tuyên ngôn Độc lập* (phần một: Tác giả);  
Giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt;  
Bài viết số 1: Nghị luận xã hội.

**Tuần 3**

**Tiết 7 đến tiết 9**

*Tuyên ngôn Độc lập* (phần hai: Tác phẩm);  
Giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt (tiếp theo).

**Tuần 4**

**Tiết 10 đến tiết 12**

*Nguyễn Đình Chiểu, ngôi sao sáng trong văn nghệ của dân tộc*;  
Đọc thêm: *Mấy ý nghĩ về thơ* (trích);  
Đọc thêm: *Đốt-xtôi-ép-xki* (trích);  
Nghị luận về một hiện tượng đời sống.

**Tuần 5**

**Tiết 13 đến tiết 15**

Phong cách ngôn ngữ khoa học;  
Trả bài viết số 1;  
Bài viết số 2: Nghị luận xã hội (bài làm ở nhà).

**Tuần 6**

**Tiết 16 đến tiết 18**

*Thông điệp nhân ngày thế giới phòng chống AIDS, 1-12-2003;*  
Nghị luận về một bài thơ, đoạn thơ.

**Tuần 7**

**Tiết 19 đến tiết 21**

*Tây Tiến;*

Nghị luận về một ý kiến bàn về văn học.

**Tuần 8**

**Tiết 22 đến tiết 24**

*Việt Bắc* (phần một: tác giả);

Luật thơ;

Trả bài làm văn số 2.

**Tuần 9**

**Tiết 25 đến tiết 27**

*Việt Bắc* (Phần 2: Tác phẩm);

Phát biểu theo chủ đề.

**Tuần 10**

**Tiết 28 đến tiết 30**

*Đất Nước* (trích trường ca *Mặt đường khát vọng* - Nguyễn Khoa Điềm);

Đọc thêm: *Đất nước* (Nguyễn Đình Thi);

Luật thơ (tiếp theo).

**Tuần 11**

**Tiết 31 đến tiết 33**

Thực hành một số phép tu từ ngữ âm;

Bài viết số 3: Nghị luận văn học.

**Tuần 12**

**Tiết 34 đến tiết 36**

Đọc thêm: *Dọn về làng;*

Đọc thêm: *Tiếng hát con tàu;*

Đọc thêm: *Đò Lèn;*

Thực hành một số phép tu từ cú pháp.

**Tuần 13**

**Tiết 37 đến tiết 39**

*Sóng;*

Luyện tập vận dụng kết hợp các phương thức biểu đạt trong bài văn nghị luận.

**Tuần 14**

**Tiết 40 đến tiết 42**

*Đàn ghi ta của Lor-ca;*

Đọc thêm: *Bác ơi!*

Đọc thêm: *Tự do;*

Luyện tập vận dụng kết hợp các thao tác lập luận.

**Tuần 15**

**Tiết 43 đến tiết 45**

Quá trình văn học và phong cách văn học;

Trả bài viết số 3.

**Tuần 16**

**Tiết 46 đến tiết 48**

*Người lái đò Sông Đà* (trích);

Chữa lỗi lập luận trong văn nghị luận.

**Tuần 17**

**Tiết 49 đến tiết 50**

*Ai đã đặt tên cho dòng sông* (trích);

Đọc thêm: *Những ngày đầu tiên của nước Việt Nam mới*.

**Tuần 18**

**Tiết 51 đến tiết 52**

Ôn tập văn học;

Thực hành chữa lỗi lập luận trong văn nghị luận.

**Tuần 19**

**Tiết 53 đến tiết 54**

Bài viết số 4.

**HỌC KÌ II**

**Tuần 20**

**Tiết 55 đến tiết 56**

*Vợ chồng A Phủ* (trích).

**Tuần 21**

**Tiết 57 đến tiết 58**

Bài viết số 5: Nghị luận văn học.

**Tuần 22**

**Tiết 59 đến tiết 60**

Nhân vật giao tiếp.

**Tuần 23**

**Tiết 61 đến tiết 63**

*Vợ nhặt*;

Nghị luận về một tác phẩm, một đoạn trích văn xuôi.

**Tuần 24**

**Tiết 64 đến tiết 66**

*Rừng xà nu*;

Đọc thêm: *Bắt sáu rừng U Minh Hạ*.

**Tuần 25**

**Tiết 67 đến tiết 69**

*Những đứa con trong gia đình*;

Trả bài viết số 5;

Bài viết số 6: Nghị luận văn học (học sinh làm ở nhà).

**Tuần 26**

**Tiết 70 đến tiết 72**

*Chiếc thuyền ngoài xa*;

Thực hành về hàm ý.

**Tuần 27**

**Tiết 73 đến tiết 75**

Đọc thêm: *Mùa lá rụng trong vườn* (trích);

Đọc thêm: *Một người Hà Nội* (trích);

Thực hành về hàm ý (tiếp theo).

**Tuần 28**

**Tiết 76 đến tiết 78**

*Thuốc*;

Rèn luyện kỹ năng mở bài, kết bài trong bài văn nghị luận.



**Tuần 29**

**Tiết 79 đến tiết 81**

*Số phận con người* (trích);  
Trả bài viết số 6.

**Tuần 30**

**Tiết 82 đến tiết 84**

*Ông già và biển cả* (trích);  
Diễn đạt trong văn nghị luận.

**Tuần 31**

**Tiết 85 đến tiết 87**

*Hồn Trương Ba, da hàng thịt* (trích);  
Diễn đạt trong văn nghị luận (tiếp theo).

**Tuần 32**

**Tiết 88 đến tiết 90**

*Nhìn về vốn văn hóa dân tộc*;  
Phát biểu tự do.

**Tuần 33**

**Tiết 91 đến tiết 93**

Phong cách ngôn ngữ hành chính;  
Văn bản tổng kết.

**Tuần 34**

**Tiết 94 đến tiết 96**

Tổng kết phần Tiếng Việt: Hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ;  
Ôn tập phần Làm văn.

**Tuần 35**

**Tiết 97 đến tiết 99**

Giá trị văn học và tiếp nhận văn học;  
Tổng kết phần Tiếng Việt: Lịch sử, đặc điểm loại hình và các phong cách ngôn ngữ.

**Tuần 36**

**Tiết 100 đến tiết 102**

Ôn tập phần văn học.

**Tuần 37**

**Tiết 103 đến tiết 105**

Bài viết số 7;  
Trả bài viết số 7.

**LỚP 12 (NÂNG CAO)**

**Cả năm: 37 tuần (140 tiết)**

**Học kì I: 19 tuần (72 tiết)**

**Học kì II: 18 tuần (68 tiết)**

**HỌC KÌ I**

**Tuần 1**

**Tiết 1 đến tiết 4**

Khái quát văn học Việt Nam từ Cách mạng tháng Tám 1945 đến hết thế kỉ XX;  
Nghị luận xã hội và nghị luận văn học.

**Tuần 2**

**Tiết 5 đến tiết 8**

*Tuyên ngôn Độc lập*;

*Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh;*  
Giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt;  
Bài viết số 1: Nghị luận xã hội (học sinh làm ở nhà).

### **Tuần 3**

#### **Tiết 9 đến tiết 12**

*Nguyễn Đình Chiểu, ngôi sao sáng trong bầu trời văn nghệ dân tộc ;*  
Đọc thêm: *Mấy ý nghĩ về thơ ;*  
Đọc thêm: *Thương tiếc nhà văn Nguyễn Hồng ;*  
Đọc thêm: *Đốt-xtôi-ép-xki;*  
Luyện tập tóm tắt văn bản nghị luận.

### **Tuần 4**

#### **Tiết 13 đến tiết 16**

*Tây Tiến ;*  
Đọc thêm: *Bên kia sông Đuống ;*  
Đọc thêm: *Dọn về làng ;*  
Luyện tập về giữ gìn sự trong sáng của Tiếng Việt;  
Trả bài viết số 1.

### **Tuần 5**

#### **Tiết 17 đến tiết 20**

*Việt Bắc*  
Đọc thêm: *Bác ơi!*  
*Tổ Hữu;*  
Nghị luận về một bài thơ, đoạn thơ.

### **Tuần 6**

#### **Tiết 21 đến tiết 24**

*Tiếng hát con tàu;*  
Đọc thêm: *Đất nước* (Nguyễn Đình Thi);  
Bài viết số 2 (Nghị luận văn học).

### **Tuần 7**

#### **Tiết 25 đến tiết 28**

*Đất Nước* (trích trường ca *Mặt đường khát vọng* - Nguyễn Khoa Điềm);  
*Sóng;*  
Đọc thêm: *Đò Lèn;*  
Luật thơ.

### **Tuần 8**

#### **Tiết 29 đến tiết 32**

*Đàn ghi ta của Lor-ca;*  
Đọc thêm: *Tự do;*  
Luyện tập về luật thơ;  
Nghị luận về một ý kiến bàn về văn học.

### **Tuần 9**

#### **Tiết 33 đến tiết 36**

*Con đường trở thành” kẻ sĩ hiện đại”;*  
Các kiểu kết cấu của bài nghị luận;  
Trả bài viết số 2.

### **Tuần 10**

#### **Tiết 37 đến tiết 40**

*Người lái đò sông Đà;*  
Luyện tập về cách dùng biện pháp tu từ ẩn dụ;

Luyện tập vận dụng kết hợp các phương thức biểu đạt trong bài văn nghị luận.

**Tuần 11**

**Tiết 41 đến tiết 44**

Nguyễn Tuân;  
Phong cách văn học;  
Nghị luận về một tư tưởng, đạo lí.

**Tuần 12**

**Tiết 45 đến tiết 48**

*Ai đã đặt tên cho dòng sông?*  
Đọc thêm: *Những ngày đầu tiên của nước Việt Nam mới*;  
Bài viết số 3 (Nghị luận văn học).

**Tuần 13**

**Tiết 49 đến tiết 52**

*Nhìn về vốn văn hóa dân tộc*;  
Phong cách ngôn ngữ khoa học;  
Nghị luận về một hiện tượng đời sống.

**Tuần 14**

**Tiết 53 đến tiết 56**

*Hồn Trương Ba, da hàng thịt*;  
*Thông điệp nhân ngày thế giới phòng chống AIDS, 1-12-2003*;  
Luyện tập nghị luận về một vấn đề xã hội trong tác phẩm văn học.

**Tuần 15**

**Tiết 57 đến tiết 60**

*Tư duy hệ thống, nguồn sức sống mới của đổi mới tư duy*;  
Luyện tập về phong cách ngôn ngữ khoa học;  
Trả bài viết số 3.

**Tuần 16**

**Tiết 61 đến tiết 63**

Quá trình văn học;  
Luyện tập về cách tránh hiện tượng trùng nghĩa.

**Tuần 17**

**Tiết 64 đến tiết 66**

Ôn tập về văn học (học kì I);  
Luyện tập vận dụng kết hợp các thao tác lập luận.

**Tuần 18**

**Tiết 67 đến tiết 69**

Phát biểu theo chủ đề và phát biểu tự do;  
Luyện tập phát biểu theo chủ đề và phát biểu tự do;  
Ôn tập về Tiếng Việt (học kì I).

**Tuần 19**

**Tiết 69 đến tiết 72**

Ôn tập về làm văn (học kì I);  
Bài viết số 4 (kiểm tra học kì I);  
Trả bài viết số 4.

## HỌC KÌ II

**Tuần 20**

**Tiết 73 đến tiết 75**

*Vợ chồng A Phủ ;*  
Luyện tập về nhân vật giao tiếp.

**Tuần 21**

**Tiết 76 đến tiết 78**

*Vợ nhặt ;*  
Nghị luận về một tác phẩm, một đoạn trích văn xuôi.

**Tuần 22**

**Tiết 79 đến tiết 81**

*Những đứa con trong gia đình;*  
Luyện tập về nhân vật giao tiếp (tiếp theo).

**Tuần 23**

**Tiết 82 đến tiết 84**

Lựa chọn và nêu luận điểm;  
Bài viết số 5 (Nghị luận văn học).

**Tuần 24**

**Tiết 85 đến tiết 88**

*Rừng xà nu;*  
Đọc thêm: *Đất;*  
Luyện tập về cách sửa chữa văn bản.

**Tuần 25**

**Tiết 89 đến tiết 92**

*Một người Hà Nội;*  
Luyện tập về cách dùng một số quan hệ từ;  
Sử dụng luận cứ.

**Tuần 26**

**Tiết 93 đến tiết 96**

*Chiếc thuyền ngoài xa;*  
Đọc thêm: *Mùa lá rụng trong vườn;*  
Trả bài viết số 5;  
Bài viết số 6: Nghị luận văn học (học sinh làm ở nhà).

**Tuần 27**

**Tiết 97 đến tiết 100**

Đọc thêm: *Bắt sấu rừng U Minh Hạ;*  
Kiểm tra văn học;  
Mở bài.

**Tuần 28**

**Tiết 101 đến tiết 104**

Giá trị của văn học;  
Luyện tập về cách tránh lỗi diễn đạt có nhiều khả năng hiểu khác nhau;  
Thân bài.

**Tuần 29**

**Tiết 105 đến tiết 108**

*Số phận con người;*  
Kết bài;  
Trả bài viết số 6.

**Tuần 30**

**Tiết 109 đến tiết 112**

*Ông già và biển cả;*  
Bài viết số 7 (Nghị luận xã hội).

**Tuần 31**

**Tiết 113 đến tiết 116**

*Thuốc*

Trả bài kiểm tra văn học.

Diễn đạt trong văn nghị luận

**Tuần 32**

**Tiết 117 đến tiết 120**

Tiếp nhận văn học;

Luyện tập về cách tránh một số lỗi lô gích;

Hình thức trình bày bài văn.

**Tuần 33**

**Tiết 121 đến tiết 124**

Tổng kết phương pháp đọc – hiểu văn bản;

Trả bài viết số 7;

Xây dựng đề cương diễn thuyết.

**Tuần 34**

**Tiết 125 đến tiết 128**

Phong cách ngôn ngữ hành chính;

Luyện tập về phong cách ngôn ngữ hành chính;

Văn bản tổng kết;

Luyện viết văn bản tổng kết.

**Tuần 35**

**Tiết 129 đến tiết 132**

Tổng kết phần Văn học;

Tổng kết phần Làm văn.

**Tuần 36**

**Tiết 133 đến tiết 136**

Ôn tập về Văn học (học kì II);

Tổng kết phần Tiếng Việt;

Ôn tập về Làm văn (học kì II);

Ôn tập về Tiếng Việt (học kì II).

**Tuần 37**

**Tiết 137 đến tiết 140**

Bài viết số 8 (kiểm tra học kì II)

Trả bài viết số 8.

---

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Tài liệu

**PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH THCS**

MÔN **SINH HỌC**

*(Dùng cho các cơ quan quản lý giáo dục và giáo viên, áp dụng từ năm học 2008-2009)*

# A. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG KHUNG PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH THCS

## I. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

Khung Phân phối chương trình (KPPCT) này áp dụng cho cấp THCS từ năm học 2008-2009, gồm 2 phần: (A) *Hướng dẫn sử dụng PPCT*; (B) *Khung PPCT*.

### 1. Về Khung phân phối chương trình

Khung PPCT quy định thời lượng dạy học cho từng phần của chương trình (chương, phần, bài học, môđun, chủ đề,...), trong đó có thời lượng dành cho luyện tập, bài tập, ôn tập, thí nghiệm, thực hành và thời lượng tiến hành kiểm tra định kì tương ứng với các phần đó. Thời lượng quy định tại KPPCT áp dụng trong trường hợp học 1 buổi/ngày (*thời lượng dành cho kiểm tra là không thay đổi, thời lượng dành cho các hoạt động khác là quy định tối thiểu*). Tiến độ thực hiện chương trình khi kết thúc học kì I và kết thúc năm học được quy định thống nhất cho tất cả các trường THCS trong cả nước. Căn cứ Khung PPCT này, các Sở GDĐT cụ thể hoá thành PPCT chi tiết cho từng bài của môn học và hoạt động giáo dục, bao gồm cả dạy học tự chọn cho phù hợp với địa phương, áp dụng chung cho các trường THCS thuộc quyền quản lí. Các trường THCS có điều kiện bố trí giáo viên và kinh phí chi trả giờ dạy vượt định mức quy định (trong đó có các trường học nhiều hơn 6 buổi/tuần), có thể chủ động đề nghị Phòng GDĐT trình Sở GDĐT phê chuẩn việc điều chỉnh PPCT tăng thời lượng dạy học cho phù hợp (*lãnh đạo Sở phê duyệt, kí tên, đóng dấu*).

### 2. Về Phân phối chương trình dạy học tự chọn

#### a) Thời lượng và cách tổ chức dạy học tự chọn

Thời lượng dạy học tự chọn của các lớp cấp THCS trong Kế hoạch giáo dục là 2 tiết/tuần, dạy học chung cho cả lớp (các trường tự chủ về kinh phí có thể chia lớp thành nhóm nhỏ hơn nhưng vẫn phải theo kế hoạch chung của cả lớp).

*Việc sử dụng thời lượng dạy học tự chọn THCS theo 1 trong 2 cách sau đây :*

*Cách 1:* Chọn 1 trong 3 môn học, hoạt động giáo dục: Tin học, Ngoại ngữ 2, Nghề phổ thông (trong đó Ngoại ngữ 2 có thể bố trí vào 2 tiết dạy học tự chọn này hoặc bố trí ngoài thời lượng dạy học 6 buổi/tuần).

*Cách 2:* Dạy học các chủ đề tự chọn nâng cao, bám sát (CĐNC, CĐBS).

– Dạy học CĐNC là để khai thác sâu hơn chuẩn kiến thức, kĩ năng của chương trình, bổ sung kiến thức, bồi dưỡng năng lực tư duy với mức phù hợp với trình độ tiếp thu của học sinh.

Các Sở GDĐT tổ chức biên soạn, thẩm định tài liệu CĐNC (*trong đó có các tài liệu Lịch sử, Địa lí, Văn học địa phương*), dùng cho cấp THCS theo hướng dẫn của Bộ GDĐT (tài liệu CĐNC sử dụng cho cả giáo viên và học sinh như SGK) và quy định cụ thể PPCT dạy học các CĐNC cho phù hợp với mạch kiến thức của môn học đó. Các Phòng GDĐT đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện PPCT dạy học các CĐNC.

– Dạy học các CĐBS là để *ôn tập, hệ thống hóa, khắc sâu kiến thức, kĩ năng* (không bổ sung kiến thức nâng cao mới). Trong điều kiện chưa ban hành được tài liệu CĐNC, cần dành thời lượng dạy học tự chọn để thực hiện CĐBS nhằm ôn tập, hệ thống hóa, khắc sâu kiến thức, kĩ năng cho học sinh. Hiệu trưởng các trường THCS chủ động lập Kế hoạch dạy học các CĐBS (chọn môn học, ấn định số tiết/tuần cho từng môn, tên bài dạy) cho từng lớp, ổn định trong từng học kì trên cơ sở đề nghị của các tổ trưởng chuyên môn và giáo viên chủ nhiệm lớp. Giáo viên chuẩn bị kế hoạch bài dạy (giáo án) CĐBS với sự hỗ trợ của tổ chuyên môn.

#### b) Kiểm tra, đánh giá kết quả dạy học tự chọn

Việc kiểm tra, đánh giá kết quả học tập CĐTC của môn học thực hiện theo quy định tại *Quy chế đánh giá, xếp loại học sinh Trung học cơ sở và học sinh Trung học phổ thông*.

**Lưu ý:** Các bài dạy CĐTCNC, CĐBS bố trí trong các chương như các bài khác, có thể có điểm kiểm tra dưới 1 tiết riêng nhưng không có điểm kiểm tra 1 tiết riêng, điểm CĐTC môn học nào tính cho môn học đó.

### 3. Thực hiện các hoạt động giáo dục

a) Phân công giáo viên thực hiện các Hoạt động giáo dục:

Trong KHGD quy định tại CTGDPT do Bộ GDĐT ban hành, các *hoạt động giáo dục* đã được quy định thời lượng với số tiết học cụ thể như các môn học. Đối với giáo viên được phân công thực hiện Hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp (HĐGDNGLL), Hoạt động giáo dục hướng nghiệp (HĐGDHN) được tính giờ dạy như các môn học; việc tham gia điều hành Hoạt động giáo dục tập thể (chào cờ đầu tuần và sinh hoạt lớp cuối tuần) là thuộc nhiệm vụ quản lý của Ban Giám hiệu và giáo viên chủ nhiệm lớp, không tính vào giờ dạy tiêu chuẩn.

b) Tích hợp giữa HĐGDNGLL, HĐGDHN, môn Công nghệ:

- HĐGDNGLL: Thực hiện đủ các chủ đề quy định cho mỗi tháng, với thời lượng 2 tiết/tháng và tích hợp nội dung HĐGDNGLL sang môn GDCD các lớp 6, 7, 8, 9 ở các chủ đề về đạo đức và pháp luật. Đưa nội dung về Công ước Quyền trẻ em của Liên Hợp quốc vào HĐGDNGLL ở lớp 9 và tổ chức các hoạt động hưởng ứng phong trào "*Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực*" do Bộ GDĐT phát động.

- HĐGDHN (lớp 9):

Điều chỉnh thời lượng HĐGDHN thành 9 tiết/năm học sau khi đưa một số nội dung GDHN tích hợp sang HĐGDNGLL ở 2 chủ điểm sau đây:

+ "*Truyền thống nhà trường*", chủ điểm tháng 9;

+ "*Tiến bước lên Đoàn*", chủ điểm tháng 3.

Nội dung tích hợp do Sở GDĐT (hoặc uỷ quyền cho các Phòng GDĐT) hướng dẫn trường THCS thực hiện cho sát thực tiễn địa phương. Về phương pháp thực hiện HĐGDHN, có thể riêng từng lớp hoặc theo khối lớp; có thể giao cho giáo viên hoặc mời các chuyên gia, nhà quản lý kinh tế, quản lý doanh nghiệp giảng dạy.

#### **4. Đổi mới phương pháp dạy học và đổi mới kiểm tra, đánh giá**

a) Chỉ đạo đổi mới phương pháp dạy học (PPDH):

- Những yêu cầu quan trọng trong đổi mới PPDH là:

+ Phát huy tính tích cực, hứng thú trong học tập của học sinh và vai trò chủ đạo của giáo viên;

+ Thiết kế bài giảng khoa học, sắp xếp hợp lý hoạt động của giáo viên và học sinh, thiết kế hệ thống câu hỏi hợp lý, tập trung vào trọng tâm, tránh nặng nề quá tải (nhất là đối với bài dài, bài khó, nhiều kiến thức mới); bồi dưỡng năng lực độc lập suy nghĩ, vận dụng sáng tạo kiến thức đã học, tránh thiên về ghi nhớ máy móc không nắm vững bản chất;

+ Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học, khuyến khích sử dụng công nghệ thông tin, sử dụng các phương tiện nghe nhìn, thực hiện đầy đủ thí nghiệm, thực hành, liên hệ thực tế trong giảng dạy phù hợp với nội dung từng bài học;

+ Giáo viên sử dụng ngôn ngữ chuẩn xác, trong sáng, sinh động, dễ hiểu, tác phong thân thiện, khuyến khích, động viên học sinh học tập, tổ chức hợp lý cho học sinh làm việc cá nhân và theo nhóm;

+ Dạy học sát đối tượng, coi trọng bồi dưỡng học sinh khá giỏi và giúp đỡ học sinh học lực yếu kém.

- Đối với các môn học đòi hỏi năng khiếu như: Mĩ thuật, Âm nhạc, Thể dục cần coi trọng truyền thụ kiến thức, hình thành kỹ năng, bồi dưỡng hứng thú học tập, không quá thiên về đánh giá thành tích theo yêu cầu đào tạo chuyên ngành hoạ sỹ, nhạc sỹ, vận động viên.

- Tăng cường chỉ đạo đổi mới PPDH thông qua công tác bồi dưỡng giáo viên và dự giờ thăm lớp của giáo viên, tổ chức rút kinh nghiệm giảng dạy ở các tổ chuyên môn, hội thảo cấp trường, cụm trường, địa phương, hội thi giáo viên giỏi các cấp.

b) Đổi mới kiểm tra, đánh giá (KTĐG):

- Những yêu cầu quan trọng trong đổi mới KTĐG là:

+ Giáo viên đánh giá sát đúng trình độ học sinh với thái độ khách quan, công minh và hướng dẫn học sinh biết tự đánh giá năng lực của mình;

+ Trong quá trình dạy học, cần kết hợp một cách hợp lý hình thức tự luận với hình thức trắc nghiệm khách quan trong KTĐG kết quả học tập của học sinh, chuẩn bị tốt cho việc đổi mới các kỳ thi theo chủ trương của Bộ GDĐT.

+ Thực hiện đúng quy định của Quy chế Đánh giá, xếp loại học sinh THCS, học sinh THPT do Bộ GDĐT ban hành, tiến hành đủ số lần kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ, kiểm tra học kỳ cả lý thuyết và thực hành.



- Đổi mới đánh giá các môn Mỹ thuật, Âm nhạc (THCS), Thể dục (THCS, THPT): Thực hiện đánh giá bằng điểm hoặc đánh giá bằng nhận xét kết quả học tập theo quy định tại Quy chế Đánh giá, xếp loại học sinh THCS, học sinh THPT sửa đổi.

c) Đối với một số môn khoa học xã hội và nhân văn như: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí, Giáo dục công dân, cần coi trọng đổi mới PPDH, đổi mới KTĐG theo hướng hạn chế chỉ ghi nhớ máy móc, không nắm vững kiến thức, kỹ năng môn học. Trong quá trình dạy học, cần đổi mới KTĐG bằng cách nêu vấn đề mở, đòi hỏi học sinh phải vận dụng tổng hợp kiến thức, kỹ năng và biểu đạt chính kiến của bản thân.

d) Từ năm học 2008-2009, tập trung chỉ đạo đánh giá sâu hiệu quả dạy học của môn Giáo dục công dân để tiếp tục đổi mới PPDH, KTĐG nhằm nâng cao chất lượng môn học này (*có hướng dẫn riêng*).

**5. Thực hiện các nội dung giáo dục địa phương (đã hướng dẫn tại công văn số 5977/BGDĐT-GDTrH ngày 07/7/2008)**

## II. NHỮNG VẤN ĐỀ CỤ THỂ CỦA MÔN SINH HỌC

### 1. Tổ chức dạy học

– Thời lượng môn Sinh học lớp 6, 7, 8, 9 đều là 70 tiết.

– Dạy đủ số tiết thực hành của từng chương và của cả năm học. Trong điều kiện có thể, các trường nên bố trí các tiết thực hành vào 1 buổi để tạo thuận lợi cho giáo viên và học sinh.

+ Lớp 6 là 08 tiết. Có thể bố trí vào 02 - 03 buổi, với các nội dung: Kính lúp, kính hiển vi và cách sử dụng; Quan sát tế bào thực vật; Vận chuyển các chất trong thân; Quang hợp; ...

+ Lớp 7 là 14 tiết. Có thể bố trí vào 05 buổi, với các nội dung: Quan sát một số động vật nguyên sinh; Quan sát một số thân mềm; Mồ và quan sát tôm sông; Xem băng hình về tập tính của sâu bọ; Mồ cá; Quan sát cấu tạo trong của ếch đồng trên mẫu mổ; Quan sát bộ xương, mẫu mổ chim Bò câu; Xem băng hình về đời sống và tập tính của chim; xem băng hình về đời sống và tập tính của thú; ...

+ Lớp 8 là 07 tiết. Có thể bố trí vào 02 - 03 buổi, với các nội dung: Quan sát tế bào và mô; Tập sơ cứu và băng bó cho người gãy xương; Sơ cứu cầm máu; Hô hấp nhân tạo; Tìm hiểu hoạt động của enzym trong nước bọt; Phân tích một khẩu phần cho trước; Tìm hiểu chức năng (liên quan đến cấu tạo) của tủy sống.

+ Lớp 9: 14 tiết. Có thể bố trí vào 05 buổi, với các nội dung: Tính xác suất xuất hiện các mặt của đồng kim loại; Quan sát hình thái nhiễm sắc thể; Quan sát và lắp mô hình ADN; Nhận biết một vài dạng đột biến; Quan sát thường biến; Tập dượt thao tác giao phấn; Tìm hiểu thành tựu chọn giống vật nuôi và cây trồng; Tìm hiểu môi trường và ảnh hưởng của một số nhân tố sinh thái lên đời sống sinh vật; Hệ sinh thái; Tìm hiểu tình hình môi trường.

– Các nội dung lí thuyết và thực hành phải được dạy học theo đúng trình tự ghi trong phân phối chương trình do Sở GDĐT quy định cụ thể dựa trên khung phân phối chương trình của Bộ GDĐT. Chú ý, ở lớp 6 có những bài mà nội dung thực hành thí nghiệm có ngay trong giờ học lí thuyết.

– Cuối mỗi học kì, có 1 tiết ôn tập, 1 tiết kiểm tra học kì.

– Bộ GDĐT không quy định nội dung cụ thể các tiết *Bài tập*, *Ôn tập*, các Sở GDĐT cần căn cứ tình hình thực tế và căn cứ vào chuẩn kiến thức kĩ năng do Bộ GDĐT ban hành để định ra những nội dung cho các tiết *Bài tập*, *Ôn tập* đảm bảo truyền đạt đủ các kiến thức, kĩ năng theo yêu cầu. Nên lựa chọn, xây dựng nội dung cho các tiết *Bài tập* và *Ôn tập* nhằm củng cố kiến thức hay rèn luyện kĩ năng, hình thức có thể là làm bài tập trên lớp học và ra bài tập cho học sinh làm thêm ở nhà.

– Tùy tình hình thực tế, có thể kéo dài hoặc rút ngắn thời lượng giảng dạy đã được phân cho một nội dung nào đó (thời lượng thực hành không được rút ngắn). Tuy nhiên, việc kéo dài hoặc rút ngắn vẫn phải đảm bảo dạy đủ các nội dung đúng thời gian khi kết thúc học kì. Trong *Khung phân phối chương trình (KPPCT)* Bộ GDĐT quy định chung về thời điểm và nội dung kiến thức (bài học) kết thúc học kì I, kết thúc năm học để thống nhất trong cả nước.

– Đối với các học sinh giỏi, giáo viên chọn các bài đọc thêm trong sách giáo khoa, xây dựng thêm các *Bài tập* và *thực hành*, để củng cố, hệ thống và nhất là chuẩn xác hoá các kiến thức, kĩ năng theo yêu cầu. Đồng thời trong tiết *Bài tập* và *thực hành* giáo viên nên phân loại, chia nhóm, bố trí chỗ ngồi để học sinh có thể giúp đỡ nhau nâng cao hiệu quả của tiết học.

– Ở một số nội dung, việc học lí thuyết sẽ hiệu quả hơn nếu sử dụng máy vi tính, phần mềm, tranh, ảnh, sơ đồ trực quan. Các trường cần có kế hoạch bồi dưỡng giáo viên và đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học sinh học.

## 2. Kiểm tra, đánh giá

– Phải thực hiện đổi mới kiểm tra, đánh giá theo hướng dẫn của Bộ GD&ĐT, khi ra đề kiểm tra (*dưới 1 tiết, 1 tiết, học kì*) phải bám sát chuẩn kiến thức, kĩ năng của Chương trình.

– Trong cả năm học phải dành 04 tiết để kiểm tra. Trong đó có 02 tiết dành cho kiểm tra học kì (học kì I: 1 tiết; học kì II: 1 tiết); 02 tiết kiểm tra một tiết (học kì I: 1 tiết; học kì II: 1 tiết); kiểm tra thực hành được đánh giá trong tất cả các bài thực hành. Đánh giá bài thực hành của học sinh bao gồm 2 phần:

- + Phần đánh giá kỹ năng thực hành, kết quả thực hành;
- + Phần đánh giá báo cáo thực hành.

Điểm của bài thực hành bằng trung bình cộng điểm của hai phần trên.

Giáo viên có thể tính điểm bình quân các bài thực hành trong mỗi học kì hoặc lấy điểm bài đạt điểm cao nhất của học sinh nhưng phải đảm bảo mỗi học kì có ít nhất một điểm. Sau mỗi tiết *Bài tập và thực hành* phải có đánh giá và cho điểm. Phải dùng điểm này làm ít nhất 1 điểm (hệ số 1) trong các điểm để xếp loại học lực của học sinh.

– Phải đảm bảo thực hiện đúng, đủ các tiết kiểm tra, kiểm tra thực hành, kiểm tra học kì như trong PPCT.

– Phải đánh giá được cả kiến thức, kĩ năng, cả lí thuyết và thực hành và phải theo nội dung, mức độ yêu cầu được quy định trong chương trình môn học.

– Việc kiểm tra học kì phải được thực hiện ở cả hai nội dung lí thuyết và thực hành. Tỷ lệ điểm phần lí thuyết và điểm phần thực hành của bài kiểm tra học kì có thể cân đối: lí thuyết 50-60% và thực hành 40-50%. Giáo viên tự lựa chọn một trong hai tỉ lệ nêu trên cho phù hợp với tình hình thực tế. Việc kiểm tra học kì có thể được tiến hành theo một trong hai cách sau:

+ *Cách 1:* Nếu có đủ điều kiện, thì tiến hành kiểm tra cả lí thuyết và thực hành trong tiết kiểm tra học kì. Giáo viên tự phân chia hợp lí thời lượng của tiết kiểm tra học kì cho phần lí thuyết và phần thực hành (kiểm tra thực hành trên giấy).

+ *Cách 2:* Trong tiết kiểm tra học kì chỉ kiểm tra và lấy điểm phần lí thuyết, còn điểm phần thực hành được lấy bằng cách tính trung bình điểm các bài thực hành trong học kì.

– Do đặc trưng của môn học, giáo viên cần sử dụng hình thức trắc nghiệm khách quan trong kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh. Giáo viên cần phối hợp cả 2 hình thức để kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh.

## B. KHUNG PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH

### LỚP 6

**Cả năm: 37 tuần - 70 tiết**

**Học kì I: 19 tuần - 36 tiết**

**Học kì II: 18 tuần - 34 tiết**

Nội dung	Số tiết				
	Lí thuyết	Bài tập	Thực hành	Ôn tập	Kiểm tra
Mở đầu	03	-	-	-	-
Chương I. Tế bào thực vật	02	-	02	-	-
Chương II. Rễ	04	-	01	-	-
Chương III. Thân	05	-	01	01	01
Chương IV. Lá	07	01	01	-	-
Chương V. Sinh sản sinh dưỡng	02	-	-	-	-
Chương VI. Hoa và sinh sản hữu tính	05	-	-	01	01

Chương VII. Quả và hạt	04	-	-	02	-
Chương VIII. Các nhóm thực vật	09	-	-	01	01
Chương IX. Vai trò của thực vật	05	-	-	-	-
Chương X. Vi khuẩn – Nấm – Địa y	04	01	03	01	01
<b>Tổng cộng</b>	<b>50</b>	<b>02</b>	<b>08</b>	<b>06</b>	<b>04</b>

## LỚP 7

**Cả năm: 37 tuần - 70 tiết**

**Học kì I: 19 tuần - 36 tiết**

**Học kì II: 18 tuần - 34 tiết**

Nội dung	Số tiết				
	Lí thuyết	Bài tập	Thực hành	Ôn tập	Kiểm tra
Mở đầu	02	-	-	-	-
Chương I. Ngành động vật nguyên sinh	04	-	01	-	-
Chương II. Ngành ruột khoang	03	-	-	-	-
Chương III. Các ngành giun	06	-	01	-	01
Chương IV. Ngành thân mềm	03	-	01	-	-
Chương V. Ngành chân khớp	06	-	02	-	-
Chương VI. Ngành động vật có xương sống	17	01	04	01	02
Chương VII. Sự tiến hoá của động vật	04	-	-	-	-
Chương VIII. Động vật và đời sống con người	04	-	05	01	01
<b>Tổng cộng</b>	<b>49</b>	<b>01</b>	<b>14</b>	<b>02</b>	<b>04</b>

## LỚP 8

**Cả năm: 37 tuần - 70 tiết**

**Học kì I: 19 tuần - 36 tiết**

**Học kì II: 18 tuần - 34 tiết**

Nội dung	Số tiết				
	Lí thuyết	Bài tập	Thực hành	Ôn tập	Kiểm tra
Mở đầu	01	-	-	-	-
Chương I. Khái quát về cơ thể người	04	-	01	-	-
Chương II. Vận động	05	-	01	-	-
Chương III. Tuần hoàn	06	-	01	-	01
Chương IV. Hô hấp	03	-	01	-	-
Chương V. Tiêu hoá	05	01	01	-	-
Chương VI. Trao đổi chất và năng lượng	05	-	01	01	01
Chương VII. Bài tiết	03	-	-	-	-
Chương VIII. Da	02	-	-	-	-
Chương IX. Thần kinh và giác quan	11	-	01	-	01

Chương X. Nội tiết	05	-	-	-	-
Chương XI. Sinh sản	05	01	-	01	01
<b>Tổng cộng</b>	<b>55</b>	<b>02</b>	<b>07</b>	<b>02</b>	<b>04</b>

## LỚP 9

**Cả năm: 37 tuần - 70 tiết**

**Học kì I: 19 tuần - 36 tiết**

**Học kì II: 18 tuần - 34 tiết**

Nội dung	Số tiết				
	Lí thuyết	Bài tập	Thực hành	Ôn tập	Kiểm tra
<b>Phần I – DI TRUYỀN VÀ BIẾN DỊ</b>					
Chương I. Các thí nghiệm của Mendel	05	01	01	-	-
Chương II. Nhiễm sắc thể	06	-	01	-	-
Chương III. ADN và gen	05	-	01	-	01
Chương IV. Biến dị	05	-	02	-	-
Chương V. Di truyền học người	03	-	-	-	-
Chương VI. Ứng dụng di truyền học	07	-	02	01	01
<b>Phần II – Sinh vật và môi trường</b>					
Chương I. Sinh vật và môi trường	04	-	02	-	-
Chương II. Hệ sinh thái	04	-	02	-	01
Chương III. Con người, dân số và môi trường	03	-	02	-	-
Chương IV. Bảo vệ môi trường	03	01	01	04	01
<b>Tổng cộng</b>	<b>45</b>	<b>02</b>	<b>14</b>	<b>05</b>	<b>04</b>

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Tài liệu

**PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH THPT**

MÔN **SINH HỌC**

*(Dùng cho các cơ quan quản lý giáo dục và giáo viên,  
áp dụng từ năm học 2008-2009)*

# A. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG KHUNG PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH THPT

## I. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

Khung Phân phối chương trình (KPPCT) này áp dụng cho các lớp cấp THPT từ năm học 2008-2009, gồm 2 phần: (A) Hướng dẫn sử dụng KPPCT; (B) Khung PPCT.

### 1. Về Khung phân phối chương trình

KPPCT quy định thời lượng dạy học cho từng phần của chương trình (chương, phần, bài học, môđun, chủ đề,...), trong đó có thời lượng dành cho luyện tập, bài tập, ôn tập, thí nghiệm, thực hành và thời lượng tiến hành kiểm tra định kì tương ứng với các phần đó. Thời lượng nói trên quy định tại KPPCT áp dụng trong trường hợp học 1 buổi/ngày (*thời lượng dành cho kiểm tra là không thay đổi, thời lượng dành cho các hoạt động khác là quy định tối thiểu*). Tiến độ thực hiện chương trình khi kết thúc học kì I và kết thúc năm học được quy định thống nhất cho tất cả các trường THPT trong cả nước. Căn cứ KPPCT, các Sở GDĐT cụ thể hoá thành PPCT chi tiết, bao gồm cả chủ đề tự chọn nâng cao (nếu có) cho phù hợp với địa phương, áp dụng chung cho các trường THPT thuộc quyền quản lí. Các trường THPT có điều kiện bố trí giáo viên và kinh phí chi trả giờ dạy vượt định mức (trong đó có các trường học nhiều hơn 6 buổi/tuần), có thể đề nghị đề Sở GDĐT phê chuẩn điều chỉnh PPCT tăng thời lượng dạy học cho phù hợp (*lãnh đạo Sở GDĐT phê duyệt, kí tên, đóng dấu*).

### 2. Về Phân phối chương trình dạy học tự chọn

a) Môn học tự chọn nâng cao (NC) của ban Cơ bản có thể thực hiện bằng 1 trong 2 cách: Sử dụng SGK nâng cao hoặc sử dụng SGK biên soạn theo chương trình chuẩn kết hợp với chủ đề tự chọn nâng cao (CĐNC) của môn học đó. CĐNC của 8 môn phân hóa chỉ dùng cho ban Cơ bản. Thời lượng dạy học CĐNC của môn học là khoảng chênh lệch giữa thời lượng dành cho chương trình chuẩn và chương trình nâng cao môn học đó trong Kế hoạch giáo dục THPT. Các Sở GDĐT quy định cụ thể PPCT dạy học các CĐNC cho phù hợp với mạch kiến thức của SGK môn học đó. Tài liệu CĐNC sử dụng cho cả giáo viên và học sinh.

b) Dạy học chủ đề tự chọn bám sát (CĐBS) là để *ôn tập, hệ thống hóa, khắc sâu kiến thức, kĩ năng*, không bổ sung kiến thức nâng cao mới. Hiệu trưởng các trường THPT lập Kế hoạch dạy học CĐBS (chọn môn học, ấn định số tiết/tuần cho từng môn, tên bài dạy) cho từng lớp, ổn định trong từng học kì trên cơ sở đề nghị của các tổ trưởng chuyên môn và giáo viên chủ nhiệm lớp. Bộ GDĐT ban hành tài liệu CĐBS lớp 10, dùng cho giáo viên để tham khảo, không ban hành tài liệu CĐBS lớp 11, 12. Giáo viên chuẩn bị kế hoạch bài giảng CĐBS với sự hỗ trợ của tổ chuyên môn.

c) Việc kiểm tra, đánh giá kết quả học tập CĐNC, CĐBS các môn học thực hiện theo quy định tại *Quy chế đánh giá, xếp loại học sinh THCS và học sinh THPT* của Bộ GDĐT.

*Lưu ý:* Các bài dạy CĐNC, CĐBS bố trí trong các chương như các bài khác, có thể có điểm kiểm tra dưới 1 tiết riêng nhưng không có điểm kiểm tra 1 tiết riêng, điểm CĐNC, CĐBS môn học nào tính cho môn học đó.

### 3. Thực hiện các hoạt động giáo dục

a) Phân công giáo viên thực hiện các Hoạt động giáo dục:

Trong KHGD quy định tại CTGDPT do Bộ GDĐT ban hành, các *hoạt động giáo dục* đã được quy định thời lượng với số tiết học cụ thể như các môn học. Đối với giáo viên được phân công thực hiện Hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp (HĐGDNGLL) và Hoạt động giáo dục hướng nghiệp (HĐGDHN) được tính giờ dạy học như các môn học; việc tham gia điều hành *HĐGD tập thể* (chào cờ đầu tuần và sinh hoạt lớp cuối tuần) là thuộc nhiệm vụ quản lí của Ban Giám hiệu và giáo viên chủ nhiệm lớp, không tính là giờ dạy học.

b) Thực hiện tích hợp giữa HĐGDNGLL, HĐGDHN, môn Công nghệ:

- HĐGDNGLL: Thực hiện đủ các chủ đề quy định cho mỗi tháng, với thời lượng 2 tiết/tháng và tích hợp nội dung HĐGDNGLL sang môn GDCD như sau:

+ Lớp 10, ở chủ đề về đạo đức;

+ Lớp 11, các chủ đề về kinh tế và chính trị - xã hội;

+ Lớp 12, ở các chủ đề về pháp luật.

Đưa nội dung giáo dục về Công ước Quyền trẻ em của Liên Hợp quốc vào HGDNGLL ở lớp 10 và tổ chức các hoạt động hưởng ứng phong trào "*Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực*" do Bộ GDĐT phát động.

- HGDHN:

Các lớp 10, 11, 12: Điều chỉnh thời lượng HGDHN thành 9 tiết/năm học sau khi tích hợp đưa sang giảng dạy ở môn Công nghệ (*phần "Tạo lập doanh nghiệp" lớp 10*) và tích hợp đưa sang HGDNGLL (do giáo viên môn Công nghệ, giáo viên HGDNGLL thực hiện) ở 3 chủ đề sau đây:

+ "*Thanh niên với vấn đề lập nghiệp*", chủ đề tháng 3;

+ "*Thanh niên với học tập, rèn luyện vì sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước*", chủ đề tháng 9;

+ "*Thanh niên với xây dựng và bảo vệ Tổ quốc*", chủ đề tháng 12.

Nội dung tích hợp do Sở GDĐT hướng dẫn hoặc uỷ quyền cho các trường THPT hướng dẫn GV thực hiện cho sát thực tiễn địa phương. Cần hướng dẫn học sinh lựa chọn con đường học lên sau THPT (ĐH, CĐ, TCCN, học nghề) hoặc đi vào cuộc sống lao động. Về phương pháp tổ chức thực hiện HGDHN, có thể riêng theo lớp hoặc theo khối lớp; có thể giao cho giáo viên hoặc mời chuyên gia, nhà quản lý kinh tế, quản lý doanh nghiệp giảng dạy.

c) HGD nghề phổ thông:

Nơi có đủ giáo viên đào tạo đúng chuyên môn, đủ CSVC phải thực hiện HGDNPT ở lớp 11, tổ chức thi và cấp chứng chỉ GDNPT sau khi hoàn thành chương trình 105 tiết đạt yêu cầu trở lên; nơi chưa đủ giáo viên đào tạo đúng chuyên môn, chưa đủ CSVC có thể chưa thực hiện chương trình HGDNPT nhưng phải khẩn trương khắc phục, không để kéo dài. Các vấn đề cụ thể về HGDNPT, thực hiện theo hướng dẫn tại công văn số 8608/BGDĐT-GDTrH ngày 16/8/2007 của Bộ GDĐT.

#### **4. Đổi mới phương pháp dạy học và đổi mới kiểm tra, đánh giá**

a) Chỉ đạo đổi mới phương pháp dạy học (PPDH):

- Những yêu cầu quan trọng trong đổi mới PPDH là:

+ Phát huy tính tích cực, hứng thú trong học tập của học sinh và vai trò chủ đạo của giáo viên;

+ Thiết kế bài giảng khoa học, sắp xếp hợp lý hoạt động của giáo viên và học sinh, thiết kế hệ thống câu hỏi hợp lý, tập trung vào trọng tâm, tránh nặng nề quá tải (nhất là đối với bài dài, bài khó, nhiều kiến thức mới); bồi dưỡng năng lực độc lập suy nghĩ, vận dụng sáng tạo kiến thức đã học, tránh thiên về ghi nhớ máy móc không nắm vững bản chất;

+ Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học, khuyến khích sử dụng hợp lý công nghệ thông tin, sử dụng các phương tiện nghe nhìn, thực hiện đầy đủ thí nghiệm, thực hành, liên hệ thực tế trong giảng dạy phù hợp với nội dung bài học;

+ Giáo viên sử dụng ngôn ngữ chuẩn xác, trong sáng, sinh động, dễ hiểu, tác phong thân thiện, khuyến khích, động viên học sinh học tập, tổ chức cho học sinh làm việc cá nhân và theo nhóm;

+ Dạy học sát đối tượng, coi trọng bồi dưỡng học sinh khá giỏi và giúp đỡ học sinh học lực yếu kém.

- Đối với các môn học như: Mĩ thuật, Âm nhạc (THCS), Thể dục (THCS, THPT) cần coi trọng truyền thụ kiến thức, hình thành kỹ năng, bồi dưỡng hứng thú học tập, không quá thiên về đánh giá thành tích theo yêu cầu đào tạo chuyên ngành hoạ sỹ, nhạc sỹ, vận động viên.

- Tăng cường chỉ đạo đổi mới PPDH thông qua công tác bồi dưỡng giáo viên và dự giờ thăm lớp của giáo viên, tổ chức rút kinh nghiệm giảng dạy ở các tổ chuyên môn, hội thảo cấp trường, cụm trường, địa phương, hội thi giáo viên giỏi các cấp.

b) Đổi mới kiểm tra, đánh giá (KTĐG):

- Những yêu cầu quan trọng trong đổi mới KTĐG là:

+ Giáo viên đánh giá sát đúng trình độ học sinh với thái độ khách quan, công minh và hướng dẫn học sinh biết tự đánh giá năng lực của mình;

+ Trong quá trình dạy học, cần kết hợp một cách hợp lý hình thức tự luận với hình thức trắc nghiệm khách quan trong KTĐG kết quả học tập của học sinh, chuẩn bị tốt cho việc đổi mới các kỳ thi theo chủ trương của Bộ GDĐT.

+ Thực hiện quy định của Quy chế Đánh giá, xếp loại học sinh THCS, học sinh THPT do Bộ GDĐT ban hành, tiến hành đủ số lần kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ, kiểm tra học kỳ cả lý thuyết và thực hành.

- Đổi mới đánh giá các môn Mỹ thuật, Âm nhạc (THCS), Thể dục (THCS, THPT): Đánh giá bằng điểm hoặc nhận xét kết quả học tập theo quy định tại Quy chế Đánh giá, xếp loại học sinh THCS, học sinh THPT.

c) Đối với một số môn khoa học xã hội và nhân văn như: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí, Giáo dục công dân, cần coi trọng đổi mới PPDH, đổi mới KTĐG theo hướng hạn chế chỉ ghi nhớ máy móc, không nắm vững kiến thức, kỹ năng môn học. Cần từng bước đổi mới KTĐG bằng cách nêu vấn đề mở, đòi hỏi học sinh phải vận dụng tổng hợp kiến thức, kỹ năng và biểu đạt chính kiến của bản thân.

d) Từ năm học 2008-2009, tập trung chỉ đạo đánh giá sâu hiệu quả dạy học của môn Giáo dục công dân để tiếp tục đổi mới PPDH, KTĐG nhằm nâng cao chất lượng môn học này (có hướng dẫn riêng).

5. Thực hiện các nội dung giáo dục địa phương (hướng dẫn tại công văn số 5977/BGDĐT-GDTrH ngày 07/7/2008)

## II. NHỮNG VẤN ĐỀ CỤ THỂ CỦA MÔN SINH HỌC

### 1. Tổ chức dạy học

– Bắt đầu từ năm học 2008-2009, thời gian thực học cả năm học là 37 tuần, có thể có tuần không có tiết học môn Sinh học. Thời lượng của môn Sinh học lớp 10 là 35 tiết trong cả năm học. Thời lượng của môn Sinh học lớp 10 nâng cao là 52 tiết trong cả năm học. Thời lượng của môn Sinh học lớp 11 (chuẩn, nâng cao) là 52 tiết trong cả năm học. Thời lượng của môn Sinh học lớp 12 là 52 tiết trong cả năm học. Thời lượng của môn Sinh học lớp 12 nâng cao là 70 tiết trong cả năm học.

– Phải đảm bảo dạy đủ số tiết thực hành của từng chương và của cả năm học. Trong điều kiện có thể, các trường nên bố trí các tiết thực hành vào 1 buổi để tạo thuận lợi cho giáo viên và học sinh khi dạy học.

+ Lớp 10 là 05 tiết (có thể bố trí vào 02 buổi) với các nội dung: Thí nghiệm co và phản co nguyên sinh, một số thí nghiệm về enzym, quan sát các kì của nguyên phân trên tiêu bản rễ hành, lên men êtilic và lactic, quan sát một số vi sinh vật.

+ Lớp 10 nâng cao là 10 tiết (có thể bố trí vào 03 - 04 buổi) với các nội dung: Đa dạng thế giới sinh vật, thí nghiệm nhận biết một số thành phần hóa học của tế bào, quan sát tế bào dưới kính hiển vi, thí nghiệm co và phản co nguyên sinh, thí nghiệm sự thẩm thấu và tính thấm của tế bào, một số thí nghiệm về enzym, quan sát các kì của nguyên phân qua tiêu bản tạm thời hay cố định, lên men êtilic, lên men lactic, quan sát một số vi sinh vật, tìm hiểu một số bệnh truyền nhiễm phổ biến ở địa phương.

+ Lớp 11 là 08 tiết (có thể bố trí vào 03 buổi) với các nội dung: Thí nghiệm thoát hơi nước và thí nghiệm về vai trò của phân bón, phát hiện diệp lục và carôtenôit, phát hiện hô hấp ở thực vật, đo một số chỉ tiêu sinh lý của người, hướng động, xem phim về tập tính động vật, xem phim về sinh trưởng phát triển ở động vật, nhân giống vô tính ở thực vật bằng giâm, chiết, ghép.

+ Lớp 11 nâng cao là 08 tiết (có thể bố trí vào 03 buổi) với các nội dung: Thoát hơi nước và bố trí thí nghiệm về phân bón, tách chiết sắc tố từ lá và tách các nhóm sắc tố bằng phương pháp hóa học, chứng minh quá trình hô hấp tỏa nhiệt, tìm hiểu hoạt động của tim ếch, hướng động, xem phim về tập tính một số động vật, quan sát sinh trưởng phát triển của một số động vật, nhân giống giâm, chiết, ghép ở thực vật.

+ Lớp 12 là 03 tiết (có thể bố trí vào 01 - 02 buổi) với các nội dung: Quan sát các dạng đột biến số lượng nhiễm sắc thể trên tiêu bản cố định và trên tiêu bản tạm thời, lai giống, quản lý và sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên.

+ Lớp 12 nâng cao là 06 tiết (có thể bố trí vào 02 - 03 buổi) với các nội dung: Xem phim về cơ chế nhân đôi ADN, phiên mã và dịch mã. Quan sát các dạng đột biến số lượng nhiễm sắc thể trên tiêu bản



cố định. Lai giống. Bằng chứng về nguồn gốc động vật của loài người. Khảo sát vi khí hậu của một khu vực. Tính độ phong phú của loài và kích thước quần thể theo phương pháp đánh bắt thả lại.

– Các nội dung lí thuyết và thực hành phải được dạy học theo đúng trình tự ghi trong phân phối chương trình (PPCT) do Sở GDĐT quy định cụ thể dựa trên Khung PPCT của Bộ GDĐT.

– Cuối mỗi học kì, có 1 tiết ôn tập, 1 tiết kiểm tra học kì.

– Các tiết *Bài tập*, *Ôn tập*, Sở GDĐT cần quy định nội dung cụ thể, căn cứ tình hình thực tế để định ra những nội dung cho các tiết *Bài tập*, *Ôn tập* đảm bảo đủ các kiến thức, kĩ năng theo yêu cầu. Nên lựa chọn, xây dựng nội dung cho các tiết *Bài tập* và *Ôn tập* nhằm mục đích củng cố kiến thức hay rèn luyện kĩ năng, hình thức có thể là làm bài tập trên lớp học và giao bài tập cho học sinh làm thêm ở nhà.

– Tùy tình hình thực tế, có thể kéo dài hoặc rút ngắn thời lượng giảng dạy đã được phân cho một nội dung nào đó (thời lượng thực hành *không* được rút ngắn). Tuy nhiên, việc kéo dài hoặc rút ngắn vẫn phải đảm bảo dạy đủ các nội dung kiến thức cơ bản được quy định trong chuẩn kiến thức.

– Đối với các học sinh giỏi, giáo viên chọn các bài đọc thêm trong sách giáo khoa, xây dựng thêm các *Bài tập và thực hành*, đề củng cố, hệ thống và nhất là chuẩn xác hoá các kiến thức, kĩ năng theo yêu cầu. Đồng thời trong tiết *Bài tập và thực hành* giáo viên nên phân loại, chia nhóm, bố trí chỗ ngồi để học sinh có thể giúp đỡ nhau nâng cao hiệu quả của tiết học.

– Ở một số nội dung, việc học lí thuyết sẽ hiệu quả hơn nếu sử dụng máy vi tính, phần mềm, tranh, ảnh, sơ đồ trực quan. Bộ đã cung cấp các đĩa CD về nội dung Sinh học 10; Sinh học 11; Sinh học 12 nên các đơn vị cần đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học Sinh học.

## 2. Kiểm tra, đánh giá

– Phải thực hiện đổi mới kiểm tra, đánh giá theo hướng dẫn của Bộ GDĐT, khi ra đề kiểm tra (*dưới 1 tiết, 1 tiết, học kì*) phải bám sát chuẩn kiến thức, kĩ năng của Chương trình. Giáo viên kiểm tra tự luận và trắc nghiệm trong quá trình dạy học để đánh giá và quan trọng hơn là giúp học sinh tự đánh giá quá trình học tập. Khi kiểm tra bằng trắc nghiệm khách quan không nên chỉ dùng một hình thức duy nhất là sử dụng câu hỏi đa lựa chọn mà sử dụng nhiều loại câu hỏi trắc nghiệm khách quan khác nhau.

– Trong cả năm học phải dành 04 tiết để kiểm tra. Trong đó có 02 tiết dành cho kiểm tra học kì (học kì I: 1 tiết; học kì II: 1 tiết); 02 tiết kiểm tra một tiết (học kì I: 1 tiết; học kì II: 1 tiết); kiểm tra thực hành được đánh giá trong tất cả các bài thực hành.

Đánh giá bài thực hành của học sinh bao gồm 2 phần:

+ Phần đánh giá kỹ năng thực hành, kết quả thực hành;

+ Phần đánh giá báo cáo thực hành.

Điểm của bài thực hành bằng trung bình cộng điểm của hai phần trên.

Giáo viên có thể tính điểm bình quân các bài thực hành trong mỗi học kì hoặc lấy điểm bài đạt điểm cao nhất của học sinh nhưng phải đảm bảo mỗi học kì có ít nhất một điểm. Sau mỗi tiết *Bài tập và thực hành* phải có đánh giá và cho điểm. Phải dùng điểm này làm ít nhất 1 điểm (hệ số 1) trong các điểm để xếp loại học lực của học sinh.

– Phải đảm bảo thực hiện đúng, đủ các tiết kiểm tra, kiểm tra thực hành, kiểm tra học kì như trong PPCT.

– Phải đánh giá được cả kiến thức, kĩ năng, cả lí thuyết và thực hành và phải theo nội dung, mức độ yêu cầu được quy định trong chuẩn kiến thức kĩ năng của chương trình môn học.

– Sở GDĐT hướng dẫn về kiểm tra miệng, kiểm tra dưới 45 phút để đảm bảo đủ số lượng điểm kiểm tra theo quy định.

– Việc kiểm tra học kì phải được thực hiện ở cả hai nội dung lí thuyết và thực hành. Tỷ lệ điểm phần lí thuyết và điểm phần thực hành của bài kiểm tra học kì có thể cân đối: lí thuyết 60-70% và thực hành 30-40%. Giáo viên tự lựa chọn một trong hai tỉ lệ nêu trên cho phù hợp với tình hình thực tế. Việc kiểm tra học kì có thể được tiến hành theo 1 trong 2 cách sau:

+ *Cách 1*: Nếu có đủ điều kiện, thì tiến hành kiểm tra cả lí thuyết và thực hành trong tiết kiểm tra học kì. Giáo viên tự phân chia hợp lí thời lượng của tiết kiểm tra học kì cho phần lí thuyết và phần thực hành (kiểm tra thực hành trên giấy).

+ *Cách 2*: Trong tiết kiểm tra học kì chỉ kiểm tra và lấy điểm phần lí thuyết, còn điểm phần thực hành được lấy bằng cách tính trung bình điểm các bài thực hành trong học kì.

– Do đặc trưng của môn học thuận lợi cho việc áp dụng hình thức trắc nghiệm khách quan nên giáo viên cần lưu ý tận dụng ưu thế này để tăng cường sử dụng hình thức trắc nghiệm khách quan trong kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh. Giáo viên cần có kế hoạch phối hợp cả 2 hình thức để kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh.

## B. KHUNG PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH

### LỚP 10

**Cả năm: 37 tuần - 35 tiết**

**Học kì I: 19 tuần - 19 tiết**

**Học kì II: 18 tuần - 16 tiết**

Nội dung	Số tiết				
	Lí thuyết	Bài tập	Thực hành	Ôn tập	Kiểm tra
Phần I. Giới thiệu chung về thế giới sống	02	-	-	-	-
Phần II. Sinh học tế bào Chương I. Thành phần hóa học của tế bào	03	-	-	-	-
Chương II. Cấu trúc của tế bào	04	01	01	-	01
Chương III. Chuyển hóa vật chất và năng lượng trong tế bào	04	-	01	01	01
Chương IV. Phân bào	02	-	01	-	-
Phần III. Sinh học vi sinh vật Chương I: Chuyển hóa vật chất và năng lượng ở vi sinh vật	02	-	01	-	-
Chương II: Sinh trưởng và phát triển ở vi sinh vật	02	-	01	-	01
Chương III: Vi rút – Bệnh truyền nhiễm và miễn dịch	03	01	-	01	01
<b>Tổng cộng</b>	<b>22</b>	<b>02</b>	<b>05</b>	<b>02</b>	<b>04</b>

### LỚP 10 (NÂNG CAO)

**Cả năm: 37 tuần - 52 tiết**

**Học kì I: 19 tuần - 27 tiết**

**Học kì II: 18 tuần - 25 tiết**

Nội dung	Số tiết				
	Lí thuyết	Bài tập	Thực hành	Ôn tập	Kiểm tra
Phần I. Giới thiệu chung về thế giới sống	03	-	01	-	-
Phần II. Sinh học tế bào Chương I. Thành phần hóa học của tế bào	05	-	01	-	-
Chương II. Cấu trúc của tế bào	06	01	02	-	01
Chương III. Chuyển hóa vật chất và năng lượng trong tế bào	06	-	01	01	01
Chương IV. Phân bào	03	01	01	0	0
Phần III. Sinh học vi sinh vật Chương I: Chuyển hóa vật chất và năng lượng ở vi sinh vật	02	-	02	-	-
Chương II: Sinh trưởng và phát	04	01	01	-	01

triển ở vi sinh vật					
Chương III: Vi rút – Bệnh truyền nhiễm và miễn dịch	04	-	01	01	01
Tổng cộng	33	03	10	02	04

### LỚP 11

**Cả năm: 37 tuần - 52 tiết**

**Học kì I: 19 tuần - 27 tiết**

**Học kì II: 18 tuần - 25 tiết**

Nội dung	Số tiết				
	Lí thuyết	Bài tập	Thực hành	Ôn tập	Kiểm tra
Phần IV : Sinh học cơ thể Chương I. Chuyển hoá vật chất và năng lượng	15	01	04	-	01
Chương II. Cảm ứng	09	-	02	01	01
Chương III. Sinh trưởng và phát triển	06	-	01	-	01
Chương IV. Sinh sản	06	01	01	01	01
Tổng cộng	36	02	08	02	04

### LỚP 11 (NÂNG CAO)

**Cả năm : 37 tuần - 52 tiết**

**Học kì I: 19 tuần - 27 tiết**

**Học kì II: 18 tuần - 25 tiết**

Nội dung	Số tiết				
	Lí thuyết	Bài tập	Thực hành	Ôn tập	Kiểm tra
Phần IV : Sinh học cơ chế Chương I. Chuyển hoá vật chất và năng lượng	15	01	04	-	01
Chương II. Cảm ứng	09	-	02	01	01
Chương III. Sinh trưởng và phát triển	06	-	01	-	01
Chương IV. Sinh sản	06	01	01	01	01
Tổng cộng	36	02	08	02	04

### LỚP 12

**Cả năm : 37 tuần - 52 tiết**

**Học kì I: 19 tuần - 27 tiết**

**Học kì II: 18 tuần - 25 tiết**

Nội dung	Số tiết				
	Lí thuyết	Bài tập	Thực hành	Ôn tập	Kiểm tra
<i>Phần năm. DI TRUYỀN HỌC</i> <i>Chương I. Cơ chế di truyền và biến dị</i>	06	-	01	-	-

<i>Chương II.</i> Tính quy luật của hiện tượng di truyền	06	01	01	-	01
<i>Chương III.</i> Di truyền học quần thể	02	-	-	-	-
<i>Chương IV.</i> Ứng dụng di truyền học	03	-	-	-	-
<i>Chương V.</i> Di truyền học người	02	-	-	01	01
<i>Phần sáu.</i> TIỀN HOÁ					
<i>Chương I.</i> Bằng chứng và cơ chế tiến hoá	08	-	-	-	-
<i>Chương II.</i> Sự phát sinh và phát triển sự sống trên trái đất	03	-	-	-	01
<i>Phần bảy.</i> SINH THÁI HỌC					
<i>Chương I.</i> Cá thể và quần thể sinh vật	05	-	-	-	-
<i>Chương II.</i> Quần xã sinh vật	02	-	-	-	-
<i>Chương IV.</i> Hệ sinh thái, sinh quyển và bảo vệ môi trường	04	01	01	02	01
<b>Tổng cộng</b>	<b>40</b>	<b>02</b>	<b>03</b>	<b>03</b>	<b>04</b>

### LỚP 12 (NÂNG CAO)

**Cả năm: 37 tuần - 70 tiết**

**Học kì I: 19 tuần - 36 tiết**

**Học kì II: 18 tuần - 34 tiết**

Nội dung	Số tiết				
	Lí thuyết	Bài tập	Thực hành	Ôn tập	Kiểm tra
<i>Phần năm.</i> DI TRUYỀN HỌC					
<i>Chương I.</i> Cơ chế di truyền và biến dị	07	01	02	-	-
<i>Chương II.</i> Tính quy luật của hiện tượng di truyền	07	01	01	-	01
<i>Chương III.</i> Di truyền học quần thể	02	-	-	-	-
<i>Chương IV.</i> Ứng dụng di truyền học	05	-	-	-	-
<i>Chương V.</i> Di truyền học người	03	01	-	01	-
<i>Phần sáu.</i> TIỀN HOÁ					
<i>Chương I.</i> Bằng chứng tiến hoá	03	-	-	-	01
<i>Chương II.</i> Nguyên nhân và cơ chế tiến hoá	08	-	-	-	-
<i>Chương III.</i> Sự phát sinh và phát triển sự sống trên trái đất	03	-	01	-	01
<i>Phần bảy.</i> SINH THÁI HỌC					
<i>Chương I.</i> Cơ thể và môi trường	03	-	01	-	-
<i>Chương II.</i> Quần thể sinh vật	04	-	-	-	-
<i>Chương III.</i> Quần xã sinh vật	04	-	01	-	-
<i>Chương IV.</i> Hệ sinh thái, sinh quyển và sinh thái học với quản lí tài nguyên thiên nhiên	04	01	-	02	01
<b>Tổng cộng</b>	<b>53</b>	<b>04</b>	<b>06</b>	<b>03</b>	<b>04</b>

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

**Tài liệu**

**PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH THCS**

**MÔN THỂ DỤC**

*(Dùng cho các cơ quan quản lý giáo dục và giáo viên,  
áp dụng từ năm học 2008-2009)*

# A. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG KHUNG PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH THCS

## I. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

Khung phân phối chương trình (KPPCT) này áp dụng cho cấp THCS từ năm học 2008-2009, gồm 2 phần: (A) Hướng dẫn sử dụng KPPCT; (B) Khung PPCT.

### 1. Về Khung phân phối chương trình

KPPCT quy định thời lượng dạy học cho từng phần của chương trình (chương, phần, bài học, môđun, chủ đề,...), trong đó có thời lượng dành cho luyện tập, bài tập, ôn tập, thí nghiệm, thực hành và thời lượng tiến hành kiểm tra định kì tương ứng với các phần đó.

Thời lượng quy định tại KPPCT áp dụng trong trường hợp học 1 buổi/ngày, thời lượng dành cho kiểm tra là không thay đổi, thời lượng dành cho các hoạt động khác là quy định tối thiểu. Tiến độ thực hiện chương trình khi kết thúc học kì I và năm học được quy định thống nhất cho tất cả các trường THCS trong cả nước.

Căn cứ KPPCT, các Sở GDĐT cụ thể hoá thành PPCT chi tiết, bao gồm cả dạy học tự chọn cho phù hợp với địa phương, áp dụng chung cho các trường THCS thuộc quyền quản lí. Các trường THCS có điều kiện bố trí giáo viên và kinh phí chi trả giờ dạy vượt định mức quy định (trong đó có các trường học nhiều hơn 6 buổi/tuần), có thể chủ động đề nghị Phòng GDĐT xem xét trình Sở GDĐT phê chuẩn việc điều chỉnh PPCT tăng thời lượng dạy học cho phù hợp (*lãnh đạo Sở GDĐT phê duyệt, kí tên, đóng dấu*).

### 2. Về phân phối chương trình dạy học tự chọn

a) Thời lượng và cách tổ chức dạy học tự chọn:

Thời lượng dạy học tự chọn của các lớp cấp THCS trong Kế hoạch giáo dục là 2 tiết/tuần, dạy học chung cho cả lớp (các trường tự chủ về kinh phí có thể chia lớp thành nhóm nhỏ hơn nhưng vẫn phải theo kế hoạch chung của cả lớp).

Việc sử dụng thời lượng dạy học tự chọn THCS theo 1 trong 2 cách sau đây:

*Cách 1:* Chọn 1 trong 3 môn học, hoạt động giáo dục : Tin học, Ngoại ngữ 2, Nghề phổ thông (trong đó Ngoại ngữ 2 có thể bố trí vào 2 tiết dạy học tự chọn này hoặc bố trí ngoài thời lượng dạy học 6 buổi/tuần).

*Cách 2:* Dạy học các chủ đề tự chọn nâng cao, bám sát (CĐNC, CĐBS).

– Dạy học CĐNC là để khai thác sâu hơn kiến thức, kĩ năng của chương trình, bổ sung kiến thức, bồi dưỡng năng lực tư duy nhưng phải phù hợp với trình độ tiếp thu của học sinh.

Các Sở GDĐT tổ chức biên soạn, thẩm định tài liệu CĐNC (*trong đó có các tài liệu Lịch sử, Địa lí, Văn học địa phương*), dùng cho cấp THCS theo hướng dẫn của Bộ GDĐT (tài liệu CĐNC sử dụng cho cả giáo viên và học sinh như SGK) và quy định cụ thể PPCT dạy học các CĐNC cho phù hợp với mạch kiến thức của môn học đó. Các Phòng GDĐT đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện PPCT dạy học các CĐNC.

– Dạy học các CĐBS là để *ôn tập, hệ thống hóa, khắc sâu kiến thức, kĩ năng* (không bổ sung kiến thức nâng cao mới). Trong điều kiện chưa ban hành được tài liệu CĐNC, cần dành thời lượng dạy học tự chọn để thực hiện CĐBS nhằm ôn tập, hệ thống hóa, khắc sâu kiến thức, kĩ năng cho học sinh.

Hiệu trưởng các trường THCS chủ động lập Kế hoạch dạy học các CĐBS (chọn môn học, ấn định số tiết/tuần cho từng môn, tên bài dạy) cho từng lớp, ổn định trong từng học kì trên cơ sở đề nghị của các tổ trưởng chuyên môn và giáo viên chủ nhiệm lớp. Giáo viên chuẩn bị kế hoạch bài dạy (giáo án) CĐBS với sự hỗ trợ của tổ chuyên môn.

b) Kiểm tra, đánh giá kết quả dạy học tự chọn:

Việc kiểm tra, đánh giá kết quả học tập CĐTC của môn học thực hiện theo quy định tại *Quy chế đánh giá, xếp loại học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông*.

**Lưu ý:** Các bài dạy CĐTCNC, CĐBS bố trí trong các chương như các bài khác, có thể có điểm kiểm tra dưới 1 tiết riêng nhưng không có điểm kiểm tra 1 tiết riêng, điểm CĐTC môn học nào tính cho môn học đó.

### 3. Thực hiện các hoạt động giáo dục

a) Phân công giáo viên thực hiện các Hoạt động giáo dục:

Trong KHGD quy định tại CTGDPT do Bộ GDĐT ban hành, các *hoạt động giáo dục* đã được quy định thời lượng với số tiết học cụ thể như các môn học. Đối với giáo viên được phân công thực hiện Hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp (HĐGDNGLL), Hoạt động giáo dục hướng nghiệp (HĐGDHN) được tính giờ dạy như các môn học; việc tham gia điều hành *HĐGD tập thể* (chào cờ đầu tuần và sinh hoạt lớp cuối tuần) là thuộc nhiệm vụ quản lý của Ban Giám hiệu và giáo viên chủ nhiệm lớp, không tính vào giờ dạy tiêu chuẩn.

b) Tích hợp HĐGDNGLL, HĐGDHN, môn Công nghệ:

- HĐGDNGLL: Thực hiện đủ các chủ đề quy định cho mỗi tháng, với thời lượng 2 tiết/tháng và tích hợp nội dung HĐGDNGLL sang môn GDCD các lớp 6, 7, 8, 9 ở các chủ đề về đạo đức và pháp luật. Đưa nội dung về Công ước Quyền trẻ em của Liên Hợp quốc vào HĐGDNGLL ở lớp 9 và tổ chức các hoạt động hưởng ứng phong trào "*Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực*" do Bộ GDĐT phát động.

- HĐGDHN (lớp 9):

Điều chỉnh thời lượng HĐGDHN thành 9 tiết/năm học sau khi đưa một số nội dung GDHN tích hợp sang HĐGDNGLL ở 2 chủ điểm sau đây:

+ "*Truyền thống nhà trường*", chủ điểm tháng 9;

+ "*Tiến bước lên Đoàn*", chủ điểm tháng 3.

Nội dung tích hợp do Sở GDĐT (hoặc uỷ quyền cho các Phòng GDĐT) hướng dẫn trường THCS thực hiện cho sát thực tiễn địa phương. Về phương pháp tổ chức thực hiện HĐGDHN, có thể riêng theo lớp, theo khối lớp; có thể giao cho giáo viên hoặc mời các chuyên gia, nhà quản lý kinh tế, quản lý doanh nghiệp giảng dạy.

### 4. Đổi mới phương pháp dạy học; đổi mới kiểm tra, đánh giá

a) Chỉ đạo đổi mới phương pháp dạy học (PPDH):

- Những yêu cầu quan trọng trong đổi mới PPDH là:

+ Phát huy tính tích cực, hứng thú trong học tập của học sinh và vai trò chủ đạo của giáo viên;

+ Thiết kế bài giảng khoa học, sắp xếp hợp lý hoạt động của giáo viên và học sinh, thiết kế hệ thống câu hỏi hợp lý, tập trung vào trọng tâm, tránh nặng nề quá tải (nhất là đối với bài dài, bài khó, nhiều kiến thức mới); bồi dưỡng năng lực độc lập suy nghĩ, vận dụng sáng tạo kiến thức đã học, tránh thiên về ghi nhớ máy móc không nắm vững bản chất;

+ Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học, khuyến khích sử dụng công nghệ thông tin, sử dụng các phương tiện nghe nhìn, thực hiện đầy đủ thí nghiệm, thực hành, liên hệ thực tế trong giảng dạy phù hợp với nội dung từng bài học;

+ Giáo viên sử dụng ngôn ngữ chuẩn xác, trong sáng, sinh động, dễ hiểu, tác phong thân thiện, khuyến khích, động viên học sinh học tập, tổ chức hợp lý cho học sinh làm việc cá nhân và theo nhóm;

+ Dạy học sát đối tượng, coi trọng bồi dưỡng học sinh khá giỏi và giúp đỡ học sinh học lực yếu kém.

- Đối với các môn học đòi hỏi năng khiếu như: Mĩ thuật, Âm nhạc, Thể dục cần coi trọng truyền thụ kiến thức, hình thành kỹ năng, bồi dưỡng hứng thú học tập, không quá thiên về đánh giá thành tích theo yêu cầu đào tạo chuyên ngành hoạ sỹ, nhạc sỹ, vận động viên.

- Tăng cường chỉ đạo đổi mới PPDH thông qua công tác bồi dưỡng giáo viên và dự giờ thăm lớp của giáo viên, tổ chức rút kinh nghiệm giảng dạy ở các tổ chuyên môn, hội thảo cấp trường, cụm trường, địa phương, hội thi giáo viên giỏi các cấp.

b) Đổi mới kiểm tra, đánh giá (KTĐG):

- Những yêu cầu quan trọng trong đổi mới KTĐG là:

+ Giáo viên đánh giá sát đúng trình độ học sinh với thái độ khách quan, công minh và hướng dẫn học sinh biết tự đánh giá năng lực của mình;

+ Trong quá trình dạy học, cần kết hợp một cách hợp lý hình thức tự luận với hình thức trắc nghiệm khách quan trong KTĐG kết quả học tập của học sinh, chuẩn bị tốt cho việc đổi mới các kỳ thi theo chủ trương của Bộ GDĐT.

+ Thực hiện đúng quy định của Quy chế Đánh giá, xếp loại học sinh THCS, học sinh THPT do Bộ GDĐT ban hành, tiến hành đủ số lần kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ, kiểm tra học kỳ cả lý thuyết và thực hành.

- Đổi mới đánh giá các môn Mỹ thuật, Âm nhạc (THCS), Thể dục (THCS, THPT): Thực hiện đánh giá bằng điểm hoặc đánh giá bằng nhận xét kết quả học tập theo quy định tại Quy chế Đánh giá, xếp loại học sinh THCS, học sinh THPT sửa đổi.

c) Đối với một số môn khoa học xã hội và nhân văn như: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí, Giáo dục công dân, cần coi trọng đổi mới PPDH, đổi mới KTĐG theo hướng hạn chế chỉ ghi nhớ máy móc, không nắm vững kiến thức, kỹ năng môn học. Trong quá trình dạy học, cần đổi mới KTĐG bằng cách nêu vấn đề mở, đòi hỏi học sinh phải vận dụng tổng hợp kiến thức, kỹ năng và biểu đạt chính kiến của bản thân.

d) Từ năm học 2008-2009, tập trung chỉ đạo đánh giá sâu hiệu quả dạy học của môn Giáo dục công dân để tiếp tục đổi mới PPDH, KTĐG nhằm nâng cao chất lượng môn học này (*có hướng dẫn riêng*).

**5. Thực hiện các nội dung giáo dục địa phương** (*hướng dẫn tại công văn số 5977/BGDĐT-GDTrH ngày 07/7/2008*)

## II. NHỮNG VẤN ĐỀ CỤ THỂ CỦA MÔN THỂ DỤC

1. Do đặc điểm dạy và học môn Thể dục phụ thuộc nhiều vào cơ sở vật chất và khí hậu thời tiết ở các vùng miền khác nhau, các Sở GDĐT căn cứ vào KPPCT này để xây dựng PPCT cụ thể. Khi bắt đầu năm học mới, phải đảm bảo cấp cho mỗi giáo viên (GV) văn bản PPCT để áp dụng thống nhất.

2. Không dạy vào tiết 5 buổi sáng và tiết 1 buổi chiều, không bố trí học 2 tiết liền cùng buổi hoặc trái buổi (*riêng môn Bơi do nhà trường quy định, bố trí học không quá 2 tiết/buổi, đặc biệt chú ý bảo đảm an toàn*).

3. Môn thể thao tự chọn (TTTC): Ngoài 4 môn được biên soạn trong chương trình và sách giáo viên, có thể lựa chọn môn thể thao khác theo sự chỉ đạo của Sở GDĐT, nhằm phát triển các môn Thể thao thể mạnh ở địa phương và phù hợp với điều kiện của nhà trường trên nguyên tắc: Sở GDĐT tổ chức biên soạn chương trình (xây dựng mục tiêu, lựa chọn nội dung, kế hoạch dạy học, kiểm tra đánh giá và biên soạn chi tiết) bảo đảm thời lượng, nội dung vừa sức HS, tổ chức thẩm định và phê duyệt trước khi đưa vào giảng dạy.

4. Môn Chạy bền dạy trong 2 học kì hoặc học kì II. Những tiết có nội dung chạy bền, GV cần phải tính toán kỹ lưỡng vận động của các nội dung trong cùng tiết dạy để đưa ra lượng vận động hợp lý cho HS theo nhóm sức khỏe và giới tính sao cho vừa sức, tránh hiện tượng quá sức. Trong một tiết dạy, nội dung chạy bền được sắp xếp một cách hợp lý vào cuối phần cơ bản, thời gian chạy bền trong một tiết dạy khoảng 3-8 phút, khi HS đã học đủ thời lượng và luyện tập thường xuyên thì GV tổ chức kiểm tra nội dung chạy bền vào cuối học kì II.

5. Về đổi mới phương pháp dạy học.

Đổi mới phương pháp dạy học theo định hướng:

- Lấy việc góp phần giữ gìn và nâng cao sức khỏe, thể lực học sinh là mục tiêu xuyên suốt trong quá trình dạy học, tổ chức tiết dạy sao cho khoa học, phù hợp với điều kiện cơ sở vật chất của nhà trường, tăng



cường cách tổ chức phân nhóm (không và có quay vòng), phối hợp hợp lý giữa tập đồng loạt với tập lần lượt để tăng thời gian cho HS tập luyện đạt đến lượng vận động hợp lý.

Dạy môn Thể dục ở giáo dục phổ thông là dạy cho học sinh kiến thức, kỹ năng cơ bản để thực hiện mục tiêu giáo dục phổ thông, chưa đặt ra mục tiêu đào tạo chuyên nghiệp cho những người làm nghề thể thao. Cùng với một số môn học khác, môn Thể dục góp phần hình thành những cơ sở ban đầu cho sự phát triển đúng đắn, lâu dài về hiểu biết, kỹ năng, ý thức rèn luyện sức khỏe, truyền đạt một số kiến thức cơ bản, cần thiết, mang tính phổ thông nhằm thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện, đồng thời phát hiện những học sinh có năng khiếu, tạo điều kiện cho các em tiếp tục phát triển năng khiếu thể thao.

- Tăng cường vận dụng phương pháp trò chơi và thi đấu;
- Bồi dưỡng cho HS kỹ năng tự quản, tự điều khiển và tham gia đánh giá kết quả học tập;
- Sử dụng thiết bị dạy học một cách hiệu quả, an toàn, tránh lãng phí, góp phần đổi mới phương pháp dạy học.

#### 6. Về đổi mới kiểm tra, đánh giá kết quả học tập.

Thực hiện theo Quy chế hiện hành và bám sát chuẩn kiến thức, kỹ năng của Chương trình. Sở GDĐT chọn 1 trong 2 hình thức đánh giá bằng điểm hoặc bằng nhận xét kết quả học tập môn thể dục, mỗi Phòng GDĐT áp dụng 1 hình thức. Trong đánh giá kết quả học tập, phải đánh giá hiệu quả của việc *giáo dục tình cảm hứng thú, thái độ tích cực, tinh thần chủ động, sáng tạo, ý thức cố gắng vươn lên trong học tập* của học sinh, không chỉ thiên về đánh giá thành tích chuyên môn.

##### a) Đánh giá bằng cho điểm:

- Kiểm tra định kì (KTđk): Trong mỗi học kì, thực hiện 2 lần (kiểm tra giữa học kì và học kì), do Sở GDĐT qui định nội dung, thời lượng hợp lý để HS ôn tập và kiểm tra, không chọn một nội dung (một chương) để kiểm tra 2 lần (trừ trường hợp HS chưa đạt, phải kiểm tra lại).

- Kiểm tra thường xuyên (KTtx): Mỗi nội dung (trừ nội dung để kiểm tra định kì) sau khi học xong, dành thời lượng hợp lý để HS ôn tập và kiểm tra. Ngoài ra, GV có thể kiểm tra lý thuyết hoặc kiểm tra thực hành trong quá trình dạy học.

##### b) Đánh giá bằng nhận xét kết quả học tập.

Xếp thành 5 loại:

- *Loại Giỏi (G)*, có các trường hợp:

+ Thực hiện đúng kỹ thuật động tác, bài tập hoặc trò chơi (nếu nội dung kiểm tra có tính thành tích thì phải đạt mức “khá” trở lên hoặc tương đương), tham gia học tập đầy đủ với thái độ tích cực, tự giác, hứng thú học tập.

+ Nếu kiểm tra về kiến thức (kiểm tra viết, kiểm tra miệng) phải đạt trên 4/5 yêu cầu tối đa.

- *Loại Khá (K)*, có các trường hợp:

+ Thực hiện cơ bản đúng kỹ thuật động tác, bài tập hoặc trò chơi (nếu nội dung kiểm tra có tính thành tích thì phải đạt mức “khá” hoặc tương đương), học tập đầy đủ với thái độ tự giác.

+ Thực hiện đúng kỹ thuật động tác, bài tập hoặc trò chơi, tuy nhiên chưa thực sự ổn định (nếu nội dung kiểm tra có tính thành tích thì phải đạt mức “Tb” hoặc tương đương), tham gia học tập đầy đủ với thái độ tự giác, hứng thú học tập.

+ Nếu kiểm tra về kiến thức (kiểm tra viết, kiểm tra miệng) phải đạt ở mức 3/5 - 4/5 yêu cầu tối đa.

- *Loại Trung bình (Tb)*, có các trường hợp:

+ Thực hiện cơ bản đúng kỹ thuật động tác, bài tập hoặc trò chơi (nếu nội dung kiểm tra có tính thành tích thì phải đạt mức “Tb” hoặc tương đương).

+ Thực hiện cơ bản đúng kỹ thuật động tác, bài tập hoặc trò chơi, tham gia học tập đầy đủ với thái độ tự giác, hứng thú (trường hợp này không tính thành tích).

+ Nếu kiểm tra về kiến thức (kiểm tra viết, kiểm tra miệng) phải đạt ở mức từ 1/2 - 3/5 yêu cầu tối đa.

- *Loại Yếu (Y)*, có các trường hợp:

- + Chưa thực hiện được kỹ thuật động tác, bài tập hoặc trò chơi.
- + Nếu kiểm tra về kiến thức (kiểm tra viết, kiểm tra miệng) phải đạt ở mức 1/5 - 2/5 yêu cầu tối đa.
- *Loại Kém (kém)*: Các trường hợp thấp hơn loại yếu.

Trên cơ sở các tiêu chí đánh giá, GV xếp loại sau khi đã kiểm tra đủ các nội dung học hoặc nếu thấy chưa hợp lý, Sở GDĐT có thể qui định và hướng dẫn cho phù hợp.

5. Về kiểm tra tiêu chuẩn RLTT: Cuối mỗi học kì, GV có thể chọn 2 nội dung để kiểm tra, riêng chạy 500m đưa vào cuối học kì II. Sử dụng kết quả kiểm tra tiêu chuẩn RLTT để đánh giá, theo dõi thể lực HS hằng năm (chú ý thực hiện quy định về đối tượng được miễn thực hành môn Thể dục)..

## B. KHUNG PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH

### Lớp 6

**Cả năm: 37tuần (70 tiết)**

**Học kì I: 19 tuần (36 tiết)**

**Học kì II: 18 tuần (34 tiết)**

Nội dung	Thời lượng
<i>Chương 1.</i> Lợi ích, tác dụng của TDTT	2 (2, 0, 0)
<i>Chương 2.</i> Độ i hình đội ngũ (ĐHĐN)	8 (0, 7, 1)*
<i>Chương 3.</i> Bài thể dục phát triển chung (Bài TD)	6 (0, 5, 1)
<i>Chương 4.</i> Chạy ngắn (Chạy nhanh)	10 (0, 9, 1)
<i>Chương 5.</i> Chạy bền	6 (0, 5, 1)
<i>Chương 6.</i> Nhảy cao, Nhảy xa (Bật nhảy)	12 (0, 11, 1)
<i>Chương 8.</i> Đá cầu	6 (0, 5, 1)
<i>Chương 9.</i> Môn Thể thao tự chọn (TTTC)	12 (0, 11, 1)
Ôn tập, kiểm tra học kì I và II, kiểm tra tiêu chuẩn RLTT	8 (0, 4, 4)
<b>Cộng</b>	<b>70 (2, 57, 11)</b>

\* Ghi chú: Con số: 8 (0, 7, 1) nghĩa là tổng số 8 tiết, trong đó gồm: 0 tiết lí thuyết, 7 tiết thực hành tập luyện (ôn và học); 1 tiết kiểm tra.

### Lớp 7

**Cả năm: 37 tuần (70 tiết)**

**Học kì I: 19 tuần (36 tiết)**

**Học kì II: 18 tuần (34 tiết)**

<b>Nội dung</b>	<b>Thời lượng</b>
<i>Chương 1.</i> Nguyên nhân và cách phòng tránh chấn thương khi hoạt động TDTT	2 (2, 0, 0)
<i>Chương 2.</i> Đội hình đội ngũ (ĐHĐN)	6 (0, 5, 1)
<i>Chương 3.</i> Bài thể dục phát triển chung (Bài TD)	6 (0, 5, 1)
<i>Chương 4.</i> Chạy ngắn (Chạy nhanh)	10 (0, 9, 1)
<i>Chương 5.</i> Chạy bền	6 (0, 5, 1)
<i>Chương 6.</i> Nhảy cao, nhảy xa (Bật nhảy)	14 (0, 13, 1)
<i>Chương 8.</i> Đá cầu	6 (0, 5, 1)
<i>Chương 9.</i> Môn Thể thao tự chọn (TTTC)	12 (0, 11, 1)
Ôn tập, kiểm tra học kì I và II, kiểm tra tiêu chuẩn RLTT	8 (0, 4, 4)
<b>Cộng</b>	<b>70 (2, 57, 11)</b>

## **Lớp 8**

**Cả năm: 37 tuần (70 tiết)**

**Học kì I: 19 tuần (36 tiết)**

**Học kì II: 18 tuần (34 tiết)**

<b>Nội dung</b>	<b>Thời lượng</b>
<i>Chương 1.</i> Một số phương pháp tập luyện phát triển sức nhanh	2 (2, 0, 0)
<i>Chương 2.</i> Đội hình đội ngũ (ĐHĐN)	4 (0, 3, 1)
<i>Chương 3.</i> Bài thể dục phát triển chung (Bài TD)	6 (0, 5, 1)
<i>Chương 4.</i> Chạy ngắn (Chạy nhanh)	10 (0, 9, 1)
<i>Chương 5.</i> Chạy bền	6 (0, 5, 1)
<i>Chương 6.</i> Nhảy cao	8 (0, 7, 1)
<i>Chương 7.</i> Nhảy xa	8 (0, 7, 1)
<i>Chương 8.</i> Đá cầu	6 (0, 5, 1)
<i>Chương 9.</i> Môn Thể thao tự chọn (TTTC)	12 (0, 11, 1)

Ôn tập, kiểm tra học kì I và II, kiểm tra tiêu chuẩn RLTT	8 (0, 4, 4)
<b>Cộng</b>	<b>70 (2, 56, 12)</b>

## Lớp 9

**Cả năm: 37 tuần (70 tiết)**

**Học kì I: 19 tuần (36 tiết)**

**Học kì II: 18 tuần (34 tiết)**

Nội dung	Thời lượng
<i>Chương 1.</i> Một số phương pháp tập luyện phát triển sức bền	2 (2, 0, 0)
<i>Chương 2.</i> Đội hình đội ngũ (ĐHĐN)	2 (0, 2, 0)
<i>Chương 3.</i> Bài thể dục phát triển chung (Bài TD)	6 (0, 5, 1)
<i>Chương 4.</i> Chạy ngắn (Chạy nhanh)	10 (0, 9, 1)
<i>Chương 5.</i> Chạy bền	6 (0, 5, 1)
<i>Chương 6.</i> Nhảy cao	9 (0, 8, 1)
<i>Chương 7.</i> Nhảy xa	9 (0, 8, 1)
<i>Chương 8.</i> Đá cầu	6 (0, 5, 1)
<i>Chương 9.</i> Môn Thể thao tự chọn (TTTC)	12 (0, 11, 1)
Ôn tập, kiểm tra học kì I và II, kiểm tra tiêu chuẩn RLTT	8 (0, 4, 4)
<b>Cộng</b>	<b>70 (2, 57, 11)</b>

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Tài liệu

**PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH THPT**

MÔN **THỂ DỤC**

*(Dùng cho các cơ quan quản lý giáo dục và giáo viên,  
áp dụng từ năm học 2008-2009)*

# A. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG KHUNG PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH THPT

## I. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

Khung Phân phối chương trình (KPPCT) này áp dụng cho các lớp cấp THPT từ năm học 2008-2009, gồm 2 phần: (A) Hướng dẫn sử dụng KPPCT; (B) Khung PPCT.

### 1. Về khung Phân phối chương trình

KPPCT quy định thời lượng dạy học cho từng phần của chương trình (chương, phần, bài học, môđun, chủ đề,...), trong đó có thời lượng dành cho luyện tập, bài tập, ôn tập, thí nghiệm, thực hành và thời lượng tiến hành kiểm tra định kì tương ứng với các phần đó.

Thời lượng nói trên quy định tại KPPCT áp dụng trong trường hợp học 1 buổi/ngày (*thời lượng dành cho kiểm tra là không thay đổi, thời lượng dành cho các hoạt động khác là quy định tối thiểu*). Tiến độ thực hiện chương trình khi kết thúc học kì I và kết thúc năm học được quy định thống nhất cho tất cả các trường THPT trong cả nước.

Căn cứ KPPCT, các Sở GDĐT cụ thể hoá thành PPCT chi tiết, bao gồm cả chủ đề tự chọn nâng cao (nếu có) cho phù hợp với địa phương, áp dụng chung cho các trường THPT thuộc quyền quản lí. Các trường THPT có điều kiện bố trí giáo viên và kinh phí chi trả giờ dạy vượt định mức (trong đó có các trường học nhiều hơn 6 buổi/tuần), có thể đề nghị để Sở GDĐT phê chuẩn điều chỉnh PPCT tăng thời lượng dạy học cho phù hợp (*lãnh đạo Sở GDĐT phê duyệt, kí tên, đóng dấu*).

### 2. Về Phân phối chương trình dạy học tự chọn

a) Môn học tự chọn nâng cao (NC) của ban Cơ bản có thể thực hiện bằng 1 trong 2 cách: Sử dụng SGK nâng cao hoặc sử dụng SGK biên soạn theo chương trình chuẩn kết hợp với chủ đề tự chọn nâng cao (CĐNC) của môn học đó. CĐNC của 8 môn phân hóa chỉ dùng cho ban Cơ bản. Thời lượng dạy học CĐNC của môn học là khoảng chênh lệch giữa thời lượng dành cho chương trình chuẩn và chương trình nâng cao môn học đó trong Kế hoạch giáo dục THPT. Các Sở GDĐT quy định cụ thể PPCT dạy học các CĐNC cho phù hợp với mạch kiến thức của SGK môn học đó. Tài liệu CĐNC sử dụng cho cả giáo viên và học sinh.

b) Dạy học chủ đề tự chọn bám sát (CĐBS) là để *ôn tập, hệ thống hóa, khắc sâu kiến thức, kĩ năng*, không bổ sung kiến thức nâng cao mới. Hiệu trưởng các trường THPT lập Kế hoạch dạy học CĐBS (chọn môn học, ấn định số tiết/tuần cho từng môn, tên bài dạy) cho từng lớp, ấn định trong từng học kì trên cơ sở đề nghị của các tổ trưởng chuyên môn và giáo viên chủ nhiệm lớp.

Bộ GDĐT ban hành tài liệu CĐBS lớp 10, dùng cho giáo viên để tham khảo, không ban hành tài liệu CĐBS lớp 11, 12. Giáo viên chuẩn bị kế hoạch bài giảng CĐBS với sự hỗ trợ của tổ chuyên môn.

c) Việc kiểm tra, đánh giá kết quả học tập CĐNC, CĐBS các môn học thực hiện theo quy định tại *Quy chế đánh giá, xếp loại học sinh THCS và học sinh THPT* của Bộ GDĐT.

**Lưu ý:** Các bài dạy CĐNC, CĐBS bố trí trong các chương như các bài khác, có thể có điểm kiểm tra dưới 1 tiết riêng nhưng không có điểm kiểm tra 1 tiết riêng, điểm CĐNC, CĐBS môn học nào tính cho môn học đó.

### 3. Thực hiện các hoạt động giáo dục

a) Phân công giáo viên thực hiện các Hoạt động giáo dục:

Trong KHGD quy định tại CTGDPT do Bộ GDĐT ban hành, các *hoạt động giáo dục* đã được quy định thời lượng với số tiết học cụ thể như các môn học. Đối với giáo viên được phân công thực hiện Hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp (HGDNGLL) và Hoạt động giáo dục hướng nghiệp (HGDHN) được tính giờ dạy học như các môn học; việc tham gia điều hành *HGD tập thể* (chào

cờ đầu tuần và sinh hoạt lớp cuối tuần) là thuộc nhiệm vụ quản lý của Ban Giám hiệu và giáo viên chủ nhiệm lớp, không tính là giờ dạy học.

b) Thực hiện tích hợp giữa HĒGDNGLL, HĒGDHN, môn Công nghệ:

- HĒGDNGLL: Thực hiện đủ các chủ đề quy định cho mỗi tháng, với thời lượng 2 tiết/tháng và tích hợp nội dung HĒGDNGLL sang môn GDCD như sau:

- + Lớp 10, ở chủ đề về đạo đức;
- + Lớp 11, các chủ đề về kinh tế và chính trị - xã hội;
- + Lớp 12, ở các chủ đề về pháp luật.

Đưa nội dung giáo dục về Công ước Quyền trẻ em của Liên Hợp quốc vào HĒGDNGLL ở lớp 10 và tổ chức các hoạt động hưởng ứng phong trào "*Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực*" do Bộ GDĐT phát động.

- HĒGDHN:

Các lớp 10, 11, 12: Điều chỉnh thời lượng HĒGDHN thành 9 tiết/năm học sau khi tích hợp đưa sang giảng dạy ở môn Công nghệ (*phần "Tạo lập doanh nghiệp" lớp 10*) và tích hợp đưa sang HĒGDNGLL (do giáo viên môn Công nghệ, giáo viên HĒGDNGLL thực hiện) ở 3 chủ đề sau đây:

- + "*Thanh niên với vấn đề lập nghiệp*", chủ đề tháng 3;
- + "*Thanh niên với học tập, rèn luyện vì sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước*", chủ đề tháng 9;
- + "*Thanh niên với xây dựng và bảo vệ Tổ quốc*", chủ đề tháng 12.

Nội dung tích hợp do Sở GDĐT hướng dẫn hoặc uỷ quyền cho các trường THPT hướng dẫn GV thực hiện cho sát thực tiễn địa phương. Cần hướng dẫn học sinh lựa chọn con đường học lên sau THPT (ĐH, CĐ, TCCN, học nghề) hoặc đi vào cuộc sống lao động. Về phương pháp tổ chức thực hiện HĒGDHN, có thể riêng theo lớp hoặc theo khối lớp; có thể giao cho giáo viên hoặc mời các chuyên gia, nhà quản lý kinh tế, quản lý doanh nghiệp giảng dạy.

c) HĒGD nghề phổ thông:

Nơi có đủ giáo viên đào tạo đúng chuyên môn, đủ CSVC phải thực hiện HĒGDNPT ở lớp 11, tổ chức thi và cấp chứng chỉ GDNPT sau khi hoàn thành chương trình 105 tiết đạt yêu cầu trở lên; nơi chưa đủ giáo viên đào tạo đúng chuyên môn, chưa đủ CSVC có thể chưa thực hiện chương trình HĒGDNPT nhưng phải khẩn trương khắc phục, không để kéo dài. Các vấn đề cụ thể về HĒGDNPT, thực hiện theo hướng dẫn tại công văn số 8608/BGDĐT-GDTrH ngày 16/8/2007 của Bộ GDĐT.

#### **4. Đổi mới phương pháp dạy học và đổi mới kiểm tra, đánh giá**

a) Chỉ đạo đổi mới phương pháp dạy học (PPDH):

- Những yêu cầu quan trọng trong đổi mới PPDH là:

+ Phát huy tính tích cực, hứng thú trong học tập của học sinh và vai trò chủ đạo của giáo viên;

+ Thiết kế bài giảng khoa học, sắp xếp hợp lý hoạt động của giáo viên và học sinh, thiết kế hệ thống câu hỏi hợp lý, tập trung vào trọng tâm, tránh nặng nề quá tải (nhất là đối với bài dài, bài khó, nhiều kiến thức mới); bồi dưỡng năng lực độc lập suy nghĩ, vận dụng sáng tạo kiến thức đã học, tránh thiên về ghi nhớ máy móc không nắm vững bản chất;

+ Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học, khuyến khích sử dụng hợp lý công nghệ thông tin, sử dụng các phương tiện nghe nhìn, thực hiện đầy đủ thí nghiệm, thực hành, liên hệ thực tế trong giảng dạy phù hợp với nội dung từng bài học;

+ Giáo viên sử dụng ngôn ngữ chuẩn xác, trong sáng, sinh động, dễ hiểu, tác phong thân thiện, khuyến khích, động viên học sinh học tập, tổ chức hợp lý cho học sinh làm việc cá nhân và theo nhóm;

+ Dạy học sát đối tượng, coi trọng bồi dưỡng học sinh khá giỏi và giúp đỡ học sinh học lực yếu kém.

- Đối với các môn học: Mĩ thuật, Âm nhạc (THCS), Thể dục (THCS, THPT) cần coi trọng truyền thụ kiến thức, hình thành kỹ năng, bồi dưỡng hứng thú học tập, không quá thiên về đánh giá thành tích theo yêu cầu đào tạo chuyên ngành hoạ sỹ, nhạc sỹ, vận động viên.

- Tăng cường chỉ đạo đổi mới PPDH thông qua công tác bồi dưỡng giáo viên và dự giờ thăm lớp của giáo viên, tổ chức rút kinh nghiệm giảng dạy ở các tổ chuyên môn, hội thảo cấp trường, cụm trường, địa phương, hội thi giáo viên giỏi các cấp.

b) Đổi mới kiểm tra, đánh giá (KTĐG):

- Những yêu cầu quan trọng trong đổi mới KTĐG là:

+ Giáo viên đánh giá sát đúng trình độ học sinh với thái độ khách quan, công minh và hướng dẫn học sinh biết tự đánh giá năng lực của mình;

+ Trong quá trình dạy học, cần kết hợp một cách hợp lý hình thức tự luận với hình thức trắc nghiệm khách quan trong KTĐG kết quả học tập của học sinh, chuẩn bị tốt cho việc đổi mới các kỳ thi theo chủ trương của Bộ GDĐT.

+ Thực hiện đúng quy định của Quy chế Đánh giá, xếp loại học sinh THCS, học sinh THPT do Bộ GDĐT ban hành, tiến hành đủ số lần kiểm tra thường xuyên, định kỳ, kiểm tra học kỳ cả lý thuyết và thực hành.

- Đổi mới đánh giá các môn Mĩ thuật, Âm nhạc (THCS), Thể dục (THCS, THPT): Đánh giá bằng điểm hoặc bằng nhận xét kết quả học tập theo quy định tại Quy chế Đánh giá, xếp loại học sinh THCS, học sinh THPT.

c) Đối với một số môn khoa học xã hội và nhân văn như: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí, Giáo dục công dân, cần coi trọng đổi mới PPDH, đổi mới KTĐG theo hướng hạn chế ghi nhớ máy móc, không nắm vững kiến thức, kỹ năng môn học. Trong quá trình dạy học, cần từng bước đổi mới KTĐG bằng cách nêu vấn đề mở, đòi hỏi học sinh phải vận dụng tổng hợp kiến thức, kỹ năng và biểu đạt chính kiến của bản thân.

d) Từ năm học 2008-2009, tập trung chỉ đạo đánh giá sâu hiệu quả dạy học của môn Giáo dục công dân để tiếp tục đổi mới PPDH, KTĐG nhằm nâng cao chất lượng môn học này (*có hướng dẫn riêng*).

**5. Thực hiện các nội dung giáo dục địa phương** (*hướng dẫn tại công văn số 5977/BGDĐT-GDTrH ngày 07/7/2008*)

## II. NHỮNG VẤN ĐỀ CỤ THỂ CỦA MÔN THỂ DỤC

1. Đặc điểm dạy và học môn Thể dục phụ thuộc nhiều vào cơ sở vật chất và khí hậu thời tiết ở các vùng miền khác nhau, các Sở GDĐT căn cứ vào KPPCT này để xây dựng PPCT cụ thể. Khi bắt đầu năm học mới, phải đảm bảo cấp cho mỗi GV văn bản PPCT để áp dụng thống nhất.

2. Không bố trí dạy vào tiết 5 buổi sáng và tiết 1 buổi chiều, không bố trí học hai tiết liền cùng buổi hoặc trái buổi (riêng môn Bơi do nhà trường quy định nhưng nội dung học và lượng vận động phải luôn vừa sức HS, bố trí học không quá 2 tiết/buổi).

3. Môn thể thao tự chọn (TTTC): Ngoài 5 môn được biên soạn trong chương trình và sách giáo viên, có thể lựa chọn môn thể thao khác theo sự chỉ đạo của Sở GDĐT, nhằm phát triển các môn Thể thao thể mạnh ở địa phương và phù hợp với điều kiện của nhà trường, trên nguyên tắc: Sở GDĐT tổ chức biên soạn chương trình (xây dựng mục tiêu, lựa chọn nội dung, kế hoạch dạy học,



kiểm tra đánh giá và biên soạn chi tiết) bảo đảm thời lượng, nội dung vừa sức HS. Sở GDĐT tổ chức thẩm định và phê duyệt trước khi đưa vào giảng dạy.

4. Môn Chạy bền dạy trong hai học kì hoặc học kì II. Những tiết có nội dung chạy bền, GV cần phải tính toán kỹ lưỡng vận động của các nội dung trong cùng tiết dạy để đưa ra lượng vận động hợp lý cho HS theo nhóm sức khoẻ và giới tính sao cho vừa sức HS, tránh hiện tượng quá tải. Trong một tiết dạy, nội dung chạy bền được sắp xếp một cách hợp lý vào cuối phần cơ bản, như vậy thời gian chạy bền khoảng 4 – 8 phút. Khi HS đã học đủ thời lượng và luyện tập thường xuyên thì GV kiểm tra chạy bền vào học kì II.

5. Về đổi mới phương pháp dạy học.

Đổi mới phương pháp dạy học theo định hướng:

- Lấy việc góp phần giữ gìn và nâng cao sức khoẻ, thể lực học sinh là mục tiêu xuyên suốt của quá trình dạy học, tổ chức tiết dạy sao cho khoa học, phù hợp với điều kiện cơ sở vật chất của nhà trường, tăng cường cách tổ chức phân nhóm (không và có quay vòng), phối hợp hợp lý giữa tập đồng loạt với tập lần lượt để tăng thời gian cho HS tập luyện đạt đến lượng vận động hợp lý.

Dạy môn Thể dục ở giáo dục phổ thông là dạy cho học sinh kiến thức, kỹ năng cơ bản để thực hiện mục tiêu giáo dục phổ thông, chưa đặt ra mục tiêu đào tạo chuyên nghiệp cho những người làm nghề thể thao. Cùng với một số môn học khác, môn Thể dục góp phần hình thành những cơ sở ban đầu cho sự phát triển đúng đắn, lâu dài về hiểu biết, kỹ năng, ý thức rèn luyện sức khỏe, truyền đạt một số kiến thức cơ bản, cần thiết, mang tính phổ thông nhằm thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện, đồng thời phát hiện những học sinh có năng khiếu, tạo điều kiện cho các em tiếp tục phát triển năng khiếu thể thao.

- Tăng vận dụng phương pháp trò chơi và thi đấu.

- Bồi dưỡng cho HS kỹ năng tự quản, tự điều khiển và tham gia đánh giá kết quả học tập.

- Sử dụng thiết bị dạy học một cách hiệu quả, tiết kiệm, an toàn, góp phần đổi mới phương pháp dạy học.

6. Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập.

Thực hiện theo Quy chế hiện hành và bám sát chuẩn kiến thức, kỹ năng của Chương trình. Sở GDĐT chọn 1 trong 2 hình thức đánh giá kết quả học tập môn thể dục, mỗi trường THPT áp dụng thống nhất 1 hình thức đánh giá. Trong đánh giá kết quả học tập, phải đánh giá hiệu quả của việc *giáo dục tình cảm hứng thú, thái độ tích cực, tinh thần chủ động, sáng tạo, ý thức cố gắng vươn lên trong học tập* của học sinh, không chỉ thiên về đánh giá thành tích chuyên môn.

a) Đánh giá bằng cho điểm: Theo quy định của Quy chế.

b) Đánh giá bằng nhận xét kết quả học tập.

Xếp thành 5 loại:

- *Loại Giỏi (G)*, có các trường hợp:

+ Thực hiện đúng kỹ thuật động tác, bài tập hoặc trò chơi (nếu nội dung kiểm tra có tính thành tích thì phải đạt mức “khá” trở lên hoặc tương đương), tham gia học tập đầy đủ với thái độ tự giác, hứng thú học tập.

+ Nếu kiểm tra về kiến thức (kiểm tra viết, kiểm tra miệng) phải đạt trên 4/5 yêu cầu tối đa.

- *Loại Khá (K)*, có các trường hợp:

+ Thực hiện cơ bản đúng kỹ thuật động tác, bài tập hoặc trò chơi (nếu nội dung kiểm tra có tính thành tích thì phải đạt mức “khá” hoặc tương đương), tham gia học tập đầy đủ, thái độ tự giác.

+ Thực hiện đúng kĩ thuật động tác, bài tập hoặc trò chơi, tuy nhiên chưa thực sự ổn định (nếu nội dung kiểm tra có tính thành tích thì phải đạt mức “Tb” hoặc tương đương), tham gia học tập đầy đủ với thái độ tự giác, hứng thú học tập.

+ Nếu kiểm tra về kiến thức (kiểm tra viết, kiểm tra miệng) phải đạt ở mức 3/5 - 4/5 yêu cầu tối đa.

- *Loại Trung bình (Tb)*, có các trường hợp:

+ Thực hiện cơ bản đúng kĩ thuật động tác, bài tập hoặc trò chơi (nếu nội dung kiểm tra có tính thành tích thì phải đạt mức “Tb” hoặc tương đương).

+ Thực hiện cơ bản đúng kĩ thuật động tác, bài tập hoặc trò chơi, tham gia học tập đầy đủ với thái độ tự giác, hứng thú (trường hợp này không tính thành tích).

+ Nếu kiểm tra về kiến thức (kiểm tra viết, kiểm tra miệng) phải đạt ở mức từ 1/2 - 3/5 yêu cầu tối đa.

- *Loại Yếu (Y)*, có các trường hợp:

+ Chưa thực hiện được kĩ thuật động tác, bài tập, trò chơi.

+ Nếu kiểm tra về kiến thức (kiểm tra viết, kiểm tra miệng) phải đạt ở mức 1/5 - 2/5 yêu cầu tối đa.

- *Loại Kém (kém)*: Các trường hợp thấp hơn loại yếu

Trên cơ sở các tiêu chí đánh giá đã nêu, hình thức đánh giá bằng xếp loại lấy hệ số 1, GV chủ động xếp loại sau khi HS đã kiểm tra đủ các nội dung học hoặc nếu thấy chưa hợp lý, Sở GDĐT có thể qui định và hướng dẫn cho phù hợp.

7. Về kiểm tra tiêu chuẩn RLTT: Cuối mỗi học kì, GV có thể chọn 2 nội dung để kiểm tra (riêng chạy 500m nữ và 1000m nam đưa vào cuối học kì II). Sử dụng kết quả kiểm tra tiêu chuẩn RLTT để theo dõi, đánh giá thể lực HS hằng năm (chú ý thực hiện quy định về đối tượng được miễn thực hành môn Thể dục).

## **B. KHUNG PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH**

### **Lớp 10**

**Cả năm: 37 tuần (70 tiết)**

**Học kì I: 19 tuần (36 tiết)**

**Học kì II: 18 tuần (34 tiết)**

Nội dung	Thời lượng
<b>Chương 1.</b> Tập luyện TĐTT và sử dụng các yếu tố thiên nhiên để rèn luyện sức khỏe	2 (2, 0, 0)
<b>Chương 2.</b> Thể dục - Bài TD nhịp điệu (nam, nữ riêng)	8 (0, 7, 1)*
<b>Chương 3.</b> Chạy ngắn	6 (0, 5, 1)
<b>Chương 4.</b> Chạy bền	6 (0, 5, 1)
<b>Chương 5.</b> Nhảy cao	8 (0, 7, 1)
<b>Chương 6.</b> Đá cầu	6 (0, 5, 1)
<b>Chương 8.</b> Cầu lông	6 (0, 5, 1)
<b>Chương 9.</b> Môn Thể thao tự chọn	20 (0, 18, 2)
Ôn tập, kiểm tra học kì (I và II), kiểm tra tiêu chuẩn RLTT	8 (0, 4, 4)
<b>Cộng</b>	<b>70 (2, 56, 12)</b>

*\* Ghi chú: Con số: 8 (0, 7, 1) nghĩa là tổng số 8 tiết, trong đó gồm: 0 tiết lý thuyết, 7 tiết thực hành tập luyện (ôn và học); 1 tiết kiểm tra.*

## Lớp 11

**Cả năm: 37 tuần (70 tiết)**

**Học kì I: 19 tuần (36 tiết)**

**Học kì II: 18 tuần (34 tiết)**

Nội dung	Thời lượng
<b>Chương 1.</b> Một số nguyên tắc tập luyện TĐTT	2 (2, 0, 0)
<b>Chương 2.</b> Thể dục ( Nam: Bài TD phát triển chung ; Nữ: Bài TD nhịp điệu)	7 (0, 6, 1)
<b>Chương 3.</b> Chạy tiếp sức 4 x 100m	5 (0, 4, 1)
<b>Chương 4.</b> Chạy bền	5 (0, 4, 1)
<b>Chương 5.</b> Nhảy xa	6 (0, 5, 1)
<b>Chương 6.</b> Nhảy cao	6 (0, 5, 1)
<b>Chương 7.</b> Đá cầu	5 (0, 4, 1)
<b>Chương 8.</b> Cầu lông	6 (0, 5, 1)
<b>Chương 9.</b> Môn Thể thao tự chọn	20 (0, 18, 2)
Ôn tập, kiểm tra học kì (I và II), kiểm tra tiêu chuẩn RLTT	8 (0, 4, 4)
<b>Cộng</b>	<b>70 (2, 55, 13)</b>

## Lớp 12

**Cả năm: 37 tuần (70 tiết)**

**Học kì I: 19 tuần (36 tiết)**

**Học kì II: 18 tuần (34 tiết)**

Nội dung	Thời lượng
<b>Chương 1.</b> Một số hướng dẫn tập luyện phát triển sức mạnh	2 (2, 0, 0)
<b>Chương 2.</b> Thể dục ( Nam: Bài TD phát triển chung; Nữ: Bài TD nhịp điệu)	7 (0, 6, 1)
<b>Chương 3.</b> Chạy tiếp sức	6 (0, 5, 1)
<b>Chương 4.</b> Chạy bền	6 (0, 5, 1)
<b>Chương 5.</b> Nhảy xa	8 (0, 7, 1)
<b>Chương 6.</b> Đá cầu	6 (0, 5, 1)
<b>Chương 7.</b> Cầu lông	7 (0, 6, 1)
<b>Chương 8.</b> Môn Thể thao tự chọn	20 (0, 18, 2)
Ôn tập, kiểm tra học kì (I và II), kiểm tra tiêu chuẩn RLTT	8 (0, 4, 4)
<b>Cộng</b>	<b>70 (2, 56, 12)</b>

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Tài liệu

**PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH THCS**

MÔN **TIẾNG ANH**

*(Dùng cho các cơ quan quản lý giáo dục và giáo viên, áp dụng từ năm học 2008-2009)*

# A. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG KHUNG PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH THCS

## I. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

Khung phân phối chương trình (KPPCT) này áp dụng cho cấp THCS từ năm học 2008-2009, gồm 2 phần: (A) Hướng dẫn sử dụng KPPCT; (B) Khung PPCT.

### 1. Về Khung phân phối chương trình

KPPCT quy định thời lượng dạy học cho từng phần của chương trình (chương, phần, bài học, môđun, chủ đề,...), trong đó có thời lượng dành cho luyện tập, bài tập, ôn tập, thí nghiệm, thực hành và thời lượng kiểm tra định kỳ tương ứng với các phần đó. Thời lượng quy định tại KPPCT áp dụng trong trường hợp học 1 buổi/ngày, thời lượng dành cho kiểm tra là không thay đổi, thời lượng dành cho các hoạt động khác là quy định tối thiểu. Tiến độ thực hiện chương trình khi kết thúc học kì I và kết thúc năm học quy định thống nhất cho tất cả các trường THCS trong cả nước. Căn cứ KPPCT, các Sở GDĐT cụ thể hoá thành PPCT chi tiết, bao gồm cả dạy học tự chọn cho phù hợp với địa phương, áp dụng chung cho các trường THCS thuộc quyền quản lí. Các trường THCS có điều kiện bố trí giáo viên và kinh phí chi trả giờ dạy vượt định mức quy định (trong đó có các trường học nhiều hơn 6 buổi/tuần), có thể chủ động đề nghị Phòng GDĐT xem xét trình Sở GDĐT phê chuẩn việc điều chỉnh PPCT tăng thời lượng dạy học cho phù hợp (*lãnh đạo Sở GDĐT phê duyệt, kí tên, đóng dấu*).

### 2. Về phân phối chương trình dạy học tự chọn

a) Thời lượng và cách tổ chức dạy học tự chọn:

Thời lượng dạy học tự chọn của các lớp cấp THCS trong Kế hoạch giáo dục là 2 tiết/tuần, dạy học chung cho cả lớp (các trường tự chủ về kinh phí có thể chia lớp thành nhóm nhỏ hơn nhưng vẫn phải theo kế hoạch chung của cả lớp).

Việc sử dụng thời lượng dạy học tự chọn THCS theo 1 trong 2 cách sau đây:

*Cách 1:* Chọn 1 trong 3 môn học, hoạt động giáo dục : Tin học, Ngoại ngữ 2, Nghề phổ thông (trong đó Ngoại ngữ 2 có thể bố trí vào 2 tiết dạy học tự chọn này hoặc bố trí ngoài thời lượng dạy học 6 buổi/tuần).

*Cách 2:* Dạy học các chủ đề tự chọn nâng cao, bám sát (CĐNC, CĐBS).

– Dạy học CĐNC là để khai thác sâu hơn kiến thức, kĩ năng của chương trình, bổ sung kiến thức, bồi dưỡng năng lực tự duy nhưng phải phù hợp với trình độ tiếp thu của học sinh.

Các Sở GDĐT tổ chức biên soạn, thẩm định tài liệu CĐNC (*trong đó có các tài liệu Lịch sử, Địa lí, Văn học địa phương*), dùng cho cấp THCS theo hướng dẫn của Bộ GDĐT (tài liệu CĐNC sử dụng cho cả giáo viên và học sinh như SGK) và quy định cụ thể PPCT dạy học các CĐNC cho phù hợp với mạch kiến thức của môn học đó. Các Phòng GDĐT đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện PPCT dạy học các CĐNC.

– Dạy học các CĐBS là để *ôn tập, hệ thống hóa, khắc sâu kiến thức, kĩ năng* (không bổ sung kiến thức nâng cao mới). Trong điều kiện chưa ban hành được tài liệu CĐNC, cần dành thời lượng dạy học tự chọn để thực hiện CĐBS nhằm ôn tập, hệ thống hóa, khắc sâu kiến thức, kĩ năng cho học sinh.

Hiệu trưởng các trường THCS chủ động lập Kế hoạch dạy học các CĐBS (chọn môn học, ấn định số tiết/tuần cho từng môn, tên bài dạy) cho từng lớp, ổn định trong từng học kì trên cơ sở đề nghị của các tổ trưởng chuyên môn và giáo viên chủ nhiệm lớp. Giáo viên chuẩn bị kế hoạch bài dạy (giáo án) CĐBS với sự hỗ trợ của tổ chuyên môn.

b) Kiểm tra, đánh giá kết quả dạy học tự chọn:

Việc kiểm tra, đánh giá kết quả học tập CĐTC của môn học thực hiện theo quy định tại *Quy chế đánh giá, xếp loại học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông*.

**Lưu ý:** Các bài dạy CĐTCNC, CĐBS bố trí trong các chương như các bài khác, có thể có điểm kiểm tra dưới 1 tiết riêng nhưng không có điểm kiểm tra 1 tiết riêng, điểm CĐTC môn học nào tính cho môn học đó.

### 3. Thực hiện các hoạt động giáo dục

a) Phân công giáo viên thực hiện các Hoạt động giáo dục:

Trong KHGD quy định tại CTGDPT do Bộ GDĐT ban hành, các *hoạt động giáo dục* đã được quy định thời lượng với số tiết học cụ thể như các môn học. Đối với giáo viên được phân công thực hiện Hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp (HĐGDNGLL), Hoạt động giáo dục hướng nghiệp (HĐGDHN) được tính giờ dạy như các môn học; việc tham gia điều hành *HĐGD tập thể* (chào cờ đầu tuần và sinh hoạt lớp cuối tuần) là thuộc nhiệm vụ quản lý của Ban Giám hiệu và giáo viên chủ nhiệm lớp, không tính vào giờ dạy tiêu chuẩn.

b) Tích hợp HĐGDNGLL, HĐGDHN, môn Công nghệ:

- HĐGDNGLL: Thực hiện đủ các chủ đề quy định cho mỗi tháng, với thời lượng 2 tiết/tháng và tích hợp nội dung HĐGDNGLL sang môn GDCD các lớp 6, 7, 8, 9 ở các chủ đề về đạo đức và pháp luật. Đưa nội dung về Công ước Quyền trẻ em của Liên Hợp quốc vào HĐGDNGLL ở lớp 9 và tổ chức các hoạt động hưởng ứng phong trào "*Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực*" do Bộ GDĐT phát động.

- HĐGDHN (lớp 9):

Điều chỉnh thời lượng HĐGDHN thành 9 tiết/năm học sau khi đưa một số nội dung GDHN tích hợp sang HĐGDNGLL ở 2 *chủ điểm* sau đây:

+ "*Truyền thống nhà trường*", chủ điểm tháng 9;

+ "*Tiến bước lên Đoàn*", chủ điểm tháng 3.

Nội dung tích hợp do Sở GDĐT (hoặc uỷ quyền cho các Phòng GDĐT) hướng dẫn trường THCS thực hiện cho sát thực tiễn địa phương. Về phương pháp thực hiện HĐGDHN, có thể riêng theo lớp, khối lớp; có thể giao cho giáo viên hoặc mời các chuyên gia, nhà quản lý kinh tế, quản lý doanh nghiệp giảng dạy.

#### **4. Đổi mới phương pháp dạy học; đổi mới kiểm tra, đánh giá**

a) Chỉ đạo đổi mới phương pháp dạy học (PPDH):

- Những yêu cầu quan trọng trong đổi mới PPDH là:

+ Phát huy tính tích cực, hứng thú trong học tập của học sinh và vai trò chủ đạo của giáo viên;

+ Thiết kế bài giảng khoa học, sắp xếp hợp lý hoạt động của giáo viên và học sinh, thiết kế hệ thống câu hỏi hợp lý, tập trung vào trọng tâm, tránh nặng nề quá tải (nhất là đối với bài dài, bài khó, nhiều kiến thức mới); bồi dưỡng năng lực độc lập suy nghĩ, vận dụng sáng tạo kiến thức đã học, tránh thiên về ghi nhớ máy móc không nắm vững bản chất;

+ Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học, khuyến khích sử dụng công nghệ thông tin, sử dụng các phương tiện nghe nhìn, thực hiện đầy đủ thí nghiệm, thực hành, liên hệ thực tế trong giảng dạy phù hợp với nội dung từng bài học;

+ Giáo viên sử dụng ngôn ngữ chuẩn xác, trong sáng, sinh động, dễ hiểu, tác phong thân thiện, khuyến khích, động viên học sinh học tập, tổ chức hợp lý cho học sinh làm việc cá nhân và theo nhóm;

+ Dạy học sát đối tượng, coi trọng bồi dưỡng học sinh khá giỏi và giúp đỡ học sinh học lực yếu kém.

- Đối với các môn học đòi hỏi năng khiếu như: Mĩ thuật, Âm nhạc, Thể dục cần coi trọng truyền thụ kiến thức, hình thành kỹ năng, bồi dưỡng hứng thú học tập, không quá thiên về đánh giá thành tích theo yêu cầu đào tạo chuyên ngành hoạ sỹ, nhạc sỹ, vận động viên.

- Tăng cường chỉ đạo đổi mới PPDH thông qua công tác bồi dưỡng giáo viên và dự giờ thăm lớp của giáo viên, tổ chức rút kinh nghiệm giảng dạy ở các tổ chuyên môn, hội thảo cấp trường, cụm trường, địa phương, hội thi giáo viên giỏi các cấp.

b) Đổi mới kiểm tra, đánh giá (KTĐG):

- Những yêu cầu quan trọng trong đổi mới KTĐG là:

+ Giáo viên đánh giá sát đúng trình độ học sinh với thái độ khách quan, công minh và hướng dẫn học sinh biết tự đánh giá năng lực của mình;

+ Trong quá trình dạy học, cần kết hợp một cách hợp lý hình thức tự luận với hình thức trắc nghiệm khách quan trong KTĐG kết quả học tập của học sinh, chuẩn bị tốt cho việc đổi mới các kỳ thi theo chủ trương của Bộ GDĐT.

+ Thực hiện đúng quy định của Quy chế Đánh giá, xếp loại học sinh THCS, học sinh THPT do Bộ GDĐT ban hành, tiến hành đủ số lần kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ, kiểm tra học kỳ cả lý thuyết và thực hành.

- Đổi mới đánh giá các môn Mỹ thuật, Âm nhạc (THCS), Thể dục (THCS, THPT): Thực hiện đánh giá bằng điểm hoặc đánh giá bằng nhận xét kết quả học tập theo quy định tại Quy chế Đánh giá, xếp loại học sinh THCS, học sinh THPT sửa đổi.

c) Đối với một số môn khoa học xã hội và nhân văn như: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí, Giáo dục công dân, cần coi trọng đổi mới PPDH, đổi mới KTĐG theo hướng hạn chế chỉ ghi nhớ máy móc, không nắm vững kiến thức, kỹ năng môn học. Trong quá trình dạy học, cần đổi mới KTĐG bằng cách nêu vấn đề mở, đòi hỏi học sinh phải vận dụng tổng hợp kiến thức, kỹ năng và biểu đạt chính kiến của bản thân.

d) Từ năm học 2008-2009, tập trung chỉ đạo đánh giá sâu hiệu quả dạy học của môn Giáo dục công dân để tiếp tục đổi mới PPDH, KTĐG nhằm nâng cao chất lượng môn học này (*có hướng dẫn riêng*).

**5. Thực hiện các nội dung giáo dục địa phương** (*hướng dẫn tại công văn số 5977/BGDĐT-GDTrH ngày 07/7/2008*)

## II. NHỮNG VẤN ĐỀ CỤ THỂ CỦA MÔN HỌC

### 1. Thực hiện phân phối chương trình

Kế hoạch giảng dạy sách giáo khoa THCS không quy định chi tiết đến từng tiết học mà phân theo thời lượng quy định cho từng đơn vị bài học (Unit). Một số đơn vị bài học được dành nhiều thời lượng hơn là dành cho phần hệ thống, củng cố, ôn tập và chuẩn bị kiểm tra định kì.

Trong sách giáo khoa lớp 6 và 7 có một số phần bài và bài tập có đánh dấu (\*) là phần không bắt buộc. Tuy nhiên giáo viên có thể thực hiện giảng dạy trên lớp nếu thời gian dành cho các phần bắt buộc còn dư. Nói cách khác, giáo viên có thể căn cứ vào tình hình thực tế giảng dạy mà điều chỉnh phân phối tiết học của từng bài cho phù hợp với đối tượng học sinh. Giáo viên cũng có thể điều chỉnh một số bài tập trong SGK có yêu cầu cao và quá dài. Xem các hướng dẫn về giảm yêu cầu cần đạt một số loại hình bài tập trong các tài liệu Hướng dẫn chuẩn kiến thức kỹ năng chương trình môn tiếng Anh THCS của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Số tiết quy định cho toàn chương trình và số tiết kiểm tra là yêu cầu bắt buộc.

### 2. Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập

- Việc đánh giá kết quả học tập cần được thông qua bốn kỹ năng: nghe, nói, đọc và viết.

- Nội dung các bài kiểm tra cần gắn liền với mục tiêu của các bài học tại thời điểm kiểm tra.

- Việc kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh cần được thực hiện theo các quy định trong Quy chế về kiểm tra, đánh giá kết quả học tập về kiểm tra định kì và kiểm tra thường xuyên. Đa dạng hoá các hình thức kiểm tra đánh giá: kiểm tra nói, viết, đánh giá thông qua các hoạt động thực hành, luyện tập bài học trên lớp cũng như chuẩn bị bài và làm bài tập ở nhà.

- Cấu trúc của các bài kiểm tra viết 1 tiết và cuối học kì gồm các phần sau:

+ Kiến thức ngôn ngữ (Grammar and vocabulary) từ 25% – 30%.

+ Đọc (Reading) từ 25% – 30%.

+ Nghe (Listening) từ 20% - 25%.

+ Viết (Writing) từ 20% - 25%.

+ Các dạng bài tập trong các bài kiểm tra là những dạng bài tập có trong sách giáo khoa và sách bài tập.

- Việc chữa bài kiểm tra và củng cố kiến thức sau bài kiểm tra định kì cần được giáo viên thu xếp trong thời lượng đã cho và trong khoảng thời điểm hợp lý.

### 3. Sử dụng các trang thiết bị, đồ dùng dạy học

- Các trang thiết bị và đồ dùng cần thiết cho việc dạy học bộ môn gồm có máy phát băng cát sét, CD, tranh, ảnh và đồ vật thật dùng minh hoạ để dạy từ hoặc tạo tình huống trong các giờ dạy.

- Có đủ băng tiếng, đĩa CD, máy thu phát và các điều kiện cần thiết (như điện hoặc pin) để sử dụng băng tiếng cho các bài tập luyện nghe trong sách giáo khoa là yêu cầu bắt buộc. Đối với những địa phương có điều kiện giáo viên có thể sử dụng thêm các trang thiết bị như máy tính, máy đèn chiếu, video, TV và các phương tiện nghe nhìn hiện đại khác.

- Việc sử dụng có hiệu quả các đồ dùng dạy học được coi là một trong những tiêu chí để đánh giá chất lượng của các giờ dạy.



## B. KHUNG PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH

### LỚP 6

Cả năm học: 37 tuần (105 tiết)

Trong đó có các tiết dành cho ôn tập và kiểm tra thường xuyên và kiểm tra định kì.

#### HỌC KÌ I

Bài/Unit	Nội dung	Số tiết
	Hướng dẫn cách học	1
1	Gettings	5
2	At school	5
3	At home	5
	Grammar practice	1
	Kiểm tra và chữa bài kiểm tra	2
4	Big or Small ?	5
5	Things I do	6
	Grammar practice	1
6	Places	5
	Kiểm tra và chữa bài kiểm tra	2
7	Our house	5
8	Out and about	5
	Grammar practice	1
	Ôn tập & kiểm tra học kì I	5

#### HỌC KÌ II (LỚP 6)

Bài/Unit	Nội dung	Số tiết
9	The body	5
10	Staying healthy	5
11	What do I eat	5
	Grammar practice	1
	Kiểm tra và chữa bài kiểm tra	2
12	Sports and pastimes	5
13	Activities and seasons	5
14	Making plans	5
	Grammar practice	1
	Kiểm tra và chữa bài kiểm tra	2
15	Countries	5
16	Man and the environment	5
	Grammar practice	1
	Ôn tập & kiểm tra học kì II	4

### LỚP 7

Cả năm học: 37 tuần (105 tiết)

Trong đó có các tiết dành cho ôn tập và kiểm tra thường xuyên và kiểm tra định kì.

#### HỌC KÌ I (LỚP 7)

Bài/Unit	Nội dung	Số tiết
	Ôn tập/ kiểm tra đầu năm	1
1	Back to school	5
2	Personal Information	6
3	At home	5

	Language focus 1	1
	Kiểm tra và chữa bài kiểm tra	2
<b>4</b>	At school	5
<b>5</b>	Work and play	5
<b>6</b>	After school	6
	Language focus 2	1
	Kiểm tra và chữa bài kiểm tra	2
<b>7</b>	The world of work	5
<b>8</b>	Places	5
	Ôn tập và kiểm tra học kì I	5

## HỌC KÌ II (LỚP 7)

Bài/Unit	Nội dung	Số tiết
<b>9</b>	At home and away	5
	Language focus 3	1
<b>10</b>	Health and hygiene	5
<b>11</b>	Keep fit, stay healthy	5
	Kiểm tra và chữa bài kiểm tra	2
<b>12</b>	Let's eat	5
	Language focus 4	1
<b>13</b>	Activities	5
<b>14</b>	Freetime fun	5
	Kiểm tra và chữa bài kiểm tra	2
<b>15</b>	Going out	5
<b>16</b>	People and places	5
	Language focus 5	1
	Ôn tập và kiểm tra học kì II	4

## LỚP 8

**Cả năm học: 37 tuần (105 tiết)**

Trong đó có các tiết dành cho ôn tập và kiểm tra thường xuyên và kiểm tra định kì.

### HỌC KÌ I (LỚP 8)

Bài/Unit	Nội dung	Số tiết
	Ôn tập/Kiểm tra đầu năm	1
<b>1</b>	My Friends	5
<b>2</b>	Making Arrangements	5
<b>3</b>	At home	6
	Ôn tập, củng cố	1
	Kiểm tra và chữa bài kiểm tra	2
<b>4</b>	Our past	5
<b>5</b>	Study habits	5
<b>6</b>	The Young Pioneers Club	5
	Ôn tập, củng cố	1

	Kiểm tra và chữa bài kiểm tra	2
<b>7</b>	My neighborhood	5
<b>8</b>	Country life and City life	5
	Ôn tập và kiểm tra học kì I	6

## HỌC KÌ II (LỚP 8)

Bài/Unit	Nội dung	Số tiết
<b>9</b>	A first -Aid Course	5
<b>10</b>	Recycling	5
<b>11</b>	Traveling Around Vietnam	5
	Ôn tập, củng cố	1
	Kiểm tra và chữa bài kiểm tra	2
<b>12</b>	A Vacation Abroad	5
<b>13</b>	Festivals	5
<b>14</b>	Wonders of the world	5
	Ôn tập, củng cố	1
	Kiểm tra và chữa bài kiểm tra	2
<b>15</b>	Computers	5
<b>16</b>	Inventions	5
	Ôn tập và kiểm tra học kì II	5

## LỚP 9

**Cả năm học: 37 tuần (70 tiết)**

Trong đó có các tiết dành cho ôn tập và kiểm tra thường xuyên và kiểm tra định kì.

## HỌC KÌ I (LỚP 9)

Bài/Unit	Nội dung	Số tiết
	Ôn tập/Kiểm tra đầu năm	1
<b>1</b>	A visit from a penpal	5
<b>2</b>	Clothing	6
	Kiểm tra và chữa bài kiểm tra	2
<b>3</b>	The countryside	5
<b>4</b>	Learning a foreign language	6
	Kiểm tra và chữa bài kiểm tra	2
<b>5</b>	The media	5
	Ôn tập và kiểm tra học kì I	4

## HỌC KÌ II (LỚP 9)

Bài /Unit	Nội dung	Số tiết
<b>6</b>	The environment	5
<b>7</b>	Saving energy	5
	Kiểm tra và chữa bài kiểm tra	2
<b>8</b>	Celebrations	5
<b>9</b>	Natural disasters	5
	Kiểm tra và chữa bài kiểm tra	2
<b>10</b>	Life on other planets	5
	Ôn tập và kiểm tra học kì II	5

-----

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Tài liệu

**PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH THPT**

MÔN **TIẾNG ANH**

*(Dùng cho các cơ quan quản lý giáo dục và giáo viên,  
áp dụng từ năm học 2008-2009)*

# A. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG KHUNG PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH THPT

## I. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

Khung Phân phối chương trình (KPPCT) này áp dụng cho các lớp cấp THPT từ năm học 2008-2009, gồm 2 phần: (A) Hướng dẫn sử dụng KPPCT; (B) Khung PPCT.

### 1. Về khung Phân phối chương trình

KPPCT quy định thời lượng dạy học cho từng phần của chương trình (chương, phần, bài học, môđun, chủ đề,...), trong đó có thời lượng dành cho luyện tập, bài tập, ôn tập, thí nghiệm, thực hành và thời lượng tiến hành kiểm tra định kì tương ứng với các phần đó.

Thời lượng nói trên quy định tại KPPCT áp dụng trong trường hợp học 1 buổi/ngày (*thời lượng dành cho kiểm tra là không thay đổi, thời lượng dành cho các hoạt động khác là quy định tối thiểu*). Tiến độ thực hiện chương trình khi kết thúc học kì I và kết thúc năm học được quy định thống nhất cho tất cả các trường THPT trong cả nước.

Căn cứ KPPCT, các Sở GDĐT cụ thể hoá thành PPCT chi tiết, bao gồm cả chủ đề tự chọn nâng cao (nếu có) cho phù hợp với địa phương, áp dụng chung cho các trường THPT thuộc quyền quản lí. Các trường THPT có điều kiện bố trí giáo viên và kinh phí chi trả giờ dạy vượt định mức (trong đó có các trường học nhiều hơn 6 buổi/tuần), có thể đề nghị đề Sở GDĐT phê chuẩn điều chỉnh PPCT tăng thời lượng dạy học cho phù hợp (*lãnh đạo Sở GDĐT phê duyệt, kí tên, đóng dấu*).

### 2. Về Phân phối chương trình dạy học tự chọn

a) Môn học tự chọn nâng cao (NC) của ban Cơ bản có thể thực hiện bằng 1 trong 2 cách: Sử dụng SGK nâng cao hoặc sử dụng SGK biên soạn theo chương trình chuẩn kết hợp với chủ đề tự chọn nâng cao (CĐNC) của môn học đó. CĐNC của 8 môn phân hóa chỉ dùng cho ban Cơ bản. Thời lượng dạy học CĐNC của môn học là khoảng chênh lệch giữa thời lượng dành cho chương trình chuẩn và chương trình nâng cao môn học đó trong Kế hoạch giáo dục THPT. Các Sở GDĐT quy định cụ thể PPCT dạy học các CĐNC cho phù hợp với mạch kiến thức của SGK môn học đó. Tài liệu CĐNC sử dụng cho cả giáo viên và học sinh.

b) Dạy học chủ đề tự chọn bám sát (CĐBS) là đề *ôn tập, hệ thống hóa, khắc sâu kiến thức, kĩ năng*, không bổ sung kiến thức nâng cao mới. Hiệu trưởng các trường THPT lập Kế hoạch dạy học CĐBS (chọn môn học, ấn định số tiết/tuần cho từng môn, tên bài dạy) cho từng lớp, ổn định trong từng học kì trên cơ sở đề nghị của các tổ trưởng chuyên môn và giáo viên chủ nhiệm lớp.

Bộ GDĐT ban hành tài liệu CĐBS lớp 10, dùng cho giáo viên để tham khảo, không ban hành tài liệu CĐBS lớp 11, 12. Giáo viên chuẩn bị kế hoạch bài giảng CĐBS với sự hỗ trợ của tổ chuyên môn.

c) Việc kiểm tra, đánh giá kết quả học tập CĐNC, CĐBS các môn học thực hiện theo quy định tại *Quy chế đánh giá, xếp loại học sinh THCS và học sinh THPT* của Bộ GDĐT.

**Lưu ý:** Các bài dạy CĐNC, CĐBS bố trí trong các chương như các bài khác, có thể có điểm kiểm tra dưới 1 tiết riêng nhưng không có điểm kiểm tra 1 tiết riêng, điểm CĐNC, CĐBS môn học nào tính cho môn học đó.

### 3. Thực hiện các hoạt động giáo dục

a) Phân công giáo viên thực hiện các Hoạt động giáo dục:

Trong KHGD quy định tại CTGDPT do Bộ GDĐT ban hành, các *hoạt động giáo dục* đã được quy định thời lượng với số tiết học cụ thể như các môn học. Đối với giáo viên được phân công thực hiện Hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp (HĒGDNGLL) và Hoạt động giáo dục hướng nghiệp (HĒGDHN) được tính giờ dạy học như các môn học; việc tham gia điều hành *HĒGD tập thể* (chào cờ đầu tuần và sinh hoạt lớp cuối tuần) là thuộc nhiệm vụ quản lí của Ban Giám hiệu và giáo viên chủ nhiệm lớp, không tính là giờ dạy học.

b) Thực hiện tích hợp giữa HGDNGLL, HGDHN, môn Công nghệ:

- HGDNGLL: Thực hiện đủ các chủ đề quy định cho mỗi tháng, với thời lượng 2 tiết/tháng và tích hợp nội dung HGDNGLL sang môn GDCD như sau:

- + Lớp 10, ở chủ đề về đạo đức;
- + Lớp 11, các chủ đề về kinh tế và chính trị - xã hội;
- + Lớp 12, ở các chủ đề về pháp luật.

Đưa nội dung giáo dục về Công ước Quyền trẻ em của Liên Hợp quốc vào HGDNGLL ở lớp 10 và tổ chức các hoạt động hưởng ứng phong trào "*Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực*" do Bộ GDĐT phát động.

- HGDHN:

Các lớp 10, 11, 12: Điều chỉnh thời lượng HGDHN thành 9 tiết/năm học sau khi tích hợp đưa sang giảng dạy ở môn Công nghệ (*phần "Tạo lập doanh nghiệp" lớp 10*) và tích hợp đưa sang HGDNGLL (do giáo viên môn Công nghệ, giáo viên HGDNGLL thực hiện) ở 3 chủ đề sau đây:

- + "*Thanh niên với vấn đề lập nghiệp*", chủ đề tháng 3;
- + "*Thanh niên với học tập, rèn luyện vì sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước*", chủ đề tháng 9;
- + "*Thanh niên với xây dựng và bảo vệ Tổ quốc*", chủ đề tháng 12.

Nội dung tích hợp do Sở GDĐT hướng dẫn hoặc uỷ quyền cho các trường THPT hướng dẫn GV thực hiện cho sát thực tiễn địa phương. Cần hướng dẫn học sinh lựa chọn học lên sau THPT (ĐH, CĐ, TCCN, học nghề) hoặc đi vào cuộc sống lao động. Về phương pháp tổ chức thực hiện HGDHN, có thể riêng theo lớp hoặc theo khối lớp; có thể giao cho giáo viên hoặc mời các chuyên gia, nhà quản lý kinh tế, quản lý doanh nghiệp giảng dạy.

c) HGD nghề phổ thông:

Nơi có đủ giáo viên đào tạo đúng chuyên môn, đủ CSVC phải thực hiện HGDNPT ở lớp 11, tổ chức thi và cấp chứng chỉ GDNPT sau khi hoàn thành chương trình 105 tiết đạt yêu cầu trở lên; nơi chưa đủ giáo viên đào tạo đúng chuyên môn, chưa đủ CSVC có thể chưa thực hiện chương trình HGDNPT nhưng phải khẩn trương khắc phục, không để kéo dài. Các vấn đề cụ thể về HGDNPT, thực hiện theo hướng dẫn tại công văn số 8608/BGDĐT-GDTrH ngày 16/8/2007 của Bộ GDĐT.

#### **4. Đổi mới phương pháp dạy học và đổi mới kiểm tra, đánh giá**

a) Chỉ đạo đổi mới phương pháp dạy học (PPDH):

- Những yêu cầu quan trọng trong đổi mới PPDH là:

- + Phát huy tính tích cực, hứng thú trong học tập của học sinh và vai trò chủ đạo của giáo viên;
- + Thiết kế bài giảng khoa học, sắp xếp hợp lý hoạt động của giáo viên và học sinh, thiết kế hệ thống câu hỏi hợp lý, tập trung vào trọng tâm, tránh nặng nề quá tải (nhất là đối với bài dài, bài khó, nhiều kiến thức mới); bồi dưỡng năng lực độc lập suy nghĩ, vận dụng sáng tạo kiến thức đã học, tránh thiên về ghi nhớ máy móc không nắm vững bản chất;

+ Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học, khuyến khích sử dụng hợp lý công nghệ thông tin, sử dụng các phương tiện nghe nhìn, thực hiện đầy đủ thí nghiệm, thực hành, liên hệ thực tế trong giảng dạy phù hợp với nội dung từng bài học;

+ Giáo viên sử dụng ngôn ngữ chuẩn xác, trong sáng, sinh động, dễ hiểu, tác phong thân thiện, khuyến khích, động viên học sinh học tập, tổ chức cho học sinh làm việc cá nhân và theo nhóm;

+ Dạy học sát đối tượng, coi trọng bồi dưỡng học sinh khá giỏi và giúp đỡ học sinh học lực yếu kém.

- Đối với các môn học như: Mĩ thuật, Âm nhạc (THCS), Thể dục (THCS, THPT) cần coi trọng truyền thụ kiến thức, hình thành kỹ năng, bồi dưỡng hứng thú học tập, không quá thiên về đánh giá thành tích theo yêu cầu đào tạo chuyên ngành hoạ sỹ, nhạc sỹ, vận động viên.

- Tăng cường chỉ đạo đổi mới PPDH thông qua công tác bồi dưỡng giáo viên và dự giờ thăm lớp của giáo viên, tổ chức rút kinh nghiệm giảng dạy ở các tổ chuyên môn, hội thảo cấp trường, cụm trường, địa phương, hội thi giáo viên giỏi các cấp.

b) Đổi mới kiểm tra, đánh giá (KTĐG):

- Những yêu cầu quan trọng trong đổi mới KTĐG là:

+ Giáo viên đánh giá sát đúng trình độ học sinh với thái độ khách quan, công minh và hướng dẫn học sinh biết tự đánh giá năng lực của mình;

+ Trong quá trình dạy học, cần kết hợp một cách hợp lý hình thức tự luận với hình thức trắc nghiệm khách quan trong KTĐG kết quả học tập của học sinh, chuẩn bị tốt cho việc đổi mới các kỳ thi theo chủ trương của Bộ GDĐT.

+ Thực hiện đúng quy định của Quy chế Đánh giá, xếp loại học sinh THCS, học sinh THPT do Bộ GDĐT ban hành, tiến hành đủ số lần kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ, kiểm tra học kỳ cả lý thuyết và thực hành.

- Đổi mới đánh giá các môn Mĩ thuật, Âm nhạc (THCS), Thể dục (THCS, THPT): Đánh giá bằng điểm hoặc bằng nhận xét kết quả học tập theo quy định tại Quy chế Đánh giá, xếp loại học sinh THCS, học sinh THPT.

c) Đối với một số môn khoa học xã hội và nhân văn như: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí, Giáo dục công dân, cần coi trọng đổi mới PPDH, đổi mới KTĐG theo hướng hạn chế chỉ ghi nhớ máy móc, không nắm vững kiến thức, kỹ năng môn học. Trong quá trình dạy học, cần từng bước đổi mới KTĐG bằng cách nêu vấn đề mở, đòi hỏi học sinh phải vận dụng tổng hợp kiến thức, kỹ năng và biểu đạt chính kiến của bản thân.

d) Từ năm học 2008-2009, tập trung chỉ đạo đánh giá sâu hiệu quả dạy học của môn Giáo dục công dân để tiếp tục đổi mới PPDH, KTĐG nhằm nâng cao chất lượng môn học này (*có hướng dẫn riêng*).

**5. Thực hiện các nội dung giáo dục địa phương** (*hướng dẫn tại công văn số 5977/BGDĐT-GDTrH ngày 07/7/2008*)

## II. NHỮNG VẤN ĐỀ CỤ THỂ CỦA MÔN HỌC

### 1. Sử dụng phân phối chương trình

Kế hoạch dạy sách giáo khoa THPT không quy định chi tiết đến từng tiết học mà phân theo thời lượng quy định cho từng đơn vị bài học (Unit). Giáo viên căn cứ vào tình hình thực tế giảng dạy để điều chỉnh tiết học của từng bài cho phù hợp với đối tượng học sinh. Tuy nhiên số tiết quy định cho toàn chương trình và số tiết kiểm tra là yêu cầu bắt buộc. Sau các bài kiểm tra giữa học kì hoặc cuối học kì giáo viên có thể sắp xếp thời gian để trả bài và chữa bài làm của học sinh.

Giáo viên cũng có thể điều chỉnh một số bài tập trong SGK có yêu cầu cao và quá dài đối với học sinh vùng khó. Xem các hướng dẫn về giảm yêu cầu cần đạt một số loại hình bài tập trong các tài liệu Hướng dẫn chuẩn kiến thức kỹ năng chương trình môn tiếng Anh THPT của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

### 2. Kiểm tra đánh giá kết quả học tập

- Việc đánh giá kết quả học tập cần được thông qua bốn kỹ năng: nghe, nói, đọc và viết.

- Nội dung các bài kiểm tra cần gắn liền với mục tiêu của các bài học tại thời điểm kiểm tra.

- Việc kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh cần được thực hiện qua hai phương thức: thường xuyên và định kì, với nhiều hình thức kiểm tra khác nhau thông qua các hoạt động thực hành, luyện tập bài học trên lớp, kiểm tra 15 phút, kiểm tra 1 tiết, kiểm tra cuối học kì.

- Cấu trúc của các bài kiểm tra viết 1 tiết và cuối kì gồm các phần sau:

- Sử dụng ngôn ngữ (Grammar and vocabulary) 25%

- Đọc (Reading) 25%

- Nghe (Listening) 25%

- Viết (Writing) 25%

Tuy nhiên trong những năm đầu làm quen với sách giáo khoa mới, nhất là đối với các vùng có khó khăn về điều kiện học tập, tỉ lệ của phần kiểm tra kĩ năng nghe và viết có thể nâng dần từ 20% đến 25%.

### 3. Sử dụng các trang thiết bị, đồ dùng dạy học

- Các trang thiết bị cần thiết cho việc dạy học bộ môn: máy cát sét, tranh và ảnh, đồ vật thật để minh họa từ ngữ mới hoặc tạo tình huống trong các bài dạy. Có đủ băng máy và các điều kiện cần thiết (như pin ở các vùng chưa có điện) để sử dụng băng máy dạy các bài luyện nghe trong sách giáo khoa là yêu cầu bắt buộc. Đối với những địa phương có điều kiện giáo viên có thể sử dụng thêm các trang thiết bị như máy tính, máy đèn chiếu, video, TV và các phương tiện nghe nhìn hiện đại khác.

- Việc sử dụng có hiệu quả các đồ dùng dạy học tối thiểu trên được coi là một trong những tiêu chí để đánh giá chất lượng các giờ dạy.

## B. KHUNG PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH

### LỚP 10

Cả năm học: 37 tuần (105 tiết)

Trong đó có các tiết dành cho ôn tập, kiểm tra và chữa bài kiểm tra thường xuyên và kiểm tra định kì.

### HỌC KÌ I

Bài/Unit	Nội dung	Số tiết
	Hướng dẫn học/ kiểm tra	1
Unit 1	A day in the life of	5
Unit 2	School talks	5
Unit 3	People's background	5
	Test yourself A	1
	Kiểm tra và chữa bài kiểm tra	2
Unit 4	Special Education	5
Unit 5	Technology and you	5
Unit 6	An Excursion	5
	Test yourself B	1
	Kiểm tra và chữa bài kiểm tra	2
Unit 7	The Mass Media	5
Unit 8	Community	5
	Test yourself C	1
	Ôn tập, kiểm tra học kì I	6



## HỌC KÌ II

Bài/Unit	Nội dung	Số tiết
Unit 9	Undersea world	5
Unit 10	Conservation	5
Unit 11	National parks	5
	Test yourself D	1
	Kiểm tra và chữa bài kiểm tra	2
Unit 12	Music	5
Unit 13	Film and cinema	5
Unit 14	The world cup	5
	Test yourself E	1
	Kiểm tra và chữa bài kiểm tra	2
Unit 15	Cities	5
Unit 16	Historical places	5
	Test yourself F	1
	Ôn tập, kiểm tra học kì II	4

## LỚP 11

Cả năm học: 37 tuần (105 tiết)

Trong đó có các tiết dành cho ôn tập, kiểm tra và chữa bài kiểm tra thường xuyên và kiểm tra định kì.

## HỌC KÌ I

Bài/Unit	Nội dung	Số tiết học
	Hướng dẫn học/ kiểm tra	1
1	Friendship	5
2	Personal experiences	5
3	A party	5
	Test yourself A	1
	Kiểm tra và chữa bài kiểm tra	2
4	Volunteer work	5
5	Illiteracy	5
6	Competitions	5
	Test yourself B	1
	Kiểm tra và chữa bài kiểm tra	2
7	World population	6
8	Celebrations	5

	Ôn tập và kiểm tra học kì I	4
--	-----------------------------	---

## HỌC KÌ II

Bài/Unit	Nội dung	Số tiết học
9	The post office	5
	Test yourself C	1
10	Nature in danger	5
11	Sources of energy	5
	Test yourself D	1
	Kiểm tra và chữa bài kiểm tra	2
12	The asian games	5
13	Hobbies	5
14	Recreation	5
	Test yourself E	1
	Kiểm tra và chữa bài kiểm tra	2
15	Space conquest	5
16	The wonders of the world	5
	Test yourself F	1
	Ôn tập và kiểm tra học kì II	6

## LỚP 12

**Cả năm học: 37 tuần (105 tiết)**

Trong đó có các tiết dành cho ôn tập, kiểm tra và chữa bài kiểm tra thường xuyên và kiểm tra định kì.

## HỌC KÌ I

Bài/Unit	Nội dung	Số tiết học
	Ôn tập / kiểm tra	2
1	Home life	5
2	Cultural diversity	5
3	Ways of socializing	5
	Test yourself A	1
	Kiểm tra và chữa bài kiểm tra	2
4	School Education System	5
5	Higher Education	5
6	Future jobs	5
	Test yourself B	1
	Kiểm tra và chữa bài kiểm tra	2
7	Economic reforms	5
8	Life in the future	5
	Test yourself C	1
	Ôn tập và kiểm tra học kì I	5

## HỌC KÌ II

Bài/Unit	Nội dung	Số tiết học
9	Deserts	5
10	Endangered species	5
	Test yourself D	1
11	Books	5
	Kiểm tra và chữa bài kiểm tra	2
12	Water sports	5
13	Sea Games	5
	Test yourself E	1
14	International organizations	5
	Kiểm tra và chữa bài kiểm tra	2
15	Woman in society	5
16	Association of southeast Asian nations	5
	Test yourself F	1
	Ôn tập và kiểm tra học kì II	4

## LỚP 10 (NÂNG CAO)

Cả năm học: 37 tuần (140 tiết)

Trong đó có các tiết dành cho ôn tập, kiểm tra và chữa bài kiểm tra thường xuyên và kiểm tra định kì.

## HỌC KÌ I (10 NC)

Bài/Unit	Nội dung	Số tiết học
	Hướng dẫn học/ kiểm tra	1
Unit 1	School talks	7
Unit 2	People's background	7
	Kiểm tra và chữa bài kiểm tra	2
Unit 3	Daily Activities	7
Unit 4	Special Education and Technology	7
	Consolidation 1	2
	Kiểm tra và chữa bài kiểm tra	2
Unit 5	Technology	7
Unit 6	School Outdoor Activities	7
	Kiểm tra và chữa bài kiểm tra	2
Unit 7	The Mass Media	7
Unit 8	Life in the Community	7
	Consolidation 2	2
	Ôn tập và kiểm tra học kì I	5

## HỌC KÌ II (10 NC)

Bài/Unit	Nội dung	Số tiết học
Unit 9	Undersea World	7
Unit 10	Conservation	7
	Kiểm tra và chữa bài kiểm tra	2
Unit 11	National Parks	7
Unit 12	Music	7
	Consolidation 3	2
	Kiểm tra và chữa bài kiểm tra	2
Unit 13	Theater and Movies	7
Unit 14	The world cup	7
	Kiểm tra và chữa bài kiểm tra	2
Unit 15	The Pacific Rim	7
Unit 16	Historical places	7
	Consolidation 4	2
	Ôn tập và kiểm tra học kì II	2

## LỚP 11 (NÂNG CAO)

Cả năm học: 37 tuần (140 tiết)

Trong đó có các tiết dành cho ôn tập, kiểm tra và chữa bài kiểm tra thường xuyên và kiểm tra định kì.

### HỌC KÌ I (11 NC)

Bài/Unit	Nội dung	Số tiết học
	Hướng dẫn học/ kiểm tra	1
1	Friendship	7
2	Personal experience	7
	Kiểm tra và chữa bài kiểm tra	2
3	Parties	7
4	Volunteer work and literacy programs	7
	Consolidation 1	2
	Kiểm tra và chữa bài kiểm tra	2
5	Competitions	7
6	Population	7
	Kiểm tra và chữa bài kiểm tra	2
7	Celebrations	7
8	Postal and tele communications service	7
	Consolidation 2	2
	Ôn tập và kiểm tra học kì I	5

### HỌC KÌ II (11 NC)

Bài/Unit	Nội dung	Số tiết học
9	Nature in endanger	7
10	Sources of Energy	7

	Kiểm tra và chữa bài kiểm tra	2
11	The asian games	7
12	Hobbies	7
	Consolidation 3	2
	Kiểm tra và chữa bài kiểm tra	2
13	Entertainment	7
14	Space Conquest	7
	Kiểm tra và chữa bài kiểm tra	2
15	Wonders of the World	7
16	An English Speaking World	7
	Consolidation 4	2
	Ôn tập và kiểm tra học kì II	2

## LỚP 12 (NÂNG CAO)

**Cả năm học: 37 tuần (140 tiết)**

Trong đó có các tiết dành cho ôn tập, kiểm tra và chữa bài kiểm tra thường xuyên và kiểm tra định kì.

### HỌC KÌ I (12 NC)

Bài/Unit	Nội dung	Số tiết học
	Hướng dẫn học/ kiểm tra	1
1	Home life	7
2	Cultural diversity	7
	Kiểm tra và chữa bài kiểm tra	2
3	School Education System	7
4	Higher Education	7
	Consolidation 1	2
	Kiểm tra và chữa bài kiểm tra	2
5	Future jobs	7
6	Economic reforms	7
	Kiểm tra và chữa bài kiểm tra	2
7	Youth	7
8	Future life	7
	Consolidation 2	2
	Ôn tập và kiểm tra học kì I	5

### HỌC KÌ II (12 NC)

Bài/Unit	Nội dung	Số tiết học
9	Deserts	7
10	Endangered species	7
	Kiểm tra và chữa bài kiểm tra	2
11	Books	7

12	Water sports	7
	Consolidation 3	2
	Kiểm tra và chữa bài kiểm tra	2
13	Sea Games	7
14	International organizations	7
	Kiểm tra và chữa bài kiểm tra	2
15	Woman in society	7
16	Association of southeast Asian nations	7
	Consolidation 4	2
	Ôn tập và kiểm tra học kì II	2

-----

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

**Tài liệu**

**PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH THCS**

**MÔN TIẾNG NGA**

*(Dùng cho các cơ quan quản lý giáo dục và giáo viên,  
áp dụng từ năm học 2008-2009)*

# A. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG KHUNG PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH THCS

## I. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

Khung phân phối chương trình (KPPCT) này áp dụng cho cấp THCS từ năm học 2008-2009, gồm 2 phần: (A) Hướng dẫn sử dụng KPPCT; (B) Khung PPCT.

### 1. Về Khung phân phối chương trình

KPPCT quy định thời lượng dạy học cho từng phần của chương trình (chương, phần, bài học, môđun, chủ đề,...), trong đó có thời lượng dành cho luyện tập, bài tập, ôn tập, thí nghiệm, thực hành và thời lượng tiến hành kiểm tra định kì tương ứng với các phần đó.

Thời lượng quy định tại KPPCT áp dụng trong trường hợp học 1 buổi/ngày, thời lượng dành cho kiểm tra là không thay đổi, thời lượng dành cho các hoạt động khác là quy định tối thiểu. Tiến độ thực hiện chương trình khi kết thúc học kì I và kết thúc năm học được quy định thống nhất cho tất cả các trường THCS trong cả nước. Căn cứ KPPCT, các Sở GDĐT cụ thể hoá thành PPCT chi tiết, bao gồm cả dạy học tự chọn cho phù hợp với địa phương, áp dụng chung cho các trường THCS thuộc quyền quản lí. Các trường THCS có điều kiện bố trí giáo viên và kinh phí chi trả giờ dạy vượt định mức quy định (trong đó có các trường học nhiều hơn 6 buổi/tuần), có thể chủ động đề nghị Phòng GDĐT xem xét trình Sở GDĐT phê chuẩn việc điều chỉnh PPCT tăng thời lượng dạy học cho phù hợp (*lãnh đạo Sở GDĐT phê duyệt, kí tên, đóng dấu*).

### 2. Về phân phối chương trình dạy học tự chọn

a) Thời lượng và cách tổ chức dạy học tự chọn:

Thời lượng dạy học tự chọn của các lớp cấp THCS trong Kế hoạch giáo dục là 2 tiết/tuần, dạy học chung cho cả lớp (các trường tự chủ về kinh phí có thể chia lớp thành nhóm nhỏ hơn nhưng vẫn phải theo kế hoạch chung của cả lớp).

Việc sử dụng thời lượng dạy học tự chọn THCS theo 1 trong 2 cách sau đây:

*Cách 1:* Chọn 1 trong 3 môn học, hoạt động giáo dục : Tin học, Ngoại ngữ 2, Nghề phổ thông (trong đó Ngoại ngữ 2 có thể bố trí vào 2 tiết dạy học tự chọn này hoặc bố trí ngoài thời lượng dạy học 6 buổi/tuần).

*Cách 2:* Dạy học các chủ đề tự chọn nâng cao, bám sát (CĐNC, CĐBS).

– Dạy học CĐNC là để khai thác sâu kiến thức, kĩ năng của chương trình, bổ sung kiến thức, bồi dưỡng năng lực tư duy nhưng phải phù hợp với trình độ tiếp thu của học sinh.

Các Sở GDĐT tổ chức biên soạn, thẩm định tài liệu CĐNC (*trong đó có các tài liệu Lịch sử, Địa lí, Văn học địa phương*), dùng cho cấp THCS theo hướng dẫn của Bộ GDĐT (tài liệu CĐNC sử dụng cho cả giáo viên và học sinh như SGK) và quy định cụ thể PPCT dạy học các CĐNC cho phù hợp với mạch kiến thức của môn học đó. Các Phòng GDĐT đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện PPCT dạy học các CĐNC.

– Dạy học các CĐBS là để *ôn tập, hệ thống hóa, khắc sâu kiến thức, kĩ năng* (không bổ sung kiến thức nâng cao mới). Trong điều kiện chưa ban hành được tài liệu CĐNC, cần dành thời lượng dạy học tự chọn để thực hiện CĐBS nhằm ôn tập, hệ thống hóa, khắc sâu kiến thức, kĩ năng cho học sinh.

Hiệu trưởng các trường THCS chủ động lập Kế hoạch dạy học các CĐBS (chọn môn học, ấn định số tiết/tuần cho từng môn, tên bài dạy) cho từng lớp, ổn định trong từng học kì trên cơ sở đề nghị của các tổ trưởng chuyên môn và giáo viên chủ nhiệm lớp. Giáo viên chuẩn bị kế hoạch bài dạy (giáo án) CĐBS với sự hỗ trợ của tổ chuyên môn.

b) Kiểm tra, đánh giá kết quả dạy học tự chọn:

Việc kiểm tra, đánh giá kết quả học tập CĐTC của môn học thực hiện theo quy định tại *Quy chế đánh giá, xếp loại học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông*.



**Lưu ý:** Các bài dạy CĐTCNC, CĐBS bố trí trong các chương như các bài khác, có thể có điểm kiểm tra dưới 1 tiết riêng nhưng không có điểm kiểm tra 1 tiết riêng, điểm CĐTC môn học nào tính cho môn học đó.

### **3. Thực hiện các hoạt động giáo dục**

a) Phân công giáo viên thực hiện các Hoạt động giáo dục:

Trong KHGD quy định tại CTGDPT do Bộ GDĐT ban hành, các *hoạt động giáo dục* đã được quy định thời lượng với số tiết học cụ thể như các môn học. Đối với giáo viên được phân công thực hiện Hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp (HĐGDNGLL), Hoạt động giáo dục hướng nghiệp (HĐGDHN) được tính giờ dạy như các môn học; việc tham gia điều hành *HĐGD tập thể* (chào cờ đầu tuần và sinh hoạt lớp cuối tuần) là thuộc nhiệm vụ quản lý của Ban Giám hiệu và giáo viên chủ nhiệm lớp, không tính vào giờ dạy tiêu chuẩn.

b) Tích hợp HĐGDNGLL, HĐGDHN, môn Công nghệ:

- HĐGDNGLL: Thực hiện đủ các chủ đề quy định cho mỗi tháng, với thời lượng 2 tiết/tháng và tích hợp nội dung HĐGDNGLL sang môn GDCD các lớp 6, 7, 8, 9 ở các chủ đề về đạo đức và pháp luật. Đưa nội dung về Công ước Quyền trẻ em của Liên Hợp quốc vào HĐGDNGLL ở lớp 9 và tổ chức các hoạt động hưởng ứng phong trào "*Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực*" do Bộ GDĐT phát động.

- HĐGDHN (lớp 9):

Điều chỉnh thời lượng HĐGDHN thành 9 tiết/năm học sau khi đưa một số nội dung GDHN tích hợp sang HĐGDNGLL ở 2 *chủ điểm* sau đây:

+ "*Truyền thống nhà trường*", chủ điểm tháng 9;

+ "*Tiến bước lên Đoàn*", chủ điểm tháng 3.

Nội dung tích hợp do Sở GDĐT (hoặc ủy quyền cho các Phòng GDĐT) hướng dẫn trường THCS thực hiện cho sát thực tiễn địa phương. Về phương pháp tổ chức thực hiện HĐGDHN, có thể riêng theo lớp hoặc theo khối lớp; có thể giao cho giáo viên hoặc mời các chuyên gia, nhà quản lý kinh tế, quản lý doanh nghiệp giảng dạy.

### **4. Đổi mới phương pháp dạy học; đổi mới kiểm tra, đánh giá**

a) Chỉ đạo đổi mới phương pháp dạy học (PPDH):

- Những yêu cầu quan trọng trong đổi mới PPDH là:

+ Phát huy tính tích cực, hứng thú trong học tập của học sinh và vai trò chủ đạo của giáo viên;

+ Thiết kế bài giảng khoa học, sắp xếp hợp lý hoạt động của giáo viên và học sinh, thiết kế hệ thống câu hỏi hợp lý, tập trung vào trọng tâm, tránh nặng nề quá tải (nhất là đối với bài dài, bài khó, nhiều kiến thức mới); bồi dưỡng năng lực độc lập suy nghĩ, vận dụng sáng tạo kiến thức đã học, tránh thiên về ghi nhớ máy móc không nắm vững bản chất;

+ Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học, khuyến khích sử dụng công nghệ thông tin, sử dụng các phương tiện nghe nhìn, thực hiện đầy đủ thí nghiệm, thực hành, liên hệ thực tế trong giảng dạy phù hợp với nội dung từng bài học;

+ Giáo viên sử dụng ngôn ngữ chuẩn xác, trong sáng, sinh động, dễ hiểu, tác phong thân thiện, khuyến khích, động viên học sinh học tập, tổ chức hợp lý cho học sinh làm việc cá nhân và theo nhóm;

+ Dạy học sát đối tượng, coi trọng bồi dưỡng học sinh khá giỏi và giúp đỡ học sinh học lực yếu kém.

- Đối với các môn học: Mĩ thuật, Âm nhạc, Thể dục cần coi trọng truyền thụ kiến thức, hình thành kỹ năng, bồi dưỡng hứng thú học tập, không quá thiên về đánh giá thành tích theo yêu cầu đào tạo chuyên ngành hoạ sỹ, nhạc sỹ, vận động viên.

- Tăng cường chỉ đạo đổi mới PPDH thông qua công tác bồi dưỡng giáo viên và dự giờ thăm lớp của giáo viên, tổ chức rút kinh nghiệm giảng dạy ở các tổ chuyên môn, hội thảo cấp trường, cụm trường, địa phương, hội thi giáo viên giỏi các cấp.

b) Đổi mới kiểm tra, đánh giá (KTĐG):

- Những yêu cầu quan trọng trong đổi mới KTĐG là:

+ Giáo viên đánh giá sát đúng trình độ học sinh với thái độ khách quan, công minh và hướng dẫn học sinh biết tự đánh giá năng lực của mình;

+ Trong quá trình dạy học, cần kết hợp một cách hợp lý hình thức tự luận với hình thức trắc nghiệm khách quan trong KTĐG kết quả học tập của học sinh, chuẩn bị tốt cho việc đổi mới các kỳ thi theo chủ trương của Bộ GDĐT.

+ Thực hiện đúng quy định của Quy chế Đánh giá, xếp loại học sinh THCS, học sinh THPT do Bộ GDĐT ban hành, tiến hành đủ số lần kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ, kiểm tra học kỳ cả lý thuyết và thực hành.

- Đổi mới đánh giá các môn Mỹ thuật, Âm nhạc (THCS), Thể dục (THCS, THPT): Đánh giá bằng điểm hoặc đánh giá bằng nhận xét kết quả học tập theo quy định tại Quy chế Đánh giá, xếp loại học sinh THCS, học sinh THPT sửa đổi.

c) Đối với một số môn khoa học xã hội và nhân văn như: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí, Giáo dục công dân, cần coi trọng đổi mới PPDH, đổi mới KTĐG theo hướng hạn chế chỉ ghi nhớ máy móc, không nắm vững kiến thức, kỹ năng môn học. Trong quá trình dạy học, cần đổi mới KTĐG bằng cách nêu vấn đề mở, đòi hỏi học sinh phải vận dụng tổng hợp kiến thức, kỹ năng và biểu đạt chính kiến của bản thân.

d) Từ năm học 2008-2009, tập trung chỉ đạo đánh giá sâu hiệu quả dạy học của môn Giáo dục công dân để tiếp tục đổi mới PPDH, KTĐG nhằm nâng cao chất lượng môn học này *(có hướng dẫn riêng)*.

**5. Thực hiện các nội dung giáo dục địa phương** *(hướng dẫn tại công văn số 5977/BGDĐT-GDTrH ngày 07/7/2008)*

## **II. NHỮNG VẤN ĐỀ CỤ THỂ CỦA MÔN TIẾNG NGA**

### **1. Thực hiện kế hoạch giáo dục**

Mỗi năm học có 37 tuần thực học đối với cấp THCS (học kỳ I: 19 tuần, học kỳ II: 18 tuần), môn Tiếng Nga có 105 tiết ở các lớp 6, 7, 8; 70 tiết ở lớp 9.

Thực hiện đúng quy định về số bài dạy, số tiết ôn tập, kiểm tra tại Khung phân phối chương trình. Chương trình môn Tiếng Nga lớp 6, 7, 8 gồm có 30 bài, sau 4 bài có 1 bài ôn tập và kiểm tra. Lớp 9 gồm có 15 bài, sau 4 bài có 1 bài ôn tập và sau 2 hoặc 3 bài có 1 bài kiểm tra. Sau mỗi bài kiểm tra 1 tiết cũng như học kỳ, giáo viên dành thời gian chữa bài cho học sinh.

### **2. Định hướng về phương pháp dạy học**

#### **2.1. Đối với giáo viên**

•Phát huy tính tích cực, hứng thú trong học tập của học sinh và vai trò chủ đạo của giáo viên.

•Kết hợp hài hoà giữa tính giao tiếp và tính hệ thống của ngôn ngữ theo hướng tăng cường rèn luyện kỹ năng giao tiếp và chú trọng các hoạt động hệ thống hoá các kiến thức ngôn ngữ. Việc truyền thụ kiến thức và rèn luyện kỹ năng phải tiến hành đồng thời với việc cung cấp các thông tin văn hoá, xã hội cho học sinh.

•Tạo các điều kiện giao tiếp thuận lợi cho học sinh, khuyến khích học sinh tham gia giao tiếp.

•Biết điều khiển học sinh làm việc theo nhóm.

- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, khuyến khích sử dụng hợp lý giáo án điện tử, sử dụng các thiết bị, đồ dùng dạy học như tranh ảnh, đồ vật thật, máy cát-xét, băng nghe, băng hình, máy chiếu... Dạy học sát đối tượng, coi trọng bồi dưỡng học sinh khá giỏi và giúp đỡ học sinh học lực yếu kém.

### 2.2. Đối với học sinh

- Tích cực rèn luyện giao tiếp, chủ động trong học tập.
- Tích cực làm việc cá nhân, theo cặp và theo nhóm.

### 3. Đối mới kiểm tra, đánh giá

#### 3.3. Định hướng chung về kiểm tra, đánh giá

- Căn cứ chuẩn kiến thức, kỹ năng của Chương trình giáo dục phổ thông môn Tiếng Nga làm cơ sở để kiểm tra, đánh giá (KTĐG) kết quả học tập của học sinh. Đảm bảo tính khách quan, thống nhất giữa mục tiêu đào tạo, giảng dạy với việc KTĐG.

- Việc đổi mới phương pháp KTĐG môn Tiếng Nga THCS nhằm đánh giá chính xác và khách quan kết quả học tập của học sinh. Kết quả KTĐG giúp giáo viên điều chỉnh kịp thời phương pháp dạy và học sinh điều chỉnh phương pháp học tập.

#### 3.3.2. Những yêu cầu cụ thể về đổi mới KTĐG môn tiếng Nga THCS

- Giáo viên đánh giá sát trình độ của học sinh với thái độ khách quan, công minh và hướng dẫn học sinh biết tự đánh giá năng lực của mình.

- Yêu cầu về kiến thức và kỹ năng của các bài kiểm tra cần căn cứ vào thời điểm kiểm tra, nội dung CT-SGK và các yêu cầu cần đạt về kiến thức và kỹ năng cho mỗi lớp quy định trong Chương trình môn Tiếng Nga cấp THCS.

- Kết hợp kiểm tra thường xuyên (kiểm tra miệng, kiểm tra 15 phút) và kiểm tra định kỳ (kiểm tra 1 tiết, kiểm tra học kỳ). Thời điểm kiểm tra định kỳ đã được ấn định trong bảng Khung Phân phối chương trình.

- Kiểm tra đánh giá toàn diện các kỹ năng giao tiếp (nghe, nói, đọc, viết) và kiến thức ngôn ngữ trên cơ sở các chủ điểm, nội dung, yêu cầu cần đạt quy định trong chương trình và đã được thể hiện trong SGK.

- Kết hợp một cách hợp lý hình thức tự luận với trắc nghiệm khách quan trong KTĐG kết quả học tập của học sinh, chuẩn bị tốt cho việc đổi mới các kỳ thi theo chủ trương của Bộ GDĐT.

## B. KHUNG PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH

### LỚP 6

**Cả năm: 37 tuần (105 tiết)**

**Học kì I: 19 tuần (54 tiết)**

**Học kì II: 18 tuần (51 tiết)**

### HỌC KÌ I

Bài	Nội dung	Số tiết
	Hướng dẫn học / kiểm tra	1
<b>Урок 1</b>		<b>3</b>
<b>Урок 2</b>		<b>3</b>

Урок 3	3
Урок 4	3
Урок 5 (Повторительный)	3
Kiểm tra và chữa bài kiểm tra	2
Урок 6	3
Урок 7	3
Урок 8	3
Урок 9	3
Урок 10 (Повторительный)	3
Kiểm tra và chữa bài kiểm tra	2
Урок 11	3
Урок 12	3
Урок 13	3
Урок 14	3
Урок 15 (Повторительный)	3
Ôn tập và kiểm tra HKI	4
	<b>54</b>

## HỌC KÌ II

Bài	Nội dung	Số tiết
Урок 16		3
Урок 17		3
Урок 18		3
Урок 19		3
Урок 20 (Повторительный)		3
Kiểm tra và chữa bài kiểm tra		2
Урок 21		3

Урок 22	3
Урок 23	3
Урок 24	3
Урок 25 (Повторительный)	3
Кiểm tra và chữa bài kiểm tra	2
Урок 26	3
Урок 27	3
Урок 28	3
Урок 29	3
Урок 30 (Повторительный)	3
Ôn tập và kiểm tra HKII	2
	<b>51</b>

### LỚP 7

Cả năm: 37 tuần (105 tiết)

Học kì I: 19 tuần (54 tiết)

Học kì II: 18 tuần (51 tiết)

### HỌC KÌ I

Bài	Nội dung	Số tiết
	Hướng dẫn học / kiểm tra	1
Урок 1		3
Урок 2		3
Урок 3		3
Урок 4		3
Урок 5 (Повторительный)		3
	Кiểm tra và chữa bài kiểm tra	2
Урок 6		3
Урок 7		3

<b>Урок 8</b>	<b>3</b>
<b>Урок 9</b>	<b>3</b>
<b>Урок 10 (Повторительный)</b>	<b>3</b>
Kiểm tra và chữa bài kiểm tra	2
<b>Урок 11</b>	<b>3</b>
<b>Урок 12</b>	<b>3</b>
<b>Урок 13</b>	<b>3</b>
<b>Урок 14</b>	<b>3</b>
<b>Урок 15 (Повторительный)</b>	<b>3</b>
Ôn tập và kiểm tra HKI	4
	<b>54</b>

## HỌC KÌ II

<b>Bài</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Số tiết</b>
<b>Урок 16</b>		<b>3</b>
<b>Урок 17</b>		<b>3</b>
<b>Урок 18</b>		<b>3</b>
<b>Урок 19</b>		<b>3</b>
<b>Урок 20 (Повторительный)</b>		<b>3</b>
Kiểm tra và chữa bài kiểm tra		2
<b>Урок 21</b>		<b>3</b>
<b>Урок 22</b>		<b>3</b>
<b>Урок 23</b>		<b>3</b>
<b>Урок 24</b>		<b>3</b>
<b>Урок 25 (Повторительный)</b>		<b>3</b>
Kiểm tra và chữa bài kiểm tra		2
<b>Урок 26</b>		<b>3</b>

<b>Урок 27</b>	<b>3</b>
<b>Урок 28</b>	<b>3</b>
<b>Урок 29</b>	<b>3</b>
<b>Урок 30 (Повторительный)</b>	<b>3</b>
Ôn tập và kiểm tra HKII	2
	<b>51</b>

### LỚP 8

**Cả năm: 37 tuần (105 tiết)**

**Học kì I: 19 tuần (54 tiết)**

**Học kì II: 18 tuần (51 tiết)**

### HỌC KÌ I

<b>Bài</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Số tiết</b>
	Hướng dẫn học / kiểm tra	1
<b>Урок 1</b>		<b>3</b>
<b>Урок 2</b>		<b>3</b>
<b>Урок 3</b>		<b>3</b>
<b>Урок 4</b>		<b>3</b>
<b>Урок 5 (Повторительный)</b>		<b>3</b>
	Kiểm tra và chữa bài kiểm tra	2
<b>Урок 6</b>		<b>3</b>
<b>Урок 7</b>		<b>3</b>
<b>Урок 8</b>		<b>3</b>
<b>Урок 9</b>		<b>3</b>
<b>Урок 10 (Повторительный)</b>		<b>3</b>
	Kiểm tra và chữa bài kiểm tra	2
<b>Урок 11</b>		<b>3</b>
<b>Урок 12</b>		<b>3</b>

<b>Урок 13</b>	<b>3</b>
<b>Урок 14</b>	<b>3</b>
<b>Урок 15 (Повторительный)</b>	<b>3</b>
Ôn tập và kiểm tra HKI	4
	<b>54</b>

## HỌC KÌ II

<b>Bài</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Số tiết</b>
<b>Урок 16</b>		<b>3</b>
<b>Урок 17</b>		<b>3</b>
<b>Урок 18</b>		<b>3</b>
<b>Урок 19</b>		<b>3</b>
<b>Урок 20 (Повторительный)</b>		<b>3</b>
	Kiểm tra và chữa bài kiểm tra	2
<b>Урок 21</b>		<b>3</b>
<b>Урок 22</b>		<b>3</b>
<b>Урок 23</b>		<b>3</b>
<b>Урок 24</b>		<b>3</b>
<b>Урок 25 (Повторительный)</b>		<b>3</b>
	Kiểm tra và chữa bài kiểm tra	2
<b>Урок 26</b>		<b>3</b>
<b>Урок 27</b>		<b>3</b>
<b>Урок 28</b>		<b>3</b>
<b>Урок 29</b>		<b>3</b>
<b>Урок 30 (Повторительный)</b>		<b>3</b>
	Ôn tập và kiểm tra HKII	2



**LỚP 9**

**Cả năm:** 37 tuần (70 tiết)  
**Học kì I:** 19 tuần (36 tiết)  
**Học kì II:** 18 tuần (34 tiết)

**HỌC KÌ I**

<b>Bài</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Số tiết</b>
	Hướng dẫn học / kiểm tra	1
<b>Урок 1</b>		4
<b>Урок 2</b>		4
	Ôn tập	2
	Kiểm tra	1
<b>Урок 3</b>		4
<b>Урок 4</b>		4
<b>Урок 5 (Повторительный)</b>		2
	Kiểm tra	1
<b>Урок 6</b>		4
<b>Урок 7</b>		4
<b>Урок 8</b>		1
	Ôn tập và kiểm tra HKI	4
		<b>36</b>

**HỌC KÌ II**

<b>Bài</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Số tiết</b>
<b>Урок 8</b>		3
<b>Урок 9</b>		4
<b>Урок 10 (Повторительный)</b>		2
	Kiểm tra	1

<b>Урок 11</b>	<b>4</b>
<b>Урок 12</b>	<b>4</b>
Ôn tập	2
Kiểm tra	1
<b>Урок 13</b>	<b>4</b>
<b>Урок 14</b>	<b>4</b>
<b>Урок 15 (Повторительный)</b>	<b>2</b>
Ôn tập và kiểm tra HKII	3
	<b>34</b>

---

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Tài liệu

**PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH THPT**

MÔN **TIẾNG NGA**

*(Dùng cho các cơ quan quản lý giáo dục và giáo viên,  
áp dụng từ năm học 2008-2009)*

# A. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG KHUNG PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH THPT

## I. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

Khung Phân phối chương trình (KPPCT) này áp dụng cho các lớp cấp THPT từ năm học 2008-2009, gồm 2 phần: (A) Hướng dẫn sử dụng KPPCT; (B) Khung PPCT.

### 1. Về khung Phân phối chương trình

KPPCT quy định thời lượng dạy học cho từng phần của chương trình (chương, phần, bài học, môđun, chủ đề,...), trong đó có thời lượng dành cho luyện tập, bài tập, ôn tập, thí nghiệm, thực hành và thời lượng tiến hành kiểm tra định kì tương ứng với các phần đó. Thời lượng nói trên quy định tại KPPCT áp dụng trong trường hợp học 1 buổi/ngày (*thời lượng dành cho kiểm tra là không thay đổi, thời lượng dành cho các hoạt động khác là quy định tối thiểu*). Tiến độ thực hiện chương trình khi kết thúc học kì I và kết thúc năm học được quy định thống nhất cho tất cả các trường THPT trong cả nước. Căn cứ KPPCT, các Sở GDĐT cụ thể hoá thành PPCT chi tiết, bao gồm cả chủ đề tự chọn nâng cao (nếu có) cho phù hợp với địa phương, áp dụng chung cho các trường THPT thuộc quyền quản lí. Các trường THPT có điều kiện bố trí GV và kinh phí chi trả giờ dạy vượt định mức (trong đó có các trường học nhiều hơn 6 buổi/tuần), có thể đề nghị đề Sở GDĐT phê chuẩn điều chỉnh PPCT tăng thời lượng dạy học cho phù hợp (*lãnh đạo Sở GDĐT phê duyệt, kí tên, đóng dấu*).

### 2. Về Phân phối chương trình dạy học tự chọn

a) Môn học tự chọn nâng cao (NC) của ban Cơ bản có thể thực hiện bằng 1 trong 2 cách: Sử dụng SGK nâng cao hoặc sử dụng SGK biên soạn theo chương trình chuẩn kết hợp với chủ đề tự chọn nâng cao (CĐNC) của môn học đó. CĐNC của 8 môn phân hóa chỉ dùng cho ban Cơ bản. Thời lượng dạy học CĐNC của môn học là khoảng chênh lệch giữa thời lượng dành cho chương trình chuẩn và chương trình nâng cao môn học đó trong Kế hoạch giáo dục THPT. Các Sở GDĐT quy định cụ thể PPCT dạy học các CĐNC cho phù hợp với mạch kiến thức của SGK môn học đó. Tài liệu CĐNC sử dụng cho cả GV và học sinh.

b) Dạy học chủ đề tự chọn bám sát (CĐBS) là để *ôn tập, hệ thống hóa, khắc sâu kiến thức, kĩ năng*, không bổ sung kiến thức nâng cao mới. Hiệu trưởng các trường THPT lập Kế hoạch dạy học CĐBS (chọn môn học, ấn định số tiết/tuần cho từng môn, tên bài dạy) cho từng lớp, ổn định trong từng học kì trên cơ sở đề nghị của các tổ trưởng chuyên môn và GV chủ nhiệm lớp. Bộ GDĐT ban hành tài liệu CĐBS lớp 10, dùng cho GV để tham khảo, không ban hành tài liệu CĐBS lớp 11, 12. GV chuẩn bị kế hoạch bài giảng CĐBS với sự hỗ trợ của tổ chuyên môn.

c) Việc kiểm tra, đánh giá kết quả học tập CĐNC, CĐBS các môn học thực hiện theo quy định tại *Quy chế đánh giá, xếp loại học sinh THCS và học sinh THPT* của Bộ GDĐT.

**Lưu ý:** Các bài dạy CĐNC, CĐBS bố trí trong các chương như các bài khác, có thể có điểm kiểm tra dưới 1 tiết riêng nhưng không có điểm kiểm tra 1 tiết riêng, điểm CĐNC, CĐBS môn học nào tính cho môn học đó.

### 3. Thực hiện các hoạt động giáo dục

a) Phân công GV thực hiện các Hoạt động giáo dục:

Trong KHGD quy định tại CTGDPT do Bộ GDĐT ban hành, các *hoạt động giáo dục* đã được quy định thời lượng với số tiết học cụ thể như các môn học. Đối với GV được phân công thực hiện Hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp (HĐGDNGLL) và Hoạt động giáo dục hướng nghiệp (HĐGDHN) được tính giờ dạy học như các môn học; việc tham gia điều hành *HĐGD tập thể* (chào cờ đầu tuần và sinh hoạt lớp cuối tuần) là thuộc nhiệm vụ quản lí của Ban Giám hiệu và GV chủ nhiệm lớp, không tính là giờ dạy học.

b) Thực hiện tích hợp giữa HĐGDNGLL, HĐGDHN, môn Công nghệ:

- HGDNGLL: Thực hiện đủ các chủ đề quy định cho mỗi tháng, với thời lượng 2 tiết/tháng và tích hợp nội dung HGDNGLL sang môn GDCC như sau:

- + Lớp 10, ở chủ đề về đạo đức;
- + Lớp 11, các chủ đề về kinh tế và chính trị - xã hội;
- + Lớp 12, ở các chủ đề về pháp luật.

Đưa nội dung giáo dục về Quyền trẻ em của Liên Hợp quốc vào HGDNGLL ở lớp 10 và tổ chức các hoạt động hưởng ứng phong trào "Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực" do Bộ GDĐT phát động.

- HGDHN:

Các lớp 10, 11, 12: Điều chỉnh thời lượng HGDHN thành 9 tiết/năm học sau khi tích hợp đưa sang giảng dạy ở môn Công nghệ (*phần "Tạo lập doanh nghiệp" lớp 10*) và tích hợp đưa sang HGDNGLL (do GV môn Công nghệ, GV HGDNGLL thực hiện) ở 3 chủ đề sau đây:

- + "Thanh niên với vấn đề lập nghiệp", chủ đề tháng 3;
- + "Thanh niên với học tập, rèn luyện vì sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước", chủ đề tháng 9;
- + "Thanh niên với xây dựng và bảo vệ Tổ quốc", chủ đề tháng 12.

Nội dung tích hợp do Sở GDĐT hướng dẫn hoặc uỷ quyền cho các trường THPT hướng dẫn GV thực hiện cho sát thực tiễn địa phương. Cần hướng dẫn học sinh lựa chọn con đường học lên sau THPT (ĐH, CĐ, TCCN, học nghề) hoặc đi vào cuộc sống lao động. Về phương pháp tổ chức thực hiện HGDHN, có thể riêng theo lớp hoặc theo khối lớp; có thể giao cho GV hoặc mời các chuyên gia, nhà quản lý kinh tế, quản lý doanh nghiệp giảng dạy.

c) HGD nghề phổ thông:

Nơi có đủ GV đúng chuyên môn, đủ CSVC phải thực hiện HGDNPT ở lớp 11, tổ chức thi và cấp chứng chỉ GDNPT sau khi hoàn thành chương trình 105 tiết đạt yêu cầu trở lên; nơi chưa đủ GV đào tạo đúng chuyên môn, chưa đủ CSVC có thể chưa thực hiện chương trình HGDNPT nhưng phải khăn trương khắc phục, không để kéo dài. Các vấn đề cụ thể khác về HGDNPT, thực hiện theo hướng dẫn tại công văn số 8608/BGDĐT-GDTrH ngày 16/8/2007 của Bộ GDĐT.

#### **4. Đổi mới phương pháp dạy học và đổi mới kiểm tra, đánh giá**

a) Chỉ đạo đổi mới phương pháp dạy học (PPDH):

- Những yêu cầu quan trọng trong đổi mới PPDH là:
  - + Phát huy tính tích cực, hứng thú trong học tập của học sinh và vai trò chủ đạo của GV;
  - + Thiết kế bài giảng khoa học, sắp xếp hợp lý hoạt động của GV và học sinh, thiết kế hệ thống câu hỏi hợp lý, tập trung vào trọng tâm, tránh nặng nề quá tải (nhất là đối với bài dài, bài khó, nhiều kiến thức mới); bồi dưỡng năng lực độc lập suy nghĩ, vận dụng sáng tạo kiến thức đã học, tránh thiên về ghi nhớ máy móc không nắm vững bản chất;
  - + Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học, khuyến khích sử dụng hợp lý công nghệ thông tin, sử dụng các phương tiện nghe nhìn, thực hiện đầy đủ thí nghiệm, thực hành, liên hệ thực tế trong giảng dạy phù hợp với nội dung từng bài học;
  - + GV sử dụng ngôn ngữ chuẩn xác, trong sáng, sinh động, dễ hiểu, tác phong thân thiện, khuyến khích, động viên học sinh học tập, tổ chức hợp lý cho học sinh làm việc cá nhân và theo nhóm;
  - + Dạy học sát đối tượng, coi trọng bồi dưỡng học sinh khá giỏi và giúp đỡ học sinh học lực yếu kém.
- Đối với các môn học như: Mĩ thuật, Âm nhạc (THCS), Thể dục (THCS, THPT) cần coi trọng truyền thụ kiến thức, hình thành kỹ năng, bồi dưỡng hứng thú học tập, không quá thiên về đánh giá thành tích theo yêu cầu đào tạo chuyên ngành hoạ sỹ, nhạc sỹ, vận động viên.

- Tăng cường chỉ đạo đổi mới PPDH thông qua công tác bồi dưỡng GV và dự giờ thăm lớp của GV, tổ chức rút kinh nghiệm giảng dạy ở các tổ chuyên môn, hội thảo cấp trường, cụm trường, địa phương, hội thi GV giỏi các cấp.

b) Đổi mới kiểm tra, đánh giá (KTĐG):

- Những yêu cầu quan trọng trong đổi mới KTĐG là:

+ GV đánh giá sát đúng trình độ học sinh với thái độ khách quan, công minh và hướng dẫn học sinh biết tự đánh giá năng lực của mình;

+ Trong quá trình dạy học, cần kết hợp một cách hợp lý hình thức tự luận với hình thức trắc nghiệm khách quan trong KTĐG kết quả học tập của học sinh, chuẩn bị tốt cho việc đổi mới các kỳ thi theo chủ trương của Bộ GDĐT.

+ Thực hiện đúng quy định của Quy chế Đánh giá, xếp loại học sinh THCS, học sinh THPT do Bộ GDĐT ban hành, tiến hành đủ số lần kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ, kiểm tra học kỳ cả lý thuyết và thực hành.

- Đổi mới đánh giá các môn Mĩ thuật, Âm nhạc (THCS), Thể dục (THCS, THPT): Đánh giá bằng điểm hoặc bằng nhận xét kết quả học tập theo quy định tại Quy chế Đánh giá, xếp loại học sinh THCS, học sinh THPT.

c) Đối với một số môn như: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí, Giáo dục công dân, cần coi trọng đổi mới PPDH, đổi mới KTĐG theo hướng hạn chế chỉ ghi nhớ máy móc, không nắm vững kiến thức, kỹ năng môn học. Trong quá trình dạy học, cần từng bước đổi mới KTĐG bằng cách nêu vấn đề mở, đòi hỏi học sinh phải vận dụng tổng hợp kiến thức, kỹ năng và biểu đạt chính kiến của bản thân.

d) Từ năm học 2008-2009, tập trung chỉ đạo đánh giá sâu hiệu quả dạy học của môn Giáo dục công dân để tiếp tục đổi mới PPDH, KTĐG nhằm nâng cao chất lượng môn học này (có hướng dẫn riêng).

**5. Thực hiện các nội dung giáo dục địa phương (hướng dẫn tại công văn số 5977/BGDĐT-GDTrH ngày 07/7/2008)**

## **II. NHỮNG VẤN ĐỀ CỤ THỂ CỦA MÔN TIẾNG NGA**

### **1. Thực hiện kế hoạch giáo dục**

Mỗi năm học có 37 tuần thực học, môn Tiếng Nga có 105 tiết đối với tất cả các lớp. Cần thực hiện đúng quy định về số bài dạy, số tiết ôn tập và kiểm tra tại KPPCT. Chương trình môn Tiếng Nga lớp 10 và 11 gồm có 30 bài, cứ sau 4 bài có 1 bài ôn tập và kiểm tra. Lớp 12 có 15 bài, sau 4 bài có 1 bài ôn tập và sau 2 hoặc 3 bài có 1 bài kiểm tra. Sau mỗi bài kiểm tra 1 tiết cũng như học kỳ, GV dành thời gian chữa bài cho học sinh.

### **2. Định hướng đổi mới phương pháp dạy học**

#### **2.1. Đối với GV**

•Phát huy tính tích cực, hứng thú trong học tập của học sinh và vai trò chủ đạo của GV.

•Kết hợp hài hoà giữa kỹ năng giao tiếp và tính hệ thống của ngôn ngữ theo hướng tăng cường rèn luyện kỹ năng giao tiếp, chú trọng các hoạt động hệ thống hoá kiến thức ngôn ngữ. Việc truyền thụ kiến thức và rèn luyện kỹ năng phải tiến hành đồng thời với việc cung cấp các thông tin văn hoá, xã hội ... cho học sinh.

•Tạo các điều kiện giao tiếp thuận lợi cho học sinh, khuyến khích học sinh tham gia giao tiếp.

•Điều khiển học sinh làm việc theo nhóm.

•Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, khuyến khích sử dụng hợp lý giáo án điện tử, sử dụng các thiết bị, đồ dùng dạy học như tranh ảnh, đồ vật thật, máy cát-xét,

bằng nghe, bằng hình, máy chiếu. Dạy học sát đối tượng, coi trọng bồi dưỡng học sinh khá giỏi và giúp đỡ học sinh học lực yếu kém.

### 2.2. Đối với học sinh

- Tích cực rèn luyện giao tiếp, chủ động trong học tập.
- Tích cực làm việc cá nhân, theo cặp và theo nhóm.

### 3. Đối mới kiểm tra, đánh giá

#### 3.3. Định hướng chung về kiểm tra, đánh giá

• Căn cứ chuẩn kiến thức, kỹ năng của Chương trình làm cơ sở để kiểm tra, đánh giá (KTĐG) kết quả học tập của học sinh. Đảm bảo tính khách quan, thống nhất giữa mục tiêu đào tạo, giảng dạy với việc KTĐG.

• Việc đổi mới phương pháp KTĐG môn Tiếng Nga THPT nhằm đánh giá chính xác và khách quan kết quả học tập của học sinh trong quá trình và sau từng giai đoạn học tập. KTĐG phải cho phép biết được việc học tập của học sinh có đạt được mục tiêu đề ra hay không và đạt được trong chừng mực nào để trên cơ sở đó giúp GV điều chỉnh, thích ứng kịp thời phương pháp dạy và học sinh điều chỉnh phương pháp học theo chương trình và SGK Tiếng Nga THPT. Các nội dung KTĐG cần căn cứ vào các nội dung dạy và học, tuy nhiên thời lượng hạn chế của bài kiểm tra chỉ cho phép lựa chọn một số nội dung chính để kiểm tra.

#### 3.2. Những yêu cầu cụ thể về đổi mới KTĐG môn Tiếng Nga THPT

• GV đánh giá sát trình độ của học sinh với thái độ khách quan, công minh và hướng dẫn học sinh biết tự đánh giá năng lực của mình.

• Yêu cầu về kiến thức và kỹ năng của các bài kiểm tra cần căn cứ vào thời điểm kiểm tra, nội dung CT-SGK và các yêu cầu cần đạt về kiến thức và kỹ năng cho mỗi lớp được quy định trong Chương trình GDPT môn Tiếng Nga cấp THPT.

• Kết hợp kiểm tra thường xuyên (kiểm tra miệng, kiểm tra 15 phút) và kiểm tra định kỳ (kiểm tra 1 tiết, kiểm tra học kỳ). Thời điểm kiểm tra định kỳ đã được ấn định trong bảng khung Phân phối chương trình

• Kiểm tra đánh giá toàn diện các kỹ năng giao tiếp (nghe, nói, đọc, viết) và kiến thức ngôn ngữ trên cơ sở các chủ điểm, nội dung, yêu cầu cần đạt quy định trong chương trình và được thể hiện trong SGK.

• Kết hợp một cách hợp lý hình thức tự luận với trắc nghiệm khách quan trong KTĐG kết quả học tập của học sinh, chuẩn bị tốt cho việc đổi mới các kỳ thi theo chủ trương của Bộ GDĐT.

## B. KHUNG PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH

### LỚP 10 (CHUẨN)

Cả năm: 37 tuần (105 tiết)

Học kì I: 19 tuần (54 tiết)

Học kì II: 18 tuần (51 tiết)

### HỌC KÌ I

Bài	Nội dung	Số tiết
	Hướng dẫn học / kiểm tra	1
<b>Урок 1</b>		<b>3</b>

Урок 2	3
Урок 3	3
Урок 4	3
Урок 5 (Повторительный)	3
Kiểm tra và chữa bài kiểm tra	2
Урок 6	3
Урок 7	3
Урок 8	3
Урок 9	3
Урок 10 (Повторительный)	3
Kiểm tra và chữa bài kiểm tra	2
Урок 11	3
Урок 12	3
Урок 13	3
Урок 14	3
Урок 15 (Повторительный)	3
Ôn tập và kiểm tra HKI	4
	54

## HỌC KÌ II

Bài	Nội dung	Số tiết
Урок 16		3
Урок 17		3
Урок 18		3
Урок 19		3
Урок 20 (Повторительный)		3
Kiểm tra và chữa bài kiểm tra		2



Урок 21	3
Урок 22	3
Урок 23	3
Урок 24	3
Урок 25 (Повторительный)	3
Kiểm tra và chữa bài kiểm tra	2
Урок 26	3
Урок 27	3
Урок 28	3
Урок 29	3
Урок 30 (Повторительный)	3
Ôn tập và kiểm tra HKII	2
	<b>51</b>

### LỚP 11 (CHUẨN)

Cả năm: 37 tuần (105 tiết)

Học kì I: 19 tuần (54 tiết)

Học kì II: 18 tuần (51 tiết)

### HỌC KÌ I

Bài	Nội dung	Số tiết
	Hướng dẫn học / kiểm tra	1
Урок 1		3
Урок 2		3
Урок 3		3
Урок 4		3
Урок 5 (Повторительный)		3
	Kiểm tra và chữa bài kiểm tra	2
Урок 6		3

<b>Урок 7</b>	<b>3</b>
<b>Урок 8</b>	<b>3</b>
<b>Урок 9</b>	<b>3</b>
<b>Урок 10 (Повторительный)</b>	<b>3</b>
Kiểm tra và chữa bài kiểm tra	2
<b>Урок 11</b>	<b>3</b>
<b>Урок 12</b>	<b>3</b>
<b>Урок 13</b>	<b>3</b>
<b>Урок 14</b>	<b>3</b>
<b>Урок 15 (Повторительный)</b>	<b>3</b>
Ôn tập và kiểm tra HKI	4
	<b>54</b>

## **HỌC KÌ II**

<b>Bài</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Số tiết</b>
<b>Урок 16</b>		<b>3</b>
<b>Урок 17</b>		<b>3</b>
<b>Урок 18</b>		<b>3</b>
<b>Урок 19</b>		<b>3</b>
<b>Урок 20 (Повторительный)</b>		<b>3</b>
Kiểm tra và chữa bài kiểm tra		2
<b>Урок 21</b>		<b>3</b>
<b>Урок 22</b>		<b>3</b>
<b>Урок 23</b>		<b>3</b>
<b>Урок 24</b>		<b>3</b>
<b>Урок 25 (Повторительный)</b>		<b>3</b>
Kiểm tra và chữa bài kiểm tra		2

<b>Урок 26</b>	<b>3</b>
<b>Урок 27</b>	<b>3</b>
<b>Урок 28</b>	<b>3</b>
<b>Урок 29</b>	<b>3</b>
<b>Урок 30 (Повторительный)</b>	<b>3</b>
Ôn tập và kiểm tra HKII	2
	<b>51</b>

### LỚP 12 (CHUẨN)

Cả năm: 37 tuần (105 tiết)

Học kì I: 19 tuần (54 tiết)

Học kì II: 18 tuần (51 tiết)

### HỌC KÌ I

<b>Bài</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Số tiết</b>
	Hướng dẫn học / kiểm tra	1
<b>Урок 1</b>		<b>6</b>
<b>Урок 2</b>		<b>6</b>
	Ôn tập	2
	Kiểm tra và chữa bài kiểm tra	2
<b>Урок 3</b>		<b>6</b>
<b>Урок 4</b>		<b>6</b>
<b>Урок 5 (Повторительный)</b>		<b>4</b>
	Kiểm tra và chữa bài kiểm tra	2
<b>Урок 6</b>		<b>6</b>
<b>Урок 7</b>		<b>6</b>
<b>Урок 8</b>		<b>3</b>
	Ôn tập và kiểm tra HKI	4
		<b>54</b>

## HỌC KÌ II

Bài	Nội dung	Số tiết
<b>Урок 8</b>		<b>3</b>
<b>Урок 9</b>		<b>6</b>
<b>Урок 10 (Повторительный)</b>		<b>4</b>
	Kiểm tra và chữa bài kiểm tra	<b>2</b>
<b>Урок 11</b>		<b>6</b>
<b>Урок 12</b>		<b>6</b>
	Ôn tập	<b>2</b>
	Kiểm tra và chữa bài kiểm tra	<b>2</b>
<b>Урок 13</b>		<b>6</b>
<b>Урок 14</b>		<b>6</b>
<b>Урок 15 (Повторительный)</b>		<b>4</b>
	Ôn tập và kiểm tra HKII	<b>4</b>
		<b>51</b>

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Tài liệu

**PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH THCS**

MÔN **TIẾNG PHÁP**

**(NN2)**

*(Dùng cho các cơ quan quản lý giáo dục và giáo viên,  
áp dụng từ năm học 2008-2009)*

# A. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG KHUNG PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH THCS

## I. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

Khung phân phối chương trình (KPPCT) này áp dụng cho cấp THCS từ năm học 2008-2009, gồm 2 phần: (A) Hướng dẫn sử dụng KPPCT; (B) Khung PPCT.

### 1. Về Khung phân phối chương trình

KPPCT quy định thời lượng dạy học cho từng phần của chương trình (chương, phân, bài học, môđun, chủ đề,...), trong đó có thời lượng dành cho luyện tập, bài tập, ôn tập, thí nghiệm, thực hành và thời lượng tiến hành kiểm tra định kì tương ứng với các phần đó. Thời lượng quy định tại KPPCT áp dụng trong trường hợp học 1 buổi/ngày, thời lượng dành cho kiểm tra là không thay đổi, thời lượng dành cho các hoạt động khác là quy định tối thiểu. Tiến độ thực hiện chương trình khi kết thúc học kì I và kết thúc năm học được quy định thống nhất cho tất cả các trường THCS trong cả nước. Căn cứ KPPCT, các Sở GDĐT cụ thể hoá thành PPCT chi tiết, bao gồm cả dạy học tự chọn cho phù hợp với địa phương, áp dụng chung cho các trường THCS thuộc quyền quản lí. Các trường THCS có điều kiện bố trí GV và kinh phí chi trả giờ dạy vượt định mức quy định (trong đó có các trường học nhiều hơn 6 buổi/tuần), có thể chủ động đề nghị Phòng GDĐT xem xét trình Sở GDĐT phê chuẩn việc điều chỉnh PPCT tăng thời lượng dạy học cho phù hợp (*lãnh đạo Sở GDĐT phê duyệt, kí tên, đóng dấu*).

### 2. Về phân phối chương trình dạy học tự chọn

a) Thời lượng và cách tổ chức dạy học tự chọn:

Thời lượng dạy học tự chọn của các lớp cấp THCS trong Kế hoạch giáo dục là 2 tiết/tuần, dạy học chung cho cả lớp (các trường tự chủ về kinh phí có thể chia lớp thành nhóm nhỏ hơn nhưng vẫn phải theo kế hoạch chung của cả lớp).

Việc sử dụng thời lượng dạy học tự chọn THCS theo 1 trong 2 cách sau đây:

*Cách 1:* Chọn 1 trong 3 môn học, hoạt động giáo dục: Tin học, Ngoại ngữ 2, Nghề phổ thông (trong đó Ngoại ngữ 2 có thể bố trí vào 2 tiết dạy học tự chọn này hoặc bố trí ngoài thời lượng dạy học 6 buổi/tuần).

*Cách 2:* Dạy học các chủ đề tự chọn nâng cao, bám sát (CĐNC, CĐBS).

– Dạy học CĐNC là để khai thác sâu hơn kiến thức, kĩ năng của chương trình, bổ sung kiến thức, bồi dưỡng năng lực tư duy nhưng phải phù hợp với trình độ tiếp thu của học sinh.

Các Sở GDĐT tổ chức biên soạn, thẩm định tài liệu CĐNC (*trong đó có các tài liệu Lịch sử, Địa lí, Văn học địa phương*), dùng cho cấp THCS theo hướng dẫn của Bộ GDĐT (tài liệu CĐNC sử dụng cho cả GV và học sinh như SGK) và quy định cụ thể PPCT dạy học các CĐNC cho phù hợp với mạch kiến thức của môn học đó. Các Phòng GDĐT đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện PPCT dạy học các CĐNC.

– Dạy học các CĐBS là để *ôn tập, hệ thống hóa, khắc sâu kiến thức, kĩ năng* (không bổ sung kiến thức nâng cao mới). Trong điều kiện chưa ban hành được tài liệu CĐNC, cần dành thời lượng dạy học tự chọn để thực hiện CĐBS nhằm ôn tập, hệ thống hóa, khắc sâu kiến thức, kĩ năng cho học sinh.

Hiệu trưởng các trường THCS chủ động lập Kế hoạch dạy học các CĐBS (chọn môn học, ấn định số tiết/tuần cho từng môn, tên bài dạy) cho từng lớp, ổn định trong từng học kì trên cơ sở đề nghị của các tổ trưởng chuyên môn và GV chủ nhiệm lớp. GV chuẩn bị giáo án CĐBS với sự hỗ trợ của tổ chuyên môn.

b) Kiểm tra, đánh giá kết quả dạy học tự chọn:

Việc kiểm tra, đánh giá kết quả học tập CĐTC của môn học thực hiện theo quy định tại *Quy chế đánh giá, xếp loại học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông*.

**Lưu ý:** Các bài dạy CĐTCNC, CĐBS bố trí trong các chương như các bài khác, có thể có điểm kiểm tra dưới 1 tiết riêng nhưng không có điểm kiểm tra 1 tiết riêng, điểm CĐTC môn học nào tính cho môn học đó.

### 3. Thực hiện các hoạt động giáo dục

a) Phân công GV thực hiện các Hoạt động giáo dục:

Trong KHGD quy định tại CTGDPT do Bộ GDĐT ban hành, các *hoạt động giáo dục* đã được quy định thời lượng với số tiết học cụ thể như các môn học. Đối với GV được phân công thực hiện Hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp (HĐGDNGLL), Hoạt động giáo dục hướng nghiệp (HĐGDHN) được tính giờ dạy như các môn học; việc tham gia điều hành *HĐGD tập thể* (chào cờ đầu tuần và sinh hoạt lớp cuối tuần) là thuộc nhiệm vụ quản lý của Ban Giám hiệu và GV chủ nhiệm lớp, không tính là giờ dạy.

b) Tích hợp HØGDNGLL, HØGDHN, môn Công nghệ:

- HØGDNGLL: Thực hiện đủ các chủ đề quy định cho mỗi tháng, với thời lượng 2 tiết/tháng và tích hợp nội dung HØGDNGLL sang môn GDCD các lớp 6, 7, 8, 9 ở các chủ đề về đạo đức và pháp luật. Đưa nội dung về Công ước Quyền trẻ em của Liên Hợp quốc vào HØGDNGLL ở lớp 9 và tổ chức các hoạt động hưởng ứng phong trào "*Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực*" do Bộ GDĐT phát động.

- HØGDHN (lớp 9):

Điều chỉnh thời lượng HØGDHN thành 9 tiết/năm học sau khi đưa một số nội dung GDHN tích hợp sang HØGDNGLL ở 2 chủ điểm sau đây:

+ "*Truyền thống nhà trường*", chủ điểm tháng 9;

+ "*Tiến bước lên Đoàn*", chủ điểm tháng 3.

Nội dung tích hợp do Sở GDĐT (hoặc uỷ quyền cho các Phòng GDĐT) hướng dẫn trường THCS thực hiện cho sát thực tiễn địa phương. Về phương pháp tổ chức thực hiện HØGDHN, có thể riêng theo lớp, theo khối lớp; có thể giao cho GV hoặc mời các chuyên gia, nhà quản lý kinh tế, quản lý doanh nghiệp giảng dạy.

#### **4. Đổi mới phương pháp dạy học; đổi mới kiểm tra, đánh giá**

a) Chỉ đạo đổi mới phương pháp dạy học (PPDH):

- Những yêu cầu quan trọng trong đổi mới PPDH là:

+ Phát huy tính tích cực, hứng thú trong học tập của học sinh và vai trò chủ đạo của GV;

+ Thiết kế bài giảng khoa học, sắp xếp hợp lý hoạt động của GV và học sinh, thiết kế hệ thống câu hỏi hợp lý, tập trung vào trọng tâm, tránh nặng nề quá tải (nhất là đối với bài dài, bài khó, nhiều kiến thức mới); bồi dưỡng năng lực độc lập suy nghĩ, vận dụng sáng tạo kiến thức, tránh thiên về ghi nhớ máy móc, không nắm vững bản chất;

+ Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học, khuyến khích sử dụng công nghệ thông tin, sử dụng các phương tiện nghe nhìn, thực hiện đầy đủ thí nghiệm, thực hành, liên hệ thực tế trong giảng dạy phù hợp với nội dung từng bài học;

+ GV sử dụng ngôn ngữ chuẩn xác, trong sáng, sinh động, dễ hiểu, tác phong thân thiện, khuyến khích, động viên học sinh học tập, tổ chức hợp lý cho học sinh làm việc cá nhân và theo nhóm;

+ Dạy học sát đối tượng, coi trọng bồi dưỡng học sinh khá giỏi và giúp đỡ học sinh học lực yếu kém.

- Đối với các môn học đòi hỏi năng khiếu như: Mỹ thuật, Âm nhạc, Thể dục cần coi trọng truyền thụ kiến thức, hình thành kỹ năng, bồi dưỡng hứng thú học tập, không quá thiên về đánh giá thành tích theo yêu cầu đào tạo chuyên ngành hoạ sỹ, nhạc sỹ, vận động viên.

- Tăng cường chỉ đạo đổi mới PPDH thông qua công tác bồi dưỡng GV và dự giờ thăm lớp của GV, tổ chức rút kinh nghiệm giảng dạy ở các tổ chuyên môn, hội thảo cấp trường, cụm trường, địa phương, hội thi GV giỏi các cấp.

b) Đổi mới kiểm tra, đánh giá (KTĐG):

- Những yêu cầu quan trọng trong đổi mới KTĐG là:

+ GV đánh giá sát đúng trình độ học sinh với thái độ khách quan, công minh và hướng dẫn học sinh tự đánh giá năng lực của mình;

+ Trong quá trình dạy học, cần kết hợp một cách hợp lý hình thức tự luận với hình thức trắc nghiệm khách quan trong KTĐG kết quả học tập của học sinh, chuẩn bị tốt cho việc đổi mới các kỳ thi theo chủ trương của Bộ GDĐT.

+ Thực hiện đúng quy định của Quy chế Đánh giá, xếp loại học sinh THCS, học sinh THPT do Bộ GDĐT ban hành, tiến hành đủ số lần kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ, kiểm tra học kỳ cả lý thuyết và thực hành.

- Đổi mới đánh giá các môn Mỹ thuật, Âm nhạc (THCS), Thể dục (THCS, THPT): Thực hiện đánh giá bằng điểm hoặc đánh giá bằng nhận xét kết quả học tập theo quy định tại Quy chế Đánh giá, xếp loại học sinh THCS, học sinh THPT sửa đổi.

c) Đối với một số môn: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí, Giáo dục công dân, cần coi trọng đổi mới PPDH, đổi mới KTĐG theo hướng hạn chế ghi nhớ máy móc, không nắm vững kiến thức, kỹ năng môn học. Trong quá trình dạy học, cần đổi mới KTĐG bằng cách nêu vấn đề mở, đòi hỏi học sinh phải vận dụng tổng hợp kiến thức, kỹ năng và biểu đạt chính kiến của bản thân.

d) Từ năm học 2008-2009, tập trung chỉ đạo đánh giá sâu hiệu quả dạy học của môn Giáo dục công dân để tiếp tục đổi mới PPDH, KTĐG nhằm nâng cao chất lượng (có hướng dẫn riêng).

**5. Thực hiện các nội dung giáo dục địa phương** (hướng dẫn tại công văn số 5977/BGDĐT-GDTrH ngày 07/7/2008)

## II. NHỮNG VẤN ĐỀ CỤ THỂ CỦA MÔN HỌC

### 1. MỘT SỐ LƯU Ý

- Phân phối chương trình này chỉ mang tính định hướng, nhưng phải đảm bảo dạy các kỹ năng giao tiếp theo các mức độ thể hiện trong CT và SGK và kết thúc học kỳ đúng tiến độ.

- Các tiết dành cho ôn thi học kỳ, giáo viên có thể dùng để ôn luyện kiến thức và kỹ năng trong khuôn khổ chương trình, nhưng cũng có thể dùng một phần cho nâng cao kiến thức hoặc hoạt động bổ trợ bằng tiếng Pháp như tổ chức cho học sinh học hát, chơi các trò chơi, hoặc xem các tư liệu nghe nhìn phù hợp, tùy vào khả năng trình độ của học sinh.

- Không bắt buộc dạy phần được đánh dấu \*.

### 2. HƯỚNG DẪN VỀ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ

Mỗi học kỳ phải đảm bảo tối thiểu số lượt và nội dung các bài kiểm tra theo hướng dẫn sau đây:

#### Bài kiểm tra hệ số 1:

a) Sử dụng thời gian dành cho kiểm tra miệng để kiểm tra kỹ năng *diễn đạt nói* (expression orale): mỗi học sinh một lần trong một học kỳ.

b) Có 02 lần kiểm tra 15 phút (thời điểm kiểm tra không ấn định trong bảng “Phân phối chương trình” này), trong đó:

- 01 bài dành cho việc kiểm tra kỹ năng *nghe hiểu* (compréhension orale);

- 01 bài dành cho việc kiểm tra kỹ năng *diễn đạt viết* (expression écrite) một đoạn văn ngắn theo chủ đề, có gợi ý.

#### Bài kiểm tra hệ số 2:

Có 01 lần kiểm tra 1 tiết theo thời điểm đã được xác định trong bảng “Phân phối chương trình” này. **Bài kiểm tra 1 tiết** đánh giá kỹ năng *đọc hiểu* (compréhension écrite) và các *kiến thức ngôn ngữ* (connaissances de langue).

#### Bài kiểm tra học kỳ hệ số 3:

Có 1 bài kiểm tra học kỳ đánh giá kỹ năng *đọc hiểu* (compréhension écrite) và *kiến thức ngôn ngữ* (connaissances de langue).

#### Công cụ để kiểm tra đánh giá:

Kết hợp trắc nghiệm khách quan và trắc nghiệm tự luận một cách hợp lý.

## B. KHUNG PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH

### LỚP 6

Cả năm: 70 tiết / 37 tuần

Học kì I : 36 tiết / 19 tuần

Học kì II: 34 tiết / 18 tuần

### HỌC KỲ I: DÙNG SÁCH TIẾNG PHÁP 6

Tiết	Bài	Nội dung bài dạy
1, 2	Bài số 0	“Trên lớp, các em thường nghe thấy các câu sau đây:...”
3	Leçon 1	Situation: <i>Tu t’appelles comment ?</i> + các bài tập 1, 2, 3
4		Bảng 1 + các bài tập 4, 5, 6 Bảng 2 + các bài tập 7, 8, 9



5		
6	Leçon 2	Situation: <i>Tu es parisien ?</i> + các bài tập 1, 2
7		Bảng 3 + các bài tập 3, 4, 5
8		Bảng 4 + các bài tập 6, 7, 8
9	Leçon 3	Situation: <i>Tu as quel âge ?</i> + các bài tập 1, 2, 3
10		Bảng 5 + các bài tập 4, 5, 6
11		Bảng 6 + các bài tập 7, 8, 9
12	Leçon 4	Situation: <i>Vous parlez français ?</i> + các bài tập 1, 2, 3
13		Bảng 7 + các bài tập 4, 5, 6
14		Các bài tập 7, 8, 9
15	Révision 1	Bảng chữ cái + các bài tập 1, 2, 3, 4
16		Các bài tập 5, 6, 7, 8
17		<b>Kiểm tra viết 1 tiết</b>
18		Trả bài kiểm tra
19	Leçon 5	Situation: <i>Il est comment ?</i>
20		Bảng 8 + các bài tập 1, 2, 3
21		Các bài tập 4, 5, 6, 7
22	Leçon 6	Situation: <i>Un chat et des poissons rouges</i>
23		Bảng 9 + các bài tập 1, 2, 3
24		Các bài tập 4, 5, 6, 7
25	Leçon 7	Situation: <i>C'est la moto de ton père ?</i>
26		Bảng 10 + các bài tập 1, 2, 3
27		Bảng 11 + các bài tập 4, 5, 6, 7
28	Leçon 8	Situation: <i>C'est mon père.</i>
29		Bảng 12 + các bài tập 1, 2, 3, 4
30		Các bài tập 5, 6, 7, 8
31	Révision 2	Các bài tập 1, 2, 3, 4
32		Các bài tập 5, 6, 7
33		Ôn tập kiểm tra học kỳ I
34		
35		<b>Kiểm tra viết học kỳ I</b>
36		<b>Trả bài kiểm tra</b>
<b>HỌC KỲ II: DÙNG SÁCH TIẾNG PHÁP 6</b>		
37	Leçon 9	Situation: <i>Vous êtes combien dans la famille ?</i>
38		Bảng 13 + các bài tập 1, 2, 3
39		Bảng 14 + các bài tập 4, 5, 6, 7
40	Leçon 10	Situation: <i>Nos amis vont bien !</i>
41		Bảng 15 + các bài tập 1, 2, 3, 4
42		Các bài tập 5, 6, 7, 8
43	Leçon 11	Situation: <i>On va au cinéma ?</i>

44		Bảng 16 + các bài tập 1, 2, 3
45		Bảng 17 + các bài tập 4, 5, 6, 7
46	Leçon 12	Situation: <i>Est-ce que vous aimez la musique ?</i>
47		Bảng 18 + các bài tập 1, 2, 3
48		Các bài tập 4, 5, 6
49	Révision 3	Các bài tập 1, 2, 3
50		Các bài tập 4, 5
51	Leçon 13	Situation: <i>Dans une boutique de souvenirs</i>
52		Bảng 19 + các bài tập 1, 2, 3
53		Các 20 + các bài tập 4, 5, 6
54		<b>Kiểm tra viết 1 tiết</b>
55		Trả bài kiểm tra
56	Leçon 14	Situation : <i>Nous rangeons ta chambre ?</i>
57		Bảng 21 + các bài tập 1, 2
58		Bảng 22 + các bài tập 3, 4, 5
59	Leçon 15	Situation : <i>Comment aller au zoo ?</i>
60		Bảng 23 và 24 + các bài tập 1, 2
61		Bảng 25 + các bài tập 3, 4, 5, 6
62	Leçon 16	Situation: <i>Promenade en bateau</i>
63		Bảng 26 + các bài tập 1, 2, 3
64		Bảng 27 + các bài tập 4, 5
65	Révision 4	Các bài tập 1, 2
66		Các bài tập 3, 4
67		Ôn thi học kỳ 2
68		
69		<b>Kiểm tra học kì II</b>
70		Trả bài kiểm tra

## LỚP 7

**Cả năm: 70 tiết / 37 tuần**

**Học kì I: 36 tiết / 19 tuần**

**Học kì II: 34 tiết / 18 tuần**

### HỌC KỲ I: DÙNG SÁCH TIẾNG PHÁP 6

Tiết	Bài	Nội dung bài dạy
1, 2, 3, 4		Ôn tập chương trình lớp 6
5 6 7	Leçon 17	Situation: <i>A l'entrée du zoo</i> Bảng 28 + các bài tập 1, 2, 3 Bảng 29 + các bài tập 4, 5, 6
8 9 10	Leçon 18	Situation: <i>Jeux vidéo ou bandes dessinées</i> Bảng 30+ các bài tập 1, 2, 3 Bảng 31 + các bài tập 4, 5, 6
11 12 13	Leçon 19	Situation: <i>Une excursion à la campagne</i> Bảng 32 + các bài tập 1, 2, 3 Bảng 33 + các bài tập 4, 5, 6

14	Leçon 20	Situation: <i>Qu'est-ce qu'il faut emporter ?</i>
15		Bảng 34 + các bài tập 1, 2
16		Bảng 35 + các bài tập 3, 4, 5
17	<b>Révision 5</b>	Các bài tập 1, 2, 3
18		Các bài tập 4, 5, 6
19		<b>Kiểm tra viết 1 tiết</b>
20		Trả bài kiểm tra
21	Leçon 21	Situation: <i>Il est quelle heure ?</i>
22		Bảng 36 + các bài tập 1, 2
23		Bảng 37 + các bài tập 3, 4, 5
24	Leçon 22	Situation: <i>Nous sommes quel jour aujourd'hui ?</i>
25		Bảng 38 + các bài tập 1, 2, 3, 4
26		Bảng 39 + các bài tập 5, 6, 7
27	Leçon 23	Situation: <i>Qu'est-ce qu'on va faire ?</i>
28		Bảng 40 + các bài tập 1, 2, 3
29		Các bài tập 4, 5
30	Leçon 24	Situation: <i>Pourquoi est-ce qu'il ne vient pas ?</i>
31		Bảng 41 + các bài tập 1, 2
32		Bảng 42 + các bài tập 3, 4
33	Révision 6	Các bài tập 1, 2, 3
34		Các bài tập 4, 5, 6
35		<b>Kiểm tra học kỳ I</b>
36		Trả bài kiểm tra
<b>HỌC KỲ II: DÙNG SÁCH TIẾNG PHÁP 7</b>		
<b>Tiết</b>	<b>Bài</b>	<b>Nội dung bài dạy</b>
37	Leçon 1	Bài đọc: <i>Qu'est-ce que tu voudrais faire plus tard ?</i>
38		Bảng 1 + bài tập 1, 2, 3
39		Bảng 2, 3 + bài tập 4, 5, 6
40	Leçon 2	Bài đọc: <i>Comment Sébastien a-t-il travaillé ?</i>
41		Bảng 4 + bài tập 1, 2, 3
42		Bảng 5 + bài tập 4, 5, 6
43	Leçon 3	Bài đọc: <i>Un week-end chez Sébastien</i>
44		Bảng 6 + bài tập 1, 2,
45		Bảng 7+ bài tập 3, 4, 5
46	Leçon 4	Bài đọc: <i>Pourquoi est-ce que tu n'es pas venu, Marc ?</i>
47		Bảng 8 + bài tập 1, 2, 3, 4
48		Bảng 9 + bài tập 5, 6
49	Révision 1	Bài tập 1, 2, 3
50		Bài tập 4, 5, 6
51		<b>Kiểm tra viết 1 tiết</b>
52		Trả bài kiểm tra

53	Leçon 5	Bài đọc: <i>Où est caché mon cadeau, papa ?</i>
54		Bảng 10 + bài tập 1, 2
55		Bảng 11 + bài tập 3, 4, 5, 6
56	Leçon 6	Bài đọc: <i>Et il faut du poivre ?</i>
57		Bảng 12 + bài tập 1, 2
58		Bảng 13 + bài tập 3, 4, 5, 6
59	Leçon 7	Bài đọc: <i>Un peu, beaucoup, à la folie...</i>
60		Bảng 14 + bài tập 1, 2, 3
61		Bảng 15 + bài tập 4, 5, 6
62	Leçon 8	Bài đọc: <i>Qu'est-ce qu'on fera dimanche ?</i>
63		Bảng 16 + bài tập 1, 2, 3
64		Bảng 17 + bài tập 4, 5
65	Révision 2	Bài tập 1, 2, 3
66		Bài tập 4, 5
67-68		Ôn kiểm tra học kỳ II
69		<b>Kiểm tra học kì II</b>
70		Trả bài kiểm tra

## LỚP 8

**Cả năm: 70 tiết / 37 tuần**

**Học kì I : 36 tiết / 19 tuần**

**Học kì II: 34 tiết / 18 tuần**

### HỌC KỲ I: DÙNG SÁCH TIẾNG PHÁP 7

Tiết	Bài	Nội dung bài dạy
1-4		Ôn tập chương trình lớp 7
5	Leçon 9	Bài đọc: <i>Le portrait de Paul</i>
6		Bảng 18 + bài tập 1, 2, 3*
7		Bảng 19 + bài tập 4, 5, 6
8	Leçon 10	Bài đọc: <i>C'est beaucoup plus calme qu'à Paris.</i>
9		Bảng 20 + bài tập 1, 2
10		Bảng 21 + bài tập 3, 4, 5, 6*
11	Leçon 11	Bài đọc: <i>Ah oui, je la connais.</i>
12		Bảng 22 + bài tập 1, 2, 3
13		Bảng 23 + bài tập 4, 5
14	Leçon 12	Bài đọc: <i>Parfait, on a bien choisi !</i>
15		Bảng 24 + bài tập 1, 2, 3
16		Bảng 25 + bài tập 4, 5, 6
17	Révision 3	Bài tập 1, 2, 3, 4*
18		Bài tập 5, 6, 7*, 8
19		<b>Kiểm tra viết 1 tiết</b>
20		Trả bài kiểm tra
21	Leçon 13	Bài đọc: <i>Bulletin météo</i>

22		Bảng 26 + bài tập 1, 2, 3*
23		Bảng 27 + bài tập 4, 5, 6
24	Leçon 14	Bài đọc: <i>Les saisons et le calendrier scolaire français</i>
25		Bảng 28 + bài tập 1, 2,
26		Bảng 29 + bài tập 3, 4, 5*, 6
27	Leçon 15	Bài đọc: <i>Une leçon de géographie</i>
28		Bảng 30 + bài tập 1, 2, 3, 4*
29		Bảng 31 + bài tập 5, 6
30	Leçon 16	Bài đọc: <i>Une lettre parisienne</i>
31		Bảng 32, 33 + bài tập 1, 2
32		Bảng 34 + bài tập 3, 4
33	Révision 4	Các bài tập 1, 2*, 3, 4
34		Các bài tập 5, 6, 7, 8*
35		<b>Kiểm tra học kỳ I</b>
36		Trả bài kiểm tra
<b>HỌC KỲ II: DÙNG SÁCH TIẾNG PHÁP 7</b>		
<b>Tiết</b>	<b>Bài</b>	<b>Nội dung bài dạy</b>
37	Leçon 17	Bài đọc: <i>Ils aiment bien le foot.</i>
38		Bảng 35 + bài tập 1, 2, 3
39		Bảng 36 + bài tập 4, 5, 6
40	Leçon 18	Bài đọc: <i>Il y a un peu trop de foot à la télé.</i>
41		Bảng 37 + bài tập 1, 2
42		Bảng 38 + bài tập 3, 4, 5
43	Leçon 19	Bài đọc: <i>Comment tu le trouves ?</i>
44		Bảng 39 + bài tập 1, 2, 3*
45		Bảng 40 + bài tập 4, 5
46	Leçon 20	Bài đọc: <i>Quelle belle fête !</i>
47		Bảng 41 + bài tập 1, 2, 3
48		Bảng 42 + bài tập 4, 5, 6
49	Révision 5	Bài tập 1, 2
50		Bài tập 3, 4*, 5
51		<b>Kiểm tra viết 1 tiết</b>
52		Trả bài kiểm tra
53	Leçon 21	Bài đọc: <i>Réveillez-vous, les enfants !</i>
54		Bảng 43 + bài tập 1, 2, 3
55		Bảng 44 + bài tập 4, 5, 6
56	Leçon 22	Bài đọc: <i>Je me suis levé à 9 heures !</i>
57		Bảng 45 + bài tập 1, 2, 3
58		Bảng 46 + bài tập 4, 5

59	Leçon 23	Bài đọc: <i>Production du pain bio</i>
60		Bảng 47 + bài tập 1, 2
61		Bảng 48 + bài tập 3, 4
62	Leçon 24	Bài đọc: <i>Ils élèvent aussi des vaches.</i>
63		Bảng 49 + bài tập 1, 2
64		Bảng 50 + bài tập 3, 4
65	Révision 6	Bài tập 1, 2, 3
66		Bài tập 4, 5, 6, 7*
67-68		Ôn thi học kỳ II
69		<b>Kiểm tra học kì II</b>
70		Trả bài kiểm tra

## LỚP 9

**Cả năm: 70 tiết/37 tuần**

**Học kì I : 36 tiết/19 tuần**

**Học kì II: 34 tiết/18 tuần**

### HỌC KỲ I: DÙNG SÁCH TIẾNG PHÁP 8

Tiết	Bài	Nội dung bài dạy
1, 2, 3, 4		Ôn tập chương trình lớp 8
5	Leçon 1	Bài đọc: <i>Soyez les bienvenues à Paris !</i>
6		Bảng 1 + bài tập 1, 2, 3
7		Bảng 2 + bài tập 4, 5, 6
8	Leçon 2	Bài đọc: <i>Très ravis de faire votre connaissance !</i>
9		Bảng 3 + bài tập 1, 2, 3
10		Bảng 4 + bài tập 4, 5
11	Leçon 3	Bài đọc: <i>Les Français vus par les étrangers</i>
12		Bảng 5 + bài tập 1, 2, 3
13		Bảng 6 + bài tập 4, 5, 6
14	Leçon 4	Bài đọc: <i>Fête de la musique, faites de la musique !</i>
15		Bảng 7 + bài tập 1, 2, 3
16		Bảng 8 + bài tập 4, 5, 6
17	Révision 1	Bài tập 1, 2*, 3
18		Bài tập 4, 5*, 6
19		<b>Kiểm tra viết 1 tiết</b>
20		Trả bài kiểm tra
21	Leçon 5	Bài đọc: <i>J'ai mal à la tête</i>
22		Bảng 9 + bài tập 1, 2, 3
23		Bảng 10 + bài tập 4, 5, 6
24	Leçon 6	Bài đọc: <i>Louis Pasteur</i>
25		Bảng 11 + bài tập 1, 2, 3
26		Bảng 12 + bài tập 4, 5, 6

27	Leçon 7	Bài đọc: <i>Mathématiques pour la vie</i>
28		Bảng 13 + bài tập 1, 2, 3
29		Bảng 14+ bài tập 4, 5, 6
30	Leçon 8	Bài đọc: <i>Le début du feu</i>
31		Bảng 1 + bài tập 1, 2, 3
32		Bảng 2 + bài tập 4, 5
33	Révision 2	Bài tập 1, 2, 3*, 4
34		Bài tập 5, 6*, 7
35		<b>Kiểm tra học kỳ I</b>
36		Trả bài kiểm tra
<b>HỌC KỲ II: DÙNG SÁCH TIẾNG PHÁP 8</b>		
<b>Tiết</b>	<b>Bài</b>	<b>Nội dung bài dạy</b>
37	Leçon 9	Bài đọc: <i>Les médias</i>
38		Bảng 17 + bài tập 1, 2, 3
39		Bảng 18 + bài tập 4, 5, 6
40	Leçon 10	Bài đọc: <i>Peut-on vivre sans information ?</i>
41		Bảng 19 + bài tập 1, 2, 3
42		Bảng 20 + bài tập 4, 5
43	Leçon 11	Bài đọc: <i>Non à la violence à la télé !</i>
44		Bảng 21 + bài tập 1, 2, 3
45		Bảng 22 + bài tập 4, 5, 6
46	Leçon 12	Bài đọc: <i>Je trouve ton idée intéressante</i>
47		Bảng 23 + bài tập 1, 2, 3
48		Bảng 24 + bài tập 4, 5, 6
49	Révision 3	Bài tập 1, 2*, 3, 4, 5*,
50		Bài tập 6, 7, 8*, 9*, 10
51		<b>Kiểm tra viết 1 tiết</b>
52		Trả bài kiểm tra
53	Leçon 13	Bài đọc: <i>Un souvenir inoubliable</i>
54		Bảng 25 + bài tập 1, 2, 3
55		Bảng 26 + bài tập 4, 5, 6
56	Leçon 14	Bài đọc: <i>Qu'est-ce qui vous est arrivé ?</i>
57		Bảng 27 + bài tập 1, 2
58		Bảng 28 + bài tập 3, 4
59	Leçon 15	Bài đọc: <i>Chez l'horloger</i>
60		Bảng 29 + bài tập 1, 2, 3, 4
61		Bảng 30 + bài tập 5, 6
62	Leçon 16	Bài đọc: <i>Un repas d'adieu</i>
63		Bảng 31 + bài tập 1, 2, 3
64		Bảng 32 + bài tập 4, 5, 6
65	Révision 4	Bài tập 1, 2
66		Bài tập 3, 4*, 5, 6*
67		Ôn kiểm tra học kỳ II
68		
69		<b>Kiểm tra học kỳ II</b>

70		Trả bài kiểm tra
----	--	------------------

-----



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Tài liệu

**PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH THCS**

MÔN **TIẾNG PHÁP**

*(Dùng cho các cơ quan quản lý giáo dục và giáo viên,  
áp dụng từ năm học 2008-2009)*

# A. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG KHUNG PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH THCS

## I. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

Khung phân phối chương trình (KPPCT) này áp dụng cho cấp THCS từ năm học 2008-2009, gồm 2 phần: (A) Hướng dẫn sử dụng KPPCT; (B) Khung PPCT.

### 1. Về Khung phân phối chương trình

KPPCT quy định thời lượng dạy học cho từng phần của chương trình (chương, phần, bài học, môđun, chủ đề,...), trong đó có thời lượng dành cho luyện tập, bài tập, ôn tập, thí nghiệm, thực hành và thời lượng tiến hành kiểm tra định kì tương ứng với các phần đó. Thời lượng quy định tại KPPCT áp dụng trong trường hợp học 1 buổi/ngày, thời lượng dành cho kiểm tra là không thay đổi, thời lượng dành cho các hoạt động khác là quy định tối thiểu. Tiến độ thực hiện chương trình khi kết thúc học kì I, kết thúc năm học quy định thống nhất cho tất cả các trường THCS trong cả nước. Căn cứ KPPCT, các Sở GDĐT cụ thể hoá thành PPCT chi tiết, bao gồm cả dạy học tự chọn cho phù hợp với địa phương, áp dụng chung cho các trường THCS thuộc quyền quản lí. Các trường THCS có điều kiện bố trí GV và kinh phí chi trả giờ dạy vượt định mức quy định (trong đó có các trường học nhiều hơn 6 buổi/tuần), có thể chủ động đề nghị Phòng GDĐT xem xét trình Sở GDĐT phê chuẩn việc điều chỉnh PPCT tăng thời lượng dạy học cho phù hợp (*lãnh đạo Sở GDĐT phê duyệt, kí tên, đóng dấu*).

### 2. Về phân phối chương trình dạy học tự chọn

a) Thời lượng và cách tổ chức dạy học tự chọn:

Thời lượng dạy học tự chọn của các lớp cấp THCS trong Kế hoạch giáo dục là 2 tiết/tuần, dạy học chung cho cả lớp (các trường tự chủ về kinh phí có thể chia lớp thành nhóm nhỏ hơn nhưng vẫn phải theo kế hoạch chung của cả lớp).

Việc sử dụng thời lượng dạy học tự chọn THCS theo 1 trong 2 cách sau đây:

*Cách 1:* Chọn 1 trong 3 môn học, hoạt động giáo dục : Tin học, Ngoại ngữ 2, Nghệ phổ thông (trong đó Ngoại ngữ 2 có thể bố trí vào 2 tiết dạy học tự chọn này hoặc bố trí ngoài thời lượng dạy học 6 buổi/tuần).

*Cách 2:* Dạy học các chủ đề tự chọn nâng cao, bám sát (CĐNC, CĐBS).

– Dạy học CĐNC là để khai thác sâu hơn kiến thức, kĩ năng của chương trình, bổ sung kiến thức, bồi dưỡng năng lực tư duy nhưng phải phù hợp với trình độ tiếp thu của HS.

Các Sở GDĐT tổ chức biên soạn, thẩm định tài liệu CĐNC (*trong đó có các tài liệu Lịch sử, Địa lí, Văn học địa phương*), dùng cho cấp THCS theo hướng dẫn của Bộ GDĐT (tài liệu CĐNC sử dụng cho cả GV và HS như SGK) và quy định cụ thể PPCT dạy học các CĐNC cho phù hợp với mạch kiến thức của môn học đó. Các Phòng GDĐT đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện PPCT dạy học các CĐNC.

– Dạy học các CĐBS là để *ôn tập, hệ thống hóa, khắc sâu kiến thức, kĩ năng* (không bổ sung kiến thức nâng cao mới). Trong điều kiện chưa ban hành được tài liệu CĐNC, cần dành thời lượng dạy học tự chọn để thực hiện CĐBS nhằm ôn tập, hệ thống hóa, khắc sâu kiến thức, kĩ năng cho HS.

Hiệu trưởng các trường THCS chủ động lập Kế hoạch dạy học các CĐBS (chọn môn học, ấn định số tiết/tuần cho từng môn, tên bài dạy) cho từng lớp, ổn định trong từng học kì trên cơ sở đề nghị của các tổ trưởng chuyên môn và GV chủ nhiệm lớp. GV chuẩn bị giáo án CĐBS với sự hỗ trợ của tổ chuyên môn.

b) Kiểm tra, đánh giá kết quả dạy học tự chọn:

Việc kiểm tra, đánh giá kết quả học tập CĐTC của môn học thực hiện theo quy định tại *Quy chế đánh giá, xếp loại HS trung học cơ sở và HS trung học phổ thông*.

**Lưu ý:** Các bài dạy CĐTCNC, CĐBS bố trí trong các chương như các bài khác, có thể có điểm kiểm tra dưới 1 tiết riêng nhưng không có điểm kiểm tra 1 tiết riêng, điểm CĐTC môn học nào tính cho môn học đó.

### 3. Thực hiện các hoạt động giáo dục

a) Phân công GV thực hiện các Hoạt động giáo dục:

Trong KHGD quy định tại CTGDPT do Bộ GDĐT ban hành, các *hoạt động giáo dục* đã được quy định thời lượng với số tiết học cụ thể như các môn học. Đối với GV được phân công thực hiện Hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp (HĐGDNGLL), Hoạt động giáo dục hướng nghiệp (HĐGDHN) được tính giờ dạy như các môn học; việc tham gia điều hành *HĐGD tập thể* (chào cờ đầu tuần và sinh hoạt lớp cuối tuần) là thuộc nhiệm vụ quản lý của Ban Giám hiệu và GV chủ nhiệm lớp, không tính vào giờ dạy tiêu chuẩn.

b) Tích hợp HĐGDNGLL, HĐGDHN, môn Công nghệ:

- HĐGDNGLL: Thực hiện đủ các chủ đề quy định cho mỗi tháng, với thời lượng 2 tiết/tháng và tích hợp nội dung HĐGDNGLL sang môn GDCD các lớp 6, 7, 8, 9 ở các chủ đề về đạo đức và pháp luật. Đưa nội dung về Công ước Quyền trẻ em của Liên Hợp quốc vào HĐGDNGLL ở lớp 9 và tổ chức các hoạt động hưởng ứng phong trào "*Xây dựng trường học thân thiện, HS tích cực*" do Bộ GDĐT phát động.

- HĐGDHN (lớp 9):

Điều chỉnh thời lượng HĐGDHN thành 9 tiết/năm học sau khi đưa một số nội dung GDHN tích hợp sang HĐGDNGLL ở 2 chủ điểm sau đây:

+ "*Truyền thống nhà trường*", chủ điểm tháng 9;

+ "*Tiến bước lên Đoàn*", chủ điểm tháng 3.

Nội dung tích hợp do Sở GDĐT (hoặc uỷ quyền cho các Phòng GDĐT) hướng dẫn trường THCS thực hiện cho sát thực tiễn địa phương. Về phương pháp tổ chức thực hiện HĐGDHN, có thể riêng theo lớp, theo khối lớp; có thể giao cho GV hoặc mời các chuyên gia, nhà quản lý kinh tế, quản lý doanh nghiệp giảng dạy.

#### **4. Đổi mới phương pháp dạy học; đổi mới kiểm tra, đánh giá**

a) Chỉ đạo đổi mới phương pháp dạy học (PPDH):

- Những yêu cầu quan trọng trong đổi mới PPDH là:

+ Phát huy tính tích cực, hứng thú trong học tập của HS và vai trò chủ đạo của GV;

+ Thiết kế bài giảng khoa học, sắp xếp hợp lý hoạt động của GV và HS, thiết kế hệ thống câu hỏi hợp lý, tập trung vào trọng tâm, tránh nặng nề quá tải (nhất là đối với bài dài, bài khó, nhiều kiến thức mới); bồi dưỡng năng lực độc lập suy nghĩ, vận dụng sáng tạo kiến thức đã học, tránh thiên về ghi nhớ máy móc không nắm vững bản chất;

+ Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học, khuyến khích sử dụng công nghệ thông tin, sử dụng các phương tiện nghe nhìn, thực hiện đầy đủ thí nghiệm, thực hành, liên hệ thực tế trong giảng dạy phù hợp với nội dung từng bài học;

+ GV sử dụng ngôn ngữ chuẩn xác, trong sáng, sinh động, dễ hiểu, tác phong thân thiện, khuyến khích, động viên HS học tập, tổ chức hợp lý cho HS làm việc cá nhân và theo nhóm;

+ Dạy học sát đối tượng, coi trọng bồi dưỡng HS khá giỏi và giúp đỡ HS học lực yếu kém.

- Đối với các môn học đòi hỏi năng khiếu như: Mĩ thuật, Âm nhạc, Thể dục cần coi trọng truyền thụ kiến thức, hình thành kỹ năng, bồi dưỡng hứng thú học tập, không quá thiên về đánh giá thành tích theo yêu cầu đào tạo chuyên ngành hoạ sỹ, nhạc sỹ, vận động viên.

- Tăng cường chỉ đạo đổi mới PPDH thông qua công tác bồi dưỡng GV và dự giờ thăm lớp của GV, tổ chức rút kinh nghiệm giảng dạy ở các tổ chuyên môn, hội thảo cấp trường, cụm trường, địa phương, hội thi GV giỏi các cấp.

b) Đổi mới kiểm tra, đánh giá (KTĐG):

- Những yêu cầu quan trọng trong đổi mới KTĐG là:

+ GV đánh giá sát đúng trình độ HS với thái độ khách quan, công minh và hướng dẫn HS biết tự đánh giá năng lực của mình;

+ Trong quá trình dạy học, cần kết hợp một cách hợp lý hình thức tự luận với hình thức trắc nghiệm khách quan trong KTĐG kết quả học tập của HS, chuẩn bị tốt cho việc đổi mới các kỳ thi theo chủ trương của Bộ GDĐT.

+ Thực hiện đúng quy định của Quy chế Đánh giá, xếp loại HS THCS, HS THPT do Bộ GDĐT ban hành, tiến hành đủ số lần kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ, kiểm tra học kỳ cả lý thuyết và thực hành.

- Đổi mới đánh giá các môn Mỹ thuật, Âm nhạc (THCS), Thể dục (THCS, THPT): Thực hiện đánh giá bằng điểm hoặc đánh giá bằng nhận xét kết quả học tập theo quy định tại Quy chế Đánh giá, xếp loại HS THCS, HS THPT sửa đổi.

c) Đối với một số môn: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí, Giáo dục công dân, cần coi trọng đổi mới PPDH, đổi mới KTĐG theo hướng hạn chế chỉ ghi nhớ máy móc, không nắm vững kiến thức, kỹ năng môn học. Trong quá trình dạy học, cần đổi mới KTĐG bằng cách nêu vấn đề mở, đòi hỏi HS phải vận dụng tổng hợp kiến thức, kỹ năng và biểu đạt chính kiến của bản thân.

d) Từ năm học 2008-2009, tập trung chỉ đạo đánh giá sâu hiệu quả dạy học của môn Giáo dục công dân để tiếp tục đổi mới PPDH, KTĐG nhằm nâng cao chất lượng môn học này (*có hướng dẫn riêng*).

**5. Thực hiện các nội dung giáo dục địa phương** (*hướng dẫn tại công văn số 5977/BGDĐT-GDTrH ngày 07/7/2008*)

## II. NHỮNG VẤN ĐỀ CỤ THỂ CỦA MÔN HỌC

### 1. ĐỊNH HƯỚNG VỀ PHƯƠNG PHÁP VÀ PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

#### a. Về phương pháp

**Đối với giáo viên, khi giảng dạy phải:**

- ngữ cảnh hoá các ngữ liệu;
- kết hợp hài hoà giữa tính giao tiếp và tính hệ thống của ngôn ngữ theo hướng: vừa tăng cường rèn luyện kỹ năng giao tiếp cho học sinh vừa chú trọng các hoạt động rèn luyện và hệ thống hoá kiến thức ngôn ngữ; việc truyền thụ kiến thức và rèn luyện kỹ năng phải tiến hành đồng thời với việc cung cấp các thông tin văn hoá, xã hội...;
- tạo các điều kiện giao tiếp thuận lợi và khuyến khích các hoạt động giao tiếp; không lạm dụng việc sửa lỗi;
- biết điều khiển học sinh làm việc theo nhóm.
- bám sát chuẩn kiến thức kỹ năng đã được xác định trong Chương trình giáo dục phổ thông cấp trung học cơ sở.

**Đối với học sinh, phải tích cực:**

- chủ động tìm hiểu, rèn luyện giao tiếp ;
- làm việc cá nhân, theo từng cặp và theo nhóm.

#### b. Về thiết bị dạy học

Phải cung cấp:

- sách giáo khoa cho giáo viên và học sinh;
- sách hướng dẫn giảng dạy cho giáo viên;
- các thiết bị nghe nhìn như đầu đọc đĩa CD&VCD (máy radio-cassette), đĩa (băng) ghi âm, tranh ảnh, bản đồ minh hoạ các bài học, và các thiết bị dạy học tự làm.

#### c. Về đội ngũ giáo viên

*Giáo viên phải được bồi dưỡng và tự bồi dưỡng thường xuyên để:*

- nắm vững mục tiêu, quan điểm, nội dung và phương pháp giảng dạy qui định trong chương trình; sử dụng được sách giáo khoa và thiết bị dạy học;
- cập nhật về phương pháp giảng dạy, về kiến thức ngôn ngữ và các thông tin đất nước học liên quan;
- sử dụng có hiệu quả các hình thức kiểm tra, đánh giá theo định hướng của chương trình.

### 2. MỘT SỐ LƯU Ý

- Việc phân phối thời lượng cho các nội dung và hoạt động trong phạm vi mỗi bài học chỉ mang tính định hướng mà không mang tính áp đặt để tạo sự mềm dẻo cần thiết cho phép giáo viên thích ứng với lớp mình phụ trách. Tuy nhiên, phải đảm bảo tiến độ thực hiện chương trình của mỗi học kỳ.

- Trong nội dung phân phối cho 1 tiết dạy, có những bài tập có thể để học sinh làm ở nhà (xem Sách giáo viên).

- Không bắt buộc dạy phần đánh dấu \* (Phân phối CT lớp 7)

### 3. HƯỚNG DẪN VỀ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ

Yêu cầu về kiến thức, kỹ năng của các bài kiểm tra cần căn cứ vào thời điểm kiểm tra, nội dung chương trình và các yêu cầu đạt về kiến thức và kỹ năng cho mỗi lớp quy định trong chương trình giáo dục phổ thông môn Tiếng Pháp cấp THCS.

Mỗi học kỳ phải đảm bảo tối thiểu số lượt và nội dung các bài kiểm tra theo hướng dẫn sau đây:

#### Bài kiểm tra hệ số 1:

- Sử dụng thời gian dành cho kiểm tra miệng để kiểm tra kỹ năng *diễn đạt nói* (expression orale): mỗi học sinh một lần trong một học kỳ.

- Có 03 lần kiểm tra viết 15 phút (thời điểm kiểm tra không ấn định trong bảng Phân phối chương trình này), trong đó:

- 01 bài dành cho việc kiểm tra kỹ năng *nghe hiểu* (compréhension orale)
- 01 bài dành cho việc kiểm tra kỹ năng *diễn đạt viết* (expression écrite) một đoạn văn ngắn theo chủ đề, có gợi ý.
- 01 bài dành cho việc kiểm tra kỹ năng *đọc hiểu* (compréhension écrite)

#### Bài kiểm tra hệ số 2:

Có 02 lần kiểm tra 45 phút theo thời điểm đã được xác định trong bảng Phân phối chương trình này. Trong mỗi bài kiểm tra, đánh giá kỹ năng *đọc hiểu* (compréhension écrite) và các *kiến thức ngôn ngữ* (connaissances de la langue).

#### Bài kiểm tra học kỳ hệ số 3:

Có 01 bài kiểm tra học kỳ, trong đó đánh giá kỹ năng *đọc hiểu* (compréhension écrite) và các *kiến thức ngôn ngữ* (connaissances de langue).

## B. KHUNG PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH

### LỚP 6

Cả năm : 105 tiết / 37 tuần

Học kì I : 54 tiết / 19 tuần

Học kì II : 51 tiết / 18 tuần

#### HỌC KỲ I

Tiết	Bài	Nội dung
1, 2	Bài số 0	Trên lớp, các em thường nghe thấy các câu sau đây :
3 4 5	1	Situation : <i>Tu t'appelles comment ?</i> + bảng 1 + các bài tập 1, 2, 3 Bảng 1 + các bài tập 4, 5, 6 Bảng 2 + các bài tập 7, 8, 9
6 7 8	2	Situation : <i>Tu es parisien ?</i> + các bài tập 1, 2 Bảng 3 + các bài tập 3, 4, 5 Bảng 4 + các bài tập 6, 7, 8
9 10	3	Situation : <i>Tu as quel âge ?</i> + các bài tập 1, 2, 3

11		Bảng 5 + các bài tập 4, 5, 6 Bảng 6 + các bài tập 7, 8, 9
12 13 14	4	Situation : <i>Vous parlez français ?</i> + các bài tập 1, 2, 3 Bảng 7 + các bài tập 4, 5, 6 Các bài tập 7, 8, 9
15 16	Révision 1	Bảng chữ cái + các bài tập 1, 2, 3, 4 Các bài tập 5, 6, 7, 8
17 18		<b>Kiểm tra viết 1 tiết</b> Trả bài kiểm tra
19 20 21	5	Situation : <i>Il est comment ?</i> Bảng 8 + các bài tập 1, 2, 3 Các bài tập 4, 5, 6, 7
22 24 24	6	Situation : <i>Un chat et des poissons rouges</i> Bảng 9 + các bài tập 1, 2, 3 Các bài tập 4, 5, 6, 7
25 26 27	7	Situation : <i>C'est la moto de ton père ?</i> Bảng 10 + các bài tập 1, 2, 3 Bảng 11 + các bài tập 4, 5, 6, 7
28 29 30	8	Situation : <i>C'est mon père.</i> Bảng 12 + các bài tập 1, 2, 3, 4 Các bài tập 5, 6, 7, 8
31 32	Révision 2	Các bài tập 1, 2, 3, 4 Các bài tập 5, 6, 7
33 34		<b>Kiểm tra viết 1 tiết</b> Trả bài kiểm tra
35 36 37	9	Situation : <i>Vous êtes combien dans la famille ?</i> Bảng 13 + các bài tập 1, 2, 3 Bảng 14 + các bài tập 4, 5, 6, 7
38 39 40	10	Situation : <i>Nos amis vont bien !</i> Bảng 15 + các bài tập 1, 2, 3, 4 Các bài tập 5, 6, 7, 8
41 42 43	11	Situation : <i>On va au cinéma ?</i> Bảng 16 + các bài tập 1, 2, 3 Bảng 17 + các bài tập 4, 5, 6, 7
44 45 46	12	Situation : <i>Est-ce que vous aimez la musique ?</i> Bảng 18 + các bài tập 1, 2, 3 Các bài tập 4, 5, 6
47 48	Révision 3	Các bài tập 1, 2, 3 Các bài tập 4, 5
49 - 52		Ôn tập cuối học kì
53 54		<b>Kiểm tra học kì I</b> Trả bài kiểm tra học kỳ I

## HỌC KỲ II

Tiết	Bài	Nội dung
55 56 57	13	Situation : <i>Dans une boutique de souvenirs</i> Bảng 19 + các bài tập 1, 2, 3 Các 20 + các bài tập 4, 5, 6
58 59 60	14	Situation : <i>Nous rangeons ta chambre ?</i> Bảng 21 + các bài tập 1, 2 Bảng 22 + các bài tập 3, 4, 5
61 62 63	15	Situation : <i>Comment aller au zoo ?</i> Bảng 23 và 24 + các bài tập 1, 2 Bảng 25 + các bài tập 3, 4, 5, 6
64 65 66	16	Situation : <i>Promenade en bateau</i> Bảng 26 + các bài tập 1, 2, 3 Bảng 27 + các bài tập 4, 5
67 68	Révision 4	Các bài tập 1, 2 Các bài tập 3, 4
69 70		<b>Kiểm tra viết 1 tiết</b> Trả bài kiểm tra
71 72 73	17	Situation : <i>A l'entrée du zoo</i> Bảng 28 + các bài tập 1, 2, 3 Bảng 29 + các bài tập 4, 5, 6
74 75 76	18	Situation : <i>Jeux vidéo ou bandes dessinées</i> Bảng 30+ các bài tập 1, 2, 3 Bảng 31 + các bài tập 4, 5, 6
77 78 79	19	Situation : <i>Une excursion à la campagne</i> Bảng 32 + các bài tập 1, 2, 3 Bảng 33 + các bài tập 4, 5, 6
80 81 82	20	Situation : <i>Qu'est-ce qu'il faut emporter ?</i> Bảng 34 + các bài tập 1, 2 Bảng 35 + các bài tập 3, 4, 5
83 84	Révision 5	Các bài tập 1, 2, 3 Các bài tập 4, 5, 6
85 86		<b>Kiểm tra viết 1 tiết</b> Trả bài kiểm tra
87 88 89	21	Situation : <i>Il est quelle heure ?</i> Bảng 36 + các bài tập 1, 2 Bảng 37 + các bài tập 3, 4, 5
90 91 92	22	Situation : <i>Nous sommes quel jour aujourd'hui ?</i> Bảng 38 + các bài tập 1, 2, 3, 4 Bảng 39 + các bài tập 5, 6, 7
93 94 95	23	Situation : <i>Qu'est-ce qu'on va faire ?</i> Bảng 40 + các bài tập 1, 2, 3 Các bài tập 4, 5
96	24	Situation : <i>Pourquoi est-ce qu'il ne vient pas ?</i>

97		Bảng 41 + các bài tập 1, 2
98		Bảng 42 + các bài tập 3, 4
99	Révision 6	Các bài tập 1, 2, 3
100		Các bài tập 4, 5, 6
101- 103		Ôn tập cuối học kì
104		<b>Kiểm tra học kì II</b>
105		Trả bài kiểm tra học kì II

## LỚP 7

**Cả năm : 105 tiết / 37 tuần**

**Học kì I : 54 tiết / 19 tuần**

**Học kì II : 51 tiết / 18 tuần**

### HỌC KỲ I

Tiết	Bài	Nội dung
1, 2		Ôn tập các kiến thức đã học ở lớp 6
3 4 5	1	Bài đọc : <i>Qu'est-ce que tu voudrais faire plus tard ?</i> Bảng 1 + bài tập 1, 2, 3 Bảng 2, 3 + bài tập 4, 5, 6*
6 7 8	2	Bài đọc: <i>Comment Sébastien a-t-il travaillé ?</i> Bảng 4 + bài tập 1, 2, 3 Bảng 5 + bài tập 4, 5, 6
9 10 11	3	Bài đọc : <i>Un week-end chez Sébastien</i> Bảng 6 + bài tập 1, 2, Bảng 7+ bài tập 3, 4*, 5
12 13 14	4	Bài đọc : <i>Pourquoi est-ce que tu n'es pas venu, Marc ?</i> Bảng 8 + bài tập 1, 2, 3, 4* Bảng 9 + bài tập 5, 6
15 16 17	Révision 1	Bài tập 1, 2 Bài tập 3, 4 Bài tập 5, 6
18 19		<b>Kiểm tra viết 1 tiết</b> Trả bài kiểm tra
20 21 22	5	Bài đọc : <i>Où est caché mon cadeau, papa?</i> Bảng 10 + bài tập 1, 2 Bảng 11 + bài tập 3, 4, 5*, 6
23 24 25	6	Bài đọc : <i>Et il faut du poivre ?</i> Bảng 12 + bài tập 1, 2 Bảng 13 + bài tập 3, 4, 5, 6*
26 27	7	Bài đọc : <i>Un peu, beaucoup, à la folie...</i> Bảng 14 + bài tập 1, 2, 3



28		Bảng 15 + bài tập 4, 5, 6
29	8	Bài đọc : <i>Qu'est-ce qu'on fera dimanche ?</i>
30		Bảng 16 + bài tập 1, 2, 3
31		Bảng 17 + bài tập 4, 5
32	Révision 2	Bài tập 1, 2, 3
33		Bài tập 4, 5
34		<b>Kiểm tra viết 1 tiết</b>
35		Trả bài kiểm tra
36	9	Bài đọc: <i>Le portrait de Paul</i>
37		Bảng 18 + bài tập 1, 2, 3*
38		Bảng 19 + bài tập 4, 5, 6
39	10	Bài đọc : <i>C'est beaucoup plus calme qu'à Paris.</i>
40		Bảng 20 + bài tập 1, 2
41		Bảng 21 + bài tập 3, 4, 5, 6*
42	11	Bài đọc : <i>Ah oui, je la connais.</i>
43		Bảng 22 + bài tập 1, 2, 3
44		Bảng 23 + bài tập 4, 5
45	12	Bài đọc : <i>Parfait, on a bien choisi !</i>
46		Bảng 24 + bài tập 1, 2, 3
47		Bảng 25 + bài tập 4, 5, 6
48	Révision 3	Bài tập 1, 2
49		Bài tập 3, 4, 5
50		Bài tập 6, 7, 8
51, 52		Ôn tập cuối học kì
53		<b>Kiểm tra học kì I</b>
54		Trả bài kiểm tra học kì I

## HỌC KỲ II

Tiết	Bài	Nội dung
55	13	Bài đọc : <i>Bulletin météo</i>
56		Bảng 26 + bài tập 1, 2, 3*
57		Bảng 27 + bài tập 4, 5, 6
58	14	Bài đọc : <i>Les saisons et le calendrier scolaire français</i>
59		Bảng 28 + bài tập 1, 2,
60		Bảng 29 + bài tập 3, 4, 5*, 6
61	15	Bài đọc : <i>Une leçon de géographie</i>
62		Bảng 30 + bài tập 1, 2, 3, 4*
63		Bảng 31 + bài tập 5, 6
64	16	Bài đọc : <i>Une lettre parisienne</i>
65		Bảng 32, 33 + bài tập 1, 2
66		Bảng 34 + bài tập 3, 4
67	Révision 4	Bài tập 1, 2, 3
68		Bài tập 4, 5, 6

69		Bài tập 7, 8
70		<b>Kiểm tra viết 1 tiết</b>
71		Trả bài kiểm tra
72	17	Bài đọc : <i>Ils aiment bien le foot.</i>
73		Bảng 35 + bài tập 1, 2, 3
74		Bảng 36 + bài tập 4, 5, 6
75	18	Bài đọc : <i>Il y a un peu trop de foot à la télé.</i>
76		Bảng 37 + bài tập 1, 2
77		Bảng 38 + bài tập 3, 4, 5
78	19	Bài đọc : <i>Comment tu le trouves ?</i>
79		Bảng 39 + bài tập 1, 2, 3*
80		Bảng 40 + bài tập 4, 5
81	20	Bài đọc : <i>Quelle belle fête !</i>
82		Bảng 41 + bài tập 1, 2, 3
83		Bảng 42 + bài tập 4, 5, 6
84	Révision 5	Bài tập 1, 2, 3
85		Bài tập 4, 5
86		<b>Kiểm tra viết 1 tiết</b>
87		Trả bài kiểm tra
88	21	Bài đọc : <i>Réveillez-vous, les enfants !</i>
89		Bảng 43 + bài tập 1, 2, 3
90		Bảng 44 + bài tập 4, 5, 6
91	22	Bài đọc: <i>Je me suis levé à 9 heures !</i>
92		Bảng 45 + bài tập 1, 2, 3
93		Bảng 46 + bài tập 4, 5
94	23	Bài đọc: <i>Production du pain bio</i>
95		Bảng 47 + bài tập 1, 2
96		Bảng 48 + bài tập 3, 4
97	24	Bài đọc: <i>Ils élèvent aussi des vaches.</i>
98		Bảng 49 + bài tập 1, 2
99		Bảng 50 + bài tập 3, 4
100	Révision 6	Bài tập 1, 2, 3
101		Bài tập 4, 5, 6, 7*
102, 103		Ôn tập cuối học kì
104		<b>Kiểm tra học kì II</b>
105		Trả bài kiểm tra học kì II

## LỚP 8

**Cả năm : 105 tiết / 37 tuần**

**Học kì I : 54 tiết / 19 tuần**

**Học kì II : 51 tiết / 18 tuần**

## HỌC KỲ I

Tiết	Bài	Nội dung
1, 2		Ôn tập các kiến thức đã học ở lớp 7
3 4 5	1	Bài đọc : <i>Soyez les bienvenues à Paris !</i> Bảng 1 + bài tập 1, 2, 3 Bảng 2 + bài tập 4, 5, 6
6 7 8	2	Bài đọc: <i>Très ravis de faire votre connaissance !</i> Bảng 3 + bài tập 1, 2, 3 Bảng 4 + bài tập 4, 5
9 10 11	3	Bài đọc : <i>Les Français vus par les étrangers</i> Bảng 5 + bài tập 1, 2, 3 Bảng 6 + bài tập 4, 5, 6
12 13 14	4	Bài đọc : <i>Fête de la musique, faites de la musique !</i> Bảng 7 + bài tập 1, 2, 3 Bảng 8 + bài tập 4, 5, 6
15 16 17	<b>Révision 1</b>	Bài tập 1, 2 Bài tập 3, 4 Bài tập 5, 6
18 19		<b>Kiểm tra viết 1 tiết</b> Trả bài kiểm tra
20 21 22	5	Bài đọc : <i>J'ai mal à la tête</i> Bảng 9 + bài tập 1, 2, 3 Bảng 10 + bài tập 4, 5, 6
23 24 25	6	Bài đọc : <i>Louis Pasteur</i> Bảng 11 + bài tập 1, 2, 3 Bảng 12 + bài tập 4, 5, 6
26 27 28	7	Bài đọc : <i>Mathématiques pour la vie</i> Bảng 13 + bài tập 1, 2, 3 Bảng 14+ bài tập 4, 5, 6
29 30 31	8	Bài đọc : <i>Le début du feu</i> Bảng 1 + bài tập 1, 2, 3 Bảng 2 + bài tập 4, 5
32 33	<b>Révision 2</b>	Bài tập 1, 2, 3, 4 Bài tập 5, 6, 7
34 35		<b>Kiểm tra viết 1 tiết</b> Trả bài kiểm tra
36 37 38	9	Bài đọc: <i>Les médias</i> Bảng 17 + bài tập 1, 2, 3 Bảng 18 + bài tập 4, 5, 6
39 40 41	10	Bài đọc : <i>Peut-on vivre sans information ?</i> Bảng 19 + bài tập 1, 2, 3 Bảng 20 + bài tập 4, 5

42	11	Bài đọc : <i>Non à la violence à la télé !</i>
43		Bảng 21 + bài tập 1, 2, 3
44		Bảng 22 + bài tập 4, 5, 6
45	12	Bài đọc : <i>Je trouve ton idée intéressante</i>
46		Bảng 23 + bài tập 1, 2, 3
47		Bảng 24 + bài tập 4, 5, 6
48	<b>Révision 3</b>	Bài tập 1, 2, 3
49		Bài tập 4, 5, 6
50		Bài tập 7, 8, 9, 10
51, 52		Ôn tập cuối học kì
53		<b>Kiểm tra học kì I</b>
54		Trả bài kiểm tra học kì I

## HỌC KỲ II

Tiết	Bài	Nội dung
55	13	Bài đọc : <i>Un souvenir inoubliable</i>
56		Bảng 25 + bài tập 1, 2, 3
57		Bảng 26 + bài tập 4, 5, 6
58	14	Bài đọc : <i>Qu'est-ce qui vous est arrivé ?</i>
59		Bảng 27 + bài tập 1, 2
60		Bảng 28 + bài tập 3, 4
61	15	Bài đọc : <i>Chez l'horloger</i>
62		Bảng 29 + bài tập 1, 2, 3, 4
63		Bảng 30 + bài tập 5, 6
64	16	Bài đọc : <i>Un repas d'adieu</i>
65		Bảng 31 + bài tập 1, 2, 3
66		Bảng 32 + bài tập 4, 5, 6
67	<b>Révision 4</b>	Bài tập 1, 2
68		Bài tập 3, 4
69		Bài tập 5, 6
70		<b>Kiểm tra viết 1 tiết</b>
71		Trả bài kiểm tra
72	17	Bài đọc : <i>Où est-ce que tu vas passer tes vacances cette année ?</i>
73		Bảng 33 + bài tập 1, 2
74		Bảng 34 + bài tập 3, 4, 5
75	18	Bài đọc : <i>Qu'est-ce que la francophonie ?</i>
76		Bảng 35 + bài tập 1, 2
77		Bảng 36 + bài tập 3, 4, 5
78	19	Bài đọc : <i>Le VII<sup>e</sup> Sommet de la francophonie</i>
79		Bảng 37 + bài tập 1, 2, 3
80		Bảng 38 + bài tập 4, 5, 6
81	20	Bài đọc : <i>La Belgique, pays multilingue</i>
82		Bảng 39 + bài tập 1, 2, 3

83		Bảng 40 + bài tập 4, 5
84	<b>Révision 5</b>	Bài tập 1, 2, 3
85		Bài tập 4, 5
86		<b>Kiểm tra viết 1 tiết</b>
87		Trả bài kiểm tra
88	21	Bài đọc : <i>Fait-il trop chaud sur la terre ?</i>
89		Bảng 41 + bài tập 1, 2, 3, 4
90		Bảng 42 + bài tập 5, 6, 7
91	22	Bài đọc: <i>Déchets : attention à la pollution !</i>
92		Bảng 43 + bài tập 1, 2, 3
93		Bảng 44 + bài tập 4, 5, 6
94	23	Bài đọc: <i>Association jeunes-nature</i>
95		Bảng 45 + bài tập 1, 2, 3
96		Bảng 46 + bài tập 4, 5, 6
97	24	Bài đọc: <i>Environnement</i>
98		Bảng 47 + bài tập 1, 2, 4
99		Bảng 48 + bài tập 4, 5, 6
100	<b>Révision 6</b>	Bài tập 1, 2, 3, 4
101		Bài tập 5, 6, 7
102, 103		Ôn tập cuối học kì
104		<b>Kiểm tra học kì II</b>
105		Trả bài kiểm tra học kì II

## LỚP 9

Cả năm : 70 tiết / 37 tuần

Học kỳ I : 36 tiết / 19 tuần

Học kỳ II : 34 tiết / 18 tuần

### HỌC KỲ I

Tiết	Bài	Nội dung
1, 2		Ôn tập các kiến thức cơ bản đã học ở lớp 8
3	<b>Leçon 1</b>	Bài đọc : <i>Cette année, il faut choisir !</i>
4		Tableau 1 + Bài tập 1, 2, 3
5		Tableau 2 + Bài tập 4, 5
6		Tableau 3 + Bài tập 6, 7 + Bài tập 8
7	<b>Leçon 2</b>	Bài đọc : <i>Mais comment choisir ?</i>
8		Tableau 4 + Bài tập 1, 2
9		Tableau 5 + Bài tập 3, 4, 5
10		Tableau 6 + Bài tập 6 + Bài tập 7
11	<b>Leçon 3</b>	Bài đọc : <i>Et tu as le droit d'hésiter...</i>
12		Tableau 7 + Bài tập 1, 2, 3
13		Tableau 8 + Bài tập 4, 5

14		Tableau 9 + Bài tập 6 + Bài tập 7
15, 16	<b>Révision 1</b>	Bài tập 1 - 8.
17		<b>Kiểm tra viết 1 tiết</b>
18		Trả bài kiểm tra
19	<b>Leçon 4</b>	Bài đọc : <i>31 mai : journée sans tabac</i>
20		Tableau 10 + Bài tập 1, 2, 3, 4
21		Tableau 11 + Bài tập 5, 6, 7
22		Tableau 12 + Bài tập 8, 9 + Bài tập 10
23	<b>Leçon 5</b>	Bài đọc : <i>Ados : rouler en toute sécurité</i>
24		Tableau 13 + Bài tập 1, 2, 3
25		Tableau 14 + Bài tập 4, 5, 6
26		Tableau 15 + Bài tập 7, 8 + Bài tập 9
27	<b>Leçon 6</b>	Bài đọc : <i>Les ados et l'alcool</i>
28		Tableau 16 + Bài tập 1, 2
29		Tableau 17 + Bài tập 3, 4, 5
30		Tableau 18 + Bài tập 6 + Bài tập 7
31, 32	<b>Révision 2</b>	Bài tập 1 - 8.
33, 34		Ôn tập cuối học kì
35		<b>Kiểm tra học kỳ I</b>
36		Chữa bài kiểm tra học kỳ I

## HỌC KỲ II

Tiết	Bài	Nội dung
37	<b>Leçon 7</b>	Bài đọc : <i>Il y a plus de 100 ans... le cinéma s'anime</i>
38		Tableau 19 + Bài tập 1, 2, 3
39		Tableau 20 + Bài tập 4, 5 + Bài tập 6
40		Tableau 21 + Bài tập 7 + Bài tập 8
41	<b>Leçon 8</b>	Bài đọc : <i>La puce saute sur une carte</i>
42		Tableau 22 + Bài tập 1, 2, 3
43		Tableau 23 + Bài tập 4, 5
44		Tableau 24 + Bài tập 6, 7 + Bài tập 8
45	<b>Leçon 9</b>	Bài đọc : <i>L'aspirine, un médicament tout terrain</i>
46		Tableau 25 + Bài tập 1, 2, 3
47		Tableau 26 + Bài tập 4, 5, 6
48		Tableau 27 + Bài tập 7, 8 + Bài tập 9
49, 50	<b>Révision 3</b>	Bài tập 1- 11.
51		<b>Kiểm tra viết 1 tiết</b>
52		Trả bài kiểm tra
53	<b>Leçon 10</b>	Bài đọc : <i>La Francophonie dans le monde</i>
54		Tableau 28 + Bài tập 1, 2, 3
55		Tableau 29 + Bài tập 4, 5, 6

56		Tableau 30 + Bài tập 7, 8, 9
57	<b>Leçon 11</b>	Bài đọc : <i>La francophonie au Canada</i>
58		Tableau 31 + Bài tập 1, 2, 3
59		Tableau 32 + Bài tập 4, 5, 6
60		Bài tập 7
61	<b>Leçon 12</b>	Bài đọc : <i>Louis Braille</i>
62		Tableau 33 + Bài tập 1, 2, 3
63		Tableau 34 + Bài tập 4, 5, 6
64		Bài tập 7
65, 66	<b>Révision 4</b>	Bài tập 1 - 8.
67, 68		Ôn tập cuối học kì
69		<b>Kiểm tra học kỳ II</b>
70		Trả bài kiểm tra học kỳ II

-----

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Tài liệu

**PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH THPT**

MÔN **TIẾNG PHÁP**

**(NN2)**

*(Dùng cho các cơ quan quản lý giáo dục và giáo viên,  
áp dụng từ năm học 2008-2009)*



# A. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG KHUNG PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH THPT

## I. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

Khung Phân phối chương trình (KPPCT) này áp dụng cho các lớp cấp THPT từ năm học 2008-2009, gồm 2 phần: (A) Hướng dẫn sử dụng KPPCT; (B) Khung PPCT.

### 1. Về khung Phân phối chương trình

KPPCT quy định thời lượng dạy học cho từng phần của chương trình (chương, phần, bài học, môđun, chủ đề,...), trong đó có thời lượng dành cho luyện tập, bài tập, ôn tập, thí nghiệm, thực hành và thời lượng tiến hành kiểm tra định kì tương ứng với các phần đó.

Thời lượng nói trên quy định tại KPPCT áp dụng trong trường hợp học 1 buổi/ngày (*thời lượng dành cho kiểm tra là không thay đổi, thời lượng dành cho các hoạt động khác là quy định tối thiểu*). Tiến độ thực hiện chương trình khi kết thúc học kì I và kết thúc năm học được quy định thống nhất cho tất cả các trường THPT trong cả nước. Căn cứ KPPCT, các Sở GDĐT cụ thể hoá thành PPCT chi tiết, bao gồm cả chủ đề tự chọn nâng cao (nếu có) cho phù hợp với địa phương, áp dụng chung cho các trường THPT thuộc quyền quản lí. Các trường THPT có điều kiện bố trí giáo viên (GV) và kinh phí chi trả giờ dạy vượt định mức (trong đó có các trường học nhiều hơn 6 buổi/tuần), có thể đề nghị để Sở GDĐT phê chuẩn điều chỉnh PPCT tăng thời lượng dạy học cho phù hợp (*lãnh đạo Sở GDĐT phê duyệt, kí tên, đóng dấu*).

### 2. Về Phân phối chương trình dạy học tự chọn

a) Môn học tự chọn nâng cao (NC) của ban Cơ bản có thể thực hiện bằng 1 trong 2 cách: Sử dụng SGK nâng cao hoặc sử dụng SGK biên soạn theo chương trình chuẩn kết hợp với chủ đề tự chọn nâng cao (CĐNC) của môn học đó. CĐNC của 8 môn phân hóa chỉ dùng cho ban Cơ bản. Thời lượng dạy học CĐNC của môn học là khoảng chênh lệch giữa thời lượng dành cho chương trình chuẩn và chương trình nâng cao môn học đó trong Kế hoạch giáo dục THPT. Các Sở GDĐT quy định cụ thể PPCT dạy học các CĐNC cho phù hợp với mạch kiến thức của SGK môn học đó. Tài liệu CĐNC sử dụng cho cả GV và học sinh (HS).

b) Dạy học chủ đề tự chọn bám sát (CĐBS) là để *ôn tập, hệ thống hóa, khắc sâu kiến thức, kĩ năng*, không bổ sung kiến thức nâng cao mới. Hiệu trưởng các trường THPT lập Kế hoạch dạy học CĐBS (chọn môn học, ấn định số tiết/tuần cho từng môn, tên bài dạy) cho từng lớp, ổn định trong từng học kì trên cơ sở đề nghị của các tổ trưởng chuyên môn và GV chủ nhiệm lớp.

Bộ GDĐT ban hành tài liệu CĐBS lớp 10, dùng cho GV để tham khảo, không ban hành tài liệu CĐBS lớp 11, 12. GV chuẩn bị kế hoạch bài giảng CĐBS với sự hỗ trợ của tổ chuyên môn.

c) Việc kiểm tra, đánh giá kết quả học tập CĐNC, CĐBS các môn học thực hiện theo quy định tại *Quy chế đánh giá, xếp loại HS THCS và HS THPT* của Bộ GDĐT.

**Lưu ý:** Các bài dạy CĐNC, CĐBS bố trí trong các chương như các bài khác, có thể có điểm kiểm tra dưới 1 tiết riêng nhưng không có điểm kiểm tra 1 tiết riêng, điểm CĐNC, CĐBS môn học nào tính cho môn học đó.

### 3. Thực hiện các hoạt động giáo dục

a) Phân công GV thực hiện các Hoạt động giáo dục:

Trong KHGD quy định tại CTGDPT do Bộ GDĐT ban hành, các *hoạt động giáo dục* đã được quy định thời lượng với số tiết học cụ thể như các môn học. Đối với GV được phân công thực hiện Hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp (HĐGDNGLL) và Hoạt động giáo dục hướng nghiệp (HĐGDHN) được tính giờ dạy học như các môn học; việc tham gia điều hành *HĐGD tập thể* (chào cờ đầu tuần và sinh hoạt lớp cuối tuần) là thuộc nhiệm vụ quản lý của Ban Giám hiệu và GV chủ nhiệm lớp, không tính là giờ dạy học.

b) Thực hiện tích hợp giữa HĐGDNGLL, HĐGDHN, môn Công nghệ:

- HĐGDNGLL: Thực hiện đủ các chủ đề quy định cho mỗi tháng, với thời lượng 2 tiết/tháng và tích hợp nội dung HĐGDNGLL sang môn GDCD như sau:

- + Lớp 10, ở chủ đề về đạo đức;
- + Lớp 11, các chủ đề về kinh tế và chính trị - xã hội;
- + Lớp 12, ở các chủ đề về pháp luật.

Đưa nội dung giáo dục về Công ước Quyền trẻ em của Liên Hợp quốc vào HĐGDNGLL ở lớp 10 và tổ chức các hoạt động hưởng ứng phong trào "*Xây dựng trường học thân thiện, HS tích cực*" do Bộ GDĐT phát động.

- HGDHN:

Các lớp 10, 11, 12: Điều chỉnh thời lượng HGDHN thành 9 tiết/năm học sau khi tích hợp đưa sang giảng dạy ở môn Công nghệ (phần "Tạo lập doanh nghiệp" lớp 10) và tích hợp đưa sang HGDNGLL (do GV môn Công nghệ, GV HGDNGLL thực hiện) ở 3 chủ đề sau đây:

+ "Thanh niên với vấn đề lập nghiệp", chủ đề tháng 3;

+ "Thanh niên với học tập, rèn luyện vì sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước", chủ đề tháng 9;

+ "Thanh niên với xây dựng và bảo vệ Tổ quốc", chủ đề tháng 12.

Nội dung tích hợp do Sở GDĐT hướng dẫn hoặc uỷ quyền cho các trường THPT hướng dẫn GV thực hiện cho sát thực tiễn địa phương. Cần hướng dẫn HS lựa chọn con đường học lên sau THPT (ĐH, CĐ, TCCN, học nghề) hoặc đi vào cuộc sống lao động. Về phương pháp tổ chức thực hiện HGDHN, có thể riêng theo lớp hoặc theo khối lớp; có thể giao cho GV hoặc mời các chuyên gia, nhà quản lý kinh tế, quản lý doanh nghiệp giảng dạy.

c) HGD nghề phổ thông:

Nơi có đủ GV đào tạo đúng chuyên môn, đủ CSVC phải thực hiện HGDNPT ở lớp 11, tổ chức thi và cấp chứng chỉ GDNPT sau khi hoàn thành chương trình 105 tiết đạt yêu cầu trở lên; nơi chưa đủ GV đào tạo đúng chuyên môn, chưa đủ CSVC có thể chưa thực hiện chương trình HGDNPT nhưng phải khẩn trương khắc phục, không để kéo dài. Các vấn đề cụ thể về HGDNPT, thực hiện theo hướng dẫn tại công văn số 8608/BGDĐT-GDTrH ngày 16/8/2007 của Bộ GDĐT.

#### **4. Đổi mới phương pháp dạy học và đổi mới kiểm tra, đánh giá**

a) Chỉ đạo đổi mới phương pháp dạy học (PPDH):

- Những yêu cầu quan trọng trong đổi mới PPDH là:

+ Phát huy tính tích cực, hứng thú học tập của HS và vai trò chủ đạo của GV;

+ Thiết kế bài giảng khoa học, sắp xếp hợp lý hoạt động của GV và HS, thiết kế hệ thống câu hỏi hợp lý, tập trung vào trọng tâm, tránh nặng nề quá tải (nhất là đối với bài dài, bài khó, nhiều kiến thức mới); bồi dưỡng năng lực độc lập suy nghĩ, vận dụng sáng tạo kiến thức đã học, tránh thiên về ghi nhớ máy móc không nắm vững bản chất;

+ Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học, khuyến khích sử dụng hợp lý công nghệ thông tin, sử dụng các phương tiện nghe nhìn, thực hiện đầy đủ thí nghiệm, thực hành, liên hệ thực tế trong giảng dạy phù hợp với nội dung từng bài học;

+ GV sử dụng ngôn ngữ chuẩn xác, trong sáng, sinh động, dễ hiểu, tác phong thân thiện, khuyến khích, động viên HS học tập, tổ chức hợp lý cho HS làm việc cá nhân và theo nhóm;

+ Dạy học sát đối tượng, coi trọng bồi dưỡng HS khá giỏi và giúp đỡ HS học lực yếu kém.

- Đối với các môn học: Mĩ thuật, Âm nhạc (THCS), Thể dục (THCS, THPT) cần coi trọng truyền thụ kiến thức, hình thành kỹ năng, hứng thú học tập, không quá thiên về đánh giá thành tích theo yêu cầu đào tạo chuyên ngành hoạ sỹ, nhạc sỹ, vận động viên.

- Tăng cường chỉ đạo đổi mới PPDH thông qua công tác bồi dưỡng GV và dự giờ thăm lớp của GV, tổ chức rút kinh nghiệm giảng dạy ở các tổ chuyên môn, hội thảo cấp trường, cụm trường, địa phương, hội thi GV giỏi các cấp.

b) Đổi mới kiểm tra, đánh giá (KTĐG):

- Những yêu cầu quan trọng trong đổi mới KTĐG là:

+ GV đánh giá sát đúng trình độ HS với thái độ khách quan, công minh và hướng dẫn HS biết tự đánh giá năng lực của mình;

+ Trong quá trình dạy học, cần kết hợp một cách hợp lý hình thức tự luận với hình thức trắc nghiệm khách quan trong KTĐG kết quả học tập của HS, chuẩn bị tốt cho việc đổi mới các kỳ thi theo chủ trương của Bộ GDĐT.

+ Thực hiện đúng quy định của Quy chế Đánh giá, xếp loại HS THCS, HS THPT do Bộ GDĐT ban hành, tiến hành đủ số lần kiểm tra thường xuyên, định kỳ, học kỳ cả lý thuyết và thực hành.

- Đổi mới đánh giá các môn Mĩ thuật, Âm nhạc (THCS), Thể dục (THCS, THPT): Đánh giá bằng điểm hoặc nhận xét kết quả học tập theo quy định tại Quy chế Đánh giá, xếp loại HS THCS, HS THPT.

c) Đối với một số môn khoa học xã hội và nhân văn như: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí, Giáo dục công dân, cần coi trọng đổi mới PPDH, đổi mới KTĐG theo hướng hạn chế chỉ ghi nhớ máy móc, không nắm vững kiến

thức, kỹ năng môn học. Trong quá trình dạy học, cần từng bước đổi mới KTĐG bằng cách nêu vấn đề mở, đòi hỏi HS phải vận dụng tổng hợp kiến thức, kỹ năng và biểu đạt chính kiến của bản thân.

d) Từ năm học 2008-2009, tập trung chỉ đạo đánh giá sâu hiệu quả dạy học của môn Giáo dục công dân để tiếp tục đổi mới PPDH, KTĐG nhằm nâng cao chất lượng môn học này (*có hướng dẫn riêng*).

**5. Thực hiện các nội dung giáo dục địa phương** (*hướng dẫn tại công văn số 5977/BGDĐT-GDTrH ngày 07/7/2008*)

## II. NHỮNG VẤN ĐỀ CỤ THỂ CỦA MÔN HỌC

### 1. MỘT SỐ LƯU Ý

- Việc phân phối thời lượng cho các nội dung và hoạt động trong phạm vi mỗi bài học chỉ mang tính định hướng mà không mang tính áp đặt để tạo sự mềm dẻo cần thiết cho phép giáo viên thích ứng với lớp mình phụ trách. Tuy nhiên, cần tôn trọng tiến độ thực hiện chương trình của mỗi học kỳ.

### 2. HƯỚNG DẪN VỀ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ

Yêu cầu về kiến thức và kỹ năng của các bài kiểm tra cần căn cứ vào thời điểm kiểm tra, nội dung về kiến thức và kỹ năng đã học.

Mỗi học kỳ phải đảm bảo tối thiểu số lượt và nội dung các bài kiểm tra theo hướng dẫn sau đây:

#### Bài kiểm tra hệ số 1

- Sử dụng thời gian dành cho kiểm tra miệng để kiểm tra kỹ năng *diễn đạt nói* (expression orale): mỗi học sinh một lần trong 1 học kỳ.

- Có 02 lần kiểm tra viết 15 phút (thời điểm kiểm tra không ấn định trong bảng Phân phối chương trình này), trong đó:

- 01 bài dành cho việc kiểm tra kỹ năng *nghe hiểu* (compréhension orale)
- 01 bài dành cho việc kiểm tra kỹ năng *diễn đạt viết* (expression écrite) một đoạn văn ngắn theo chủ đề, có gợi ý.

#### Bài kiểm tra hệ số 2

Có 01 lần kiểm tra 1 tiết theo thời điểm đã được xác định trong bảng Phân phối chương trình này. Trong mỗi bài kiểm tra, đánh giá kỹ năng *đọc hiểu* (compréhension écrite) và các *kiến thức ngôn ngữ* (connaissances de langue).

#### Bài kiểm tra học kỳ hệ số 3

Có 1 bài kiểm tra học kỳ, trong đó đánh giá kỹ năng *đọc hiểu* (compréhension écrite) và *kiến thức ngôn ngữ* (connaissances de langue).

## B. KHUNG PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH

### LỚP 10

**Sử dụng tài liệu ADO 1**

**Cả năm: 70 tiết / 37 tuần**

**Học kỳ I: 36 tiết / 19 tuần**

**Học kỳ II: 34 tiết / 18 tuần**

#### HỌC KỲ I

Bài	Tiết	Hoạt động
Leçon 0	1 - 4	Giới thiệu chương trình Giới thiệu sơ lược về tiếng Pháp và nước Pháp
Leçon 1	5 -13	Dạy-học bài 1 Làm bài tập
	14	Ôn tập bài 0 và 1
	15 – 16	<b>Kiểm tra 1 tiết và trả bài</b>

Leçon 2	17 - 25	Đạy-học bài 2 Làm bài tập
Leçon 3	26-34	Đạy-học bài 3 Làm bài tập
	35	Ôn tập bài 2 và bài 3
	36	<b>Kiểm tra học kỳ I</b>

## HỌC KỲ II

Bài	Tiết	Hoạt động
Leçon 4	37 - 45	Đạy-học bài 4 Làm bài tập
Leçon 5	46 - 54	Đạy-học bài 5 Làm bài tập
	55	Ôn tập bài 4 và 5
	56 - 57	<b>Kiểm tra 1 tiết và trả bài</b>
Leçon 6	58 - 66	Đạy-học bài 6 Làm bài tập
	67-69	Ôn tập kiểm tra Học kỳ II
	70	<b>Kiểm tra học kỳ II</b>

## LỚP 11

### Sử dụng tài liệu ADO 1

Cả năm: 70 tiết / 37 tuần

Học kỳ I: 36 tiết / 19 tuần

Học kỳ II: 34 tiết / 18 tuần

## HỌC KỲ I

Bài	Tiết	Hoạt động
	1- 2	Ôn tập chương trình lớp 10
Leçon 7	3-10	Đạy-học bài 7 Làm bài tập
Leçon 8	11-18	Đạy-học bài 8 Làm bài tập
	19	Ôn tập bài 7 và 8
	20 - 21	<b>Kiểm tra 1 tiết và trả bài</b>
Leçon 9	22 - 29	Đạy-học bài 9 Làm bài tập
Leçon 10	30 - 33	Đạy-học bài 10 Làm bài tập
	34 - 35	Ôn tập kiểm tra học kỳ I
	36	<b>Kiểm tra học kỳ I</b>

## HỌC KỲ II

Bài	Tiết	Hoạt động
Leçon 10	37 - 40	Đạy-học tiếp bài 10 Làm bài tập
Leçon 11	41- 48	Đạy-học bài 11 Làm bài tập
	49	Ôn tập bài 10 và bài 11
	50 - 51	<b>Kiểm tra 1 tiết và trả bài</b>

Leçon 12	52 - 59	Dạy-học bài 12 Làm bài tập
Leçon 13	60 - 67	Dạy-học bài 13 Làm bài tập
	68 - 69	Ôn tập kiểm tra học kỳ II
	70	<b>Kiểm tra học kỳ II</b>

## **LỚP 12**

### **Sử dụng tài liệu ADO 1**

**Cả năm: 70 tiết / 37 tuần**

**Học kỳ I: 36 tiết / 19 tuần**

**Học kỳ II: 34 tiết / 18 tuần**

### **HỌC KỲ I**

Bài	Tiết	Hoạt động
	1 - 2	Ôn tập chương trình lớp 11
Leçon 14	3 - 11	Dạy-học bài 14 Làm bài tập
Leçon 15	12 - 20	Dạy-học bài 15 Làm bài tập
	21	Ôn tập bài 14 và 15
	22 - 23	<b>Kiểm tra 1 tiết và trả bài</b>
Leçon 16	24 - 32	Dạy-học bài 16 Làm bài tập
	33 - 34	Ôn tập kiểm tra học kỳ I
	35	<b>Kiểm tra học kỳ I</b>
	36	Trả bài kiểm tra

### **HỌC KỲ II**

Leçon 17	37 - 45	Dạy-học bài 17 Làm bài tập
Leçon 18	46 - 54	Dạy-học bài 18 Làm bài tập
	55	Ôn tập bài 17 và 18
	56 - 57	<b>Kiểm tra 1 tiết và trả bài</b>
Leçon 19	58 - 66	Dạy-học bài 19 Làm bài tập
	67 - 68	Ôn tập kiểm tra Học kỳ I
	69	<b>Kiểm tra học kỳ II</b>
	70	Trả bài kiểm tra

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

**Tài liệu**

**PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH THPT**

**MÔN TIẾNG PHÁP**

*(Dùng cho các cơ quan quản lý giáo dục và giáo viên,  
áp dụng từ năm học 2008-2009)*

# A. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG KHUNG PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH THPT

## I. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

Khung Phân phối chương trình (KPPCT) này áp dụng cho các lớp cấp THPT từ năm học 2008-2009, gồm 2 phần: (A) Hướng dẫn sử dụng KPPCT; (B) Khung PPCT.

### 1. Về khung Phân phối chương trình

KPPCT quy định thời lượng dạy học cho từng phần của chương trình (chương, phần, bài học, môđun, chủ đề,...), trong đó có thời lượng dành cho luyện tập, bài tập, ôn tập, thí nghiệm, thực hành và thời lượng kiểm tra định kì tương ứng với các phần đó.

Thời lượng nói trên quy định tại KPPCT áp dụng trong trường hợp học 1 buổi/ngày (*thời lượng dành cho kiểm tra là không thay đổi, thời lượng dành cho các hoạt động khác là quy định tối thiểu*). Tiến độ thực hiện chương trình khi kết thúc học kì I và kết thúc năm học được quy định thống nhất cho tất cả các trường THPT trong cả nước.

Căn cứ KPPCT, các Sở GDĐT cụ thể hoá thành PPCT chi tiết, bao gồm cả chủ đề tự chọn nâng cao (nếu có) cho phù hợp với địa phương, áp dụng chung cho các trường THPT thuộc quyền quản lí. Các trường THPT có điều kiện bố trí GV và kinh phí chi trả giờ dạy vượt định mức (trong đó có các trường học nhiều hơn 6 buổi/tuần), có thể đề nghị đề Sở GDĐT phê chuẩn điều chỉnh PPCT tăng thời lượng dạy học cho phù hợp (*lãnh đạo Sở GDĐT phê duyệt, kí tên, đóng dấu*).

### 2. Về Phân phối chương trình dạy học tự chọn

a) Môn học tự chọn nâng cao (NC) của ban Cơ bản có thể thực hiện bằng 1 trong 2 cách: Sử dụng SGK nâng cao hoặc sử dụng SGK biên soạn theo chương trình chuẩn kết hợp với chủ đề tự chọn nâng cao (CĐNC) của môn học đó. CĐNC của 8 môn phân hóa chỉ dùng cho ban Cơ bản. Thời lượng dạy học CĐNC của môn học là khoảng chênh lệch giữa thời lượng dành cho chương trình chuẩn và chương trình nâng cao môn học đó trong Kế hoạch giáo dục THPT. Các Sở GDĐT quy định cụ thể PPCT dạy học các CĐNC cho phù hợp với mạch kiến thức của SGK môn học đó. Tài liệu CĐNC sử dụng cho cả GV và HS.

b) Dạy học chủ đề tự chọn bám sát (CĐBS) là để *ôn tập, hệ thống hóa, khắc sâu kiến thức, kĩ năng*, không bổ sung kiến thức nâng cao mới. Hiệu trưởng các trường THPT lập Kế hoạch dạy học CĐBS (chọn môn học, ấn định số tiết/tuần cho từng môn, tên bài dạy) cho từng lớp, ổn định trong từng học kì trên cơ sở đề nghị của các tổ trưởng chuyên môn và GV chủ nhiệm lớp.

Bộ GDĐT ban hành tài liệu CĐBS lớp 10, dùng cho GV để tham khảo, không ban hành tài liệu CĐBS lớp 11, 12. GV chuẩn bị kế hoạch bài giảng CĐBS với sự hỗ trợ của tổ chuyên môn.

c) Việc kiểm tra, đánh giá kết quả học tập CĐNC, CĐBS các môn học thực hiện theo quy định tại *Quy chế đánh giá, xếp loại HS THCS và HS THPT* của Bộ GDĐT.

**Lưu ý:** Các bài dạy CĐNC, CĐBS bố trí trong các chương như các bài khác, có thể có điểm kiểm tra dưới 1 tiết riêng nhưng không có điểm kiểm tra 1 tiết riêng, điểm CĐNC, CĐBS môn học nào tính cho môn học đó.

### 3. Thực hiện các hoạt động giáo dục

a) Phân công GV thực hiện các Hoạt động giáo dục:

Trong KHGD quy định tại CTGDPT do Bộ GDĐT ban hành, các *hoạt động giáo dục* đã được quy định thời lượng với số tiết học cụ thể như các môn học. Đối với GV được phân công thực hiện Hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp (HĐGDNGLL) và Hoạt động giáo dục hướng nghiệp (HĐGDHN) được tính giờ dạy học như các môn học; việc tham gia điều hành *HĐGD tập thể* (chào cờ đầu tuần và sinh hoạt lớp cuối tuần) là thuộc nhiệm vụ quản lý của Ban Giám hiệu và GV chủ nhiệm lớp, không tính là giờ dạy học.

b) Thực hiện tích hợp giữa HĐGDNGLL, HĐGDHN, môn Công nghệ:

- HĐGDNGLL: Thực hiện đủ các chủ đề quy định cho mỗi tháng, với thời lượng 2 tiết/tháng và tích hợp nội dung HĐGDNGLL sang môn GD CD như sau:

- + Lớp 10, ở chủ đề về đạo đức;
- + Lớp 11, ở các chủ đề về kinh tế và chính trị - xã hội;
- + Lớp 12, ở các chủ đề về pháp luật.

Đưa nội dung giáo dục về Công ước Quyền trẻ em của Liên Hợp quốc vào HGDNGLL ở lớp 10 và tổ chức các hoạt động hưởng ứng phong trào "Xây dựng trường học thân thiện, HS tích cực" do Bộ GDĐT phát động.

- HGDHN:

Các lớp 10, 11, 12: Điều chỉnh thời lượng HGDHN thành 9 tiết/năm học sau khi tích hợp đưa sang giảng dạy ở môn Công nghệ (phần "Tạo lập doanh nghiệp" lớp 10) và tích hợp đưa sang HGDNGLL (do GV môn Công nghệ, GV HGDNGLL thực hiện) ở 3 chủ đề sau đây:

- + "Thanh niên với vấn đề lập nghiệp", chủ đề tháng 3;
- + "Thanh niên với học tập, rèn luyện vì sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước", chủ đề tháng 9;
- + "Thanh niên với xây dựng và bảo vệ Tổ quốc", chủ đề tháng 12.

Nội dung tích hợp do Sở GDĐT hướng dẫn hoặc uỷ quyền cho các trường THPT hướng dẫn GV thực hiện cho sát thực tiễn địa phương. Cần hướng dẫn HS lựa chọn con đường học lên sau THPT (ĐH, CĐ, TCCN, học nghề) hoặc đi vào cuộc sống lao động. Về phương pháp tổ chức thực hiện HGDHN, có thể riêng theo lớp, theo khối lớp; có thể giao cho GV hoặc mời các chuyên gia, nhà quản lý kinh tế, quản lý doanh nghiệp giảng dạy.

c) HGD nghề phổ thông:

Nơi có đủ GV đào tạo đúng chuyên môn, đủ CSVC phải thực hiện HGDNPT ở lớp 11, tổ chức thi và cấp chứng chỉ GDNPT sau khi hoàn thành chương trình 105 tiết đạt yêu cầu trở lên; nơi chưa đủ GV đào tạo đúng chuyên môn, chưa đủ CSVC có thể chưa thực hiện chương trình HGDNPT nhưng phải khẩn trương khắc phục, không để kéo dài. Các vấn đề cụ thể về HGDNPT, thực hiện theo hướng dẫn tại công văn số 8608/BGDĐT-GDTrH ngày 16/8/2007 của Bộ GDĐT.

#### **4. Đổi mới phương pháp dạy học và đổi mới kiểm tra, đánh giá**

a) Chỉ đạo đổi mới phương pháp dạy học (PPDH):

- Những yêu cầu quan trọng trong đổi mới PPDH là:

- + Phát huy tính tích cực, hứng thú trong học tập của HS và vai trò chủ đạo của GV;
- + Thiết kế bài giảng khoa học, sắp xếp hợp lý hoạt động của GV và HS, thiết kế hệ thống câu hỏi hợp lý, tập trung vào trọng tâm, tránh nặng nề quá tải (nhất là đối với bài dài, bài khó, nhiều kiến thức mới); bồi dưỡng năng lực độc lập suy nghĩ, vận dụng sáng tạo kiến thức đã học, tránh thiên về ghi nhớ máy móc không nắm vững bản chất;

- + Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học, khuyến khích sử dụng hợp lý công nghệ thông tin, sử dụng các phương tiện nghe nhìn, thực hiện đầy đủ thí nghiệm, thực hành, liên hệ thực tế trong giảng dạy phù hợp với nội dung từng bài học;

- + GV sử dụng ngôn ngữ chuẩn xác, trong sáng, sinh động, dễ hiểu, tác phong thân thiện, khuyến khích, động viên HS học tập, tổ chức hợp lý cho HS làm việc cá nhân và theo nhóm;

- + Dạy học sát đối tượng, coi trọng bồi dưỡng HS khá giỏi và giúp đỡ HS học lực yếu kém.

- Đối với các môn học: Mĩ thuật, Âm nhạc (THCS), Thể dục (THCS, THPT) cần coi trọng truyền thụ kiến thức, hình thành kỹ năng, bồi dưỡng hứng thú học tập, không quá thiên về đánh giá thành tích theo yêu cầu đào tạo chuyên ngành hoạ sỹ, nhạc sỹ, vận động viên.

- Tăng cường chỉ đạo đổi mới PPDH thông qua công tác bồi dưỡng GV và dự giờ thăm lớp của GV, tổ chức rút kinh nghiệm giảng dạy ở các tổ chuyên môn, hội thảo cấp trường, cụm trường, địa phương, hội thi GV giỏi các cấp.

b) Đổi mới kiểm tra, đánh giá (KTĐG):

- Những yêu cầu quan trọng trong đổi mới KTĐG là:

- + GV đánh giá sát đúng trình độ HS với thái độ khách quan, công minh và hướng dẫn HS biết tự đánh giá năng lực của mình;

- + Trong quá trình dạy học, cần kết hợp một cách hợp lý hình thức tự luận với hình thức trắc nghiệm khách quan trong KTĐG kết quả học tập của HS, chuẩn bị tốt cho việc đổi mới các kỳ thi theo chủ trương của Bộ GDĐT.

- + Thực hiện đúng quy định của Quy chế Đánh giá, xếp loại HS THCS, HS THPT do Bộ GDĐT ban hành, tiến hành đủ số lần kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ, kiểm tra học kỳ cả lý thuyết và thực hành.

- Đổi mới đánh giá các môn Mĩ thuật, Âm nhạc (THCS), Thể dục (THCS, THPT): Đánh giá bằng điểm hoặc bằng nhận xét kết quả học tập theo quy định tại Quy chế Đánh giá, xếp loại HS THCS, HS THPT.



c) Đối với một số môn khoa học xã hội và nhân văn như: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí, Giáo dục công dân, cần coi trọng đổi mới PPDH, đổi mới KTĐG theo hướng hạn chế chỉ ghi nhớ máy móc, không nắm vững kiến thức, kỹ năng môn học. Trong quá trình dạy học, cần từng bước đổi mới KTĐG bằng cách nêu vấn đề mở, đòi hỏi HS phải vận dụng tổng hợp kiến thức, kỹ năng và biểu đạt chính kiến của bản thân.

d) Từ năm học 2008-2009, tập trung chỉ đạo đánh giá sâu hiệu quả dạy học của môn Giáo dục công dân để tiếp tục đổi mới PPDH, KTĐG nhằm nâng cao chất lượng môn học này (*có hướng dẫn riêng*).

**5. Thực hiện các nội dung giáo dục địa phương** (*hướng dẫn tại công văn số 5977/BGDĐT-GDTrH ngày 07/7/2008*)

## II. NHỮNG VẤN ĐỀ CỤ THỂ CỦA MÔN HỌC

### 1. ĐỊNH HƯỚNG VỀ PHƯƠNG PHÁP VÀ PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

#### a. Về phương pháp

**Đối với giáo viên, khi giảng dạy phải:**

- ngữ cảnh hoá các ngữ liệu;
- kết hợp hài hoà giữa tính giao tiếp và tính hệ thống của ngôn ngữ theo hướng: vừa tăng cường rèn luyện kỹ năng giao tiếp và phát triển năng lực văn bản cho học sinh vừa chú trọng các hoạt động rèn luyện và hệ thống hoá kiến thức ngôn ngữ; việc truyền thụ kiến thức và rèn luyện kỹ năng phải tiến hành đồng thời với việc cung cấp các thông tin văn hoá, xã hội...;
- tạo các điều kiện giao tiếp thuận lợi cho học sinh, khuyến khích học sinh tham gia giao tiếp; không lạm dụng việc sửa lỗi;
- biết điều khiển học sinh làm việc theo nhóm.
- bám sát chuẩn kiến thức kỹ năng đã được xác định trong Chương trình giáo dục phổ thông cấp trung học phổ thông.

**Đối với học sinh, phải tích cực:**

- rèn luyện giao tiếp, chủ động tìm hiểu;
- làm việc cá nhân, theo từng cặp và theo nhóm.

#### b. Về thiết bị dạy học

Phải cung cấp:

- sách giáo khoa cho giáo viên và học sinh;
- sách hướng dẫn giảng dạy cho giáo viên;
- các thiết bị nghe nhìn như đầu đọc đĩa CD & VCD (máy radio-cassette), đĩa (băng) ghi âm, tranh ảnh, bản đồ minh hoạ các bài học, và các thiết bị dạy học tự làm.

#### c. Về đội ngũ giáo viên

*Giáo viên phải được bồi dưỡng và tự bồi dưỡng thường xuyên để:*

- nắm vững mục tiêu, quan điểm, nội dung và phương pháp giảng dạy qui định trong chương trình; sử dụng được sách giáo khoa và thiết bị dạy học;
- cập nhật về phương pháp giảng dạy, về kiến thức ngôn ngữ và các thông tin đất nước học liên quan;
- sử dụng có hiệu quả các hình thức kiểm tra, đánh giá theo định hướng của chương trình.

### 2. MỘT SỐ LƯU Ý

- Việc phân phối thời lượng cho các nội dung và hoạt động trong phạm vi mỗi bài học chỉ mang tính định hướng mà không mang tính áp đặt để tạo sự mềm dẻo cần thiết cho phép giáo viên thích ứng với lớp mình phụ trách. Tuy nhiên, phải đảm bảo tiến độ thực hiện chương trình của mỗi học kỳ.

- Trong nội dung phân phối cho 1 tiết dạy, có những bài tập có thể để học sinh làm ở nhà (xem Sách giáo viên).

### 3. KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ

#### a) Định hướng chung về kiểm tra, đánh giá

Việc đổi mới phương pháp kiểm tra-đánh giá môn Tiếng Pháp THPT nhằm đánh giá chính xác và khách quan kết quả học tập của học sinh trong quá trình học tập và sau từng giai đoạn học tập, đồng thời giúp giáo viên điều chỉnh, thích ứng kịp thời phương pháp dạy và học sinh điều chỉnh phương pháp học theo chương trình và sách giáo khoa Tiếng Pháp THPT.

Những định hướng chung về đổi mới phương pháp kiểm tra-đánh giá môn Tiếng Pháp THPT là:

- Bám sát mục tiêu dạy học đã được qui định trong chương trình và được thể hiện cụ thể trong SGK. Việc kiểm tra đánh giá phải bảo đảm được tính nhất quán giữa mục tiêu đào tạo, giảng dạy/học tập và kiểm tra đánh giá. Kiểm tra đánh giá phải cho phép biết được việc học tập của học sinh có đạt được các mục tiêu đặt ra hay không và đạt được trong chừng mực nào, cung cấp những thông tin phản hồi giúp người dạy điều chỉnh việc giảng dạy và người học điều chỉnh việc học của mình để đạt kết quả cao nhất. Các nội dung kiểm tra đánh giá căn cứ vào các nội dung dạy và học, tuy nhiên, thời lượng hạn chế của bài kiểm tra chỉ cho phép lựa chọn một số nội dung chính để kiểm tra.

- Kết hợp đánh giá điều chỉnh (évaluation formative) với đánh giá tổng kết-phân loại (évaluation sommative).

- Kết hợp kiểm tra thường xuyên (kiểm tra đầu giờ, dưới 1 tiết) và kiểm tra định kì (kiểm tra 1 tiết, kiểm tra học kỳ); nội dung kiểm tra phải đúng yêu cầu của chương trình ở thời điểm kiểm tra; chỉ sử dụng các loại hình bài kiểm tra quen thuộc đối với học sinh.

- Kiểm tra đánh giá toàn diện các kĩ năng giao tiếp (nghe-nói-đọc-viết) và kiến thức ngôn ngữ trên cơ sở các chủ điểm, nội dung, yêu cầu cần đạt qui định trong chương trình và đã được thể hiện trong sách giáo khoa môn tiếng Pháp THPT.

- Kết hợp các hình thức trắc nghiệm tự luận và trắc nghiệm khách quan (TNKQ) (tests objectifs), trong đó ưu tiên TNKQ. Các hình thức TNKQ thường được sử dụng là: câu hỏi nhiều lựa chọn (questions à choix multiple - QCM), trắc nghiệm đúng / sai (vrai / faux), trắc nghiệm điền khuyết (exercices à trous ou texte lacunaire), trắc nghiệm đối chiếu cặp đôi (test d'appariement),...

- Chỉ sử dụng các dạng bài tập có trong SGK, các loại hình bài tập quen thuộc khác được sử dụng thường xuyên ở các lớp trước.

#### **b) Những yêu cầu cụ thể**

Yêu cầu về kiến thức và kỹ năng của các bài kiểm tra căn cứ vào thời điểm kiểm tra, nội dung chương trình và sách giáo khoa và các yêu cầu cần đạt về kiến thức và kỹ năng cho mỗi lớp được quy định trong chương trình giáo dục phổ thông môn tiếng Pháp cấp THPT.

**Mỗi học kỳ** phải đảm bảo tối thiểu số lượt và nội dung các bài kiểm tra theo hướng dẫn sau đây:

##### **Bài kiểm tra hệ số 1:**

- Sử dụng thời gian kiểm tra miệng để kiểm tra kỹ năng *diễn đạt nói* (expression orale): mỗi học sinh một lần trong một học kỳ.

- Có 03 lần kiểm tra 15 phút (thời điểm kiểm tra không ấn định trong bảng Phân phối chương trình này), trong đó:

- 01 bài dành cho việc kiểm tra kỹ năng *nghe hiểu* (compréhension orale);
- 01 bài dành cho việc kiểm tra kỹ năng *diễn đạt viết* (expression écrite): học sinh viết một đoạn văn ngắn theo chủ đề, có gợi ý;
- 01 bài dành cho việc kiểm tra kỹ năng *đọc hiểu* (compréhension écrite).

##### **Bài kiểm tra hệ số 2:**

Có 02 lần kiểm tra 45 phút theo những thời điểm đã được xác định trong bảng Phân phối chương trình này, chủ yếu hướng vào việc kiểm tra kỹ năng *đọc hiểu* (compréhension écrite), kỹ năng *diễn đạt viết* (expression écrite) (viết một đoạn văn ngắn theo chủ đề có gợi ý) và/hoặc các *kiến thức ngôn ngữ* (connaissances de langue).

##### **Bài kiểm tra học kỳ hệ số 3:**

Có 01 bài kiểm tra học kỳ hướng vào việc kiểm tra kỹ năng *đọc hiểu* (compréhension écrite), kỹ năng *diễn đạt viết* (expression écrite) (viết một đoạn văn ngắn theo chủ đề có gợi ý) và/hoặc các *kiến thức ngôn ngữ* (connaissances de langue).

## **B. KHUNG PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH**

### **LỚP 10**

**Cả năm: 105 tiết / 37 tuần**

**Học kỳ I: 54 tiết / 19 tuần**

**Học kỳ II: 51 tiết / 18 tuần****HỌC KỲ I**

<b>Tiết</b>	<b>Bài</b>	<b>Nội dung</b>
1, 2, 3		Ôn tập các kiến thức cơ bản đã học
4, 5	<b>Leçon 1</b>	Bài đọc: <i>La nouvelle écriture est arrivée !</i> Vocabulaire: Bài tập 1, 2
6, 7		Grammaire: Bảng 1 + bài tập 3, 4 Grammaire: Bảng 2 + bài tập 5, 6 Compréhension: Bài tập 7
8, 9		Expression: Bài tập 8, 9.
10, 11		Bài đọc: <i>Les langues étrangères à l'école</i> Vocabulaire: Bài tập 1, 2, 3
12,13	<b>Leçon 2</b>	Grammaire: Bảng 3 + bài tập 4 Grammaire: Bảng 4 + bài tập 5, 6 Compréhension: Bài tập 7
14, 15		Expression: Bài tập 8, 9.
16, 17, 18		<b>Révision 1</b> Bài tập 1- 8.
19		<b>Kiểm tra viết 1tiết</b>
20		Trả bài kiểm tra
21, 22	<b>Leçon 3</b>	Bài đọc: <i>Que lisent les jeunes ?</i> Vocabulaire: Bài tập 1, 2, 3
23, 24		Grammaire: Bảng 5 + bài tập 4, 5 Grammaire: Bảng 6 + bài tập 6, 7 Compréhension: Bài tập 8
25, 26		Expression: Bài tập 9, 10.
27, 28		Bài đọc: <i>Poil de carotte</i> Vocabulaire: Bài tập 1, 2, 3, 4

	<b>Leçon 4</b>	Grammaire: Bảng 7 + bài tập 5
29, 30		Grammaire: Bảng 8 + bài tập 6, 7 Compréhension: Bài tập 8
31, 32		Expression: Bài tập 9, 10.
33, 34, 35	<b>Révision 2</b>	Bài tập 1- 4.
36		<b>Kiểm tra viết 1 tiết</b>
37		Trả bài kiểm tra
38, 39	<b>Leçon 5</b>	Bài đọc: <i>Le métier de conducteur de train</i> Vocabulaire: Bảng 9 + Bài tập 1, 2, 3, 4
40, 41		Grammaire: Bảng 10 + bài tập 5, 6 Grammaire: Bảng 11 + bài tập 7, 8, 9 Compréhension: Bài tập 10, 11
42, 43		Expression: Bài tập 12, 13.
44,45	<b>Leçon 6</b>	Bài đọc: <i>Eiffel: le magicien du fer</i> Vocabulaire: Bảng 12 + Bài tập 1, 2
46, 47		Grammaire: Bảng 13 + bài tập 3, 4 Grammaire: Bài tập 5 + Bảng 14 + bài tập 6 Compréhension: Bài tập 7, 8
48, 49		Expression: Bài tập 9, 10.
50, 51, 52	<b>Révision 3</b>	Bài tập 1- 6.
53		<b>Kiểm tra học kỳ I</b>
54		Trả bài kiểm tra học kỳ I

## HỌC KỲ II

Tiết	Bài	Nội dung
55, 56		Bài đọc: <i>Quand la science - fiction devient réalité</i> Vocabulaire: Bài tập 1, 2, 3

57, 58	<b>Leçon 7</b>	Grammaire: Bảng 15 + bài tập 4, 5 Grammaire: Bảng 16 + bài tập 6, 7 Compréhension: Bài tập 8
59, 60		Expression: Bài tập 9, 10.
61, 62	<b>Leçon 8</b>	Bài đọc: <i>L'informatique: d'hier à aujourd'hui</i> Vocabulaire: Bảng 17 + Bài tập 1, 2
63, 64		Grammaire: Bảng 18 + bài tập 3, 4 Grammaire: Bảng 19 + bài tập 5, 6 Compréhension: Bài tập 7
65, 66		Expression: Bài tập 8, 9.
67-69		<b>Révision 4</b> Bài tập 1- 6.
70		<b>Kiểm tra viết 1 tiết</b>
71		Trả bài kiểm tra
72, 73	<b>Leçon 9</b>	Bài đọc: <i>Thomas Alva Edison</i> Vocabulaire: Bảng 20 + Bài tập 1
74, 75		Grammaire: Bảng 21 + bài tập 2, 3, 4 Grammaire: Bảng 22 + bài tập 5, 6 Compréhension: Bài tập 7
76, 77		Expression: Bài tập 8, 9.
78, 79		Bài đọc: <i>Albert Einstein</i> Vocabulaire: Bảng 23 + Bài tập 1, 2, 3
80, 81	<b>Leçon 10</b>	Grammaire: Bảng 24 + bài tập 4, 5 Grammaire: Bảng 25 + bài tập 6, 7 Compréhension: Bài tập 8
82, 83		Expression: Bài tập 9, 10, 11.
84-86		<b>Révision 5</b> Bài tập 1- 6.
87		<b>Kiểm tra viết 1 tiết</b>
88		Trả bài kiểm tra

89, 90	<b>Leçon 11</b>	Bài đọc: <i>Le Laos, pays du million d'éléphants</i> Vocabulaire: Bài tập 1, 2, 3
91, 92		Grammaire: Bảng 26 + bài tập 4, 5 Grammaire: Bảng 27 + bài tập 6, 7 Compréhension: Bài tập 8
93, 94		Expression: Bài tập 9, 10.
95, 96	<b>Leçon 12</b>	Bài đọc: <i>Visite du pays du sourire</i> Vocabulaire: Bảng 28 + Bài tập 1, 2
97, 98		Grammaire: Bảng 29 + bài tập 3 Grammaire: Bảng 30 + bài tập 4, 5 Compréhension: Bài tập 6
99,100		Expression: Bài tập 7, 8.
101 - 103	<b>Révision 6</b>	Bài tập 1- 5.
104		<b>Kiểm tra học kỳ II</b>
105		Trả bài kiểm tra học kỳ II

## MỘT SỐ LƯU Ý

### 1. Đề xuất phân phối thời lượng dạy học cho các bài

Sách Tiếng Pháp 10 gồm 6 cụm bài. Mỗi cụm bài xoay quanh một chủ điểm đã được chọn cho chương trình. Mỗi cụm bài có 2 bài học, 1 bài ôn, 1 bài đọc thêm.

- Mỗi bài học được dạy- học trong 6 tiết (2 tuần).
- Mỗi bài ôn được dạy-học trong 3 tiết (1 tuần).
- Các bài đọc thêm dành cho học sinh khá giỏi và các hoạt động ngoại khóa, không được bố trí thời gian dạy trong chương trình.
- Các bài tập phân phối cho một tiết học có thể thực hiện toàn bộ ở lớp, nhưng cũng có thể để học sinh làm một số bài ở nhà (xem sách giáo viên).

### 2. Giải thích phân phối chương trình trong mỗi bài

#### a) Bài học

Mỗi bài học được phân chia thành 3 cặp 2 tiết. Cụ thể:

**Cặp tiết 1 (tiết 1 + tiết 2):** Tài liệu mở đầu và phân từ vựng. Trong cặp tiết này, sẽ có các nội dung chính như sau:

- sensibilisation au thème de la leçon ;
- compréhension globale ;
- sensibilisation aux contenus grammaticaux abordés dans la leçon ;
- explication et appropriation des mots nouveaux à acquérir ;
- présentation de faits culturels présents dans le document ;
- compréhension détaillée ;
- lecture à voix haute par des élèves.

GV lồng ghép phần từ vựng vào phần khai thác tài liệu mở đầu.

**Cặp tiết 2 (tiết 3 + tiết 4):** Phần ngữ pháp và phần nghe hiểu: Phần ngữ pháp gồm hai bảng trình bày nội dung cần dạy kèm theo các bài tập được thực hiện trong khoảng 60 phút, dành khoảng 30 phút cho hoạt động nghe hiểu. Các thời lượng này chỉ mang tính chất hướng dẫn, giáo viên có thể thay đổi tùy theo thực tế của lớp học.

**Cặp tiết 3 (tiết 5 + tiết 6):** Phần diễn đạt nói và viết: Trong phần Diễn đạt thường có hai bài tập cho hai kỹ năng diễn đạt nói và diễn đạt viết và hai hoạt động này có tính liên kết cao, hoạt động diễn đạt viết là phần kéo dài của hoạt động nói. Như vậy tiết 5 sẽ dành để dạy/học kỹ năng diễn đạt nói và tiết 6 sẽ dạy kỹ năng diễn đạt viết. Với thời lượng gấp đôi so với giai đoạn thí điểm, giáo viên có thể tổ chức dạy/học cả hai kỹ năng này trên lớp với thời gian thoải đáng hơn dành cho luyện tập thực hành kỹ năng, chữa lỗi, có thể tổ chức các hoạt động học tập theo nhóm nhỏ, nhất là với kỹ năng diễn đạt nói.

*b) Bài ôn tập*

Cứ sau 2 bài học có một bài ôn tập gồm một số bài tập. Bài ôn tập được bố trí dạy trong 3 tiết. Ngoài các bài tập đã có trong sách, giáo viên chủ động bổ sung thêm các bài tập kiến thức và kỹ năng tùy theo nhịp độ học tập của học sinh.

## CHỦ ĐỀ TỰ CHỌN NÂNG CAO TIẾNG PHÁP 10

**Cả năm: 35 tiết**

**Học kì I: 17 tiết**

**Học kỳ II: 18 tiết**

### HỌC KÌ I

STT	Tên chủ đề	Số tiết	Lưu ý
1	Décrire	8	Dạy vào nửa đầu học kì I (từ tuần 1 đến hết tuần 9)
2	Les anaphores 1	9	Dạy vào nửa cuối học kì I (từ tuần 10 đến hết tuần 18)

### HỌC KÌ II

STT	Tên chủ đề	Số tiết	Lưu ý
1	Exprimer la cause et la conséquence	9	Dạy từ tuần 19 đến hết tuần 26
2	Le texte narratif	9	Dạy từ tuần 27 đến hết tuần 35

## LỚP 10 (NÂNG CAO)

**Cả năm: 140 tiết / 37 tuần**

**Học kỳ I: 72 tiết / 19 tuần**

**Học kỳ II: 68 tiết / 18 tuần**

### HỌC KỲ I

Tiết	Bài	Nội dung
1,2, 3. 4		Ôn tập các kiến thức đã học ở THCS
5, 6		C.O. tr.4-6
7, 8		C.E. tr. 7-9

9, 10	<b>Leçon 1</b>	E.O tr.10-11
11		E.E. BT 12 (tr.11)
12		SYSTE. tr.12-13
13, 14	<b>Leçon 2</b>	C.O. tr. 14-16
15, 16		C.E. tr. 17-18
17, 18		E.O. tr. 19 –20
19		E.E. tr. 20
20		SYSTE. tr.21-22
21-24	<b>Révision 1</b>	tr.23-26
25		<b>Kiểm tra viết 1 tiết</b>
26		Trả bài kiểm tra
27, 28	<b>Leçon 3</b>	C.O. tr. 31-32
29, 30		C.E. tr.32-35
31, 32		E.O. tr. 35-37
33		E.E. tr. 38
34		SYSTE. tr.38-39
35, 36	<b>Leçon 4</b>	C.O. tr.40-41
37, 38		C.E. tr. 42-45
39, 40		E.O. tr.45
41		E.E. tr. 45
42		SYSTE. tr. 46-47
43	<b>Révision 2</b>	tr.48-50
44		<b>Kiểm tra viết 1 tiết</b>
45		Trả bài kiểm tra
46, 47	<b>Leçon 5</b>	C.O. tr. 54- 56
48, 49		C.E. tr. 56-59
50, 51		E.O. tr. 60-61
52		E.E. tr. 61
53		SYSTE. tr.62
54, 55	<b>Leçon 6</b>	C.O. tr. 63-65
56, 57		C.E. tr. 65-72
58, 59		E.O. tr. 72
60		E.E. tr. 73
61		SYSTE. tr. 73-74
62-65	<b>Révision 3</b>	tr. 75-79
66 - 68		Ôn kiểm tra học kì



69		<b>Kiểm tra học kỳ I</b>
70		Trả bài kiểm tra học kỳ I
71, 72	<b>Leçon 7</b>	C.O. tr. 83-85

## HỌC KỲ II

<b>Tiết</b>	<b>Bài</b>	<b>Nội dung</b>
73, 74	<b>Leçon 7</b>	C.E. tr. 86-90
75, 76		E.O tr. 90
77		E.E. tr. 91
78		SYSTE. tr. 91-92
79, 80	<b>Leçon 8</b>	C.O. tr. 93-95
81, 82		C.E. tr. 95-98
83, 84		E.O. tr. 98-100
85		E.E. tr. 100
86		SYSTE. tr. 101-102
87-90	<b>Révision 4</b>	tr. 103-106
91		<b>Kiểm tra viết 1tiết</b>
92		Trả bài kiểm tra
93, 94	<b>Leçon 9</b>	C.O. tr.110- 111
95, 96		C.E. tr.111-113
97, 97		E.O. tr. 113-114
99		E.E. tr. 115
100		SYSTE. tr. 115-117
101, 102	<b>Leçon 10</b>	C.O. tr. 118-120
105, 104		C.E. tr. 120-122
105, 106		E.O. tr. 123
107		E.E. tr. 123
108		SYSTE. tr. 124
109-112	<b>Révion 5</b>	tr. 125-128
113		<b>Kiểm tra viết 1 tiết</b>
114		Trả bài kiểm tra
115, 116	<b>Leçon 11</b>	C.O. tr.132-134
117, 118		C.E. tr. 135-137
119, 120		E.O. tr. 137-139
121		E.E. tr. 139-140
122		SYSTE. tr. 140-142

123, 124	<b>Leçon 12</b>	C.O. tr. 143-144
125, 126		C.E. tr. 145-146
127, 128		E.O. tr. 147-148
129		E.E. tr. 149
130		SYSTE. tr. 149-150
131-134	<b>Révision 6</b>	tr. 151-155
135 -138		Ôn kiểm tra học kỳ II
139		<b>Kiểm tra học kỳ II</b>
140		Trả bài kiểm tra học kỳ II

**Viết tắt:**

C.O.: compréhension orale

C.E.: compréhension écrite

E.O: Expression orale

E.E.: Expression écrite

SYSTE.: systématisation

tr. : trang

**MỘT SỐ LƯU Ý**

**Đề xuất kế hoạch dạy học:**

**Mỗi Bài học (Leçon) dạy trong 8 tiết:**

- **Tiết 1 + 2:** Compréhension orale (CO)
- **Tiết 3:** Compréhension écrite (CE)
- **Tiết 4 + 5:** Connaissance de la langue (CL)
- **Tiết 6 + 7:** Expression orale (EO)
- **Tiết 8:** Expression écrite (EE)

**Mỗi Bài ôn (Révision): 4 tiết**

- Các Projets không được bố trí thời lượng trong chương trình. Thời lượng dành cho phần này khi tổ chức dạy ngoại khóa do giáo viên quyết định.

- Các bài tập phân phối cho một tiết học có thể thực hiện toàn bộ ở lớp, nhưng cũng có thể để học sinh làm một phần ở nhà.

**Có 3 tiết ôn tập trước khi kiểm tra học kỳ.**

**LỚP 11**

**Cả năm: 105 tiết / 37 tuần**

**Học kỳ I: 54 tiết / 19 tuần**

**Học kỳ II: 51 tiết / 18 tuần**

Tiết	Bài	Tiết	Bài
<b>HỌC KỲ I</b>		<b>HỌC KỲ II</b>	
1-3	Ôn tập lớp 10	55-61	Leçon 7
7-10	Leçon 1	62-68	Leçon 8
11-17	Leçon 2	69	Révision 4
18	Révision 1	70-71	<b>Kiểm tra 1 tiết</b> và trả bài
19-20	<b>Kiểm tra 1 tiết</b> và	72-78	Leçon 9

	trả bài		
21-27	Bài 3	79-85	Leçon 10
27-34	Bài 4	86	Révision 5
35	Révision 2	87- 88	<b>Kiểm tra 1 tiết</b> và trả bài
36-37	<b>Kiểm tra 1 tiết</b> và trả bài	89 - 95	Leçon 11
38- 44	Leçon 5	96-102	Leçon 12
44-51	Leçon 6	103	Révision 6
52	Révision 3	104-105	<b>Kiểm tra học kỳ II</b> và trả bài
53-54	<b>Kiểm tra học kỳ I</b> và trả bài		

### MỘT SỐ LƯU Ý

**Đề xuất kế hoạch dạy học:**

**Mỗi Bài học (Leçon) dạy trong 7 tiết:**

**Tiết 1 + 2:** Compréhension écrite (CE)

**Tiết 3 + 4:** Connaissance de la langue (CL)

**Tiết 5:** Compréhension orale (CO)

**Tiết 6:** Expression orale (EO)

**Tiết 7:** Expression écrite (EE)

**Mỗi Bài ôn (Révision):** 1 tiết (Có thể cho học sinh làm một số bài tập ở nhà.)

### CHỦ ĐỀ TỰ CHỌN NÂNG CAO TIẾNG PHÁP 11

**Cả năm: 35 tiết**

**Học kỳ I: 17 tiết**

**Học kỳ II: 18 tiết**

#### HỌC KÌ I

STT	Tên chủ đề	Số tiết	Lưu ý
1	Comparer	9	Dạy vào nửa đầu học kỳ I (từ tuần 1 đến hết tuần 9)
2	Les anaphores	8	Dạy vào nửa cuối học kỳ I (từ tuần 10 đến hết tuần 18)

#### HỌC KÌ II

STT	Tên chủ đề	Số tiết	Lưu ý
1	Expliquer	9	Dạy vào nửa đầu học kỳ II (từ tuần 19 đến hết tuần 26)

2	Le texte informatif	9	Đạy vào nửa cuối học kỳ II (từ tuần 27 đến hết tuần 35)
---	---------------------	---	---

## LỚP 11 (NÂNG CAO)

**Cả năm: 140 tiết / 37 tuần**

**Học kỳ I: 72 tiết / 19 tuần**

**Học kỳ II: 68 tiết / 18 tuần**

Tiết	Bài	Tiết	Bài
<b>HỌC KỲ I</b>		<b>HỌC KỲ II</b>	
1-8	Leçon 1	71-78	Leçon 7
9-16	Leçon 2	79-86	Leçon 8
17-20	Consolidation 1	87-90	Consolidation 4
21	Ôn tập 1	91	Ôn tập 4
22,23	<b>Kiểm tra 1 tiết</b> và trả bài	92-93	<b>Kiểm tra 1 tiết</b> và trả bài
24-31	Leçon 3	94-101	Leçon 9
32-39	Leçon 4	102-109	Leçon 10
40-43	Consolidation 2	110-113	Consolidation 5
44	Ôn tập 2	114	Ôn tập 5
45-46	<b>Kiểm tra 1 tiết</b> và trả bài	115-116	<b>Kiểm tra 1 tiết</b> và trả bài
47-54	Leçon 5	117-124	Leçon 11
55-62	Leçon 6	125-132	Leçon 12
63-66	Consolidation 3	133-136	Consolidation 6
67, 68	Ôn tập 3	137-138	Ôn tập 6
69, 70	<b>Kiểm tra học kỳ I</b> và trả bài	139-140	<b>Kiểm tra học kỳ II</b> và trả bài

### MỘT SỐ LƯU Ý

**Đề xuất kế hoạch dạy học cho các bài học và bài củng cố:**

**Mỗi Bài học (Leçon) dạy trong 8 tiết:**

- **Tiết 1 + 2:** Compréhension orale (CO)
- **Tiết 3:** Compréhension écrite (CE)
- **Tiết 4 + 5:** Connaissance de la langue (CL)
- **Tiết 6 + 7:** Expression orale (EO)

- **Tiết 8:** Expression écrite (EE)  
**Mỗi Bài củng cố (Consolidation) dạy trong 4 tiết**  
**Có 1 tiết ôn tập trước các bài KT 45 phút và 2 tiết ôn tập trước bài KT học kỳ.**

## **LỚP 12**

**Cả năm: 105 tiết / 37 tuần**

**Học kì I: 54 tiết / 19 tuần**

**Học kì II: 51 tiết / 18 tuần**

<b>Tiết</b>	<b>Bài</b>	<b>Tiết</b>	<b>Bài</b>
1-3	Ôn tập lớp 10	55-60	Bài 7
4-9	Bài 1	61-66	Bài 8
10-15	Bài 2	67-69	Bài ôn 4 (Bilan 4)
16-18	Bài ôn 1 (Bilan 1)	70-71	<b>Kiểm tra 1 tiết</b> và trả bài
19-20	<b>Kiểm tra 1 tiết</b> và trả bài	72-77	Bài 9
21-26	Bài 3	78-83	Bài 10
27-32	Bài 4	84-86	Bài ôn 5 (Bilan 5)
33-35	Bài ôn 2 (Bilan 2)	87- 88	<b>Kiểm tra 1 tiết</b> và trả bài
36,37	<b>Kiểm tra 1 tiết</b> và trả bài	89 - 94	Bài 11
38- 43	Bài 5	95-100	Bài 12
44-49	Bài 6	101-103	Bài ôn 6 (Bilan 6)
50-52	Bài ôn 3 (Bilan 3)	104-105	<b>Kiểm tra học kỳ II</b> và trả bài
53, 54	<b>Kiểm tra học kỳ I</b> và trả bài		

### **MỘT SỐ LƯU Ý**

**Đề xuất kế hoạch dạy học:**

**Mỗi bài học (Leçon) dạy trong 6 tiết:**

Tiết 1: Đọc hiểu (CE)

Tiết 2 + 3: Kiến thức ngôn ngữ (Etude de la langue)

Tiết 4: Nghe hiểu (CO)

Tiết 5: Diễn đạt nói (EO)

Tiết 6: Diễn đạt viết (EE)

**Mỗi bài ôn (Bilan) dạy trong 3 tiết.**

### **CHỦ ĐỀ TỰ CHỌN NÂNG CAO TIẾNG PHÁP 12**

**Cả năm: 35 tiết**

**Học kì I: 18 tiết**

**Học kỳ II: 17 tiết**

### **HỌC KÌ I**

STT	Tên chủ đề	Số tiết	Lưu ý
1	Le texte argumentatif	9	Dạy vào nửa đầu học kỳ I (từ tuần 1 đến hết tuần 9)
2	Résumer	9	Dạy vào nửa cuối học kỳ I (từ tuần 10 đến hết tuần 19)

## HỌC KÌ II

STT	Tên chủ đề	Số tiết	Lưu ý
1	Le discours rapporté et la concordance des temps	8	Dạy vào nửa đầu học kỳ II (từ tuần 20 đến hết tuần 29)
2	Les anaphores 3	9	Dạy vào nửa cuối học kỳ II (từ tuần 30 đến hết tuần 37)

## LỚP 12 (NÂNG CAO)

**Cả năm: 140 tiết / 37 tuần**

**Học kỳ I: 72 tiết / 19 tuần**

**Học kỳ II: 68 tiết / 18 tuần**

Tiết	Bài	Tiết	Bài
1–8	Bài 1	71–78	Bài 7
9–16	Bài 2	79–86	Bài 8
17–20	Bài củng cố 1	87–90	Bài củng cố 4
21	Ôn tập	91	Ôn tập
22, 23	<b>Kiểm tra 1 tiết</b> và trả bài	92, 93	<b>Kiểm tra 1 tiết</b> và trả bài
24–31	Bài 3	94–101	Bài 9
32–39	Bài 4	102–109	Bài 10
40–43	Bài củng cố 2	110–113	Bài củng cố 5
44	Ôn tập	114	Ôn tập
45, 46	<b>Kiểm tra 1 tiết</b> và trả bài	115, 116	<b>Kiểm tra 1 tiết</b> và trả bài
47–54	Bài 5	117–124	Bài 11
55–62	Bài 6	125–132	Bài 12
63–66	Bài củng cố 3	133–136	Bài củng cố 3
67, 68	Ôn tập	137, 138	Ôn tập
69–70	<b>Kiểm tra học kỳ I</b> và trả bài	139–140	<b>Kiểm tra học kỳ II</b> và trả bài

## MỘT SỐ LƯU Ý

### ***Đề xuất kế hoạch dạy - học:***

#### **Mỗi bài học (leçon) dạy trong 8 tiết:**

- Tiết 1 + 2: Nghe hiểu (CO)
- Tiết 3: Đọc hiểu (CE)
- Tiết 4 + 5: Kiến thức ngôn ngữ (CL)
- Tiết 6 + 7: Diễn đạt nói (EO)
- Tiết 8: Diễn đạt viết (EE)

#### **Bài củng cố (consolidation) dạy trong 4 tiết:**

- Tiết 1: Từ vựng
- Tiết 2: Ngữ pháp
- Tiết 3: Đọc hiểu
- Tiết 4: Diễn đạt viết

**Có 1 tiết ôn tập trước các bài KT 45 phút và 2 tiết ôn tập trước bài KT học kỳ.**

-----

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Tài liệu

**PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH THCS**

MÔN **TIN HỌC**

*(Dùng cho các cơ quan quản lý giáo dục và giáo viên, áp dụng từ năm học 2008-2009)*



# A. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG KHUNG PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH THCS

## I. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

Khung phân phối chương trình (KPPCT) này áp dụng cho cấp THCS từ năm học 2008-2009, gồm 2 phần: (A) Hướng dẫn sử dụng KPPCT; (B) Khung PPCT.

### 1. Về Khung phân phối chương trình

KPPCT quy định thời lượng dạy học cho từng phần của chương trình (chương, phần, bài học, môđun, chủ đề,...), trong đó có thời lượng dành cho luyện tập, bài tập, ôn tập, thí nghiệm, thực hành và thời lượng tiến hành kiểm tra định kì tương ứng với các phần đó. Thời lượng quy định tại KPPCT áp dụng trong trường hợp học 1 buổi/ngày, thời lượng dành cho kiểm tra là không thay đổi, thời lượng dành cho các hoạt động khác là quy định tối thiểu. Tiến độ thực hiện chương trình khi kết thúc học kì I và kết thúc năm học được quy định thống nhất cho tất cả các trường THCS trong cả nước. Căn cứ KPPCT, các Sở GDĐT cụ thể hoá thành PPCT chi tiết cho các môn học và hoạt động giáo dục, bao gồm cả dạy học tự chọn cho phù hợp với địa phương, áp dụng chung cho các trường THCS thuộc quyền quản lí. Các trường THCS có điều kiện bố trí giáo viên và kinh phí chi trả giờ dạy vượt định mức quy định (trong đó có các trường học nhiều hơn 6 buổi/tuần), có thể chủ động đề nghị Phòng GDĐT xem xét trình Sở GDĐT phê chuẩn việc điều chỉnh PPCT tăng thời lượng dạy học cho phù hợp (*lãnh đạo Sở GDĐT phê duyệt, kí tên, đóng dấu*).

### 2. Về phân phối chương trình dạy học tự chọn

a) Thời lượng và cách tổ chức dạy học tự chọn:

Thời lượng dạy học tự chọn của các lớp cấp THCS trong Kế hoạch giáo dục là 2 tiết/tuần, dạy học chung cho cả lớp (các trường tự chủ về kinh phí có thể chia lớp thành nhóm nhỏ hơn nhưng vẫn phải theo kế hoạch chung của cả lớp).

Việc sử dụng thời lượng dạy học tự chọn THCS theo 1 trong 2 cách sau đây:

*Cách 1:* Chọn 1 trong 3 môn học, hoạt động giáo dục : Tin học, Ngoại ngữ 2, Nghề phổ thông (trong đó Ngoại ngữ 2 có thể bố trí vào 2 tiết dạy học tự chọn này hoặc bố trí ngoài thời lượng dạy học 6 buổi/tuần).

*Cách 2:* Dạy học các chủ đề tự chọn nâng cao, bám sát (CĐNC, CĐBS).

– Dạy học CĐNC là để khai thác sâu hơn kiến thức, kĩ năng của chương trình, bổ sung kiến thức, bồi dưỡng năng lực tự duy nhưng phải phù hợp với trình độ tiếp thu của học sinh.

Các Sở GDĐT tổ chức biên soạn, thẩm định tài liệu CĐNC (*trong đó có các tài liệu Lịch sử, Địa lí, Văn học địa phương*), dùng cho cấp THCS theo hướng dẫn của Bộ GDĐT (tài liệu CĐNC sử dụng cho cả giáo viên và học sinh như SGK) và quy định cụ thể PPCT dạy học các CĐNC cho phù hợp với mạch kiến thức của môn học đó. Các Phòng GDĐT đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện PPCT dạy học các CĐNC.

– Dạy học các CĐBS là để *ôn tập, hệ thống hóa, khắc sâu kiến thức, kĩ năng* (không bổ sung kiến thức nâng cao mới). Trong điều kiện chưa ban hành được tài liệu CĐNC, cần dành thời lượng dạy học tự chọn để thực hiện CĐBS nhằm ôn tập, hệ thống hóa, khắc sâu kiến thức, kĩ năng cho học sinh.

Hiệu trưởng các trường THCS chủ động lập Kế hoạch dạy học các CĐBS (chọn môn học, ấn định số tiết/tuần cho từng môn, tên bài dạy) cho từng lớp, ổn định trong từng học kì trên cơ sở đề nghị của các tổ trưởng chuyên môn và giáo viên chủ nhiệm lớp. Giáo viên chuẩn bị kế hoạch bài dạy (giáo án) CĐBS với sự hỗ trợ của tổ chuyên môn.

b) Kiểm tra, đánh giá kết quả dạy học tự chọn:

Việc kiểm tra, đánh giá kết quả học tập CĐTC của môn học thực hiện theo quy định tại *Quy chế đánh giá, xếp loại học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông*.

**Lưu ý:** Các bài dạy CĐTCNC, CĐBS bố trí trong các chương như các bài khác, có thể có điểm kiểm tra dưới 1 tiết riêng nhưng không có điểm kiểm tra 1 tiết riêng, điểm CĐTC môn học nào tính cho môn học đó.

### **3. Thực hiện các hoạt động giáo dục**

a) Phân công giáo viên thực hiện các Hoạt động giáo dục:

Trong KHGD quy định tại CTGDPT do Bộ GDĐT ban hành, các *hoạt động giáo dục* đã được quy định thời lượng với số tiết học cụ thể như các môn học. Đối với giáo viên được phân công thực hiện Hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp (HĐGDNGLL), Hoạt động giáo dục hướng nghiệp (HĐGDHN) được tính giờ dạy như các môn học; việc tham gia điều hành *HĐGD tập thể* (chào cờ đầu tuần và sinh hoạt lớp cuối tuần) là thuộc nhiệm vụ quản lý của Ban Giám hiệu và giáo viên chủ nhiệm lớp, không tính vào giờ dạy tiêu chuẩn.

b) Tích hợp HĐGDNGLL, HĐGDHN, môn Công nghệ:

- HĐGDNGLL: Thực hiện đủ các chủ đề quy định cho mỗi tháng, với thời lượng 2 tiết/tháng và tích hợp nội dung HĐGDNGLL sang môn GDCD các lớp 6, 7, 8, 9 ở các chủ đề về đạo đức và pháp luật. Đưa nội dung về Công ước Quyền trẻ em của Liên Hợp quốc vào HĐGDNGLL ở lớp 9 và tổ chức các hoạt động hưởng ứng phong trào "*Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực*" do Bộ GDĐT phát động.

- HĐGDHN (lớp 9):

Điều chỉnh thời lượng HĐGDHN thành 9 tiết/năm học sau khi đưa một số nội dung GDHN tích hợp sang HĐGDNGLL ở 2 chủ điểm sau đây:

+ "*Truyền thống nhà trường*", chủ điểm tháng 9;

+ "*Tiến bước lên Đoàn*", chủ điểm tháng 3.

Nội dung tích hợp do Sở GDĐT hướng dẫn hoặc uỷ quyền cho các Phòng GDĐT hướng dẫn các trường THCS thực hiện cho sát thực tiễn địa phương. Về phương pháp tổ chức thực hiện HĐGDHN, có thể riêng theo lớp hoặc theo khối lớp; có thể giao cho giáo viên hoặc mời các chuyên gia, nhà quản lý kinh tế, quản lý doanh nghiệp giảng dạy.

### **4. Đổi mới phương pháp dạy học; đổi mới kiểm tra, đánh giá**

a) Chỉ đạo đổi mới phương pháp dạy học (PPDH):

- Những yêu cầu quan trọng trong đổi mới PPDH là:

+ Phát huy tính tích cực, hứng thú trong học tập của học sinh và vai trò chủ đạo của giáo viên;

+ Thiết kế bài giảng khoa học, sắp xếp hợp lý hoạt động của giáo viên và học sinh, thiết kế hệ thống câu hỏi hợp lý, tập trung vào trọng tâm, tránh nặng nề quá tải (nhất là đối với bài dài, bài khó, nhiều kiến thức mới); bồi dưỡng năng lực độc lập suy nghĩ, vận dụng sáng tạo kiến thức đã học, tránh thiên về ghi nhớ máy móc không nắm vững bản chất;

+ Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học, khuyến khích sử dụng công nghệ thông tin, sử dụng các phương tiện nghe nhìn, thực hiện đầy đủ thí nghiệm, thực hành, liên hệ thực tế trong giảng dạy phù hợp với nội dung từng bài học;

+ Giáo viên sử dụng ngôn ngữ chuẩn xác, trong sáng, sinh động, dễ hiểu, tác phong thân thiện, khuyến khích, động viên học sinh học tập, tổ chức hợp lý cho học sinh làm việc cá nhân và theo nhóm;

+ Dạy học sát đối tượng, coi trọng bồi dưỡng học sinh khá giỏi và giúp đỡ học sinh học lực yếu kém.

- Đối với các môn học đòi hỏi năng khiếu như: Mĩ thuật, Âm nhạc, Thể dục cần coi trọng truyền thụ kiến thức, hình thành kỹ năng, bồi dưỡng hứng thú học tập, không quá thiên về đánh giá thành tích theo yêu cầu đào tạo chuyên ngành hoạ sỹ, nhạc sỹ, vận động viên.

- Tăng cường chỉ đạo đổi mới PPDH thông qua công tác bồi dưỡng giáo viên và dự giờ thăm lớp của giáo viên, tổ chức rút kinh nghiệm giảng dạy ở các tổ chuyên môn, hội thảo cấp trường, cụm trường, địa phương, hội thi giáo viên giỏi các cấp.

b) Đổi mới kiểm tra, đánh giá (KTĐG):

- Những yêu cầu quan trọng trong đổi mới KTĐG là:

+ Giáo viên đánh giá sát đúng trình độ học sinh với thái độ khách quan, công minh và hướng dẫn học sinh biết tự đánh giá năng lực của mình;

+ Trong quá trình dạy học, cần kết hợp một cách hợp lý hình thức tự luận với hình thức trắc nghiệm khách quan trong KTĐG kết quả học tập của học sinh, chuẩn bị tốt cho việc đổi mới các kỳ thi theo chủ trương của Bộ GDĐT.

+ Thực hiện đúng quy định của Quy chế Đánh giá, xếp loại học sinh THCS, học sinh THPT do Bộ GDĐT ban hành, tiến hành đủ số lần kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ, kiểm tra học kỳ cả lý thuyết và thực hành.

- Đổi mới đánh giá các môn Mỹ thuật, Âm nhạc (THCS), Thể dục (THCS, THPT): Thực hiện đánh giá bằng điểm hoặc đánh giá bằng nhận xét kết quả học tập theo quy định tại Quy chế Đánh giá, xếp loại học sinh THCS, học sinh THPT sửa đổi.

c) Đối với một số môn khoa học xã hội và nhân văn như: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí, Giáo dục công dân, cần coi trọng đổi mới PPDH, đổi mới KTĐG theo hướng hạn chế chỉ ghi nhớ máy móc, không nắm vững kiến thức, kỹ năng môn học. Trong quá trình dạy học, cần đổi mới KTĐG bằng cách nêu vấn đề mở, đòi hỏi học sinh phải vận dụng tổng hợp kiến thức, kỹ năng và biểu đạt chính kiến của bản thân.

d) Từ năm học 2008-2009, tập trung chỉ đạo đánh giá sâu hiệu quả dạy học của môn Giáo dục công dân để tiếp tục đổi mới PPDH, KTĐG nhằm nâng cao chất lượng môn học này (*có hướng dẫn riêng*).

**5. Thực hiện các nội dung giáo dục địa phương** (*hướng dẫn tại công văn số 5977/BGDĐT-GDTrH ngày 07/7/2008*)

## II. NHỮNG VẤN ĐỀ CỤ THỂ CỦA MÔN HỌC

### LỚP 6

#### 1. Tổ chức dạy học

- Thời lượng dạy học của môn tin học lớp 6 là 70 tiết, được dạy trong 37 tuần của năm học.

- Dạy đủ số tiết dành cho *Bài thực hành* của từng chương và của cả năm học. Nếu thấy cần thiết và điều kiện cho phép, có thể bổ sung thời lượng cho *Bài thực hành, bài tập, ôn tập*.

- Cuối mỗi học kỳ có 1 tiết ôn tập và 2 tiết kiểm tra học kỳ.

- Các tiết *Bài tập, Ôn tập* chưa quy định nội dung cụ thể, cần căn cứ tình hình giảng dạy, kết quả tiếp thu của học sinh và điều kiện thực tế của nhà trường, để định ra nội dung cho tiết *Bài tập, Ôn tập* nhằm củng cố kiến thức, rèn luyện kỹ năng theo yêu cầu, hình thức có thể là học trên lớp học hay thực hành trên phòng máy. Cần ưu tiên sử dụng các tiết này để giải đáp câu hỏi, chữa bài tập (nếu còn) trong SGK.

- Đối với học sinh đã học Tin học ở cấp học dưới, biết sử dụng máy vi tính, có thể chọn các bài đọc thêm trong SGK, xây dựng thêm Bài tập và Bài thực hành, để củng cố, hệ thống, chuẩn xác hoá kiến thức, kỹ năng theo yêu cầu. Khi thực hành nên phân loại, chia nhóm, bố trí chỗ ngồi để học sinh có thể giúp đỡ nhau nâng cao hiệu quả tiết học.

- Khi thực hành trên máy, nếu nội dung không được xây dựng để thực hành theo nhóm thì bố trí tối đa là 2 học sinh/1 máy tính.

- Trong thời lượng phân phối cho các Bài cần dành thời gian để hướng dẫn HS trả lời câu hỏi và làm bài tập trong SGK.

- Các bài của chương II là các bài lí thuyết kết hợp với thực hành (lí thuyết chiếm khoảng 50% thời gian của mỗi bài). Mặc dù không có tên là bài thực hành nhưng các bài của chương II được dạy học ở phòng máy, học sinh phải thực hành trên máy vi tính. Các bài của chương II không nhất thiết phải dạy liền nhau, nên tách và dạy xen vào các chương khác. Khi làm PPCT chi tiết cần lưu ý đảm bảo sự phù hợp về mạch phát triển kiến thức, kĩ năng và sự hỗ trợ qua lại giữa các nội dung học tập. Phần mềm dạy học chương II có thể được tải về từ website <http://www.vnschool.net> hoặc <http://tinhocphothong.nxbgd.com.vn>.

- Ở một số nội dung, để học lí thuyết hiệu quả hơn cần sử dụng máy tính, phần mềm, tranh, ảnh, sơ đồ trực quan. Đặc biệt, phần lớn các nội dung lí thuyết của chương 2, chương 3 và chương 4 dạy trên máy sẽ hiệu quả hơn.

- Kết thúc học kì I chậm nhất cần dạy xong *Bài thực hành 3* (Các thao tác với thư mục).

## 2. Kiểm tra, đánh giá

- Phải thực hiện đổi mới kiểm tra, đánh giá theo hướng dẫn của Bộ GDĐT. Việc kiểm tra, đánh giá phải bám sát chuẩn kiến thức, kĩ năng của Chương trình môn học.

- Trong thời lượng của môn Tin học lớp 6 phải dành 8 tiết để kiểm tra. Trong đó có 4 tiết dành cho kiểm tra học kì (học kì I: 2 tiết; học kì II: 2 tiết); 02 tiết kiểm tra (học kì I: 1 tiết; học kì II: 1 tiết); 02 tiết kiểm tra thực hành trên máy (học kì I: 1 tiết; học kì II: 1 tiết).

- Phải đảm bảo thực hiện đúng, đủ các tiết kiểm tra, kiểm tra thực hành, kiểm tra học kì.

- Phải đánh giá được cả kiến thức, kĩ năng, cả lí thuyết, thực hành và phải theo nội dung, mức độ yêu cầu được quy định trong chương trình môn học.

- Sở GDĐT hướng dẫn về kiểm tra thường xuyên theo quy định. Trong hướng dẫn của Sở về kiểm tra thường xuyên, cần hướng dẫn giáo viên tiến hành đánh giá và cho điểm học sinh trong các tiết *Bài thực hành* để nâng cao hiệu quả tiết học. Điểm này là điểm kiểm tra thường xuyên (hệ số 1).

- Việc kiểm tra học kì phải được thực hiện ở cả hai nội dung lí thuyết và thực hành trên máy.

## LỚP 7

### 1. Tổ chức dạy học

- Thời lượng dạy học của môn tin học lớp 7 là 70 tiết, được dạy trong 37 tuần của năm học.

- Phải đảm bảo dạy đủ số tiết dành cho *Bài thực hành* của từng phần và của cả năm học. Nếu cần và khi điều kiện cho phép, có thể bổ sung thời lượng cho *Bài thực hành, bài tập, ôn tập*.

- Các bài của Phần 2 - Phần mềm học tập không nhất thiết phải dạy liền nhau, nên dạy xen các bài này vào nội dung của Phần 1. Khi làm PPCT chi tiết cần lưu ý đảm bảo sự phù hợp về mạch phát triển kiến thức, kĩ năng và sự hỗ trợ qua lại giữa các nội dung học tập.

- Cuối mỗi học kì có 2 tiết ôn tập và 2 tiết kiểm tra học kì.

- Các tiết *Bài tập, Ôn tập* chưa quy định nội dung cụ thể, cần căn cứ tình hình giảng dạy, kết quả tiếp thu của học sinh và điều kiện thực tế của nhà trường, để định ra nội dung cho tiết *Bài tập, Ôn tập* nhằm củng cố kiến thức, rèn luyện kĩ năng theo yêu cầu, hình thức có thể là học trên lớp học hay thực hành trên phòng máy. Cần ưu tiên sử dụng các tiết này để giải đáp câu hỏi, chữa bài tập (nếu còn) trong SGK.

- Đối với học sinh đã biết về phần mềm bảng tính, có thể chọn các bài đọc thêm trong SGK, xây dựng thêm Bài tập và Bài thực hành, để củng cố, hệ thống, chuẩn xác hoá kiến thức, kĩ năng theo yêu cầu. Khi thực hành nên phân loại, chia nhóm, bố trí chỗ ngồi để học sinh có thể giúp đỡ nhau nâng cao hiệu quả tiết học.

- Khi thực hành trên máy, nếu nội dung không được xây dựng để thực hành theo nhóm thì bố trí tối đa là 2 học sinh/1 máy tính.

- Trong thời lượng phân phối cho từng bài cần dành thời gian để hướng dẫn HS trả lời các câu hỏi và làm bài tập trong SGK.

- Các bài của Phần 2 là các bài *lí thuyết kết hợp với thực hành* (nội dung lí thuyết chiếm khoảng 50% thời gian của mỗi bài). Mặc dù không có tên là bài thực hành nhưng các bài của Phần 2 được dạy học ở phòng máy, học sinh phải thực hành trên máy vi tính. Phần mềm dạy học của Phần 2 có thể được tải về từ địa chỉ website <http://www.vnschool.net> hoặc <http://tinhocphothong.nxbgd.com.vn>.

- Để học lí thuyết hiệu quả hơn cần sử dụng máy tính, phần mềm, tranh, ảnh, sơ đồ trực quan.

- Kết thúc học kì I chậm nhất cần dạy xong Bài thực hành 5 (*Bố trí lại trang tính của em*).

## 2. Kiểm tra, đánh giá

- Phải thực hiện đổi mới kiểm tra, đánh giá theo hướng dẫn của Bộ GDĐT. Việc kiểm tra, đánh giá phải bám sát chuẩn kiến thức, kĩ năng của Chương trình môn học.

- Trong thời lượng của môn Tin học lớp 7 phải dành 8 tiết để kiểm tra. Trong đó có 4 tiết dành cho kiểm tra học kì (học kì I: 2 tiết; học kì II: 2 tiết); 02 tiết kiểm tra (học kì I: 1 tiết; học kì II: 1 tiết); 02 tiết kiểm tra thực hành trên máy (học kì I: 1 tiết; học kì II: 1 tiết).

- Phải đảm bảo thực hiện đúng, đủ các tiết kiểm tra, kiểm tra thực hành, kiểm tra học kì.

- Phải đánh giá được cả kiến thức, kĩ năng, cả lí thuyết, thực hành và phải theo nội dung, mức độ yêu cầu được quy định trong chương trình môn học.

- Sở GDĐT hướng dẫn về kiểm tra thường xuyên theo quy định. Trong hướng dẫn của Sở về kiểm tra thường xuyên, cần hướng dẫn giáo viên tiến hành đánh giá và cho điểm học sinh trong các tiết *Bài thực hành*. Đây là kiểm tra thường xuyên (điểm hệ số 1).

- Việc kiểm tra học kì phải được thực hiện ở cả hai nội dung lí thuyết và thực hành.

## LỚP 8

### 1. Tổ chức dạy học

- Thời lượng dạy học của môn tin học lớp 8 là 70 tiết, được dạy trong 37 tuần của năm học.

- Dạy đủ số tiết dành cho *Bài thực hành* của từng phần và của cả năm học. Nếu thấy cần thiết và điều kiện cho phép, có thể bổ sung thời lượng cho *Bài thực hành, bài tập, ôn tập*.

- Các bài của Phần 2 - Phần mềm học tập không nhất thiết phải dạy liền nhau, nên bố trí dạy xen các bài này vào nội dung của Phần 1 - Lập trình đơn giản. Khi làm PPCT chi tiết cần lưu ý đảm bảo sự phù hợp về mạch phát triển kiến thức, kĩ năng và sự hỗ trợ qua lại giữa các nội dung học tập.

- Cuối mỗi học kì có 2 tiết ôn tập và 01 tiết kiểm tra học kì.

- Các tiết *Bài tập, Ôn tập* chưa quy định nội dung cụ thể, cần căn cứ tình hình cụ thể, điều kiện thực tế của nhà trường để định ra nội dung cho tiết *Bài tập, Ôn tập* nhằm củng cố kiến thức, rèn luyện kĩ năng theo yêu cầu, hình thức có thể là học trên lớp học hay thực hành trên phòng máy. Cần sử dụng các tiết này để giải đáp câu hỏi, chữa bài tập (nếu còn) trong SGK.

- Đối với học sinh đã biết lập trình, có thể chọn các bài đọc thêm trong SGK, xây dựng thêm Bài tập và Bài thực hành, để củng cố, hệ thống, chuẩn xác hoá kiến thức, kĩ năng theo yêu cầu. Khi thực hành nên phân loại, chia nhóm, bố trí chỗ ngồi để học sinh có thể giúp đỡ nhau trong học tập.

- Khi thực hành trên máy, nếu nội dung không được xây dựng để thực hành theo nhóm thì bố trí tối đa là 2 học sinh/1 máy tính.

- Trong thời lượng phân phối cho từng Bài cần dành thời gian để hướng dẫn HS trả lời các câu hỏi và làm bài tập trong SGK.

- Các bài của Phần 2 là các bài *lí thuyết kết hợp với thực hành* (nội dung lí thuyết chiếm khoảng 50% thời gian của mỗi bài). Mặc dù không có tên là bài thực hành nhưng các bài của Phần 2 được dạy học ở phòng máy. Để học các nội dung của Phần 2 học sinh phải thực hành trên máy vi tính.

- Các phần mềm phục vụ dạy học theo SGK Tin học THCS quyển 3 có trong CD kèm theo tài liệu Hướng dẫn thực hiện chương trình, SGK môn Tin học lớp 8 (Các giáo viên tham dự lớp tập huấn giáo viên dạy học môn Tin học lớp 8 năm học 2008-2009 đều có tài liệu này). Ngoài ra, CD này còn có các phần mềm dùng cho giảng dạy phần phần mềm học tập của lớp 6 và lớp 7. Các phần mềm trong CD nêu trên có thể được tải về từ website <http://www.vnschool.net> hoặc <http://tinhocphothong.nxbgd.com.vn>.

- Đề học lí thuyết hiệu quả hơn cần sử dụng máy tính, phần mềm, tranh, ảnh, sơ đồ trực quan.

- Kết thúc học kì I chậm nhất cần dạy xong Bài 6 (Câu lệnh điều kiện).

## 2. Kiểm tra, đánh giá

- Phải thực hiện đổi mới kiểm tra, đánh giá theo hướng dẫn của Bộ GDĐT, khi ra đề kiểm tra phải bám sát chuẩn kiến thức, kĩ năng của Chương trình.

- Trong thời lượng của môn Tin học lớp 8 phải dành 6 tiết để kiểm tra. Trong đó có 2 tiết dành cho kiểm tra học kì (học kì I: 1 tiết; học kì II: 1 tiết); 02 tiết kiểm tra (học kì I: 1 tiết; học kì II: 1 tiết); 02 tiết kiểm tra thực hành trên máy (học kì I: 1 tiết; học kì II: 1 tiết).

- Phải đảm bảo thực hiện đúng, đủ các tiết kiểm tra, kiểm tra thực hành, kiểm tra học kì.

- Phải đánh giá được cả kiến thức, kĩ năng, cả lí thuyết, thực hành và phải theo nội dung, mức độ yêu cầu được quy định trong chương trình môn học.

- Sở GDĐT hướng dẫn về kiểm tra thường xuyên theo quy định. Trong hướng dẫn của Sở về kiểm tra thường xuyên, cần hướng dẫn giáo viên tiến hành đánh giá và cho điểm học sinh trong các tiết *Bài thực hành* để nâng cao hiệu quả tiết học. Điểm này là điểm kiểm tra thường xuyên (hệ số 1).

## B. KHUNG PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH

### LỚP 6

**Cả năm: 70 tiết**

**Học kì I: 36 tiết**

**Học kì II: 34 tiết**

Nội dung	Thời lượng
<i>Chương 1.</i> Làm quen với tin học và máy tính điện tử	8 (7, 1, 0)*
<i>Chương 2.</i> Phần mềm học tập	9 (4, 4, 1)
<i>Chương 3.</i> Hệ điều hành	14 (7, 6, 1)
<i>Chương 4.</i> Soạn thảo văn bản	29 (15, 12, 2)
<b>Ôn tập</b>	<b>2</b>
<b>Kiểm tra</b>	<b>8</b>
<b>Cộng</b>	<b>70</b>

**Ghi chú:** Con số: 8 (7, 1, 0) nghĩa là tổng số 8 tiết, trong đó gồm: 7 tiết lí thuyết, 1 tiết thực hành, 0 tiết bài tập.

### LỚP 7

**Cả năm : 70 tiết**

**Học kì I : 36 tiết**

**Học kì II : 34 tiết**

Nội dung	Thời lượng
<i>Phần 1.</i> Bảng tính điện tử	42 (18, 22, 2)*
<i>Phần 2.</i> Phần mềm học tập	16 (8, 8, 0)
<b>Ôn tập</b>	<b>4</b>
<b>Kiểm tra</b>	<b>8</b>
<b>Cộng</b>	<b>70</b>

**Ghi chú:** Con số: 42 (18, 22, 2) nghĩa là tổng số 42 tiết, trong đó gồm: 18 tiết lí thuyết, 22 tiết thực hành, 2 tiết bài tập.

### LỚP 8

**Cả năm : 70 tiết**  
**Học kì I : 36 tiết**  
**Học kì II : 34 tiết**

<b>Nội dung</b>	<b>Thời lượng</b>
<i>Phần 1.</i> Lập trình đơn giản	42 (20, 14, 8)*
<i>Phần 2.</i> Phần mềm học tập	18 (9, 9, 0)
<b>Ôn tập</b>	<b>4</b>
<b>Kiểm tra</b>	<b>6</b>
<b>Cộng</b>	<b>70</b>

**Ghi chú:** Con số: 42 (20, 14, 8) nghĩa là tổng số 42 tiết, trong đó gồm: 20 tiết lí thuyết, 14 tiết thực hành, 8 tiết bài tập.

-----

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Tài liệu

**PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH THPT**

MÔN **TIN HỌC**

*(Dùng cho các cơ quan quản lý giáo dục và giáo viên,  
áp dụng từ năm học 2008-2009)*



# A. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG KHUNG PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH THPT

## I. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

Khung Phân phối chương trình (KPPCT) này áp dụng cho các lớp cấp THPT từ năm học 2008-2009, gồm 2 phần: (A) Hướng dẫn sử dụng KPPCT; (B) Khung PPCT.

### 1. Về khung Phân phối chương trình

KPPCT quy định thời lượng dạy học cho từng phần của chương trình (chương, phần, bài học, môđun, chủ đề,...), trong đó có thời lượng dành cho luyện tập, bài tập, ôn tập, thí nghiệm, thực hành và thời lượng tiến hành kiểm tra định kì tương ứng với các phần đó.

Thời lượng nói trên quy định tại KPPCT áp dụng trong trường hợp học 1 buổi/ngày (*thời lượng dành cho kiểm tra là không thay đổi, thời lượng dành cho các hoạt động khác là quy định tối thiểu*). Tiến độ thực hiện chương trình khi kết thúc học kì I và kết thúc năm học được quy định thống nhất cho tất cả các trường THPT trong cả nước. Căn cứ KPPCT, các Sở GDĐT cụ thể hoá thành PPCT chi tiết cho từng bài của môn học và hoạt động giáo dục, bao gồm cả chủ đề tự chọn nâng cao (nếu có) cho phù hợp với địa phương, áp dụng chung cho các trường THPT thuộc quyền quản lí. Các trường THPT có điều kiện bố trí giáo viên và kinh phí chi trả giờ dạy vượt định mức (trong đó có các trường học nhiều hơn 6 buổi/tuần), có thể đề nghị đề Sở GDĐT phê chuẩn điều chỉnh PPCT tăng thời lượng dạy học cho phù hợp (*lãnh đạo Sở GDĐT phê duyệt, kí tên, đóng dấu*).

### 2. Về Phân phối chương trình dạy học tự chọn

a) Môn học tự chọn nâng cao (NC) của ban Cơ bản có thể thực hiện bằng 1 trong 2 cách: Sử dụng SGK nâng cao hoặc sử dụng SGK biên soạn theo chương trình chuẩn kết hợp với chủ đề tự chọn nâng cao (CĐNC) của môn học đó. CĐNC của 8 môn phân hóa chỉ dùng cho ban Cơ bản. Thời lượng dạy học CĐNC của môn học là khoảng chênh lệch giữa thời lượng dành cho chương trình chuẩn và chương trình nâng cao môn học đó trong Kế hoạch giáo dục THPT. Các Sở GDĐT quy định cụ thể PPCT dạy học các CĐNC cho phù hợp với mạch kiến thức của SGK môn học đó. Tài liệu CĐNC sử dụng cho giáo viên và học sinh.

b) Dạy học chủ đề tự chọn bám sát (CĐBS) là để *ôn tập, hệ thống hóa, khắc sâu kiến thức, kĩ năng*, không bổ sung kiến thức nâng cao mới. Hiệu trưởng các trường THPT lập Kế hoạch dạy học CĐBS (chọn môn học, ấn định số tiết/tuần cho từng môn, tên bài dạy) cho từng lớp, ôn định trong từng học kì trên cơ sở đề nghị của các tổ trưởng chuyên môn và giáo viên chủ nhiệm lớp.

Bộ GDĐT ban hành tài liệu CĐBS lớp 10, dùng cho giáo viên để tham khảo, không ban hành tài liệu CĐBS lớp 11, 12. Giáo viên chuẩn bị kế hoạch bài giảng CĐBS với sự hỗ trợ của tổ chuyên môn.

c) Việc kiểm tra, đánh giá kết quả học tập CĐNC, CĐBS các môn học thực hiện theo quy định tại *Quy chế đánh giá, xếp loại học sinh THCS và học sinh THPT* của Bộ GDĐT.

**Lưu ý:** Các bài dạy CĐNC, CĐBS bố trí trong các chương như các bài khác, có thể có điểm kiểm tra dưới 1 tiết riêng nhưng không có điểm kiểm tra 1 tiết riêng, điểm CĐNC, CĐBS môn học nào tính cho môn học đó.

### 3. Thực hiện các hoạt động giáo dục

a) Phân công giáo viên thực hiện các Hoạt động giáo dục:

Trong KHGD quy định tại CTGDPT do Bộ GDĐT ban hành, các *hoạt động giáo dục* đã được quy định thời lượng với số tiết học cụ thể như các môn học. Đối với giáo viên được phân công thực hiện Hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp (HĐGDNGLL) và Hoạt động giáo dục hướng nghiệp (HĐGDHN) được tính giờ dạy học như các môn học; việc tham gia điều hành *HĐGD tập thể* (chào cờ đầu tuần và sinh hoạt lớp cuối tuần) là thuộc nhiệm vụ quản lí của Ban Giám hiệu và giáo viên chủ nhiệm lớp, không tính là giờ dạy học.

b) Thực hiện tích hợp giữa HĐGDNGLL, HĐGDHN, môn Công nghệ:

- HĐGDNGLL: Thực hiện đủ các chủ đề quy định cho mỗi tháng, với thời lượng 2 tiết/tháng và tích hợp nội dung HĐGDNGLL sang môn GDCD như sau:

- + Lớp 10, ở chủ đề về đạo đức;
- + Lớp 11, các chủ đề về kinh tế và chính trị - xã hội;
- + Lớp 12, ở các chủ đề về pháp luật.

Đưa nội dung giáo dục về Công ước Quyền trẻ em của Liên Hợp quốc vào HGDNGLL ở lớp 10 và tổ chức các hoạt động hưởng ứng phong trào "*Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực*" do Bộ GDĐT phát động.

- HGDHN:

Các lớp 10, 11, 12: Điều chỉnh thời lượng HGDHN thành 9 tiết/năm học sau khi tích hợp đưa sang giảng dạy ở môn Công nghệ (*phần "Tạo lập doanh nghiệp" lớp 10*) và tích hợp đưa sang HGDNGLL (do giáo viên môn Công nghệ, giáo viên HGDNGLL thực hiện) ở 3 chủ đề sau đây:

- + "*Thanh niên với vấn đề lập nghiệp*", chủ đề tháng 3;
- + "*Thanh niên với học tập, rèn luyện vì sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước*", chủ đề tháng 9;
- + "*Thanh niên với xây dựng và bảo vệ Tổ quốc*", chủ đề tháng 12.

Nội dung tích hợp do Sở GDĐT hướng dẫn hoặc uỷ quyền cho các trường THPT hướng dẫn GV thực hiện cho sát thực tiễn địa phương. Cần hướng dẫn học sinh lựa chọn học lên sau THPT (ĐH, CĐ, TCCN, học nghề) hoặc đi vào cuộc sống lao động. Về phương pháp tổ chức thực hiện HGDHN, có thể riêng theo lớp hoặc theo khối lớp; có thể giao cho giáo viên hoặc mời các chuyên gia, nhà quản lý kinh tế, quản lý doanh nghiệp giảng dạy.

c) HGD nghề phổ thông:

Nơi có đủ giáo viên đào tạo đúng chuyên môn, đủ CSVC phải thực hiện HGDNPT ở lớp 11, tổ chức thi và cấp chứng chỉ GDNPT sau khi hoàn thành chương trình 105 tiết đạt yêu cầu trở lên; nơi chưa đủ giáo viên đào tạo đúng chuyên môn, chưa đủ CSVC có thể chưa thực hiện chương trình HGDNPT nhưng phải khẩn trương khắc phục, không để kéo dài. Các vấn đề cụ thể khác về HGDNPT, thực hiện theo hướng dẫn tại công văn số 8608/BGDĐT-GDTrH ngày 16/8/2007 của Bộ GDĐT.

#### **4. Đổi mới phương pháp dạy học và đổi mới kiểm tra, đánh giá**

a) Chỉ đạo đổi mới phương pháp dạy học (PPDH):

- Những yêu cầu quan trọng trong đổi mới PPDH là:
  - + Phát huy tính tích cực, hứng thú trong học tập của học sinh và vai trò chủ đạo của giáo viên;
  - + Thiết kế bài giảng khoa học, sắp xếp hợp lý hoạt động của giáo viên và học sinh, thiết kế hệ thống câu hỏi hợp lý, tập trung vào trọng tâm, tránh nặng nề quá tải (nhất là đối với bài dài, bài khó, nhiều kiến thức mới); bồi dưỡng năng lực độc lập suy nghĩ, vận dụng sáng tạo kiến thức đã học, tránh thiên về ghi nhớ máy móc không nắm vững bản chất;
  - + Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học, khuyến khích sử dụng hợp lý công nghệ thông tin, sử dụng các phương tiện nghe nhìn, thực hiện đầy đủ thí nghiệm, thực hành, liên hệ thực tế trong giảng dạy phù hợp với nội dung bài học;
  - + Giáo viên sử dụng ngôn ngữ chuẩn xác, trong sáng, sinh động, dễ hiểu, tác phong thân thiện, khuyến khích, động viên học sinh học tập, tổ chức hợp lý cho học sinh làm việc cá nhân và theo nhóm;
  - + Dạy học sát đối tượng, coi trọng bồi dưỡng học sinh khá giỏi và giúp đỡ học sinh học lực yếu kém.
- Đối với các môn học như: Mĩ thuật, Âm nhạc (THCS), Thể dục (THCS, THPT) cần coi trọng truyền thụ kiến thức, hình thành kỹ năng, bồi dưỡng hứng thú học tập, không quá thiên về đánh giá thành tích theo yêu cầu đào tạo chuyên ngành hoạ sỹ, nhạc sỹ, vận động viên.

- Tăng cường chỉ đạo đổi mới PPDH thông qua công tác bồi dưỡng giáo viên và dự giờ thăm lớp của giáo viên, tổ chức rút kinh nghiệm giảng dạy ở các tổ chuyên môn, hội thảo cấp trường, cụm trường, địa phương, hội thi giáo viên giỏi các cấp.

b) Đổi mới kiểm tra, đánh giá (KTĐG):

- Những yêu cầu quan trọng trong đổi mới KTĐG là:

+ Giáo viên đánh giá sát đúng trình độ học sinh với thái độ khách quan, công minh và hướng dẫn học sinh biết tự đánh giá năng lực của mình;

+ Trong quá trình dạy học, cần kết hợp một cách hợp lý hình thức tự luận với hình thức trắc nghiệm khách quan trong KTĐG kết quả học tập của học sinh, chuẩn bị tốt cho việc đổi mới các kỳ thi theo chủ trương của Bộ GDĐT.

+ Thực hiện đúng quy định của Quy chế Đánh giá, xếp loại học sinh THCS, học sinh THPT do Bộ GDĐT ban hành, tiến hành đủ số lần kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ, kiểm tra học kỳ cả lý thuyết và thực hành.

- Đổi mới đánh giá các môn Mĩ thuật, Âm nhạc (THCS), Thể dục (THCS, THPT): Đánh giá bằng điểm hoặc bằng nhận xét kết quả học tập theo quy định tại Quy chế Đánh giá, xếp loại học sinh THCS, học sinh THPT.

c) Đối với một số môn khoa học xã hội và nhân văn như: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí, Giáo dục công dân, cần coi trọng đổi mới PPDH, đổi mới KTĐG theo hướng hạn chế chỉ ghi nhớ máy móc, không nắm vững kiến thức, kỹ năng môn học. Trong quá trình dạy học, cần từng bước đổi mới KTĐG bằng cách nêu vấn đề mở, đòi hỏi học sinh phải vận dụng tổng hợp kiến thức, kỹ năng và biểu đạt chính kiến của bản thân.

d) Từ năm học 2008-2009, tập trung chỉ đạo đánh giá sâu hiệu quả dạy học của môn Giáo dục công dân để tiếp tục đổi mới PPDH, KTĐG nhằm nâng cao chất lượng môn học này (*có hướng dẫn riêng*).

**5. Thực hiện các nội dung giáo dục địa phương** (*hướng dẫn tại công văn số 5977/BGDĐT-GDTrH ngày 07/7/2008*)

## II. NHỮNG VẤN ĐỀ CỤ THỂ CỦA MÔN HỌC

### LỚP 10

#### 1. Tổ chức dạy học

- Thời lượng dạy học của môn Tin học lớp 10 là 70 tiết, được dạy trong 37 tuần của năm học.

- Phải đảm bảo dạy đủ số tiết *Bài tập và thực hành* của từng chương và của cả năm học. Nếu thấy cần thiết và điều kiện cho phép, có thể bổ sung thời lượng cho *Bài tập và thực hành, bài tập, ôn tập*.

- Cuối mỗi học kỳ có 1 tiết ôn tập và 1 tiết kiểm tra học kỳ.

- Các tiết Bài tập, Ôn tập chưa quy định nội dung cụ thể, cần căn cứ tình hình thực tế để định ra những nội dung cho các tiết Bài tập, Ôn tập đảm bảo truyền đạt đủ các kiến thức, kỹ năng theo yêu cầu. Nên lựa chọn, xây dựng nội dung cho các tiết Bài tập, Ôn tập để nhằm mục đích củng cố kiến thức hay rèn luyện kỹ năng, hình thức có thể là học trên lớp học hay thực hành trên phòng máy.

- Đối với các học sinh đã được học tin học ở cấp học dưới, giáo viên chọn các bài đọc thêm trong sách giáo khoa, xây dựng thêm các *Bài tập và thực hành*, để củng cố, hệ thống và nhất là chuẩn xác hoá các kiến thức, kỹ năng theo yêu cầu. Đồng thời trong tiết *Bài tập và thực hành* giáo viên nên phân loại, chia nhóm, bố trí chỗ ngồi để học sinh có thể giúp đỡ nhau nâng cao hiệu quả của tiết học.

- Ở một số nội dung, việc học lí thuyết sẽ hiệu quả hơn khi sử dụng máy tính, phần mềm, tranh, ảnh, sơ đồ để giới thiệu trực quan. Đặc biệt, một số nội dung lí thuyết của chương 2 và chương 3 dạy trên máy sẽ hiệu quả hơn.

- Khi thực hành trên máy, nếu nội dung không được xây dựng để thực hành theo nhóm thì bố trí tối đa là 2 học sinh/1 máy tính.

- Kết thúc học kỳ I chậm nhất cần dạy xong Bài tập thực hành 5 (Thao tác với tệp và thư mục)

#### 2. Kiểm tra, đánh giá

- Phải thực hiện đổi mới kiểm tra, đánh giá theo hướng dẫn của Bộ GDĐT. Việc kiểm tra, đánh giá phải bám sát chuẩn kiến thức, kỹ năng của Chương trình môn học.

- Trong thời lượng của môn Tin học lớp 10 phải dành 6 tiết để kiểm tra. Trong đó có 2 tiết dành cho kiểm tra học kỳ (học kỳ I: 1 tiết; học kỳ II: 1 tiết); 02 tiết kiểm tra (học kỳ I: 1 tiết; học kỳ II: 1 tiết); 02 tiết kiểm tra thực hành trên máy (học kỳ I: 1 tiết; học kỳ II: 1 tiết).

- Phải đảm bảo thực hiện đúng, đủ các tiết kiểm tra, kiểm tra thực hành, kiểm tra học kỳ.

- Phải đánh giá được cả kiến thức, kỹ năng, cả lý thuyết, thực hành và phải theo nội dung, mức độ yêu cầu được quy định trong chuẩn kiến thức, kỹ năng của Chương trình.

- Sở GDĐT hướng dẫn về kiểm tra thường xuyên theo quy định. Trong hướng dẫn của Sở về kiểm tra thường xuyên, cần hướng dẫn giáo viên tiến hành đánh giá và cho điểm học sinh trong các tiết *Bài tập và thực hành* để nâng cao hiệu quả tiết học. Điểm này là điểm kiểm tra thường xuyên (hệ số 1).

## LỚP 11

### 1. Tổ chức dạy học

- Thời lượng của môn Tin học lớp 11 là 52 tiết. Có thể bố trí dạy: Học kì I: 18 tiết và Học kì II: 34 hoặc học kì I: 34 tiết và Học kì II: 18 tiết.

- Phải đảm bảo dạy đủ số tiết *Bài tập và thực hành* của từng chương và của cả năm học. Nếu thấy cần thiết và điều kiện cho phép, có thể bổ sung thời lượng cho *Bài tập và thực hành, bài tập, ôn tập*.

- Cuối mỗi học kì có 1 tiết kiểm tra học kì. Ở mỗi học kì, trước tiết kiểm tra học kì có 1 hoặc 2 tiết ôn tập (Học kì dạy 18 tiết có 1 tiết ôn tập, học kì dạy 34 tiết có 2 tiết ôn tập).

- Các tiết *Bài tập, Ôn tập* chưa quy định nội dung cụ thể, cần căn cứ tình hình thực tế để định ra những nội dung cho các tiết *Bài tập, Ôn tập* đảm bảo truyền đạt đủ các kiến thức, kỹ năng theo yêu cầu. Nên lựa chọn, xây dựng nội dung cho các tiết *Bài tập, Ôn tập* để nhằm mục đích củng cố kiến thức hay rèn luyện kỹ năng, hình thức có thể là học trên lớp học hay thực hành trên phòng máy.

- Đối với các học sinh đã được học lập trình ở cấp học dưới, giáo viên chọn các bài đọc thêm trong sách giáo khoa, xây dựng thêm các *Bài tập và thực hành*, để củng cố, hệ thống và nhất là chuẩn xác hoá các kiến thức, kỹ năng theo yêu cầu. Đồng thời trong tiết *Bài tập và thực hành* giáo viên nên phân loại, chia nhóm, bố trí chỗ ngồi để học sinh có thể giúp đỡ nhau nâng cao hiệu quả của tiết học.

- Ở một số nội dung, việc học lý thuyết sẽ hiệu quả hơn khi sử dụng máy vi tính, phần mềm, tranh, ảnh, sơ đồ trực quan. Khi thực hành trên máy, nếu nội dung không được xây dựng để thực hành theo nhóm thì bố trí tối đa là 2 học sinh/1 máy tính.

- Nếu bố trí học kì I: 18 tiết và học kì II: 34 tiết thì chậm nhất khi kết thúc học kì I cần dạy xong mục 10. *Cấu trúc lập*; Nếu bố trí dạy học kì I: 34 tiết và học kì II: 18 tiết thì chậm nhất khi kết thúc học kì I cần dạy xong mục 13. *Kiểu bản ghi*.

### 2. Kiểm tra, đánh giá

- Phải thực hiện đổi mới kiểm tra, đánh giá theo hướng dẫn của Bộ GDĐT. Việc kiểm tra, đánh giá phải bám sát chuẩn kiến thức, kỹ năng của Chương trình môn học.

- Trong thời lượng của môn Tin học lớp 11 phải dành 4 tiết để kiểm tra. Trong đó có 2 tiết dành cho kiểm tra học kì (học kì I: 1 tiết; học kì II: 1 tiết) và 02 tiết kiểm tra (trong đó có 1 tiết kiểm tra thực hành trên máy).

- Phải đảm bảo thực hiện đúng, đủ các tiết kiểm tra, kiểm tra thực hành, kiểm tra học kì.

- Phải đánh giá cả kiến thức, kỹ năng, cả lý thuyết, thực hành và phải theo nội dung, mức độ yêu cầu được quy định trong chuẩn kiến thức, kỹ năng của Chương trình môn học.

- Sở GDĐT hướng dẫn về kiểm tra thường xuyên theo quy định. Trong hướng dẫn của Sở về kiểm tra thường xuyên, cần hướng dẫn giáo viên tiến hành đánh giá và cho điểm học sinh trong các tiết *Bài tập và thực hành* để nâng cao hiệu quả tiết học. Điểm này là điểm kiểm tra thường xuyên (hệ số 1).

## LỚP 12

### 1. Tổ chức dạy học

- Thời lượng của môn tin học lớp 12 là 52 tiết. Có thể bố trí dạy: học kì I: 18 tiết và học kì II: 34 hoặc học kì I: 34 tiết và học kì II: 18 tiết.

- Các bài lý thuyết và *Bài tập và thực hành* nên được dạy học theo trình tự trình bày trong sách giáo khoa. Nếu Sở GDĐT tiến hành dạy học các bài không theo trình tự trình bày trong SGK (ví dụ dạy chương III trước chương II) cần báo cáo phương án phân phối chương trình chi tiết, cụ thể về Bộ (qua Vụ GDTrH) trước khi thực hiện.

- Trường hợp dạy học theo trình tự trình bày trong SGK: Nếu bố trí dạy học kì I: 18 tiết và học kì II: 34 tiết thì chậm nhất khi kết thúc học kì I cần dạy xong mục 5. *Các thao cơ bản trên bảng*; Nếu bố trí dạy học kì I: 34 tiết và học kì II: 18 tiết thì chậm nhất khi kết thúc học kì I cần dạy xong mục 9. Báo cáo về kết xuất báo cáo.

- Phải đảm bảo dạy đủ số tiết *Bài tập và thực hành* của từng chương và của cả năm học. Nếu thấy cần thiết và điều kiện cho phép, có thể bổ sung thời lượng cho *Bài tập và thực hành, bài tập, ôn tập*.

- Cuối mỗi học kì, có 1 tiết ôn tập và 1 tiết kiểm tra học kì.

- Các tiết *Bài tập, Ôn tập* chưa quy định nội dung cụ thể, cần căn cứ tình hình thực tế để định ra những nội dung cho các tiết *Bài tập, Ôn tập* đảm bảo truyền đạt đủ các kiến thức, kĩ năng theo yêu cầu. Nên lựa chọn, xây dựng nội dung cho các tiết *Bài tập, Ôn tập* để nhằm mục đích củng cố kiến thức hay rèn luyện kĩ năng, hình thức có thể là học trên lớp học hay thực hành trên phòng máy.

- Đối với các học sinh đã có hiểu biết về cơ sở dữ liệu, giáo viên chọn các bài đọc thêm trong sách giáo khoa, xây dựng thêm các *Bài tập và thực hành*, để củng cố, hệ thống và nhất là chuẩn xác hoá các kiến thức, kĩ năng theo yêu cầu. Đồng thời trong tiết *Bài tập và thực hành* nên phân loại, chia nhóm, bố trí chỗ ngồi để học sinh có thể giúp đỡ nhau nâng cao hiệu quả của tiết học.

- Ở một số nội dung (đặc biệt là chương II), việc học lý thuyết sẽ hiệu quả hơn khi sử dụng máy vi tính, phần mềm, tranh, ảnh, sơ đồ trực quan. Khi thực hành trên máy, nếu nội dung không được xây dựng để thực hành theo nhóm thì bố trí tối đa là 2 học sinh/1 máy tính.

## 2. Kiểm tra, đánh giá

- Đổi mới kiểm tra, đánh giá theo hướng dẫn của Bộ GDĐT. Việc kiểm tra, đánh giá phải bám sát chuẩn kiến thức, kĩ năng của Chương trình môn học.

- Trong thời lượng của môn Tin học lớp 12 phải dành 4 tiết để kiểm tra. Trong đó có 2 tiết dành cho kiểm tra học kì (học kì I: 1 tiết; học kì II: 1 tiết) và 2 tiết kiểm tra (trong đó có 1 tiết kiểm tra thực hành trên máy).

- Phải đảm bảo thực hiện đúng, đủ các tiết kiểm tra, kiểm tra thực hành, kiểm tra học kì.

- Phải đánh giá được cả kiến thức, kĩ năng, cả lý thuyết và thực hành và phải theo nội dung, mức độ yêu cầu được quy định trong chương trình môn học.

- Sở GDĐT hướng dẫn về kiểm tra thường xuyên theo quy định. Trong hướng dẫn của Sở về kiểm tra thường xuyên, cần hướng dẫn giáo viên tiến hành đánh giá và cho điểm học sinh trong các tiết *Bài tập và thực hành* để nâng cao hiệu quả tiết học. Điểm này là điểm kiểm tra thường xuyên (hệ số 1).

## B. KHUNG PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH

### LỚP 10

Cả năm: 70 tiết

Nội dung	Thời lượng
<i>Chương I. Một số khái niệm cơ bản của tin học</i>	20 (15, 3, 2)
<i>Chương II. Hệ điều hành</i>	12 (7, 4, 1)
<i>Chương III. Soạn thảo văn bản</i>	19 (8, 8, 3)
<i>Chương IV. Mạng máy tính và internet</i>	11 (6, 4, 1)
<b>Ôn tập</b>	<b>2</b>
<b>Kiểm tra</b>	<b>6</b>
<b>Cộng</b>	<b>70</b>

**Ghi chú:** Con số: 20 (15, 3, 2) nghĩa là tổng số 20 tiết, trong đó gồm: 15 tiết lý thuyết, 3 tiết bài tập và thực hành, 2 tiết bài tập.

### LỚP 11

Cả năm : 52 tiết

<b>Nội dung</b>	<b>Thời lượng</b>
<i>Chương I.</i> Một số khái niệm về lập trình và ngôn ngữ lập trình	3 (2, 0, 1)*
<i>Chương II.</i> Chương trình đơn giản	6 (3, 2, 1)
<i>Chương III.</i> Cấu trúc rẽ nhánh và lặp	7 (4, 2, 1)
<i>Chương IV.</i> Kiểu dữ liệu có cấu trúc	15 (7, 6, 2)
<i>Chương V.</i> Tệp và thao tác với tệp	3 (2, 0, 1)
<i>Chương VI.</i> Chương trình con và lập trình có cấu trúc	11 (5, 5, 1)
<b>Ôn tập</b>	<b>3</b>
<b>Kiểm tra</b>	<b>4</b>
<b>Cộng</b>	<b>52</b>

**Ghi chú:** Con số: 3 (2, 0, 1) nghĩa là tổng số 3 tiết, trong đó gồm: 2 tiết lí thuyết, 0 tiết bài tập và thực hành, 1 tiết bài tập.

## **LỚP 12**

**Cả năm : 52 tiết**

<b>Nội dung</b>	<b>Thời lượng</b>
<i>Chương I.</i> Khái niệm về hệ cơ sở dữ liệu	<b>8</b> (5, 1, 2)*
<i>Chương II.</i> Hệ quản trị cơ sở dữ liệu Microsoft access	<b>24</b> (7, 15, 2)
<i>Chương III.</i> Hệ cơ sở dữ liệu quan hệ	<b>7</b> (5, 2, 0)
<i>Chương IV.</i> Kiến trúc và bảo mật các hệ cơ sở dữ liệu	<b>7</b> (5, 2, 0)
<b>Ôn tập</b>	<b>2</b>
<b>Kiểm tra</b>	<b>4</b>
<b>Cộng</b>	<b>52</b>

**Ghi chú:** Con số 8 (5, 1, 2) nghĩa là tổng số 8 tiết, trong đó gồm: 5 tiết lí thuyết, 1 tiết Bài tập và thực hành, 2 tiết bài tập.

-----

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Tài liệu  
**PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH THCS**  
**MÔN TOÁN**

*(Dùng cho các cơ quan quản lý giáo dục và giáo viên,  
áp dụng từ năm học 2008-2009)*

# A. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG KHUNG PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH THCS

## I. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

Khung phân phối chương trình (KPPCT) áp dụng cho cấp THCS từ năm học 2008-2009, có 2 phần: (A) Hướng dẫn sử dụng KPPCT; (B) Khung PPCT.

### 1. Về Khung phân phối chương trình

KPPCT quy định thời lượng dạy học cho từng phần của chương trình (chương, phần, bài học, môđun, chủ đề,...), trong đó có thời lượng dành cho luyện tập, bài tập, ôn tập, thí nghiệm, thực hành và thời lượng tiến hành kiểm tra định kì tương ứng với các phần đó.

Thời lượng quy định tại KPPCT áp dụng trong trường hợp học 1 buổi/ngày, thời lượng dành cho kiểm tra là không thay đổi, thời lượng dành cho các hoạt động khác là quy định tối thiểu. Tiến độ thực hiện chương trình khi kết thúc học kì I và kết thúc năm học được quy định thống nhất cho tất cả các trường THCS trong cả nước. Căn cứ KPPCT, các Sở GDĐT cụ thể hoá thành PPCT chi tiết cho các môn học và hoạt động giáo dục, bao gồm cả dạy học tự chọn cho phù hợp với địa phương, áp dụng chung cho các trường THCS thuộc quyền quản lí. Các trường THCS có điều kiện bố trí giáo viên (GV) và kinh phí chi trả giờ dạy vượt định mức quy định (trong đó có các trường học nhiều hơn 6 buổi/tuần), có thể chủ động đề nghị Phòng GDĐT xem xét trình Sở GDĐT phê chuẩn điều chỉnh PPCT tăng thời lượng dạy học cho phù hợp (*lãnh đạo Sở GDĐT phê duyệt, kí tên, đóng dấu*).

### 2. Về phân phối chương trình dạy học tự chọn

a) Thời lượng và cách tổ chức dạy học tự chọn:

Thời lượng dạy học tự chọn của các lớp cấp THCS trong Kế hoạch giáo dục là 2 tiết/tuần, dạy chung cho cả lớp (các trường tự chủ về kinh phí có thể chia lớp thành nhóm nhỏ hơn nhưng vẫn phải bảo đảm thời lượng).

*Việc sử dụng thời lượng dạy học tự chọn theo 1 trong 2 cách sau đây:*

*Cách 1:* Chọn 1 trong 3 môn học, hoạt động giáo dục: Tin học, Ngoại ngữ 2, Nghề phổ thông (trong đó Ngoại ngữ 2 có thể bố trí vào 2 tiết dạy học tự chọn này hoặc bố trí ngoài thời lượng dạy học 6 buổi/tuần).

*Cách 2:* Dạy học các chủ đề tự chọn nâng cao, bám sát (CĐNC, CĐBS).

– Dạy học CĐNC là để khai thác sâu hơn kiến thức, kĩ năng của chương trình, bổ sung kiến thức, bồi dưỡng năng lực tư duy phù hợp với trình độ tiếp thu của học sinh (HS).

Các Sở GDĐT tổ chức biên soạn, thẩm định tài liệu CĐNC dùng cho cấp THCS theo hướng dẫn của Bộ GDĐT (tài liệu CĐNC sử dụng cho cả GV và HS) và quy định cụ thể PPCT dạy học các CĐNC cho phù hợp với mạch kiến thức của môn học đó. Các Phòng GDĐT đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện PPCT dạy học các CĐNC.

– Dạy học các CĐBS là để *ôn tập, hệ thống hóa, khắc sâu kiến thức, kĩ năng* (không bổ sung kiến thức nâng cao mới). Trong điều kiện chưa ban hành được tài liệu CĐNC, cần dành thời lượng dạy học tự chọn để thực hiện CĐBS nhằm ôn tập, hệ thống hóa, khắc sâu kiến thức, kĩ năng cho HS.

Hiệu trưởng các trường THCS chủ động lập Kế hoạch dạy học các CĐBS (chọn môn học, ấn định số tiết/tuần cho từng môn, tên bài dạy) cho từng lớp, ổn định trong từng học kì trên cơ sở đề nghị của các tổ trưởng chuyên môn và GV chủ nhiệm lớp. GV chuẩn bị kế hoạch bài dạy (giáo án) CĐBS với sự hỗ trợ của tổ chuyên môn.

b) Kiểm tra, đánh giá kết quả dạy học tự chọn:

Việc kiểm tra, đánh giá kết quả học tập CĐTC của môn học thực hiện theo quy định tại *Quy chế đánh giá, xếp loại học sinh Trung học cơ sở và học sinh Trung học phổ thông*.



**Lưu ý:** Các bài dạy CĐTCNC, CĐBS bố trí trong các chương như các bài khác, có thể có điểm kiểm tra dưới 1 tiết riêng nhưng không có điểm kiểm tra 1 tiết riêng, điểm CĐTC môn học nào tính cho môn học đó.

### 3. Thực hiện các hoạt động giáo dục

a) Phân công GV thực hiện các Hoạt động giáo dục:

Trong KHGD quy định tại CTGDPT do Bộ GDĐT ban hành, các *hoạt động giáo dục* đã được quy định thời lượng với số tiết học cụ thể như các môn học. Đối với GV được phân công thực hiện Hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp (HĐGDNGLL), Hoạt động giáo dục hướng nghiệp (HĐGDHN) được tính giờ dạy như các môn học; việc tham gia điều hành *HĐGD tập thể* (chào cờ đầu tuần và sinh hoạt lớp cuối tuần) là thuộc nhiệm vụ quản lý của Ban Giám hiệu và GV chủ nhiệm lớp, không tính vào giờ dạy tiêu chuẩn.

b) Tích hợp HĐGDNGLL, HĐGDHN, môn Công nghệ:

- HĐGDNGLL: Thực hiện đủ các chủ đề quy định cho mỗi tháng, với thời lượng 2 tiết/tháng và tích hợp nội dung HĐGDNGLL sang môn GDCD các lớp 6, 7, 8, 9 ở các chủ đề về đạo đức và pháp luật. Đưa nội dung về Công ước Quyền trẻ em của Liên Hợp quốc vào HĐGDNGLL ở lớp 9 và tổ chức các hoạt động hưởng ứng phong trào "*Xây dựng trường học thân thiện, HS tích cực*" do Bộ GDĐT phát động.

- HĐGDHN (lớp 9):

Điều chỉnh thời lượng HĐGDHN thành 9 tiết/năm học sau khi đưa một số nội dung GDHN tích hợp sang HĐGDNGLL ở 2 chủ đề sau đây:

+ "*Truyền thống nhà trường*", chủ đề tháng 9;

+ "*Tiến bước lên Đoàn*", chủ đề tháng 3.

Nội dung tích hợp do Sở GDĐT (hoặc uỷ quyền cho các Phòng GDĐT) hướng dẫn trường THCS thực hiện cho sát thực tiễn địa phương. Về phương pháp tổ chức thực hiện HĐGDHN, có thể riêng theo lớp hoặc theo khối lớp; có thể giao cho GV hoặc mời các chuyên gia, nhà quản lý kinh tế, quản lý doanh nghiệp giảng dạy.

### 4. Đổi mới phương pháp dạy học; đổi mới kiểm tra, đánh giá

a) Chỉ đạo đổi mới phương pháp dạy học (PPDH):

- Những yêu cầu quan trọng trong đổi mới PPDH là:

+ Phát huy tính tích cực, hứng thú trong học tập của HS và vai trò chủ đạo của GV;

+ Thiết kế bài giảng khoa học, sắp xếp hợp lý hoạt động của GV và HS, thiết kế hệ thống câu hỏi hợp lý, tập trung vào trọng tâm, tránh nặng nề quá tải (nhất là đối với bài dài, bài khó, nhiều kiến thức mới); bồi dưỡng năng lực độc lập suy nghĩ, vận dụng sáng tạo kiến thức đã học, tránh thiên về ghi nhớ máy móc không nắm vững bản chất;

+ Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, sử dụng các phương tiện nghe nhìn, thực hiện đầy đủ thí nghiệm, thực hành, liên hệ thực tế trong giảng dạy phù hợp với nội dung từng bài học;

+ GV sử dụng ngôn ngữ chuẩn xác, trong sáng, sinh động, dễ hiểu, tác phong thân thiện, khuyến khích, động viên HS học tập, tổ chức hợp lý cho HS làm việc cá nhân và theo nhóm;

+ Dạy học sát đối tượng, coi trọng bồi dưỡng HS khá giỏi và giúp đỡ HS học lực yếu kém.

- Đối với các môn học đòi hỏi năng khiếu như: Mĩ thuật, Âm nhạc, Thể dục cần coi trọng truyền thụ kiến thức, hình thành kỹ năng, bồi dưỡng hứng thú học tập, không quá thiên về đánh giá thành tích theo yêu cầu đào tạo chuyên ngành hoạ sỹ, nhạc sỹ, vận động viên.

- Tăng cường chỉ đạo đổi mới PPDH thông qua bồi dưỡng GV và dự giờ, tổ chức rút kinh nghiệm giảng dạy ở các tổ chuyên môn, hội thảo cấp trường, cụm trường, địa phương, hội thi GV giỏi các cấp.

b) Đổi mới kiểm tra, đánh giá (KTĐG):

- Những yêu cầu quan trọng trong đổi mới KTĐG là:

+ GV đánh giá sát đúng trình độ HS với thái độ khách quan, công minh và hướng dẫn HS biết tự đánh giá năng lực của mình;

+ Trong quá trình dạy học, cần kết hợp một cách hợp lý hình thức tự luận với hình thức trắc nghiệm khách quan trong KTĐG kết quả học tập của HS, chuẩn bị tốt cho việc đổi mới các kỳ thi theo chủ trương của Bộ GDĐT; *riêng kiểm tra học kỳ (học kỳ I và học kỳ II) tạm thời chưa áp dụng hình thức trắc nghiệm khách quan, vẫn áp dụng hình thức tự luận.*

+ Thực hiện đúng quy định của Quy chế Đánh giá, xếp loại HS THCS, HS THPT do Bộ GDĐT ban hành, tiến hành đủ số lần kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ, kiểm tra học kỳ cả lý thuyết và thực hành.

- Đổi mới đánh giá các môn Mỹ thuật, Âm nhạc (THCS), Thể dục (THCS, THPT): Đánh giá bằng điểm hoặc đánh giá bằng nhận xét kết quả học tập theo quy định tại Quy chế Đánh giá, xếp loại HS THCS, HS THPT.

c) Đối với một số môn khoa học xã hội và nhân văn như: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí, Giáo dục công dân, cần coi trọng đổi mới PPDH, đổi mới KTĐG theo hướng hạn chế chỉ ghi nhớ máy móc, không nắm vững kiến thức, kỹ năng môn học. Cần đổi mới KTĐG bằng cách nêu vấn đề mở, đòi hỏi HS phải vận dụng tổng hợp kiến thức, kỹ năng và biểu đạt chính kiến của bản thân.

d) Từ năm học 2008-2009, tập trung chỉ đạo đánh giá sâu hiệu quả dạy học của môn Giáo dục công dân để tiếp tục đổi mới PPDH, KTĐG nhằm nâng cao chất lượng môn học này (*có hướng dẫn riêng*).

**5. Thực hiện các nội dung giáo dục địa phương** (*hướng dẫn tại công văn số 5977/BGDĐT-GDTrH ngày 07/7/20*)

## II. NHỮNG VẤN ĐỀ CỤ THỂ CỦA MÔN TOÁN

Cần bám sát chuẩn kiến thức, kỹ năng, yêu cầu về thái độ đối với HS của chương trình môn Toán ban hành theo quyết định 16/2006/QĐ-BGDĐT ngày 05/5/2006, KPPCT của Bộ GDĐT và PPCT của Sở GDĐT.

### 1. Đổi mới phương pháp dạy học

- Tích cực hoá hoạt động học tập của HS, rèn luyện khả năng tự học, phát hiện và giải quyết vấn đề của HS nhằm hình thành và phát triển ở HS tư duy tích cực, độc lập và sáng tạo.

- Chọn lựa sử dụng những phương pháp phát huy tính tích cực chủ động của HS trong học tập và phát huy khả năng tự học. Hoạt động hoá việc học tập của HS bằng những dẫn dắt cho HS tự thân trải nghiệm chiếm lĩnh tri thức, chống lối học thụ động.

- Tận dụng ưu thế của từng phương pháp dạy học, chú trọng sử dụng phương pháp dạy học phát hiện và giải quyết vấn đề.

- Coi trọng cung cấp kiến thức, rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn.

- Thiết kế bài giảng, đề kiểm tra đánh giá cần theo khung đã hướng dẫn trong các tài liệu bồi dưỡng thực hiện chương trình và sách giáo khoa của Bộ GDĐT ban hành, trong đó đảm bảo quán triệt các yêu cầu đổi mới PPDH là:

- Về đổi mới soạn, giảng bài:

+ Phát huy tính tích cực, hứng thú trong học tập của HS và vai trò chủ đạo của GV;

+ Thiết kế bài giảng khoa học, sắp xếp hợp lý hoạt động của GV và HS, thiết kế hệ thống câu hỏi hợp lý, tập trung vào trọng tâm, tránh nặng nề quá tải (nhất là đối với bài dài, bài khó, nhiều kiến thức mới); bồi dưỡng năng lực độc lập suy nghĩ, vận dụng sáng tạo kiến thức kiến thức đã học, tránh thiên về ghi nhớ máy móc không nắm vững bản chất;

+ Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học, khuyến khích sử dụng hợp lý giáo án điện tử, sử dụng các phương tiện nghe nhìn và máy tính cầm tay; thực hiện đầy đủ nội dung thực hành, liên hệ thực tế trong giảng dạy phù hợp với nội dung từng bài học;

+ GV sử dụng ngôn ngữ chuẩn xác, trong sáng, sinh động, ngắn gọn, dễ hiểu; tác phong thân thiện gần gũi, coi trọng việc khuyến khích, động viên HS học tập, tổ chức hợp lý cho HS học tập cá nhân và theo nhóm;

+ Dạy học sát đối tượng, coi trọng bồi dưỡng HS khá giỏi và giúp đỡ HS học lực yếu kém trong nội dung từng bài học.

- Thực hiện chuẩn kiến thức, kỹ năng:

Ngày 05/5/2006, Bộ GD&ĐT đã ban hành Chương trình GDPT trong đó có *chuẩn kiến thức, kỹ năng* của từng môn học. Trong phần “Những vấn đề chung” của Chương trình GDPT đã xác định: “*Chuẩn kiến thức, kỹ năng là các yêu cầu cơ bản, tối thiểu về kiến thức, kỹ năng của môn học, hoạt động giáo dục mà HS cần phải có và có thể đạt được sau từng giai đoạn học tập*”. Đây là cơ sở pháp lý thực hiện dạy học đảm bảo những yêu cầu cơ bản, tối thiểu của chương trình, thực hiện dạy học kiểm tra, đánh giá phù hợp với các đối tượng HS; trên cơ sở đó sẽ đáp ứng nhu cầu phát triển của từng cá nhân HS, giúp GV chủ động, linh hoạt, sáng tạo trong áp dụng chương trình, từng bước đem lại cho HS sự bình đẳng trong phát triển năng lực cá nhân.

Bộ GD&ĐT đã hướng dẫn, khuyến khích GV áp dụng linh hoạt chương trình và SGK theo đặc điểm vùng, miền và đối tượng HS, vận dụng SGK trong dạy học cho các đối tượng HS khác nhau. Tổ chức dạy học kiểm tra, đánh giá theo chuẩn kiến thức, kỹ năng thực chất là quá trình tổ chức, hướng dẫn HS hoạt động học tập để từng đối tượng HS đều đạt được chuẩn đó và phát triển được các năng lực của cá nhân bằng những giải pháp phù hợp. Cụ thể:

+ Từ khâu lập kế hoạch bài học, tổ chức và hướng dẫn các hoạt động học tập của HS đến kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của HS nhất thiết phải căn cứ vào chuẩn kiến thức, kỹ năng.

+ Từ các điều kiện, hoàn cảnh cụ thể của lớp học để lựa chọn các giải pháp thích hợp nhằm giúp từng đối tượng HS đạt được chuẩn kiến thức, kỹ năng bằng sự cố gắng “vừa sức” với từng đối tượng HS đó.

+ Từ kế hoạch phát hiện và bồi dưỡng nâng cao năng lực cho những HS đó đạt chuẩn và có nhu cầu phát triển năng lực cá nhân trong môn học hoặc lĩnh vực học tập.

+ Thực hiện đầy đủ, đúng mức những nội dung cơ bản nhất, quan trọng nhất của chương trình môn học. Đây là một trong những điều kiện để đảm bảo mức chất lượng cơ bản và thực hiện sự bình đẳng về cơ hội học tập có chất lượng cho mọi đối tượng HS.

+ Thực hiện dạy học phù hợp với các đối tượng HS sẽ giữ được ổn định lâu dài, tạo cho HS sự tự tin và hứng thú trong học tập, góp phần rất quan trọng để nâng cao dân chất lượng GDPT.

+ Hình thành học vấn phổ thông toàn diện, làm cơ sở vững chắc để phát triển các năng lực cá nhân theo nhu cầu và thể mạnh của từng đối tượng HS.

+ Thực hiện nghiêm túc chương trình GDPT nhưng không “cứng nhắc”, “đồng loạt”, “bình quân” mà rất linh hoạt theo điều kiện, hoàn cảnh cụ thể của từng đối tượng HS, góp phần tạo thế ổn định để nâng cao dân chất lượng GDPT.

+ Dạy học theo chuẩn kiến thức, kỹ năng thực chất là thực hiện chuẩn hoá trình độ của HS, đòi hỏi HS ít nhất cũng phải đạt được chuẩn kiến thức, kỹ năng của các môn học bắt buộc trong chương trình GDPT. Cần phải có những hỗ trợ đặc biệt cho bộ phận HS có hoàn cảnh khó khăn.

- Ôn tập cuối chương, cuối kỳ, cuối năm:

Các vấn đề lý thuyết của toán, cũng như cách giải các bài toán chúng ta có thể quên đi một cách đáng kể nếu như không được ôn lại

Ôn tập nhằm hệ thống hoá kiến thức đã học, hoàn thiện kỹ năng giải bài tập, qua ôn tập bỏ khuyết cho những phát hiện thiếu sót về kiến thức, kỹ năng về suy luận toán học thiếu căn cứ logic hoặc chưa hợp lý; nhờ đó tạo cho từng HS vững tin vào năng lực bản thân có thể đạt kết quả tốt trong các kì kiểm tra, thi tốt nghiệp.

Việc ôn tập môn Toán cần đạt tới hiểu được bản chất và vận dụng được các nội dung học; khi ôn tập không nên quá chú ý vào việc tìm những thủ thuật ghi nhớ được nhiều, dĩ nhiên, nhớ là cơ sở cần cho việc giải các bài toán, nhưng không đủ; bởi vì việc nắm vững các cách giải các dạng loại bài toán cơ bản cho nhiều khả năng đạt kết quả tốt trong kiểm tra thi cử.

Các nghiên cứu cho thấy, việc xem lại nội dung học đã tiếp nhận, ngay khi kết thúc (sau 10 phút) thì khả năng nhớ đạt tới 95-100%. Còn khi nội dung học được nhắc lại sau những khoảng thời gian một ngày, một

tuần, một tháng, ba tháng thì khả năng nhớ không vượt quá 90%. Việc ôn tập giúp ta nhớ nội dung học tốt hơn và thực sự hữu ích cho việc giải các bài toán. Sự quan trọng của việc ôn tập là ở chỗ: Giúp người học hệ thống lại và rút ra những điều cơ bản, chủ yếu, khái quát hoá của những kiến thức - kĩ năng đã học để thấy được sự tương đồng, tương ứng, đồng dạng, biến đổi về hình, khái niệm, phương pháp, dạng toán... trong chương trình môn học của toàn cấp học hay của một lớp, một chương... Cũng như các hoạt động khác, để ôn tập có hiệu quả, cần chỉ dẫn cho HS về cách xây dựng kế hoạch ôn tập. Kế hoạch ôn tập có thể dựa vào thời gian dành cho việc ôn tập hoặc chủ đề cần ôn tập. Với những nội dung phức tạp, khó, dài thì kế hoạch ôn tập cần bố trí thời gian thích đáng, tăng số lần nhắc lại; tránh đưa dồn dập các kiến thức khó dễ gây ức chế do áp lực ghi nhớ, tạo tình cảm tự tin, hứng thú, tinh thần chủ động, sáng tạo, ý thức vươn lên trong học tập.

## 2. Đổi mới kiểm tra, đánh giá

- Căn cứ theo chuẩn kiến thức, kĩ năng của chương trình môn Toán.
- Những kiến thức, kĩ năng cơ bản và phương pháp tư duy mang tính đặc thù của toán học phù hợp với định hướng của cấp học trung học phổ thông.
- Tăng cường tính thực tiễn và tính sư phạm, không đặt ra yêu cầu quá cao về lí thuyết.
- Giúp HS nâng cao năng lực tư duy trừu tượng và hình thành cảm xúc thẩm mỹ, khả năng diễn đạt ý tưởng qua học tập môn Toán.
- Tăng cường chỉ đạo đổi mới PPDH thông qua công tác bồi dưỡng GV và thông qua việc dự giờ thăm lớp của GV, tổ chức rút kinh nghiệm giảng dạy ở các tổ chuyên môn, hội thảo cấp trường, cụm trường, địa phương, hội thi GV giỏi các cấp.

- Số lần kiểm tra, đánh giá:

+ Kiểm tra miệng: 1 bài ; kiểm tra viết 15': 3 bài (2 bài về Số học hoặc Đại số, 1 bài về Hình học).

+ Kiểm tra viết 45': 3 bài (2 bài về Số học hoặc Đại số, 1 bài về Hình học).

+ Kiểm tra viết 90': 2 bài ( học kì 1, học kì 2: bao gồm cả Số học hoặc Đại số và Hình học).

Lưu ý: Yêu cầu phân bố các bài kiểm tra 45' vào cuối chương hoặc cách nhau khoảng 10-15 tiết.

## B. KHUNG PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH

Lớp	Học kì	Số tiết 1 học kì	Nội dung					Nội dung tự chọn		Ghi chú (Số tiết theo môn của chương trình bắt buộc)
			Lí thuyết	Luyện tập			Kiểm tra	Bám sát	Nâng cao	
				Bài tập	Thực hành	Ôn tập				
6	I	72	43tiết	14tiết	2 tiết	8 tiết	5 tiết	40 tiết (SH:32 HH: 8)	40 tiết (SH: 32; HH: 8)	Số học: 58 tiết Hình học:14 tiết
	II	68	41tiết	13tiết	2 tiết	7 tiết	5 tiết			Số học: 53 tiết Hình học:15 tiết
7	I	72	43tiết	14tiết	2 tiết	8 tiết	5 tiết	40 tiết (ĐS:20 HH:20)	40 tiết (ĐS: 20; HH: 20)	Đại số: 40 tiết Hình học:32 tiết
	II	68	41tiết	13tiết	2 tiết	7 tiết	5 tiết			Đại số: 30 tiết Hình học:38 tiết
8	I	72	43tiết	14tiết	2 tiết	8 tiết	5 tiết	40 tiết (ĐS:20H H:20)	40 tiết (ĐS: 20; HH: 20)	Đại số: 40 tiết Hình học:32 tiết
	II	68	41tiết	13tiết	2 tiết	7 tiết	5 tiết			Đại số: 30 tiết Hình học:38 tiết
9	I	72	43tiết	14tiết	2 tiết	8 tiết	5 tiết	40 tiết (ĐS:20H H:20)	40 tiết (ĐS: 20; HH: 20)	Đại số: 36 tiết Hình học:36 tiết
	II	68	41tiết	13tiết	2 tiết	7 tiết	5 tiết			Đại số: 34 tiết Hình học:34 tiết

## LỚP 6

<b>Cả năm: 140 tiết</b>	<b>Số học: 111 tiết</b>	<b>Hình học: 29 tiết</b>
<b>Học kì I: 19 tuần (72 tiết)</b>	<b>58 tiết</b>	<b>14 tiết</b>
<b>Học kì II: 18 tuần (68 tiết)</b>	<b>53 tiết</b>	<b>15 tiết</b>

TT	Nội dung	Số tiết	Ghi chú
1	<p><b>I. Ôn tập và bổ túc về số tự nhiên</b></p> <p>1. <i>Khái niệm về tập hợp, phần tử.</i></p> <p>2. <i>Tập hợp <math>N</math> các số tự nhiên</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Tập hợp <math>N, N^*</math>.</li> <li>– Ghi và đọc số tự nhiên. Hệ thập phân, các chữ số La Mã.</li> <li>– Các tính chất của phép cộng, trừ, nhân trong <math>N</math>.</li> <li>– Phép chia hết, phép chia có d.</li> <li>– Luỹ thừa với số mũ tự nhiên.</li> </ul> <p>3. <i>Tính chất chia hết trong tập hợp <math>N</math></i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Tính chất chia hết của một tổng.</li> <li>– Các dấu hiệu chia hết cho 2; 5; 3; 9.</li> <li>– Ước và bội.</li> <li>– Số nguyên tố, hợp số, phân tích một số ra thừa số nguyên tố.</li> <li>– Ước chung, ƯCLN; bội chung, BCNN.</li> </ul>	39	Số học 111 tiết
2	<p><b>II. Số nguyên</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Số nguyên âm. Biểu diễn các số nguyên trên trục số.</li> <li>– Thứ tự trong tập hợp <math>Z</math>. Giá trị tuyệt đối.</li> <li>– Các phép cộng, trừ, nhân trong tập hợp <math>Z</math> và tính chất của các phép toán.</li> <li>– Bội và ước của một số nguyên.</li> </ul>	29	
3	<p><b>III. Phân số</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Phân số bằng nhau.</li> <li>– Tính chất cơ bản của phân số.</li> <li>– Rút gọn phân số, phân số tối giản.</li> <li>– Quy đồng mẫu số nhiều phân số.</li> <li>– So sánh phân số.</li> <li>– Các phép tính về phân số.</li> <li>– Hỗn số. Số thập phân. Phần trăm.</li> <li>– Ba bài toán cơ bản về phân số.</li> <li>– Biểu đồ phần trăm.</li> </ul>	43	
4	<p><b>IV. Điểm. Đường thẳng</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Ba điểm thẳng hàng.</li> <li>– Đường thẳng đi qua hai điểm.</li> <li>– Tia. Đoạn thẳng. Độ dài đoạn thẳng. Trung điểm của đoạn thẳng.</li> </ul>	14	Hình học 29 tiết
5	<p><b>V. Góc</b></p> <p>1. <i>Nửa mặt phẳng. Góc. Số đo góc. Tia phân giác của một góc.</i></p> <p>2. <i>Đường tròn. Tam giác.</i></p>	15	

# LỚP 7

Cả năm: 140 tiết	Đại số: 70 tiết	Hình học: 70 tiết
Học kì I: 19 tuần (72 tiết)	40 tiết	32 tiết
Học kì II: 18 tuần (68 tiết)	30 tiết	38 tiết

TT	Nội dung	Số tiết	Ghi chú
1	<p><b>I. Số hữu tỉ. Số thực</b></p> <p><i>1. Tập hợp Q các số hữu tỉ</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Khái niệm số hữu tỉ.</li> <li>– Biểu diễn số hữu tỉ trên trục số.</li> <li>– So sánh các số hữu tỉ.</li> <li>– Các phép tính trong Q: cộng, trừ, nhân, chia số hữu tỉ. Lũy thừa với số mũ tự nhiên của một số hữu tỉ.</li> </ul> <p><i>2. Tỷ lệ thức</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Tỷ số, tỷ lệ thức.</li> <li>– Các tính chất của tỷ lệ thức và tính chất của dãy tỷ số bằng nhau.</li> </ul> <p><i>3. Số thập phân hữu hạn. Số thập phân vô hạn tuần hoàn. Làm tròn số.</i></p> <p><i>4. Tập hợp số thực R</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Biểu diễn một số hữu tỉ dưới dạng số thập phân hữu hạn hoặc vô hạn tuần hoàn.</li> <li>– Số vô tỉ (số thập phân vô hạn không tuần hoàn). Tập hợp số thực. So sánh các số thực.</li> <li>– Khái niệm về căn bậc hai của một số thực không âm.</li> </ul>	22	Đại số 70 tiết
2	<p><b>II. Hàm số và đồ thị</b></p> <p><i>1. Đại lượng tỷ lệ thuận</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Định nghĩa.</li> <li>– Tính chất.</li> <li>– Giải toán về đại lượng tỷ lệ thuận.</li> </ul> <p><i>2. Đại lượng tỷ lệ nghịch</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Định nghĩa.</li> <li>– Tính chất.</li> <li>– Giải toán về đại lượng tỷ lệ nghịch.</li> </ul> <p><i>3. Khái niệm hàm số và đồ thị</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Định nghĩa hàm số.</li> <li>– Mặt phẳng tọa độ.</li> <li>– Đồ thị của hàm số <math>y = ax</math> (<math>a \neq 0</math>).</li> <li>– Đồ thị của hàm số <math>y = \frac{a}{x}</math> (<math>a \neq 0</math>).</li> </ul>	18	
3	<p><b>III. Thống kê</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Thu thập các số liệu thống kê. Tần số.</li> <li>– Bảng tần số và biểu đồ tần số (biểu đồ đoạn thẳng hoặc biểu đồ hình cột).</li> <li>– Số trung bình cộng; một của bảng số liệu.</li> </ul>	10	

TT	Nội dung	Số tiết	Ghi chú
4	<b>IV. Biểu thức đại số</b> – Khái niệm biểu thức đại số, giá trị của một biểu thức đại số. – Khái niệm đơn thức, đơn thức đồng dạng, các phép toán cộng, trừ, nhân các đơn thức. – Khái niệm đa thức nhiều biến. Cộng và trừ đa thức. – Đa thức một biến. Cộng và trừ đa thức một biến. – Nghiệm của đa thức một biến.	20	
5	<b>V. Đường thẳng vuông góc. Đường thẳng song song</b> 1. Góc tạo bởi hai đường thẳng cắt nhau. Hai góc đối đỉnh. Hai đường thẳng vuông góc. 2. Góc tạo bởi một đường thẳng cắt hai đường thẳng. Hai đường thẳng song song. Tiên đề Ô-lit về đường thẳng song song. Khái niệm định lí, chứng minh một định lí.	16	Hình học 70 tiết
6	<b>VI. Tam giác</b> 1. Tổng ba góc của một tam giác. 2. Hai tam giác bằng nhau. 3. Các dạng tam giác đặc biệt – Tam giác cân. Tam giác đều. – Tam giác vuông. Định lí Pi-ta-go. Hai trường hợp bằng nhau của tam giác vuông.	30	
7	<b>VII. Quan hệ giữa các yếu tố trong tam giác. Các đường đồng quy của tam giác</b> 1. Quan hệ giữa các yếu tố trong tam giác – Quan hệ giữa góc và cạnh đối diện trong một tam giác. – Quan hệ giữa ba cạnh của một tam giác. 2. Quan hệ giữa đường vuông góc và đường xiên, giữa đường xiên và hình chiếu của nó. 3. Các đường đồng quy của tam giác – Các khái niệm đường trung tuyến, đường phân giác, đường trung trực, đường cao của một tam giác. – Sự đồng quy của ba đường trung tuyến, ba đường phân giác, ba đường trung trực, ba đường cao của một tam giác.	24	

## LỚP 8

Cả năm: 140 tiết	Đại số: 70 tiết	Hình học: 70 tiết
Học kì I: 19 tuần (72 tiết)	40 tiết	32 tiết
Học kì II: 18 tuần (68 tiết)	30 tiết	38 tiết

TT	Nội dung	Số tiết	Ghi chú
----	----------	---------	---------

TT	Nội dung	Số tiết	Ghi chú
1	<p><b>I. Phép nhân và phép chia đa thức</b></p> <p>1. Nhân đa thức</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Nhân đơn thức với đa thức.</li> <li>– Nhân đa thức với đa thức.</li> <li>– Nhân hai đa thức đã sắp xếp.</li> </ul> <p>2. Các hằng đẳng thức đáng nhớ</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Bình phương của một tổng. Bình phương của một hiệu.</li> <li>– Hiệu hai bình phương.</li> <li>– Lập phương của một tổng. Lập phương của một hiệu.</li> <li>– Tổng hai lập phương. Hiệu hai lập phương.</li> </ul> <p>3. Phân tích đa thức thành nhân tử</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Phân tích đa thức thành nhân tử bằng phương pháp đặt nhân tử chung.</li> <li>– Phân tích đa thức thành nhân tử bằng phương pháp dùng hằng đẳng thức.</li> <li>– Phân tích đa thức thành nhân tử bằng phương pháp nhóm hạng tử.</li> <li>– Phân tích đa thức thành nhân tử bằng cách phối hợp nhiều phương pháp.</li> </ul> <p>4. Chia đa thức</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Chia đơn thức cho đơn thức.</li> <li>– Chia đa thức cho đơn thức.</li> <li>– Chia hai đa thức một biến đã sắp xếp.</li> </ul>	21	Đại số 70 tiết
2	<p><b>II. Phân thức đại số</b></p> <p>1. Định nghĩa. Tính chất cơ bản của phân thức. Rút gọn phân thức. Quy đồng mẫu thức nhiều phân thức.</p> <p>2. Cộng và trừ các phân thức đại số</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Phép cộng các phân thức đại số.</li> <li>– Phép trừ các phân thức đại số.</li> </ul> <p>3. Nhân và chia các phân thức đại số. Biến đổi các biểu thức hữu tỉ</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Phép nhân các phân thức đại số.</li> <li>– Phép chia các phân thức đại số.</li> <li>– Biến đổi các biểu thức hữu tỉ.</li> </ul>	19	
3	<p><b>III. Phương trình bậc nhất một ẩn</b></p> <p>1. Khái niệm về phương trình, phương trình tương đương</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Phương trình một ẩn.</li> <li>– Định nghĩa hai phương trình tương đương.</li> </ul> <p>2. Phương trình bậc nhất một ẩn</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Phương trình đã đọc về dạng <math>ax + b = 0</math>.</li> <li>– Phương trình tích.</li> <li>– Phương trình chứa ẩn ở mẫu.</li> </ul> <p>3. Giải bài toán bằng cách lập phương trình bậc nhất một ẩn.</p>	16	



TT	Nội dung	Số tiết	Ghi chú
4	<b>IV. Bất phương trình bậc nhất một ẩn</b> 1. Liên hệ giữa thứ tự và phép cộng, phép nhân. 2. Bất phương trình bậc nhất một ẩn. Bất phương trình tương đương. 3. Giải bất phương trình bậc nhất một ẩn. 4. Phương trình chứa dấu giá trị tuyệt đối.	14	
5	<b>V. Tứ giác</b> 1. Tứ giác lồi – Các định nghĩa: Tứ giác, tứ giác lồi. – Định lí: Tổng các góc của một tứ giác bằng $360^\circ$ . 2. Hình thang, hình thang vuông và hình thang cân. Hình bình hành. Hình chữ nhật. Hình thoi. Hình vuông. 3. Đối xứng trục và đối xứng tâm. Trục đối xứng, tâm đối xứng của một hình.	25	
6	<b>VI. Đa giác. Diện tích đa giác</b> 1. Đa giác. Đa giác đều. 2. Các công thức tính diện tích của hình chữ nhật, hình tam giác, của các hình tứ giác đặc biệt (hình thang, hình bình hành, hình thoi, hình vuông). 3. Tính diện tích của hình đa giác lồi.	11	
7	<b>VII. Tam giác đồng dạng</b> 1. Định lí Ta-lét trong tam giác – Các đoạn thẳng tỉ lệ. – Định lí Ta-lét trong tam giác (thuận, đảo, hệ quả). – Tính chất đường phân giác của tam giác. 2. Tam giác đồng dạng – Định nghĩa hai tam giác đồng dạng. – Các trường hợp đồng dạng của hai tam giác. – Ứng dụng thực tế của tam giác đồng dạng.	18	Hình học 70 tiết
8	<b>VIII. Hình lăng trụ đứng. Hình chóp đều</b> 1. Hình lăng trụ đứng. Hình hộp chữ nhật. Hình chóp đều. Hình chóp cụt đều – Các yếu tố của các hình đó. – Các công thức tính diện tích, thể tích. 2. Các quan hệ không gian trong hình hộp – Mặt phẳng: Hình biểu diễn, sự xác định. – Hình hộp chữ nhật và quan hệ song song giữa: đường thẳng và đường thẳng, đường thẳng và mặt phẳng, mặt phẳng và mặt phẳng. – Hình hộp chữ nhật và quan hệ vuông góc giữa: đường thẳng và đường thẳng, đường thẳng và mặt phẳng, mặt phẳng và mặt phẳng.	16	

## LỚP 9

Cả năm: 140 tiết	Đại số: 70 tiết	Hình học: 70 tiết
Học kì I: 19 tuần (72 tiết)	40 tiết	32 tiết

Học kì II: 18 tuần (68 tiết)	30 tiết	38 tiết
------------------------------	---------	---------

TT	Nội dung	Số tiết	Ghi chú
1	<p><b>I. Căn bậc hai. Căn bậc ba</b></p> <p>1. Khái niệm căn bậc hai.</p> <p>Căn thức bậc hai và hằng đẳng thức: <math>\sqrt{A^2} =  A </math>.</p> <p>2. Các phép tính và các phép biến đổi đơn giản về căn bậc hai.</p> <p>3. Căn bậc ba.</p>	18	Đại số 70 tiết
2	<p><b>II. Hàm số bậc nhất</b></p> <p>1. Hàm số <math>y = ax + b</math> (<math>a \neq 0</math>).</p> <p>2. Hệ số góc của đường thẳng. Hai đường thẳng song song và hai đường thẳng cắt nhau.</p>	11	
3	<p><b>III. Hệ hai phương trình bậc nhất hai ẩn</b></p> <p>1. Phương trình bậc nhất hai ẩn.</p> <p>2. Hệ hai phương trình bậc nhất hai ẩn.</p> <p>3. Giải hệ phương trình bằng phương pháp cộng đại số, phương pháp thế.</p> <p>4. Giải bài toán bằng cách lập hệ phương trình.</p>	17	
4	<p><b>IV. Hàm số <math>y = ax^2</math> (<math>a \neq 0</math>). Phương trình bậc hai một ẩn.</b></p> <p>1. Hàm số <math>y = ax^2</math> (<math>a \neq 0</math>). Tính chất. Đồ thị.</p> <p>2. Phương trình bậc hai một ẩn.</p> <p>3. Định lý Vi-ét và ứng dụng.</p> <p>4. Phương trình quy về phương trình bậc hai.</p> <p>5. Giải bài toán bằng cách lập phương trình bậc hai một ẩn.</p>	24	
5	<p><b>V. Hệ thức lượng trong tam giác vuông</b></p> <p>1. Một số hệ thức về cạnh và đường cao trong tam giác vuông.</p> <p>2. Tỷ số lượng giác của góc nhọn. Bảng lượng giác.</p> <p>3. Một số Hệ thức giữa các cạnh và các góc của tam giác vuông (sử dụng tỷ số lượng giác).</p> <p>4. Ứng dụng thực tế các tỷ số lượng giác của góc nhọn.</p>	19	

TT	Nội dung	Số tiết	Ghi chú
6	<p><b>VI. Đường tròn</b></p> <p><i>1. Xác định một đường tròn</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Định nghĩa đường tròn, hình tròn.</li> <li>– Cung và dây cung.</li> <li>– Sự xác định một đường tròn, đường tròn ngoại tiếp tam giác.</li> </ul> <p><i>2. Tính chất đối xứng</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Tâm đối xứng.</li> <li>– Trục đối xứng.</li> <li>– Đường kính và dây cung.</li> <li>– Dây cung và khoảng cách từ tâm đến dây.</li> </ul> <p><i>3. Vị trí tương đối của đường thẳng và đường tròn, của hai đường tròn.</i></p>	17	
7	<p><b>VII. Góc với đường tròn</b></p> <p><i>1. Góc ở tâm. Số đo cung</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Định nghĩa góc ở tâm.</li> <li>– Số đo của cung tròn.</li> </ul> <p><i>2. Liên hệ giữa cung và dây.</i></p> <p><i>3. Góc tạo bởi hai cát tuyến của đường tròn</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Định nghĩa góc nội tiếp.</li> <li>– Góc nội tiếp và cung bị chắn.</li> <li>– Góc tạo bởi tiếp tuyến và dây cung.</li> <li>– Góc có đỉnh ở bên trong hay bên ngoài đường tròn.</li> <li>– Cung chứa góc. Bài toán quỹ tích “cung chứa góc”.</li> </ul> <p><i>4. Tứ giác nội tiếp đường tròn</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Định lý thuận.</li> <li>– Định lý đảo.</li> </ul> <p><i>5. Công thức tính độ dài đường tròn, diện tích hình tròn. Giới thiệu hình quạt tròn và diện tích hình quạt tròn.</i></p>	21	
8	<p><b>VIII. Hình trụ, hình nón, hình cầu</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Hình trụ, hình nón, hình cầu.</li> <li>– Hình khai triển trên mặt phẳng của hình trụ, hình nón.</li> <li>– Công thức tính diện tích xung quanh và thể tích của hình trụ, hình nón, hình cầu.</li> </ul>	13	

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Tài liệu  
**PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH THPT**  
**MÔN TOÁN**

*(Dùng cho các cơ quan quản lý giáo dục và giáo viên,  
áp dụng từ năm học 2008-2009)*

# A. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG KHUNG PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH THPT

## I. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

Khung Phân phối chương trình (KPPCT) này áp dụng cho các lớp cấp THPT từ năm học 2008-2009, gồm 2 phần: (A) Hướng dẫn sử dụng KPPCT; (B) Khung PPCT.

### 1. Về khung Phân phối chương trình

KPPCT quy định thời lượng dạy học cho từng phần của chương trình (chương, phần, bài học, môđun, chủ đề,...), trong đó có thời lượng dành cho luyện tập, bài tập, ôn tập, thí nghiệm, thực hành và thời lượng tiến hành kiểm tra định kì tương ứng với các phần đó.

Thời lượng nói trên quy định tại KPPCT áp dụng trong trường hợp học 1 buổi/ngày (*thời lượng dành cho kiểm tra là không thay đổi, thời lượng dành cho các hoạt động khác là quy định tối thiểu*). Tiến độ thực hiện chương trình khi kết thúc học kì I và kết thúc năm học được quy định thống nhất cho tất cả các trường THPT trong cả nước. Căn cứ KPPCT, các Sở GDĐT cụ thể hoá thành PPCT chi tiết cho từng bài của môn học và hoạt động giáo dục, bao gồm cả chủ đề tự chọn nâng cao (nếu có) cho phù hợp với địa phương, áp dụng chung cho các trường THPT thuộc quyền quản lí. Các trường THPT có điều kiện bố trí giáo viên và kinh phí chi trả giờ dạy vượt định mức (trong đó có các trường học nhiều hơn 6 buổi/tuần), có thể đề nghị đề Sở GDĐT phê chuẩn điều chỉnh PPCT tăng thời lượng dạy học cho phù hợp (*lãnh đạo Sở GDĐT phê duyệt, kí tên, đóng dấu*).

### 2. Về Phân phối chương trình dạy học tự chọn

a) Môn học tự chọn nâng cao (NC) của ban Cơ bản có thể thực hiện bằng 1 trong 2 cách: Sử dụng SGK nâng cao hoặc sử dụng SGK biên soạn theo chương trình chuẩn kết hợp với chủ đề tự chọn nâng cao (CĐNC) của môn học đó. CĐNC của 8 môn phân hóa chỉ dùng cho ban Cơ bản. Thời lượng dạy học CĐNC của môn học là khoảng chênh lệch giữa thời lượng dành cho chương trình chuẩn và chương trình nâng cao môn học đó trong Kế hoạch giáo dục THPT. Các Sở GDĐT quy định cụ thể PPCT dạy học các CĐNC cho phù hợp với mạch kiến thức của SGK biên soạn theo CT chuẩn môn học đó. Tài liệu CĐNC sử dụng cho giáo viên và học sinh.

b) Dạy học chủ đề tự chọn bám sát (CĐBS) là để *ôn tập, hệ thống hóa, khắc sâu kiến thức, kĩ năng*, không bổ sung kiến thức nâng cao mới. Hiệu trưởng các trường THPT lập Kế hoạch dạy học CĐBS (chọn môn học, ấn định số tiết/tuần cho từng môn, tên bài dạy) cho từng lớp, ổn định trong từng học kì trên cơ sở đề nghị của các tổ trưởng chuyên môn và giáo viên chủ nhiệm lớp.

Bộ GDĐT ban hành tài liệu CĐBS lớp 10, dùng cho giáo viên để tham khảo, không ban hành tài liệu CĐBS lớp 11, 12. Giáo viên chuẩn bị kế hoạch bài giảng CĐBS với sự hỗ trợ của tổ chuyên môn.

c) Việc kiểm tra, đánh giá kết quả học tập CĐNC, CĐBS các môn học thực hiện theo quy định tại *Quy chế đánh giá, xếp loại học sinh Trung học cơ sở và học sinh Trung học phổ thông* của Bộ trưởng Bộ GDĐT.

**Lưu ý:** Các bài dạy CĐNC, CĐBS bố trí trong các chương như các bài khác, có thể có điểm kiểm tra dưới 1 tiết riêng nhưng không có điểm kiểm tra 1 tiết riêng, điểm CĐNC, CĐBS môn học nào tính cho môn học đó.

### 3. Thực hiện các hoạt động giáo dục

a) Phân công giáo viên thực hiện các Hoạt động giáo dục:

Trong KHGD quy định tại CTGDPT do Bộ GDĐT ban hành, *các hoạt động giáo dục* đã được quy định thời lượng với số tiết học cụ thể như các môn học. Đối với giáo viên được phân công thực hiện Hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp (HĐGDNGLL) và Hoạt động giáo dục hướng nghiệp (HĐGDHN) được tính giờ dạy học như các môn học; việc tham gia điều hành

*HĐGD tập thể* (chào cờ đầu tuần và sinh hoạt lớp cuối tuần) là thuộc nhiệm vụ quản lý của Ban Giám hiệu và giáo viên chủ nhiệm lớp, không tính là giờ dạy học.

b) Thực hiện tích hợp giữa HĐGDNGLL, HĐGDHN, môn Công nghệ:

- HĐGDNGLL: Thực hiện đủ các chủ đề quy định cho mỗi tháng, với thời lượng 2 tiết/tháng và tích hợp nội dung HĐGDNGLL sang môn GDCD như sau:

+ Lớp 10, ở chủ đề về đạo đức;

+ Lớp 11, các chủ đề về kinh tế và chính trị - xã hội;

+ Lớp 12, ở các chủ đề về pháp luật.

Đưa nội dung giáo dục về Quyền trẻ em của Liên Hợp quốc vào HĐGDNGLL ở lớp 10 và tổ chức các hoạt động hưởng ứng phong trào "*Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực*" do Bộ GDĐT phát động.

- HĐGDHN:

Các lớp 10, 11, 12: Điều chỉnh thời lượng HĐGDHN thành 9 tiết/năm học sau khi tích hợp đưa sang giảng dạy ở môn Công nghệ (*phần "Tạo lập doanh nghiệp" lớp 10*) và tích hợp đưa sang HĐGDNGLL (do giáo viên môn Công nghệ, giáo viên HĐGDNGLL thực hiện) ở 3 chủ đề sau đây:

+ "*Thanh niên với vấn đề lập nghiệp*", chủ đề tháng 3;

+ "*Thanh niên với học tập, rèn luyện vì sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước*", chủ đề tháng 9;

+ "*Thanh niên với xây dựng và bảo vệ Tổ quốc*", chủ đề tháng 12.

Nội dung tích hợp do Sở GDĐT hướng dẫn hoặc uỷ quyền cho các trường THPT hướng dẫn GV thực hiện cho sát thực tiễn địa phương. Cần hướng dẫn học sinh lựa chọn con đường học lên sau THPT (ĐH, CĐ, TCCN, học nghề) hoặc đi vào cuộc sống lao động. Về phương pháp tổ chức thực hiện HĐGDHN, có thể riêng theo lớp hoặc theo khối lớp; có thể giao cho giáo viên hoặc mời các chuyên gia, nhà quản lý kinh tế, quản lý doanh nghiệp giảng dạy.

c) HĐGD nghề phổ thông:

Nơi có đủ giáo viên đào tạo đúng chuyên môn, đủ CSVC phải thực hiện HĐGDNPT ở lớp 11, tổ chức thi và cấp chứng chỉ GDNPT sau khi hoàn thành chương trình 105 tiết đạt yêu cầu trở lên; nơi chưa đủ giáo viên đào tạo đúng chuyên môn, chưa đủ CSVC có thể chưa thực hiện chương trình HĐGDNPT nhưng phải khẩn trương khắc phục, không để kéo dài. Các văn đề cụ thể về HĐGDNPT, thực hiện theo hướng dẫn tại công văn số 8608/BGDĐT-GDTrH ngày 16/8/2007 của Bộ GDĐT.

#### **4. Đổi mới phương pháp dạy học và đổi mới kiểm tra, đánh giá**

a) Chỉ đạo đổi mới phương pháp dạy học (PPDH):

- Những yêu cầu quan trọng trong đổi mới PPDH là:

+ Phát huy tính tích cực, hứng thú học tập của học sinh và vai trò chủ đạo của giáo viên;

+ Thiết kế bài giảng khoa học, sắp xếp hợp lý hoạt động của giáo viên và học sinh, thiết kế hệ thống câu hỏi hợp lý, tập trung vào trọng tâm, tránh nặng nề quá tải (nhất là đối với bài dài, bài khó, nhiều kiến thức mới); bồi dưỡng năng lực độc lập suy nghĩ, vận dụng sáng tạo kiến thức đã học, tránh thiên về ghi nhớ máy móc không nắm vững bản chất;

+ Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học, khuyến khích sử dụng hợp lý công nghệ thông tin, sử dụng các phương tiện nghe nhìn, thực hiện đầy đủ thí nghiệm, thực hành, liên hệ thực tế trong giảng dạy phù hợp với nội dung từng bài học;

+ Giáo viên sử dụng ngôn ngữ chuẩn xác, trong sáng, sinh động, dễ hiểu, tác phong thân thiện, khuyến khích, động viên học sinh học tập, tổ chức hợp lý cho học sinh làm việc cá nhân và theo nhóm;

+ Dạy học sát đối tượng, coi trọng bồi dưỡng học sinh khá giỏi và giúp đỡ học sinh học lực yếu kém.

- Đối với các môn học đòi hỏi năng khiếu như: Mĩ thuật, Âm nhạc (THCS), Thể dục (THCS, THPT) cần coi trọng truyền thụ kiến thức, hình thành kỹ năng, bồi dưỡng hứng thú học tập, không quá thiên về đánh giá thành tích theo yêu cầu đào tạo chuyên ngành hoạ sỹ, nhạc sỹ, vận động viên.

- Tăng cường chỉ đạo đổi mới PPDH thông qua công tác bồi dưỡng giáo viên và dự giờ thăm lớp của giáo viên, tổ chức rút kinh nghiệm giảng dạy ở các tổ chuyên môn, hội thảo cấp trường, cụm trường, địa phương, hội thi giáo viên giỏi các cấp.

b) Đổi mới kiểm tra, đánh giá (KTĐG):

- Những yêu cầu quan trọng trong đổi mới KTĐG là:

+ Giáo viên đánh giá sát đúng trình độ học sinh với thái độ khách quan, công minh và hướng dẫn học sinh biết tự đánh giá năng lực của mình;

+ Trong quá trình dạy học, cần kết hợp một cách hợp lý hình thức tự luận với hình thức trắc nghiệm khách quan trong KTĐG kết quả học tập của học sinh, chuẩn bị tốt cho việc đổi mới các kỳ thi theo chủ trương của Bộ GDĐT.

+ Thực hiện đúng quy định của Quy chế Đánh giá, xếp loại học sinh THCS, học sinh THPT do Bộ GDĐT ban hành, tiến hành đủ số lần kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ, kiểm tra học kỳ cả lý thuyết và thực hành.

- Đổi mới đánh giá các môn Mĩ thuật, Âm nhạc (THCS), Thể dục (THCS, THPT): Đánh giá bằng điểm hoặc bằng nhận xét kết quả học tập theo quy định tại Quy chế Đánh giá, xếp loại học sinh THCS, học sinh THPT sửa đổi.

c) Đối với một số môn khoa học xã hội và nhân văn như: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí, Giáo dục công dân, cần coi trọng đổi mới PPDH, đổi mới KTĐG theo hướng hạn chế chỉ ghi nhớ máy móc, không nắm vững kiến thức, kỹ năng môn học. Trong quá trình dạy học, cần từng bước đổi mới KTĐG bằng cách nêu vấn đề mở, đòi hỏi học sinh phải vận dụng tổng hợp kiến thức, kỹ năng và biểu đạt chính kiến của bản thân.

d) Từ năm học 2008-2009, tập trung chỉ đạo đánh giá sâu hiệu quả dạy học của môn Giáo dục công dân để tiếp tục đổi mới PPDH, KTĐG nhằm nâng cao chất lượng môn học này (có hướng dẫn riêng).

**5. Thực hiện các nội dung giáo dục địa phương** (hướng dẫn tại công văn số 5977/BGDĐT-GDTrH ngày 07/7/2008)

## II. NHỮNG VẤN ĐỀ CỤ THỂ CỦA MÔN TOÁN

Giáo viên cần bám sát chuẩn kiến thức, kỹ năng, yêu cầu về thái độ đối với học sinh của chương trình môn Toán ban hành theo quyết định 16/2006/QĐ-BGDĐT ngày 05/5/2006, Khung phân phối chương trình (KPPCT) của Bộ GDĐT và PPCT của Sở GDĐT.

### **Trong dạy, học và kiểm tra, đánh giá phải chú trọng**

- Căn cứ theo chuẩn kiến thức, kỹ năng của chương trình môn Toán của Bộ GDĐT.
- Những kiến thức, kỹ năng cơ bản và phương pháp tư duy mang tính đặc thù của toán học phù hợp với định hướng của cấp học trung học phổ thông.
- Tăng cường tính thực tiễn và tính sư phạm, không yêu cầu quá cao về lý thuyết.
- Giúp học sinh nâng cao năng lực tư duy trừu tượng và hình thành cảm xúc thẩm mĩ, khả năng diễn đạt ý tưởng qua học tập môn Toán.

### **Về phương pháp dạy học**

- Tích cực hoá hoạt động học tập của học sinh, rèn luyện khả năng tự học, phát hiện và giải quyết vấn đề của học sinh nhằm hình thành và phát triển ở học sinh tư duy tích cực, độc lập và sáng tạo.

- Chọn lựa sử dụng những phương pháp phát huy tính tích cực chủ động của học sinh trong học tập và phát huy khả năng tự học. Hoạt động hoá việc học tập của học sinh bằng những dẫn dắt cho học sinh tự thân trải nghiệm chiếm lĩnh tri thức, chống lối học thụ động.
- Tận dụng ưu thế của từng phương pháp dạy học, chú trọng sử dụng phương pháp dạy học phát hiện và giải quyết vấn đề.
- Coi trọng cả cung cấp kiến thức, rèn luyện kỹ năng lẫn vận dụng kiến thức vào thực tiễn.
- Thiết kế bài giảng, để kiểm tra đánh giá căn theo khung đã hướng dẫn trong các tài liệu bồi dưỡng thực hiện chương trình và sách giáo khoa của Bộ GDĐT ban hành, trong đó đảm bảo quán triệt các yêu cầu đổi mới PPDH là:

*Về soạn, giảng bài*

- + Phát huy tính tích cực, hứng thú trong học tập của học sinh và vai trò chủ đạo của giáo viên;
- + Thiết kế bài giảng khoa học, sắp xếp hợp lý hoạt động của giáo viên và học sinh, thiết kế hệ thống câu hỏi hợp lý, tập trung vào trọng tâm, tránh nặng nề quá tải (nhất là đối với bài dài, bài khó, nhiều kiến thức mới); bồi dưỡng năng lực đọc lập suy nghĩ, vận dụng sáng tạo kiến thức kiến thức đã học, tránh thiên về ghi nhớ máy móc không nắm vững bản chất;
- + Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học, khuyến khích sử dụng hợp lý giáo án điện tử, sử dụng các phương tiện nghe nhìn và máy tính cầm tay; thực hiện đầy đủ nội dung thực hành, liên hệ thực tế trong giảng dạy phù hợp với nội dung từng bài học;
- + Giáo viên sử dụng ngôn ngữ chuẩn xác, trong sáng, sinh động, ngắn gọn, dễ hiểu; tác phong thân thiện gần gũi, coi trọng việc khuyến khích, động viên học sinh học tập, tổ chức hợp lý cho học sinh học tập cá nhân và theo nhóm;
- + Dạy học sát đối tượng, coi trọng bồi dưỡng học sinh khá giỏi và giúp đỡ học sinh học lực yếu kém trong nội dung từng bài học.

*Về kiểm tra, đánh giá:*

- + Giáo viên đánh giá sát đúng trình độ học sinh với thái độ khách quan, toàn diện, công minh và hướng dẫn học sinh biết tự đánh giá năng lực của mình;
- + Kết hợp một cách hợp lý hình thức tự luận với hình thức trắc nghiệm khách quan trong kiểm tra đánh giá kết quả học tập của học sinh;
- + Thực hiện đúng qui định của Quy chế "Đánh giá, xếp loại học sinh THCS, học sinh THPT", đủ số lần kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ, kiểm tra học kỳ và cuối năm; thực hiện nghiêm túc tiết trả bài kiểm tra cuối kỳ, tiết trả bài cuối năm.
- Tăng cường chỉ đạo đổi mới PPDH thông qua công tác bồi dưỡng giáo viên và thông qua việc dự giờ thăm lớp của giáo viên, tổ chức rút kinh nghiệm giảng dạy ở các tổ chuyên môn, hội thảo cấp trường, cụm trường, địa phương, hội thi giáo viên giỏi các cấp.
- *Thực hiện chuẩn kiến thức, kỹ năng:*

Ngày 05/5/2006, Bộ GDĐT đã ban hành Chương trình GDPT trong đó có *chuẩn kiến thức, kỹ năng* của từng chủ đề nội dung môn học. Trong phần "Những vấn đề chung" của Chương trình GDPT đã xác định: "*Chuẩn kiến thức, kỹ năng là các yêu cầu cơ bản, tối thiểu về kiến thức, kỹ năng của môn học, hoạt động giáo dục mà học sinh cần phải có và có thể đạt được sau từng giai đoạn học tập*". Đây là cơ sở pháp lý thực hiện dạy học đảm bảo những yêu



cầu cơ bản, tối thiểu của chương trình, thực hiện dạy học kiểm tra, đánh giá phù hợp với các đối tượng học sinh; trên cơ sở đó sẽ đáp ứng nhu cầu phát triển của từng cá nhân học sinh, giúp giáo viên chủ động, linh hoạt, sáng tạo trong áp dụng chương trình, từng bước đem lại cho học sinh chất lượng giáo dục thực sự và sự bình đẳng trong phát triển năng lực cá nhân; góp phần thực hiện *chuẩn hoá* và thực hiện *dạy học phân hóa*.

Bộ GDĐT đã hướng dẫn, khuyến khích giáo viên (GV) áp dụng linh hoạt chương trình và SGK theo đặc điểm vùng, miền và đối tượng học sinh (HS), nhưng không ít GV vẫn lúng túng khi áp dụng chương trình, vận dụng sách giáo khoa trong dạy học cho các đối tượng HS khác nhau.

Tổ chức dạy học kiểm tra, đánh giá theo chuẩn kiến thức, kỹ năng thực chất là quá trình tổ chức, hướng dẫn HS hoạt động học tập để từng đối tượng HS đều đạt được chuẩn đó và phát triển được các năng lực của cá nhân bằng những giải pháp phù hợp. Cụ thể:

+ Từ khâu lập kế hoạch bài học, tổ chức và hướng dẫn các hoạt động học tập của HS đến kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của HS nhất thiết phải căn cứ vào chuẩn kiến thức, kỹ năng.

+ Từ các điều kiện, hoàn cảnh cụ thể của lớp học để lựa chọn các giải pháp thích hợp nhằm giúp từng đối tượng HS đạt được chuẩn kiến thức, kỹ năng bằng sự cố gắng “vừa sức” với từng đối tượng HS đó.

+ Từ kế hoạch phát hiện và bồi dưỡng nâng cao năng lực cho những HS đã đạt chuẩn và có nhu cầu phát triển năng lực cá nhân trong môn học hoặc lĩnh vực học tập.

+ Thực hiện đầy đủ, đúng mức những nội dung cơ bản nhất, quan trọng nhất của chương trình môn học. Đây là một trong những điều kiện để đảm bảo mức chất lượng cơ bản và thực hiện sự bình đẳng về cơ hội học tập có chất lượng cho mọi đối tượng HS.

+ Thực hiện dạy học phù hợp với các đối tượng HS, hạn chế tiến tới xoá bỏ hiện tượng dạy học vượt quá sự cố gắng của HS, tạo ra sự “quá tải” và căng thẳng không cần thiết cho số đông HS hoặc hiện tượng dạy học “dưới tầm nhận thức” của số đông HS, làm cho HS mất hứng thú trong học tập. Thực hiện dạy học phù hợp với các đối tượng HS sẽ giữ được ổn định lâu dài, tạo cho HS sự tự tin và hứng thú trong học tập, góp phần rất quan trọng để nâng cao dần chất lượng GDPT.

+ Hình thành học vấn phổ thông toàn diện, làm cơ sở vững chắc để phát triển các năng lực cá nhân theo nhu cầu và thể mạnh của từng đối tượng HS.

+ Thực hiện nghiêm túc chương trình GDPT nhưng không “cứng nhắc”, “đồng loạt”, “bình quân” mà rất linh hoạt theo điều kiện, hoàn cảnh cụ thể của từng đối tượng HS, góp phần tạo thế ổn định để nâng cao dần chất lượng GDPT.

+ Dạy học theo chuẩn kiến thức, kỹ năng thực chất là thực hiện chuẩn hoá trình độ của HS, đòi hỏi HS ít nhất cũng phải đạt được chuẩn kiến thức, kỹ năng của các môn học bắt buộc trong chương trình GDPT. Việc chuẩn hoá trình độ học tập của HS lại đòi hỏi phải chuẩn hoá các điều kiện đảm bảo chất lượng học tập ở mức độ chuẩn, trong đó cần phải có những hỗ trợ đặc biệt cho bộ phận học sinh có hoàn cảnh khó khăn.

- *Ôn tập cuối chương, cuối kỳ, cuối năm:*

Các vấn đề lý thuyết của toán, cũng như cách giải các bài toán chúng ta có thể quên đi một cách đáng kể nếu như không được ôn lại

Ôn tập nhằm hệ thống hoá kiến thức đã học, hoàn thiện kỹ năng giải bài tập, qua ôn tập bổ khuyết cho những phát hiện thiếu sót về kiến thức, kỹ năng về suy luận toán học thiếu căn cứ logic hoặc

chưa hợp lí; nhờ đó tạo cho từng học sinh vững tin vào năng lực bản thân có thể đạt kết quả tốt trong các kì kiểm tra đánh giá, thi cử tốt nghiệp.

Việc ôn tập môn Toán cần đạt tới hiểu được bản chất và vận dụng được các nội dung học; khi ôn tập không nên quá chú ý vào việc tìm những thủ thuật ghi nhớ được nhiều, dĩ nhiên, nhớ là cơ sở cần cho việc giải các bài toán, nhưng không đủ; bởi vì việc nắm vững các cách giải các dạng loại bài toán cơ bản cho nhiều khả năng đạt kết quả tốt trong kiểm tra thi cử.

Các nghiên cứu cho thấy, việc xem lại nội dung học đã tiếp nhận, ngay khi kết thúc (sau 10 phút) thì khả năng nhớ đạt tới 95 - 100%. Còn khi nội dung học được nhắc lại sau những khoảng thời gian một ngày, một tuần, một tháng, ba tháng thì khả năng nhớ không vượt quá 90%.

Có một quy tắc cho việc ôn tập: “*5 phút ôn tập cho 60 phút học*”, nghĩa là: với mỗi buổi học 120 phút thì học sinh cần dành ít nhất 10 phút cho việc xem lại bài

Việc ôn tập giúp ta nhớ nội dung học tốt hơn và thực sự hữu ích cho việc giải các bài toán. Sự quan trọng của việc ôn tập là ở chỗ: Giúp người học hệ thống lại và rút ra những điều cơ bản, chủ yếu, khái quát hoá của những kiến thức - kĩ năng đã học để thấy được sự tương đồng, tương ứng, đồng dạng, biến đổi về hình, khái niệm, phương pháp, dạng toán... trong chương trình môn học của toàn cấp học hay của một lớp, một chương...

Cũng như các hoạt động khác, để ôn tập có hiệu quả, cần chỉ dẫn cho học sinh về cách xây dựng kế hoạch ôn tập. Kế hoạch ôn tập có thể dựa vào thời gian dành cho việc ôn tập hoặc chủ đề cần ôn tập. Với những nội dung phức tạp, khó, dài thì kế hoạch ôn tập cần bố trí thời gian thích đáng, tăng số lần nhắc lại; tránh đưa dồn dập các kiến thức khó dễ gây ức chế do áp lực ghi nhớ, tạo tình cảm tự tin, hứng thú, tinh thần chủ động, sáng tạo, ý thức vươn lên trong học tập.

Dưới đây nêu một số cách ôn tập cần chỉ dẫn cho học sinh, tùy theo hoàn cảnh điều kiện thực tế có thể sử dụng riêng rẽ từng cách hoặc đồng thời nhiều cách cùng một lúc giúp cho việc ôn tập đạt kết quả cao nhất. Dĩ nhiên, các nội dung khác nhau phải có cách ôn khác nhau.

1. Đọc lại cách ghi chép (trên lớp hoặc từ các tài liệu tham khảo hỗ trợ) và đánh dấu, tô mầu những câu, đoạn, điểm cần nhớ, cần xem lại, nghi vấn sự chính xác... sao cho dễ nhận ra khi xem lại. Sau đó viết tóm tắt các vấn đề tiếp thu qua việc ôn lại đó với số lượng chữ ít nhất mà không làm thay đổi nội dung ôn tập.

2. Viết các nội dung cơ bản, chủ yếu của tài liệu theo cách hiểu của bản thân.

3. Trình bày lại nội dung ôn tập dưới dạng mới, dạng sơ đồ hoặc hình vẽ phù hợp. Các hình vẽ hoặc sơ đồ này cần đơn giản nhưng cần phải chứa đủ thông tin căn bản, cốt lõi, chủ yếu.

4. Phân chia nội dung ôn tập thành các phần nhỏ và bố trí thời lượng tương ứng phù hợp cho mỗi phần. Mỗi khi chuyển ôn tập qua phần tiếp theo cần dành một lượng thời gian phù hợp để ôn lại phần đã ôn trước.

5. Mỗi nội dung ôn tập cần được ôn lại ít nhất hai lần:

+ Lần đầu, nên dành 2/3 thời gian (dự định trong ngày, trong tuần ...) để đọc lại toàn bộ nội dung kiến thức đã ghi chép và xác định các đoạn, các phần kiến thức cơ bản, sau đó đọc lại từng phần, từng đoạn đó. Khi đọc xong mỗi đoạn, mỗi phần, mỗi nội dung thì viết lại các nội dung chủ yếu, nếu chưa nhớ thì có thể nhìn tài liệu.

+ Lần thứ hai, viết lại (trên giấy, trên bảng, đĩa CD, máy tính...) các nội dung như đã ôn ở lần đầu mà không nhìn tài liệu. Sau đó, mở tài liệu để kiểm tra mức độ đầy đủ, chính xác của nội dung ôn tập đã nhập hoá thành tri thức cá nhân; Những thông tin còn thiếu được chèn bổ sung vào bản ghi bằng loại mực màu nổi bật

6. Lập phiếu ôn tập: mặt trước ghi các câu hỏi, mặt sau ghi các câu trả lời. Dưới mỗi câu hỏi, có những ô vuông nhỏ. Các ô vuông này được qui ước đánh dấu theo ký hiệu nào đó tương ứng với sự trả lời đúng hoặc sai. Điều này giúp người học chú ý hạn chế sai sót trong trả lời câu hỏi ở những lần ôn sau

7. Trình bày nội dung ôn tập trước người bạn không cùng lớp. nếu người đó hiểu được và bạn có thể trả lời bất kỳ câu hỏi nào của người đó đặt ra, thì chúng tỏ bạn nắm vững nội dung ôn tập.

8. Dùng máy ghi âm lại, viết lại trên giấy ... các câu trả lời. Sau đó, so sánh với tài liệu để kiểm tra mức độ đạt được về nhớ thông tin, về phương án trả lời.

9. Tự lập bảng câu hỏi kiểm tra bằng cách chuyển các ý chính trong bài học thành các câu hỏi.

Thầy cô giáo hướng dẫn ôn tập, cần quán triệt rõ: những cách ôn tập trên đều là những biểu hiện cụ thể của việc hệ thống hoá kiến thức theo hướng làm rõ cấu trúc của từng phần, từng chương, từng mạch kiến thức, từng chủ đề hay toàn thể của chương trình; làm rõ vị trí của mỗi kiến thức và quan hệ giữa các kiến thức; tránh việc hệ thống hoá nặng tính hình thức như liệt kê các công thức, các định lí, các dạng toán đã học theo đúng khuôn mẫu và trình tự như trong sách giáo khoa. Cùng với việc hướng dẫn học sinh hệ thống hoá kiến thức, các thầy cô giáo giúp học sinh sắp xếp các bài tập và phân chia thành các dạng loại bài tập để nắm vững cách giải chung cho từng dạng loại chính, đồng thời nhắc lại và ghi ra được những kiến thức, định lí, công thức, suy luận đã học ở lớp dưới, nay thường phải sử dụng nhiều để giải toán. Trong tình hình thực tế hiện nay, để giảm áp lực các kì thi, các thầy cô giáo cần tổ chức dạy và học chu đáo ngay từ đầu năm học, ôn tập đều đặn sau từng chương mục, giúp học sinh tự giải các câu hỏi và bài tập, không làm thay.

### **Về đánh giá**

– Thực hiện:

+ Các hình thức kiểm tra, đánh giá kết quả của học sinh: đánh giá thường xuyên (kiểm tra miệng, kiểm tra viết 10 – 15 phút, kiểm tra bài làm ở nhà của học sinh), đánh giá định kì (kiểm tra cuối chương, kiểm tra giữa học kì, kiểm tra cuối học kì, kiểm tra cuối năm học).

+ Các đề kiểm tra học kỳ, cuối năm nên ra theo hình thức tự luận; Các đề kiểm tra khác được ra theo các hình thức: tự luận, trắc nghiệm khách quan hoặc kết hợp tự luận với trắc nghiệm khách quan.

+ Kết hợp hài hoà việc đánh giá theo bài làm tự luận và bài làm trắc nghiệm.

+ Đề kiểm tra, đánh giá cần phù hợp với mức độ yêu cầu của chương trình và có chú ý đến tính sáng tạo, phân hoá học sinh.

+ Đảm bảo chất lượng tiết trả bài cuối kì, cuối năm, đánh giá được năng lực toán học của từng học sinh theo chuẩn kiến thức toán.

– Các loại bài kiểm tra trong một học kì:

+ Kiểm tra miệng: 1 lần /1 học sinh.

+ Kiểm tra 15': 3 bài (Đại số, Giải tích: 1 bài. Hình học: 1 bài. Thực hành toán: 1 bài).

+ Kiểm tra 45': 3 bài (Đại số, Giải tích: 2 bài. Hình học: 1 bài).

+ Kiểm tra 90': vào cuối học kì I và học kì II (gồm Đại số, Giải tích và Hình học).

Lưu ý: Phân bố các bài kiểm tra 45' vào cuối chương hoặc cách nhau khoảng từ 10-15 tiết.

## B. KHUNG PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH

### CHƯƠNG TRÌNH CHUẨN

TT	Lớp	Học kì	Số tiết một học kì	Nội dung					Nội dung tự chọn	Ghi chú (Số tiết theo môn của chương trình bắt buộc)
				Lí thuyết	Bài tập	Thực hành	Ôn tập	Kiểm tra		
1	10	1	54	31 tiết	11 tiết	2 tiết	5 tiết	5 tiết	<i>Xem hướng dẫn chi tiết ở phần dưới</i>	Đại số: 32 tiết Hình học: 22 tiết
		2	51	29 tiết	10 tiết	2 tiết	5 tiết	5 tiết		Đại số: 30 tiết Hình học: 21 tiết
2	11	1	72	43 tiết	14 tiết	2 tiết	8 tiết	5 tiết		ĐS&GT: 48 tiết Hình học: 24 tiết
		2	51	29 tiết	10 tiết	2 tiết	5 tiết	5 tiết		ĐS&GT: 30 tiết Hình học: 21 tiết
3	12	1	72	43 tiết	14 tiết	2 tiết	8 tiết	5 tiết		Giải tích: 48 tiết Hình học: 24 tiết
		2	51	29 tiết	10 tiết	2 tiết	5 tiết	5 tiết		Giải tích: 30 tiết Hình học: 21 tiết

### CHƯƠNG TRÌNH NÂNG CAO

TT	Lớp	Học kì	Số tiết một học kì	Nội dung					Nội dung tự chọn	Ghi chú (Số tiết theo môn của chương trình bắt buộc)
				Lí thuyết	Bài tập	Thực hành	Ôn tập	Kiểm tra		
1	10 nâng cao	1	72	42 tiết	14 tiết	2 tiết	9 tiết	5 tiết	<i>Xem hướng dẫn chi tiết ở phần dưới</i>	Đại số: 46 tiết Hình học: 26 tiết
		2	68	40 tiết	13 tiết	2 tiết	8 tiết	5 tiết		Đại số: 44 tiết Hình học: 24 tiết
2	11 nâng cao	1	72	42 tiết	14 tiết	2 tiết	9 tiết	5 tiết		ĐS&GT: 46 tiết Hình học: 26 tiết
		2	68	40 tiết	13 tiết	2 tiết	8 tiết	5 tiết		ĐS&GT: 44 tiết Hình học: 24 tiết
3	12 nâng cao	1	72	42 tiết	14 tiết	2 tiết	9 tiết	5 tiết		Giải tích: 46 tiết Hình học: 26 tiết
		2	68	40 tiết	13 tiết	2 tiết	8 tiết	5 tiết		Giải tích: 44 tiết Hình học: 24 tiết

## LỚP 10

<b>Cả năm 105 tiết</b>	<b>Đại số 62 tiết</b>	<b>Hình học 43 tiết</b>
<b>Học kì I: 19 tuần (54 tiết)</b>	<b>32 tiết</b>	<b>22 tiết</b>
<b>Học kì II: 18 tuần (51 tiết)</b>	<b>30 tiết</b>	<b>21 tiết</b>

TT	Nội dung	Số tiết	Ghi chú
1	<b>Mệnh đề. Tập hợp</b> Mệnh đề và mệnh đề chứa biến. Áp dụng mệnh đề vào suy luận toán học. Tập hợp và các phép toán trên tập hợp: hợp, giao, hiệu của hai tập hợp. Các tập hợp số. Số gần đúng và sai số.	10	
2	<b>Hàm số bậc nhất và bậc hai</b> Ôn tập và bổ túc về hàm số. Hàm số bậc hai và đồ thị. Hàm số $y =  x $ .	8	
3	<b>Phương trình. Hệ phương trình</b> Đại cương về phương trình, hệ phương trình: các khái niệm cơ bản. Phương trình quy về bậc nhất, bậc hai. Phương trình bậc nhất hai ẩn; hệ phương trình bậc nhất hai ẩn, ba ẩn.	10	
4	<b>Bất đẳng thức. Bất phương trình</b> Bất đẳng thức. Bất đẳng thức giữa trung bình cộng và trung bình nhân, bất đẳng thức chứa dấu giá trị tuyệt đối. Dấu của nhị thức bậc nhất. Bất phương trình và hệ bất phương trình bậc nhất một ẩn, hai ẩn. Dấu của tam thức bậc hai. Bất phương trình bậc hai. Bất phương trình quy về bậc hai.	15	
5	<b>Thống kê</b> Thống kê: Bảng phân bố tần số – tần suất, bảng phân bố tần số – tần suất ghép lớp. Biểu đồ hình cột tần số, tần suất; đường gấp khúc tần số, tần suất; biểu đồ hình quạt. Số trung bình cộng, số trung vị và mốt. Phương sai và độ lệch chuẩn.	7	
6	<b>Góc lượng giác và công thức lượng giác</b> Góc và cung lượng giác, giá trị lượng giác của chúng. Công thức cộng. Công thức nhân đôi. Công thức biến đổi tích thành tổng. Công thức biến đổi tổng thành tích.	6	
7	<b>Vectơ</b> Vectơ. Tổng, hiệu hai vectơ. Tích vectơ với một số. Trục, hệ trục tọa độ. Tọa độ của điểm và tọa độ của vectơ.	13	Hình học 43 tiết (trong đó có 6 tiết kiểm tra và trả bài)
8	<b>Tích vô hướng của hai véc tơ và ứng dụng</b> Tích vô hướng của hai vectơ. Ứng dụng vào tam giác (định lí cosin, định lí sin, độ dài đường trung tuyến, diện tích tam giác, giải tam giác).	12	
9	<b>Phương pháp tọa độ trong mặt phẳng</b> Phương trình đường thẳng (phương trình tổng quát, phương trình tham số). Điều kiện để hai đường thẳng cắt nhau, song song, trùng nhau, vuông góc với nhau. Khoảng cách và góc. Phương trình đường tròn, phương trình tiếp tuyến của đường tròn. Elíp (định nghĩa, phương trình chính tắc, hình dạng).	12	

## LỚP 10 NÂNG CAO

**Ghi chú:** Dưới đây phần chữ in đậm, nghiêng là phần khác biệt với phần chuẩn

Cả năm 140 tiết	Đại số 90 tiết	Hình học 50 tiết
Học kì I: 19 tuần (72 tiết)	<b>46 tiết</b>	<b>26 tiết</b>
Học kì II: 18 tuần (68 tiết)	<b>44 tiết</b>	<b>24 tiết</b>

TT	Nội dung	Số tiết	Ghi chú
1	<b>Mệnh đề. Tập hợp</b> Mệnh đề và mệnh đề chứa biến. Áp dụng mệnh đề vào suy luận toán học. Tập hợp và các phép toán trên tập hợp: hợp, giao, hiệu của hai tập hợp. Số gần đúng và sai số.	13	Đại số 90 tiết (trong đó có 8 tiết ôn tập, kiểm tra và trả bài)
2	<b>Hàm số bậc nhất và bậc hai</b> Ôn tập và bổ túc về hàm số. Hàm số bậc hai và đồ thị. Hàm số $y =  x $ ; $y = \sqrt{ax + b}$ .	10	
3	<b>Phương trình. Hệ phương trình</b> Đại cương về phương trình, hệ phương trình: các khái niệm cơ bản. Phương trình quy về bậc nhất, bậc hai. Phương trình bậc nhất hai ẩn; hệ phương trình bậc nhất hai ẩn, ba ẩn. <b>Một số hệ phương trình bậc hai một ẩn và hai ẩn.</b>	16	
4	<b>Bất đẳng thức. Bất phương trình</b> Bất đẳng thức. Bất đẳng thức giữa trung bình cộng và trung bình nhân, bất đẳng thức chứa dấu giá trị tuyệt đối. Dấu của nhị thức bậc nhất. Bất phương trình và hệ bất phương trình bậc nhất một ẩn, hai ẩn. Dấu của tam thức bậc hai. Bất phương trình bậc hai. <b>Một số hệ bất phương trình bậc hai.</b> Bất phương trình quy về bậc hai.	23	
5	<b>Thống kê</b> Thống kê: Bảng phân bố tần số – tần suất, bảng phân bố tần số – tần suất ghép lớp. Biểu đồ hình cột tần số, tần suất; đường gấp khúc tần số, tần suất; biểu đồ hình quạt. Số trung bình cộng, số trung vị và mốt. Phương sai và độ lệch chuẩn.	9	
6	<b>Góc lượng giác và công thức lượng giác</b> Góc và cung lượng giác, giá trị lượng giác của chúng. Công thức cộng. Công thức nhân đôi. Công thức biến đổi tích thành tổng. Công thức biến đổi tổng thành tích.	11	
7	<b>Vectơ</b> Vectơ. Tổng, hiệu hai vectơ. Tích vectơ với một số. Trục, hệ trục tọa độ. Tọa độ của điểm và tọa độ của vectơ.	14	

TT	Nội dung	Số tiết	Ghi chú
8	<b>Tích vô hướng của của hai véc tơ và ứng dụng</b> Tích vô hướng của hai vectơ. Ứng dụng vào tam giác (định lí cosin, định lí sin, độ dài đường trung tuyến, diện tích tam giác, giải tam giác).	9	<i>tiết ôn tập, kiểm tra và trả bài)</i>
9	<b>Phương pháp tọa độ trong mặt phẳng</b> Phương trình đường thẳng (phương trình tổng quát, phương trình tham số). Điều kiện để hai đường thẳng cắt nhau, song song, trùng nhau, vuông góc với nhau. Khoảng cách và góc. Phương trình đường tròn, phương trình tiếp tuyến của đường tròn. Elíp, <b>hyperbol</b> , <b>parabol</b> (định nghĩa, phương trình chính tắc, hình dạng). <b>Đường chuẩn của ba đường conic.</b>	21	

## LỚP 11

Cả năm 123 tiết	Đại số và Giải tích 78 tiết	Hình học 45 tiết
Học kì I: 19 tuần (72 tiết)	48 tiết	24 tiết
Học kì II: 18 tuần (51 tiết)	30 tiết	21 tiết

TT	Nội dung	Số tiết	Ghi chú
1	<b>Hàm số lượng giác. Phương trình lượng giác</b> Các hàm số lượng giác (định nghĩa, tính tuần hoàn, sự biến thiên, đồ thị). Phương trình lượng giác cơ bản. Phương trình bậc hai đối với một hàm số lượng giác. Phương trình $asinx + bcosx = c$ . Phương trình thuần nhất bậc hai đối với $\sin x$ và $\cos x$ .	21	<i>Đại số 78 tiết (trong đó có 6 tiết ôn tập, kiểm tra và trả bài)</i>
2	<b>Tổ hợp. Khái niệm về xác suất</b> Quy tắc cộng, quy tắc nhân. Chỉnh hợp, hoán vị, tổ hợp. Nhị thức Niu-tơn. Phép thử và biến cố. Xác suất của biến cố.	15	
3	<b>Dãy số. Cấp số cộng. Cấp số nhân</b> Phương pháp quy nạp toán học. Dãy số. Cấp số cộng. Cấp số nhân.	9	
4	<b>Giới hạn</b> Giới hạn của dãy số, giới hạn của hàm số. Một số định lí về giới hạn của dãy số, hàm số. Các dạng vô định. Hàm số liên tục. Một số định lí về hàm số liên tục.	14	
5	<b>Đạo hàm</b> Đạo hàm. Ý nghĩa hình học và ý nghĩa cơ học của đạo hàm. Các quy tắc tính đạo hàm. Đạo hàm của hàm số lượng giác. Vi phân. Đạo hàm cấp hai.	13	

TT	Nội dung	Số tiết	Ghi chú
6	<b>Phép dời hình và phép đồng dạng trong mặt phẳng</b> Phép biến hình trong mặt phẳng, phép đối xứng trục, phép đối xứng tâm, phép tịnh tiến, phép quay, phép dời hình, hai hình bằng nhau. Phép đồng dạng trong mặt phẳng, phép vị tự, phép đồng dạng, hai hình đồng dạng.	11	Hình học 45 tiết (trong đó có 6 tiết ôn tập, kiểm tra và trả bài)
7	<b>Đường thẳng và mặt phẳng trong không gian. Quan hệ song song</b> Hình học không gian: Đường thẳng và mặt phẳng trong không gian. Vị trí tương đối giữa hai đường thẳng trong không gian. Đường thẳng và mặt phẳng song song. Hai mặt phẳng song song. Hình lăng trụ và hình hộp. Phép chiếu song song. Hình biểu diễn của hình không gian.	13	
8	<b>Vectơ trong không gian. Quan hệ vuông góc trong không gian</b> Vectơ và phép toán vectơ trong không gian. Hai đường thẳng vuông góc. Đường thẳng vuông góc với mặt phẳng. Phép chiếu vuông góc. Định lí ba đường vuông góc. Góc giữa đường thẳng và mặt phẳng. Góc giữa hai mặt phẳng. Hai mặt phẳng vuông góc. Khoảng cách (từ một điểm đến một đường thẳng, đến một mặt phẳng, giữa đường thẳng và mặt phẳng song song, giữa hai mặt phẳng song song, giữa hai đường thẳng chéo nhau). Hình lăng trụ đứng, hình hộp chữ nhật, hình lập phương. Hình chóp, hình chóp đều và hình chóp cụt đều.	15	

## LỚP 11 NÂNG CAO

**Ghi chú:** Dưới đây phân chữ in đậm, nghiêng là phần khác biệt với phần chuẩn

Cả năm 140 tiết	Đại số 90 tiết	Hình học 50 tiết
Học kì I: 19 tuần (72 tiết)	46 tiết	26 tiết
Học kì II: 18 tuần (68 tiết)	44 tiết	24 tiết

TT	Nội dung	Số tiết	Ghi chú
1	<b>Hàm số lượng giác. Phương trình lượng giác</b> Các hàm số lượng giác (định nghĩa, tính tuần hoàn, sự biến thiên, đồ thị). Phương trình lượng giác cơ bản. Phương trình bậc hai đối với một hàm số lượng giác. Phương trình $a\sin x + b\cos x = c$ . Phương trình thuần nhất bậc hai đối với $\sin x$ và $\cos x$ . <b>Một số phương trình lượng giác đơn giản khác.</b>	22	Đại số 90 tiết (trong đó có 7 tiết ôn tập, kiểm tra và trả bài)
2	<b>Tổ hợp. Khái niệm về xác suất</b> Quy tắc cộng, quy tắc nhân. Chỉnh hợp, hoán vị, tổ hợp. Nhị thức Niu-tơn. Phép thử và biến cố. Định nghĩa xác suất. Các qui tắc tính xác suất. <b>Biến ngẫu nhiên rời rạc.</b>	20	



<b>TT</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Số tiết</b>	<b>Ghi chú</b>
3	<b>Dãy số. Cấp số cộng. Cấp số nhân</b> Phương pháp quy nạp toán học. <b>Dãy số. Cấp số cộng. Cấp số nhân.</b>	13	
4	<b>Giới hạn</b> Giới hạn của dãy số, giới hạn của hàm số. Một số định lý về giới hạn của dãy số, hàm số. Các dạng vô định. Hàm số liên tục. Một số định lý về hàm số liên tục.	14	
5	<b>Đạo hàm</b> Đạo hàm. Ý nghĩa hình học và ý nghĩa cơ học của đạo hàm. Các quy tắc tính đạo hàm. Đạo hàm của các hàm số lượng giác. Ví phân. <b>Đạo hàm cấp cao.</b>	14	
6	<b>Phép dời hình và phép đồng dạng trong mặt phẳng</b> Phép biến hình trong mặt phẳng, phép đối xứng trục, phép đối xứng tâm, phép tịnh tiến, phép quay, phép dời hình, hai hình bằng nhau. Phép đồng dạng trong mặt phẳng, phép vị tự, phép đồng dạng, hai hình đồng dạng.	14	
7	<b>Đường thẳng và mặt phẳng trong không gian. Quan hệ song song</b> Hình học không gian: Đường thẳng và mặt phẳng trong không gian. Vị trí tương đối giữa hai đường thẳng trong không gian. Đường thẳng và mặt phẳng song song. Hai mặt phẳng song song. Hình lăng trụ và hình hộp. Phép chiếu song song. Hình biểu diễn của hình không gian.	14	Hình học 50 tiết (trong đó có 7 tiết ôn tập, kiểm tra và trả bài)
8	<b>Vectơ trong không gian. Quan hệ vuông góc trong không gian</b> Vectơ và phép toán vectơ trong không gian. Hai đường thẳng vuông góc. Đường thẳng vuông góc với mặt phẳng. Phép chiếu vuông góc. Định lý ba đường vuông góc. Góc giữa đường thẳng và mặt phẳng. Góc giữa hai mặt phẳng. Hai mặt phẳng vuông góc. Khoảng cách (từ một điểm đến một đường thẳng, đến một mặt phẳng, giữa đường thẳng và mặt phẳng song song, giữa hai mặt phẳng song song, giữa hai đường thẳng chéo nhau). Hình lăng trụ đứng, hình hộp chữ nhật, hình lập phương. Hình chóp, hình chóp đều và hình chóp cụt đều.	15	

## LỚP 12

<b>Cả năm 123 tiết</b>	<b>Đại số và Giải tích 78 tiết</b>	<b>Hình học 45 tiết</b>
<b>Học kì I: 19 tuần (72 tiết)</b>	<b>48 tiết</b>	<b>24 tiết</b>
<b>Học kì II: 18 tuần (51 tiết)</b>	<b>30 tiết</b>	<b>21 tiết</b>

<b>TT</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Số tiết</b>	<b>Ghi chú</b>
-----------	-----------------	----------------	----------------

1	<b>Ứng dụng đạo hàm để khảo sát và vẽ đồ thị của hàm số</b> Sự đồng biến, nghịch biến của hàm số. Cực trị của hàm số. Giá trị lớn nhất và giá trị nhỏ nhất của hàm số. Đường tiệm cận đứng, đường tiệm cận ngang của đồ thị hàm số. Khảo sát sự biến thiên và vẽ đồ thị của hàm số	20	Đại số 78 tiết (trong đó có 16 tiết ôn tập, kiểm tra, trả bài và tổng ôn thi tốt nghiệp)
2	<b>Hàm số lũy thừa, hàm số mũ và hàm số lôgarit</b> Lũy thừa. Hàm số lũy thừa. Lôgarit. Hàm số mũ. Hàm số lôgarit. Phương trình mũ và phương trình lôgarit. Bất phương trình mũ và lôgarit	17	
3	<b>Nguyên hàm, Tích phân và ứng dụng</b> Nguyên hàm. Tích phân. Ứng dụng của tích phân trong hình học.	16	
4	<b>Số phức</b> Số phức. Cộng, trừ và nhân số phức. Phép chia số phức. Phương trình bậc hai với hệ số thực	9	
5	<b>Khối đa diện</b> Khái niệm về khối đa diện. Khối đa diện lồi và khối đa diện đều. Khái niệm về thể tích của khối đa diện	11	Hình học 45 tiết
6	<b>Mặt nón, mặt trụ, mặt cầu</b> Khái niệm về mặt tròn xoay. Mặt cầu	10	(trong đó có 6 tiết ôn tập, kiểm tra, trả bài và tổng ôn thi tốt nghiệp)
7	<b>Phương pháp tọa độ trong không gian</b> Hệ tọa độ trong không gian. Phương trình mặt phẳng. Phương trình đường thẳng trong không gian.	18	

## LỚP 12 NÂNG CAO

**Ghi chú:** Dưới đây phần chữ in đậm, nghiêng là phần khác biệt với phần chuẩn

<b>Cả năm 140 tiết</b>	<b>Đại số 90 tiết</b>	<b>Hình học 50 tiết</b>
<b>Học kì I: 19 tuần (72 tiết)</b>	<b>46 tiết</b>	<b>26 tiết</b>
<b>Học kì II: 18 tuần (68 tiết)</b>	<b>44 tiết</b>	<b>24 tiết</b>

TT	Nội dung	Số tiết	Ghi chú
1	<b>Ứng dụng đạo hàm để khảo sát và vẽ đồ thị của hàm số</b> Tính đơn điệu của hàm số. Cực trị của hàm số. Giá trị lớn nhất và giá trị nhỏ nhất của hàm số. Đồ thị của hàm số. Phép tịnh tiến hệ tọa độ. <b>Đường tiệm cận của đồ thị hàm số.</b> Khảo sát sự biến thiên và vẽ đồ thị của một số hàm đa thức. Khảo sát sự biến thiên và vẽ đồ thị của một số hàm phân thức hữu tỷ. <b>Một số bài toán thường gặp về đồ thị.</b>	23	Giải tích 90 tiết (trong đó có 12 tiết ôn tập, kiểm tra, trả bài và tổng ôn thi tốt nghiệp)
2	<b>Hàm số lũy thừa, hàm số mũ và hàm số lôgarit</b> Lũy thừa với số mũ hữu tỉ. Lũy thừa với số mũ thực. Lôgarit. Số e và lôgarit tự nhiên. Hàm số mũ và hàm số lôgarit. Hàm số lũy thừa. Phương trình mũ và lôgarit. <b>Hệ phương trình mũ và lôgarit.</b> Bất phương trình mũ và lôgarit.	23	
3	<b>Nguyên hàm, Tích phân và ứng dụng</b> Nguyên hàm. Một số phương pháp tìm nguyên hàm. Tích phân. Một số phương pháp tính tích phân. Ứng dụng tích phân để tính diện tích hình phẳng. Ứng dụng tích phân để tính thể tích vật thể	18	

4	<b>Số phức</b> Số phức. Căn bậc hai của số phức và phương trình bậc hai. <b>Dạng lượng giác của số phức và ứng dụng.</b>	<b>14</b>	
5	<b>Khối đa diện</b> Khái niệm về khối đa diện. Phép đối xứng qua mặt phẳng và sự bằng nhau của các khối đa diện. Phép vị tự và sự đồng dạng của các khối đa diện. <b>Các khối đa diện đều.</b> Thể tích của khối đa diện	<b>14</b>	Hình học 50 tiết
6	<b>Mặt nón, mặt trụ, mặt cầu</b> Mặt cầu, Khối cầu. Khái niệm về mặt tròn xoay. Mặt trụ. Hình trụ. Khối trụ. Mặt nón. Hình nón. Khối nón	<b>11</b>	(trong đó có 6 tiết ôn tập, kiểm tra, trả bài và tổng ôn thi tốt nghiệp)
7	<b>Phương pháp tọa độ trong không gian</b> Hệ tọa độ trong không gian. Phương trình mặt phẳng. Phương trình đường thẳng.	<b>19</b>	

## NỘI DUNG TỰ CHỌN NÂNG CAO ĐỐI VỚI CHƯƠNG TRÌNH CHUẨN

### 1. Mục tiêu

**a) Kiến thức:** Làm cho học sinh nắm vững hơn chuẩn kiến thức, kỹ năng của chương trình chuẩn và trên cơ sở đó tiếp cận chuẩn kiến thức, kỹ năng của chương trình nâng cao.

**b) Kỹ năng:** Tăng cường rèn luyện kỹ năng giải toán. Thông qua việc rèn luyện đó, học sinh được củng cố một số kiến thức đã học trong chương trình chuẩn và tìm hiểu một số kiến thức mới trong chương trình nâng cao.

**c) Thái độ:** Làm cho học sinh tự tin, hứng thú, kiên trì, sáng tạo trong học tập môn Toán.

### 2. Một số điểm cần lưu ý:

– Cần bám sát chương trình và sách giáo khoa nâng cao hoặc tài liệu chủ đề tự chọn nâng cao, cho học sinh giải một số bài tập trong sách giáo khoa này để học sinh phần đầu tiếp cận chương trình nâng cao.

– Do số giờ dành cho tự chọn nâng cao này quá ít nên không đặt ra yêu cầu học sinh đạt ngay mức độ tương đương chương trình nâng cao.

– Không nên quá cứng nhắc trong phân phối thời gian cho các chủ đề tự chọn. Tùy tình hình cụ thể mà bố trí bổ sung thêm phân tổng kết hay nhấn mạnh một số chủ đề khác.

– Nếu giáo viên được đồng thời dạy theo chương trình chuẩn và dạy chủ đề tự chọn nâng cao thì sẽ sẽ linh hoạt hơn trong việc phân phối thời gian cho các chủ đề tự chọn.

### 3. Danh mục các chủ đề

Lớp	TT	Tên chủ đề	Số tiết	Ghi chú
10	1	Hàm số và đồ thị	3	Mỗi chủ đề: lựa chọn nội dung trong SGKNC hoặc tài liệu chủ đề tự chọn nâng cao do Bộ GDĐT ban hành
	2	Chứng minh bất đẳng thức	2	
	3	Phương trình và hệ phương trình	5	
	4	Bất phương trình	4	
	5	Bảng số liệu thống kê và các số đặc trưng	4	
	6	Công thức lượng giác	4	
	7	Véc tơ và các phép tính vectơ	4	
	8	Giải tam giác	4	
	9	Phương pháp tọa độ trong mặt phẳng	5	

Lớp	TT	Tên chủ đề	Số tiết	Ghi chú
11	1	Phương trình lượng giác	3	Mỗi chủ đề: lựa chọn nội dung trong SGKNC hoặc tài liệu chủ đề tự chọn nâng cao do Bộ GDĐT ban hành
	2	Tổ hợp, xác suất	4	
	3	Giới hạn. Đạo hàm	4	
	4	Phép dời hình và phép đồng dạng trong mặt phẳng	2	
	5	Quan hệ song song trong không gian	2	
	6	Quan hệ vuông góc trong không gian	3	
12	1	Một số bài toán về đồ thị hàm số	4	Mỗi chủ đề: lựa chọn nội dung trong SGKNC hoặc tài liệu chủ đề tự chọn nâng cao do Bộ GDĐT ban hành
	2	Hàm số mũ, hàm số lôgarit	4	
	3	Nguyên hàm, tích phân và ứng dụng	3	
	4	Thể tích khối đa diện, khối cầu, khối trụ, khối nón.	3	
	5	Phương pháp tọa độ trong không gian	4	

-----

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Tài liệu

**PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH THCS**

MÔN **VẬT LÝ**

*(Dùng cho các cơ quan quản lý giáo dục và giáo viên,  
áp dụng từ năm học 2008-2009)*

# A. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG KHUNG PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH THPT

## I. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

Khung phân phối chương trình (KPPCT) này áp dụng cho cấp THCS từ năm học 2008-2009, gồm 2 phần: (A) Hướng dẫn sử dụng KPPCT; (B) Khung PPCT.

### 1. Về Khung phân phối chương trình

KPPCT quy định thời lượng dạy học cho từng phần của chương trình (chương, phần, bài học, môđun, chủ đề,...), trong đó có thời lượng dành cho luyện tập, bài tập, ôn tập, thí nghiệm, thực hành và thời lượng tiến hành kiểm tra định kì tương ứng với các phần đó.

Thời lượng quy định tại KPPCT áp dụng trong trường hợp học 1 buổi/ngày, thời lượng dành cho kiểm tra là không thay đổi, thời lượng dành cho các hoạt động khác là quy định tối thiểu. Tiến độ thực hiện chương trình khi kết thúc học kì I và kết thúc năm học được quy định thống nhất cho tất cả các trường THCS trong cả nước.

Căn cứ KPPCT, các Sở GDĐT cụ thể hoá thành PPCT chi tiết, bao gồm cả dạy học tự chọn cho phù hợp với địa phương, áp dụng chung cho các trường THCS thuộc quyền quản lí. Các trường THCS có điều kiện bố trí giáo viên và kinh phí chi trả giờ dạy vượt định mức quy định (trong đó có các trường học nhiều hơn 6 buổi/tuần), có thể chủ động đề nghị Phòng GDĐT xem xét trình Sở GDĐT phê chuẩn việc điều chỉnh PPCT tăng thời lượng dạy học cho phù hợp (*lãnh đạo Sở GDĐT phê duyệt, kí tên, đóng dấu*).

### 2. Về phân phối chương trình dạy học tự chọn

a) Thời lượng và cách tổ chức dạy học tự chọn:

Thời lượng dạy học tự chọn của các lớp cấp THCS trong Kế hoạch giáo dục là 2 tiết/tuần, dạy học chung cho cả lớp (các trường tự chủ về kinh phí có thể chia lớp thành nhóm nhỏ hơn nhưng vẫn phải theo kế hoạch chung của cả lớp).

Việc sử dụng thời lượng dạy học tự chọn THCS theo 1 trong 2 cách sau đây:

*Cách 1:* Chọn 1 trong 3 môn học, hoạt động giáo dục : Tin học, Ngoại ngữ 2, Nghệ phổ thông (trong đó Ngoại ngữ 2 có thể bố trí vào 2 tiết dạy học tự chọn này hoặc bố trí ngoài thời lượng dạy học 6 buổi/tuần).

*Cách 2:* Dạy học các chủ đề tự chọn nâng cao, bám sát (CĐNC, CĐBS).

– Dạy học CĐNC là để khai thác sâu hơn kiến thức, kĩ năng của chương trình, bổ sung kiến thức, bồi dưỡng năng lực tư duy nhưng phải phù hợp với trình độ tiếp thu của học sinh.

Các Sở GDĐT tổ chức biên soạn, thẩm định tài liệu CĐNC (*trong đó có các tài liệu Lịch sử, Địa lí, Văn học địa phương*), dùng cho cấp THCS theo hướng dẫn của Bộ GDĐT (tài liệu CĐNC sử dụng cho cả giáo viên và học sinh như SGK) và quy định cụ thể PPCT dạy học các CĐNC cho phù hợp với mạch kiến thức của môn học đó. Các Phòng GDĐT đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện PPCT dạy học các CĐNC.

– Dạy học các CĐBS là để *ôn tập, hệ thống hóa, khắc sâu kiến thức, kĩ năng* (không bổ sung kiến thức nâng cao mới). Trong điều kiện chưa ban hành được tài liệu CĐNC, cần dành thời lượng dạy học tự chọn để thực hiện CĐBS nhằm ôn tập, hệ thống hóa, khắc sâu kiến thức, kĩ năng cho học sinh.

Hiệu trưởng các trường THCS chủ động lập Kế hoạch dạy học các CĐBS (chọn môn học, ấn định số tiết/tuần cho từng môn, tên bài dạy) cho từng lớp, ổn định trong từng học kì

trên cơ sở đề nghị của các tổ trưởng chuyên môn và giáo viên chủ nhiệm lớp. Giáo viên chuẩn bị kế hoạch bài dạy (giáo án) CĐBS với sự hỗ trợ của tổ chuyên môn.

b) Kiểm tra, đánh giá kết quả dạy học tự chọn:

Việc kiểm tra, đánh giá kết quả học tập CĐTC của môn học thực hiện theo quy định tại *Quy chế đánh giá, xếp loại học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông*.

**Lưu ý:** Các bài dạy CĐTCNC, CĐBS bố trí trong các chương như các bài khác, có thể có điểm kiểm tra dưới 1 tiết riêng nhưng không có điểm kiểm tra 1 tiết riêng, điểm CĐTC môn học nào tính cho môn học đó.

### **3. Thực hiện các hoạt động giáo dục**

a) Phân công giáo viên thực hiện các Hoạt động giáo dục:

Trong KHGD quy định tại CTGDPT do Bộ GDĐT ban hành, các *hoạt động giáo dục* đã được quy định thời lượng với số tiết học cụ thể như các môn học. Đối với giáo viên được phân công thực hiện Hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp (HĐGDNGLL), Hoạt động giáo dục hướng nghiệp (HĐGDHN) được tính giờ dạy như các môn học; việc tham gia điều hành *HĐGD tập thể* (chào cờ đầu tuần và sinh hoạt lớp cuối tuần) là thuộc nhiệm vụ quản lý của Ban Giám hiệu và giáo viên chủ nhiệm lớp, không tính là giờ dạy.

b) Tích hợp HĐGDNGLL, HĐGDHN, môn Công nghệ:

- HĐGDNGLL: Thực hiện đủ các chủ đề quy định cho mỗi tháng, với thời lượng 2 tiết/tháng và tích hợp nội dung HĐGDNGLL sang môn GDCD các lớp 6, 7, 8, 9 ở các chủ đề về đạo đức và pháp luật. Đưa nội dung về Công ước Quyền trẻ em của Liên Hợp quốc vào HĐGDNGLL ở lớp 9 và tổ chức các hoạt động hưởng ứng phong trào "*Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực*" do Bộ GDĐT phát động.

- HĐGDHN (lớp 9):

Điều chỉnh thời lượng HĐGDHN thành 9 tiết/năm học sau khi đưa một số nội dung GDHN tích hợp sang HĐGDNGLL ở 2 *chủ điểm* sau đây:

- + "*Truyền thống nhà trường*", chủ điểm tháng 9;
- + "*Tiến bước lên Đoàn*", chủ điểm tháng 3.

Nội dung tích hợp do Sở GDĐT (hoặc uỷ quyền cho các Phòng GDĐT) hướng dẫn trường THCS thực hiện cho sát thực tiễn địa phương. Về phương pháp tổ chức thực hiện HĐGDHN, có thể riêng theo lớp hoặc theo khối lớp; có thể giao cho giáo viên hoặc mời các chuyên gia, nhà quản lý kinh tế, quản lý doanh nghiệp giảng dạy.

### **4. Đổi mới phương pháp dạy học; đổi mới kiểm tra, đánh giá**

a) Chỉ đạo đổi mới phương pháp dạy học (PPDH):

- Những yêu cầu quan trọng trong đổi mới PPDH là:

+ Phát huy tính tích cực, hứng thú trong học tập của học sinh và vai trò chủ đạo của giáo viên;

+ Thiết kế bài giảng khoa học, sắp xếp hợp lý hoạt động của giáo viên và học sinh, thiết kế hệ thống câu hỏi hợp lý, tập trung vào trọng tâm, tránh nặng nề quá tải (nhất là đối với bài dài, bài khó, nhiều kiến thức mới); bồi dưỡng năng lực độc lập suy nghĩ, vận dụng sáng tạo kiến thức đã học, tránh thiên về ghi nhớ máy móc không nắm vững bản chất;

+ Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học, khuyến khích sử dụng công nghệ thông tin, sử dụng các phương tiện nghe nhìn, thực hiện đầy đủ thí nghiệm, thực hành, liên hệ thực tế trong giảng dạy phù hợp với nội dung từng bài học;

+ Giáo viên sử dụng ngôn ngữ chuẩn xác, trong sáng, sinh động, dễ hiểu, tác phong thân thiện, khuyến khích, động viên học sinh học tập, tổ chức hợp lý cho học sinh làm việc cá nhân và theo nhóm;

+ Dạy học sát đối tượng, coi trọng bồi dưỡng học sinh khá giỏi và giúp đỡ học sinh học lực yếu kém.

- Đối với các môn học: Mỹ thuật, Âm nhạc, Thể dục cần coi trọng truyền thụ kiến thức, hình thành kỹ năng, bồi dưỡng hứng thú học tập, không quá thiên về đánh giá thành tích theo yêu cầu đào tạo chuyên ngành hoạ sỹ, nhạc sỹ, vận động viên.

- Tăng cường chỉ đạo đổi mới PPDH thông qua công tác bồi dưỡng giáo viên và dự giờ thăm lớp của giáo viên, tổ chức rút kinh nghiệm giảng dạy ở các tổ chuyên môn, hội thảo cấp trường, cụm trường, địa phương, hội thi giáo viên giỏi các cấp.

b) Đổi mới kiểm tra, đánh giá (KTĐG):

- Những yêu cầu quan trọng trong đổi mới KTĐG là:

+ Giáo viên đánh giá sát đúng trình độ học sinh với thái độ khách quan, công minh và hướng dẫn học sinh biết tự đánh giá năng lực của mình;

+ Trong quá trình dạy học, cần kết hợp một cách hợp lý hình thức tự luận với hình thức trắc nghiệm khách quan trong KTĐG kết quả học tập của học sinh, chuẩn bị tốt cho việc đổi mới các kỳ thi theo chủ trương của Bộ GDĐT.

+ Thực hiện đúng quy định của Quy chế Đánh giá, xếp loại học sinh THCS, học sinh THPT do Bộ GDĐT ban hành, tiến hành đủ số lần kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ, kiểm tra học kỳ cả lý thuyết và thực hành.

- Đổi mới đánh giá các môn Mỹ thuật, Âm nhạc (THCS), Thể dục (THCS, THPT): Thực hiện đánh giá bằng điểm hoặc đánh giá bằng nhận xét kết quả học tập theo quy định tại Quy chế Đánh giá, xếp loại học sinh THCS, học sinh THPT sửa đổi.

c) Đối với một số môn khoa học xã hội và nhân văn như: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí, Giáo dục công dân, cần coi trọng đổi mới PPDH, đổi mới KTĐG theo hướng hạn chế chỉ ghi nhớ máy móc, không nắm vững kiến thức, kỹ năng môn học. Trong quá trình dạy học, cần đổi mới KTĐG bằng cách nêu vấn đề mở, đòi hỏi học sinh phải vận dụng tổng hợp kiến thức, kỹ năng và biểu đạt chính kiến của bản thân.

d) Từ năm học 2008-2009, tập trung chỉ đạo đánh giá sâu hiệu quả dạy học của môn Giáo dục công dân để tiếp tục đổi mới PPDH, KTĐG nhằm nâng cao chất lượng môn học này (*có hướng dẫn riêng*).

**5. Thực hiện các nội dung giáo dục địa phương** (*hướng dẫn tại công văn số 5977/BGDĐT-GDTrH ngày 07/7/2008*)

## **II. NHỮNG VẤN ĐỀ CỤ THỂ CỦA MÔN VẬT LÝ**

### **1. Đổi mới phương pháp dạy học và đổi mới kiểm tra, đánh giá**

a) Đổi mới phương pháp dạy học:

- Phát huy tính tích cực, hứng thú trong học tập của học sinh và vai trò chủ đạo của giáo viên;

- Thiết kế bài giảng khoa học, sắp xếp hợp lý hoạt động của giáo viên và học sinh, thiết kế hệ thống câu hỏi hợp lý, tập trung vào trọng tâm, tránh nặng nề quá tải (nhất là đối với các bài dài, bài khó, nhiều kiến thức mới); bồi dưỡng năng lực độc lập suy nghĩ, vận dụng sáng tạo kiến thức đã học, tránh thiên về ghi nhớ máy móc không nắm vững bản chất;

- Tăng cường tập huấn nâng cao năng lực sử dụng thiết bị thí nghiệm biểu diễn và thí nghiệm thực hành. Sử dụng tối đa và có hiệu quả các thiết bị thí nghiệm hiện có của bộ



môn. Tổ chức sinh hoạt chuyên đề sử dụng thiết bị dạy học, khuyến khích tự làm đồ dùng dạy học, cải tiến phương án thí nghiệm phù hợp với từng bài học;

- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học, khuyến khích sử dụng hợp lý các phần mềm, thí nghiệm mô phỏng, tư liệu thiết bị dạy học điện tử, các phương tiện nghe nhìn, thực hiện đầy đủ thí nghiệm, thực hành, tích hợp giáo dục bảo vệ môi trường, liên hệ thực tế trong giảng dạy phù hợp với nội dung từng bài học;

- Sử dụng ngôn ngữ chuẩn xác, trong sáng, sinh động, dễ hiểu, tác phong thân thiện, coi trọng việc khuyến khích động viên học sinh học tập, tổ chức hợp lý cho học sinh làm việc cá nhân và theo nhóm.

- Dạy học sát đối tượng, coi trọng bồi dưỡng học sinh khá giỏi và giúp đỡ học sinh học lực yếu kém.

- Tăng cường chỉ đạo đổi mới PPDH thông qua công tác bồi dưỡng giáo viên và thông qua việc dự giờ thăm lớp của giáo viên, tổ chức rút kinh nghiệm giảng dạy ở tổ chuyên môn, hội thảo cấp trường, cụm trường, địa phương, hội thi giáo viên giỏi các cấp.

b) Đổi mới kiểm tra, đánh giá:

- Đánh giá sát đúng trình độ học sinh với thái độ khách quan, công minh và hướng dẫn học sinh tự đánh giá năng lực của mình;

- Trong quá trình dạy học, cần kết hợp một cách hợp lý hình thức tự luận với hình thức trắc nghiệm khách quan trong kiểm tra đánh giá kết quả học tập của học sinh, chuẩn bị tốt cho việc đổi mới các kỳ thi theo chủ trương của Bộ GDĐT;

- Thực hiện quy định của Quy chế đánh giá, xếp loại học sinh THCS, học sinh THPT, đủ số lần kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ, kiểm tra học kỳ cả lý thuyết và thực hành;

- Trong quá trình dạy học, cần hạn chế ghi nhớ máy móc, học thuộc nhưng không nắm vững kiến thức, kỹ năng môn học;

- Các bài thực hành trong chương trình, học sinh đều phải thực hiện và viết báo cáo. Trong mỗi học kỳ, chỉ đánh giá tối đa 1 bài thực hành tính điểm hệ số 2, việc chọn các bài thực hành để đánh giá tính điểm hệ số 2 là do tổ chuyên môn quy định, các bài thực hành khác cho điểm hệ số 1;

- Đánh giá bài thực hành của học sinh bao gồm 2 phần:

+ Phần đánh giá kỹ năng thực hành và kết quả thực hành;

+ Phần đánh giá báo cáo thực hành.

Điểm của bài thực hành bằng trung bình cộng điểm của hai phần trên.

## **2. Hướng dẫn xây dựng phân phối chương trình**

Căn cứ vào kế hoạch giáo dục và KPPCT để xây dựng PPCT cho môn học:

a) Đảm bảo số tiết tối thiểu trong KPPCT để lập kế hoạch dạy học cho hợp lý; thống nhất hoàn thành chương trình theo đúng thời gian cho mỗi học kỳ và cả năm học;

b) Sắp xếp thời khoá biểu một cách hợp lý để sử dụng tối đa các trang thiết bị dạy học, phòng học bộ môn, phòng thí nghiệm.

## B. KHUNG PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH

### LỚP 6

Cả năm: 37 tuần (35 tiết)

Học kì I: 19 tuần (18 tiết)

Học kì II: 18 tuần (17 tiết)

Nội dung	Tổng số tiết	Lí thuyết	Thực hành	Ôn tập, bài tập
Chương I. <b>CƠ HỌC</b>	18	16	1	1
Chương II. <b>NHIỆT HỌC</b>	13	11	1	1
Kiểm tra 1 tiết học kì I (học xong bài 8: Trọng lực - Đơn vị trọng lực)	1			
Kiểm tra học kì I (học xong bài 14: Mặt phẳng nghiêng)	1			
Kiểm tra 1 tiết học kì II (học xong bài 22: Nhiệt kế - Nhiệt giai)	1			
Kiểm tra học kì II	1			
<b>Tổng số tiết trong năm học</b>	<b>35</b>			

### LỚP 7

Cả năm: 37 tuần (35 tiết)

Học kì I: 19 tuần (18 tiết)

Học kì II: 18 tuần (17 tiết)

Nội dung	Tổng số tiết	Lí thuyết	Thực hành	Ôn tập, bài tập
Chương I. <b>QUANG HỌC</b>	9	7	1	1
Chương II. <b>ÂM HỌC</b>	7	6		1
Chương III. <b>ĐIỆN HỌC</b>	15	11	2	2
Kiểm tra 1 tiết học kì I (học xong chương I)	1			
Kiểm tra học kì I (học xong chương II)	1			
Kiểm tra 1 tiết học kì II (học xong bài 23. Tác dụng từ, tác dụng hoá học và tác dụng sinh lí của dòng điện)	1			
Kiểm tra học kì II	1			
<b>Tổng số tiết trong năm học</b>	<b>35</b>			

## LỚP 8

Cả năm: 37 tuần (35 tiết)

Học kì I: 19 tuần (17 tiết)

Học kì II: 18 tuần (18 tiết)

Nội dung	Tổng số tiết	Lí thuyết	Thực hành	Ôn tập, bài tập
Chương I. CƠ HỌC	19	16	1	2
Chương II. NHIỆT HỌC	12	10		2
Kiểm tra 1 tiết học kì I (học xong bài 6: Lực ma sát)	1			
Kiểm tra học kì I (học xong bài 14: Công cơ học)	1			
Kiểm tra 1 tiết học kì II (học xong bài 21: Nhiệt năng )	1			
Kiểm tra học kì II	1			
<b>Tổng số tiết trong năm học</b>	<b>35</b>			

## LỚP 9

Cả năm: 37 tuần (70 tiết)

Học kì I: 19 tuần (36 tiết)

Học kì II: 18 tuần (34 tiết)

Nội dung	Tổng số tiết	Lí thuyết	Thực hành	Ôn tập, bài tập
Chương I. ĐIỆN HỌC	20	15	3	2
Chương II: ĐIỆN TỪ HỌC	20	15	2	3
Chương III. QUANG HỌC	20	16	2	2
Chương IV. SỰ BẢO TOÀN VÀ CHUYỂN HOÁ NĂNG LƯỢNG	6	4		2
Kiểm tra 1 tiết học kì I (học xong chương I)	1			
Kiểm tra học kì I (học xong bài 32: Điều kiện xuất hiện dòng điện cảm ứng)	1			
Kiểm tra 1 tiết học kì II (học xong bài 45: Ảnh của một vật tạo bởi thấu kính phân kì)	1			
Kiểm tra học kì II	1			
<b>Tổng số tiết trong năm học</b>	<b>70</b>			

**Chú ý:** Bài 18: Thực hành kiểm nghiệm mối quan hệ  $Q \sim I^2$  trong định luật Jun – Len xơ, sẽ không bắt buộc thực hành đối với học sinh, tuy nhiên nếu trường nào có điều kiện làm được thí nghiệm thì có thể tổ chức thực hành.

-----

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Tài liệu

**PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH THPT**

MÔN **VẬT LÝ**

*(Dùng cho các cơ quan quản lý giáo dục và giáo viên,  
áp dụng từ năm học 2008-2009)*

# A. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG KHUNG PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH THPT

## I. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

Khung Phân phối chương trình (KPPCT) này áp dụng cho các lớp cấp THPT từ năm học 2008-2009, gồm 2 phần: (A) Hướng dẫn sử dụng KPPCT; (B) Khung PPCT.

### 1. Về khung Phân phối chương trình

KPPCT quy định thời lượng dạy học cho từng phần của chương trình (chương, phần, bài học, môđun, chủ đề,...), trong đó có thời lượng dành cho luyện tập, bài tập, ôn tập, thí nghiệm, thực hành và thời lượng tiến hành kiểm tra định kì tương ứng với các phần đó. Thời lượng nói trên quy định tại KPPCT áp dụng trong trường hợp học 1 buổi/ngày (*thời lượng dành cho kiểm tra là không thay đổi, thời lượng dành cho các hoạt động khác là quy định tối thiểu*). Tiến độ thực hiện chương trình khi kết thúc học kì I và kết thúc năm học được quy định thống nhất cho tất cả các trường THPT trong cả nước. Căn cứ KPPCT, các Sở GDĐT cụ thể hoá thành PPCT chi tiết cho từng bài của môn học và hoạt động giáo dục, bao gồm cả chủ đề tự chọn nâng cao (nếu có) cho phù hợp với địa phương, áp dụng chung cho các trường THPT thuộc quyền quản lí. Các trường THPT có điều kiện bố trí giáo viên và kinh phí chi trả giờ dạy vượt định mức (trong đó có các trường học nhiều hơn 6 buổi/tuần), có thể đề nghị đề Sở GDĐT xem xét phê chuẩn điều chỉnh PPCT tăng thời lượng dạy học cho phù hợp (*lãnh đạo Sở GDĐT phê duyệt, kí tên, đóng dấu*).

### 2. Về Phân phối chương trình dạy học tự chọn

*a)* Môn học tự chọn nâng cao (NC) của ban Cơ bản có thể thực hiện bằng 1 trong 2 cách: Sử dụng SGK nâng cao hoặc sử dụng SGK biên soạn theo chương trình chuẩn kết hợp với chủ đề tự chọn nâng cao (CĐNC) của môn học đó. CĐNC của 8 môn phân hóa chỉ dùng cho ban Cơ bản. Thời lượng dạy học CĐNC của môn học là khoảng chênh lệch giữa thời lượng dành cho chương trình chuẩn và chương trình nâng cao môn học đó trong Kế hoạch giáo dục THPT. Các Sở GDĐT quy định cụ thể PPCT dạy học các CĐNC cho phù hợp với mạch kiến thức của SGK môn học đó. Tài liệu CĐNC sử dụng cho giáo viên và học sinh.

*b)* Dạy học chủ đề tự chọn bám sát (CĐBS) là để *ôn tập, hệ thống hóa, khắc sâu kiến thức, kĩ năng*, không bổ sung kiến thức nâng cao mới. Hiệu trưởng các trường THPT lập Kế hoạch dạy học CĐBS (chọn môn học, ấn định số tiết/tuần cho từng môn, tên bài dạy) cho từng lớp, ổn định trong từng học kì trên cơ sở đề nghị của các tổ trưởng chuyên môn và giáo viên chủ nhiệm lớp.

Bộ GDĐT ban hành tài liệu CĐBS lớp 10, dùng cho giáo viên để tham khảo, không ban hành tài liệu CĐBS lớp 11, 12. Giáo viên chuẩn bị kế hoạch bài giảng CĐBS với sự hỗ trợ của tổ chuyên môn.

*c)* Việc kiểm tra, đánh giá kết quả học tập CĐNC, CĐBS các môn học thực hiện theo quy định tại *Quy chế đánh giá, xếp loại học sinh Trung học cơ sở và học sinh Trung học phổ thông* của Bộ trưởng Bộ GDĐT.

**Lưu ý:** Các bài dạy CĐNC, CĐBS bố trí trong các chương như các bài khác, có thể có điểm kiểm tra dưới 1 tiết riêng nhưng không có điểm kiểm tra 1 tiết riêng, điểm CĐNC, CĐBS môn học nào tính cho môn học đó.

### 3. Thực hiện các hoạt động giáo dục

a) Phân công giáo viên thực hiện các Hoạt động giáo dục:

Trong KHGD quy định tại CTGDPT do Bộ GDĐT ban hành, các *hoạt động giáo dục* đã được quy định thời lượng với số tiết học cụ thể như các môn học. Đối với giáo viên được

phân công thực hiện Hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp (HĐGDNGLL) và Hoạt động giáo dục hướng nghiệp (HĐGDHN) được tính giờ dạy học như các môn học; việc tham gia điều hành *HĐGD tập thể* (chào cờ đầu tuần và sinh hoạt lớp cuối tuần) là thuộc nhiệm vụ quản lý của Ban Giám hiệu và giáo viên chủ nhiệm lớp, không tính là giờ dạy học.

b) Thực hiện tích hợp giữa HĐGDNGLL, HĐGDHN, môn Công nghệ:

- HĐGDNGLL: Thực hiện đủ các chủ đề quy định cho mỗi tháng, với thời lượng 2 tiết/tháng và tích hợp nội dung HĐGDNGLL sang môn GDCD như sau:

- + Lớp 10, ở chủ đề về đạo đức;
- + Lớp 11, các chủ đề về kinh tế và chính trị - xã hội;
- + Lớp 12, ở các chủ đề về pháp luật.

Đưa nội dung giáo dục về Công ước Quyền trẻ em của Liên Hợp quốc vào HĐGDNGLL ở lớp 10 và tổ chức hướng ứng phong trào "*Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực*" do Bộ GDĐT phát động.

- HĐGDHN:

Các lớp 10, 11, 12: Điều chỉnh thời lượng HĐGDHN thành 9 tiết/năm học sau khi tích hợp đưa sang giảng dạy ở môn Công nghệ (*phần "Tạo lập doanh nghiệp" lớp 10*) và tích hợp đưa sang HĐGDNGLL (do giáo viên môn Công nghệ, giáo viên HĐGDNGLL thực hiện) ở 3 chủ đề sau đây:

- + "*Thanh niên với vấn đề lập nghiệp*", chủ đề tháng 3;
- + "*Thanh niên với học tập, rèn luyện vì sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước*", chủ đề tháng 9;
- + "*Thanh niên với xây dựng và bảo vệ Tổ quốc*", chủ đề tháng 12.

Nội dung tích hợp do Sở GDĐT hướng dẫn hoặc uỷ quyền cho các trường THPT hướng dẫn GV thực hiện cho sát thực tiễn địa phương. Cần hướng dẫn học sinh lựa chọn học lên sau THPT (ĐH, CĐ, TCCN, học nghề) hoặc đi vào cuộc sống lao động. Về phương pháp tổ chức thực hiện HĐGDHN, có thể riêng theo lớp hoặc theo khối lớp; có thể giao cho giáo viên hoặc mời các chuyên gia, nhà quản lý kinh tế, quản lý doanh nghiệp giảng dạy.

c) HĐGD nghề phổ thông:

Nơi có đủ giáo viên đào tạo đúng chuyên môn, đủ CSVC phải thực hiện HĐGDNPT ở lớp 11, tổ chức thi và cấp chứng chỉ GDNPT sau khi hoàn thành chương trình 105 tiết đạt yêu cầu trở lên; nơi chưa đủ giáo viên đào tạo đúng chuyên môn, chưa đủ CSVC có thể chưa thực hiện chương trình HĐGDNPT nhưng phải khẩn trương khắc phục, không để kéo dài. Các vấn đề cụ thể về HĐGDNPT, thực hiện theo hướng dẫn tại công văn số 8608/BGDĐT-GDTrH ngày 16/8/2007 của Bộ GDĐT.

#### **4. Đổi mới phương pháp dạy học và đổi mới kiểm tra, đánh giá**

a) Chỉ đạo đổi mới phương pháp dạy học (PPDH):

- Những yêu cầu quan trọng trong đổi mới PPDH là:

+ Phát huy tính tích cực, hứng thú trong học tập của học sinh và vai trò chủ đạo của giáo viên;

+ Thiết kế bài giảng khoa học, sắp xếp hợp lý hoạt động của giáo viên và học sinh, thiết kế hệ thống câu hỏi hợp lý, tập trung vào trọng tâm, tránh nặng nề quá tải (nhất là đối với bài dài, bài khó, nhiều kiến thức mới); bồi dưỡng năng lực độc lập suy nghĩ, vận dụng sáng tạo kiến thức đã học, tránh thiên về ghi nhớ máy móc không nắm vững bản chất;

+ Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học, khuyến khích sử dụng hợp lý công nghệ thông tin, sử dụng các phương tiện nghe nhìn, thực hiện đầy đủ thí nghiệm, thực hành, liên hệ thực tế trong giảng dạy phù hợp với nội dung từng bài học;

+ Giáo viên sử dụng ngôn ngữ chuẩn xác, trong sáng, sinh động, dễ hiểu, tác phong thân thiện, khuyến khích, động viên học sinh học tập, tổ chức hợp lý cho học sinh làm việc cá nhân và theo nhóm;

+ Dạy học sát đối tượng, coi trọng bồi dưỡng học sinh khá giỏi và giúp đỡ học sinh học lực yếu kém.

- Đối với các môn học: Mĩ thuật, Âm nhạc (THCS), Thể dục (THCS, THPT) cần coi trọng truyền thụ kiến thức, kỹ năng, bồi dưỡng hứng thú học tập, không quá thiên về đánh giá thành tích theo yêu cầu đào tạo chuyên ngành hoạ sỹ, nhạc sỹ, vận động viên.

- Tăng cường chỉ đạo đổi mới PPDH thông qua công tác bồi dưỡng giáo viên và dự giờ thăm lớp của giáo viên, tổ chức rút kinh nghiệm giảng dạy ở các tổ chuyên môn, hội thảo cấp trường, cụm trường, địa phương, hội thi giáo viên giỏi các cấp.

b) Đổi mới kiểm tra, đánh giá (KTĐG):

- Những yêu cầu quan trọng trong đổi mới KTĐG là:

+ Giáo viên đánh giá sát đúng trình độ học sinh với thái độ khách quan, công minh và hướng dẫn học sinh biết tự đánh giá năng lực của mình;

+ Cần kết hợp một cách hợp lý hình thức tự luận với hình thức trắc nghiệm khách quan trong KTĐG kết quả học tập của học sinh, chuẩn bị tốt cho việc đổi mới các kỳ thi theo chủ trương của Bộ GDĐT.

+ Thực hiện đúng quy định của Quy chế Đánh giá, xếp loại học sinh THCS, học sinh THPT do Bộ GDĐT ban hành, tiến hành đủ số lần kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ, kiểm tra học kỳ cả lý thuyết và thực hành.

- Đổi mới đánh giá các môn Mĩ thuật, Âm nhạc (THCS), Thể dục (THCS, THPT): Thực hiện đánh giá bằng điểm hoặc bằng nhận xét kết quả học tập theo quy định tại Quy chế Đánh giá, xếp loại học sinh THCS, học sinh THPT sửa đổi.

c) Đối với một số môn khoa học xã hội và nhân văn như: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí, Giáo dục công dân, cần coi trọng đổi mới PPDH, đổi mới KTĐG theo hướng hạn chế chỉ ghi nhớ máy móc, không nắm vững kiến thức, kỹ năng môn học. Trong quá trình dạy học, cần từng bước đổi mới KTĐG bằng cách nêu vấn đề mở, đòi hỏi học sinh phải vận dụng tổng hợp kiến thức, kỹ năng và biểu đạt chính kiến của bản thân.

d) Từ năm học 2008-2009, tập trung chỉ đạo đánh giá sâu hiệu quả dạy học của môn Giáo dục công dân để tiếp tục đổi mới PPDH, KTĐG nhằm nâng cao chất lượng môn học này (có hướng dẫn riêng).

**5. Thực hiện các nội dung giáo dục địa phương (hướng dẫn tại công văn số 5977/BGDĐT-GDTrH ngày 07/7/2008)**

## **II. NHỮNG VẤN ĐỀ CỤ THỂ CỦA MÔN VẬT LÝ**

### **1. Đổi mới phương pháp dạy học và đổi mới kiểm tra, đánh giá**

a) Đổi mới phương pháp dạy học:

- Phát huy tính tích cực, hứng thú trong học tập của học sinh và vai trò chủ đạo của giáo viên;

- Thiết kế bài giảng khoa học, sắp xếp hợp lý hoạt động của giáo viên và học sinh, thiết kế hệ thống câu hỏi hợp lý, tập trung vào trọng tâm, tránh nặng nề quá tải (nhất là đối

với các bài dài, bài khó, nhiều kiến thức mới); bồi dưỡng năng lực độc lập suy nghĩ, vận dụng sáng tạo kiến thức đã học, tránh thiên về ghi nhớ máy móc, không nắm vững bản chất;

- Tăng cường tập huấn nâng cao năng lực sử dụng thiết bị thí nghiệm biểu diễn và thí nghiệm thực hành. Sử dụng tối đa và có hiệu quả các thiết bị dạy học và phòng học bộ môn. Tổ chức sinh hoạt chuyên đề sử dụng thiết bị dạy học, khuyến khích tự làm đồ dùng dạy học, cải tiến phương án thí nghiệm phù hợp với từng bài học;

- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học, khuyến khích sử dụng hợp lý các phần mềm, thí nghiệm mô phỏng, tư liệu thiết bị dạy học điện tử, sử dụng các phương tiện nghe nhìn, thực hiện đầy đủ thí nghiệm, thực hành, tích hợp giáo dục bảo vệ môi trường, liên hệ thực tế trong giảng dạy phù hợp với nội dung từng bài học;

- Sử dụng ngôn ngữ chuẩn xác, trong sáng, sinh động, dễ hiểu, tác phong thân thiện, coi trọng việc khuyến khích động viên học sinh học tập, tổ chức hợp lý cho học sinh làm việc cá nhân và theo nhóm;

- Dạy học sát đối tượng, coi trọng bồi dưỡng học sinh khá giỏi và giúp đỡ học sinh học lực yếu kém.

- Tăng cường chỉ đạo đổi mới PPDH thông qua công tác bồi dưỡng giáo viên và thông qua việc dự giờ thăm lớp của giáo viên, tổ chức rút kinh nghiệm giảng dạy ở tổ chuyên môn, hội thảo cấp trường, cụm trường, địa phương, hội thi giáo viên giỏi các cấp.

b) Đổi mới kiểm tra, đánh giá:

- Đánh giá sát đúng trình độ học sinh với thái độ khách quan, công minh và hướng dẫn học sinh tự đánh giá năng lực của mình.

- Trong quá trình dạy học, cần kết hợp một cách hợp lý hình thức tự luận với hình thức trắc nghiệm khách quan trong kiểm tra đánh giá kết quả học tập của học sinh, chuẩn bị tốt cho việc đổi mới các kỳ thi theo chủ trương của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Thực hiện đúng quy định của Quy chế đánh giá, xếp loại học sinh THCS, học sinh THPT do Bộ GDĐT ban hành, đủ số lần kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ, kiểm tra học kỳ cả lý thuyết và thực hành.

- Trong quá trình dạy học, cần hạn chế ghi nhớ máy móc, học thuộc nhưng không nắm vững kiến thức, kỹ năng môn học.

- Các bài thực hành trong chương trình, học sinh đều phải thực hiện và viết báo cáo. Trong mỗi học kỳ, chỉ đánh giá tối đa 1 bài thực hành tính điểm hệ số 2. Việc chọn các bài thực hành để đánh giá tính điểm hệ số 2 là do tổ chuyên môn quy định. Các bài thực hành khác có thể đánh giá cho điểm tính hệ số 1.

- Đánh giá bài thực hành của học sinh bao gồm 2 phần:

+ Phần đánh giá kỹ năng thực hành, kết quả thực hành;

+ Phần đánh giá báo cáo thực hành.

Điểm của bài thực hành bằng trung bình cộng điểm của hai phần trên.

## **2. Hướng dẫn xây dựng PPCT**

Căn cứ vào kế hoạch giáo dục và KPPCT để xây dựng phân phối chương trình cho môn học:

a) Đảm bảo số tiết tối thiểu trong khung phân phối chương trình để lập kế hoạch dạy học cho hợp lý; thống nhất hoàn thành chương trình theo đúng thời gian cho mỗi học kỳ và cả năm học;

b) Sắp xếp các tiết thực hành một cách hợp lý để sử dụng tối đa các trang thiết bị dạy học, phòng học bộ môn, phòng thí nghiệm.



## B. KHUNG PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH

### LỚP 10

**Cả năm: 37 tuần = 70 tiết**

**Học kì I: 19 tuần = 36 tiết**

**Học kì II: 18 tuần = 34 tiết**

### HỌC KÌ I

Nội dung	Tổng số tiết	Lí thuyết	Thực hành	Bài tập, ôn tập
Chương I. Động học chất điểm	14	10	2	2
Chương II. Động lực học chất điểm	11	8	2	1
Chương III. Cân bằng và chuyển động của vật rắn	9	8		1
Kiểm tra 1 tiết (học xong chương I)	1			
Kiểm tra học kì I	1			
<b>Tổng số tiết trong học kì</b>	<b>36</b>			

### HỌC KÌ II

Nội dung	Tổng số tiết	Lí thuyết	Thực hành	Bài tập, ôn tập
Chương IV. Các định luật bảo toàn	10	8		2
Chương V. Chất khí	6	5		1
Chương VI. Cơ sở của nhiệt động lực học	4	3		1
Chương VII. Chất rắn và chất lỏng. Sự chuyển thể	12	8	2	2
Kiểm tra 1 tiết (học xong chương V)	1			
Kiểm tra học kì II	1			
<b>Tổng số tiết trong học kì</b>	<b>34</b>			

## LỚP 10 (Nâng cao)

Cả năm: 37 tuần = 87 tiết

Học kì I: 19 tuần = 36 tiết

Học kì II: 18 tuần = 51 tiết

### HỌC KÌ I

Nội dung	Tổng số tiết	Lí thuyết	Thực hành	Bài tập, ôn tập
Chương I. Động học chất điểm	17	11	2	4
Chương II. Động lực học chất điểm. Các lực trong cơ học	17	11	2	4
Kiểm tra 1 tiết (học xong chương I)	1			
Kiểm tra học kì I	1			
<b>Tổng số tiết trong học kì</b>	<b>36</b>			

### HỌC KÌ II

Nội dung	Tổng số tiết	Lí thuyết	Thực hành	Bài tập, ôn tập
Chương III. Tĩnh học vật rắn	8	4	2	2
Chương IV. Các định luật bảo toàn	13	10		3
Chương V. Cơ học chất lưu	3	3		
Chương VI. Chất khí	7	5		2
Chương VII. Chất rắn và chất lỏng. Sự chuyển thể	11	8	2	1
Chương VIII. Cơ sở của nhiệt động lực học	6	5		1
Kiểm tra 1 tiết (học xong chương IV)	1			
Kiểm tra 1 tiết (học xong chương VI)	1			
Kiểm tra học kì II	1			
<b>Tổng số tiết trong học kì</b>	<b>51</b>			

## LỚP 11

**Cả năm: 37 tuần = 70 tiết**

**Học kì I: 19 tuần = 37 tiết**

**Học kì II: 18 tuần = 33 tiết**

### HỌC KÌ I

<b>Nội dung</b>	<b>Tổng số tiết</b>	<b>Lí thuyết</b>	<b>Thực hành</b>	<b>Bài tập, ôn tập</b>
Chương I. Điện tích. Điện trường	10	7		3
Chương II. Dòng điện không đổi	13	8	2	3
Chương III. Dòng điện trong các môi trường	12	8	2	2
Kiểm tra 1 tiết (học xong chương II)	1			
Kiểm tra học kì I	1			
<b>Tổng số tiết trong học kì</b>	<b>37</b>			

### HỌC KÌ II

<b>Nội dung</b>	<b>Tổng số tiết</b>	<b>Lí thuyết</b>	<b>Thực hành</b>	<b>Bài tập, ôn tập</b>
Chương IV. Từ trường	6	4		2
Chương V. Cảm ứng điện từ	6	4		2
Chương VI. Khúc xạ ánh sáng	4	2		2
Chương VII. Mắt. Các dụng cụ quang	15	8	2	5
Kiểm tra 1 tiết (học xong chương V)	1			
Kiểm tra học kì II	1			
<b>Tổng số tiết trong học kì</b>	<b>33</b>			

## LỚP 11 (Nâng cao)

Cả năm: 37 tuần = 87 tiết

Học kì I: 19 tuần = 36 tiết

Học kì II: 18 tuần = 51 tiết

### HỌC KÌ I

Nội dung	Tổng số tiết	Lí thuyết	Thực hành	Bài tập, ôn tập
Chương I. Điện tích điện trường	12	8		4
Chương II. Dòng điện không đổi	13	7	2	4
Chương III. Dòng điện trong các môi trường	9	7		2
Kiểm tra 1 tiết (học xong chương II)	1			
Kiểm tra học kì I	1			
<b>Tổng số tiết trong học kì</b>	<b>36</b>			

### HỌC KÌ II

Nội dung	Tổng số tiết	Lí thuyết	Thực hành	Bài tập, ôn tập
Chương III. Dòng điện trong các môi trường (tiếp theo)	7	4	2	1
Chương IV. Từ trường	13	9	2	2
Chương V. Cảm ứng điện từ	8	6		2
Chương VI. Khúc xạ ánh sáng	5	2		3
Chương VII. Mắt. Các dụng cụ quang	15	8	2	5
Kiểm tra 1 tiết (học xong chương IV)	1			
Kiểm tra 1 tiết (học xong chương VI)	1			
Kiểm tra học kì II	1			
<b>Tổng số tiết trong học kì</b>	<b>51</b>			

## LỚP 12

Cả năm: 37 tuần = 70 tiết

Học kì I: 19 tuần = 35 tiết

Học kì II: 18 tuần = 35 tiết

### HỌC KÌ I

Nội dung	Tổng số tiết	Lí thuyết	Thực hành	Bài tập, ôn tập
Chương I. Dao động cơ	11	6	2	3
Chương II. Sóng cơ và sóng âm	8	6		2
Chương III. Dòng điện xoay chiều	14	8	2	4
Kiểm tra 1 tiết (học xong chương II)	1			
Kiểm tra học kì I	1			
<b>Tổng số tiết trong học kì</b>	<b>35</b>			

### HỌC KÌ II

Nội dung	Tổng số tiết	Lí thuyết	Thực hành	Bài tập, ôn tập
Chương IV. Dao động và sóng điện từ	5	4		1
Chương V. Sóng ánh sáng	9	5	2	2
Chương VI. Lượng tử ánh sáng	7	5		2
Chương VII. Hạt nhân nguyên tử	9	7		2
Chương VIII. Từ vi mô đến vĩ mô	3	2		1
Kiểm tra 1 tiết (học xong chương V)	1			
Kiểm tra học kì II	1			
<b>Tổng số tiết trong học kì</b>	<b>35</b>			

## LỚP 12 (Nâng cao)

Cả năm: 37 tuần = 105 tiết

Học kì I: 19 tuần = 56 tiết

Học kì II: 18 tuần = 49 tiết

### HỌC KÌ I

Nội dung	Tổng số tiết	Lí thuyết	Thực hành	Bài tập, ôn tập
Chương I. Động lực học vật rắn	8	6		2
Chương II. Dao động cơ	13	8	2	3
Chương III. Sóng cơ	11	7	2	2
Chương IV. Dao động và sóng điện từ	7	6		1
Chương V. Dòng điện xoay chiều	14	9	2	3
Kiểm tra 1 tiết (học xong chương I)	1			
Kiểm tra 1 tiết (học xong chương III)	1			
Kiểm tra học kì I	1			
<b>Tổng số tiết trong học kì</b>	<b>56</b>			

### HỌC KÌ II

Nội dung	Tổng số tiết	Lí thuyết	Thực hành	Bài tập, ôn tập
Chương VI. Sóng ánh sáng	14	9	2	3
Chương VII. Lượng tử ánh sáng	11	8		3
Chương VIII. Sơ lược về thuyết tương đối hẹp	3	2		1
Chương IX. Hạt nhân nguyên tử	12	9		3
Chương X. Từ vi mô đến vĩ mô	6	5		1
Kiểm tra 1 tiết (học xong chương VII)	1			
Kiểm tra 1 tiết (học xong chương IX)	1			
Kiểm tra học kì II	1			
<b>Tổng số tiết trong học kì</b>	<b>49</b>			